

IX

468B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

MAR 19 2002

CURRENT SERIALS

7

3-2002

Digitized by Google



Đăng kiểm viên kiểm tra thiết kế vỏ tuyến trên tàu thủy

I - KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

- Cấp giấy chứng nhận cho 22.490 phương tiện cơ giới đường bộ nhập khẩu ;
- Kiểm tra chứng nhận chất lượng cho 975 kiểu mô tô, xe máy và 250 kiểu loại ô tô sản xuất, lắp ráp mới ;
- Thẩm định thiết kế cho 570 kiểu loại sản phẩm phương tiện cơ giới đường bộ ;
- Kiểm chuẩn 466 đầu thiết bị phụ tùng ô tô, xe máy của 66 doanh nghiệp ;
- Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cho 196 loại phụ tùng: 119 kiểu khung mô tô, xe máy, 77 động cơ mô tô, xe máy ;
- Kiểm tra và chứng nhận chất lượng 1.715.921 mũ bảo hiểm (315 loại).

II - GIÁM SÁT KỸ THUẬT PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

- Đăng ký kỹ thuật cho 3.257 phương tiện thủy nội địa.

III - GIÁM SÁT KỸ THUẬT, PHẦN CẤP CÔNG TRÌNH BIỂN

- Duyệt 3 bộ thiết kế của 3 dự án khai thác dầu lớn : Nam Côn Sơn, CPC3 ; Rạng Đông - Bạch Hổ ;
- Giám sát chế tạo chân đế và thượng tầng giàn khoan Lan Tây
- Giám sát định kỳ các tàu chứa dầu, giàn khoan di động, các giàn cố định mỏ Bạch Hổ ;

IV - VR GIÁM SÁT KỸ THUẬT TÀU BIỂN

- Phân cấp 986 tàu biển, với tổng dung tích 719,499 GT, tổng trọng tải 1.098 tấn ;
- Thực hiện 1.537 lượt kiểm tra kỹ thuật tàu biển (355 lượt tàu chạy tuyến quốc tế) ;
- Kiểm tra tàu mang cấp đăng kiểm nước ngoài : 267 lượt ;

V - KIỂM TRA, CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

- Kiểm tra, cấp mới giấy chứng nhận cho 40 trạm thử nghiệm, phòng thí nghiệm, các cơ sở chế tạo ;
- Kiểm tra, chứng nhận 1.369 tấn que hàn của 6 cơ sở sản xuất que hàn ;
- Cấp chứng chỉ cho 217 thợ hàn ;
- Giám sát, chứng nhận cho 2 loại container đóng mới trong nước ;
- Kiểm tra 1.240 sản phẩm công nghiệp các loại ;
- Kiểm tra gần 1.500 xe, máy thi công.



CÔNG TY XI MĂNG
BİM SƠN
Bimson cement company



THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

- Từ năm 1988 được cấp dấu chất lượng cấp I Nhà nước
- Từ 1991 đến nay : Bộ xây dựng chứng nhận và tặng cờ sản phẩm chất lượng cao.
- Từ 1990 đến nay liên tục được cấp huy chương Vàng Hội chợ Quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam.
- Từ 1994 - 1999 được cấp chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn.
- Ủy ban Quốc tế của tổ chức BID (có trụ sở tại Thủ đô MADRIT - TAYBANNHA) đã tặng thưởng "Sao vàng Quốc tế" về tinh thần tập thể và chất lượng sản phẩm cho Công ty xi măng Bim Son.
- Được tặng thưởng giải thưởng Vàng chất lượng Việt Nam năm 2000.
- Được cấp chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao 5 năm liên 1997, 1998, 1999, 2000 và 2001" do người tiêu dùng bình chọn.
- Được cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002.

CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

- TTGDTT TX Bim Son, T. Hòa : Tel : 037.824.214
- CN Hà Tĩnh : Tel : 039.855.492
- CN Nghệ An : Tel : 038.853.107
- CN Ninh Bình : Tel : 030.871.002

- Các đơn vị tiêu thụ số lượng lớn xi măng Bim Son :

- Công ty VTKT xi măng : Tel : 048.642.315
- Tổng đại lý tại Đà Nẵng : Tel : 0511.821.491
- Tổng đại lý Huế (C ty XM Thạch cao Huế) : Tel : 054.825.492
- Công ty cổ Ván phồng đại diện tại Thị trấn Lạc Sao - Tỉnh Phụng Khâm Xay nước CHDCND Lào : Tel : 0086 054341371 ; Fax : 0086 054.341.370.

Xi măng Bim Son mang nhãn hiệu CON VOI là niềm tin cho người sử dụng và là niềm tự hào của những công trình.

- Chi nhánh Nam Định : Tel : 0350.847.317
- Chi nhánh Thanh Hóa : Tel : 037.852.180
- Chi nhánh Thái Bình : Tel : 036.836.570



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

NÔNG ĐỨC MẠNH - Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật để
đưa ra được những quyết sách đúng đắn 3

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

TRẦN ĐÌNH HOAN - Luân chuyển cán bộ - khâu đột phá nhằm xây
dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ngang tầm thời kỳ phát
triển mới 6

LÊ ĐỨC BÌNH - Để thực hiện tốt chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh
đạo và quản lý 13

TÀO HỮU PHÙNG - Nâng cao hiệu quả sắp xếp và đổi mới doanh
nghiệp nhà nước 18

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN DUY QUÝ - Chủ nghĩa xã hội - mùa xuân nhân loại 23

TRẦN QUANG NHIẾP - Chủ nghĩa xã hội - thách thức và triển vọng 26

PHẠM MẠNH HÙNG - Y đức và vấn đề nâng cao y đức 31

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

TRỊNH NGỌC HUYỀN - Đổi mới công tác biên phòng đáp ứng yêu cầu
nhiệm vụ mới 38

TRƯƠNG MINH DỤC - Quản lý, sử dụng đất nông nghiệp ở
Tây Nguyên - nhìn từ thực tiễn 44

NGUYỄN THÚY ANH - Một huyện đi lên từ chuyển dịch cơ cấu kinh tế 50

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NGUYỄN TRỌNG THỤ - Những việc làm "đột phá" 55

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGUYỄN HOÀNG GIÁP - Nhìn lại thế giới năm 2001 57

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

- Hội nghị toàn quốc "Triển khai thực hiện Nghị quyết lần thứ ba
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX" 62

- Lễ phát hành chính thức Tạp chí Cộng sản trên mạng In-tơ-nét 63

- Đoàn cán bộ Tạp chí Cộng sản và Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng thăm,
chúc Tết các đơn vị Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn 64

THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 636

7

3-2002

BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,

Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : (04) 9422061

Fax : (04) 8222846

Cơ quan thường trú

ở miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,

Q. 3 Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 8225768

Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

Email: bttccs@hn.vnn.vn

TỔNG BIÊN TẬP :

VŨ VĂN HIỀN



Bìa 1 : Khí thế đầu xuân của
ngư dân Cà Mau

7
3-2002

СОДЕРЖАНИЕ

НОНГ ДЫК МАНЬ: Смотреть прямо на правду, расценивать разумно правду чтобы внести верные решения. ЧАН ДИНЬ ХОАН: Кадровое обращение – прорывное звено в создании контингента руководящих кадров и менеджеров, стоящих на уровне нового периода развития. ЛЕ ДЫК БИНЬ: За лучшее выполнение линии по обращению руководящих кадров и менеджеров. ТАО ХЫУ ФУНГ: Повышать эффективность налаживания и обновления государственных предприятий. НГУЕН ЗУЙ КУЙ: Социализм – весна человечества. ЧАН КУАНГ НЬЕП: Социализм – вызовы и перспективы. ФАМ МАНЬ ХУНГ: мораль медицины и проблема её повышения. ЧИНЬ НГОК ХУЭН: Обновлять пограничные работы чтобы удовлетворить новые требования и задачи. НГУЕН ХОАНГ ЗАП: Ретроспективный взгляд на мир в 2001ом году.

CONTENTS

NÔNG ĐỨC MẠNH: To look straight at the truth, to estimate rightly the truth in order to issue correct solutions. TRẦN ĐÌNH HOAN: The circulation of cadres – a break - through chain in the formation of a contingent of leading and managing cadres who stand at the level of the new developmental period. LÊ ĐỨC BÌNH: In order to fulfill well the policy of circulation of leading and managing cadres. TÀO HỮU PHỤNG: To enhance efficiency of the arrangement and renovation of the state enterprises. NGUYỄN DUY QUÝ: Socialism – spring of mankind. TRẦN QUANG NHIẾP: Socialism – the challenges and prospects. PHẠM MẠNH HÙNG: Medicians' morals and the problem of its enhancement. TRỊNH NGỌC HUYỀN: To renovate the frontier works to satisfy the new demands and tasks. NGUYỄN HOÀNG GIÁP: A retrospective look at the World in 2001.

SOMMAIRE

NÔNG ĐỨC MẠNH: Evaluer la réalité à sa juste mesure pour prendre les décisions appropriées. TRẦN ĐÌNH HOAN: Mutation des cadres - une brèche à ouvrir dans l'édification du contingent de dirigeants et gestionnaires à la hauteur de la nouvelle étape de développement. LÊ ĐỨC BÌNH: Pour bien mener la mutation des dirigeants et gestionnaires. TÀO HỮU PHỤNG: Améliorer l'organisation et le renouveau des entreprises d'Etat. NGUYỄN DUY QUÝ: Le socialisme - le printemps de l'humanité. TRẦN QUANG NHIẾP: Le socialisme - défis et perspectives. PHẠM MẠNH HÙNG: Rehausser la déontologie médicale. TRỊNH NGỌC HUYỀN: Rénover la défense frontalière à la hauteur des nouvelles exigences. NGUYỄN HOÀNG GIÁP: Le monde en 2001: regard rétrospectif.

SUMARIO

NÔNG ĐỨC MẠNH: Reconocer la realidad, evaluar correctamente la realidad para poder proponer las correctas políticas decisivas. TRẦN ĐÌNH HOAN: Circulación de cuadros - un nudo de brecha para edificar un contingente de cuadros directores y administrativos a la altura de la época del nuevo desarrollo. LÊ ĐỨC BÌNH: Con el fin de realizar bien la circulación de cuadros directores y administrativos. TÀO HỮU PHỤNG: Mejorar la efectividad de la reestructuración y renovación de las empresas estatales. NGUYỄN DUY QUÝ: El socialismo - primavera de la humanidad. TRẦN QUANG NHIẾP: El socialismo - desafíos y perspectivas. PHẠM MẠNH HÙNG: Deontología médica y el problema de elevarla. TRỊNH NGỌC HUYỀN: Renovar el trabajo de Guardia de fronteras para responder a las demandas de las nuevas tareas. NGUYỄN HOÀNG GIÁP: Una vista retrospectiva del mundo en 2001.

目录

• 农德孟: 正视事实 正确地评价事实以便提出正确的决策 • 陈庭欢: 干部的轮换是建立相当于新发展时期的领导、管理干部队伍的突破口 • 黎德平: 妥善落实领导、管理干部轮换主张 • 曹友冯: 提高配置和革新国有企业的效果 • 阮维贵: 社会主义—人类的春天 • 陈光挺: 社会主义—挑战和展望 • 范孟雄: 医德和提高医德的问题 • 郑玉玄: 革新边防工作以适应新任务的要求 • 阮黄甲: 回顾2001年世界形势。

**NHÌN THẲNG VÀO SỰ THẬT,
ĐÁNH GIÁ ĐÚNG SỰ THẬT
ĐỂ ĐƯA RA ĐƯỢC
NHỮNG QUYẾT SÁCH ĐÚNG ĐẮN ***

Đồng chí NÔNG ĐỨC MẠNH
Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương
Đảng Cộng sản Việt Nam



* Bài phát biểu khai mạc Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.
Đầu đề của Tạp chí Cộng sản

Thưa các đồng chí,

Thực hiện chương trình công tác toàn khóa của Trung ương, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng sẽ bàn và ra quyết định về các vấn đề sau :

- Phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã ; kinh tế tư nhân ;
- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn ;
- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở ;
- Công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới.

Hội nghị cũng sẽ nghe báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư từ sau Đại hội IX đến hết năm 2001.

Những vấn đề mà Hội nghị Trung ương phải giải quyết lần này đều là những vấn đề lớn, hệ trọng, có tính chất vừa cơ bản vừa cấp bách, đã được xác định trong các văn kiện Đại hội IX, nay cần được cụ thể hóa và phát triển thêm để nhanh chóng đưa vào cuộc sống, góp phần tạo nên những chuyển biến mới tích cực trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội ở nước ta.

Phát triển *kinh tế hợp tác và hợp tác xã* là vấn đề hết sức quan trọng trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đã được khẳng định trong nhiều nghị quyết của Đảng, đã có Luật của Quốc hội và các nghị định của Chính phủ về vấn đề này. Hội nghị Trung ương lần này có nhiệm vụ tổng kết tình hình phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã, chủ yếu tập trung vào giai đoạn 1996 - 2000, đánh giá đúng thực trạng tình hình và các nguyên nhân, trên cơ sở đó, đề ra các quan điểm chỉ đạo và các giải pháp cần thiết để tiếp tục củng cố, đẩy mạnh phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong thời gian tới,

thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng : *làm cho kinh tế tập thể* phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó, hợp tác xã là nòng cốt ; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Phát triển *kinh tế tư nhân* (gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân) là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần của nước ta. Hội nghị lần này cần đánh giá đúng tình hình phát triển kinh tế tư nhân thời gian qua, định rõ phương hướng và các giải pháp tiếp tục phát triển kinh tế tư nhân trong thời gian tới để kinh tế tư nhân thực sự là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân, góp phần cùng với kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nâng cao nội lực của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Tiếp theo Hội nghị Trung ương 3 quyết định tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, cũng tức là phát triển kinh tế nhà nước nói chung, Hội nghị Trung ương lần này giải quyết đúng đắn vấn đề phát triển kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân sẽ là đóng góp có ý nghĩa đối với việc hoàn chỉnh chính sách phát triển, không riêng cho từng thành phần kinh tế mà cho tổng thể nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Cùng với việc phát triển các thành phần kinh tế, vấn đề *công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn* đang được đặt ra một cách bức xúc, bao gồm cả phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn, gắn công nghiệp hóa với hiện đại hóa, gắn các nội dung về kinh tế với các nội dung về

văn hóa, xã hội. Để làm được điều đó, cần đánh giá đúng thực trạng nông nghiệp và nông thôn hiện nay, xác định rõ quan điểm, phương hướng, mục tiêu và các giải pháp nhằm tạo ra bước phát triển nhanh của nông nghiệp và nông thôn trong thời gian tới, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chung công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Vấn đề đổi mới, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở được đặt ra tại Hội nghị Trung ương lần này như là một đòi hỏi bức bách trong giai đoạn mới của sự phát triển đất nước. Cơ sở được đề cập ở đây là xã, phường và thị trấn. Hệ thống chính trị ở cơ sở bao gồm tổ chức đảng ở cơ sở, chính quyền cơ sở, mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở. Chúng ta không chỉ xác định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của từng tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở mà còn phải giải quyết tốt vấn đề cán bộ cơ sở, nhất là về chính sách đối với cán bộ cơ sở, việc bồi dưỡng, đào tạo và nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ này và sự chỉ đạo của các cấp đối với cơ sở, nhằm tạo ra cho hệ thống chính trị ở cơ sở một sức mạnh mới, những khả năng mới trong việc hoàn thành nhiệm vụ, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân được thể hiện một cách rõ ràng và đầy đủ nhất ở cơ sở.

Vấn đề quan trọng nữa được đặt ra trong Hội nghị lần này là *công tác tư tưởng, lý luận của Đảng trong tình hình mới*. Hội nghị Trung ương sẽ xem xét một cách toàn diện tình hình tư tưởng và công tác tư tưởng, lý luận của Đảng trong thời gian qua, đánh giá đúng những thành tựu và khuyết điểm, phân tích rõ nguyên nhân, xác định

phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp để kịp thời phát huy ưu điểm, khắc phục những yếu kém và bất cập, nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả, sức chiến đấu, khả năng dẫn dắt và định hướng của công tác tư tưởng, lý luận làm cho công tác tư tưởng, lý luận thực sự là công tác của toàn Đảng, luôn xứng đáng với vai trò tiên phong trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, giải đáp được những vấn đề mới đặt ra về lý luận và thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học vững chắc cho việc xác định đúng đắn, sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ; động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tâm, nhất trí hăng hái tiến lên hoàn thành những nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới.

Thưa các đồng chí,

Về các vấn đề nêu trên, các bản đề án và dự thảo nghị quyết trình Hội nghị Trung ương đều được chuẩn bị công phu. Song do các vấn đề được nêu đều là những vấn đề lớn, rất hệ trọng cho nên tôi đề nghị các đồng chí Trung ương làm việc hết sức khẩn trương, với tinh thần trách nhiệm cao, tập trung tư tưởng, phát huy dân chủ và trí tuệ tập thể, phân tích và đánh giá tình hình trong tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, thẳng thắn nêu lên các vấn đề cần tranh luận để đi đến chân lý, tập trung thảo luận vào những vấn đề mấu chốt, trọng tâm, đưa ra được những quyết sách đúng đắn cho từng vấn đề, bảo đảm thành công của Hội nghị, đáp ứng được lòng mong muốn của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX. □



LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ -

khâu đột phá nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo,
quản lý ngang tầm thời kỳ phát triển mới

TRẦN ĐÌNH HOAN *

- 1 -

BƯỚC vào thế kỷ XXI, khi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước càng phát triển một cách toàn diện cả về quy mô, tính chất và chiều sâu thì thực tiễn càng cấp bách đòi hỏi chúng ta phải lựa chọn một sự đột phá, có tính chất quyết định trong công tác cán bộ, nhằm tạo lập cho kỳ được một đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, bảo đảm ngang tầm nhiệm vụ cách mạng mới. Trong vô vàn những đòi hỏi gay gắt của công tác cán bộ, vấn đề **luân chuyển cán bộ** nổi lên như một nhiệm vụ quan trọng và bức thiết, đã và đang đặt ra những vấn đề nóng bỏng, mà chúng ta cần phải quyết định lựa chọn, nắm chắc lấy và tập trung sức đủ mạnh, giải quyết hiệu quả nhằm phá vỡ thế bị động, trì trệ, có phần cục bộ hiện nay. Chính vì lẽ đó, xuất phát từ yêu cầu phát triển nóng bỏng của thực tiễn, trên cơ sở kế thừa kinh nghiệm truyền thống từ lịch sử, nhất là kinh nghiệm về công tác cán bộ từ các Đại hội VI, VII, VIII và cụ thể hóa một bước Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã ra Nghị quyết "về việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý" các cấp nhằm giải

quết những vấn đề vừa cơ bản vừa cấp bách hiện nay như một *khâu đột phá có tính chiến lược* trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ngang tầm thời kỳ phát triển mới, thời kỳ tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ở thế kỷ XXI.

Nhưng cần phải nói ngay rằng, vấn đề luân chuyển cán bộ nói chung, cán bộ lãnh đạo, quản lý nói riêng, đối với chúng ta, hoàn toàn không phải là vấn đề mới mẻ. Bởi lẽ, kỳ thực, cách đây hơn chín trăm năm, cổ nhân chúng ta đã từng nói : Việc lớn trong chính trị của đế vương chẳng gì gấp bằng nhân tài và trọng dụng nhân tài ; hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, nguyên khí suy thì thế nước tàn.

Trải mấy nghìn năm dựng và giữ nước của ông cha ta, dù thăng trầm, thành bại tuy có lúc khác nhau và ở những mức độ khác nhau nhưng việc tôn trọng, sử dụng, rèn đúc nhân tài, nhất là những bậc tiền hiền nắm giữ nền móng, rường cột quốc gia ... trong công cuộc dựng và giữ nước đã trở thành những nét đẹp

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương

truyền thống lịch sử của dân tộc Việt Nam. Trong những phép dùng người đó, nổi bật lên thuật *luân quan* hay nói cách khác là *luân chuyển quan lại* một cách chủ động. Và việc này được chế định hóa một cách nghiêm ngặt và thống nhất, đặc biệt ở những triều đại thịnh trị. Có nhiều vị bảy, tám lần thăng giáng, chuyển chuyển; giữ lần lượt tám, chín chức vụ khác nhau. Có nhiều vị, cả cuộc đời chính sự của mình trải nghiệm và từng cai quản ở bốn, năm vùng đất khác nhau suốt dọc ngang đất nước; giữ trọng trách qua hai, ba bộ trong triều đình. Chính vì thế, dân tộc đã sản sinh ra, nuôi dưỡng và đào luyện nên lớp lớp bậc tuấn kiệt toàn năng, đủ sức nắm giữ và gánh vác trọng trách quốc gia, đốc lòng thao lược, tận tâm kinh bang tế thế ở mọi cấp, mọi phương diện, mà hiện nay chúng ta gọi là *cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp*. Đến lượt mình, những bậc kiệt hiệt ấy lại làm rạng rỡ lịch sử, tôn vinh vị thế và sức mạnh trường tồn của dân tộc chúng ta suốt mấy nghìn năm. Đó là những bậc anh kiệt văn võ song toàn, như: Lý Đạo Thành, Tô Hiến Thành, Lý Thường Kiệt..., thời nhà Lý; những trang tuấn kiệt lâm liệt sử xanh, như: Trần Hưng Đạo, Trần Nhật Duật, Mạc Đĩnh Chi, Lê Văn Hưu..., dưới triều Trần; những bậc kinh bang tế thế toàn năng, như: Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn, Lương Thế Vinh, Nguyễn Bình Khiêm, Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú..., thời nhà Lê; và vằng vặc những vị anh hùng, thức giả danh tiếng lẫy lừng dưới triều đại Tây Sơn Nguyễn Huệ, gồm: Nguyễn Thiếp, Ngô Thì Nhậm, Đặng Tiến Đông, Ngô Văn Sở, Bùi Thị Xuân...; v.v. và v.v.

Dưới thời đại Hồ Chí Minh, ngay từ khi thành lập và qua mọi thời kỳ cách mạng, Đảng ta hết sức coi trọng và quan tâm việc trọng dụng hiền tài nói chung và luân chuyển cán bộ nói riêng, xây dựng thành công một đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, trên mọi

phương diện bảo đảm tương thích với yêu cầu mới mẻ và trọng trách to lớn của sự nghiệp cách mạng nước ta. Đặc biệt, ngay từ khi chuẩn bị giành chính quyền và nhất là ở ngay những buổi đầu của chính quyền cách mạng non trẻ, một trong vô vàn đại sự mệnh hệ có ý nghĩa sinh tử đối với quốc gia là, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết hai bài nổi tiếng, mà có thể xem đây là những "chiếu cầu hiền tài" của cách mạng Việt Nam: "*Nhân tài và kiến quốc*" (14-1-1945) và "*Tìm người tài đức*" (20-11-1946). Đảng ta đã tập hợp, đào tạo được một đội ngũ cán bộ cách mạng hùng hậu, toàn diện. Thông qua luân chuyển một cách linh hoạt và mềm dẻo, được tôi luyện trong lò lửa cách mạng, không ngừng trưởng thành cùng cách mạng, toàn thể đội ngũ cán bộ của chúng ta đủ sức đứng mũi chịu sào trước lịch sử, gánh vác và hoàn thành xuất sắc những trọng trách do cách mạng và nhân dân giao phó. Trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của cách mạng, bên cạnh những lãnh tụ xuất sắc của Đảng, ngời lên rạng rỡ những gương mặt nhân sĩ trí thức tiêu biểu và những nhà khoa học kiêm nhà quản lý tài ba.

Xem vậy, không chỉ muôn bậc tiền hiền của chúng ta mà nhìn qua mọi triều đại, trải suốt mọi thời gian, từ xưa tới nay tất cả đều cho thấy, việc trọng dụng nhân tài luôn được coi là quốc sách chiến lược, là mưu kế căn bản, là bài học thành bại để tính cuộc phồn thịnh vững bền của quốc gia dân tộc Việt Nam. Nói một cách khái lược, ở thời nào cũng thế, việc trọng dụng nhân tài nói chung, vấn đề luân quan của ông cha ta thuở xưa hoặc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý hiện nay nói riêng, luôn được xem trọng và chủ động thực hành như *một công việc hệ trọng có tính quyết định tới sự hưng vong của quốc gia dân tộc*; và, *trở thành một nét truyền thống của nền văn hiến Việt Nam*. Nó luôn được duy trì, gìn giữ, kế thừa và phát triển không ngừng trải suốt

chiều dài hàng nghìn năm lịch sử của dân tộc chúng ta.

- 2 -

Công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo trải hơn 15 năm qua, đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong việc chuẩn bị hành trang để đất nước vững bước tiến vào thế kỷ XXI, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Một trong những nguyên nhân cơ bản tạo nên thành tựu đó, chính là chúng ta đã thực hiện tốt công tác cán bộ nói chung và công tác luân chuyển cán bộ nói riêng, nhất là luân chuyển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý một cách chủ động, phù hợp và hiệu quả. Nghị quyết các Đại hội VI, VII, VIII và IX của Đảng hết sức chú trọng, luôn dành một vị trí và sự nỗ lực xứng đáng giải quyết vấn đề này.

Hơn 15 năm đổi mới, nhất là mười năm trở lại đây, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã điều động, luân chuyển nhiều cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Trung ương quản lý từ địa phương lên trung ương, và ngược lại ; từ các cơ quan Đảng sang các cơ quan Nhà nước hoặc các đoàn thể chính trị, xã hội trong hệ thống chính trị, và ngược lại... không ngừng hình thành thế bố trí chiến lược trên tầm vĩ mô. Nhiều tỉnh, thành phố, bộ, ngành đã thực hiện tốt công tác quy hoạch, luân chuyển cán bộ nội bộ từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển trước mắt cũng như lâu dài. Những chuyển động đó đã đáp ứng một phần rất cơ bản yêu cầu phát triển của cả nước, của từng khu vực, từng địa phương ; qua đó, tạo môi trường và điều kiện tốt cho việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ ; được tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ. Nhờ đó và qua đó, đội ngũ cán bộ của chúng ta từng bước trưởng thành trên mọi phương diện, đủ sức gánh vác và hoàn thành những nhiệm vụ to lớn và nặng

nề của công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Kế thừa và phát triển những thành tựu và kinh nghiệm trong công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý giữa các vùng, các ngành, các cấp của 15 năm qua, Đại hội lần thứ IX (tháng 4-2001) của Đảng ta tiếp tục khẳng định : Thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy hoạch ở các ngành và địa phương. Có thể nói, đối với chúng ta hiện nay, vấn đề này hoàn toàn không phải là vấn đề mới mẻ. Nhưng, cần phải nói ngay rằng, cái mới ở đây là, chúng ta đặt và tiếp tục xử lý công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý ở *thời điểm* rất mới mẻ, trong một *bối cảnh* rất mới mẻ, với *nhận thức* mới mẻ và nhằm giải quyết những *nhiệm vụ* cũng hết sức mới mẻ. Đó là thời điểm bước ngoặt giữa hai thế kỷ, hai thiên kỷ với hàng loạt thời cơ to lớn cũng như thách thức ngặt nghèo mà sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong tư thế chủ động hội nhập kinh tế thế giới của chúng ta phải đối mặt gay gắt, cấp bách đòi hỏi phải giải quyết đúng đắn, hiệu quả, nếu không muốn đất nước tụt hậu xa hơn so với các nước khu vực và trên thế giới, trước hết về kinh tế, trong thế kỷ XXI. Cũng chính ở thời điểm này, hơn bao giờ hết, thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi công tác cán bộ của Đảng, của toàn bộ hệ thống chính trị và các lực lượng vũ trang phải không ngừng đổi mới một cách chủ động và kiên quyết, đủ sức đáp ứng với nhiệm vụ mới của cách mạng. Trong chính thể công tác cán bộ, mà trực tiếp là việc luân chuyển cán bộ phải nhằm tăng cường đào tạo, bồi dưỡng toàn diện và sử dụng có hiệu quả toàn bộ đội ngũ cán bộ. Đồng thời, qua đó tạo điều kiện, môi trường cho lớp cán bộ trẻ có triển vọng, cán bộ trong quy hoạch được rèn luyện trong thực tiễn, tạo nguồn cán bộ lâu dài cho đất nước. Và mặt khác, điểm

cấp bách nhất là, chủ động tăng cường cán bộ cho những lĩnh vực kinh tế, xã hội quan trọng, những địa bàn xung yếu, tiến tới khắc phục hiệu quả tình trạng cục bộ, cát cứ, khép kín, trì trệ trong công tác cán bộ và việc sắp xếp, bố trí cán bộ của từng ngành, từng địa phương, từng khu vực trong thể bố trí chiến lược thống nhất đội ngũ cán bộ của toàn bộ hệ thống chính trị nước ta.

Thời gian qua, tuy đạt được những tiến bộ nhất định nhưng phải thừa nhận rằng, việc luân chuyển cán bộ còn tồn tích không ít hạn chế, nhiều mặt bất cập, thậm chí tụt hậu so với tình hình mới. Chúng ta vẫn đang ở thế bị động trong việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch luân chuyển một cách dài hạn dẫn tới việc luân chuyển cán bộ thiếu thống nhất, đồng bộ và chưa hợp lý, mới chỉ đáp ứng yêu cầu trước mắt có tính chất tình thế. Nhất là, chúng ta chưa làm tốt công tác tư tưởng đối với các cán bộ được điều động ; do đó, chưa kịp thời uốn nắn những nhận thức chưa đúng đắn của một số cán bộ được điều động. Điều đáng nói nhất là, không ít nơi do lợi ích cục bộ, tâm lý khép kín theo kiểu "lãnh địa riêng", "bầu trời riêng" đã không nhiệt tình tạo những điều kiện tốt nhất để ủng hộ, giúp đỡ cán bộ được luân chuyển tới cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Cá biệt có đồng chí cán bộ lãnh đạo, quản lý nhân danh hoặc lợi dụng việc điều động, luân chuyển cán bộ để đưa ra khỏi cấp ủy, cơ quan những người không "hợp", không "thuộc cánh" với cá nhân mình. Mặt khác, cũng không ít cán bộ được luân chuyển tìm mọi cách né tránh, trì hoãn việc thực thi quyết định của cấp có thẩm quyền, vì suy tính cá nhân hoặc ngại khó, ngại khổ. Chung quanh vấn đề này, cũng phải thừa nhận rằng, các cấp có thẩm quyền, nhất là những cơ quan làm công tác tổ chức - cán bộ chưa xây dựng được sự thống nhất về nhận thức trong toàn thể đội ngũ cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng, sự cấp

thiết và ý nghĩa to lớn của việc luân chuyển cán bộ ; chưa xây dựng chiến lược luân chuyển cán bộ trong tổng thể công tác cán bộ phù hợp với tình hình mới ; chưa chủ động tiến hành thành nền nếp việc luân chuyển cán bộ trong hệ thống chính trị ; chưa hoạch định chính sách phù hợp bảo đảm cho việc luân chuyển cán bộ ; và, việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương trong Đảng nói riêng và trong hệ thống chính trị nói chung chưa nghiêm.

Toàn bộ những hạn chế, khiếm khuyết và yếu kém đó đã trực tiếp cản trở, phá vỡ thể bố trí chiến lược đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của chúng ta nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao, phức tạp và nặng nề do công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta đặt ra ; làm ảnh hưởng không tốt tới việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, trước hết trên tầm vĩ mô và trực tiếp ở không ít vùng trọng điểm, những cơ quan, đơn vị then chốt.

Do đó, có thể nói chưa bao giờ cấp bách như hiện nay, việc luân chuyển cán bộ càng phải được coi là *một trong những khâu đột phá có tính quyết định đối với việc xây dựng trên tầm chiến lược, có tính chất vĩ mô* đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của chúng ta ngang tầm nhiệm vụ cách mạng mới ; là *một trong những nhân tố quyết định, một bảo đảm thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa* của chúng ta, trước mắt trong tầm nhìn năm 2020 - thời điểm nước ta phấn đấu cơ bản trở thành một nước công nghiệp, như ***Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*** do Đảng ta hoạch định.

- 3 -

Bước vào năm thứ hai của thế kỷ XXI, trong sự vận động nhanh chóng và sự biến động khó lường của thế giới, sự nghiệp cách mạng nước ta đang đứng trước những thuận lợi to lớn, đồng thời phải đối mặt với những thách thức không nhỏ và giải quyết những nhiệm vụ

ngày càng to lớn, nặng nề và phức tạp chưa từng thấy, đòi hỏi chúng ta phải chủ động hơn nữa, năng động hơn nữa, kiên quyết hơn nữa và không ngừng sáng tạo hơn nữa trong công tác tổ chức - cán bộ. Do đó, việc luân chuyển cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý nhằm kịp thời đáp ứng những yêu cầu của thực tiễn, đối với chúng ta càng trở nên quan trọng, cấp bách, có ý nghĩa quyết định to lớn và sâu sắc. Có thể nói, sự thành, bại của công cuộc đổi mới hiện nay, một phần rất cơ bản tùy thuộc vào mức độ tốt, xấu của công tác tổ chức - cán bộ nói chung, việc luân chuyển cán bộ đúng đắn hay bất cập nói riêng.

Vì, chỉ có thực hiện chủ động, thống nhất và hiệu quả công tác luân chuyển cán bộ, chúng ta mới mở những khâu đột phá góp phần đổi mới toàn diện, sâu sắc công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Đặc biệt, qua đây chủ động tạo môi trường tốt và điều kiện thuận lợi trong việc rèn luyện, bồi dưỡng, thử thách cán bộ một cách chủ động, toàn diện, nhất là đội ngũ cán bộ trẻ tuổi, có triển vọng phát triển tốt; chủ động xây dựng thể bố trí chiến lược cán bộ đáp ứng nhu cầu phát triển cả trước mắt lẫn lâu dài của toàn bộ hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành, các khu vực xung yếu, các phương diện công tác then chốt. Điều quan trọng hơn là, qua đây, chúng ta xây dựng một hệ động lực mạnh mẽ và bền vững trong công tác cán bộ, đối với cán bộ. Đồng thời, đây cũng là một mũi công phá mạnh mẽ, hiệu quả vào những nhận thức lệch lạc, các tệ nạn: trì trệ, cục bộ, khép kín, bè cánh, tắc trách, đặc quyền đặc lợi, chủ nghĩa bình quân... trong công tác tổ chức - cán bộ và tư tưởng không đúng cũng như các thói quen xấu: ngại khó, ngại khổ, thụ động, ỷ lại, lười biếng, vô tổ chức, vô kỷ luật, chủ nghĩa cá nhân... trong bản thân đội ngũ cán bộ, tạo bước chuyển căn bản và sâu sắc ở tầm vĩ mô trước hết của chính công tác tổ chức - cán bộ, trực

diện làm thay đổi mạnh mẽ tình hình toàn cục đất nước.

Trong tiến trình luân chuyển cán bộ, chúng ta cần nắm chắc **phương châm chỉ đạo** và **nguyên tắc hành động** là, *tạo ra sự thống nhất về nhận thức tư tưởng, chuẩn bị kỹ lưỡng kế hoạch thật toàn diện, hoạch định lộ trình phải rõ ràng, thận trọng và hiệu quả trong từng bước đi và kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống*. Cụ thể là, công tác tư tưởng phải đi trước một bước, làm cho cán bộ, đảng viên thống nhất về nhận thức, đồng tâm và tự giác quyết tâm thực hiện, chấp hành vô điều kiện quyết định của các cấp có thẩm quyền về công tác tổ chức - cán bộ. Trên cơ sở quy hoạch và kế hoạch, việc luân chuyển cán bộ phải được tiến hành mạnh mẽ nhưng thận trọng; giải quyết nhịp nhàng giữa luân chuyển với ổn định đội ngũ; kết hợp chặt chẽ giữa việc giải quyết yêu cầu cấp bách trước mắt với mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kế cận chiến lược lâu dài. Trong việc thực thi lộ trình luân chuyển, cần làm thí điểm, làm chắc chắn từng khâu, từng bước đúng nguyên tắc, thủ tục cần thiết, không tràn lan, ồ ạt, chạy theo số lượng đơn thuần hoặc kế hoạch hóa một cách cứng nhắc; kịp thời sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm. Coi trọng đấu tranh chống tư tưởng và hành động cục bộ, khép kín, những hành động cản trở hoặc làm lệch lạc công tác luân chuyển cán bộ, như: đóng cửa, cô lập, thậm chí tẩy chay, làm giảm uy tín cán bộ được luân chuyển. Không được điều động những cán bộ có phẩm chất chính trị và năng lực kém, không có triển vọng phát triển; không được núp dưới các hình thức luân chuyển để chuyển những cán bộ yếu kém về mọi mặt hoặc không "cùng cánh" với mình đi nơi khác. Chú ý, chỉ luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; không thực hiện luân chuyển cán bộ làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ, trừ những trường hợp thật cần thiết.

Đối với cán bộ làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ, cần phải tạo thế ổn định để họ phát huy năng lực sở trường của mình. Kiên quyết kỷ luật kịp thời và nghiêm minh những tổ chức, cá nhân cán bộ gây khó khăn, cản trở hay không chấp hành quyết định luân chuyển của các cấp tổ chức - cán bộ có thẩm quyền.

Để chủ động thực hiện một cách đồng bộ, phù hợp và hiệu quả việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, chúng ta cần thực hiện thống nhất, mạnh mẽ và hiệu quả mấy nhóm công việc cần kíp sau đây.

Một là, tạo ra sự thống nhất cao về nhận thức tư tưởng, trước hết trong toàn Đảng và toàn bộ hệ thống chính trị, nhất là những cơ quan trực tiếp làm công tác tổ chức - cán bộ về tầm quan trọng, ý nghĩa của việc luân chuyển cán bộ trong tình hình hiện nay.

Đây là vấn đề có vị trí tiên phong và ý nghĩa đặc biệt to lớn. Chỉ có làm tốt khâu công tác này chúng ta mới thực sự chủ động, tự giác, sáng tạo, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả tất cả mọi khâu, mọi tổ chức và lực lượng để làm tốt công tác luân chuyển cán bộ. Kinh nghiệm hàng nghìn năm trước của ông cha, nhất là kinh nghiệm suốt 72 năm lãnh đạo cách mạng của Đảng ta đã chứng minh điều đó. Không chuẩn bị chu đáo và làm thật tốt bước khởi đầu quan trọng này, có thể nói, chúng ta không hy vọng tiến được một bước nào, dù là rất nhỏ, trên lộ trình luân chuyển cán bộ nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển của thực tiễn cách mạng đầy khó khăn, thử thách hiện nay. Nói khái quát, chỉ có làm tốt công tác tư tưởng, không ngừng đổi mới nhận thức, chúng ta mới có thể từng bước khai thông những khó khăn, chủ động xây dựng thành công một thể trận bố trí chiến lược cán bộ ngang tầm đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trước mắt trong mười năm, hai mươi năm tới.

Hai là, trên cơ sở dự báo khoa học sự phát triển của thực tiễn cách mạng, các cấp có thẩm quyền về công tác tổ chức - cán bộ chủ động xác lập kế hoạch luân chuyển cán bộ một cách đúng đắn trên cơ sở quy hoạch cán bộ phù hợp và hiệu quả ; và, quyết tâm, sáng tạo thực hiện triệt để kế hoạch đó, đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, sự chỉ đạo phối hợp chung và thống nhất trực tiếp của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ.

Có thể hình dung, ở cấp Trung ương, theo thẩm quyền của mình, tiếp tục điều động các cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ tuổi, có triển vọng, có phẩm chất, năng lực và uy tín cao về công tác và nắm giữ các chức danh chủ chốt ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ; rồi sau đó tùy theo kết quả rèn luyện trong thực tiễn có thể lại được xem xét điều động trở lại các cơ quan Trung ương. Làm như vậy để đào tạo, rèn luyện trong thực tiễn, chuẩn bị cán bộ cho những nhiệm kỳ tiếp theo. Mặt khác, thực hiện luân chuyển cán bộ từ các ban của Đảng, các tỉnh, thành ủy sang các bộ, ngành của Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội hoặc những địa bàn xung yếu, như : Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ ; và, ngược lại, trong thể bố trí cán bộ chiến lược chung của cả nước.

Đối với khu vực các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cấp có thẩm quyền về công tác tổ chức - cán bộ, có kế hoạch chủ động luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong nội bộ ; đồng thời, tiến hành thí điểm điều động cán bộ chủ chốt ở tỉnh, thành phố này sang giữ chức vụ chủ chốt ở tỉnh, thành phố khác, từ vùng này, miền này tới vùng khác, miền khác. Sau khi sơ kết, nếu được thực tiễn khẳng định là tốt sẽ mở rộng tiến tới sẽ bố trí, sắp xếp các cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp tỉnh, thành trực thuộc Trung ương ; quận, huyện, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh, thành không phải là người địa

phương. Định rõ khung luân chuyển và thời gian luân chuyển hợp lý nhằm phát huy tối đa năng lực công tác của cán bộ được luân chuyển.

Các cơ quan chức năng và tham mưu của các cấp ủy đảng và chính quyền cần chủ động phối hợp sức mạnh tạo môi trường và mọi điều kiện tốt nhất ; đồng thời, kiểm tra chặt chẽ, giúp các cấp có thẩm quyền uốn nắn hiệu quả những lệch lạc nhằm tiến hành đồng bộ, nhịp nhàng và hiệu quả công tác luân chuyển cán bộ.

Ba là, phải xây dựng hệ thống chính sách, chế độ đúng đắn bảo đảm thực hiện tốt công tác luân chuyển cán bộ.

Đây là một trong những điều kiện có tính chất căn bản, một tiền đề hết sức quan trọng, một động lực to lớn bảo đảm cho công tác luân chuyển cán bộ thành công. Phải thừa nhận, về vấn đề này, từ trước tới nay, chúng ta làm chưa thật tốt. Bởi vậy, trước mắt, cần nhanh chóng xây dựng và ban hành các chính sách mới cụ thể, thiết thực về mọi mặt (vật chất và tinh thần) bảo đảm ổn định và góp phần cải thiện đời sống cho các cán bộ được luân chuyển, trên cơ sở có sự hợp lý, sự hài hòa với cán bộ công tác tại chỗ. Nhất là, cần ban hành chính sách ưu tiên, ưu đãi đối với cán bộ nói chung và cán bộ được luân chuyển tới công tác tại những vùng biên giới, hải đảo, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế chậm phát triển nói riêng. Nhanh chóng xây dựng và thực hiện chế độ nhà ở công vụ một cách thống nhất theo từng cấp nhằm trực tiếp ổn định điều kiện sống và công tác tối cần thiết cho những cán bộ được luân chuyển, nhất là diện luân chuyển từ tỉnh, thành phố khác tới.

Cuối cùng là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; xây dựng và thực thi nghiêm ngặt chế độ khen thưởng và chế độ kỷ luật.

Ngay từ xưa, ông cha ta đã hết sức coi trọng các vấn đề này. Cùng với việc luân quan, như đã trình bày ở trên ; đồng thời, còn xây dựng lệ *khảo quan* và *giám quan* một cách thường xuyên, định kỳ hoặc bất thường. Tùy theo mức độ ưu, nhược mà khen thưởng (thì rất mực) hay kỷ luật (cũng vô cùng chặt chẽ và nghiêm khắc). Ai thực hiện tốt, có thể thăng liền hai ba cấp. Ai trái lệnh, có thể bị cách chức, huyền chức, thậm chí cách tuột thành thứ dân, đuổi về quê ; nặng nữa, thì chuyển làm lính thú hoặc lưu đầy viễn xứ. Kiểm tra, thưởng phạt không chỉ đối với quan lại mà đối với cả những người, những bộ phận làm công việc tổ chức hoặc liên đới tới quan lại và công việc đó. Vì thế, ở các triều đại thịnh trị, việc bổ nhiệm, luân chuyển quan lại rất chặt chẽ và được thực thi nghiêm ngặt.

Đó thực sự là những kinh nghiệm và bài học tốt đối với công tác luân chuyển cán bộ của chúng ta hiện nay.

Do vậy, cùng với việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát một cách linh hoạt, phong phú và chặt chẽ, chúng ta kịp thời biểu dương, khen thưởng những tổ chức, cán bộ thực hiện tốt ; đồng thời xử lý nhanh chóng, nghiêm minh bất cứ tổ chức nào, bất kỳ ai bằng mọi cách cản trở hoặc làm chậm chễ công tác luân chuyển cán bộ. Nhất là, xử lý và kỷ luật thật nặng những tổ chức, cá nhân lợi dụng hoặc nhân danh việc luân chuyển cán bộ để mưu đồ lợi ích cá nhân, phường hội hoặc trù dập cán bộ. Người đứng đầu cấp ủy, các thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải trực tiếp nắm giữ và chịu trách nhiệm về công tác tổ chức - cán bộ nói chung, về việc luân chuyển cán bộ thuộc cấp mình nói riêng, trước cấp trên của mình. Đó là quyền lợi và đó cũng là nghĩa vụ không thể thoái thác. □

Để thực hiện tốt chủ trương LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ

LÊ ĐỨC BÌNH

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX của Đảng đã khẳng định : “Thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các ngành và địa phương”. Gần đây, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 11 cụ thể hóa chủ trương đó. Nhận thức và tổ chức thực hiện đúng đắn chủ trương này sẽ góp phần tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là làm cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý trưởng thành thêm một bước.

LUÂN CHUYỂN THEO QUY HOẠCH

Ngay từ những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng ta đã sớm chủ trương lập quy hoạch cán bộ vừa để đáp ứng những nhiệm vụ chính trị cấp bách trước mắt vừa để chủ động chuẩn bị cán bộ cho những nhiệm vụ tương lai. Nhiều ngành và địa phương đã rà soát, phân tích đội ngũ cán bộ hiện có đối chiếu với yêu cầu của tình hình, đề ra kế hoạch bố trí, điều chỉnh, bồi dưỡng cán bộ kịp thời đáp ứng nhiệm vụ trước mắt, đồng thời dự kiến tình hình và nhiệm vụ 5 - 10 năm sau, lựa chọn những cán bộ trẻ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, có triển vọng vươn lên, lập danh sách cán bộ dự bị, cán bộ kế cận, lên kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, ai thiếu lý luận chính trị hoặc kiến thức quản lý kinh tế

thì đưa đi học ở các trường lớp tương ứng, ai chưa trải qua công tác ở cấp dưới thì đưa về địa phương và cơ sở để rèn luyện trong thực tiễn, từng bước tập dượt đưa họ lên các cương vị lãnh đạo từ thấp đến cao. Đường nhiên cũng có những dự đoán chưa sát, có trường hợp đánh giá cán bộ chưa chuẩn xác, có một số bị rơi rụng, đó là điều khó tránh khỏi. Quy hoạch không thể một lần là xong, qua trải nghiệm thực tiễn, hằng năm lại được rà soát và bổ sung, hoàn thiện. Nhiều địa phương và một số ngành đã làm tốt quy hoạch cán bộ, đem lại hiệu quả rõ rệt. Những đồng chí ngày ấy đưa về làm lãnh đạo một huyện đã dần trưởng thành, sau này nhiều đồng chí tham gia ban thường vụ tỉnh ủy, có những đồng chí làm bí thư tỉnh ủy, và một số đồng chí đã được tin nhiệm bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng... Mấy năm gần đây có lẽ việc đôn đốc làm quy hoạch cán bộ có phần buông lỏng, việc luân chuyển cán bộ tuy vẫn có làm một chừng mực nhưng không thật ráo riết như trước. Nay Bộ Chính trị ra nghị quyết nhấn mạnh thực hiện chủ trương này là cần thiết và đúng lúc.

Từ kinh nghiệm những năm trước, có thể thấy rõ việc *luân chuyển cán bộ cần đặt trong tổng thể quy hoạch cán bộ lãnh đạo và quản lý của mỗi cấp, mỗi ngành*, là một khâu

quan trọng hợp thành quy hoạch cán bộ. Làm tốt việc luân chuyển cán bộ là thiết thực góp phần thực hiện thành công quy hoạch cán bộ. Mặt khác, chỉ trên nền tảng xây dựng tốt quy hoạch cán bộ mà khâu đầu tiên là đánh giá, lựa chọn cán bộ đúng mới luân chuyển cán bộ có hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra. Nếu như không có quy hoạch, không đánh giá đúng cán bộ, người xấu hoặc người kém lại được coi là nhân tố mới, có triển vọng thì dù “luân chuyển” hoặc bồi dưỡng cách gì cũng không có hiệu quả, thậm chí làm hỏng việc, hỏng phong trào.

Hiệu quả của việc luân chuyển cán bộ phải được xem xét ở cả 2 mặt : vừa đào tạo, bồi dưỡng được cán bộ đó, vừa góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở địa phương hoặc ngành mà cán bộ đó được cử tới. Nếu chỉ nghĩ một phía là cốt rèn luyện thử thách cán bộ nhưng rút cuộc phong trào sa sút, nhiệm vụ kinh tế - xã hội không hoàn thành, nội bộ thêm lúng củng thì không thể coi là làm tốt việc luân chuyển cán bộ.

Nên phân biệt luân chuyển cán bộ với điều động cán bộ, tuy cả hai việc này đều có một mục đích giống nhau là thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương đó. Khi chuyển sang một giai đoạn cách mạng mới, trước tình hình và nhiệm vụ chính trị mới, Đảng thường phải điều động, bố trí lại đội ngũ cán bộ của mình cho phù hợp, hoặc do nhu cầu của một ngành, một địa phương nào đó, Đảng cần điều động, tăng cường cán bộ cho nơi ấy. Đó là công tác điều động cán bộ theo yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, thậm chí có những trường hợp mang tính bị động, “chữa cháy”. Còn luân chuyển cán bộ tuy cũng là điều động cán bộ nhưng ngoài mục đích để hoàn thành nhiệm

vụ chính trị còn một mục đích rất quan trọng là để rèn luyện, thử thách, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dự bị, cán bộ có triển vọng nhằm chuẩn bị cho những chức vụ lãnh đạo cao hơn, gánh vác những trọng trách lớn hơn. Nói cách khác, luân chuyển cán bộ là điều động cán bộ theo quy hoạch, một cách chủ động, có chuẩn bị.

PHÂN BIỆT NHỮNG ĐỐI TƯỢNG CÁN BỘ KHÁC NHAU

Luân chuyển cán bộ chủ yếu nhằm vào đối tượng “cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các ngành và địa phương”, như đã nêu trong Báo cáo Chính trị của Đại hội IX. Như vậy, luân chuyển cán bộ là nhằm hoàn thiện quá trình đào tạo bồi dưỡng *những cán bộ dự bị, cán bộ có triển vọng* trở thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý hoặc từ lãnh đạo, quản lý ở cương vị thấp chuẩn bị đảm nhiệm các cương vị lãnh đạo, quản lý cao hơn. Đối với mỗi cán bộ, do mạnh yếu khác nhau và do yêu cầu khác nhau cho nên có cách luân chuyển khác nhau.

Đối với số cán bộ nằm trong quy hoạch cán bộ lãnh đạo chung của Đảng và Nhà nước ở cấp trung ương hoặc địa phương đòi hỏi phải được chuẩn bị về kiến thức và năng lực lãnh đạo toàn diện thì việc luân chuyển công tác đối với họ phải nhằm vào yêu cầu ấy : nếu họ lâu nay chỉ công tác ở một ngành thì nên đưa họ về công tác ở cương vị lãnh đạo toàn diện cấp dưới như về làm bí thư, chủ tịch một huyện, một tỉnh, hoặc nếu họ đã công tác lâu ở cơ sở và cấp dưới có hiểu biết và kinh nghiệm thực tiễn cụ thể nhưng tầm nhìn, tầm suy nghĩ còn hẹp thì có thể luân chuyển họ lên một cơ quan tổng hợp ở cấp trên để có điều kiện tiếp cận với những công việc ở tầm vĩ mô. Nếu họ đã trải qua nhiều

năm kinh nghiệm về công tác đảng, nhưng còn ít hiểu biết về công việc quản lý nhà nước thì có thể điều động sang công tác quản lý nhà nước một thời gian, hoặc ngược lại, nhằm đào tạo những cán bộ lãnh đạo chung có hiểu biết và năng lực lãnh đạo toàn diện...

Đối với số *cán bộ nằm trong quy hoạch cán bộ quản lý* (ngành, doanh nghiệp...) thì phạm vi luân chuyển nói chung nên trong ngành ấy, nếu mới chỉ công tác ở cơ quan nghiên cứu cấp trên thì nên đưa về làm quản lý ở một cơ sở cấp dưới thuộc ngành để bổ sung kiến thức thực tiễn, nếu đã ở cơ sở lâu thì đưa lên cơ quan cấp trên của ngành để bồi bổ hiểu biết về quản lý chung của ngành. Đối với quy hoạch cán bộ quản lý thì không nên điều chuyển từ ngành quản lý này sang ngành quản lý khác xa lạ, như từ quản lý giáo dục sang quản lý y tế, từ giám đốc cơ sở nông nghiệp sang giám đốc cơ sở công nghiệp hoặc ngược lại...

Cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý tuy có sự phân biệt khác nhau nhưng cũng không quá rạch ròi. Nhiều cán bộ lãnh đạo chung đồng thời phụ trách quản lý một ngành, một lĩnh vực nào đó. Ngược lại có những cán bộ quản lý một ngành, một cơ sở được bầu vào cấp ủy đảng cũng có nhiệm vụ tham gia lãnh đạo chung. Vì vậy, cần dự kiến hướng phát triển chính của cán bộ đó thế nào để có hướng luân chuyển cho phù hợp.

Đối với *cán bộ khoa học, kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ* nếu chưa qua trải nghiệm thực tiễn cũng nên điều động xuống cơ sở, về địa phương, ngược lại người đã qua thực tiễn nếu xét cần có thể điều động về bổ sung cho viện nghiên cứu, cho công tác giảng dạy... nhưng vẫn là nằm trong phạm vi ngành chuyên môn ấy. Còn đối với cán bộ

kỹ thuật, chuyên môn được coi là nguồn đào tạo bồi dưỡng trở thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý thì luân chuyển công tác của họ như cách nói trên để bồi dưỡng chuẩn bị chuyển sang nhận cương vị lãnh đạo và quản lý.

Nghị quyết 11 lần này của Bộ Chính trị quy định : “Trước mắt làm điểm việc điều động, luân chuyển một số đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, giám đốc sở tài chính, giám đốc sở kế hoạch đầu tư, giám đốc công an, viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh này sang giữ chức vụ lãnh đạo và quản lý tương đương ở các tỉnh, thành phố lân cận. Khi việc thực hiện luân chuyển này có hiệu quả sẽ nhân rộng ra các đối tượng khác và luân chuyển từ vùng, miền này sang vùng, miền khác”. Đây là một chủ trương mới cần được thực hiện với tinh thần tích cực và thận trọng.

Những năm qua, bệnh địa phương, cục bộ có phần phát triển. Có những trường hợp cán bộ địa phương không muốn tiếp nhận người nơi khác về làm lãnh đạo. Đó là biểu hiện của đầu óc cát cứ phong kiến, muốn “rừng nào cọp ấy”. Trong những năm kháng chiến, việc điều động cán bộ từ địa phương này qua địa phương khác rất nhẹ nhàng, đầu óc mọi người thật trong sáng, tất cả là vì lợi ích chung của Đảng, của đất nước. Còn trong xây dựng hòa bình một số người tính toán lợi ích cá nhân có phần nặng nề, mà bệnh địa phương, cục bộ xét đến cùng cũng là xuất phát từ tính toán lợi ích cá nhân. Mặt khác, cán bộ không muốn đi nhận công tác xa địa phương quê hương vốn đã quen thuộc lâu nay, và phần lớn cán bộ đã có mái ấm gia đình riêng không muốn cuộc sống bị xáo trộn. Từ bản chất của Đảng và Nhà nước ta,

đội ngũ cán bộ được quản lý thống nhất trong phạm vi cả nước, được phân bố, điều động theo yêu cầu của lợi ích toàn cục. Mọi biểu hiện địa phương, cục bộ cần được phê phán và đấu tranh khắc phục.

Từ thời phong kiến xa xưa ở nước ta có lúc đã quy định người đỗ đạt không được làm quan cai trị tại địa phương quê nhà. Đó cũng là một trong những biện pháp phòng ngừa bệnh địa phương, cục bộ, tình cảm họ hàng thân quen. Ngày nay ta thực hiện luân chuyển cán bộ cũng có một phần ý nghĩa tương tự và làm điều đó góp phần chống tham nhũng, tiêu cực. Nhưng không nên tuyệt đối hóa bất cứ một mặt nào. Không phải cứ cán bộ công tác ở địa phương quê mình thì dễ sinh tiêu cực, còn cán bộ nơi khác đến thì đều công tâm, khách quan, vô tư. Và lại tiêu cực đâu phải chủ yếu là người thủ trưởng những ngành đó mà thường là nhân viên công vụ trực tiếp giải quyết công việc cho dân, không phải chỉ thay đổi thủ trưởng là xóa bỏ được tiêu cực của ngành đó. Cái chính là phải xem xét đánh giá người thủ trưởng đó có đủ tiêu chuẩn phẩm chất và năng lực không, có đầu óc địa phương cục bộ không, có tiêu cực không để quyết định nên bố trí, sử dụng họ thế nào, mà không nên hiểu chủ trương này một cách phiến diện, đi tới định kiến với cán bộ theo góc gác địa phương quê quán của họ.

KẾT HỢP LUÂN CHUYỂN VỚI ỔN ĐỊNH

Biết luân chuyển cán bộ đúng người, đúng lúc thì có tác dụng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giúp họ trưởng thành và đưa được phong trào chung tiến bộ hơn. Một cán bộ mà ở lý quá lâu một cương vị công tác thường dễ sinh trì trệ, chủ quan, gia trưởng,

bảo thủ, suy nghĩ và làm theo lối sáo mòn cũ, ít năng động, sáng tạo ; mặt khác còn làm chậm việc mạnh dạn đề bạt và phát triển của cán bộ trẻ. Một cán bộ khi thay đổi công tác, chuyển sang một cương vị mới thì buộc phải tìm tòi suy nghĩ, có phong cách làm việc mới, đem lại cho phong trào một khí thế mới và bản thân cũng trau dồi được những hiểu biết mới, kinh nghiệm mới. Chính vì vậy mà Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX của Đảng quy định “cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên giữ một chức vụ lãnh đạo ở một đơn vị không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp”.

Nhưng nếu điều động xáo trộn cán bộ một cách tùy tiện thì lại có hại. Trường hợp người cán bộ đang phát huy tác dụng tốt, phong trào của ngành, của địa phương đang phát triển đi lên và còn đang cần đến vai trò lãnh đạo của cán bộ ấy, mà cấp trên vội luân chuyển đi nơi khác thì có thể làm cho phong trào cả một địa phương, một ngành sa sút, nội bộ sinh lung củng mất đoàn kết, và bản thân cán bộ đó cũng không thể tiến bộ. Một cán bộ cần được ổn định công tác một thời gian cần thiết để nắm được việc, tích lũy được kinh nghiệm, hoàn thành được một số nhiệm vụ có hiệu quả rõ thì mới tự tin, trưởng thành và mới tạo được tín nhiệm. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dạy : “Cất nhắc cán bộ không nên làm như “giã gạo” ... “Một cán bộ nhắc lên thả xuống ba lần như thế là hỏng cả đời”.

Đảng và Nhà nước vừa cần những cán bộ lãnh đạo có hiểu biết nhiều mặt và có năng lực lãnh đạo chung, đồng thời cũng rất cần những cán bộ chuyên sâu, am hiểu tình huống và tích lũy nhiều kinh nghiệm về từng lĩnh vực hoạt động. Bác Hồ đã từng căn dặn trong Di chúc là cần đào tạo những người

thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Vì vậy, cần kết hợp luân chuyển với ổn định công tác của cán bộ, chuyên môn hóa cán bộ.

Luân chuyển cán bộ đúng có tác dụng đào tạo bồi dưỡng cán bộ, và ngược lại, ổn định cán bộ một cách hợp lý cũng có tác dụng đào tạo bồi dưỡng cán bộ.

Luân chuyển và ổn định không bài trừ nhau mà bổ sung cho nhau, đó chính là phép biện chứng về sự thống nhất của các mặt đối lập. Cường điệu một chiều tác dụng của luân chuyển cán bộ hoặc của ổn định cán bộ đều là không đúng. Người lãnh đạo và người làm công tác cán bộ cần kết hợp đúng đắn giữa luân chuyển và ổn định cán bộ, biết phân biệt trường hợp cán bộ nào, lúc nào thì nên luân chuyển và chuyển đi đâu, giao làm gì thì giúp cho cán bộ đó phát triển, còn trường hợp cán bộ nào, trong hoàn cảnh nào thì ổn định công tác cho họ là cần thiết và có lợi hơn cho phong trào chung và cho bản thân cán bộ đó.

TAO ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI CHO VIỆC LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ

Trước hết, cần làm tốt việc xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, trong đó khâu đầu tiên là đánh giá cán bộ cho đúng, phát hiện đúng cán bộ có triển vọng, cán bộ dự bị cho các chức vụ lãnh đạo, quản lý, biết chỗ mạnh yếu của họ, cần bồi dưỡng về mặt nào; từ đó mới biết cần luân chuyển cán bộ nào, nhằm mục đích gì, chuyển sang công tác gì là phù hợp hơn cả. Nếu tiến hành luân chuyển cán bộ một cách riêng rẽ, tách rời việc xây dựng quy hoạch, việc đánh giá, lựa chọn cán bộ dự bị thì có thể coi là làm theo quy trình ngược.

Để thực hiện thuận lợi chủ trương luân chuyển cán bộ, cần làm tốt công tác tư tưởng, khắc phục mọi biểu hiện tư tưởng địa phương, cục bộ, cá nhân chủ nghĩa. Nếu người được luân chuyển không tự giác, nơi đến không thông suốt, có thái độ không hợp tác, không ủng hộ thì việc luân chuyển cán bộ kém hiệu quả, thậm chí gây phản tác dụng. Trong Đảng việc “lên, xuống” chức vụ, việc “vào, ra” cấp ủy cũng như việc điều động phân bố lại đội ngũ cán bộ là việc bình thường, xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ khác nhau. Cán bộ, đảng viên là chiến sĩ cách mạng, luôn luôn đặt lợi ích chung của Đảng, của đất nước lên trên lợi ích cá nhân, nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm túc nhiệm vụ đảng viên là “phục tùng tuyệt đối sự phân công và điều động của Đảng” đúng như quy định của Điều lệ Đảng. Lại cũng cần phòng ngừa tình trạng lợi dụng chủ trương luân chuyển cán bộ để trừ dập cán bộ, đẩy đi nơi khác những người không ăn cánh với mình.

Đồng thời cần quan tâm giải quyết thỏa đáng chính sách, chế độ đối với cán bộ được luân chuyển công tác đến những nơi mới, để cán bộ yên tâm công tác, cuộc sống của bản thân và gia đình bớt bị xáo trộn, khó khăn. Đương nhiên, cần có sự cân đối chung về chính sách bảo đảm công bằng, hợp lý, giữa cán bộ luân chuyển theo quy hoạch với những cán bộ được điều động tăng cường cho những vùng sâu, vùng xa xôi, hẻo lánh, cán bộ từ trung ương về địa phương với cán bộ từ địa phương lên trung ương vì những trường hợp này thường cũng có những khó khăn cần được quan tâm giúp đỡ khắc phục. □

NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẮP XẾP VÀ ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

TÀO HỮU PHÙNG*

DOANH nghiệp nhà nước (DNNN) là những doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, cung ứng những hàng hóa và dịch vụ công cộng cần thiết trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng vật chất (như giao thông, thủy lợi, điện, nước, thông tin liên lạc...) và xã hội (như giáo dục, y tế...), quốc phòng, an ninh và một số ngành sản xuất kinh doanh trọng yếu khác, góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) đã chỉ rõ : "Việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước là nhiệm vụ cấp bách và cũng là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài với nhiều khó khăn, phức tạp, mới mẻ"⁽¹⁾. Sắp xếp và đổi mới DNNN là việc phải làm ngay, nhưng quan trọng hơn, cơ bản hơn là phải đổi mới, sắp xếp như thế nào để có hiệu quả thiết thực.

1 - Nâng cao hiệu quả sắp xếp và đổi mới DNNN là một yêu cầu cấp thiết.

Những năm qua, các DNNN đã góp phần quan trọng vào việc bảo đảm nhiều cân đối chủ yếu của nền kinh tế quốc dân. Nhà nước đã tích cực triển khai nhiều cơ chế chính sách và biện pháp nhằm sắp xếp và đổi mới DNNN. Kết quả bước đầu thể hiện trên một số khía cạnh sau đây :

Thứ nhất : Số lượng DNNN giảm từ trên 12 000 (đầu những năm 90) còn 5 991 (kể cả các doanh nghiệp ngân hàng, đảng, đoàn thể). Cơ cấu DNNN bước đầu được điều chỉnh hợp lý, có tác động tích cực đến quá trình tích tụ và tập trung vốn ; hình thành, và phát triển một số doanh nghiệp mới có trình độ công nghệ tiên tiến và sức cạnh tranh cao. Qua sắp xếp lại, khu vực DNNN đã phát triển tương đối ổn định, có đóng góp quan trọng trong GDP và trong tổng thu ngân sách nhà nước.

Thứ hai : Đến nay, cả nước có 17 tổng công ty 91 và 77 tổng công ty 90 đang hoạt động. Các tổng công ty được thành lập chủ yếu ở các ngành và lĩnh vực như công nghiệp, xây dựng, giao thông, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thương mại dịch vụ, ngân hàng, bảo hiểm. Các tổng công ty nhà nước có 1 605 doanh nghiệp thành viên, chiếm 28,4% tổng số doanh nghiệp cả nước và chiếm 65% về vốn nhà nước, 61% về lao động. Các tổng công ty đã chi phối được các ngành, các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, bảo toàn và tích tụ được vốn ; huy động nhiều nguồn lực để

* GS, TSKH. Phó chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Ngân sách Quốc hội

(1) *Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 8

đổi mới công nghệ, tăng năng lực sản xuất, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh.

Thứ ba : Hiện có 732 DNNN hoạt động công ích (chiếm 13% tổng số DNNN), trong đó 185 doanh nghiệp công ích của các bộ, ngành, tổng công ty nhà nước và 547 doanh nghiệp của các địa phương. Doanh nghiệp công ích sản xuất sản phẩm và cung ứng dịch vụ công cộng theo chính sách của Nhà nước, do Nhà nước giao kế hoạch, đặt hàng và quy định giá, khung giá hoặc phí, hoạt động chủ yếu không vì mục tiêu lợi nhuận.

Nhìn chung, qua sắp xếp và đổi mới, hiệu quả hoạt động của DNNN được nâng lên một bước đáng kể. Tỷ lệ nộp ngân sách trên một đồng vốn tăng từ 14,7% năm 1991 lên 28% năm 2000. Đóng góp của DNNN trong GDP tăng từ 36,0% năm 1991 lên 40,2% năm 2000. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước tăng từ 6,8% năm 1993 lên 12% năm 2000... Số DNNN có vốn dưới 1 tỉ đồng giảm từ 50% năm 1994 xuống còn 18,2% năm 2000 ; số DNNN có vốn trên 10 tỉ đồng tăng tương ứng từ 10% lên 25% ; vốn bình quân của một doanh nghiệp tăng 7 lần. Những kết quả đạt được là do đường lối đúng đắn của Đảng, sự điều hành kiên quyết, sâu sát của Chính phủ. Thực tế cho thấy nhiều cơ chế, chính sách đã được ban hành và hoàn thiện để DNNN tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hạch toán kinh doanh trong cơ chế thị trường. Nhiều doanh nghiệp đã có tinh thần chủ động, sáng tạo, học hỏi vươn lên, mạnh dạn đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ thiết bị, nâng cao sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập.

Tuy nhiên, qua tìm hiểu và giám sát thực tế, chúng tôi thấy quá trình sắp xếp, đổi mới DNNN diễn ra vẫn còn chậm và hiệu quả chưa cao. Mặc dù Chính phủ đã nỗ lực đẩy mạnh việc sắp xếp và đổi mới DNNN (Chỉ thị 20/1998/CT-TTg ngày 21-4-1998), nhưng năm 1999 chỉ cổ phần hóa được 249 doanh

nh nghiệp, năm 2000 được 212 doanh nghiệp (thấp hơn năm 1999 : 37 doanh nghiệp). Lũy kế đến 20-9-2001, cả nước cổ phần hóa 689 doanh nghiệp (bằng 11% tổng số DNNN hiện có) và thực hiện biện pháp giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê (theo Nghị định 103/1999/NĐ-CP) được 74 doanh nghiệp. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên là :

- Nhận thức chưa được nhất quán trong các cấp, các ngành ; không ít nơi còn do dự, không muốn chuyển đổi sở hữu, cổ phần hóa vì sợ mất quyền quản lý của mình đối với doanh nghiệp trực thuộc. Người lao động trong doanh nghiệp đều sợ mất sự bao cấp, bảo hộ và che chắn của Nhà nước, sợ mất quyền lợi, mất việc làm.

- Các cơ chế, chính sách về cổ phần hóa chưa đồng bộ, quy trình và thủ tục phức tạp, chưa khuyến khích doanh nghiệp cổ phần hóa. Việc khống chế tỷ lệ mua cổ phần lần đầu ; quy định số cổ phần ưu đãi ; định giá doanh nghiệp ; xử lý phần vốn tự bổ sung ... còn nhiều bất cập. Các biện pháp giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê DNNN chưa được đẩy mạnh, chưa thực sự đi vào cuộc sống. Nhiều bộ, ngành, địa phương chưa quan tâm chỉ đạo thực hiện chủ trương này ; chưa xây dựng được chương trình, kế hoạch và biện pháp cụ thể.

Nhiều doanh nghiệp được lựa chọn cổ phần hóa, giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê nhưng hiệu quả kinh doanh thấp, tài chính không lành mạnh, nợ phải trả lớn, công nghệ lạc hậu ... đã không hấp dẫn đối với các nhà đầu tư và vướng mắc ngay khi bắt đầu triển khai thực hiện.

- Cơ cấu DNNN còn nhiều bất hợp lý, dàn trải, chồng chéo về ngành nghề và tổ chức quản lý. Các doanh nghiệp của các ngành kinh tế kỹ - thuật hoạt động phân tán, manh mún, trực thuộc nhiều cơ quan quản lý khác nhau, điển hình là trong các lĩnh vực thương mại, tư vấn ...

- Lao động thiếu việc làm và dôi dư còn lớn. Theo số liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hiện nay, số lao động không có việc làm thường xuyên và mất việc làm ở các doanh nghiệp khoảng 20%, có doanh nghiệp lên tới 40%. Nếu theo lộ trình sắp xếp lại DNNN, thì đến năm 2003, sẽ có 150 000 lao động thuộc diện dôi dư, trong đó có khoảng 75 000 lao động bị mất việc làm do các doanh nghiệp bị giải thể, phá sản và 75 000 lao động bị mất việc do các DNNN được cổ phần hóa, sáp nhập, giao, bán, khoán kinh doanh và cho thuê. Sức ép lao động dôi dư càng lớn hơn khi sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp khó khăn và các cơ chế, chính sách để giải quyết lao động dôi dư chưa được hướng dẫn cụ thể hoặc không thực hiện được.

- Môi trường kinh doanh giữa các thành phần kinh tế chưa thật sự bình đẳng. DNNN vẫn được hưởng nhiều ưu đãi hơn so với doanh nghiệp dân doanh, nên chưa muốn cổ phần hóa hoặc chưa thực hiện các biện pháp chuyển đổi sở hữu. Đặc biệt, ở các tổng công ty lớn, mặc dù có sự vươn lên đáng kể nhưng nhìn chung chưa tương xứng với yêu cầu và điều kiện hiện có. Các tổng công ty được Nhà nước tập trung đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi về vốn, đất đai, tín dụng, thuế... nhưng hiệu quả hoạt động chưa cao. Năm 2000 so với năm 1999, doanh thu của các tổng công ty tăng 27,6% nhưng lợi nhuận giảm 46%, trong đó lợi nhuận của các tổng công ty 91 giảm 2,2% và của các tổng công ty 90 giảm đến 77%. Giá bán sản phẩm của nhiều công ty bán trên thị trường giảm, trong khi chi phí sản xuất kinh doanh lại tăng lên. Có tổng công ty dựa vào lợi thế và sự bảo hộ của Nhà nước; không phấn đấu giảm giá thành, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và không tích cực chuẩn bị cho cạnh tranh và hội nhập.

2 - Một số giải pháp chủ yếu.

Để nâng cao hiệu quả sắp xếp và đổi mới DNNN, đưa Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) vào cuộc sống, theo tôi, cần tập trung vào một số giải pháp sau đây :

Một là, thực hiện nhất quán chủ trương sắp xếp lại căn bản khu vực DNNN trên cơ sở lấy tiêu chuẩn hiệu quả làm thước đo chủ yếu. Nhà nước cần đa dạng hóa các loại hình doanh nghiệp (như công ty cổ phần, công ty liên doanh, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên...). Chấn chỉnh lại kế hoạch sắp xếp DNNN, thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu thông qua biện pháp cổ phần hóa đối với những doanh nghiệp đủ điều kiện cổ phần hóa; áp dụng luật phá sản đối với những DNNN thua lỗ kéo dài không có khả năng phục hồi và không có tầm quan trọng đặc biệt; đồng thời, áp dụng phổ biến cơ chế giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, sáp nhập phần lớn DNNN có quy mô nhỏ. Cần thống nhất về tiêu thức phân loại, lựa chọn doanh nghiệp thực hiện sắp xếp; làm rõ các tiêu chí xác định những lĩnh vực có tầm chiến lược cần sự có mặt của các DNNN và những DNNN có vai trò đặc biệt quan trọng cần duy trì trong quá trình sắp xếp và đổi mới DNNN. Đồng thời, Nhà nước cần ban hành hệ thống cơ chế, chính sách đồng bộ, tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng làm cho các doanh nghiệp chống gian lận thương mại. Với tư cách là "bà đỡ" cho các doanh nghiệp khi mới ra đời hoặc chuyển đổi sở hữu, cổ phần hóa, Nhà nước có cơ chế tài chính - tín dụng thông thoáng và ưu đãi để hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện phương án sản xuất kinh doanh mới hoặc củng cố ổn định sản xuất, đầu tư chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Hai là, các doanh nghiệp cần có phương án sản xuất doanh nghiệp hợp lý, áp dụng khoa học - kỹ thuật để cải tiến mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm; đầu tư đổi mới công nghệ để nâng

năng suất lao động, chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO. Điều quan trọng là phải nối mạng thông tin doanh nghiệp để đưa sản phẩm lên mạng In-tơ-nét nhằm tăng khả năng tiếp thị, quảng cáo, mở rộng thị trường tiêu thụ ; chủ động cắt giảm và xóa bỏ các khoản chi phí bất hợp lý và có kế hoạch sắp xếp lại sản xuất, lao động cho phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh ; sử dụng hợp lý các nguồn vốn, giảm bớt vốn vay, giảm chi phí, hạ giá thành. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra nhanh chóng, thời gian thực hiện cam kết ASEAN năm 2006 đang đến gần và Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đã được Quốc hội thông qua, các doanh nghiệp phải có kế hoạch vươn lên, cạnh tranh, chiếm lĩnh thị phần không chỉ ở thị trường quốc tế mà ngay cả ở thị trường trong nước. Mặt khác, DNNN phải có kế hoạch nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp và công nhân lành nghề, bậc cao, chú trọng đào tạo kiến thức mới và kỹ năng hiện đại, kết hợp bồi dưỡng trong nước và nước ngoài, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

Ba là, Nhà nước cần nhanh chóng hoàn thiện một cơ chế và chính sách sau :

1 - Hoàn thiện chính sách cổ phần hóa DNNN : bãi bỏ quy định hạn chế mức mua cổ phần lần đầu, khắc phục xu hướng bán cổ phần lần đầu trong nội bộ doanh nghiệp ; điều chỉnh mức mua cổ phần ưu đãi của cán bộ quản lý doanh nghiệp để phát huy vai trò tích cực của người quản lý doanh nghiệp ; cho phép nhà đầu tư mua cổ phần lần đầu đối với những doanh nghiệp cổ phần hóa mà Nhà nước không cần giữ cổ phần chi phối theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật khuyến khích đầu tư trong nước ; cải tiến phương pháp định giá doanh nghiệp, áp dụng cơ chế đấu giá trên cơ sở cung cầu, phản ánh đúng giá trị của doanh nghiệp cổ phần hóa ; nâng

cao hiệu quả hoạt động của quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa ; miễn lệ phí trước bạ đối với tài sản chuyển từ DNNN sang công ty cổ phần ; bố trí nguồn kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm (không nằm trong mục chi thường xuyên) bên cạnh nguồn vốn thu được trong quá trình cổ phần hóa để thúc đẩy nhanh việc sắp xếp, đổi mới và phát triển DNNN.

2 - Hoàn thiện cơ chế giao, bán, khoán kinh doanh các DNNN quy mô nhỏ, thua lỗ kéo dài, không cổ phần hóa được và nhà nước không cần nắm giữ để sử dụng có hiệu quả tài sản của Nhà nước, bảo đảm việc làm, thu nhập, quyền lợi hợp pháp của người lao động. Mục đích là làm cho khu vực DNNN không còn các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, làm ăn không hiệu quả, thua lỗ kéo dài phải bao cấp thường xuyên. Việc giao, bán, khoán kinh doanh trước hết ưu tiên cho tập thể người lao động, bảo đảm cho người lao động là người đồng sở hữu doanh nghiệp, tham gia làm chủ trong quá trình quản lý doanh nghiệp. Khuyến khích tổ chức và cá nhân tiếp cận các DNNN thuộc loại này để tiếp tục đầu tư phát triển nhằm bảo toàn vốn và giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản nhà nước tại doanh nghiệp. Khẩn trương chuyển đổi các DNNN của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội sang hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo tinh thần Nghị định 63/2001/NĐ-CP, ngày 29-9-2001 của Chính phủ.

3 - Thực hiện định mức lại vốn điều lệ của DNNN trên cơ sở áp dụng các cơ chế (như không thu tiền sử dụng vốn, khấu hao nhanh, tăng tỷ lệ tích lũy đầu tư từ lợi nhuận sau thuế, hỗ trợ sau đầu tư ...) để đến năm 2005 cơ bản tạo đủ vốn điều lệ cho DNNN giữ 100% vốn và DNNN giữ cổ phần chi phối. Đối với

một số tổng công ty, doanh nghiệp lớn, có uy tín cho phép phát hành trái phiếu, cổ phiếu huy động đầu tư thông qua thị trường chứng khoán để phát triển và mở rộng sản xuất kinh doanh. Đầu tư xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh có khả năng cạnh tranh trong quá trình hội nhập.

4 - Thí điểm thực hiện phương thức Nhà nước đầu tư và quản lý doanh nghiệp thông qua Công ty tài chính nhà nước. Đây là một tổ chức tài chính của Nhà nước có chức năng kinh doanh vốn của Nhà nước nhằm mục đích : chuyển từ cơ chế Nhà nước cấp phát vốn sang cơ chế Nhà nước đầu tư vốn vào doanh nghiệp, xác lập rõ quyền chủ sở hữu về vốn của Nhà nước và quyền sử dụng vốn của doanh nghiệp, chuyển phương thức quản lý tài chính mang tính hành chính sang phương thức kinh doanh vốn theo cơ chế thị trường, góp phần thực hiện nhanh quá trình công ty hóa DNNN và xóa bỏ chế độ chủ quản của cơ quan hành chính cấp trên trực tiếp.

5 - Thành lập Công ty mua bán nợ để xử lý những khoản nợ khó đòi và thực hiện một số chức năng trong quá trình cải cách doanh nghiệp. Giải quyết dứt điểm tình trạng nợ tồn đọng, nợ dây dưa, chiếm dụng vốn lẫn nhau trong khu vực doanh nghiệp, nhằm xác lập lại hệ thống quan hệ tài chính lành mạnh giữa các doanh nghiệp, doanh nghiệp và ngân hàng. Trên cơ sở phân loại và xác định tính chất, nguyên nhân các khoản nợ, để có biện pháp xử lý thích hợp như xóa nợ, chuyển đổi nợ thành cổ phần doanh nghiệp.

6 - Quy định chế độ khấu hao gắn với khuyến khích đổi mới công nghệ, kỹ thuật ; ưu đãi tài chính đặc biệt cho các doanh nghiệp có trang bị công nghệ, kỹ thuật cao ; thúc đẩy các doanh nghiệp tăng cường đóng góp xây dựng và tích cực sử dụng các quỹ phát triển sản phẩm mới, quỹ hỗ trợ quốc gia về khoa học - công nghệ ; đẩy mạnh các hoạt động

nghiên cứu thị trường, phát triển sản phẩm mới, nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế trong quá trình hội nhập.

7 - Chuyển đổi cách phân loại doanh nghiệp công ích nhằm huy động mọi tầng lớp dân cư và các thành phần kinh tế cùng tham gia hoạt động cung ứng các dịch vụ công ích cho xã hội. Nhà nước cần giảm số lượng, thu hẹp phạm vi hoạt động theo hướng chỉ duy trì, củng cố các doanh nghiệp hoạt động công ích gắn với dịch vụ an ninh, quốc phòng, những dịch vụ công ích mà các thành phần kinh tế khác không được phép hoặc không thể phục vụ có hiệu quả. Thực hiện khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế khác tham gia cung ứng dịch vụ công cộng theo phương thức thỏa thuận hoặc ký kết hợp đồng kinh tế. Ngăn chặn xu hướng chuyển từ doanh nghiệp hoạt động kinh doanh sang doanh nghiệp hoạt động công ích.

8 - Thực hiện công khai hóa tài chính doanh nghiệp ; tổ chức tốt công tác kiểm toán nội bộ, mở rộng phạm vi kiểm toán độc lập đối với các loại hình doanh nghiệp ; hoàn chỉnh cơ chế đấu thầu mua sắm, đấu giá nhượng bán tài sản, cải tiến hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường.

9 - Bổ sung chính sách đối với lao động trong sắp xếp, cơ cấu lại DNNN. Các DNNN cần rà soát và xây dựng đúng định mức, định biên để xác định số lượng lao động cần thiết. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về hợp đồng lao động. Khẩn trương thành lập quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Kết hợp việc giải quyết lao động dồi dư với việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu lao động, trước hết là lao động dồi dư. Hỗ trợ nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính vay ưu đãi của

(Xem tiếp trang 37)



CHỦ NGHĨA XÃ HỘI - *Mùa Xuân nhân loại*

NGUYỄN DUY QUÝ *

MÙA Xuân này, toàn nhân loại đón mùa Xuân thứ II của thiên niên kỷ thứ III. Tuy thời khắc mùa xuân đến mỗi nơi trên trái đất một khác, nhưng quy luật muôn đời "đông tàn ắt hắt xuân qua" thì không thể khác được. Ở phương Đông chúng ta, ngày xuân nói chuyện tốt đẹp, chuyện của tương lai đã trở thành một nét văn hóa, đã đi vào phong tục cổ truyền. Trong bài viết khai xuân này, tôi muốn bày tỏ đôi điều về một câu chuyện thiêng liêng và hấp dẫn. Đó là câu chuyện về *chủ nghĩa xã hội - mùa Xuân nhân loại*.

Hiện nay, khi mà những sự kiện vừa diễn ra tại các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ dường như vẫn còn nóng hổi, thì sự kiện khủng bố 11-9 và cuộc chiến chống khủng bố do Mỹ khởi xướng và đóng vai trò chủ đạo đã làm cho tình hình chính trị thế giới vốn đã không đơn giản lại càng thêm phức tạp. Thêm vào đó, chủ nghĩa tư bản, đứng đầu là Mỹ, vẫn đang thể hiện "sức mạnh" của mình trên bàn cờ chính trị thế giới. Chủ nghĩa xã hội

hiện thực vẫn đang tạm thời lâm vào thoái trào. Vì vậy, không ít người đã cho rằng, nói về *chủ nghĩa xã hội - mùa Xuân nhân loại* là nói chuyện viễn vông, chuyện không tưởng.

Nhưng tôi vẫn cho rằng, đề tài *chủ nghĩa xã hội -*

mùa Xuân nhân loại, được bàn luận trong ngày xuân - Xuân 2002 lại có ý nghĩa riêng của nó. *Chủ nghĩa xã hội - mùa Xuân nhân loại*, ý tưởng có vẻ như lãng mạn này lại hàm chứa những điều tốt đẹp nhất, nhất định sẽ trở thành hiện thực vì nó phản ánh đúng quy luật vận động và phát triển của lịch sử nhân loại. Chính vì lẽ đó mà việc bàn luận về đề tài này là rất cần thiết, rất thực tế chứ không hề viễn vông, không hề không tưởng như ai đó đã từng lầm tưởng.

Sự thật, chủ nghĩa xã hội của thập niên đầu thế kỷ XXI và của tương lai xa hơn là một đề tài có sức lay động mọi suy tư nghiêm túc. Chế độ xã hội chủ nghĩa hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu đã lùi vào quá khứ được 10 năm. Ngàn ấy thời gian cũng đủ để người ta có thể nhận ra cái gì là nhất thời, nông nổi, ấu trĩ, cái gì là căn bản, là sâu sắc, là chín chắn. Không ít người đứng trước sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực đã lầm tưởng chế độ xã hội tốt đẹp này sẽ vĩnh viễn không còn là *mùa Xuân nhân loại* nữa. Kẻ thù của chủ nghĩa xã hội

* GS, VS, Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia

thì hí hửng ; người lạc quan, tin tưởng vào tiền đồ tươi sáng của chủ nghĩa xã hội, ở nơi này, nơi khác trên thế giới cũng lộ vẻ bi quan, nghi ngờ. Nhưng cuộc đời không đơn giản như thế. Lịch sử vinh quang và cũng đầy sóng gió của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hơn một thế kỷ qua, đã chứng minh rằng, tuy gặp không ít khó khăn, thậm chí ở đây đó đã vấp phải không ít sai lầm, thất bại, nhưng trước sau chủ nghĩa xã hội vẫn thể hiện sức sống bất diệt của nó. Lý tưởng về một xã hội không có người bóc lột người, một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh mà "*sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người*"⁽¹⁾ vẫn là ngọn cờ tư tưởng dẫn đường cho hàng triệu con người đang phấn đấu vì sự nghiệp xây dựng một cuộc sống công bằng, dân chủ, văn minh. Chẳng phải ngẫu nhiên mà gần đây, Mác được khán giả kênh truyền hình BBC của Anh bầu chọn là nhà tư tưởng vĩ đại nhất của toàn nhân loại trong vòng 1000 năm qua⁽²⁾.

Một xã hội bênh vực người lao động, một xã hội không còn tình trạng người bóc lột người, một xã hội mà mỗi người đều có tự do vẫn còn đang ở phía trước. Vấn đề là ở chỗ, một xã hội như thế không phải chỉ tồn tại trong ước mơ, không phải không thể vươn tới được. Như chúng ta đều biết, sau khi nghiên cứu lịch sử xã hội loài người nói chung và nhất là sự phát triển của chủ nghĩa tư bản châu Âu nói riêng, Mác đã rút ra kết luận : *sự phát triển của xã hội loài người là sự thay thế nhau của các hình thái kinh tế - xã hội*. Chính vì thế, xã hội tư bản chủ nghĩa nhất định sẽ được thay thế

bằng xã hội cộng sản chủ nghĩa, mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội. Sự thay thế này được thực hiện nhờ hai tiền đề vật chất quan trọng nhất là sự phát triển của *lực lượng sản xuất* và sự trưởng thành của *giai cấp vô sản*. Sự thay thế này là một *quá trình lịch sử tự nhiên*. Nghĩa là sự thay thế này cũng giống như con người và vạn vật chuyển từ mùa đông lạnh giá sang mùa xuân ấm áp vậy. Cách nói hình tượng ấy phản ánh điều cơ bản và sâu xa : chủ nghĩa xã hội là niềm tin của nhân loại. Chủ nghĩa xã hội đem lại cho con người những điều tốt đẹp nhất cả về đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần. Với ý nghĩa đó, *chủ nghĩa xã hội là mùa Xuân nhân loại*. Suốt từ sau thế kỷ XIX cho đến ngày nay, kết luận này của Mác luôn luôn nhận được sự tán thành và cổ vũ to lớn của đông đảo quần chúng lao động ở khắp các châu lục. Song, kết luận này cũng luôn gặp sự chống đối quyết liệt từ phía các thế lực thù địch. Ngày nay, thực tiễn lịch sử và tư duy về lịch sử của nhân loại đã có nhiều thay đổi và được bổ sung nhiều so với trước đây. Các thế lực thù địch với chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xã hội đang tìm cách chống đối ngày càng tinh vi, xảo quyệt hơn. Nhưng không phải vì thế mà những tư tưởng nói trên của chủ nghĩa Mác trở nên kém giá trị và thiếu sức thu hút. Bởi lẽ, mặc dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đã sụp đổ, nhưng kéo theo sự kiện ấy, chủ nghĩa Mác không phá sản như giấc mộng của những kẻ chống cộng. Các nước xã hội chủ nghĩa

(1) Mác - Ăng-ghe-n : *Tuyên tập*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981, t 1, tr 569

(2) Xem : *Thông tin công tác tư tưởng*, số 10-1999

còn lại vẫn tồn tại và đầy sức sống. Những thành tựu to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp đổi mới và của các nước xã hội chủ nghĩa là những bằng chứng có sức thuyết phục để minh chứng cho nhận định khách quan và khoa học trên đây. Xu hướng vận động theo định hướng xã hội chủ nghĩa của các tổ chức, các lực lượng cách mạng trong các nước tư bản chủ nghĩa đang ngày càng được phục hồi, củng cố và phát triển.

Hơn thế nữa, đây là điều chủ yếu, mặc dù chủ nghĩa tư bản đang phát triển, nhưng càng phát triển lại càng bộc lộ những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó. Những mâu thuẫn này không thể giải quyết được trên con đường phát triển tiếp theo. Xã hội thông tin và nền kinh tế toàn cầu hóa như hiện nay không đi liền với bình đẳng và công bằng xã hội; sự giàu có về của cải vật chất của một số ít người không làm giảm đi tình trạng bị bóc lột và đói nghèo của nhân dân lao động trong các nước tư bản; "chiến tranh lạnh" kết thúc, nhưng chiến tranh khủng bố, chiến tranh cục bộ và mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo lại gia tăng và luôn gắn với bàn tay can thiệp của chủ nghĩa đế quốc. "*Còn chủ nghĩa đế quốc thì còn chiến tranh*" - lời khẳng định ấy của Lê-nin ngày nay vẫn còn nguyên giá trị chân lý như nó vẫn đúng trong thời kỳ "chiến tranh lạnh".

Những người giàu trí tưởng tượng nhất cũng không thể hình dung nổi chủ nghĩa tư bản lại là đỉnh cao cuối cùng của xã hội loài người. Vậy, sau chủ nghĩa tư bản loài người sẽ sống trong hình thái kinh tế xã hội nào? Lẽ nào lại không phải là một xã hội

"đại đồng", có những đặc trưng tốt đẹp của mùa Xuân như Mác đã hình dung? Lẽ nào loài người lại không đi theo hướng tiến tới một xã hội công bằng, dân chủ, tự do, tiến bộ xã hội. Những mâu thuẫn có thực của xã hội tư bản trong hơn ba thế kỷ qua đã khiến cho phần lớn nhân loại tiếp tục quan tâm sâu sắc tới học thuyết Mác. Các nhà tư tưởng vẫn đang trăn trở để tìm cách khắc phục những khuyết tật của chủ nghĩa tư bản. G. Đơ-ri-đa - nhà tư tưởng nổi tiếng người Pháp đã công khai tuyên bố rằng, thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ của chủ nghĩa Mác. Có lý do để khẳng định rằng, tinh thần cơ bản của học thuyết Mác về chủ nghĩa xã hội và về sự phát triển của xã hội loài người vẫn giữ nguyên giá trị. Chừng nào những mâu thuẫn vốn có trong lòng xã hội tư bản vẫn còn tồn tại thì chừng đó quan niệm mác xít về chủ nghĩa xã hội tất yếu vẫn là kim chỉ nam, dẫn đường cho hoạt động của con người vì tiến bộ xã hội.

Chủ nghĩa xã hội là niềm tin, là hy vọng, là bước tiến hợp quy luật của nhân loại. Những tiến bộ vượt bậc của khoa học và công nghệ ngày nay là những tiền đề khách quan, giúp mỗi dân tộc thực hiện niềm tin và hy vọng của mình. ***Các dân tộc sớm muộn cũng sẽ đi tới chủ nghĩa xã hội.*** Lê-nin đã từng khẳng định như vậy. Mặc dù, hiện nay trước mắt chúng ta, con đường đi tới chủ nghĩa xã hội - mùa Xuân nhân loại còn đầy chông gai, nhưng ngày vui, ngày Xuân nhân loại ấy chắc chắn sẽ tới. Chúng ta tin như vậy và ra sức phấn đấu cho ngày Xuân nhân loại ấy mau đến gần. □

CHỦ nghĩa xã hội (CNXH) là một hình thái kinh tế - xã hội, là tất yếu lịch sử gắn chặt với sự sáng tạo của xã hội loài người. CNXH giống như cơ thể sống, nó hấp thụ mọi chất liệu vật chất, tinh thần để hình thành, phát triển qua các giai

tháp Hai và thất bại Công xã Pa-ri. Mãi tới Tháng Mười năm 1917, nhờ sự lãnh đạo tài tình của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích của Người, cuộc cách mạng vô sản Nga vĩ đại đã được tiến hành và thắng lợi, cho ra đời CNXH hiện thực đầu tiên trên thế giới.

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI - thách thức và triển vọng

TRẦN QUANG NHIẾP

đoạn. Trong quá trình ấy, CNXH phải trải qua những thử thách vô cùng khắc nghiệt và đã đạt những thắng lợi rất hào hùng.

● **VỀ THÁCH THỨC CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

Chúng ta đã biết, CNXH khoa học ra đời phải trải qua những thách thức lịch sử: suốt từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX nó chỉ là CNXH không tưởng. Thế rồi, cùng với nhiều yếu tố, nhất là nhờ hai phát minh vĩ đại về học thuyết giá trị thặng dư và chủ nghĩa duy vật lịch sử của C. Mác, CNXH từ không tưởng trở thành khoa học. Mặc dù vừa mới ra đời, CNXH khoa học đã gặp ngay sự phản bác quyết liệt của các học giả tư sản lúc đó. Họ hòa nhau xua tan ngay "bóng ma" chủ nghĩa cộng sản đang ám ảnh châu Âu. Tuy không bị xua tan như mong đợi của giai cấp tư sản, nhưng CNXH khoa học vẫn chỉ là lý luận suốt gần 70 năm liền (1848-1917). Để trở thành CNXH hiện thực, nó đã trải qua nhiều thất bại mà tiêu biểu là thất bại Cách mạng

Loài người hoan hỉ đón chào đứa con đầu lòng của CNXH hiện thực vừa mới ra đời thì 14 nước đế quốc lập tức tấn công hồng bóp chết ngay chế độ Xô viết non trẻ này. Mặc dù vậy, CNXH vẫn tồn tại, không ngừng vững mạnh, đánh bại mọi kẻ thù và nhanh chóng phát triển để trong mấy thập kỷ, từ chỗ chỉ có một nước đã trở thành một hệ thống với những sức mạnh vật chất, tinh thần đích thực của nó. Không những thế, CNXH đã cổ vũ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc rộng khắp trên toàn thế giới, ngót một trăm nước đã đứng lên giành độc lập, làm thay đổi hẳn cán cân lực lượng giữa CNXH và chủ nghĩa đế quốc trên toàn thế giới ở thế kỷ XX. Nhưng rồi, lịch sử lại tiếp tục đặt ra những thách thức mới đối với CNXH vào cuối thế kỷ XX, buộc nó phải tìm đường đổi mới, vượt qua cơn khủng hoảng để hồi phục và phát triển ở thế kỷ tới. CNXH thực sự là đứa con "mang nặng đẻ đau" của lịch sử, qua những gian nan thử thách và sau những lần như vậy, CNXH

ngày càng củng cố, trưởng thành và tất yếu sẽ là tương lai tươi sáng của nhân loại. Tuy CNXH ở Liên Xô và Đông Âu bị tan rã, nhưng đó là sự tan rã của một kiểu mô hình CNXH nhà nước hành chính, quan liêu, bao cấp, chủ quan duy ý chí, bất chấp quy luật khách quan, vận dụng sai những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Để hồi phục phát triển, CNXH không chỉ vượt qua những thách thức lịch sử như đã nêu trên mà vấn đề có tính quyết định là phải vượt qua được những thách thức, khắc phục các sai lầm, yếu kém của chính bản thân nó. Đó là việc tìm con đường đổi mới để tiếp tục đi lên phù hợp với đặc điểm, tình hình cụ thể của đất nước và hoàn cảnh chung của thế giới. Trước hết là nhiệm vụ đổi mới chính đốn Đảng, làm cho Đảng Cộng sản thực sự trong sạch, vững mạnh, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, trình độ lý luận ngang tầm với những đòi hỏi của cuộc sống. Cùng với đó là nhiệm vụ khắc phục tình trạng tha hóa của cán bộ, công chức trong hệ thống bộ máy nhà nước, bảo đảm hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh, năng động, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, tạo điều kiện để mọi người đem hết tài năng, trí tuệ để lao động sáng tạo, một lòng một dạ phục vụ sự nghiệp xây dựng CNXH. Một cách khái quát, CNXH phải xây dựng được hệ thống chính trị vững mạnh để nó thực sự là nòng cốt, là nền tảng vững chắc của một chế độ chính trị xã hội XHCN ; khắc phục tình trạng suy thoái về chính trị tư tưởng về đạo đức lối sống, của một bộ phận cán bộ, đảng viên ; ngăn chặn, đi đến đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực và các tệ nạn xã hội mà đặc biệt là nạn tham nhũng, làm trong sạch bộ máy, củng cố niềm tin với nhân dân.

Thách thức không nhỏ nữa là CNXH phải tạo cho mình một cơ sở hiện thực về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh vững mạnh. CNXH phải có năng suất lao động hơn hẳn chủ nghĩa tư bản (CNTB) như Lê-nin đã chỉ rõ ; tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Vượt qua những thách thức để đạt tới các mục tiêu như vậy không đơn giản, nó cần có một quá trình vận động, phát triển từ lượng biến thành chất. CNXH phải khắc phục tình trạng lạc hậu, phải giải quyết những gì mà CNTB chưa làm được. CNXH mới tồn tại hơn 70 năm, một khoảng thời gian rất ngắn ngủi của lịch sử. Trong khi đó, chế độ phong kiến phát triển đã tới cả ngàn năm, CNTB khoảng vài trăm năm. Xã hội cũng như con người, cần có thời gian và điều kiện để lớn lên, trưởng thành, phát triển. Những người sùng bái CNTB hiện nay đã không nhớ lại tình trạng khủng khiếp của CNTB thế kỷ XIX ; không nhớ tới sự bóc lột tột tể đối với giai cấp công nhân, điều mà Ph. Ăng-ghe-n đã viết trong tác phẩm "Tình cảnh giai cấp công nhân Anh" cũng như báo chí lúc đó đã miêu tả một cách sinh động. Sự bóc lột của chủ nghĩa đế quốc, CNTB hiện đại đối với giai cấp công nhân, nhân dân các dân tộc ngày nay cũng không kém phần tàn bạo, thậm chí còn tinh vi trắng trợn hơn để thu được những món lợi khổng lồ. Giai cấp tư sản đã có không ít thời gian lịch sử để giải quyết những vấn đề kinh tế, khoa học - công nghệ và vô vàn vấn đề khác chỉ nhằm củng cố cơ sở tồn tại của chính bản thân nó. Do sự cướp bóc tài nguyên, của cải lớn của các dân tộc trên thế giới mà CNTB mới có

những nhà "tỷ phú vàng" như hiện nay. Quá trình cướp bóc này đối với "thế giới thứ ba" vẫn đang tiếp diễn dưới nhiều hình thức với những chiêu bài "văn minh" lừa bịp.

Hơn thế nữa, cả thời gian kể từ khi CNXH xuất hiện và phát triển, chủ nghĩa đế quốc không ngừng tấn công phá hoại bằng mọi âm mưu, thủ đoạn. Với Liên Xô, chỉ riêng cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại 1941-1945 chống phát xít đã có tới 27 triệu người hy sinh, 18,4 triệu người bị thương, 1710 thành phố thị trấn bị tàn phá, 70 000 làng mạc, 32 000 xí nghiệp, 100 000 nông trang, nông trường cùng 65 000 km đường sắt, 16 000 đầu tàu bị phá hủy ...

Từ cuối những năm 40 đến những năm 80 của thế kỷ XX là giai đoạn đối đầu gay gắt giữa CNXH với chủ nghĩa đế quốc trên phạm vi thế giới với cái tên là "chiến tranh lạnh". Chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, huy động lực lượng lớn nhất của thế giới TBCN tập trung chống phá Liên Xô và các nước XHCN. Suốt mấy chục năm, Liên Xô cùng các nước XHCN phải tập trung nỗ lực đối phó với chủ nghĩa đế quốc, hao tổn tiền của, sức lực, trí tuệ, con người để lập được thế cân bằng quân sự chiến lược với Mỹ và khối NATO. Trong quá trình ấy, nhân dân Việt Nam chúng ta cũng phải tiến hành cuộc chiến tranh chống Mỹ xâm lược suốt mấy chục năm đầy gian khổ, hy sinh và tổn kém biết bao tiền của, sức lực. Chính vì các nguyên nhân trên mà mức sống của nhân dân các nước XHCN tạm thời thấp hơn so với các nước "tỷ phú vàng".

● **VỀ TRIỂN VỌNG CỦA CNXH.**

Thực tế có nhiều nhân tố bảo đảm cho sự phục hưng và hướng tới tương lai tươi sáng của CNXH.

Một là, trong xã hội còn phân chia thành giai cấp còn áp bức giai cấp, áp bức dân tộc thì khát vọng giải phóng con người khỏi những ách áp bức đó vẫn còn cháy bỏng.

Thế giới hiện nay vẫn đang diễn ra sự áp bức bất công, bất bình đẳng, phân hóa giàu nghèo làm tăng thêm mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn dân tộc, mâu thuẫn tôn giáo. Người ta tính 20% dân số toàn cầu đạt trình độ phát triển kinh tế, khoa học - công nghệ rất cao, trong khi đó 78% dân số còn ở trình độ nghèo khổ và 2% còn rất lạc hậu. Các nước công nghiệp phát triển với khoảng 1,2 tỉ người (chỉ khoảng 20% dân số thế giới) chiếm 86% thu nhập quốc nội toàn thế giới, kiểm soát 80% thị trường xuất khẩu, tiêu thụ 86% sản phẩm làm ra, trong khi đó 80% dân số thế giới chỉ được tiêu thụ có 14%.

Trong khi ở các nước tư bản có những người sống ngập ngụa trong sự giàu sang, hình thành lớp "tỷ phú vàng" thì thế giới có tới 50% dân số nghèo khổ và mỗi năm có hàng triệu người chết đói. Trong thời đại văn minh hiện nay mà thế giới có hàng chục triệu trẻ em bị vứt ra đường phố để rồi trở thành nạn nhân của biết bao tệ nạn xã hội và tội phạm.

Để có được những khoản lợi nhuận khổng lồ, chính bọn lái súng luôn tìm mọi cách để kích động gây nên những cuộc chiến tranh đẫm máu ở nhiều nơi trong đó có cuộc chiến kéo dài hàng chục năm không chấm dứt. Việc tìm kiếm lợi nhuận của các tập đoàn tư bản và chủ nghĩa đế quốc ngày càng hủy hoại tài nguyên thiên nhiên, môi trường dẫn đến sự đe dọa đời sống con người toàn trái đất.

Con người ngày càng nhận thức rõ những điều bất công, bất bình đẳng nêu

trên dẫn đến sự thức tỉnh về quyền lợi, ngày càng nhận rõ bộ mặt kẻ thù và điều này chính là nguyên nhân khiến họ vùng dậy đấu tranh để tự bảo vệ và giải phóng dưới nhiều hình thức, thiết lập một thế giới mới hòa bình, phát triển, không có áp bức bóc lột. Đó là quy luật của sự phát triển trong xã hội loài người.

Hai là, do những tiến bộ mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, lực lượng sản xuất không ngừng phát triển xã hội hóa ngày càng cao dẫn đến phá vỡ quan hệ chiếm hữu tư nhân TBCN, cho ra đời quan hệ sản xuất mới tiến bộ tương ứng phù hợp. Sức sản xuất hiện đại đã đạt tới trình độ ngày càng cao, có tính cách mạng sẽ phá vỡ chế độ tư hữu và yêu cầu thiết lập chế độ công hữu. Mặc dù giai cấp tư sản thi hành nhiều biện pháp về kinh tế, chính trị, tiêm cho nền kinh tế tư bản những "liều thuốc mạnh" nhưng vẫn không thể và không có khả năng giải quyết căn bản những mâu thuẫn ngày càng tăng, nảy sinh từ phương thức sản xuất TBCN. Cội nguồn của những khuynh hướng phát triển đối lập chính là cơ cấu xã hội của xã hội TBCN. Xã hội này phân thành hai giai cấp đối lập : giai cấp chiếm hữu tư liệu sản xuất và giai cấp làm thuê. Kẻ thuê lao động càng bòn rút được nhiều giá trị thặng dư thì càng có nhiều khả năng củng cố địa vị thống trị của mình trong xã hội. Địa vị của kẻ đó càng chắc thì lại càng có khả năng bóc lột được nhiều giá trị thặng dư hơn từ người đi làm thuê. Sự củng cố thường xuyên địa vị của kẻ chiếm hữu tư liệu sản xuất, đi thuê lao động trong xã hội càng dẫn đến sự phân cực xã hội, càng tập trung lực lượng xã hội đông đảo ở phía những người bị bóc lột cần được giải phóng. Xu hướng phân cực của xã hội TBCN càng sâu sắc sẽ dẫn đến sự bùng nổ

xã hội : bạo loạn, khởi nghĩa, cách mạng ... kết cục đó là do chính tính chất của các quan hệ xã hội của xã hội TBCN quyết định.

Ba là, mâu thuẫn gay gắt giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển biểu hiện ở nhiều lĩnh vực. Ví dụ trên lĩnh vực xuất khẩu hàng hóa, tư bản độc quyền lũng đoạn thị trường thế giới, ép giá các sản phẩm xuất khẩu của các nước đang phát triển, làm cho những nước này bị thua thiệt do "nhập cao, xuất thấp". Về xuất khẩu tư bản, các nước tư bản phát triển xuất khẩu vốn sang các nước đang phát triển đã đem tới cho các nước này những gánh nặng nợ nần. Người ta tính riêng tổng số nợ nước ngoài của các nước đang phát triển tương đương 1/2 tổng giá trị sản phẩm quốc dân của các nước này. Vì thế rất nhiều nước đang phát triển trở thành con nợ và muốn vùng ra để thoát khỏi các vòai bách tuộc của chủ nghĩa tư bản tài chính.

Thực tế đang diễn ra mâu thuẫn giữa các nước tư bản trong hệ thống TBCN, mà tiêu biểu là giữa các nước tư bản lớn : Mỹ - Nhật Bản - Tây Âu. Các nước này cũng như các nước tư bản khác ra sức cạnh tranh lẫn nhau tìm ảnh hưởng và lợi nhuận ở các nước, các khu vực trên thế giới. Sự thay đổi tương quan thực lực kinh tế khiến cho cuộc đấu tranh giữa các nước tư bản tranh giành thị trường tiêu thụ hàng hóa, giành nơi đầu tư và chiếm lĩnh địa vị thống trị ngày càng gay gắt sâu sắc và quyết liệt, tất yếu sẽ dẫn đến sự bùng phát làm thay đổi trật tự thế giới.

Bốn là, CNXH tự đổi mới để hồi phục và phát triển.

Sự khủng hoảng dẫn đến sụp đổ thể chế XHCN ở Liên Xô và Đông Âu do nhiều

nguyên nhân, trong đó chủ yếu là những sai lầm của những chính sách đã khiến cho tính ưu việt của CNXH không phát huy đầy đủ, làm cho kinh tế trì trệ. Một số đảng cầm quyền đã lơ lửng xây dựng đảng, nội bộ nảy sinh những tiêu cực làm cho đảng thoát ly quần chúng, mất dần sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo. Một số người lãnh đạo cao cấp của đảng đã xa rời chủ nghĩa Mác - Lê-nin, xa rời mục tiêu XHCN. Điều đó cho thấy CNXH hoàn toàn có thể sửa chữa những sai lầm thiếu sót để hồi phục và phát triển. Giai cấp công nhân tiếp tục sứ mệnh lịch sử của mình, tuân thủ lý luận CNXH khoa học, kiên trì mục tiêu XHCN, quyết tâm đổi mới để tiến hành sự nghiệp xây dựng CNXH. Mặc dù số lượng các nước XHCN bị giảm sút, phạm vi bị thu hẹp nhưng qua quá trình đổi mới, cải cách, các nước XHCN đã chứng tỏ đường lối đúng đắn, phù hợp quy luật đã tạo ra những sức mạnh vật chất, tinh thần bảo đảm cho CNXH phục hồi và phát triển mạnh mẽ, có sức thuyết phục.

Mục đích cốt lõi của công cuộc đổi mới là nhằm xác lập đường lối phát triển kinh tế - xã hội đúng đắn, giữ vững mục tiêu XHCN, dựa trên nền tảng lý luận Mác - Lê-nin; phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản. Trên cơ sở những nguyên tắc đó, xác định được những hình thức bước đi thích hợp, khơi dậy mọi nguồn lực làm cho sự nghiệp đổi mới xây dựng CNXH thực sự sống động. Trước hết là xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, từ đó làm thay đổi căn bản phương thức và phương pháp xây dựng CNXH. Trong sự phát triển đi lên của lịch sử, CNXH đã có những bước

nhảy vọt và công cuộc đổi mới là bước nhảy vọt để tiếp tục khẳng định mô hình CNXH mới với chất lượng cao hơn. Sự thực lịch sử này cũng chứng minh mỗi bước tiến lên của phong trào CNXH đều là quá trình thực hiện đầy gian khó, khúc khuỷu. Sau mỗi lần thử thách đó, đều kèm theo một lần đại nhảy vọt trong sự nghiệp xây dựng CNXH. Điều quan trọng là từ trong những thách thức ấy, chúng ta rút ra những bài học kinh nghiệm, làm tăng thêm niềm tin tất thắng vào con đường đi lên CNXH. Những bài học kinh nghiệm và thực tiễn đạt được cho thấy CNXH đang chọn cho mình con đường đi và những việc làm đúng để phục hưng ở thế kỷ XXI. Đó là quá trình giải phóng sức sản xuất, phát huy các nguồn lực, nhất là nguồn nội lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh bền vững. Hiện nay tiêu điểm và trọng điểm của cuộc độ sức quyết liệt giữa CNXH và CNTB đều dựa trên sức mạnh tổng hợp của các quốc gia. Sự phát triển sức sản xuất là yêu cầu hàng đầu và thể hiện bản chất của CNXH. Bởi lẽ nhiệm vụ căn bản nhất của giai đoạn XHCN là phát triển sức sản xuất; tính ưu việt của CNXH suy cho cùng là thể hiện ở phát triển sức sản xuất nhanh hơn, cao hơn CNTB, phục vụ tối đa lợi ích của người lao động. Mục tiêu của CNXH là giải phóng sức sản xuất, xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, xóa bỏ áp bức giai cấp, áp bức dân tộc, phát triển con người toàn diện, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Mục tiêu cao cả đó là ngọn cờ hiện thực, là động lực to lớn cuốn hút và thúc đẩy tinh thần cách mạng của người lao động, là yếu tố bảo đảm cho tương lai tươi sáng của CNXH. □

TRƯỚC hết chúng ta giải đáp câu hỏi tại sao ngành y lại phải đề cao đạo đức nghề nghiệp (thường được gọi là y đức) hơn các ngành khác ?

Khi thực thi công vụ hoặc hành nghề với bất cứ nghề nghiệp gì thì công chức, viên chức của bất cứ ngành nào ngoài đạo đức chung của một công dân cũng phải có đạo đức nghề nghiệp. Nhưng có lẽ ngành y là ngành cần phải đề cao đạo đức nghề nghiệp hơn cả. Sở dĩ như vậy là do thiên chức của nghề nghiệp ấy tạo ra. Đối với mỗi con người thì sự sống là điều quý giá nhất. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sự sống của mỗi người, nhưng bệnh tật là yếu tố hàng đầu và thường xuyên nhất ảnh hưởng đến sự sống. Do con người tồn tại dưới dạng từng cá thể, đơn chiếc nên mỗi người cũng không tránh khỏi quy luật có sinh ra, có tồn tại và có mất đi. Ai cũng biết và vẫn nói ra cửa miệng quy luật “sinh, lão, bệnh, tử”, ai cũng biết và hiểu cái chết rồi cũng sẽ đến với bản thân mình. Nhưng ai cũng muốn cái kết cục tất nhiên không muốn ấy đến với mình một cách muộn màng và càng được sống kéo dài càng tốt. Những câu chúc tụng như “đời dào sức khỏe”, “trường sinh giai lão” chính là sự thể hiện ý nguyện đó. Trong cuộc đấu tranh chống lại bệnh tật, để duy trì và kéo dài sự sống cho mỗi người, ngành y có một vị trí trực tiếp và hết sức quan trọng.

Một người mắc bệnh rất nhẹ, cũng như một người mắc bệnh hiểm nghèo, họ đều muốn thầy thuốc giúp họ mau khỏi để trở lại với đời thường. Do họ không có đủ kiến thức, kỹ thuật và phương tiện để tự cứu chữa, vì vậy họ đã phó thác sự sống của họ, trông cậy vào sự cứu giúp của ngành y và họ đã tôn vinh những người thực hành nghề y là

Y ĐỨC VÀ VẤN ĐỀ NÂNG CAO Y ĐỨC

PHẠM MẠNH HÙNG *

những người thầy. Nếu chúng ta tiếp xúc với những bệnh nhân ung thư và tự đặt mình vào hoàn cảnh của người bệnh đó, ta sẽ nghĩ gì khi thầy thuốc thông báo rằng mình bị ung thư. Một cảm nhận bao trùm lên họ là cuộc sống đã gần kết thúc, cái chết đã kề bên. Thế nhưng họ vẫn cứ hy vọng rằng biết đâu đó thầy thuốc sẽ giúp họ thoát chết hoặc có thể kéo dài thêm sự sống. Sự thèm khát thoát chết và niềm hy vọng sự sống của họ được kéo dài có khi trở thành cuồng vọng đến mức thầy thuốc dù là có học hành bài bản hay không khuyên bảo uống gì, ăn gì, tiêm gì để chữa khỏi bệnh đều được họ và thân nhân sẵn sàng bán cả gia tài cố tìm ra và

* GS, TSKH, Thứ trưởng thường trực Bộ Y tế

sử dụng. Thế mới biết người bệnh dù còn xa hay đã đến gần ranh giới giữa sự sống và cái chết đều trông chờ và tin cậy vào người thầy thuốc. Chính vì vậy Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy các thầy thuốc Việt Nam : Người bệnh phó thác tính mệnh của họ nơi các cô, các chú. Chính phủ phó thác cho các cô, các chú việc chữa bệnh tật và giữ gìn sức khỏe cho đồng bào. Đó là nhiệm vụ rất vẻ vang. Vì vậy cán bộ cần phải thương yêu săn sóc người bệnh như anh em ruột thịt của mình, coi họ đau đớn cũng như mình đau đớn. “Lương y phải như từ mẫu”. Hải Thượng Lãn Ông dạy rằng : Đạo làm thuốc là một nhân thuật chuyên bảo vệ sinh mạng con người, phải lo cái lo của người và vui cái vui của người, chỉ lấy việc cứu sống mạng người làm nhiệm vụ của mình, không nên cầu lợi, kể công, tuy không có sự báo ứng ngay nhưng để lại ận đức về sau. Phương ngôn có câu : “Ba đời làm thuốc có đức, thì đời sau con cháu tất có người làm nên khanh tướng”. Đó phải chăng là do có công vun trồng từ trước ? Thường thấy kẻ làm thuốc, hoặc nhân bệnh cha mẹ người ta ngặt nghèo, hoặc người ta lúc đêm tối trời mưa, có bệnh nguy cấp mà bất bí ; bệnh dễ chữa bảo là khó chữa, bệnh khó chữa bảo là không chữa được, giở lối quỷ quyết ấy để thỏa mãn yêu cầu, rắp tâm như thế là bất lương. Chữa cho nhà giàu sang, thì tỏ tình sốt sắng, mong được lợi nhiều, chữa cho nhà nghèo hèn thì ra ý lạnh nhạt, sống chết mặc bay. Dem nhân thuật làm chước dối lừa, dem lòng nhân đổi ra lòng buôn bán. Như thế thì người sống trách móc, người chết oán hờn không thể tha thứ được.

Những người thầy thuốc có bốn phận tự giác ngộ và nhận thức tầm quan trọng của nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp (y đức). Trong quá trình thực hành nghề nghiệp cao quý này phải tự răn dạy bản thân mình bằng cách thấm nhuần sâu sắc những lời dạy của Bác Hồ và các bậc tiền hiền. Các bạn trẻ khi muốn gây dựng sự nghiệp cho bản thân bằng thực hành nghề Y phải đặt sự mưu cầu cứu sống người bệnh lên trên sự mưu cầu giàu sang.

*

Trong thời kỳ kháng chiến chống các thế lực xâm lược và bảo vệ Tổ quốc, nhiều cán bộ và chiến sĩ ngành y, quân cũng như dân, đã quên cả tính mạng mình để cứu chữa thương binh và bệnh nhân. Ở Miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã nổi lên tấm gương của y tá Trần Xuân Đậu, bệnh viện Vân Đình và biết bao tấm gương khác. Ngày nay trong thời kỳ đổi mới, ngành y chúng ta cũng có nhiều tấm gương về sự tận tụy với người bệnh : Cán bộ Bệnh viện Tâm thần Thường Tín dũng cảm nhảy xuống sông để cứu bệnh nhân định tự tử, mặc cho bệnh nhân kháng cự, bị đánh gãy tay nhưng vẫn cố dìu bệnh nhân vào bờ ; cán bộ khoa hồi sức cấp cứu A9 bệnh viện Bạch Mai ngồi bên giường bệnh nhân thâu đêm theo dõi từng hơi thở, từng mạch đập người bệnh ; Bác sỹ Phan Thị Phương đã miệt mài học tập để tự tay mổ trái tim của trên một nghìn bệnh nhân mắc các bệnh hiểm nghèo và đã cứu sống họ. Hơn 30 đơn vị và cá nhân anh hùng trong thời kỳ đổi mới đã là những minh chứng về sự tận tụy của thầy thuốc Việt Nam trong sự nghiệp chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

Tuy vậy chúng ta vẫn phải thừa nhận một thực tế là từ khi nước ta bắt đầu việc xây dựng nền kinh tế thị trường thì mặt trái của kinh tế thị trường nói chung và đồng tiền nói riêng đã len lỏi can thiệp vào mối quan hệ giữa thầy thuốc và bệnh nhân, có nơi và có lúc nó đã bóc tách và chia ly mối quan hệ khăng khít này, dẫn đến suy thoái đạo đức nghề nghiệp của thầy thuốc. Sự suy thoái đó được biểu hiện từ những việc nhỏ đến việc lớn. Việc nhỏ như thiếu sự niềm nở và lịch sự trong giao tiếp (không thưa gửi, không mềm mỏng, thiếu lễ phép và thiếu chủ động hướng dẫn người bệnh...); nặng hơn thì thờ ơ với nỗi đau của người bệnh, không coi nỗi đau của người bệnh là nỗi đau của chính mình, viện cớ khó khăn, thiếu thốn, ỷ vào sự cứng nhắc trong hành chính mà gây phiền hà cho người bệnh; nặng hơn nữa là thiếu trách nhiệm trong chăm sóc và điều trị cho người bệnh, bỏ vị trí làm việc, uống rượu hay nhậu nhẹt trong giờ làm việc, không chấp hành các quy chế bệnh viện và quy chế chuyên môn, để xảy ra những sai sót về kỹ thuật và gây ra tai biến cho người bệnh; và nặng nhất là các biểu hiện như: bắt chẹt người bệnh bằng cách ép người bệnh về chữa chạy tại phòng mạch tư của riêng mình, kê đơn thuốc đắt tiền và móc nối với hiệu thuốc để lấy tiền hoa hồng, vòi vĩnh quà cáp và tiền của người bệnh, mắc bệnh mưu cầu và ham mê tiền bạc trước sự ốm đau, rủi ro về tính mạng của người bệnh.

Y đức có những biểu hiện rất đa dạng và có nhiều mức từ thấp đến cao như trên. Điều này đã được chỉ rõ trong những lời dạy của các bậc tiền bối, trong các Chỉ thị

và quy định của ngành. Một tình trạng phổ biến hiện nay là thầy thuốc không thấy hết các mức độ của sự sa sút về y đức, thường cho rằng sa sút y đức là cái gì cao xa (ý nói chỉ liên quan đến tham nhũng, hối lộ) mà không thấy y đức đã sa sút ngay từ cách ứng xử, giao tiếp với mọi người nói chung và với bệnh nhân nói riêng, từ sự thiếu trách nhiệm trong theo dõi chăm sóc người bệnh hàng ngày. Chính vì vậy khi kiểm điểm cuối năm hay kiểm điểm sau một đợt học nghị quyết, hầu như thầy thuốc nào cũng cho rằng y đức của mình là tốt và không có gì suy thoái. Hình như sự suy thoái ấy nếu có thì xảy ra ở người khác, khoa khác, bệnh viện khác, chứ không phải là ở mình, khoa mình hay bệnh viện mình. Chính sự ngộ nhận ấy là một nguyên nhân làm cho việc xây dựng và thực hiện y đức chưa mang lại kết quả thiết thực. Thật vậy, rèn luyện y đức nói riêng và đạo đức nói chung đều phải bắt đầu bằng những việc nhỏ nhất.

Ngành y tế nước ta khi bước vào giai đoạn xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đã đứng trước 4 thử thách lớn, đó là:

- Sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt và những mặt trái của kinh tế thị trường sẽ là trở lực lớn trong việc thực hiện định hướng XHCN của nền y tế, đó là *công bằng và hiệu quả*.

- Sự non kém về năng lực (cả quản lý lẫn chuyên môn) của cán bộ y tế trước những nhu cầu ngày càng cao của sự nghiệp chăm sóc sức khỏe của nhân dân và sự tiến bộ ngày càng nhanh của nền y học thế giới.

- Sự hạn hẹp về các nguồn lực tài chính y tế, trong khi nhu cầu chăm sóc sức khỏe càng tăng và sự hiện đại hóa của công nghiệp chế tạo trang thiết bị y tế cũng như được phẩm làm cho giá thành của các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ngày càng đắt.

- Thiên tai và dịch bệnh (kể cả bệnh nhiễm trùng đặc trưng cho mô hình bệnh tật của các nước đang phát triển, lẫn các bệnh không nhiễm trùng đặc trưng cho mô hình bệnh tật của các nước công nghiệp phát triển) luôn là nguy cơ cho sức khỏe nhân dân ta.

Trong bối cảnh ấy, việc xây dựng và thực hiện đạo đức nghề nghiệp của ngành y tế nước nhà cũng chịu những thử thách tương tự.

Làm gì để khắc phục tình trạng sa sút y đức hiện nay ?

Trước hết là phải coi trọng **công tác chính trị** trong ngành. Mỗi thầy thuốc phải đọc lại các lời dạy của các bậc tiền hiền và tiền bối như lời dạy của Bác Hồ, Y huấn cách ngôn của Hải Thượng Lãn Ông, lời thề của Hy-pô-crat, để tự suy ngẫm cách tu dưỡng bản thân theo các lời dạy đó. Có một vị lão thành gợi ý rằng : các bệnh viện nên tổ chức cho công chức làm lễ chào cờ tại hội trường vào sáng thứ hai tuần đầu hàng tháng, sau khi hát quốc ca, một công chức thay mặt toàn thể cán bộ công chức trong bệnh viện đọc 12 điều quy định về y đức do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành. Đó cũng là một ý tưởng hay nhằm luôn luôn nhắc nhở công chức thực hiện y đức và thể hiện lời hứa thiêng liêng của công chức

ngành y trước quốc kỳ về thực hiện y đức. Hằng quý và hằng năm mỗi đơn vị (khoa, phòng, bệnh viện) tổ chức để các thầy thuốc tự liên hệ và nói lên những biểu hiện sa sút (từ những biểu hiện nhỏ nhất đến những biểu hiện lớn nhất) về y đức của bản thân mình và đơn vị mình, cùng nhau tìm giải pháp để sửa chữa, đề ra các quy ước cụ thể, sát thực với đơn vị, công khai thông báo và tổ chức giao ước thi đua giữa các đơn vị và cá nhân. Cần sửa cả những biểu hiện nhẹ nhất và không dung thứ cả cho những biểu hiện thiếu văn hóa trong giao tiếp, ứng xử.

Một vấn đề có tính chất xuyên suốt trong công tác chính trị của ngành, đó là : muốn có y đức tốt thì trước hết thầy thuốc phải có đạo đức chung tốt. Một người thầy thuốc mà không kính trọng bố mẹ, không yêu thương vợ con, không quan tâm đến sức khỏe của bố mẹ, vợ con và người thân trong gia đình, không giúp đỡ hàng xóm láng giềng khi họ ốm đau, không quan tâm đến vun đắp tình đoàn kết thân ái trong đơn vị mình đang công tác, không chấp hành kỷ luật của đơn vị... thì chắc chắn người đó không thể có y đức tốt (nếu có thì cũng chỉ là giả tạo, nhất thời). Vì vậy phải gắn chặt việc xây dựng y đức với phấn đấu tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức chung của công dân, công chức hay đảng viên cả về nội dung lẫn hình thức. Các đơn vị cần kết hợp chặt chẽ phong trào xây dựng y đức với phong trào xây dựng các đơn vị văn hóa và "Bệnh viện tình thương" do Công đoàn y tế Việt Nam phát động.

Nói tới công tác chính trị không thể không nói tới công tác thi đua khen thưởng. Cần tổ chức thường xuyên lấy ý kiến góp ý của người bệnh, kiên quyết phê bình và nếu cần thiết phải xử lý kỷ luật nghiêm khắc với mọi vi phạm về quy ước thực hiện y đức của đơn vị. Mặt khác lại phải thường xuyên nêu gương “người tốt việc tốt”, kịp thời khen thưởng những biểu hiện tốt trong thực hiện những quy ước về y đức. Các phương tiện thông tin đại chúng có vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng và thực hiện tốt y đức, chống lại sự sa sút và suy thoái về y đức.

Để xây dựng và thực hiện y đức, nếu chỉ chú trọng đến công tác chính trị đơn thuần thì chưa đủ. **Công tác tổ chức** có một vị trí không kém phần quan trọng. Trước hết phải coi công tác tổ chức quản lý bệnh viện là khâu then chốt. Người lãnh đạo bệnh viện phải dày công suy nghĩ tìm ra các giải pháp làm cho bệnh viện có một bộ mặt sạch sẽ, tạo ra sự hấp dẫn về môi trường với người bệnh. Gần đây, nhiều bệnh viện của chúng ta đã sạch hơn, một số ít bệnh viện quang cảnh đẹp để giúp người bệnh có môi trường điều trị trong lành. Tuy vậy vẫn còn nhiều bệnh viện chưa sạch, thậm chí còn bắn thiu từ phòng bệnh đến ngoại cảnh. Trong dân chúng vẫn tồn tại một quan niệm đẹp về người thầy thuốc : đó là con người vệ sinh sạch sẽ, ăn mặc nghiêm chỉnh, phong cách từ tốn và dịu dàng. Quan niệm này chắc chắn sẽ mai một và thậm chí đảo ngược nếu nơi làm việc của thầy thuốc lộn xộn, bắn thiu ; quần áo của thầy thuốc dơ bẩn ; hơi thở của thầy thuốc

luôn phả ra mùi rượu nồng nặc ; lời nói của thầy thuốc thô lỗ, tục tĩu. Quang cảnh môi trường cho đến vẻ ngoài của thầy thuốc tại một bệnh viện cũng là những tiêu chí đánh giá về việc thực hiện y đức của bệnh viện đó.

Công tác cải cách hành chính mà trước hết là cải cách các thủ tục, quy trình khám chữa bệnh trong bệnh viện cần được quan tâm đúng mức hơn nữa. Phải xây dựng những quy trình rất cụ thể và tạo thuận lợi cho việc khám chữa bệnh của bệnh nhân, từ khâu khám bệnh, làm các xét nghiệm, ... đặc biệt là khâu thu phí hoặc làm các thủ tục bảo hiểm y tế cho người có thẻ bảo hiểm, khâu miễn phí cho người nghèo... Một quy trình khám chữa bệnh lộn xộn, gây nhiều phiền hà cho người bệnh (bắt người bệnh ăn chực nằm chờ, đi lại quá nhiều lần không cần thiết, hết nộp tiền chỗ này lại nộp tiền chỗ kia, đây là chưa nói đến thầy thuốc lờ hờ để người bệnh phải ra về, cảnh khám chữa chen ngang hoặc bị cánh “cò mồi” lôi kéo ra chữa tại bệnh viện tư này hay bệnh viện tư nọ “nổi tiếng” hơn !) rất dễ làm cho quan hệ bệnh nhân - thầy thuốc và quan hệ bệnh nhân - bệnh viện thêm sút mẻ. Người bệnh bị phiền hà dẫn đến bực mình, thêm mệt mỏi trong khi thầy thuốc lại phải tuân thủ một cách cứng nhắc những quy định hành chính (đây là chưa nói tới người bệnh gặp phải thầy thuốc không gương mẫu về y đức).

Trong công tác tổ chức bệnh viện cũng cần phải nói tới vai trò của người nhà bệnh nhân trong bệnh viện. Nhân dân ta có truyền thống : “một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ”. Khi một người ốm vào viện,

có hàng chục lượt người thân ra vào thăm nom, nuôi dưỡng. Do đường xá xa xôi, nhiều người dùng hành lang bệnh viện làm tá túc qua đêm. Đây là chưa nói tới cảnh tượng diễn ra tại một số bệnh viện ở vùng sâu, vùng xa và miền núi : cả nhà đi theo một người bệnh, thậm chí mang theo cả gia súc đến bệnh viện để tiện chăm sóc trong khi cả nhà đi vắng. Bệnh viện đã không đủ nhân lực và tài lực để chăm sóc một lượng bệnh nhân quá tải, nay lại phải quan tâm (dù không phải là nhiệm vụ được giao) đến việc ăn, ở, sinh hoạt của người nhà bệnh nhân (mà con số ấy lại đông hơn bệnh nhân và sinh hoạt một cách tự do). Trong tình hình đó một số bệnh viện đã cố gắng tổ chức nhà ở cho người nhà bệnh nhân để cho ở miễn phí hoặc thu phí với giá rẻ. Dù có cố gắng đến mấy, thì công việc này lại càng làm cho bệnh viện thêm gánh nặng vì không có kinh phí lẫn nhân lực. Một số bệnh viện ngoài việc tổ chức khâu hướng dẫn chu đáo cho người nhà bệnh nhân trong quá trình sinh hoạt tại bệnh viện, đã phát huy vai trò của Hội đồng bệnh nhân trong việc giữ gìn vệ sinh trật tự, giúp cho bệnh viện sạch sẽ, đẹp đẽ và điều trị có kết quả hơn. Việc viết và ký nhận cam kết của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân với bệnh viện cũng là một hình thức tốt giúp ích cho việc giữ gìn vệ sinh trật tự trong bệnh viện.

Lãnh đạo các bệnh viện cần tìm ra và phổ biến những quy trình khám chữa bệnh tốt để vừa tránh gây phiền hà cho người bệnh, vừa đảm bảo trật tự bệnh viện và hiệu quả cao về chuyên môn và kinh tế. Hiện nay một số nhà quản lý đã đưa khái

niệm ISO 9000 vào công tác quản lý bệnh viện (như bệnh viện Nhi đồng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh). Đó là một ý tưởng thiết thực, cần được sự quan tâm của tất cả giám đốc các bệnh viện trong cả nước. Có như vậy thì việc thực hiện y đức của thầy thuốc mới có điều kiện và đạt hiệu quả cao.

Vấn đề đặt ra là phải thực hiện chính sách xã hội đối với cán bộ y tế trong việc xây dựng và thực hiện y đức. Trong thời kỳ chiến tranh cứu nước, chúng ta có thể động viên những người thầy thuốc quên mình, không quản hy sinh tính mạng để cứu chữa thương bệnh binh. Những người thầy thuốc lúc đó thực hiện mệnh lệnh này bằng cả trái tim của mình vì ngoài lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì sự sống còn của cả dân tộc, những người thầy thuốc đó còn biết rất rõ hậu phương đã lo toan chu đáo mọi việc cho vợ con, bố mẹ, giúp họ toàn tâm toàn ý phục vụ chiến trường. Ngày nay chúng ta không thể nói suông : anh hay chị hãy quên mình, tất cả vì người bệnh trong khi họ chưa đủ tiền lương để nuôi bố mẹ hay vợ con, trong khi họ còn canh cánh bên lòng mỗi lo một món tiền đóng cho con vào lớp, ôn thi vào đại học... Động viên chính trị và tự giác chính trị trong việc xây dựng và thực hiện y đức là bổn phận của mọi người thầy thuốc, nhưng công tác thực hiện chính sách xã hội đối với người thầy thuốc cũng không kém phần quan trọng. Nhiều tỉnh đã có những giải pháp cụ thể quan tâm đến cuộc sống tinh thần và vật chất của người thầy thuốc. Thí dụ : UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định xây nhà công vụ cho các bác sỹ về công tác tại các xã trong tỉnh. Đó thực

sự là tin vui động viên mọi thầy thuốc của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tuy nhiên, một số chính sách chưa được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện đầy đủ. Chỉ xin nêu một thí dụ : Các bộ và ban ngành của Chính phủ đã có chính sách về phụ cấp tiền trực cho thầy thuốc tại bệnh viện trong cả nước từ năm 1995. Nhưng rất tiếc đến nay, ở một số tỉnh, thầy thuốc vẫn chưa được hưởng chế độ này. Số tiền phụ cấp trực mà các địa phương trong cả nước đã nợ thầy thuốc từ 1995 đến 2000 lên đến trên 400 tỉ đồng. Liệu có thể động viên dài lâu thầy thuốc của các tỉnh này cứ tận tụy phục vụ người bệnh trong các phiên trực khi tỉnh còn nợ tiền phụ cấp trực của họ đã 5 năm. Trước tình hình này Thủ tướng Chính phủ đã hai lần trích từ ngân sách nhà nước một khoản tiền đáng kể để giúp các tỉnh trả món nợ trên cho thầy thuốc. Thiết nghĩ việc quan tâm của các cấp lãnh đạo từ trung ương đến địa phương đối với đời sống tinh thần cũng như vật chất của những người thầy thuốc đã đến lúc phải được đặt ra và có giải pháp cụ thể thiết thực, giúp cho thầy thuốc thực hiện y đức tốt hơn.

Xây dựng và thực hiện y đức là một việc làm vừa mang tính thường xuyên, vừa mang tính cấp bách và đột phá của ngành y tế nhằm nâng cao hiệu quả khám chữa bệnh, củng cố và lấy lại niềm tin của nhân dân đối với thầy thuốc nước ta. Xây dựng và thực hiện tốt y đức còn mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc. Đó là điều mà mỗi thầy thuốc chúng ta cần nhận thức đầy đủ và quyết tâm trong hành động cụ thể hằng ngày. □

NÂNG CAO...

(Tiếp theo trang 22)

các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế để giải quyết lao động dôi dư và không có việc làm thông qua quỹ hỗ trợ sắp xếp, cổ phần hóa. Xây dựng chính sách bảo hiểm xã hội thích hợp đối với người nghỉ hưu sớm, ưu đãi trợ cấp theo lương cấp bậc, chức vụ và thời gian đóng bảo hiểm xã hội ; thực hiện chế độ trợ cấp thôi việc đối với người lao động bị mất việc làm do sắp xếp lại DNNN và có kế hoạch đào tạo nghề, khuyến khích tự tìm công việc mới, bảo đảm đời sống cho người lao động.

10 - Đề nghị Quốc hội sớm sửa đổi Luật Doanh nghiệp nhà nước theo hướng tạo khuôn khổ pháp lý chung cho các loại hình doanh nghiệp ; ban hành Luật Chống độc quyền và khuyến khích cạnh tranh lành mạnh ; sửa đổi Luật Phá sản doanh nghiệp theo hướng người quyết định thành lập doanh nghiệp có quyền đề nghị tuyên bố phá sản ; sửa đổi Bộ Luật lao động và xem xét thông qua Luật Bảo hiểm xã hội. Nghiên cứu trình Quốc hội ban hành Luật Sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào kinh doanh như đã đề ra trong Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX).

Rõ ràng, muốn nâng cao hiệu quả sắp xếp và đổi mới DNNN phải xuất phát từ cả hai chủ thể : doanh nghiệp và Nhà nước. Yêu cầu hàng đầu để doanh nghiệp trụ vững và phát triển phụ thuộc vào chính khả năng, sự cố gắng của từng doanh nghiệp. Sự hiện diện của các cơ chế, chính sách của Nhà nước là yếu tố rất quan trọng để tạo đà cho doanh nghiệp phát triển vững chắc, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh trong tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. □



Đổi mới công tác biên phòng

ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ MỚI

TRINH NGỌC HUYỀN *

CÔNG tác biên phòng là một bộ phận của chiến lược xây dựng và bảo vệ đất nước. Để nâng cao hiệu quả quản lý bảo vệ biên giới quốc gia góp phần giữ vững và ổn định đất nước, phục vụ đắc lực cho quá trình mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, công tác biên phòng phải không ngừng được đổi mới.

Một số quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta về bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia.

a) Bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới là sự nghiệp của toàn dân.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin khẳng định : *Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, trong chiến tranh, ai có nhiều lực lượng hậu bị hơn, ai có nhiều nguồn lực hơn, ai kiên trì đi sâu vào quần chúng nhân dân hơn, thì người đó thu được những thắng lợi.* Do đó, trong hoạt động cách mạng nói chung và trong việc bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới nói riêng, Đảng và Nhà nước ta bao giờ cũng chủ trương "dựa vào dân, lấy dân làm gốc". Nhân dân là cội nguồn của sức mạnh vô tận trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, đồng thời cũng là mục tiêu và động lực của sự nghiệp đó.

Thực tiễn đấu tranh của dân tộc ta hàng nghìn năm chống xâm lược đã chứng minh sức mạnh kiên cường quật khởi của các tù trưởng, tộc trưởng và nhân dân các dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới đã tạo nên lá chắn, phen dậu vững chắc ngăn chặn bước tiến của quân thù để bảo vệ nền độc lập. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa truyền thống quý báu đó, kết hợp với chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng ta để tạo nên sức mạnh vật chất to lớn trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới. Người chỉ rõ : "Chúng ta phải dựa vào dân. Nhất là công an biên phòng, ở những nơi đồng bào thiểu số, phải chú ý đến phong tục tập quán của đồng bào, luôn giúp đỡ giáo dục đồng bào, làm cho đồng bào tin yêu, phục cán bộ thì đồng bào sẽ hết sức giúp đỡ, có khi hy sinh cả cho ta. Đối với những đơn vị biên thùy hay ở các đảo, việc ấy phải hết sức chú ý ; phải giúp đỡ dân, ngày thường tìm mọi cách giáo dục họ, giúp đỡ, tổ chức họ. Muốn làm như thế, phải nắm vững chính sách đối với đồng bào thiểu số, điều đó rất cần thiết"⁽¹⁾ .

* Thiếu tướng, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1996, t 9, tr 404

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về sự nghiệp bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, Đảng ta đã khẳng định : Xây dựng và bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân, của tất cả các ngành, các cấp, của Nhà nước và các đoàn thể.

Công tác biên phòng luôn phải dựa vào dân, trước hết là xây dựng được phòng tuyến nhân dân, "trận địa lòng dân vững chắc". Chúng ta dựa vào dân để nắm tình hình, để chống tội phạm, để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chống xâm canh, xâm cư, lấn chiếm biên giới ... Bộ đội Biên phòng phải tạo điều kiện cho nhân dân được hưởng mọi thành quả cách mạng đem lại, chính quyền chăm lo đời sống mọi mặt cho nhân dân về tinh thần, vật chất, làm cho nhân dân gắn bó với Đảng, với chế độ, thực hiện đầy đủ các quyền tự do, dân chủ với nhân dân, không ức hiếp dân, khuyến khích nhân dân làm giàu chính đáng, xóa đói giảm nghèo, thực hiện tốt chính sách xã hội, chính sách ưu đãi đối với những người có công với cách mạng. Thực hiện tốt chính sách yên dân, chăm lo sức dân, làm cho mọi người dân được no ấm, được học hành, đó là nền tảng của "thế trận lòng dân". Làm như vậy dân sẽ một lòng theo Đảng, gắn bó với chế độ xã hội chủ nghĩa, khi đất nước lâm nguy dân sẽ bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, đoàn kết một lòng để đánh giặc giữ nước. Phải làm tốt công tác vận động quần chúng, lấy vận động giáo dục thuyết phục là chính, làm cho quần chúng thấy rõ đúng sai, thấy được lẽ phải để cảnh giác với âm mưu lừa bịp của kẻ địch và phần tử xấu, dám đấu tranh tố giác kẻ địch, vạch mặt bọn xấu, kiên quyết xử lý bọn chủ mưu cầm đầu quá khích, để hỗ trợ cho phong trào quần chúng. Không được đối đầu với quần chúng, không làm mất lòng dân.

Thực tiễn công tác biên phòng những năm qua càng khẳng định vai trò to lớn của nhân dân. Đó là sức mạnh hùng hậu tại chỗ, là điểm tựa vững chắc cho Bộ đội Biên phòng trong thời bình cũng như thời chiến ; là tuyến "hậu cần tại chỗ" cùng chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ trong mọi hoàn cảnh thuận lợi, khó khăn. Vì vậy, cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng luôn "coi đồn là nhà, biên giới là quê hương, đồng bào các dân tộc là anh em ruột thịt".

b) Bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia một cách toàn diện.

Nghị quyết 11/NQ-TW của Bộ Chính trị, ngày 8-8-1995 xác định: "Nhiệm vụ biên phòng trong tình hình mới rất toàn diện và phức tạp, bao gồm : bảo vệ biên giới trên bộ, trên biển, bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội, chống xâm nhập trái phép, chống buôn lậu qua biên giới, bảo vệ tài nguyên đất nước, xây dựng biên giới hòa bình hữu nghị, hợp tác phát triển với các nước láng giềng". Những nội dung và yêu cầu đó đặt ra những vấn đề có tính nguyên tắc, có ý nghĩa chiến lược trong đường lối của Đảng ta.

Trong tình hình mới, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, phải gắn với bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ môi sinh, môi trường, lợi ích quốc gia, bảo vệ nền văn hóa dân tộc, giữ gìn trật tự an toàn xã hội ; kết hợp chặt chẽ giữa quản lý nhà nước về biên giới quốc gia với nhiệm vụ an ninh, quân sự và đối ngoại. Do đó, Bộ đội Biên phòng được Nhà nước giao cho nhiệm vụ thừa hành pháp luật và các điều ước quốc tế, chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng, Nhà nước, thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia.

c) Trong quá trình bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia phải kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và đối ngoại.

Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng khẳng định : "Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng và an ninh với kinh tế trong chiến lược quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Phối hợp hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại"⁽²⁾. Nắm vững quan điểm kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh, đối ngoại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, giải quyết những vấn đề phức tạp xảy ra trên biên giới, vùng biển thông qua đàm phán hòa bình, trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau, bình đẳng cùng có lợi. Sự gắn kết giữa các nhiệm vụ trên trước hết cần thông suốt trong tư duy chỉ đạo, cũng như trong hành động thực tiễn. Sự gắn bó chặt chẽ giữa các lực lượng phải được quán triệt từ quá trình nắm tình hình, cũng như trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và đối ngoại.

d) Bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới đi đôi với xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định : "Mở rộng quan hệ nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị, kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực theo các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ; bình đẳng và cùng có lợi, giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hòa bình ; làm thất bại mọi âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt và cường quyền"⁽³⁾.

Giữ vững độc lập chủ quyền an ninh biên giới gắn với việc tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng, khu vực nhằm tạo môi trường ổn định để xây dựng phát triển kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài phục vụ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Mở cửa phục vụ đổi mới phát triển kinh tế - xã hội - tăng cường giao lưu hợp tác quốc tế phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đi đôi với tăng cường quản lý nhà nước về biên giới, giữ vững trật tự kỷ cương biên giới, "mở cửa đi đôi với gác cửa".

Bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia và xây dựng biên giới hòa bình hữu nghị là hai mặt trong một chỉnh thể của nguyên tắc bảo vệ biên giới quốc gia. Trước hết phải bảo vệ chủ quyền quốc gia vì đây là tài sản thiêng liêng, bất khả xâm phạm ... Chính vì mục tiêu này mà bao thế hệ người Việt Nam đã đổ xương máu để giành lại. Bộ đội Biên phòng được giao nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, đồng thời xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị với các nước láng giềng để tạo môi trường ổn định xây dựng đất nước. Do đó, trong đấu tranh phải kiên quyết giữ vững nguyên tắc không để mất một tấc đất, nhưng phải nắm vững đường lối đối ngoại của Đảng, phải khôn khéo mềm dẻo, không để đối đầu căng thẳng, không để địch lợi dụng kích động.

Lấy việc mở rộng quan hệ bình thường, mở rộng hợp tác giao lưu kinh tế giữa hai nước để đẩy lùi, ngăn chặn hành động lấn chiếm, hoạt động tình báo, gián điệp, phá

(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 117

(3) Sđd, tr 120

hoại an ninh biên giới nước ta. Giải quyết mọi vụ việc liên quan đến khu vực biên giới phải kiên trì, khéo léo, đàm phán để giải quyết các vấn đề bất đồng, nhưng phải giữ nguyên tắc : "bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ".

d) Bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới gắn liền với nhiệm vụ xây dựng phát triển kinh tế - xã hội.

Sự kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới được thể hiện ngay từ trong chiến lược phát triển toàn bộ nền kinh tế quốc dân cũng như trong từng lĩnh vực, từng địa phương, từng tuyến biên giới, vùng biển, trong các hoạt động về kinh tế nói chung và đặc biệt là trong hoạt động kinh tế đối ngoại nói riêng.

Bộ đội Biên phòng phải tích cực làm tham mưu, giúp đỡ địa phương và nhân dân xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cải thiện đời sống, nâng cao dân trí cho nhân dân, trực tiếp giúp đỡ nhân dân phát triển kinh tế - xã hội. Đây là mối quan hệ biện chứng giữa xây dựng biên giới và bảo vệ biên giới.

Việc phát triển kinh tế ở khu vực biên giới phải gắn với công tác định canh, định cư, với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới. Khai thác thế mạnh tại chỗ, khuyến khích kinh tế hộ gia đình, từng bước nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc ở khu vực biên giới, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, xây dựng làng, bản, xã biên giới mới, hình thành các điểm sáng văn hóa, cụm làng, xã chiến đấu ...

Bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới. Xây dựng biên giới hòa bình hữu nghị với các nước láng giềng, ổn định lâu dài biên giới. Tăng cường quản lý nhà nước về biên giới quốc gia phục

vụ đắc lực cho việc mở cửa hợp tác và phát triển trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chủ trương mở cửa hợp tác giao lưu quốc tế của Đảng và Nhà nước.

Nội dung đổi mới công tác biên phòng trong tình hình mới.

a) Đổi mới công tác vận động quần chúng.

Trong các biện pháp, biện pháp vận động quần chúng là cơ bản. Vì vậy cấp ủy, chỉ huy các cấp trong Bộ đội Biên phòng phải nhận thức sâu sắc hơn nữa vị trí, yêu cầu công tác vận động quần chúng trong tình hình mới. Muốn làm tốt công tác vận động quần chúng, cấp ủy, chỉ huy và mọi cán bộ, chiến sĩ biên phòng phải có tình cảm sâu sắc, thực sự thương yêu đồng bào, coi khó khăn của đồng bào như khó khăn của chính người thân của mình. Phải tin dân, gần dân, cùng ăn, cùng ở, cùng làm, lẫn lộn bám địa bàn, bám dân, nắm chắc tâm tư nguyện vọng của nhân dân, phải tôn trọng dân, phải hết lòng, hết sức vì đồng bào. Muốn xây dựng được phong trào phải hết sức chăm lo xây dựng động lực của phong trào. Phải phát huy sức mạnh tổng hợp trong công tác vận động quần chúng. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chỉ huy đối với công tác vận động quần chúng, từng thời kỳ phải có chủ trương, biện pháp chỉ đạo cho phù hợp với từng địa bàn, từng đơn vị.

Coi trọng đối thoại, tuyên truyền miệng, dựa vào cán bộ, đảng viên, già làng, trưởng bản, các cựu chiến binh, những người có uy tín trong các dân tộc, tôn giáo.

Nội dung tuyên truyền phải bám sát chủ trương, chính sách của Đảng, định hướng của địa phương. Giúp cấp ủy, chính quyền địa phương xây dựng cơ sở chính trị, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các

tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, công an, dân quân cơ sở đảm bảo trong sạch, vững mạnh. Chú trọng xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân tộc địa phương, không để các thế lực thù địch lôi kéo, cô lập, vô hiệu hóa. Tham mưu cho các cấp, các ngành và địa phương tiếp tục đẩy mạnh và thực hiện Chỉ thị 15 của Thủ tướng Chính phủ về : "Tăng cường chỉ đạo xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh ở các xã, phường biên giới, hải đảo". Kết hợp tuyên truyền vận động với chăm lo đời sống, nâng cao dân trí, nâng cao cảnh giác chống địch lợi dụng với tổ chức hướng dẫn quần chúng đấu tranh chống âm mưu của địch, tham gia bảo vệ biên giới. Xây dựng các phong trào tự quản của quần chúng trong bảo vệ biên giới quốc gia.

Trực tiếp tham gia cùng địa phương phát triển kinh tế - xã hội, phối hợp với ngành giáo dục tham gia xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học cho những đối tượng là cán bộ, đảng viên, cho các cháu ở vùng sâu, vùng xa ; tăng cường lực lượng quân y cho các đồn để giúp đỡ nhân dân phòng bệnh, cấp cứu ban đầu, chăm lo sức khỏe đồng bào ; phối hợp với ngành văn hóa - thông tin tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền, đưa ánh sáng văn hóa của Đảng đến với đồng bào, xây dựng bản làng văn hóa, gia đình văn hóa, thực hiện phong trào xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư... Thông qua đó, tham gia cùng địa phương phát triển kinh tế xã hội để giữ vững trận địa lòng dân.

b) Đổi mới về công tác trình sát biên phòng.

Nhận thức đúng đắn về vị trí của công tác trình sát biên phòng là mũi nhọn trong phòng và chống kẻ địch bí mật, tội phạm để bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới. Kết hợp

chặt chẽ và triển khai thực hiện đồng bộ các phương thức hoạt động của trình sát biên phòng. Đổi mới trước hết là nắm tình hình địch trong, ngoài biên giới, nắm tình hình nhân dân.

Công tác xây dựng cơ sở phải hướng vào những người có uy tín ở vùng dân tộc thiểu số, người có chức sắc trong tôn giáo và những cơ sở tín cậy ở ngoại biên để nắm chắc tình hình, phục vụ cho đấu tranh bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới có hiệu quả. Tùy theo yêu cầu nhiệm vụ trong từng thời kỳ, trên từng tuyến biên giới để vận dụng cho phù hợp. Trong tình hình mới, đặc biệt coi trọng đầu tư trang bị kỹ thuật công nghệ mới cho hoạt động trình sát biên phòng ; kết hợp chặt chẽ việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ đội ngũ cán bộ trình sát với chỉ đạo vận dụng sáng tạo chủ trương xã hội hóa, hợp pháp hóa, quần chúng hóa công tác trình sát biên phòng. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ an ninh biên giới với nhiệm vụ đấu tranh chống tội phạm, buôn lậu, ma túy, tệ nạn xã hội ...

c) Đổi mới công tác đối ngoại biên phòng.

Công tác đối ngoại biên phòng phải được tiếp tục đổi mới phù hợp với tình hình nhiệm vụ hiện nay. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại biên phòng, cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất về công tác đối ngoại. Các cơ quan, đơn vị biên phòng làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, quan hệ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành trong công tác đối ngoại biên phòng. Xây dựng và phát triển tốt mối quan hệ biên giới hòa bình, đoàn kết hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng. Tăng cường trao đổi, hiệp đồng với lực lượng bảo vệ biên giới và chính quyền địa phương nước láng

giềng trên cơ sở các hiệp định, hiệp nghị đã được ký kết giữa Nhà nước ta với chính phủ các nước. Thông qua tiếp xúc, gặp gỡ giữa các lực lượng bảo vệ biên giới hai bên, các cấp chính quyền và quần chúng hai bên biên giới để tuyên truyền phát triển quan hệ hữu nghị. Gặp gỡ giải quyết các vấn đề phức tạp xảy ra trên biên giới không để căng thẳng xung đột, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại nhân dân tạo môi trường ổn định. Làm tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối ngoại biên phòng. Nắm vững nội dung, phương châm, nguyên tắc, quy trình, phương pháp tiến hành công tác đối ngoại biên phòng, đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tập quán, luật pháp quốc tế. Tổ chức học tập tuyên truyền giáo dục cho nhân dân và các ngành có liên quan trong khu vực biên phòng về ý thức bảo vệ độc lập, chủ quyền, lợi ích quốc gia, khắc phục tình trạng cục bộ, tùy tiện trong hoạt động quan hệ với các nước làm phương hại đến chủ quyền lợi ích quốc gia. Tiếp tục chấn chỉnh đưa công tác đối ngoại biên phòng vào nền nếp, đạt hiệu quả. Tăng cường công tác chỉ đạo và quản lý thống nhất từ trên xuống dưới đối với công tác đối ngoại biên phòng.

d) Đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về biên giới quốc gia.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng Bộ đội Biên phòng, tăng cường quản lý nhà nước về biên giới quốc gia là yêu cầu khách quan của các quốc gia có chủ quyền.

Nội dung tăng cường quản lý nhà nước về biên giới quốc gia tập trung vào : tham mưu cho Nhà nước sớm hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về biên giới quốc gia ; rà soát lại các văn bản, sửa đổi bổ sung cho

phù hợp, cải cách thủ tục, giảm bớt phiền hà, tạo thông thoáng qua lại biên giới.

Ban hành các quy định về cơ chế lãnh đạo và phối hợp giữa các bộ, các ngành để phát huy sức mạnh tổng hợp. Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với biên giới quốc gia, giữ vững kỷ cương phép nước trên địa bàn biên giới, thực hiện nghiêm chỉnh các hiệp ước mà Nhà nước ta là một bên ký kết hoặc tham gia. Quản lý chặt chẽ xuất - nhập cảnh, xuất - nhập biên, làm tham mưu cho các cấp chính quyền thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với biên giới quốc gia, vùng biển, đảo.

Song song với công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia phải đầu tư trang bị kỹ thuật, đưa khoa học công nghệ và kỹ thuật mới vào công tác kiểm tra, kiểm soát, nhất là ở các cửa khẩu. Đội ngũ cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng được tuyển chọn chặt chẽ và đào tạo kỹ, kiên định vững vàng, có phẩm chất đạo đức và lối sống lành mạnh, có kiến thức cơ bản toàn diện, nhất là kiến thức về lĩnh vực an ninh, quân sự, đối ngoại, pháp luật, thông lệ quốc tế, ngoại ngữ ...

đ) Đổi mới về xây dựng lực lượng.

Xây dựng lực lượng bảo vệ biên giới chuyên trách, nòng cốt, vững mạnh với hệ thống tổ chức chỉ huy thống nhất để quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối, trực tiếp của Đảng, của cấp ủy địa phương, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng, các ngành, các cấp trong công tác xây dựng và bảo vệ biên giới. Có quy chế phối hợp với các lực lượng, bộ, ngành, tránh sơ hở chồng chéo. Xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ vững vàng, tin cậy về chính trị, tinh thông về nghiệp vụ, pháp luật, thành thạo về chiến - kỹ thuật, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu. □

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP Ở TÂY NGUYÊN - NHÌN TỪ THỰC TIỄN

TRƯƠNG MINH DỤC*

ĐỐI với những nước nông nghiệp, sở hữu ruộng đất là “trực” của những quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội. Vì vậy, muốn hiểu chế độ chính trị, kinh tế, xã hội ở một nước trong một thời kỳ lịch sử, cần nghiên cứu sự vận động của chế độ sở hữu ruộng đất.

Tây Nguyên gồm 4 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk và Lâm Đồng, có diện tích tự nhiên 56 000 km², bằng 17% diện tích cả nước, lớn gấp 1,4 lần diện tích đồng bằng sông Cửu Long. Đây là vùng giàu tiềm năng đất đai phù hợp với phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp. Hơn 75% diện tích Tây Nguyên có độ màu mỡ cao, có đất đỏ badan quý hiếm chiếm 3/4 diện tích đất đỏ cả nước với 1,4 triệu ha, thích hợp cho việc phát triển nhiều loại cây công nghiệp dài ngày và có giá trị như cà phê, cao su, chè, hồ tiêu, dâu tằm. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển những vùng chuyên canh cây công nghiệp. Rừng Tây Nguyên bạt ngàn, song trải qua nhiều năm chiến tranh tàn phá, cùng với quá trình khai thác vượt mức tái sinh của rừng, nên đến nay rừng Tây Nguyên chỉ còn lại khoảng 3,3 triệu ha, ước khoảng 46,8% trữ lượng gỗ của cả nước.

Xã hội cổ truyền Tây Nguyên là một điển hình của xã hội nông nghiệp phương Đông.

Vì vậy, để có chính sách ruộng đất đúng đắn ở Tây Nguyên, cần tính toán thận trọng đến sở hữu ruộng đất trong quá trình lịch sử, những yếu tố tự nhiên, lịch sử văn hóa, xã hội ảnh hưởng đến quá trình quản lý, sử dụng đất ở khu vực này. Thực chất đây là một nội dung quan trọng trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

1 - Sở hữu ruộng đất ở Tây Nguyên trong quá trình lịch sử.

a) Sở hữu ruộng đất cổ truyền.

Nghiên cứu về sở hữu ruộng đất cổ truyền ở Tây Nguyên đã được đề cập trong nhiều công trình của các nhà sử học, dân tộc học (1), chúng tôi xin nêu một số nét về tình hình sở hữu ruộng đất ở Tây Nguyên.

Cho đến cuối thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp bắt đầu xâm chiếm Tây Nguyên, 100% cư dân ở đây là những người nông dân sống trong các công xã bắt đầu phân hóa giai cấp, còn nhiều tàn tích của xã hội nguyên thủy. Đời sống của họ gắn liền với núi rừng, với

* TS. Phân viện Đà Nẵng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Xem : Mạc Đường : *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978. Đặng Nghiêm Vạn. “Vấn đề sở hữu ruộng đất ở Tây Nguyên”. *Vấn đề phát triển kinh tế xã hội các dân tộc thiểu số ở Đắk Lắk*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990

ruộng rẫy. Các buôn làng tồn tại như những đơn vị tách biệt, được quy định bằng ranh giới không cụ thể lắm. Giữa các làng thường cách nhau bởi những khu rừng vô chủ. Các loại đất rừng, đất canh tác ở các buôn làng thuộc quyền sở hữu tập thể (có thể xem như sở hữu toàn dân, vì làng là đơn vị xã hội duy nhất), chủ làng là người thay mặt cho sở hữu đất đai của làng, có trách nhiệm đứng ra giải quyết vấn đề liên quan đến đất rừng.

Đối với rừng, người dân có quyền khai thác, sử dụng; họ có thể chăn thả gia súc, khai thác dược liệu, lâm thổ sản để làm vật dụng ..., săn bắn muông thú, hái lượm các loại rau, củ, nhất là trong những ngày giáp hạt, mất mùa thường xuyên xảy ra ... Rừng là của chung, là phần cốt yếu của đời sống. Rừng có chủ và người chủ đó là toàn thể cộng đồng, hay về ý nghĩa tôn giáo là thuộc về thần đất của làng (Yang Lon hay Lăn). Cá nhân không có quyền chiếm hữu đất rừng, nhưng những người trong cộng đồng lại có quyền chiếm hữu các cây gỗ quý, cây có tổ ong mà người Ê Đê, Gia Rai gọi là Ktong, Kjart. Quyền đó đã được luật tục bảo vệ. Ngoài các cây có bọng ong là những cây dược liệu được chăm sóc theo cách nửa hái lượm, nửa trồng trọt, các cây gỗ quý, cây gỗ làm quan tài, sử dụng trong các lễ thức tôn giáo ... đều thuộc quyền sở hữu của người tìm thấy đầu tiên theo luật "quyền đầu rìu". Quyền sở hữu các loại cây này được cha truyền con nối, trừ trường hợp đã bỏ làng. Rừng là nguồn vô tận cung cấp cho cộng đồng đất canh tác, theo phương thức du canh hay luân canh. Ruộng, rẫy khi không còn sử dụng để canh tác lại trở thành rừng.

Như vậy, đất canh tác và đất rừng được con người sử dụng để trồng trọt. Đất canh tác xưa chủ yếu là rẫy, có nơi ruộng khô, phương thức canh tác theo lối chọc, tía. Đất canh tác

có lúc được sử dụng, có lúc được nghỉ tùy theo trình độ canh tác của từng dân tộc, tùy theo độ màu mỡ của đất và tính chu kỳ của sản xuất. Trên đất canh tác người ta trồng lúa, hoa màu, các loại rau, củ, bầu bí, gia vị, đay, gai để lấy sợi dệt vải, cây thuốc nhuộm, dược liệu, cây dùng cho tín ngưỡng v.v.. Sản phẩm của rẫy cung cấp đủ các nhu cầu thiết yếu cơ bản của nhà nông mà ruộng và rừng không có khả năng quán xuyến. Đất canh tác có thể là ruộng nước nhưng không nhiều. Chỉ người Xê Đăng thuộc nhóm Mơ Nâm ở vùng núi Ngọc Linh, người Mnông ở ven hồ Lak, ở bộ phận người Srê, người Chu-ru ở Di Linh, Đức Trọng có ruộng nước để canh tác, nhưng với một diện tích ít ỏi. Đất canh tác tuy mang tên gọi riêng là nương rẫy, nhưng vẫn quan hệ đến rừng. Nếu đất rừng thuộc quyền sở hữu tập thể, người dân không có quyền chiếm hữu, thì đất canh tác trên danh nghĩa thuộc về cộng đồng, nhưng người dân đã có toàn quyền chiếm hữu. Từng nóc nhà, từng gia đình khẳng định quyền khai phá của mình, có thể chiếm hữu vĩnh viễn, không phải chia lại theo định kỳ. Đã là quyền sở hữu hạn chế hay quyền sở hữu không trọn vẹn là thành viên của cộng đồng, nóc nhà hay gia đình phải thực hiện nghĩa vụ bảo vệ và phát triển cộng đồng. Vì một lý do nào đấy, nếu nóc nhà hay gia đình tự bỏ đi hoặc bị khai trừ ra khỏi làng, quyền chiếm hữu không trọn vẹn sẽ mất theo. Việc nhượng, bán, đổi chác đất canh tác chỉ thực hiện trong cộng đồng, theo một lễ trình "Yang" để xin đổi quyền làm chủ. Tính bền vững của quyền sở hữu đối với một nóc nhà, một gia đình về mảnh đất canh tác, tùy thuộc ở độ tuổi sử dụng của nó. Người Tây Nguyên có lẽ cầu thần linh chứng giám với người đại diện của cộng đồng, khi tìm được một khu rừng tốt, thuận lợi cho canh tác, muốn để dành cho con cháu. Người ông hay người cha dất cháu

hoặc con ra khẩn với sự có mặt của chủ làng, xin quyền thừa kế.

Về đất vườn, ở Tây Nguyên chỉ phổ biến hình thức vườn "tự cấp, tự túc" của đồng bào trên rẫy, xen canh và đa canh gói vụ, trồng đủ các loại rau, bầu, bí ... Điều này, một lần nữa chứng minh đất canh tác theo truyền thống, liên quan chặt chẽ đến rừng.

Tóm lại, trong xã hội cổ truyền, đất đai ở Tây Nguyên thuộc quyền sở hữu của từng làng. Chủ đất đai là thuộc buôn làng. Người đại diện quyền sở hữu đó là chủ làng, được coi như được thần đất ủy thác. Quyền sở hữu toàn dân (hay sở hữu tập thể) này do dân làng chấp nhận. Người dân được quyền sử dụng đất rừng, được bình đẳng thừa hưởng các sản vật của rừng. Rừng là cái quan trọng nhất đối với đời sống con người Tây Nguyên.

Cho đến nay, sở hữu ruộng đất cổ truyền còn in đậm nét trong xã hội của đồng bào các dân tộc thiểu số. Giải quyết vấn đề ruộng đất ở Tây Nguyên hiện nay cần phải tính đến yếu tố lịch sử này.

b) Sở hữu ruộng đất ở Tây Nguyên dưới thời Pháp thuộc và thời Mỹ - nguy.

Sau khi xâm chiếm bình định xong Việt Nam, đối với Tây Nguyên thực dân Pháp đã áp dụng chính sách trù lên quyền sở hữu đất đai cổ truyền, quyền sở hữu toàn dân trên những vùng cần thiết. Thực dân Pháp thực hiện di chuyển, dồn ép các buôn làng để xây dựng thị trấn, thị xã, đường giao thông ... đặc biệt là thành phố Đà Lạt. Các nghị định ngày 30-7-1923, 25-3-1925 và ngày 25-8-1939 của Khâm sứ Trung Kỳ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc cướp trắng đất đai để người Pháp lập ra các đồn điền và hạn chế người Kinh lên lập nghiệp. Xuất hiện những đồn điền rộng lớn trồng cao su, cà phê, quinquina, chè ... thuộc Công ty nông nghiệp châu Á (CADA), Công ty Tây Nguyên Đông Dương (CMPI), những

đồn điền của Rôt-xi, của Mác-xin, sở chè Bu-prăng ... với diện tích hàng vạn héc ta. Một số đồng bào dân tộc đã làm công nhân, một số đồng từ các địa phương đến phải làm lao dịch theo chế độ đi phu hoặc làm thuê theo vụ tại các đồn điền. Đặc điểm quyền sở hữu đất đai thời Pháp thuộc thể hiện :

- Quyền sở hữu về đất đai ở các buôn làng chỉ còn mang tính tập thể, Nhà nước đã giám sát quyền mua bán, chuyển nhượng, tức là đã khẳng định quyền sở hữu toàn dân trên một mức độ nhất định.

- Xuất hiện sở hữu tư nhân về ruộng đất. Do sự du nhập phương thức sản xuất nông nghiệp tư bản chủ nghĩa vào Việt Nam nói chung và Tây Nguyên nói riêng, quyền sở hữu tư nhân về ruộng đất đã xuất hiện và phát triển. Một số công chức, binh lính và một số tầng lớp trên người Thượng đã lợi dụng ưu thế của mình từng bước biến các mảnh ruộng vườn, rẫy bằng phẳng, màu mỡ, xưa chỉ được quyền chiếm hữu không trọn vẹn, thành sở hữu tư nhân. Đồng thời, chúng đã chuyển nhượng hàng chục ha rừng cho người Pháp lập đồn điền.

Chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ kéo dài 30 năm một cách tàn khốc, làm xáo trộn về địa bàn cư trú, phân bố dân cư, tổ chức xã hội, ý thức hệ. Những công xã nông thôn hiền lành, chân thật tưởng như vững chắc bị nghiêng ngả, đối phó thụ động và vô thức trước thời cuộc. Do chiến tranh, sở hữu ruộng đất ở Tây Nguyên một lần nữa bị biến động nghiêm trọng, nhất là ở những vùng ven đô, ven thôn, có nhiều tài nguyên về rừng, có khả năng khai thác và trồng cây công nghiệp. Để phục vụ cho chiến tranh, Mỹ - nguy cướp đất đai để xây dựng căn cứ quân sự, làm sân bay, đường sá, cầu cống ... lập vành đai tôn giáo chống cộng. Chúng dồn dân vào khu tập trung, áp chiến lược ven các tiểu khu, chi khu

quân sự, đường giao thông chiến lược v.v... Chúng đốt phá, triệt hạ hàng trăm làng, hủy diệt cả môi trường sinh thái bằng bom đạn và chất độc hóa học ... Một phần tư rừng bị phá hủy. Chúng cướp đất để mở các đồn điền. Hơn nữa, với chủ trương tạo ra một chế độ hữu sản, Mỹ - ngụy khuyến khích quyền sở hữu tư nhân về ruộng đất. Chương trình kiến điền dựa theo Sắc luật 034/67, ngày 29-8-1967 xác nhận quyền sở hữu tư nhân trên đất định canh và luân canh. Với phần đất định canh, mỗi gia đình có quyền hưởng không giới hạn về diện tích, còn phần luân canh, một gia đình chỉ được tối đa 10 mẫu. Khác với thời thực dân Pháp, những người có thế lực lợi dụng cướp đoạt các cánh rừng, đất canh tác màu mỡ của công xã biến thành của tư một cách hợp pháp. Nhiều điền chủ người Việt và người Hoa đến lập nghiệp với diện tích to, nhỏ khác nhau. Đã xuất hiện điền chủ người dân tộc. Ở Đăk Lăk, số điền chủ người bản xứ lên đến hàng chục, trong đó có cả người dân tộc. Quyền tư hữu được khẳng định. Dân các làng nhất là quanh thị trấn và dọc các trục đường giao thông cũng chuyển nhanh quyền chiếm hữu không trọn vẹn đất canh tác thành của riêng. Sự chuyển biến này rõ rệt nhất ở vùng người Cơ-ho, Chu Ru, nơi quyền tư hữu ruộng đất đã manh nha từ trước, ở một bộ phận đáng kể người Gia Rai, Ê Đê, Ba Na. Ở vùng Xê Đăng, Gié Triêng chưa xuất hiện hiện tượng nào sở hữu tư nhân về ruộng đất.

- Hiện tượng mua bán, nhượng cầm cố đất đai ra ngoài phạm vi buôn làng, với người khác tộc trở nên phổ biến. Đã xảy ra những vụ tranh chấp đất đai, thể hiện sự đấu tranh giữa hai quan niệm về sở hữu trong dân làng. Đã có hiện tượng xâm canh và những hình thức bóc lột theo phương thức xã hội có giai cấp ra đời như tô, thuê đất rừng từng vụ ... thường theo bình quân, chủ được một, người

thuê được một, bán lúa và hoa màu non với giá rẻ mạt, theo lối trao đổi cảm tình giữa hai bên bán và mua.

- Ở vùng cao, hẻo lánh, ở vùng nông thôn xa đường giao thông, ở vùng căn cứ kháng chiến, tuy có sự xáo trộn dân cư các làng do bom đạn, do tranh chấp với việc gom dân, dồn dân, do biến động dân số, nhưng về cơ bản quyền sở hữu của buôn làng về đất đai vẫn được duy trì, quyền chiếm hữu của từng nóc nhà, từng gia đình trên những mảnh rừng, ruộng rẫy vẫn được tôn trọng.

Do đặc điểm canh tác của cư dân Tây Nguyên, mảnh đất canh tác du canh hay luân canh, thường gồm hai phần : phần đang sử dụng và phần trong thời gian nghỉ, để rừng tái sinh sau một thời gian sẽ sử dụng trở lại. Từng nóc nhà, từng cá nhân vẫn có quyền chiếm hữu mảnh rừng sử dụng làm đất canh tác của mình.

- Do ảnh hưởng của chiến tranh, người Kinh lên Tây Nguyên ồ ạt, từ chỗ năm 1945 chỉ chiếm 5% dân số, đến năm 1975 đã chiếm 50%(2). Quyền sở hữu tư nhân về ruộng, vườn được xác lập, vì vậy quyền sở hữu truyền thống phần đất trồng trọt đã bị đảo lộn.

- Cũng do ảnh hưởng của chiến tranh nên việc xác lập quyền sở hữu cổ truyền đối với rừng trở nên thiếu cụ thể, nhất là những khoảng rừng nằm giữa các buôn làng, tình trạng không quản lý vô chủ là phổ biến, mặc dù ở nhiều nơi quyền chiếm hữu cá nhân đối với các cây quý, quy ước bảo vệ rừng đầu nguồn có liên quan đến tín ngưỡng, phong tục vẫn được tôn trọng. Thực trạng kinh tế - xã hội nói chung và sở hữu đất đai rừng núi cổ truyền của cư dân Tây Nguyên nói riêng cần được tính đến trong chính sách ruộng đất

(2) Xem Nguyễn Thị Nường : "Tăng trưởng dân số và tài nguyên rừng ở Tây Nguyên", tạp chí *Báo chí và Tuyên truyền*, số 2, 1999

của Đảng và Nhà nước, trong công tác quản lý ruộng đất của chính quyền địa phương.

2 - Chính sách phát triển kinh tế - xã hội, chính sách ruộng đất và công tác quản lý ruộng đất từ 1975 đến nay.

Do có tiềm năng lớn cho phát triển kinh tế, từ sau ngày giải phóng, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội nhằm nhanh chóng biến Tây Nguyên thành một vùng chiến lược về kinh tế, chính trị, quốc phòng. 26 năm qua do sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân mà trực tiếp là các đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Tây Nguyên, nhiều vùng chuyên canh cây công nghiệp cà phê, cao su ra đời, bộ mặt kinh tế - xã hội Tây Nguyên có nhiều biến đổi. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công đó, có nhiều khuyết điểm, sai lầm, thiếu sót, đặc biệt trong vấn đề sở hữu ruộng đất. Đó là :

- Chưa tính toán đầy đủ những yếu tố lịch sử trong vấn đề đất đai. Quan niệm về thực hiện quyền sở hữu toàn dân và quyền chiếm hữu tập thể đối với đất đai như thế nào đối với từng loại dân cư, từng loại đất đai chưa thực sự rõ rệt, cụ thể. Cho nên, trong thời gian qua đã bộc lộ những mâu thuẫn xung quanh vấn đề sở hữu đất đai, ảnh hưởng đến tư tưởng, đời sống, nhất là ở vùng có sự chòng chẹo các hình thức tổ chức sản xuất khác nhau, tương ứng với quyền sở hữu khác nhau.

- Việc quy định sở hữu toàn dân về đất đai, rừng núi ; giao cho các xí nghiệp quốc doanh, cho chính quyền các cấp thiếu cụ thể, không phân rõ mối quan hệ về sở hữu ruộng đất với người lao động, đã dẫn đến tình trạng đất đai dường như vô chủ, làm trầm trọng thêm tình trạng hủy hoại đất nước, phá rừng, dẫn đến sự độc quyền chiếm hữu của người đại diện quyền sở hữu, nảy sinh sự lạm dụng, tham ô, lãng phí, cửa quyền của những người

thừa hành, vi phạm đến quyền lợi của người lao động.

Để khai thác tiềm năng thế mạnh của Tây Nguyên, Nhà nước đã chủ trương thành lập nhiều xí nghiệp quốc doanh. Việc quy hoạch đất đai hoàn toàn dựa vào bản đồ, chỉ chú trọng khảo sát tự nhiên mà không để ý về mặt xã hội, về quyền sở hữu của đồng bào các dân tộc. Ví dụ, ba Liên hiệp xí nghiệp lâm - công nghiệp Kon Hà Nừng, Easúp và Gia Nghĩa được quản lý gần một triệu rưỡi ha đất, các nông trường thuộc trung ương khoảng 20 vạn ha và thường là đất tốt để trồng cây công nghiệp. Trên 85% đất đai ở Đắk Lắk, hơn một nửa đất đai ở Gia Lai và Kon Tum thuộc các đơn vị quốc doanh, các xí nghiệp của quân đội, tỉnh, huyện. Ở Đắk Lắk, các công ty cà phê trung ương và địa phương, các Liên hiệp nông - công nghiệp Gia Nghĩa và Easúp có thời kỳ chiếm 65% diện tích toàn tỉnh. Ở Kon Tum 20 lâm trường nhưng quản lý 458 000 ha (chiếm 45% diện tích toàn tỉnh). Việc giao cho các nông lâm trường quản lý một diện tích đất đai quá rộng, nhưng hiệu quả kinh tế - xã hội kém, không tính đến quyền lợi của người dân đã dẫn đến những tiêu cực trong quan hệ giữa người dân với các nông lâm trường.

3 - Sự tăng cường di dân tự do đến Tây Nguyên.

Do nguồn tài nguyên tự nhiên phong phú, Tây Nguyên còn là nơi hấp dẫn dân cư tự do từ các vùng khác tới. Trong thời kỳ 1986 - 1995 có 70 634 hộ với 334 224 nhân khẩu di cư tự do đến Tây Nguyên, làm cho số dân tăng thêm ở Tây Nguyên từ 1976 đến 1995 lên gần một triệu người⁽³⁾. Riêng ở Đắk Lắk từ năm 1976 đến 1999 có 72 248 hộ với 353 170 nhân khẩu của 60 tỉnh, thành trong cả nước di dân tự do đến sinh cơ lập nghiệp.

(3) Xem Nguyễn Thị Nhường : Tài liệu đã dẫn

Việc di dân tự do đến Tây Nguyên phá rừng để lấy đất sản xuất, làm cho diện tích rừng ngày càng giảm sút : từ 3 720 900 ha năm 1976 đến năm 1995 chỉ còn 3 168 100 ha, độ che phủ từ 67,3% (1976) đến năm 1995 chỉ còn 56%. Ở Đắk Lắk chỉ trong 4 tháng đầu năm 1999 có hơn 1 600 ha rừng bị chặt phá trái phép, lấy đất chuyển sang sản xuất nông nghiệp, từ năm 1990 đến 1999 dân di cư tự do đã phá hơn 13 000 ha rừng, trong đó có 1 600 ha rừng trồng, trên 2 000 ha rừng già.

Dân di cư tự do tìm đến Tây Nguyên khiến dân số tăng nhanh về cơ học và làm cho nhiều chương trình kinh tế, xã hội của các tỉnh bị phá vỡ. Hàng loạt vấn đề buộc các cấp chính quyền ở Tây Nguyên phải quan tâm giải quyết như giải quyết nhu cầu sản xuất, xây dựng các công trình công cộng, hệ thống giao thông, trường học, y tế, tình hình an ninh xã hội. Trong đó việc tranh chấp đất rừng hầu như thường xuyên xảy ra nhất là tranh chấp đất đai với đồng bào dân tộc địa phương, gây tâm lý hoang mang, bất ổn định trong sản xuất. Vì vậy cần phải quan tâm giải quyết vấn đề di dân tự do, chuyển dân di cư tự do thành dân di cư có kế hoạch, đưa họ vào các vùng quy hoạch, tạo điều kiện cho họ sớm ổn định đời sống. Chỉ có như vậy mới quản lý tốt đất rừng, tạo điều kiện để phát triển kinh tế, xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

4 - Một số giải pháp về quản lý đất đai ở Tây Nguyên.

Trong những năm tới, Tây Nguyên vẫn là "miền đất hứa" đối với sản xuất nông - lâm nghiệp ; vì vậy, cần phải giải quyết tốt vấn đề đất đai. Không giải quyết vấn đề đất đai ở Tây Nguyên thì không những hạn chế sự phát triển của kinh tế Tây Nguyên mà còn gây ra sự căng thẳng trong vấn đề xã hội. Thiết

nghĩ, giải pháp vấn đề đất đai cần quán triệt các quan điểm như :

- Trước hết, quán triệt quan điểm vấn đề dân cày có ruộng, khẳng định quyền làm chủ trên mảnh đất cho người sử dụng. Quyền làm chủ phải được thể hiện công bằng, bình đẳng và cụ thể đối với mọi công dân.

- Thứ hai, tính toán chiều sâu đến yếu tố lịch sử truyền thống của đồng bào các dân tộc đối với vấn đề sử dụng ruộng đất, núi rừng. Đó chính là thể hiện chính sách dân tộc của Đảng trên lĩnh vực kinh tế.

- Thứ ba, quán triệt quy định của Luật Đất đai : đất đai là sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Nhà nước giao đất cho các đơn vị và cá nhân để sử dụng ổn định, lâu dài nhằm khai thác tiềm năng đất đai có hiệu quả, phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng.

Quán triệt các quan điểm trên, có thể nêu ra một số hướng giải quyết vấn đề ruộng đất ở Tây Nguyên như sau :

- Thực hiện tốt công tác định canh, định cư gắn liền với việc giao đất, giao rừng. Vấn đề đất đai của đồng bào dân tộc địa phương là vấn đề tế nhị và nhạy cảm, đòi hỏi phải vận dụng mối quan hệ giữa luật và lệ. Vì vậy phải làm tốt công tác định canh, định cư thì mới giải quyết được vấn đề đất đai cho đồng bào địa phương một cách thuận lợi. Ngược lại, nếu chưa định canh, định cư thì vấn đề đất đai của đồng bào trở nên phức tạp, có thể phát triển thành mâu thuẫn dân tộc, trở thành nhân tố bất ổn xã hội.

- Rà soát lại diện tích đất đai do các nông - lâm trường quốc doanh quản lý. Hiện nay các nông - lâm trường quốc doanh được quản lý số lượng đất đai quá lớn nhưng không phải nông - lâm trường nào cũng quản lý, sử dụng

(Xem tiếp trang 56)

CHUYỂN dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất đang là một trong những vấn đề vừa cơ bản, vừa bức xúc, có ý nghĩa quan trọng để thực hiện

đúc, xóm làng quần tụ, nhiều nơi nhà liền nhà, bám sát mặt tường. Làng xóm lúc nào cũng sôi động, không khí sản xuất, buôn bán tấp nập và khẩn trương. Vượt qua những khu đông dân chúng tôi đã có thể

Một huyện đi lên

TỪ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

NGUYỄN THÚY ANH

công nghiệp hóa, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Ở nước ta thời gian qua đã nhắc tới nhiều mô hình thành công trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi : ví dụ như chỉ với việc đưa cây vải lên vùng đồi đã làm cho nhiều làng quê ở Bắc Giang khởi sắc ; con tôm được nuôi nhân rộng đã giúp nhiều nông dân ở Khánh Hòa và một số tỉnh khác "phát" lên. Rồi Văn Giang - một huyện của tỉnh Hưng Yên cũng đang được coi là một địa bàn chuyển dịch cơ cấu kinh tế đầy ấn tượng. Theo "tiếng lành đồn xa", chúng tôi về Văn Giang để tìm hiểu thực tế.

Thành tựu bước đầu và kinh nghiệm

Văn Giang là huyện thuần nông nhưng bình quân diện tích đất nông nghiệp đầu người lại tương đối thấp (518,12 m²). Do cận kề với Hà Nội nên tố chất thị thành ảnh hưởng khá rõ đến nơi đây. Dân cư đông

gấp ngay những cánh đồng thoáng ngút tầm mắt trồng đậu tương gói sau vụ lúa, đang lên xanh ngắt. Đi thăm đồng trên những con đường bê tông, dọc theo những kênh mương đã được xây kiên cố, chúng tôi cảm nhận được biết bao mồ hôi, công sức của người dân nơi đây để quy hoạch lại ruộng đồng. Càng thấy rõ hơn sự bẽ thế của một vùng quê đang trên đà đi lên do dám nghĩ, dám làm và biết làm, tận dụng được những tác động của tự nhiên, của cơ cấu cây trồng, vật nuôi để tăng mức thu nhập trên một đơn vị đất canh tác.

Những xã ở vùng đất cao trong đê như Liên Nghĩa, Mỹ Sở, thị trấn Văn Giang... đã chuyển hầu hết diện tích đất hiện có sang trồng cây ăn quả, hoa, cây cảnh. Chuyển ruộng thành vườn nhanh và có hiệu quả, sử dụng giống mới, giống lai tạo, chiết ghép đã đem lại giá trị kinh tế cao hơn

nhiều so với trồng lúa trên một 1 ha đất canh tác, đưa những xã này lên hàng khá nhất trong huyện. Những vườn quất, cam đường Canh, bưởi Diễn, chuối, táo, hoa, cây cảnh... của nhiều nhà đang tốt tươi thì nhau đơm hoa, kết trái để đưa tới thu nhập thực tế từ 40 triệu đến gần 100 triệu đồng/1 ha/1 năm, gấp 3 - 4 lần mô hình 2 vụ lúa. Nghề trồng hoa và cây cảnh cũng lắm công phu. So với cấy lúa, trồng rau, nghề trồng hoa và cây cảnh đòi hỏi một trình độ cao hơn và có khi là cả một nghệ thuật. Những hộ trồng hoa giỏi cho hay, do nhận thức được nhu cầu và sở thích chơi hoa của người Hà Nội, nên họ tìm mọi cách để đáp ứng "cầu", tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao. Thí dụ, biết người Hà Nội thích chơi hoa trà, nên trà trắng, trà đỏ, trà đơn, trà kép, đã được trồng khá nhiều, được chăm sóc công phu, che phủ cẩn thận. Với giá từ vài chục nghìn đồng đến vài triệu đồng một cây tùy loại đã làm cho hoa trà không còn là quá hiếm và quá xa xỉ đối với những người thích chơi loại hoa sang trọng này. Để có được kết quả như thế, những người làm vườn ở Văn Giang đã học được nghề trồng và nhiều khi cả "bí quyết" chăm sóc hoa, cây cảnh của những người làm hoa ở Nhật Tân, Nghi Tàm ... Rồi có cả sự hợp tác đôi bên cùng có lợi : những người trồng hoa ở Hà Nội đã kết hợp với người trồng hoa ở Văn Giang, tận dụng ưu thế đất rộng để đem nhiều loại hoa, cây cảnh "gửi nhờ" ở đây chăm sóc theo thời vụ rồi "xuất" trở lại. Đặc biệt đông đúc là khi tết đến, xe tải nườm nượp về đây chở quất, cây cảnh, hoa... lên Hà Nội bán.

Văn Giang không có công nghiệp nặng, không có các doanh nghiệp nhà nước, đi khắp huyện chỉ có một xã được coi là có hơi hướng "công nghiệp" hơn cả, đó là

Xuân Quan - xã chuyên sản xuất gốm sứ, mỗi ngày thu hút từ 5 nghìn đến 1 vạn lao động trong huyện và cả từ các địa phương khác đến. Điều này cho thấy Văn Giang đã tự vươn lên từ nông nghiệp, từ nội lực chứ không chờ đợi một "cú huých" nào từ bên ngoài như các dự án lớn của Nhà nước hay dự án đầu tư nước ngoài.

Vì sao một huyện thuần nông chịu hậu quả nặng nề của 12 lần vỡ đê dưới thời Pháp thuộc, có địa hình đất đai cao thấp không đều, 6 trên 12 xã có diện tích ngoài đê sông Hồng chịu nhiều bất trắc, lại có thể nhanh chóng vươn lên như vậy ? Phải chăng là do các yếu tố sau :

Về khách quan : Văn Giang có một lợi thế lớn và khá hiếm là ở sát gần một thị trường tiêu thụ đầy tiềm năng, tương đối ổn định là Hà Nội và một số khu công nghiệp phụ cận. Điều đó ảnh hưởng rất lớn đến việc xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi cho huyện để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Về chủ quan : Người dân ở đây có truyền thống hiếu học và đã có nhiều người thành danh. Có người nói Văn Giang cũng là nơi "địa linh nhân kiệt". Khi chuyển sang cơ chế thị trường, người dân ở đây cũng thể hiện khá rõ tính năng động, dám nghĩ và áp dụng cái mới, dám chịu rủi ro, thích ứng nhanh với cơ chế thị trường và dám vươn lên làm giàu. Phẩm chất này giúp người dân Văn Giang nhanh chóng du nhập thêm một số nghề mới khi đi làm ăn ở tỉnh ngoài, thí dụ như nghề làm ruốc, làm bánh... Những gia đình có điều kiện đều đầu tư cho con em đi học trung cấp, đại học. Kiến thức mới thu nhận được, lối sống và cách nghĩ mới của lớp trẻ khi về quê vừa mang lại vinh dự, góp phần làm giàu thêm cho gia đình, vừa làm sôi động thêm làng xã. Chủ tịch xã Mỹ Sở - xã anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới

cho rằng, từ tâm lý, khí thế và phong trào chung đó, những ai còn nghèo sẽ tự thấy phải cố vươn lên để không bị thua kém.

Toàn thể cán bộ và nhân dân Văn Giang đã biết khai thác, tận dụng những ưu thế, những tiềm năng của mình, biến nó thành nguồn lợi thực sự. Cái sự "biết" đó xuất phát từ chỗ, lãnh đạo của huyện đã sớm bắt nhịp với cái mới, sáng tạo, dám nghĩ, ủng hộ những người dám làm, dám đầu tư lớn, khuyến khích những nhân tố mới cả về vật chất và tinh thần, làm thí điểm các mô hình mới. Chính sự năng động, sáng tạo của lãnh đạo đã làm cho người dân yên tâm, tạo nên một không khí sôi động, thi đua làm giàu trong dân. Các đồng chí lãnh đạo ở đây đều thống nhất quan điểm: mọi dự án, giải pháp đều phải nhằm mục đích làm lợi cho dân, phải để cho dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng lợi. Chỉ có như vậy dân mới đồng tình, ủng hộ, mới phát huy được hết sức mạnh trong dân. Thống nhất ý chí từ lãnh đạo đến nhân dân là cơ sở để huyện đưa ra những giải pháp phát triển kinh tế - xã hội thiết thực, hiệu quả, còn dân biến những nghị quyết của Huyện ủy thành hiện thực.

Từ nhận thức như vậy, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã kịp thời đưa ra những phương hướng cụ thể và những giải pháp khả thi để phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Đó là :

Thứ nhất, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao lưu, trao đổi, tiêu thụ hàng hóa, mở rộng thương mại, thúc đẩy sản xuất phát triển, huyện đã rất chú trọng và đặt lên hàng đầu việc xây dựng hệ thống giao thông. Trục đường nối Văn Giang với Hà Nội, những trục đường chính trong huyện đã và đang được nhựa hóa, hầu hết các trục

đường liên xã, liên thôn đã được cải tạo, nâng cấp và bê tông hóa hoặc rải đá cấp phối.

Thứ hai, quan tâm xây dựng, hoàn thiện hệ thống tưới tiêu, kiên cố hóa kênh tưới để tăng diện tích được chủ động tưới tiêu. Cho đến nay, toàn huyện đã có 15 km kênh tưới đã được bê tông hóa. Đồng chí Bí thư Huyện ủy nói : từ năm 2002, Văn Giang sẽ không phải bàn đến chuyện chống úng nữa.

Thứ ba, xây dựng quy hoạch tổng thể, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, đồng thời áp dụng các công thức luân canh gối vụ cho từng vùng để tăng hệ số sử dụng đất. Đây là giải pháp hết sức quan trọng để vừa khắc phục được những bất lợi về địa hình, thời tiết, vừa khai thác những lợi thế của đất đai, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện, tạo nền tảng giải quyết việc phát triển không đều do điều kiện tự nhiên giữa các xã, nâng cao giá trị kinh tế thu trên 1 ha đất canh tác, tăng thu nhập, tăng hộ giàu, giảm hộ nghèo. Huyện đã hình thành 3 vùng sản xuất, trong mỗi vùng chọn một số xã thành vùng sản xuất giống cho huyện : vùng bãi chuyên trồng rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày ; vùng màu trong đê trồng cây cảnh, cây ăn quả, cây dược liệu ; vùng lúa. Riêng đối với vùng lúa, để khắc phục tình trạng thu nhập thấp, huyện sẽ áp dụng chuyển đổi cơ cấu giống lúa : 50% diện tích sẽ trồng lúa có năng suất cao, còn 50% trồng lúa đặc sản, có chất lượng cao (1 ha lúa đặc sản cả 2 vụ sẽ cho giá trị thu từ 35 - 42 triệu đồng/năm trong khi đó canh tác lúa thường có năng suất cao cũng chỉ đạt 19 triệu đồng). Giải pháp cho vùng trũng là một mặt kết hợp trồng lúa với nuôi cá, vịt "bốc vụ", mặt khác sẽ chuyển hẳn một số diện tích sang

nuôi cá truyền thống, nuôi tôm, cá có giá trị kinh tế cao. Qua hạch toán bước đầu cho thấy, giá trị thu nhập do nuôi cá truyền thống cao gấp 2,5 lần so với trồng lúa, nuôi cá chim trắng nước ngọt, tôm càng xanh cho thu nhập gấp 14 - 16 lần trồng lúa. Như vậy nếu chuyển đổi thành công từ cấy lúa sang nuôi trồng thủy sản sẽ góp phần đáng kể nâng cao thu nhập, giúp nông dân làm giàu ngay trên mảnh ruộng trũng của mình.

Thứ tư, xác định con "mũi nhọn" để tập trung đầu tư, phát triển. Mặc dù vẫn đang triển khai chương trình "nạc hóa đàn lợn", và đã có những hộ sở hữu những trại lợn đến vài trăm con, như anh Ngọc Kiên có năm thu lãi tới gần 200 triệu đồng, nhưng bò thịt và cá là 2 loại con được lựa chọn. Sự lựa chọn đó, theo các đồng chí lãnh đạo huyện, xuất phát từ chỗ huyện đã nghiên cứu kỹ điều kiện đất đai, địa hình cụ thể của mình, tính ổn định của thị trường tiêu thụ, sự chủ động tương đối trong việc tiêu thụ sản phẩm, đồng thời cũng từ kinh nghiệm nuôi bò sữa không thành, không tiêu thụ được sản phẩm, bà con nông dân bị thiệt hại rất lớn.

Thứ năm, mạnh dạn làm thí điểm một số dự án sản xuất các sản phẩm mới và có các giải pháp cụ thể đối với những dự án mang tính thí điểm. Các dự án này được giao cho các tổ chức đoàn thể thực hiện, vừa tạo sự gắn kết giữa hoạt động đoàn thể với hoạt động kinh tế, vừa tăng mức độ trách nhiệm của các đoàn thể với hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Thí dụ, dự án sản xuất nấm mỡ do Hội Nông dân trực tiếp chỉ đạo ; sản xuất nấm linh chi giao cho Hội Cựu chiến binh ; dự án trồng ngô ngọt, ngô bao tử giao cho Đoàn Thanh niên. Đối với những dự án

có độ rủi ro tương đối cao hoặc phải bỏ nhiều vốn, huyện đã mạnh dạn thí điểm đầu tư cho tư nhân bằng cách huy động các nguồn vốn khác nhau, tư nhân không phải bỏ vốn, được kinh doanh lấy lãi, còn công trình được đầu tư là của huyện. Đi đầu, "làm mẫu" theo kiểu đó, khi bà con thấy thực sự có lợi sẽ tự giác làm theo.

Thứ sáu, các nghề tiểu thủ công nghiệp như mây tre đan, gốm sứ, chế biến gỗ..., các nghề phụ như làm bún, bánh, ruốc..., các hoạt động dịch vụ công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp cũng đang được khôi phục và phát triển. Đồng chí Bí thư Huyện ủy cho biết : nông dân Văn Giang hầu như không có thời gian nông nhàn, 70% số hộ nông dân có người tham gia các hoạt động dịch vụ. Vào các buổi sáng sớm, đường làng, xã trở nên chật chội, thậm chí nhiều khi ách tắc, vì các xe ùn ùn chở hàng lên Hà Nội, từ gạo (mỗi ngày Văn Giang chở lên Hà Nội khoảng 35 tấn gạo) đến thịt, rau, hoa quả, bún bánh ...

Đa dạng hóa vật nuôi cây trồng, sử dụng giống mới, chú trọng đến công tác thú y, bảo vệ thực vật, khai thác hết công suất của đất kết hợp với phát triển mạnh những nghề phụ truyền thống, du nhập thêm những nghề mới ... là những giải pháp hữu hiệu đã làm phong phú thêm các nguồn thu, góp phần ổn định thu nhập, nâng cao mức sống cho nhân dân. Tính đến năm 2000, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 8,7%, tổng giá trị sản phẩm đạt 316 tỉ đồng, tăng 15% so với năm 1999, thu nhập đầu người là 3,4 triệu đồng/người/năm. Trong cơ cấu kinh tế, tỷ lệ nông nghiệp chiếm 58,3%, công nghiệp - xây dựng : 17,7%, thương nghiệp - dịch vụ : 24,0%. Văn Giang đạt

mục tiêu phấn đấu đến năm 2005, thu bình quân 45 triệu đồng/1 ha đất canh tác.

Những vướng mắc trên con đường phát triển.

Mặc dù đang là một trong những huyện khá nhất của Hưng Yên, nhưng để phát triển ổn định, lâu dài, Văn Giang còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, trong đó nổi bật nhất là :

1. **Vấn đề đất đai.** Việc chia ruộng đất ổn định, lâu dài cho hộ nông dân là rất quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư thâm canh cây trồng. Tuy nhiên cho đến nay, sau khi chia đất xong lại xuất hiện một số khó khăn mới. Đó là : thứ nhất, đất canh tác được chia theo khẩu nông nghiệp, nên chỉ đảm bảo công bằng mà không hợp lý. Thứ hai, đa số các xã đều chia theo nguyện vọng của nông dân "có gần, có xa, có tốt, có xấu", bởi thế các thửa ruộng khoán hiện nay đều manh mún, phân tán nên rất khó khăn trong việc chuyển đổi cơ cấu nuôi trồng, bố trí các vùng chuyên canh để có thể thực hiện sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn. Để hình thành nên vùng chuyên canh cần có thời gian vận động, khuyến khích nhân dân dồn thửa, đổi ruộng, tạo điều kiện để các hình thức hợp tác mới trong nông thôn phát triển theo đúng định hướng.

2. **Vấn đề vốn.** Để xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng có hiệu quả trên quy mô lớn, cần một khối lượng vốn đầu tư rất lớn, hằng năm nông dân cần vay 30% số vốn để sản xuất. Đối với các mô hình làm thí điểm rất cần có sự trợ giá của Nhà nước về giống và kỹ thuật.

3. **Vấn đề tiêu thụ sản phẩm.** Giải quyết vấn đề tiêu thụ sản phẩm là một trong

những giải pháp quan trọng để có thể tiếp tục giải phóng sức sản xuất. Ngoài việc nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành, còn phải dự đoán, dự báo được nhu cầu và xu hướng tiêu thụ của thị trường cũng như tình hình sản xuất và đầu tư của các nơi khác, để cung cấp thông tin kịp thời cho người sản xuất và có các giải pháp dự phòng trong việc tiêu thụ sản phẩm, tránh tình trạng đầu tư vào các cây trồng, vật nuôi theo phong trào đến khi thu hoạch đưa ra thị trường thì "cung" lại nhiều hơn "cầu".

4. **Vấn đề lao động.** Điều đáng quan tâm hiện nay là chất lượng lao động: tỷ lệ lao động phổ thông cao, số lao động có trình độ kỹ thuật thấp; tỷ lệ cán bộ khoa học - kỹ thuật có trình độ chuyên sâu về nông nghiệp còn quá ít. Vì vậy, việc áp dụng khoa học - kỹ thuật để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn còn chậm chễ, lúng túng.

Trước mắt Văn Giang còn bộn bề khó khăn, nhưng lời giải cho bài toán phát triển đã khá rõ. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng giá trị cho mọi ngành nghề sản xuất truyền thống như nhân dân trong huyện đang làm đã thu được những hoa thơm, trái ngọt. Nắm chắc điều kiện tự nhiên và những tiềm năng về con người, chắc chắn huyện Văn Giang sẽ đi được những bước tiếp theo một cách quả cảm : Xếp đặt lại đồng ruộng, hợp lý hóa sản xuất trên cơ sở quy hoạch hợp lý trên địa bàn toàn huyện, gắn kết với bên ngoài. Những ý tứ đó chúng tôi đã nghe được và cảm nhận được qua phát biểu của các đồng chí lãnh đạo huyện và qua những câu chuyện tâm sự của người dân nơi đây. Bức tranh Văn Giang hôm nay đã tươi màu và sẽ ngày một tươi hơn. Đã nhìn thấy sự bình ổn và hướng tiến tới giàu có của một vùng quê yên ả. □



NGUYỄN TRỌNG THỤ

VỪA rồi về thăm người quen ở một trạm điều dưỡng, tôi được các cụ lão thành cách mạng đang nghỉ ở đó kể cho nghe mấy chuyện về các vị lãnh đạo chủ chốt của tỉnh:

Chuyện thứ nhất : Trước đây, ở tỉnh này có nạn cán bộ sử dụng xe công thật vô tội vạ. Việc công, việc tư, bất kể gần xa, bất kể vị trí công tác, bất chấp tiêu chuẩn, cứ có chút quyền, ra khỏi nhà, đi khỏi cơ quan, các "quan cách mạng" đều "hành" bằng ô tô. Các vị có tiêu chuẩn dùng xe thì dành một nhẽ, đằng này nhiều vị dù không có tiêu chuẩn, nhưng đã là "sếp", thậm chí là "sếp" của một cơ quan nhỏ, cũng có "vét" tiền ngân quỹ mua cho được chiếc xe thật oách, thật sang. Cái mốt đi xe con đời mới đã trở thành mốt "thời thượng". Trả giá cho cái mốt thời thượng ấy là bao nhiêu tiền bạc, nhân công, xăng dầu của nhà nước. Có ông còn "thời thượng" đến mức, dùng xe công để đưa đón vợ, con đi chợ, đi học.

Tình trạng đó kéo dài cho đến khi ông A được cấp trên

tăng cường cho bộ phận lãnh đạo cao nhất của tỉnh. Thấy việc lạm dụng xe công diễn ra ngày một trầm trọng, ông liền chỉ đạo bộ phận giúp việc, thêm một lần nữa thông báo cho các ban, ngành những văn bản pháp quy về chế độ, phạm vi sử dụng xe công, đồng thời yêu cầu chấm dứt ngay những việc làm trái với quy định. Văn bản ban hành được mấy tháng, tình hình vẫn chưa có gì chuyển biến. Vừa lúc đó thì khai mạc giải bóng đá tranh Cúp vô địch quốc gia. Sân vận động tỉnh này là một trong những sân diễn ra nhiều trận đấu. Thế là chuyện xảy ra : ông A đường đường là một cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, chủ nhật đi xem đá bóng không phải bằng ô tô con mà là do người nhà lái xe máy. Một lần, hai lần rồi ba, bốn lần. Tin đó được truyền nhanh trong khắp thành phố rồi khắp tỉnh. Tiếp đó lại là các tin : nào là ông A ngày nghỉ cùng vợ con về thăm quê nội, quê ngoại không bằng xe con mà đi xe khách ; nào là để tiện đi sâu vào các ngõ ngách, thôn xóm, ông A đã

cùng một số cán bộ nghiên cứu của tỉnh về các xã ven đô bằng xe đạp, v.v... Thế là không ai bảo ai, người ta bắt đầu chuyện lạm dụng xe công. Một số vị đã trót mua xe con thì rục rịch đem bán, nộp tiền lại cho công quỹ. Người ta sợ ông A một phần, nhưng cái chính là sợ dư luận quần chúng so sánh và đàm tiếu.

Chuyện thứ hai : Cũng ở tỉnh này, trước đây cứ đến ngày tết là người ta lại đua nhau đua phong bao, phong bì đến các vị lãnh đạo. Số người thực lòng kính trọng các vị đó thì ít mà số người coi đó là thứ "mồi câu" thì nhiều. Đút lót cho các vị để khi họ xin gì thì sẽ được phần dễ dàng. Đút lót cho các vị để các vị lơ đi khi họ phạm sai lầm, khuyết điểm. Đút lót cho các vị cũng là để được chú ý, được ưu ái khi có chuyện cất nhắc, đề bạt, v.v... Thật là đủ mọi loại mục đích vụ lợi. Và để có khoản chi cho các món quà hồi lộ trả hình đó thì họ tìm đủ mọi cách để vơ vĩnh, những nhiều những ai cần đến họ. Phương châm sống của họ là "lấy của người nghèo cúng cho kẻ giàu, ở giữa được lợi".

Tệ đút lót, hồi lộ và nhận hồi lộ diễn ra công khai cho đến khi ông B, một cán bộ trẻ, năng động, có học vấn được cử làm lãnh đạo chủ chốt của tỉnh. Tết đầu tiên của ông ở cương vị này ; quen thói, người ta đã đưa phong bì đến, có cái đựng hàng triệu đồng, hoặc hàng

trăm đô la. Thư ký riêng hỏi ý kiến, ông bảo cứ nhận hết và ghi lại thật rõ ai, chức vụ gì, ở đâu, gửi biếu bao nhiêu, tất cả đều được để trong két sắt của cơ quan có người bảo quản cẩn thận. Sau mấy ngày tết, ông bàn với bộ phận văn phòng làm công văn gửi các cấp, các ngành trong toàn tỉnh, thông báo cụ thể những ai đã biếu tiền cho đồng chí B và vì đồng chí B tự thấy không nên nhận riêng số tiền đó, cho nên đã nhờ bộ phận văn phòng chuyển đến các nhà điều dưỡng, các trại mồ côi, các trường dân tộc nội trú v.v.. Tính ra đến hàng trăm triệu đồng.

Khi được hỏi, sau đó tình hình chuyển biến ra sao thì các

cụ cho biết : Không dễ ổn như chuyện cái xe con đâu. Cũng có vị lãnh đạo khác của tỉnh thấy ông B làm vậy, mà mình thì đã quen tay nhận phong bì, bèn cho người tung tin là ông B dở hơi, hâm, chơi trội, gây uy tín cá nhân, cơ hội ... Cũng có người, không dứt lốt được cho ông B, vẫn tiếp tục dứt lốt cho các vị khác để tìm kiếm ô dù. Có điều mừng là số người đó ngày đang giảm dần. Dư luận đồng tình với hành động của ông B và nhờ vậy, nạn hối lộ dưới nhiều hình thức ở tỉnh này đang có chiều hướng giảm bớt.

Bình luận về hai mẫu chuyện trên, các cụ đều nhất trí là cũng có thể cách làm của

ông A và ông B chưa phải là cách hay nhất, tốt nhất, nhưng đó là những việc làm "đột phá", có ý nghĩa tích cực, tạo những chuyển biến bước đầu. Nếu như cán bộ lãnh đạo cấp nào cũng có được những cách "đột phá" tích cực thì cuộc đấu tranh chống tiêu cực chắc sẽ có những chuyển biến mạnh mẽ. Các cụ cũng nhất trí rằng đồng đảo cán bộ, đảng viên vẫn giữ được bản chất tốt đẹp. Khi được những người lãnh đạo nêu tấm gương liêm khiết, những cán bộ, đảng viên dù có nhất thời phạm sai lầm, thiếu sót vẫn nhanh chóng trở lại với đạo lý cao đẹp của người đảng viên. □

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG...

(Tiếp theo trang 49)

đất đai có hiệu quả. Nhiều việc tiêu cực về đất đai đã xảy ra. Vì vậy, cần gấp rút rà soát lại đất đai các nông - lâm trường quốc doanh, trên cơ sở đó góp phần phân bổ đất đai cho đồng bào địa phương và di dân xây dựng kinh tế mới.

- Kiểm tra thực trạng quyền sử dụng đất của các thành phần xã hội để có biện pháp xử lý. Điều chỉnh lại sở hữu đất đai, giao đất cho những người thật sự cần thiết. Hiện nay quyền sử dụng đất của các thành phần xã hội ở Tây Nguyên rất phức tạp. Tình trạng bao chiếm ruộng đất rất phổ biến. Đất đai trở thành hàng hóa kinh doanh của không ít người. Một số người quá nhiều đất đai, một số lại không có đất sản xuất (kể cả một bộ phận đồng bào dân tộc địa phương). Đây là

vấn đề cấp bách cần phải giải quyết dứt điểm, tạo điều kiện cho kinh tế - xã hội Tây Nguyên phát triển.

- Sắp xếp ổn định dân di cư tự do. Dân di cư tự do là lực lượng góp phần dẫn đến tình trạng làm xáo trộn, gây phức tạp cho vấn đề đất đai. Hiện nay, một số dân di cư tự do được ổn định sản xuất và đời sống, nhưng một số không nhỏ chưa ổn định. Vì vậy, cần quan tâm, sắp xếp, ổn định cho số dân này, có như vậy mới xây dựng, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên.

Vấn đề đất đai là một trong những vấn đề nổi cộm nhất hiện nay ở Tây Nguyên. Muốn khai thác tiềm năng, thế mạnh của Tây Nguyên để thúc đẩy kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên phát triển, từng bước ổn định và nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, cần quan tâm giải quyết tốt vấn đề đất đai. □



NHÌN LẠI THẾ GIỚI NĂM 2001

NGUYỄN HOÀNG GIÁP *

CÓ thể nói, toàn cảnh thế giới năm 2001 là một bức tranh có nhiều nét tương phản so với năm 2000 - năm đã ghi dấu ấn bởi sự tăng trưởng kinh tế khá ngoạn mục, năm của những nỗ lực hòa giải và hợp tác hướng tới mục tiêu hòa bình và phát triển.

Sự kiện 11-9 với tầm cấp ảnh hưởng rộng lớn của nó, đã hiện diện như một dấu gạch nối đậm nét của năm 2001. Quan hệ quốc tế đã chuyển động khôn lường kể từ sau sự kiện này. Thế giới đứng trước vấn đề nan giải : một mặt, cần phải có nhận thức chung về chủ nghĩa khủng bố và cách thức chống lại nó sao cho những kẻ khủng bố bạo tàn không thoát được sự trừng phạt của công lý ; mặt khác, cũng không để cho bất kỳ lực lượng nào mượn danh chống khủng bố thực hiện những hành vi đi ngược lại lợi ích của hòa bình, ổn định và chủ quyền dân tộc.

Trong những tháng đầu năm 2001, chính sách đối ngoại đơn phương đầy tính vị kỷ của chính quyền G.W. Bu-sơ đã khiến cho thế giới dường như bị bao phủ trở lại bầu không khí của thời chiến tranh lạnh. Các mối quan hệ quốc tế, theo đó, đã trở nên căng thẳng bởi một loạt động thái mới trong chính sách đối ngoại của Mỹ, như thái độ kiên quyết theo đuổi hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia (NMD) bất chấp sự phản đối

của dư luận quốc tế ; việc xử lý vụ va chạm giữa máy bay do thám MP3 của Mỹ với máy bay Trung Quốc hồi tháng 4-2001 đã làm sứt mẻ quan hệ Mỹ - Trung vốn đã xấu đi sau khi Mỹ coi Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh chứ không phải đối tác chiến lược. Quan hệ Mỹ - Nga trở nên lạnh nhạt, bất ổn sau vụ trục xuất trả đũa các nhà ngoại giao giữa hai nước được xem là lớn nhất kể từ sau chiến tranh lạnh. Các nước châu Âu - đồng minh của Mỹ ở bên kia bờ Đại Tây Dương cũng trĩu nặng thất vọng trước việc Mỹ rút khỏi Nghị định thư Ky-ô-tô về cắt giảm khí thải gây "hiệu ứng nhà kính" ...

Chính sách đơn phương của chính quyền mới ở Mỹ được đẩy lên một bước thì nhu cầu xích lại gần nhau giữa những "cực" còn lại của thế giới cũng gia tăng với một cường độ tương ứng. Trong đó, đáng chú ý nhất phải kể đến sự xích lại gần hơn giữa Nga và Trung Quốc. Hiệp ước thân thiện, hữu nghị và hợp tác Nga - Trung được ký vào tháng 7-2001 đã đưa quan hệ đối tác chiến lược song phương giữa hai nước lên một tầm cao mới. Động thái này cho thấy Nga và Trung Quốc nỗ lực duy trì sự ổn định chiến lược toàn cầu. Cũng với hạt nhân là Nga và

* TS. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Trung Quốc, ngày 15-6-2001 một cơ cấu quốc tế mới ở đại lục Á châu đã ra đời, đó là Tổ chức hợp tác Thượng Hải mà tiền thân là Nhóm Thượng Hải 5. Với tiềm lực của 2 thành viên chủ chốt là Nga và Trung Quốc. Tổ chức này có thể sẽ là dấu mốc chào đời của một "cực mới" trên bàn cờ quyền lực thế giới.

Sự kiện 11-9 cũng khiến Oa-sinh-ton phải nhìn nhận lại chính sách đối ngoại của mình. Chính quyền G.W. Bu-sơ đã tạm gác một loạt vấn đề ưu tiên vốn từng bị nhiều nước chỉ trích để tập trung cho cuộc chiến chống khủng bố. Dưới tác động của chiến dịch ngoại giao chưa từng có của Mỹ để thành lập liên minh chống khủng bố, quan hệ quốc tế đã có những bước chuyển khá cơ bản : sau ngày 11-9, đã hình thành mối quan hệ khăng khít giữa Mát-xcơ-va và Oa-sinh-ton. Đây được đánh giá là một trong số thay đổi quan trọng nhất trên lược đồ địa - chính trị quốc tế kể từ khi kết thúc chiến tranh thế giới thứ II. Lần đầu tiên sau hơn nửa thế kỷ, hai nước từng là kẻ thù của nhau đã cùng đứng trên một mặt trận - mặt trận chống khủng bố. Tạm gác lại những tranh cãi gay gắt về nghị định thư Ky-ô-tô, châu Âu và Mỹ cùng sánh vai trong cuộc chiến chống khủng bố, Mỹ cũng đã gia tăng can dự vào cuộc khủng hoảng giữa I-xra-en và Pa-le-xtin trong một nỗ lực nhằm lôi kéo các nước Hồi giáo tham gia liên minh chống khủng bố. Thái độ của Oa-sinh-ton đối với những nước từng bị Mỹ coi là ủng hộ chủ nghĩa khủng bố như Xy-ri, Xu-đăng ... cũng thay đổi gần như 180°. Mối quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc đang được hàn gắn lại với việc đôi bên tăng cường hợp tác chống khủng bố và nghi thức kết nạp Trung Quốc làm thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) diễn ra chóng vánh chỉ trong vòng 8 phút, cho dù

trước đó Trung Quốc đã phải mất 15 năm ròng "trường chinh" chật vật vượt qua các rào cản do Mỹ dựng lên trên đường đến với GATT/ WTO.

Rõ ràng là sự kiện 11-9 đã làm thay đổi nhanh chóng cục diện quốc tế. So với bầu không khí căng thẳng hồi đầu năm, quan hệ quốc tế, trước hết là quan hệ giữa các nước lớn đã dịu đi nhiều. Nhưng, một câu hỏi đặt ra hiện nay là liệu bầu không khí hòa dịu đó sẽ kéo dài bao lâu hay nó chỉ mang tính nhất thời để thỏa mãn nhu cầu trước mắt là chống chủ nghĩa khủng bố ? Mới đây, Mỹ đã từng bước quay trở lại chủ nghĩa đơn phương sau khi cuộc chiến ở Á-p-ga-ni-xtan bước sang giai đoạn kết. Mỹ bác bỏ Công ước quốc tế về cấm vũ khí sinh học, cũng như đơn phương rút khỏi Hiệp ước chống tên lửa đạn đạo (ABM) bất chấp sự phản đối của nhiều nước. Những động thái này cho thấy tình hình thế giới trong thời gian tới sẽ còn nhiều yếu tố bất trắc, khó lường.

Cùng với những biến động diễn ra nhanh chóng, phức tạp liên quan đến sự kiện 11-9, nhịp sống chính trị ở nhiều khu vực trên thế giới cũng có những sắc thái riêng. Trong khi cuộc xung đột tại điểm nóng Bắc Ai-len lắng dịu với tiến bộ đạt được trong quá trình giải giáp lực lượng quân đội cộng hòa Ai-len, thì ở xứ Ba-xơ (Tây Ban Nha), các cuộc tấn công bí hiểm của lực lượng ETA lại gia tăng cường độ, gây ra những thiệt hại lớn và bất ổn định, khiến chính quyền sở tại phải chật vật đối phó. Tiến trình hòa bình ở khu vực Trung Đông năm qua được đánh dấu bằng một bước thụt lùi lớn nhất kể từ sau Hiệp định Ô-xlô (1993) và đang đứng trước nguy cơ hoàn toàn bị đổ vỡ. Càng về cuối năm, xung đột càng leo thang dữ dội. Lây có trả đũa các vụ tấn công cảm tử của phong trào Ha-mát, quân đội I-xra-en trên thực tế

đã tiến hành một cuộc chiến tổng lực quy mô lớn, chiếm đóng và phong tỏa các vùng đất của người Pa-le-xtin, thậm chí vây hãm dinh thự, khống chế hoạt động của Tổng thống Y. A-ra-phát. Trước thái độ lập lờ và thiên vị của Mỹ đối với chính quyền của Thủ tướng A. Sa-rôn, dư luận quốc tế quan ngại sâu sắc về diễn biến nguy hiểm hiện nay của cuộc xung đột giữa Pa-le-xtin và I-xra-en. Hy vọng nhanh chóng văn hồi hòa bình ở Trung Đông đang trở nên rất mong manh hơn bất kỳ khi nào và nguyện ước chính đáng của người dân Pa-le-xtin về một nhà nước độc lập vẫn tiếp tục vờ xa.

Trên bình diện kinh tế, ấn tượng nổi bật nhất đó là việc thế giới già từ năm 2001 với nỗi lo ám ảnh trước nguy cơ của một cuộc suy thoái mới. Báo cáo của Liên hợp quốc và các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế (IMF, WB) đều chỉ rõ, kinh tế thế giới năm 2001 bị suy giảm trầm trọng, đặc biệt sau sự kiện 11-9 và cuộc chiến chống khủng bố do Mỹ phát động. Mức tăng trưởng kinh tế năm qua chỉ còn 1,4% so với 3,7% năm 2000. Tăng trưởng tổng giá trị thương mại toàn cầu chỉ bằng 1/6 năm 2000 (12%), tức là khoảng 2%.

Các nước công nghiệp phát triển năm 2001 chỉ đạt mức tăng trưởng kinh tế 1,1%, giảm nhiều so với mức 3,2% năm 2000. Đáng chú ý nhất là sự suy giảm của cả ba đầu tàu kinh tế thế giới Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản đã tác động tiêu cực trực tiếp đến tình hình kinh tế các nước đang phát triển. Nền kinh tế khổng lồ Mỹ, với quy mô GDP hơn 10 nghìn tỉ USD và trong 5 năm qua luôn chiếm tới 2/3 tăng trưởng của thế giới, nhưng năm 2001 chỉ đạt mức tăng 1,3% so với 4,2% của năm 2000. Cục dự trữ liên bang (FED) đã buộc phải cắt giảm lãi suất liên tiếp 11 lần trong năm, xuống mức thấp

nhất trong vòng 40 năm qua là 1,75%. Tuy nhiên, những nỗ lực đó vẫn chưa tức thời lấy lại niềm tin của người tiêu dùng Mỹ. Ngành du lịch tuột dốc tệ hại, ngành hàng không lao đao cho dù hằng ngày trên kênh truyền hình Tổng thống G.W. Bu-sơ vẫn xuất hiện đều đặn 30 giây trong chương trình kêu gọi dân chúng sử dụng phương tiện hàng không. Tỷ lệ thất nghiệp của nước Mỹ lên đến 5,7%, mức cao nhất kể từ năm 1992, riêng năm 2001 đã có 1,3 triệu người mất việc làm.

Kinh tế Nhật Bản năm 2001 vẫn tiếp tục u ám và càng về cuối năm càng trở lên ảm đạm, khiến cho những hy vọng lạc quan về tài nghệ chèo lái "con tàu kinh tế" của vị Thủ tướng "cải cách" Côi-dư-mi nhanh chóng qua đi. Chính ông Côi-dư-mi gần đây đã thừa nhận rằng, kinh tế Nhật Bản đã lâm vào đợt suy thoái thứ ba liên tiếp trong vòng một thập niên qua. Số người thất nghiệp lên tới mức kỷ lục 3,75 triệu người, kinh tế tăng trưởng trong ngưỡng số âm (-0,9%). Kinh tế Liên minh châu Âu (EU) cũng không mấy sáng sủa. Các nước sử dụng đồng ơ-rô đạt mức tăng trung bình là 1,6%, trong đó Đức chỉ đạt 0,9%, I-ta-li-a đạt 1,7%, Pháp đạt 2,0%. Trong số các nước thuộc EU, Anh đạt mức tăng trưởng cao nhất với 2,2% so với 2,1% năm 2000.

Tại khu vực Đông Âu, các nước tuy cũng phải đối mặt với sự suy giảm kinh tế toàn cầu, nhưng ảnh hưởng không lớn so với các nơi khác. Đông Âu được coi là một trong những điểm sáng hiếm hoi của bức tranh kinh tế thế giới năm qua với tỷ lệ tăng trung bình 4,4%. Ba Lan, nền kinh tế lớn của khu vực đạt mức tăng là 2,5%. Hung-ga-ri, Séc, Xlô-va-ki-a, Xlô-ve-ni-a có chỉ số tăng trưởng là 4,2%, 4,8%, 4,6% và 5%. Kinh tế Nga duy trì mức tăng trưởng 4%, tỷ lệ

lạm phát là âm 14%, tốc độ tăng đầu tư vào vốn cố định đạt mức 6%, thu nhập thực tế của người dân Nga tăng 5,5% so với năm 2000.

Trong trào lưu suy giảm phổ biến của nền kinh tế toàn cầu, khu vực các nước đang phát triển cũng phải chịu những tác động nặng nề. Theo tính toán của WTO và WB, năm 2001 GDP của các nước này chỉ tăng bình quân 2,9% thấp rất nhiều so với 5,1% của năm trước. Sự sa sút kinh tế diễn ra ở hầu hết các khu vực. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình của các nước Đông Á (trừ Nhật Bản) giảm xuống còn 4,6%, trong khi năm 2000 đạt 6,3%. Đài Loan tăng 3,9% chỉ gần bằng 2/3 của năm 2000 (6%). Hàn Quốc gắng vực dậy sau sự đổ vỡ của một số công ty lớn, nhưng cũng chỉ tăng 3,7% so với 4,8% năm 2000. Đông - Nam Á một lần nữa lại phải đối mặt với nguy cơ suy thoái kinh tế, FDI suy giảm, bất ổn xã hội gia tăng. Xin-ga-po có chỉ số tăng trưởng kinh tế âm (-0,3%), giảm mạnh so với mức kỷ lục 8,9% năm 2000, Thái Lan đạt 1,5%, Ma-lai-xi-a đạt 0,3%, In-đô-nê-xi-a đạt 1,4%, Phi-lip-pin đạt 2,1%. Trong lúc kinh tế của các nước Đông Á ngấp nghé bờ vực suy thoái thì duy chỉ có Trung Quốc và Việt Nam vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao gần 7%.

Kinh tế các nước Nam Á cũng giảm sút mạnh, nhất là khi chiến sự bùng nổ tại Áp-ga-ni-xtan. Ấn Độ đạt mức tăng 4,4% so với 5,5% năm 2000. Các chỉ số tương ứng của Băng-la-đét là 4% và 4,5%, của Pa-ki-xtan là 2,1% và 3,9%, của Xri Lan-ca là 1,7% và 3%, của Nê-pan là 1,4% và 2,6%.

Khu vực Mỹ La-tinh cũng chịu ảnh hưởng nghiêm trọng từ sự suy giảm kinh tế thế giới và cuộc tấn công khủng bố vào nước Mỹ. Kinh tế Ác-hen-ti-na, nền kinh tế lớn thứ hai ở khu vực này liên tục bị giảm sút và

đã trượt vào cuộc khủng hoảng trầm trọng. Các khoản nợ tính đến 15-12-2001 đã vượt quá 132 tỉ USD, trong khi hơn 900 triệu USD nợ đáo hạn chính phủ không có khả năng thanh toán. Khủng hoảng kinh tế đẩy nước này đến bờ của sự phá sản, làm bùng lên cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc. Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế năm 2001 của Ác-hen-ti-na là âm 2,8%. Chính cuộc khủng hoảng của Ác-hen-ti-na và những gian nan của kinh tế Mỹ tạo ra một hiệu ứng lan truyền trong toàn khu vực. Mức tăng trưởng của nền kinh tế lớn nhất Mỹ La-tinh là Bra-xin năm 2001 chỉ tăng 2,1%, Chi-lê có mức tăng là 2,7%, Mê-hi-cô : 1%. Theo đánh giá của Ủy ban kinh tế Liên hợp quốc về Mỹ La-tinh và Ca-ri-bê, tăng trưởng bình quân năm 2001 tại khu vực chỉ đạt 0,5% so với dự đoán ban đầu là 2,2%.

Trong tình cảnh suy giảm kinh tế chung của các nước đang phát triển, năm 2001 châu Phi lại có mức tăng GDP trung bình là 3,3%, cao hơn so với mức tăng của năm 2000 (3%). Theo giới nghiên cứu, sở dĩ như vậy là do các vấn đề của châu Phi chủ yếu mang tính nội bộ. Nền kinh tế kém phát triển và mức độ hội nhập thấp khiến châu lục này ít chịu ảnh hưởng hơn so với các khu vực khác trước những chấn động kinh tế toàn cầu. Đồng thời, những hy vọng giải quyết và chấm dứt xung đột ở một loạt các quốc gia châu Phi trong thời gian qua đã mang lại sự ổn định tương đối, góp phần thúc đẩy kinh tế tăng trưởng. Năm 2001 cũng là một năm mang tính chất bản lề của châu Phi. Với sự ra đời của Liên minh châu Phi theo mô hình của Liên minh châu Âu, châu lục này đang áp ủ và chờ đợi sẽ có một đồng tiền chung trong tương lai. Đây được xem là cơ hội chưa từng có để có thể thay đổi hình ảnh của một châu lục vốn chỉ được nhắc đến với các cuộc xung đột triền miên,

nạn đói và dịch bệnh. Hơn lúc nào hết, các nước châu Phi hiểu rằng đó là con đường để họ nâng cao vị thế của mình trên trường quốc tế, tự bảo vệ trước thách thức khắc nghiệt của quá trình toàn cầu hóa, từng bước thoát khỏi sự quá lệ thuộc vào bên ngoài. Dự luận quốc tế cho rằng, với quyết định táo bạo và can đảm hôm nay, châu Phi muốn tự đứng và đi bằng đôi chân của chính mình.

Tại Đông-Nam Á, có thể thấy điểm sáng nhất là những nỗ lực tăng cường liên kết ASEAN nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển của các nước thành viên. Lần đầu tiên trong lịch sử ASEAN, có một tuyên bố riêng biệt - Tuyên bố Hà Nội về thu hẹp khoảng cách được thông qua tại Hội nghị Bộ trưởng ASEAN (AMM) lần thứ 34 diễn ra tại Hà Nội vào tháng 7-2001. Việt Nam đã có những đóng góp tích cực trong hợp tác liên kết khu vực năm qua trên cương vị Chủ tịch Ủy ban thường trực ASEAN và Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF). Hội nghị thượng đỉnh ASEAN - 7 (Bru-nây, 11-2001) đã đặt một dấu mốc mới cho sự phát triển hợp tác của Hiệp hội với bên ngoài bằng thỏa thuận thiết lập khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc trong những năm sắp tới.

Trên một khía cạnh khác, các Hội nghị thượng đỉnh APEC - 9 (Thượng Hải, 10-2001), Hội nghị thượng đỉnh ASEAN - 7 và tiếp sau là Hội nghị Bộ trưởng của WTO (Ca-ta, 12-2001) đều đặt trọng tâm vào vấn đề tìm giải pháp nhằm vực dậy nền kinh tế toàn cầu đang đứng trước nguy cơ trượt vào suy thoái bằng việc thông qua các tuyên bố chung nhấn mạnh sự cần thiết phải phối hợp giữa các thành viên trong những chính sách chung. Trong khung cảnh ấy, việc Hội nghị Ca-ta đạt được thỏa thuận về mở một vòng đàm phán mới không chỉ góp phần xóa đi những mặc cảm thất bại của Hội nghị Xi-a-ton trước đây của WTO, mà còn có ý

nghĩa rất quan trọng đối với triển vọng kinh tế, thương mại toàn cầu.

Năm 2001 còn là năm ghi nhận các hoạt động trở nên mạnh mẽ chưa từng có từ trước tới nay của phong trào chống toàn cầu hóa. Thậm chí, người ta đã nhận định rằng chống toàn cầu hóa đã trở thành một dữ kiện chính trị, một thông số, một hàn thử biểu của đời sống quốc tế. Năm 2001 đã ra đời một tổ chức quốc tế mới chống toàn cầu hóa, đó là Diễn đàn xã hội thế giới (Pooc-tô A-lê-gơ-re - Bra-xin). Sự hiện diện của diễn đàn này đã đưa cuộc chiến chống mặt trái và nghịch lý của toàn cầu hóa bước sang một giai đoạn mới có quy mô và tổ chức hơn. Sự ra đời của Diễn đàn xã hội thế giới được xem là hệ quả tất yếu của sự phản kháng xã hội mang tính toàn cầu đối với mô thức đang bị tư bản hóa hiện nay của quá trình toàn cầu hóa, nhằm điều chỉnh sao cho quá trình ấy trở nên công bằng hơn và nhân bản hơn.

Năm 2001 là một năm không mấy thành công đối với các hoạt động bảo vệ môi trường. Phải chật vật lắm Nghị định thư Ky-ô-tô về giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính mới được cứu vãn. Tuy nhiên, việc Mỹ - nước có lượng khí thải lớn nhất, tẩy chay Nghị định Ky-ô-tô đã khiến cho những cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường bị hạn chế rất nhiều. Bên cạnh đó, thiên tai và các tai nạn khủng khiếp cũng để lại nhiều nỗi đau cho nhân loại trong năm qua. Các thảm họa do thiên nhiên và con người gây ra đã khiến cho thế giới bị thiệt hại vật chất tới 175 tỉ USD, gấp 3 lần con số thiệt hại của những năm 80 thế kỷ XX.

Mặc dầu toàn cảnh thế giới năm qua có nhiều nghịch lý, song thế giới vẫn hy vọng năm 2002 sẽ mang đến những điều tốt đẹp, để cho toàn cảnh thế giới trở nên sáng hơn trong những gam màu tươi tắn của hòa bình, công bằng và phát triển. □

TÌNH HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC

“TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX”

HỘI nghị toàn quốc “Triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước” đã diễn ra trong 2 ngày (31-1 và 1-2-2002) tại Hà Nội, dưới sự chủ trì của Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Tấn Dũng. Đồng đạo các đại biểu đại diện cho các bộ, ngành và các địa phương, các chủ tịch hội đồng quản trị, các tổng giám đốc tổng công ty 90 và 91, các giám đốc của các doanh nghiệp nhà nước trong cả nước tham dự Hội nghị.

Tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Tấn Dũng đã quán triệt nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, giới thiệu Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương ba.

Sau khi nghe một số ý kiến đóng góp của các đại biểu, Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng kết luận Hội nghị. Đồng chí nhấn mạnh, lần đầu tiên Đảng ta ra một nghị quyết chuyên về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước có quy mô rộng lớn, nhưng cũng rất cụ thể và có nhiều tác động sâu rộng nhằm cụ thể hóa những quan điểm đường lối của Đảng đã được Đại hội IX đề ra. Đây đồng thời cũng là một nghị quyết mà để đưa được vào cuộc sống phải thay đổi, bổ sung và chỉnh lý nhiều văn bản pháp quy cho đồng bộ, trước mắt cần gấp rút chỉnh lý, bổ sung, sửa đổi ít nhất 26 văn bản pháp quy. Đồng chí đề nghị các bộ, ngành, các địa phương, các tổng công ty nhà nước và các doanh nghiệp, với tinh thần khẩn trương gửi ý kiến đóng góp bằng văn bản về *Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp* trước ngày 10-2-2002. Đồng thời các bộ, ngành, các địa phương, các tổng công ty nhà nước khẩn trương lập đề án sắp xếp những doanh nghiệp thuộc quyền quản lý của mình trong quý I năm 2002 để trình Thủ tướng Chính phủ, theo tinh thần Nghị quyết Trung ương ba. Các loại hình doanh nghiệp nhà nước sẽ được phân loại cụ thể, như : doanh nghiệp kinh doanh ; doanh nghiệp hoạt động công ích ; doanh nghiệp nhà nước cần nắm giữ 100% vốn ; doanh nghiệp nhà nước nắm cổ phần chi phối ; doanh nghiệp nhà nước phải có cổ phần nhưng không chi phối ; doanh nghiệp cổ phần hóa mà nhà nước không tham gia cổ phần - chuyển đổi sở hữu, cổ phần hóa toàn bộ cho người lao động. Doanh nghiệp nào không thể làm được theo các phương án trên thì giao cho công nhân, bán hoặc cho thuê, sáp nhập, giải thể. Cuối cùng mới áp dụng đến biện pháp làm thủ tục cho phá sản...

Tất cả các ngành và các địa phương đều phải khẩn trương đăng ký làm thí điểm để rút kinh nghiệm, nhân rộng những hình thức tổ chức doanh nghiệp mới, như :

- Chuyển doanh nghiệp nhà nước 100% vốn, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, và chính trị - xã hội sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, chịu sự điều tiết của Luật Doanh nghiệp ;

- Xây dựng mô hình công ty mẹ - công ty con từ các tổng công ty nhà nước ; doanh nghiệp nhà nước lớn hoạt động độc lập ; doanh nghiệp nhà nước lớn của các tổng công ty (công ty mẹ - công ty con, nhưng lại nằm trong tổng công ty) ; thành lập mới công ty mẹ - công ty con.

Tách chức năng chủ tịch hội đồng quản trị ra khỏi chức năng tổng giám đốc, vì qua thực tế làm thử phương án nhập hai chức năng này cho thấy có nhiều hạn chế. Trước một tài sản quốc gia lớn ở các tổng công ty nhà nước, cần thiết phải có sự quản lý của một tập thể để tránh chủ quan, duy ý chí và tình trạng lạm quyền, mất dân chủ. □

LỄ PHÁT HÀNH CHÍNH THỨC TẠP CHÍ CỘNG SẢN TRÊN MẠNG IN-TƠ-NÉT

NHÂN dịp kỷ niệm lần thứ 72 ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 - 3-2-2002) và đón Tết Nhâm Ngọ, chiều ngày 5-2-2002, Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản tổ chức Lễ phát hành chính thức Tạp chí Cộng sản trên mạng In-tơ-nét.

Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương ; lãnh đạo các bộ, ban, ngành hữu quan ở trung ương ; đông đảo các cơ quan thông tấn báo chí ở trung ương và Hà Nội ; cùng toàn thể cán bộ, phóng viên, biên tập viên và nhân viên của Tạp chí Cộng sản tham dự buổi lễ.

Phó giáo sư, tiến sĩ Vũ Văn Hiền, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, thay mặt Bộ biên tập đọc bản báo cáo, nhấn mạnh : Sau 5 tháng phát chương trình thử nghiệm mỗi kỳ 1 tháng kể từ ngày 29-8-2001, đã có hơn 42 000 lượt người truy cập. Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đáp lại sự tin cậy và ủng hộ của đông đảo bạn đọc, Bộ biên tập quyết định phát hành chính thức Tạp chí Cộng sản trên mạng In-tơ-nét, hai kỳ mỗi tháng với nội dung không ngừng đổi mới, vào các thời điểm ngày 5 và 20 hằng tháng, kể từ ngày 5-2-2002. Từ đây, hằng tháng, Tạp chí Cộng sản xuất bản ba kỳ Tạp chí bản in và hai kỳ Tạp chí trên mạng In-tơ-nét. Bộ biên tập Tạp chí rất mong tiếp tục nhận được sự cổ vũ, phê bình góp ý của bạn đọc đông đảo, để Tạp chí Cộng sản ngày càng giữ vững và làm tốt hơn trọng trách là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đúng 17 giờ, ngày 5-2-2002, đồng chí Nguyễn Khoa Điềm bấm nút phát hành chính thức Tạp chí Cộng sản trên mạng In-tơ-nét. Phát biểu tại buổi Lễ, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 72 năm ngày thành lập Đảng và trước thềm Xuân Nhâm Ngọ, đồng chí nhiệt liệt chúc mừng sự phát triển không ngừng và toàn diện của Tạp chí Cộng sản trong thời gian vừa qua ; và, nhấn mạnh : Từ nay, với sự hiện diện của Tạp chí Cộng sản điện tử, binh chủng báo chí cách mạng của chúng ta trên mạng In-tơ-nét càng thêm hùng hậu và mạnh mẽ. Cũng từ nay, với hai loại hình ấn phẩm, Tạp chí Cộng sản thực sự có thêm điều kiện, môi trường thể hiện và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng. Đồng chí mong rằng, với truyền thống 72 năm vẻ vang và quý báu của mình, Tạp chí Cộng sản không ngừng phấn đấu và trưởng thành hơn nữa về mọi mặt ; trước mắt, tiếp tục tuyên truyền và tham gia nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn thể hiện một cách sâu sắc hơn nữa những quan điểm Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng và các nghị quyết của Trung ương, đóng góp to lớn, hiệu quả hơn nữa trong việc phát triển công tác tư tưởng, lý luận của Đảng ta. □

**ĐOÀN CÁN BỘ TẠP CHÍ CỘNG SẢN VÀ BỘ TƯ LỆNH
BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG THĂM, CHÚC TẾT CÁC ĐƠN VỊ
BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG TỈNH LẠNG SƠN**

NHÂN dịp đầu xuân Nhâm Ngọ, thực hiện chương trình giao lưu kết nghĩa giữa hai cơ quan Tạp chí Cộng sản và Bộ đội Biên phòng, ngày 6-2-2002, Đoàn cán bộ Tạp chí Cộng sản và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã tổ chức đi thăm, chúc Tết, tặng quà các đơn vị Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn. Tham dự đoàn đi có các đồng chí : PGS, TS Vũ Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập ; PGS, TS Trần Quang Nhiếp, Phó tổng biên tập cùng các đồng chí trong Ban biên tập Tạp chí Cộng sản ; TS Tăng Huệ, Thiếu tướng, Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng Bộ đội Biên phòng ; cùng một số cán bộ của Tạp chí Cộng sản và Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

Đoàn đã đến thăm, chúc tết, tặng quà Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh Lạng Sơn ; Trạm cửa khẩu Hữu Nghị, Đồn Biên phòng cửa khẩu Hữu Nghị ; Trạm cửa khẩu Tân Thanh, Đồn biên phòng Tân Thanh. Trong không khí cởi mở, chân tình, ấm cúng đồng chí Hoàng Bình, Thượng tá, Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn đã báo cáo tình hình, đặc điểm, công việc của đơn vị trong những năm vừa qua cùng những thành tích đã đạt được. Trên mỗi tuyến biên giới có những nét đặc thù, những khó khăn, phức tạp của địa bàn biên giới phía Bắc nhưng với tinh thần vượt khó đi lên, cán bộ, chiến sĩ biên phòng Lạng Sơn luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó. PGS, TS Vũ Văn Hiền, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản ; TS Tăng Huệ, Thiếu tướng, Phó Tư lệnh Bộ đội Biên phòng phát biểu, dặn dò, tặng quà và chúc Tết các đơn vị. Các đồng chí nhấn mạnh công tác bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, giữ vững từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc vừa là vinh dự, tự hào đồng thời cũng là trách nhiệm hết sức nặng nề của các lực lượng vũ trang trong đó Bộ đội Biên phòng giữ vai trò nòng cốt. Phải làm việc ở những địa bàn vừa sâu, vừa xa, thậm chí chông gai heo hút nơi biên giới, khí hậu khắc nghiệt, các chiến sỹ biên phòng không quản khó khăn, ngày đêm cầm chắc tay súng bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tuyến biên giới Việt - Trung tuy đã ký Hiệp định biên giới cả trên đường bộ và trên biển song vẫn còn nhiều việc cần phải bàn bạc, thống nhất và làm trong quá trình cắm mốc thực địa. Bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới hiện nay đòi hỏi phải nắm vững, thực hiện đúng đắn, sáng tạo đường lối, quan điểm quân sự - quốc phòng của Đảng. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay không đơn thuần là chống chiến tranh xâm lược từ bên ngoài mà còn là bảo vệ hòa bình, độc lập dân tộc, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ, giữ vững an ninh trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ, đối ngoại..., gắn liền với bảo vệ chế độ, bảo vệ Đảng. Bộ đội Biên phòng không chỉ hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao phó mà còn tích cực tham gia xây dựng cơ sở chính trị địa bàn, chương trình xóa đói, giảm nghèo, vận động quần chúng, định canh, định cư, xây dựng môi trường văn hóa.v.v... Tới đâu Đoàn cũng được đón tiếp rất ân cần, thăm tình đồng chí, tình quân dân. Cán bộ, chiến sĩ nơi đây tỏ rõ quyết tâm xây dựng đơn vị vững mạnh, khẳng định Bộ đội Biên phòng là lực lượng tin cậy tuyệt đối của Đảng, của Tổ quốc và nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân và nền biên phòng vững mạnh trên toàn tuyến biên giới.□

CÔNG TY BÊ TÔNG - THÉP NINH BÌNH

Địa chỉ: Km số 3 Quốc lộ 1A đường Ninh Bình - Thanh Hóa

Điện thoại: (030) 610 078 - Fax: (030) 610 120

Giám đốc: KS. Đỗ Thị Liên

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG



Giải thưởng
Chất lượng Việt Nam 1996 - 2000



Huân chương
Lao động Hạng Nhất



Lò luyện Thép Hồ quang
Phân xưởng luyện thép

SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY ĐƯỢC SẢN XUẤT THEO TIÊU CHUẨN

- Thép tròn vằn cán nóng các loại: $\Phi 10 - 12 - 14 - 16 - 18 - 20 - 22 - 24$ được hợp chuẩn theo TCVN 1651 - 1985.
- Cột điện bê tông cốt thép ly tâm được sản xuất theo TCVN 5846-94 và TCVN 5847-95
- Sản phẩm của Công ty Bê tông - Thép Ninh Bình sản xuất đảm bảo kỹ thuật, mỹ thuật, chất lượng và có uy tín trên thị trường.

RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

Digitized by Google

VIỆN NGHIÊN CỨU ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

RESEARCH INSTITUTE OF GEOLOGY AND MINERAL RESOURCES

Địa chỉ : Km 9 + 300 Đường Nguyễn Trãi - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.

Điện thoại : (04) 8.544386 ; Fax : (04) 8.542125

Lãnh đạo viện : Viện trưởng : PGS.TSKH Dương Đức Kiêm

CƠ SỞ PHÁP LÝ - LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

♦ Quyết định số 95 CP, ngày 16/6/1976 của Hội đồng Chính phủ thành lập Viện Địa chất và Khoáng sản (trên cơ sở Đoàn Nghiên cứu Địa chất 45 được thành lập năm 1965).

♦ Quyết định 319 TTg ngày 12 tháng 12 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ cho Viện đào tạo cán bộ khoa học trên đại học.

♦ Quyết định số 782/TTg ngày 24/10/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp các cơ quan nghiên cứu, triển khai KHCN ; quyết định số 4014/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp thành lập Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản, trên cơ sở Viện Địa chất và Khoáng sản là cơ quan nghiên cứu triển khai trực thuộc Bộ Công nghiệp.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

> Nghiên cứu chiến lược, quy hoạch và chính sách phát triển khoa học - công nghệ ngành địa chất và khoáng sản.

> Tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ, môi trường và kinh tế ngành địa chất và khoáng sản.

> Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan bồi dưỡng về chuyên môn cho đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ của Viện và tổ chức đào tạo sau đại học, trên đại học cho các đối tượng có nhu cầu.

> Tổ chức các hoạt động thông tin khoa học - kỹ thuật, kinh tế và phục vụ thông tin dưới các hình thức xuất bản ấn phẩm, báo cáo chuyên đề, hội thảo khoa học, quảng cáo giới thiệu sản phẩm.

> Tham gia xây dựng quy trình, quy phạm tiêu chuẩn nhà nước, tiêu chuẩn và định mức kinh tế kỹ thuật ngành ; Tham gia hội đồng xét duyệt các báo cáo, các công trình khoa học - công nghệ thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

> Phát triển các quan hệ hợp tác về nghiên cứu khoa học - công nghệ - môi trường địa chất - khoáng sản với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

> Tư vấn quản lý, lập luận chứng kinh tế - kỹ thuật, đầu tư thiết kế chuyển giao công nghệ và các hoạt động dịch vụ công nghiệp, sản xuất thử nghiệm các sản phẩm về địa chất - khoáng sản.



TÀI LỰC

♦ Cán bộ : Tổng số 340 người trong đó có 3 tiến sĩ khoa học, 28 tiến sĩ chuyên ngành, 4 thạc sĩ và 114 kỹ sư.

♦ Cơ sở vật chất :

3 phòng thí nghiệm hiện đại ; Phân tích và giám định đá quý, phân tích khoáng thạch học ; toán tin học địa chất. Tại các phòng chuyên môn còn có các thiết bị : Phân tích nhiệt động học, vi cổ sinh và bảo tử phần hoa, địa vật lý, địa hóa...

♦ Tổ chức :

- Hội đồng KHCN và Ban đào tạo trên đại học.
- 8 phòng ban quản lý nghiệp vụ.
- 17 phòng nghiên cứu KHCN chuyên ngành.
- Trung tâm thử nghiệm công nghệ và tư vấn dịch vụ địa chất... nguyên liệu khoáng.
- Phân viện nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản Miền Nam đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh.

MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO

□ Đã chủ trì các chương trình KHCN trọng điểm cấp Nhà nước 44 (1981 - 1985) ; 44A (1986 - 1990) ; Kt.01 (1991 - 1995) và hàng trăm đề tài các ngành.

□ Công trình xuất bản :

- Bản đồ địa chất Việt Nam (phần miền Bắc) tỉ lệ 1/1000000 (1979).
- Thư mục các công trình địa chất xuất bản của Việt Nam và các nước lân cận (1988)
- Bản đồ thành hệ - kiến trúc Việt Nam tỉ lệ 1/1500000 (1992).
- Atlas Cổ sinh Việt Nam (1990).
- Bản đồ khoáng sản Việt Nam tỉ lệ 1/1000000 (1991).
- Địa chất các mỏ thiếc ở Việt Nam (1991).
- Tuyển tập các báo cáo hội nghị địa chất Đông Dương lần thứ nhất (1986) và lần thứ hai (1991).
- Tuyển tập các công trình địa chất và khoáng sản (xuất bản định kỳ hàng năm).

□ Các báo cáo khoa học thuộc các lĩnh vực Địa chất - Khoáng sản, Địa chất môi trường được lưu giữ tại kho tư liệu của Cục Địa chất Việt Nam và Trung tâm Thông tin Tư liệu Quốc gia.

□ Hàng năm có kế hoạch đào tạo các TS Địa lý - Địa chất dưới các hình thức hàm thụ và dài hạn theo chương trình của Bộ giáo dục và đào tạo.

HỢP TÁC QUỐC TẾ

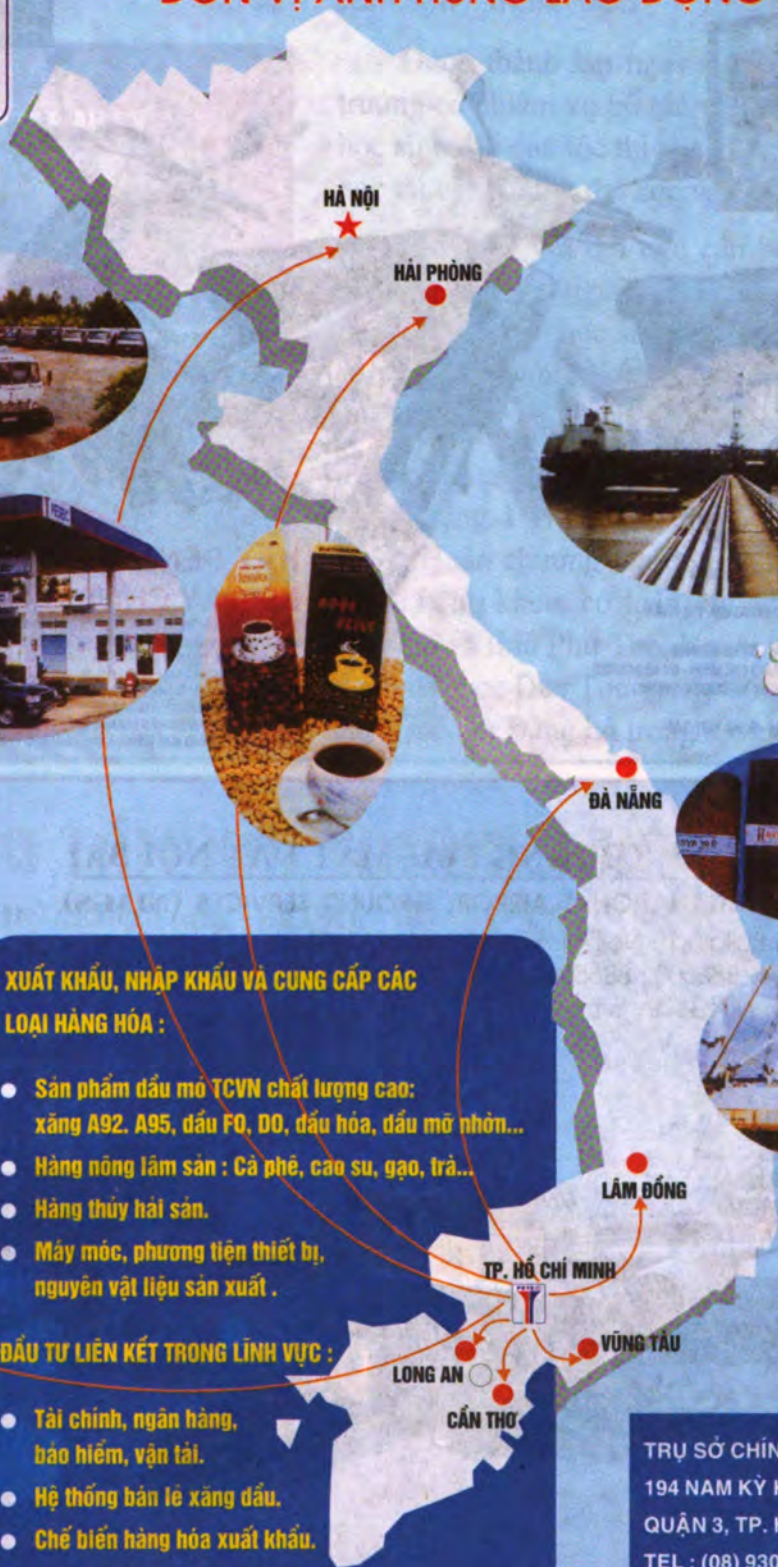
Viện có quan hệ chặt chẽ với các viện nghiên cứu địa chất thuộc nhiều nước : Australia, Bỉ, Campuchia, Canada, Đức, Italia, Malaysia, Mỹ, Newzealand, Lào, Nga, Nhật Bản, Thái Lan, Trung Quốc... trong các chương trình nghiên cứu khoa học và hoạt động điều tra địa chất.





CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT & ĐẦU TƯ PETEC

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG



XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀ CUNG CẤP CÁC LOẠI HÀNG HÓA :

- Sản phẩm dầu mỏ TCVN chất lượng cao: xăng A92, A95, dầu FO, DO, dầu hỏa, dầu mỡ nhờn...
- Hàng nông lâm sản: Cà phê, cao su, gạo, trà...
- Hàng thủy hải sản.
- Máy móc, phương tiện thiết bị, nguyên vật liệu sản xuất.

ĐẦU TƯ LIÊN KẾT TRONG LĨNH VỰC :

- Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải.
- Hệ thống bán lẻ xăng dầu.
- Chế biến hàng hóa xuất khẩu.

TRỤ SỞ CHÍNH :

194 NAM KỲ KHỞI NGHĨA,
QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH

TEL : (08) 9303299/9303633/9303984/

9303524/9304136/9304438

FAX : (08) 9305586/9305991

E-mail : Petectonghop@hcm.vnn.vn

ANH, XX, HƯC CÁC CHI NHÁNH, XÍ NGHIỆP TRỰC THUỘC PETEC

LIS HAKA

LISOHAKA



BẢO HÀNH ĐẶC BIỆT 15.000KM
CHO ĐỘNG CƠ VÀ GIÁM SỐC
LISOHAKA KHÁC PHỤC ĐƯỢC TẤT CẢ NHỮNG NHƯỢC ĐIỂM
CỦA XE MÁY TRUNG QUỐC CÓ MẶT TẠI VIỆT NAM
KHÁC PHỤC GIÁ ÁO HIỆN THỜI ĐỂ XE MÁY CÓ ĐỒNG GIÁ TRỊ NHẤT
ĐC GIAO DỊCH
SỐ 228/82 THÍCH QUẢNG ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT: 08 8422455
SỐ 205A HOÀNG VĂN THỤ P.3 PHƯỜNG NHUẬN TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT: 08 8422455
TRUNG TÂM XE GẮN MÁY SÀI GÒN - CHỢ LỚN 65 AN DƯƠNG VƯƠNG
P. 05 - TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT: 08 8422455
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HÙNG LONG KHỐI 14 - P. HÀ HUY TẬP
TP. VINH - NGHỆ AN - ĐT: 038 566061

HÃY ĐẾN VỚI LISOHAKA VIỆT NAM XE MÁY CHẤT LƯỢNG TỐT NHẤT

201 ĐƯỜNG TRƯỜNG CHINH HÀ NỘI - ĐT: 045634523 - 04 8534155
98 TÂY SƠN - ĐỒNG ĐÀ - HÀ NỘI, ĐT: 04. 5330011,
SỐ 2 NGÕ GIÀ TỤ BẮC GIANG - ĐT: 0240 853116
CÔNG TY THƯƠNG MẠI DUY ANH TỔ 4 TRẦN LÂM - THÁI BÌNH - ĐT: 036.831832
CÔNG TY KHAI THÁC KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH 34 CỤ CHINH LAM
THỊ XÃ HÒA BÌNH - ĐT: 018.853398
CỬA HÀNG XE MÁY CHẤT LƯỢNG CAO 29 KHÁM THIÊN - HÀ NỘI - ĐT: 04 8164118
CÔNG TY THƯƠNG MẠI HẠNH LINH KIỀU MẠI PHÚ ĐIỂN TỪ LIÊM - HÀ NỘI - ĐT: 04 7642279

05 - TP. H. 97



XI NGHIỆP THƯƠNG MẠI MẶT ĐẤT NỘI BÀI

NOIBAI INTERNATIONAL AIRPORT GROUND SERVICES (NIAGS)

NIAGS Building - Noibai Airport, Hanoi Vietnam

Tel : (04) 8865002-8865060. Fax : (04) 8840741 ; SITA ; HANKDVN

E-mail : NIAGS@hn.vnn.vn



TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ : ĐƯỜNG TRẦN PHÚ - VIỆT TRÌ - PHÚ THỌ

Điện thoại : 0210 846556 - 0210 846572

Cơ sở II : Sầm Sơn - Thanh Hóa



Thầy hiệu trưởng Hà Như Ngọc



Giờ ra chơi của các em học sinh

- Được thành lập ngày 26 tháng 11 năm 1975, trường có nhiệm vụ bổ túc và nâng cao trình độ cho học sinh các dân tộc thiểu số để có đủ điều kiện vào học tại các trường đại học và cao đẳng.

- Hiện nay với đội ngũ cán bộ giảng viên, công nhân viên là 120 người, hàng năm trường đã đào tạo khoảng trên 400 học sinh là con em các dân tộc thiểu số vùng cao, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

- Với nỗ lực đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo không ngừng, đến nay trường đã được Nhà nước phong tặng 1 Huân chương lao động hạng 3 năm 1985, Huân chương lao động hạng 2 năm 1995 và nhiều bằng khen, cờ luân lưu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tỉnh Phú Thọ. Ngoài ra Đảng bộ Trường dự bị đại học Dân Tộc Trung ương tám năm liền đạt danh hiệu là Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

TRUNG TÂM KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN BIỂN

ĐC : Láng Trung - Ba Đình - HN

TEL : 8343558 - 8343794

GD : TS NGUYỄN THẾ TƯỜNG

FAX : 8350606



TS Nguyễn Thế Tường - GD Trung tâm khí tượng Thủy văn Biển đang phát biểu tại hội nghị lần thứ 3 Quan trắc Hải dương ven bờ

- Chức năng nhiệm vụ : Chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật công tác ĐTCB, tiến hành nghiên cứu khoa học, phục vụ trong lĩnh vực KTTV Biển, cụ thể :

- + Lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển bộ môn KTTV Biển & tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đó.
- + Xây dựng quy trình, quy phạm kỹ thuật đo đạc về KTTV Biển
- + Điều tra, khảo sát chuyên đề, thu nhập và chỉnh lý các số liệu ĐTCB & KTTV Biển
- + Xây dựng các quy trình công nghệ, tính toán và dự báo về thủy triều, các yếu tố KTTV Biển khác phục vụ cho phát triển kinh tế biển.
- + Tham gia quản lý công tác ĐTCB và phục vụ KTTV Biển.
- + Đề xuất và tham gia kế hoạch hợp tác quốc tế về KTTV Biển.

+ Nội dung - Quyết định thành lập số 117 KTTV/QĐ ngày 29/4/87 của Tổng cục Trưởng Tổng Cục Khí tượng Thủy văn

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KHCN : số 362 ngày 26/12/94 của Bộ KHCN và MT



CÔNG TY BẢO HIỂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH BẢO MINH HẢI PHÒNG

1 Hoàng Diệu - Hồng Bàng - Hải Phòng - Tel : 031.822812 - Fax : 84.31.823360



Bảo Minh - Một trong những công ty Bảo hiểm hàng đầu của Việt Nam giới thiệu các nghiệp vụ bảo hiểm thông dụng hiện có tại Bảo Minh

- | | |
|--|--|
| 1. Bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt | 11. Bảo hiểm thuyền viên |
| 2. Bảo hiểm mọi rủi ro nhà thầu xây dựng (C.A.R),
bảo hiểm mọi rủi ro lắp đặt (E.A.R) | 12. Bảo hiểm hàng hóa XNK |
| 3. Bảo hiểm trộm cướp | 13. Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển nội địa |
| 4. Bảo hiểm bồi | 14. Bảo hiểm cư giới |
| 5. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự | 15. Bảo hiểm tai nạn con người |
| 6. Bảo hiểm bồi thường cho người lao động | 16. Bảo hiểm tai nạn học sinh |
| 7. Bảo hiểm thân tàu biển (HULLINS) | 17. Bảo hiểm du lịch |
| 8. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu biển
(P & I INS) | 18. Bảo hiểm trợ cấp nằm viện
và phẫu thuật |
| 9. Bảo hiểm tàu thuyền hoạt động trên sông hồ
lành hải Việt Nam | 19. BH tín dụng trả góp |
| 10. Bảo hiểm tàu thuyền đánh cá. | 20. BH hàng không |
| | 21. Bảo hiểm dầu khí |

Bảo Minh sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu bảo hiểm của quý khách

BỘ CÔNG NGHIỆP - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM MINISTRY OF INDUSTRY - ELECTRICITY OF VIET NAM VIỆN NĂNG LƯỢNG

ĐỊA CHỈ : SỐ 6 TÔN THẤT TÙNG - ĐÔNG ĐA - HÀ NỘI

ĐT : 8529302 - 8523745 - 8523348 ; Fax : 84-4-8523311

Viện trưởng : TS. Nguyễn Mạnh Hiền



CƠ SỞ PHÁP LÝ :

Viện năng lượng là Viện nghiên cứu KHKT và quy hoạch tổng thể phát triển năng lượng và điện lực, được thành lập 1-1-1989 trên cơ sở hợp nhất Viện Năng lượng điện khí hóa và Viện Nghiên cứu KHKT điện theo Quyết định số 1379 NL/TCCB ngày 05/12/1998 của Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công nghiệp).

NHIỆM VỤ CHỦ YẾU :

- Tham mưu cho Nhà nước, đảm nhận chức năng đầu mối của Ngành và Nhà nước tham gia hoạch định chiến lược và chính sách năng lượng quốc gia, kinh tế năng lượng và phát triển điện lực.
- Tổ chức nghiên cứu, soạn thảo các chương trình và dự án phát triển năng lượng tổng thể, các bảng năng lượng toàn quốc và phân vùng, lập tổng sơ đồ phát triển điện lực Việt Nam, các dự án quy hoạch phát triển lưới điện địa phương ; lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi các công trình nguồn và lưới điện. Thiết kế lưới điện tới 220Kv.
- Nghiên cứu cơ bản, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực năng lượng mới và tái tạo, nhà máy nhiệt điện, chống sét, và vật liệu cách điện. Nghiên cứu các vấn đề tài nguyên môi trường, bảo tồn và sử dụng năng lượng.
- Nghiên cứu kinh tế năng lượng. Tham gia soạn thảo chiến lược và chính sách năng lượng quốc gia, xây dựng ngân hàng dữ liệu, các tiêu chuẩn ngành và quốc gia, các định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ phát triển năng lượng.
- Thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực điện lực và năng lượng.

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG 2





BỆNH VIỆN BẠCH MAI

Giám đốc : GS. TS Trần Quy

P. Giám đốc : Bùi Thành Chi - Trần Thị Thịnh - Nguyễn Chí Phi



Ban GD Bệnh viện họp bàn chủ trương phát triển Bệnh viện trong thời kỳ đổi mới

Xây dựng từ năm 1911, Nhà thương Cống Vọng - Bệnh viện Bạch Mai ngày nay, từ một cơ sở chữa bệnh truyền nhiễm nhỏ bé đã trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, gắn liền với sự phát triển của đất nước và của thủ đô Hà Nội.

Bệnh viện Bạch Mai - nơi đã từng là thành lũy kiên cường chống trả lại giặc Pháp của quân và dân Thủ đô trong những ngày đầu kháng chiến. Bệnh viện Bạch Mai cũng từng là mục tiêu tấn công của giặc Mỹ trong kháng chiến chống Mỹ.

Với ý chí kiên cường, đoàn kết thành một khối, tập thể cán bộ công chức Bệnh viện Bạch Mai đã làm việc hết sức mình, không những đảm bảo công tác phục vụ chiến đấu cứu chữa thương binh, bệnh nhân, nhân dân trong hai cuộc kháng chiến mà còn phấn đấu vươn lên xây dựng Bệnh viện Bạch Mai trong hòa bình, sau khi thống nhất đất nước và nhất là trong thời kỳ đổi mới. Bệnh viện Bạch Mai đã phát triển vượt bậc từng bước trở thành một trung tâm y tế chuyên sâu có hạ tầng cơ sở ngày một khang trang, thiết bị y tế hiện đại đồng bộ, có đội ngũ giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư, y tá, hộ lý và các nhân viên giàu kinh nghiệm đảm bảo thực hiện xuất sắc những chức năng và nhiệm vụ Bộ Y tế giao cho : Khám chữa bệnh cho bệnh nhân tuyến cuối cùng, đào tạo cán bộ, nghiên cứu khoa học, chỉ đạo tuyến, phòng bệnh, hợp tác quốc tế và quản lý kinh tế y tế, phát triển ngang tầm với các nước khu vực đáp ứng nhu cầu bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Với những thành tựu đạt được trong 90 năm xây dựng và phát triển, Bệnh viện Bạch Mai đã được Đảng và Nhà nước tặng nhiều bằng khen, cờ luân lưu, Huy chương, Huân chương và các danh hiệu cao quý như : Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Nhất, Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân...

Bệnh viện Bạch Mai là một bệnh viện đa khoa hoàn chỉnh lớn nhất cả nước. Bệnh viện có 1400 giường bệnh với 6 viện nghiên cứu, 20 khoa lâm sàng, 8 khoa cận lâm sàng, 8 phòng chức năng và 1 trường trung học y tế. Hàng năm bệnh viện Bạch Mai khám cho gần 250.000 lượt bệnh nhân ngoại trú, điều trị cho gần 30.000 bệnh nhân nội trú. Bệnh viện là cơ sở thực hành chính của Trường Đại học Y Hà Nội.

Với đội ngũ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư, y tá, hộ lý và các cán bộ công chức giàu kinh nghiệm chuyên môn, cùng với nhiều trang bị máy móc và phương tiện hiện đại, bệnh viện có khả năng đảm nhiệm những nhiệm vụ và chức năng quan trọng :

** Khám chữa bệnh, cấp cứu tuyến cao nhất*

** Đào tạo cán bộ*

** Nghiên cứu khoa học*

** Chỉ đạo tuyến*

** Phòng bệnh*

** Hợp tác quốc tế*

** Quản lý kinh tế y tế.*



Ban chấp hành Đảng bộ Bệnh viện Bạch Mai khóa 21



Một góc Bệnh viện Bạch Mai ngày nay



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

ĐỊA CHỈ : XUÂN HÒA - MÊ LINH - VĨNH PHÚC
ĐIỆN THOẠI : 0211. 863416 ; FAX : (0211) 8. 63207
Email : BGDDT-SP2@HN.VNN.VN

Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng : NGUT. TS Nguyễn Huy Lợi
Phó hiệu trưởng : TS. Nguyễn Văn Mã ; CVC : Phùng Quốc Tăng

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 thành lập : 14.8.1967. Năm đầu đào tạo tại Xuân Hòa : 1975.

Hiện tại trường có 5000 Sinh viên dự kiến đến năm 2005 có khoảng : 6000 Sinh viên.

❖ Số cán bộ, công chức : 430 cán bộ. Trong đó có : 35 GS và TS, 170 GVC và Thạc sỹ.

❖ Đảng bộ có 24 chi bộ, 361 Đảng viên, trong đó có 189 Đảng viên là Sinh viên.

❖ Trường có 7 khoa : **Toán, Vật lý, Sinh-KTCN, Ngữ văn, Giáo dục tiểu học, Cao đẳng sư phạm, Quân sự.**

5 bộ môn trực thuộc : Tâm lý - Giáo dục, Mác - Lênin, Ngoại ngữ, Tin học, Thể dục thể thao.

7 phòng, 6 đơn vị trực thuộc. Trong đó có Trường phổ thông dân lập Châu Phong, Trung tâm Giáo dục quốc phòng Hà Nội 2.

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC : Trường đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng 2, hạng 3 và 8 Nhà giáo ưu tú.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ : Trường đào tạo Giáo viên PTTH, chuyển gia cốt cán bậc PTCS và bậc trung học, cán bộ quản lý giáo dục trình độ thạc sỹ và cử nhân Khoa học đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục.

10 ngành đào tạo cử nhân KH : **Toán, Toán - tin, Vật lý, Lý - KTCN, Lý - Tin, Sinh - Hóa, Sinh học, Sinh - KTNN, Ngữ Văn, Giáo dục tiểu học. 2 ngành đào tạo thạc sỹ : Tâm lý học sư phạm và trẻ em ; Tổ chức, quản lý văn hóa, giáo dục 4 ngành đào tạo cử nhân Cao đẳng Sư phạm.**

❖ Thành tựu : Đào tạo 13 000 Giáo viên, 2 000 Chuyên gia cốt cán Giáo dục, 473 Thạc sỹ và hơn 1 000 Giáo viên nâng chuẩn Đại học. Hoạt động KHCN : 3 chương trình quốc gia ; các đề tài KHCN cấp Nhà nước : 3 ; cấp bộ : 45 ; cấp trường : 155 ; Xây dựng chương trình, viết giáo trình đáp ứng đào tạo. Hơn 70 cán bộ bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ.

Dự kiến lễ kỷ niệm 35 năm thành lập trường và 27 năm đào tạo tại Xuân Hòa vào ngày 17.11.2002.

❖ Các hoạt động hướng tới kỷ niệm đã được tiến hành :

- Hội nghị khoa học - 2001, ngày 30.11.2001.

- Hội nghị tổng kết 10 năm đào tạo CNKH hệ cử tuyển của trường ngày 21.12.2001.



Thủ trưởng Bộ GD&ĐT, GS.TSKH. Trần Văn Nhung trao quyết định của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tái bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN2 nhiệm kỳ 2002 - 2006 cho NGUT. TS. Nguyễn Huy Lợi.



Các vị đại biểu đại diện UBND Tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, các sở GD&ĐT và lãnh đạo Trường ĐHSPHN2

CHÚC MỪNG NĂM MỚI XUÂN NHÂM NGỌ NĂM 2002

CÔNG TY CẦU I THĂNG LONG

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

ĐỊA CHỈ : THỊNH LIỆT - THANH TRÍ - HÀ NỘI.

ĐIỆN THOẠI : 8.612825 - 8.615294 - 8.615376 - FAX : 8.612318.

Giám đốc : KS Trịnh Văn Côi

Công ty được thành lập tháng 6/1983. Thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước ngày 27/3/1993 theo quyết định số 506/QĐ-TCLĐ của Bộ Giao thông vận tải.

Là doanh nghiệp loại I theo nghị định số 388/TTg của Thủ tướng Chính phủ.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG :

- ❖ Xây dựng các công trình giao thông.
- ❖ Xây dựng các công trình công nghiệp.
- ❖ Xây dựng các công trình dân dụng.
- ❖ Sản xuất vật liệu xây dựng.
- ❖ Gia công cơ khí và sửa chữa máy thi công.
- ❖ Xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ.
- ❖ Gia công chế sửa cầu kiện thép, sản xuất cầu kiện bê tông.
- ❖ Thi công nền móng các công trình xây dựng cơ bản.
- ❖ Vận tải phục vụ công trình.

Từ ngày thành lập đến nay Công ty đã xây dựng mới, đại tu sửa chữa, nâng cấp mở rộng trên 100 công trình gồm cầu đường sắt, cầu đường bộ, cầu cảng biển, cảng sông và các công trình công nghiệp, dân dụng khác.

Hiện nay Công ty có năng lực xây dựng nhanh các công trình bằng công nghệ thi công tiên tiến, chất lượng đảm bảo.



Cầu Bành Hồ - TP Huế thuộc dự án 6 cầu đường sắt Hà Nội - TP Hồ Chí Minh do Công ty thi công

CÔNG TY CẦU I THĂNG LONG RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC HỢP TÁC VỚI CÁC ĐỐI TÁC



CÔNG TY CƠ KHÍ Ô TÔ 1-5

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

ĐC : Km 15 - QL3 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội
ĐT : 04.8843254 - 8832332 Fax : 84-4-8834115
Giám đốc : Kỹ sư TRẦN VĂN ANH



Trạm trộn bê tông nhựa nóng 80-104 tấn/giờ



Ô tô khách 16 - 51 chỗ

Công ty cơ khí ô tô 1-5 trực thuộc Tổng Công ty Cơ khí GTVT - Bộ Giao thông - Vận tải với nhiệm vụ : Thiết kế chế tạo thiết bị máy thi công sản xuất các sản phẩm kết cấu thép, lắp ráp đóng mới ô tô và chế tạo các sản phẩm cơ khí khác :

CÁC SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY :

THIẾT BỊ MÁY THI CÔNG CÔNG TRÌNH

- Trạm trộn bê tông Asphalt loại di động 25T/h, 25-30T/h, ... 80-104T/h.
- Trạm trộn cấp phối xây dựng công suất từ 40T/h - 80T/h.
- Lu bánh lốp Transinco 15T, 20T.
- Lu rung loại YZ 10, YZ14.
- Trạm trộn bê tông tươi 30m³/h, 45m³/h.
- Trạm nghiền sàng đá Liên hợp công suất 50T/h, 100, 150 và 200T/h.
- Thiết bị làm đường giao thông nông thôn bằng phương pháp gia cố vôi.

KẾT CẤU THÉP

- Cầu giao thông nông thôn.
- Cầu cáp dây rỗng.
- Trạm thu phí các loại.

LẮP RÁP ĐÓNG MỚI SỬA CHỮA Ô TÔ

- Lắp ráp ô tô buýt County Hyundai 25 và 30 chỗ.
- Lắp ráp xe tải Mighty Hyundai 2,5 và 3,5 tấn.
- Lắp ráp đóng mới xe buýt Transinco 30, 41 và 46 chỗ.



ISO - 9002

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

NHÀ MÁY BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Địa chỉ : Thị trấn Xuân Mai - Chương Mỹ - Hà Tây
Điện thoại : 84.34.840112 - 840117 - Fax : 034840117
Giám đốc : Đặng Hoàng Huy.



NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG

- * Sản xuất cấu kiện bê tông cốt thép đúc sẵn cho xây dựng dân dụng, công nghiệp và giao thông ống cống từ 300 đến 2000 m, bó vỉa hè và đường, cống hộp, cọc móng cột điện.
- * Sản xuất cấu kiện bê tông dự ứng lực bằng công nghệ kéo căng thớ cho xây dựng nhà ở, nhà công nghiệp dầm cầu đường đô và đường sắt khẩu độ 30m.
- * Sản xuất vật liệu xây dựng, tấm lợp amiăng xi măng, đá xây dựng các loại.
- * Sản xuất lắp dựng kết cấu thép các công trình công nghiệp và gia công cơ khí.
- * Thi công xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.
- * Thi công xây dựng cầu đường bộ.
- * Kinh doanh vận chuyển hàng hóa, siêu trường



Nhà công nghiệp lắp dựng bằng sản phẩm bê tông dự ứng lực có kích thước lớn.

Sản xuất và vận chuyển dầm tôn thép công trình

Thi công Si-lô xi măng

30



TỔNG CÔNG TY MÁY & PHỤ TÙNG

MACHINOIMPORT

Địa chỉ : 8 Tràng Thi - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại : 8253703 - 8260345 - 8260344 Fax : (84-4) 8254050
E-mail : machino@hn.vnn.vn



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Trần Đạt



Tổng Giám đốc
Hồ Quang Hiếu

● Tổng công ty Máy và Phụ tùng - Bộ Thương mại được thành lập lại theo quyết định số 225/TTg ngày 17/04/1995 của Thủ tướng Chính phủ. Ra đời năm 1956, Tổng công ty đã phát triển và trưởng thành qua các chặng đường lịch sử của đất nước : từ thời kỳ xây dựng hòa bình, qua chiến tranh bảo vệ Tổ quốc đến giai đoạn kinh tế thị trường hiện nay.

Tổng công ty có chức năng kinh doanh xuất nhập khẩu, đại lý và tổ chức gia công lắp ráp, bảo dưỡng, sửa chữa và đóng mới các loại xe, máy, các dây chuyền thiết bị toàn bộ, tư liệu sản xuất (bao gồm phụ tùng, nguyên, nhiên, vật liệu...), vật liệu xây dựng, hàng công nghiệp tiêu dùng ; thực hiện các dịch vụ tư vấn thương mại, hợp tác lao động quốc tế và các dịch vụ khác nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

● Tổng công ty hiện có 17 công ty, xí nghiệp thành viên và các công ty, trung tâm, liên doanh trực thuộc và hàng trăm cửa hàng v.v... đóng trên địa bàn cả nước, chủ yếu các trung tâm thương mại có mức tăng trưởng cao của Việt Nam như : Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thanh phố Hồ Chí Minh, với mạng lưới:



Tổng công ty
máy và phụ
tùng sẵn
sàng hợp tác
với quý vị
trên mọi
lĩnh vực !

đồng bộ, văn phòng làm việc, khách sạn, kho tàng xí nghiệp sản xuất, bến bãi sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu kinh doanh và đầu tư của quý khách.

● Một số dự án đang và sẽ thực hiện tại Tổng công ty :

- Trung tâm Thương mại A2 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội. Trung tâm Thương mại Móng Cái, Quảng Ninh.
- Sản xuất bao dẹt polypropylen.
- Sản xuất, gia công gỗ xuất khẩu.
- Lắp ráp xe tải Mazda Kamaz, xe vận tải nhẹ Trung Quốc.
- Liên doanh sản xuất xe máy, đồ hộp xuất khẩu...
- Mạng lưới kho ký gửi phụ tùng cho các loại xe máy.
- Trung tâm siêu thị ngành hàng máy và phụ tùng.
- Công ty liên doanh phụ tùng ô tô, xe máy Machino.

● Thực hiện các dịch vụ :
- Tư vấn xuất nhập khẩu
- Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa theo đường hàng không, đường biển, đường sắt, đường bộ...

Digitized by Google
Ebook.vn - Busuu.vn

HX
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

APR 01 2002

CURRENT SERIALS

VIỆN THÔNG TIN - THƯ VIỆN Y HỌC TRUNG ƯƠNG
13-15 LÊ THÁNH TÔNG, HÀ NỘI
WEBSITE THÔNG TIN Y DƯỢC VIỆT NAM

[HTTP://WWW.CIMSI.ORG.VN](http://www.cimsi.org.vn)

Cung cấp các thông tin cập nhật trong và ngoài nước về lĩnh vực y tế, y dược học, nhiều vấn đề liên ngành,... phục vụ sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.



NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Chi nhánh Cần Thơ: Số 7 Hòa Bình, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 071.820.445 - Fax: 071.820.694 - Website: <http://www.vietcombank.com.vn>

Chi nhánh cấp II Sóc Trăng - 27 Hai Bà Trưng, thị xã Sóc Trăng - Điện thoại: 079.821.036 Fax: 079.824.186

Chi nhánh cấp II Trà Nóc: Khu Công nghiệp Trà Nóc, TP Cần Thơ - Điện thoại: 071.841.229

CHÚC MỪNG NĂM MỚI
Happy New Year
2002





THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 637

8

3-2002

● BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9422061
Fax : (04) 8222846

**● Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3 Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8225768

● Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

Email: bttccs@hn.vnn.vn

● TỔNG BIÊN TẬP :

VŨ VĂN HIỀN



**Bìa 1 : Huyện Gia Lâm (Hà Nội)
trên đường đổi mới.**

Ảnh : Tư liệu

Tạp chí Cộng sản

**CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Thông báo Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX	3
NÔNG ĐỨC MẠNH - Đổi mới cách nghiên cứu, nắm chắc nội dung, chỉ đạo chặt chẽ và có hiệu quả việc thực hiện các nghị quyết của Đảng	9

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

VŨ HIỀN - Những quyết sách hướng về cơ sở	13
VŨ OANH - Xây dựng xã hội học tập theo định hướng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng	17
VŨ HỮU NGOẠN - Những vấn đề lý luận chính yếu trong văn kiện Đại hội IX của Đảng	22

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

HỒNG VINH - Tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hiện nay	26
TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Đổi điều về cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận	30
LÊ BÌNH LŨY - Một số vấn đề về phát triển hợp tác xã nông nghiệp	34
HẢI NINH - Điện ảnh - cuộc chuyển giao thế hệ đầu thế kỷ	41

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

TRƯƠNG KIM SƠN - Hải Dương phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	46
NGUYỄN HIỆP - Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (Bộ xây dựng) trong việc phát triển đô thị và nhà ở trên địa bàn thủ đô	52

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

NGUYỄN NGỌC LỘC - Hồi lộ và biện pháp phòng ngừa	56
--	----

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

TRẦN TRỌNG - Về "Học thuyết G.Bu-sơ" và chiến lược "Chiến tranh không thương vong" của Mỹ	58
---	----

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

- Hội thảo các định hướng tài chính và thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân	64
---	----

СОДЕРЖАНИЕ

* Сообщение Вого Пленума Центрального Комитета Партии (IXого созыва). НОНГ ДЫК МАНЬ: Обновлять метод изучения, хорошо владеть содержанием, чётко и эффективно руководить выполнением резолюций Партии. ВУ ХИЕН: Решения, нацеленные на первичные организации. ВУ ОАНЬ: Осуществлять социализацию образования по ориентации резолюций IXого Съезда Партии. ВУ ХЫУ НГОАН: Ключевые теоретические проблемы в документах IXого Съезда Партии. ХОНГ ВИНЬ: Идеологическое состояние кадров, членов Партии и нашего народа в настоящее время. ЧАН СУАН ЧЫОНГ: Об идеологической, теоретической борьбе в нашей стране. ЛЕ БИНЬ ЛУЙ: Некоторые проблемы, касающиеся развития сельскохозяйственных кооперативов. ХАЙ НИНЬ: Кинематография – передача между поколениями в начале нового века. ЧАН ЧОНГ: О “доктрине Дж. Буша” и стратегии “война без убитых и раненых” США.

CONTENTS

* Information of the Xth Plenum of CPV Central Committee (IX tenure). NÔNG ĐỨC MẠNH: To renovate the method of study, to grasp thoroughly the contents, to steer closely and effectively the fulfillment of the Party resolutions. VŨ HIẾN: The decisions aimed at the grassroots organizations. VŨ OANH: To create socialization of education in the orientation of resolutions of the IXth National Party Congress. VŨ HỮU NGOẠN: The key theoretical problems in the documents of the IXth National Party Congress. HỒNG VINH: Ideological situation of cadres, Party members and our people nowadays. TRẦN XUÂN TRƯỜNG: Regarding the ideological, theoretical struggle in our country. LÊ BÌNH LŨY: Some problems regarding the development of agricultural cooperatives. HẢI NINH: Cinematography- a succession of generations at the beginning of the new century. TRẦN TRỌNG: About “G. Bush’s doctrine” and the strategy “the war without killed and wounded” of the USA.

SOMMAIRE

* Communiqué sur le 5e Plénum (issu IXe Congrès national du CC du PCV). NÔNG ĐỨC MẠNH: Renouveler l'étude des Résolutions du Parti, saisir à fond leurs contenus, diriger rigoureusement et efficacement leur réalisation. VŨ HIẾN: Les décisions en direction des bases. VŨ OANH: Encourager la participation de toute la société à l'éducation à l'orientation de la Résolution du IXe Congrès national du PCV. VŨ HỮU NGOẠN: Recherches sur les problèmes théoriques dans les documents du IXe Congrès national du PCV. HỒNG VINH: La pensée des cadres, des membres du Parti et du peuple vietnamiens à l'heure actuelle. TRẦN XUÂN TRƯỜNG: Sur la lutte idéologique et théorique au Vietnam. LÊ BÌNH LŨY: Quelques problèmes du développement de la coopérative agricole. HẢI NINH: Le transfert du cinéma de génération en génération au début du nouveau siècle. TRẦN TRỌNG: Sur la “doctrine de G. Bush” et la stratégie de “la guerre sans pertes” des Etats-Unis.

SUMARIO

* Comunicado sobre el Quinto Pleno del Comité Central del Partido (IX Congreso Nacional). NÔNG ĐỨC MẠNH: Renovar el método de estudio, conocer bien profundo el contenido, dirigir de manera estricta y efectiva la realización de las resoluciones del Partido. VŨ HIẾN: Las políticas decisivas para las bases. VŨ OANH: Afavorizar la participación de toda la sociedad en la educación a la orientación de las resoluciones del IX Congreso Nacional del Partido. VŨ HỮU NGOẠN: Estudios sobre los problemas teóricos en los documentos del IX Congreso Nacional del Partido. HỒNG VINH: El estado ideológico de nuestros cuadros, miembros del Partido y de nuestro pueblo en actualidad. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Sobre la lucha ideológica y teórica en Vietnam. LÊ BÌNH LŨY - Acerca de algunos problemas del desarrollo de las cooperativas agrícolas. HẢI NINH: Transmisión del cine de generación en generación al comienzo del siglo. TRẦN TRỌNG: Sobre la “doctrina G.Bush” y la estrategia “la guerra sin muertos” de Estados Unidos.

目录

• 党中央委员会第九届第五次会议公报 • 农德孟: 革新研究方法, 透彻掌握内容、严密指导、有效果地落实党的各项决议 • 武贤: 对基层的一些决策 • 武莺: 按党九大决议的定向而建设社会化教育 • 武有玩: 党九大文件中的主要理论问题 • 鸿荣: 目前我国干部、党员及人民的思想状况 • 陈春长: 有关我国思想、理论斗争问题 • 黎平奎: 有关发展农业合作社的一些问题 • 海宁: 电影—世纪初新老一代间的接交 • 陈仲: 有关“布什学说”及美国“无伤亡战争”战略。

THÔNG BÁO HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Từ ngày 18-2 đến ngày 2-3-2002, tại thủ đô Hà Nội đã diễn ra Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa IX). Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã chủ trì Hội nghị, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc, đề cao trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Hội nghị đã thảo luận sôi nổi, dân chủ, thẳng thắn, thông qua 5 Nghị quyết quan trọng với sự nhất trí cao : “Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” ; “Về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân” ; “Về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010” ; “Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn” ; “Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới”.

Hội nghị cũng đã thảo luận và thông qua Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư từ sau Đại hội IX đến nay.

1 - VỀ “TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ TẬP THỂ”

Phân tích đánh giá thực trạng tình hình phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã giai đoạn 1996 - 2000, Hội nghị đã chỉ rõ : Năm năm qua, kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã kiểu mới dưới nhiều hình thức, trình độ khác nhau trong các ngành, lĩnh vực, nhất là trong nông nghiệp, nông thôn đã đáp ứng một phần nhu cầu của những người lao động, hộ sản xuất kinh doanh, đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, khu vực kinh tế tập thể hiện nay vẫn còn nhiều mặt yếu kém, năng lực nội tại hạn chế, đội ngũ cán bộ quản lý phần lớn chưa được đào tạo ; lợi ích đem lại cho xã viên chưa nhiều ; số hợp tác xã hoạt động có hiệu quả còn ít ; vị thế kinh tế tập thể còn thấp kém, kinh tế tập thể chưa đảm nhiệm tốt vai trò cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa.

Những hạn chế, yếu kém của kinh tế tập thể có nguyên nhân do trình độ phát triển thấp của lực lượng sản xuất, nhưng chủ yếu là do những thiếu sót, khuyết điểm của các cấp ủy đảng và chính quyền từ trung ương đến địa phương. Trong khi nhân dân còn có tâm lý hoài nghi, “mặc cảm” với mô hình hợp tác xã kiểu cũ, nhận thức về vị trí, vai trò, tính tất yếu

khách quan của kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong các cấp ủy đảng, chính quyền chưa thống nhất, việc tuyên truyền chính sách phát triển kinh tế hợp tác và giải thích mô hình hợp tác xã kiểu mới trong Đảng và trong nhân dân chưa làm đến nơi đến chốn. Hệ thống quản lý nhà nước đối với hợp tác xã hầu như không còn. Đảng và Nhà nước vừa lúng túng, vừa buông lỏng tổ chức chỉ đạo, chưa làm tốt việc thi hành Luật Hợp tác xã và một số chính sách đã ban hành, chưa quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hợp tác xã, chưa huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để đẩy mạnh phát triển khu vực kinh tế này.

Hội nghị xác định mục tiêu trong 5 năm tới là phần đầu đưa kinh tế tập thể thoát khỏi những yếu kém hiện nay, đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn hơn trong GDP của nền kinh tế. Để đạt mục tiêu trên, Hội nghị nhấn mạnh những nhiệm vụ chủ yếu sau :

Một là, thống nhất nhận thức về sự cần thiết khách quan phải đẩy mạnh, phát triển và nâng cao hiệu quả của kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong thời gian tới ; về những đặc trưng của mô hình hợp tác xã kiểu mới ; về chủ trương tiếp tục phát triển kinh tế tập thể trong tất cả các ngành, lĩnh vực, địa bàn, trong đó trọng tâm là khu vực nông nghiệp, nông thôn ; về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong việc xây dựng và phát triển kinh tế tập thể.

Hai là, xác lập môi trường thể chế và tâm lý xã hội thuận lợi cho kinh tế tập thể phát triển.

Ba là, sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách đối với kinh tế hợp tác và hợp tác xã : chính sách cán bộ và đào tạo nguồn nhân lực ; chính sách đất đai ; chính sách tài chính - tín dụng ; chính sách hỗ trợ về khoa học - công nghệ ; chính sách tiếp thị và mở rộng thị trường ; chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng...

Bốn là, nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước.

Năm là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với phát triển kinh tế tập thể.

2 - VỀ “TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, KHUYẾN KHÍCH, TẠO ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN”

Hội nghị nhận định : trong hơn 10 năm qua, kinh tế tư nhân nước ta đã phát triển rộng khắp trong cả nước ; đóng góp to lớn vào phát triển kinh tế, huy động các nguồn lực xã hội vào sản xuất, kinh doanh, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, tăng ngân sách nhà nước, giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước. Sự phát triển của kinh tế tư nhân đã góp phần thúc đẩy phân công lao động xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cạnh tranh và phát triển thị trường, tăng thêm số lượng công nhân, lao động và doanh nhân Việt Nam, thực hiện các chủ trương xã hội hóa y tế, văn hóa, giáo dục. Nhưng kinh tế tư nhân nước ta hiện nay còn có nhiều hạn chế, yếu kém : Phần lớn có quy mô nhỏ, vốn ít, trình độ công nghệ sản xuất lạc hậu, hiệu quả và sức cạnh tranh yếu, ít đầu tư vào lĩnh vực sản xuất ; còn có nhiều khó khăn, vướng mắc về vốn, về mặt bằng sản xuất kinh doanh, về môi trường pháp lý và môi trường tâm lý xã hội ; nhiều đơn vị kinh tế tư nhân chưa

thực hiện tốt những quy định của pháp luật đối với người lao động ; không ít đơn vị vi phạm pháp luật, trốn thuế, kinh doanh trái phép...

Về nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém, Hội nghị nhấn mạnh : quan điểm của Đảng trên một số vấn đề cụ thể về phát triển kinh tế tư nhân chưa được làm rõ để tạo sự thống nhất cao. Một số cơ chế, chính sách của Nhà nước chưa phù hợp đặc điểm của kinh tế tư nhân mà đại bộ phận có quy mô nhỏ và vừa ; quản lý có phần buông lỏng và có những cơ sở, hạn chế việc thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ, đúng hướng.

Hội nghị xác định : để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ, không ngừng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh, có mức tăng trưởng bình quân hàng năm cao hơn hiện nay, đầu tư nhiều hơn vào khu vực sản xuất, tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động công ích, hợp tác liên doanh với nhau, với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, trong những năm tới, cần làm tốt những nhiệm vụ sau :

Một là, thống nhất về các quan điểm, xem khuyến khích phát triển mạnh kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước tôn trọng quyền tự do kinh doanh theo pháp luật, bảo hộ quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân ; định hướng, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi và quản lý sự phát triển của kinh tế tư nhân theo pháp luật, bình đẳng với các thành phần kinh tế khác ; bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của cả người lao động và người sử dụng lao động. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và các hiệp hội doanh nghiệp đối với kinh tế tư nhân nói chung cũng như trong từng doanh nghiệp.

Hai là, tạo lập môi trường thuận lợi về thể chế và tâm lý xã hội cho sự phát triển của kinh tế tư nhân.

Ba là, sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách đối với kinh tế tư nhân : chính sách đất đai, tạo điều kiện về mặt bằng cho sản xuất, kinh doanh ; chính sách tài chính, tín dụng ; chính sách lao động tiền lương ; chính sách hỗ trợ về đào tạo, khoa học và công nghệ ; chính sách hỗ trợ về thông tin, xúc tiến thương mại...

Bốn là, tiếp tục hoàn thiện và tăng cường quản lý nhà nước.

Năm là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các hiệp hội doanh nghiệp đối với việc phát triển kinh tế tư nhân.

3 - VỀ “ĐẨY NHANH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THỜI KỲ 2001 - 2010”

Về tình hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trong 10 năm qua, Hội nghị nhận định : nhìn chung, nông nghiệp nước ta về cơ bản đã chuyển sang sản xuất hàng hóa, phát triển tương đối toàn diện, tăng trưởng khá. Nhiều thành tựu khoa học công nghệ mới được ứng dụng rộng rãi trong nông nghiệp. Công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ ở nông thôn bước đầu được phục hồi và phát triển, góp phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Đời sống nông dân ở hầu hết các vùng được cải thiện rõ rệt. Quan hệ sản xuất được đổi mới theo hướng xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa với nhiều thành phần kinh tế tham gia. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, hệ thống chính trị ở cơ

sở được tăng cường, dân chủ ở nông thôn được phát huy tốt hơn, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, môi trường sinh thái được cải thiện một bước. Những thành tựu đó góp phần rất quan trọng vào sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy vậy, cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn chuyển dịch chậm, chưa gắn bó chặt chẽ với thị trường ; sản xuất nông nghiệp ở nhiều nơi còn phân tán, manh mún, quy mô nhỏ, mang nhiều yếu tố tự phát ; công nghiệp ở nông thôn phát triển chậm, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản vừa thiếu, vừa yếu và phần lớn kỹ thuật còn lạc hậu ; lao động còn phổ biến là thủ công ; ngành nghề và dịch vụ ở nông thôn chưa thu hút được nhiều lao động. Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống ở một số vùng còn thấp, nhất là vùng sâu, vùng xa còn nhiều yếu kém. Quan hệ sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp hàng hóa theo cơ chế mới. Đời sống vật chất, văn hóa ở nhiều vùng nông thôn còn thấp kém, chênh lệch thu nhập giữa các vùng đang tăng lên.

Nguyên nhân chủ yếu của những yếu kém là : nhận thức về vai trò, vị trí của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn chưa đầy đủ và sâu sắc ; chưa thực hiện nghiêm túc nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Trong điều hành chưa kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, chậm tổng kết những mô hình mới, những nhân tố mới để hướng dẫn, phổ biến ra diện rộng. Đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn mặc dù đã có sự cố gắng, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu. Về mặt khách quan, xuất phát từ một nền nông nghiệp lạc hậu, lại trải qua nhiều năm chiến tranh, nông dân và nông thôn ta còn nghèo, rất khó khăn về vốn, về trang bị kỹ thuật và áp dụng thành tựu khoa học công nghệ mới...

Hội nghị đã xác định mục tiêu tổng quát và lâu dài của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiệu quả và bền vững ; có năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh cao trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu ; xây dựng nông thôn ngày càng giàu đẹp, công bằng, dân chủ, văn minh, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển ngày càng hiện đại.

Hội nghị cũng xác định nội dung tổng quát, những quan điểm chủ yếu và một số chủ trương, giải pháp lớn để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, nhằm thực hiện mục tiêu nói trên : phát triển lực lượng sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn ; xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp ; phát triển cơ sở hạ tầng và đô thị hóa nông thôn ; xây dựng đời sống văn hóa - xã hội và phát triển nguồn nhân lực ; các giải pháp về công tác quy hoạch, về khoa học - công nghệ, các chính sách về đất đai, về tài chính, tín dụng, về lao động việc làm, về thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế.

4 - VỀ “ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN”

Phân tích thực trạng hệ thống chính trị ở cơ sở qua hơn 15 năm đổi mới, Hội nghị đã chỉ rõ : hệ thống chính trị ở phần lớn cơ sở đã chăm lo bảo đảm ổn định chính trị - xã hội,

phát huy tính tích cực của nhân dân trong sản xuất - kinh doanh, xây dựng kết cấu hạ tầng, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, phổ cập giáo dục và chăm sóc sức khỏe, xây dựng đời sống văn hóa, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, cùng với nhân dân tạo nên những thành tựu đổi mới, làm thay đổi rõ rệt bộ mặt nông thôn và thành thị. Tuy nhiên, hệ thống chính trị ở cơ sở hiện nay đang bộc lộ nhiều mặt yếu kém, bất cập trong công tác lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện và vận động quần chúng. Tình trạng tham nhũng, quan liêu, mất đoàn kết nội bộ, vi phạm dân chủ, quyền làm chủ của dân và tình trạng vi phạm kỷ cương phép nước xảy ra ở nhiều nơi, có nơi nghiêm trọng. Nội dung và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở chậm đổi mới, còn mang nhiều dấu ấn của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, không phù hợp với chuyển biến của xã hội.

Hội nghị nhất trí từ nay đến 2005, cần tập trung giải quyết ba vấn đề cơ bản và bức xúc :

Một là, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong hệ thống chính trị, đồng thời xây dựng mối quan hệ phối hợp giữa các tổ chức dưới sự lãnh đạo của đảng bộ, chi bộ cơ sở ; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở thực sự là của dân, do dân, vì dân, sát với dân, được dân tin cậy.

Hai là, thực hành dân chủ thực sự trong nội bộ các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở và trong quan hệ với dân, phát huy quyền làm chủ của dân ; phát huy dân chủ đi liền với việc củng cố và nâng cao kỷ luật, kỷ cương theo pháp luật.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở có năng lực tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, biết hướng dẫn và phát huy tính tự quản của dân, công tâm, thạo việc, tận tụy với dân, không tham nhũng, ức hiếp dân, được dân tín nhiệm ; chăm lo đào tạo, bồi dưỡng giải quyết hợp lý và đồng bộ chính sách đối với cán bộ xã, phường, thị trấn cả về quyền lợi và trách nhiệm.

Theo hướng đó, Hội nghị đã xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của từng tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở ; xác định nội dung đổi mới sự chỉ đạo của cấp trên đối với cơ sở.

Hội nghị nhấn mạnh đội ngũ cán bộ có vị trí rất quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở ; vì thế phải đẩy mạnh việc bồi dưỡng, đào tạo nâng cao chất lượng của đội ngũ này ; đồng thời, phải có chính sách đãi ngộ đúng mức nhằm tạo ra cho hệ thống chính trị ở cơ sở một sức mạnh mới, những khả năng mới trong việc hoàn thành nhiệm vụ. Hội nghị đã có một số quyết định cụ thể về những vấn đề nói trên.

5 - VỀ “NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN TRONG TÌNH HÌNH MỚI”

Đánh giá thực trạng tình hình tư tưởng, lý luận, công tác tư tưởng, lý luận trong hơn 15 năm qua, Hội nghị nhấn mạnh : tình hình tư tưởng trong Đảng và nhân dân hiện nay mặt tích cực và tiêu cực đan xen nhau, trong đó mặt tích cực là cơ bản, đã và đang quyết định chiều hướng phát triển của xã hội nước ta, tạo nên thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước. Tuy vậy, mặt tiêu cực có lúc, có nơi cũng rất nghiêm trọng, thực sự là nguy cơ tiềm ẩn, liên quan đến sự mất còn của Đảng, của chế độ.

Hội nghị cũng đã chỉ rõ những thành tựu và những yếu kém, bất cập của công tác tư tưởng, lý luận ; tập trung thảo luận và xác định rõ những nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận là : đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, làm sáng tỏ lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, tạo sự thống nhất cao hơn nữa trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân ; góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc, chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, chặn đà suy thoái về đạo đức, lối sống ; chủ động tiến công, chỉ đạo có hiệu quả cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận, làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch ; thực hiện nghiêm túc những chỉ thị, quy định của Đảng về bảo vệ Đảng, xử lý kịp thời theo pháp luật và kỷ luật Đảng mọi hoạt động tán phát tài liệu xấu, thông tin bịa đặt, thất thiệt, các thư nặc danh, mạo danh có nội dung xấu ; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, cổ động, báo chí - xuất bản, văn hóa - văn nghệ, thông tin đối ngoại.

Hội nghị đã chỉ rõ những giải pháp lớn để kịp thời phát huy ưu điểm, khắc phục nhanh những yếu kém, bất cập, nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả, sức chiến đấu, khả năng định hướng của công tác tư tưởng, lý luận : tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước ; mở rộng dân chủ, phát huy tự do tư tưởng trong nghiên cứu lý luận, khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận, đồng thời giữ vững kỷ cương trong việc phổ biến kết quả nghiên cứu ; nêu cao vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên ; tích cực đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tư tưởng, lý luận ; kiện toàn tổ chức, bộ máy làm công tác tư tưởng, lý luận ; tăng cường đầu tư cho công tác tư tưởng, lý luận ; phát huy sức mạnh tổng hợp để đẩy mạnh các hoạt động tư tưởng, lý luận ; đổi mới nội dung, phương pháp công tác tư tưởng, lý luận.

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương đã hoàn thành chương trình đề ra. Các nghị quyết của Hội nghị lần này về phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thực sự là một bước tiến có ý nghĩa trong việc cụ thể hóa đồng bộ đường lối kinh tế của Đại hội IX nói chung và chính sách của Đảng phát triển nền kinh tế nhiều thành phần nói riêng. Nghị quyết về “Đổi mới và nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn” là nghị quyết đầu tiên của Trung ương về vấn đề này, một khâu quan trọng trong việc xây dựng hệ thống chính trị, nhưng lâu nay vẫn là khâu yếu. Nghị quyết về “Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới” đặt cơ sở cho việc tạo ra một bước chuyển mới trong công tác tư tưởng, lý luận của Đảng ; làm cho công tác này thực sự là công tác của toàn Đảng luôn luôn giữ được vai trò tiên phong, giải đáp có sức thuyết phục những vấn đề lý luận và thực tiễn bức xúc do cuộc sống đặt ra trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, tận dụng thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện tốt các Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX và tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, các kết luận của Hội nghị Trung ương 4 (khóa IX), góp phần đưa Nghị quyết Đại hội IX vào cuộc sống, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. □

ĐỔI MỚI CÁCH NGHIÊN CỨU, NẮM CHẮC NỘI DUNG, CHỈ ĐẠO CHẶT CHẼ VÀ CÓ HIỆU QUẢ VIỆC THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG *

Đồng chí NÔNG ĐỨC MẠNH
Tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương
Đảng Cộng sản Việt Nam

Thưa các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng,

Thưa các đồng chí,

Sau 13 ngày làm việc tích cực, khẩn trương, với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phát huy dân chủ và trí tuệ tập thể, hoàn thành một cách tốt đẹp toàn bộ chương trình đã đề ra. Hội nghị đã thông qua 5 nghị quyết quan trọng :

- Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể ;

- Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân ;

- Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010 ;

- Đổi mới và nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn ;

- Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới.

Hội nghị cũng đã đóng góp nhiều ý kiến và thông qua Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư từ sau Đại hội IX của Đảng (tháng 4-2001) đến

Hội nghị Trung ương 5 khóa IX.

Với các văn kiện được thông qua, Ban Chấp hành Trung ương đã tiến một bước mới trong việc cụ thể hóa và phát triển Nghị quyết Đại hội IX trên các lĩnh vực được nêu. Đối với từng vấn đề, các đồng chí Trung ương đã nghiên cứu đề án, tờ trình của Bộ Chính trị, nghe Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận ở tổ và tại hội trường và bản giải trình tiếp thu ý kiến Trung ương của Bộ Chính trị về những vấn đề then chốt nhất, từ nhận định đánh giá thực trạng và nguyên nhân của tình hình đến xác lập quan điểm chỉ đạo, phương hướng, nhiệm vụ và hệ thống giải pháp. Trung ương cũng đã bỏ phiếu biểu quyết một số vấn đề lớn còn có ý kiến khác nhau, biểu thị sự nhất trí cao đối với các văn kiện.

Ở đây, tôi xin không trình bày lại toàn bộ nội dung các bản nghị quyết mà chỉ nhấn mạnh một số điểm cần thiết nhất cho việc triển khai thực hiện nghị quyết.

(*) Bài phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX. Đầu đề của *Tạp chí Cộng sản*

Trước hết, về nội dung, cần nhận thức đầy đủ tính chất bức xúc, ý nghĩa to lớn và thiết thực của các nghị quyết.

Hội nghị Trung ương lần này đã bàn và ra nhiều nghị quyết. Điều đó được quyết định trước hết không phải chỉ do quyết tâm của Trung ương thực hiện bằng được chương trình toàn khóa mà là do yêu cầu bức xúc phải giải quyết của các vấn đề được nêu và cũng chính là để đáp ứng yêu cầu bức xúc ấy mà Trung ương đã ghi vào chương trình nghị sự của Hội nghị lần này. Nhìn riêng biệt thì mỗi nghị quyết đề cập một chủ đề cụ thể, có tính độc lập tương đối, nhưng đặt trong tổng thể thì các nghị quyết ấy, với các chủ đề được nêu, có mối liên hệ rất chặt chẽ bên trong ; nội dung giải quyết từ kinh tế, chính trị đến tư tưởng, lý luận ; từ lực lượng sản xuất đến quan hệ sản xuất. Các nghị quyết của Trung ương lần này cùng với các nghị quyết của các Hội nghị Trung ương trước đây, kể từ Hội nghị Trung ương 2 (khóa IX) đến nay cho thấy tính hệ thống trong việc cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội IX và đưa các nghị quyết ấy vào cuộc sống.

Đại hội lần thứ IX nêu lên đường lối cơ bản là “Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc bao hàm và đòi hỏi phát huy sức mạnh của tất cả các thành phần kinh tế, coi các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh ; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững

chắc của nền kinh tế quốc dân. Tiếp theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 về “Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”, các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 5 lần này về phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thực sự là một bước tiến có ý nghĩa trong việc cụ thể hóa đường lối kinh tế của Đại hội IX nói chung và chính sách của Đảng phát triển nền kinh tế nhiều thành phần nói riêng, tạo môi trường pháp lý, tâm lý và những điều kiện vật chất và tinh thần thuận lợi để động viên tất cả các thành phần kinh tế hăng hái phát triển sản xuất, kinh doanh, phát huy nội lực, đóng góp ngày càng lớn vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các nghị quyết này nhằm tháo gỡ một cách thỏa đáng những vướng mắc trong nhận thức và hành động lâu nay, giải phóng và phát huy mạnh mẽ lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất mới một cách phù hợp, gắn liền với việc giải quyết tốt các vấn đề văn hóa, xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trong đó nông nghiệp và nông thôn là lĩnh vực và địa bàn trọng điểm.

Hội nghị Trung ương 5 cũng đề cập một số vấn đề thuộc lĩnh vực xây dựng hệ thống chính trị, trong đó cơ sở có vị trí rất quan trọng, là nơi sát với dân. Nghị quyết về “Đổi mới và nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn là “nghị quyết đầu tiên của Trung ương về vấn đề này, một khâu quan trọng trong việc xây dựng hệ thống chính trị từ trên xuống dưới, nhưng lâu nay vẫn còn là khâu yếu. Với việc xác định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của từng tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở, giải

quyết đúng đắn vấn đề cán bộ cơ sở, nhất là chính sách đối với cán bộ cơ sở, sự chỉ đạo của cấp trên đối với cơ sở, nghị quyết này sẽ tạo ra cho hệ thống chính trị ở cơ sở một sức mạnh mới và những khả năng mới trong việc hoàn thành nhiệm vụ, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện một cách rõ ràng và đầy đủ ở cơ sở. Nghị quyết về “Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới” đặt cơ sở cho việc tạo ra một bước chuyển mới trong công tác tư tưởng, lý luận của Đảng ; làm cho công tác này thật sự là công tác của toàn Đảng, dân chủ, năng động, sáng tạo, có tính chiến đấu cao, luôn luôn giữ được vai trò tiên phong, giải đáp có sức thuyết phục những vấn đề lý luận và thực tiễn bức xúc do cuộc sống đặt ra trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ; cung cấp cơ sở khoa học vững chắc cho việc xác định đúng đắn, sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo ra sự thống nhất trong Đảng và trong xã hội, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân ủng hộ mạnh mẽ và thực hiện nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ; xây dựng phẩm chất và năng lực mới của con người Việt Nam trong thời kỳ mới, đấu tranh với những nhận thức không đúng, với chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, bóc lột và bác bỏ những luận điệu thù địch ; để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đồng tâm, nhất trí hăng hái tiến lên hoàn thành những nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới.

Thứ hai, về tổ chức thực hiện, phải thấy được cái mới trong cách ra nghị quyết của Trung ương và tiếp tục đổi mới hơn nữa cách nghiên cứu nghị quyết và đưa nghị quyết vào cuộc sống.

Tuy Hội nghị Trung ương 5 có nhiều nghị quyết và mỗi nghị quyết đều có tầm quan trọng riêng của nó, nhưng các nghị quyết ấy đều có nét chung là ngắn gọn, đánh giá tình hình theo tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, xác định các quan điểm chỉ đạo và phương hướng, nhiệm vụ chung một cách rõ ràng, đồng thời chú trọng nhiều hơn đến việc nêu lên những nhiệm vụ cụ thể, hệ thống các giải pháp và cách tổ chức thực hiện. Điều đó sẽ giúp cho việc triển khai nghị quyết được dễ dàng và thuận lợi hơn, song để nghị quyết của Trung ương vào cuộc sống đòi hỏi các cấp ủy đảng cần phải đặc biệt quan tâm tới việc chỉ đạo thực hiện.

Nói đi đôi với làm là phong cách lãnh đạo quan trọng hàng đầu của Đảng ta, là yêu cầu số một của việc chỉ đạo thực hiện nghị quyết và trong tình hình hiện nay cũng là yếu tố quan trọng củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ta. Để hiểu rõ những việc phải làm trước hết cần hiểu rõ tinh thần cơ bản và nội dung của những việc làm đó. Vì vậy, phải rất coi trọng việc truyền đạt và nghiên cứu nghị quyết, tuyên truyền và phổ biến nghị quyết thông qua nhiều kênh khác nhau, phù hợp với những đối tượng khác nhau ; trước hết là kênh trực tiếp của các cấp ủy qua các hội nghị cấp ủy và hệ thống ban tuyên giáo các cấp, các ngành, kênh của hệ thống thông tin, báo chí của Đảng. Không phải chỉ có một hình thức duy nhất là tổ chức hội nghị nghiên cứu và học tập mà do thời gian bố trí rất ít, càng xuống dưới, nội dung càng bị rơi rụng nhiều. Cũng không nhất thiết mọi cấp ủy đều phải dành thời gian như nhau cho tất cả các nghị quyết của Đảng, mà theo nguyên tắc nghị quyết thuộc lĩnh vực nào thì cấp ủy và các tổ chức đảng phụ trách

lĩnh vực đó phải nghiên cứu sâu hơn, kỹ hơn. Đi đôi với việc nghiên cứu, quán triệt nghị quyết phải có chương trình hành động cụ thể; đặc biệt phải quan tâm việc tổng kết thực tiễn, tổ chức thí điểm, xác định các mô hình, xây dựng chính sách và hướng dẫn việc thực hiện.

Các nghị quyết đều nêu lên những nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa cấp bách, có những việc phải làm trong nhiều năm, nhưng có những việc phải làm ngay và những việc phải làm ngay đó chính là để chuẩn bị điều kiện cho những việc lâu dài được thực hiện tốt. Vì vậy, triển khai thực hiện nghị quyết phải theo tinh thần vừa tích cực, khẩn trương, vừa có chuẩn bị chu đáo, có chương trình, kế hoạch chủ động để thi hành, không để bất cứ nghị quyết nào bị thi hành chậm trễ, thậm chí bị bỏ rơi vào quên lãng, cũng không để xảy ra tình trạng làm vội mà hỏng việc. Và cũng cần thấy rằng một nghị quyết dù tốt đến đâu thì cũng không thể giải quyết triệt để mọi vấn đề, nhất là những vấn đề còn chưa rõ hoặc chưa có đủ cơ sở thực tiễn và lý luận. Vì vậy, cái gì đã rõ, đã quyết định thì nhất thiết phải thực hiện và trong quá trình thi hành phải kinh qua công tác thực tiễn mà đề nghị bổ sung, sửa đổi; cái gì còn chưa rõ thì phải tiếp tục nghiên cứu và nói tiếp tục nghiên cứu không có nghĩa gác lại đấy chờ đợi, không lấy có có những vấn đề phải tiếp tục nghiên cứu mà làm chậm trễ việc thi hành những vấn đề đã rõ và đã quyết định trong các nghị quyết. Đó chính là nêu cao kỷ luật, kỷ cương của việc chấp hành nghị quyết của Đảng, đồng thời cũng là dành không gian mở cho sự sáng tạo.

Cuối cùng, việc triển khai các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 5 lần này phải kết

hợp chặt chẽ với việc thúc đẩy thực hiện các nghị quyết trước đây của Trung ương, nhất là Nghị quyết Trung ương 3 về “Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”, Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 về “Đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí”. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta xác định kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng tiến hành theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Nghị quyết Trung ương 4 khóa IX bảo đảm các tổ chức đảng từ Trung ương tới cơ sở trong sạch, vững mạnh, gắn bó máu thịt với nhân dân, chỉ đạo chặt chẽ và có hiệu quả việc thực hiện các nghị quyết của Đảng. Trước mắt, cùng với việc đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2002, cần tập trung sức chỉ đạo thật tốt và bảo đảm thành công cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI để Quốc hội nước ta thật sự tiêu biểu cho năng lực, phẩm chất, trí tuệ và khối đại đoàn kết toàn dân, xứng đáng là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước ta trong thời kỳ mới.

Với thành công tốt đẹp của Hội nghị Trung ương lần này, chúng ta tin tưởng vững chắc rằng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta sẽ vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2002, đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa vững vàng tiến lên phía trước.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX. □



NHỮNG QUYẾT SÁCH HƯỚNG VỀ CƠ SỞ

VŨ HIỀN

HỘI nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã kết thúc tốt đẹp. Sau 13 ngày làm việc khẩn trương với khí thế của mùa xuân đất nước, với trách nhiệm cao, tập trung tư tưởng, phát huy dân chủ và trí tuệ tập thể, với tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật", Hội nghị tập trung thảo luận và đã thông qua 5 nghị quyết quan trọng : 1) Nghị quyết về "Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể" ; 2) Nghị quyết về "Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân" ; 3) Nghị quyết về "Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010" ; 4) Nghị quyết về "Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn" ; 5) Nghị quyết về "Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới".

Cũng như tất cả các hội nghị trung ương khác, Hội nghị Trung ương năm nhằm cụ thể hóa những tư tưởng đã được xác định trong Đại hội IX của Đảng, nhưng Hội nghị này có những nét riêng đặc biệt, có sự trùng hợp thật lý thú. Đó là : Hội nghị năm ra 5 nghị quyết và hơn thế

nữa, các nghị quyết đó mặc dù có tính độc lập tương đối, đều giải quyết những vấn đề rất lớn, rất hệ trọng nhưng với những mức độ khác nhau, đều hướng về cơ sở, trực tiếp hoặc gián tiếp giải quyết những vấn đề cơ bản và bức xúc mà thực tế của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội cơ sở đang đặt ra. Phạm vi bài viết này xin được phân tích khía cạnh hướng về cơ sở của các nghị quyết đó.

Như chúng ta đã biết, cơ sở có vị trí địa - kinh tế, địa - chính trị trọng yếu, rộng lớn trải kín lãnh thổ. Đây là nơi diễn ra mọi quá trình, mọi hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của các tầng lớp nhân dân ; là nơi tổ chức thực hiện mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, trực tiếp đưa nghị quyết của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước vào cuộc sống ; là nơi thể hiện sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Đây cũng là nơi thể hiện sự thành công cũng như những mặt hạn chế của đường lối, chính sách khi đưa vào cuộc sống. Nếu coi thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý thì chính cơ sở là nơi để có thể "đo, đếm", khẳng định uy tín của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của các tổ chức quần chúng. Cơ sở vừa là địa bàn để đưa

ng nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, vừa là nơi nảy sinh và đặt ra những vấn đề để đưa những yêu cầu cần lời giải của cuộc sống vào nghị quyết.

Trong 5 nghị quyết mới này, Nghị quyết về "Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn" có những nội dung trực tiếp nhất hướng về cơ sở. Các cơ sở xã, phường, thị trấn là nơi 79 triệu dân đang cư trú, sinh sống. Hệ thống chính trị ở cơ sở có vai trò rất to lớn trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, huy động mọi nguồn lực, mọi khả năng để phát triển. Trên cơ sở đánh giá đúng tình hình hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở trong đó có những thành tựu đã đạt được cũng như những yếu kém, bất cập, Trung ương đã nêu những vấn đề cơ bản và bức xúc cần tập trung giải quyết trong thời gian tới là : 1) Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong hệ thống chính trị, đồng thời xây dựng mối quan hệ đoàn kết, phối hợp giữa các tổ chức dưới sự lãnh đạo của đảng bộ cơ sở, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động hướng vào phục vụ nhân dân, sát với dân, được dân tin cậy. 2) Thực hành dân chủ thực sự trong nội bộ các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy quyền dân chủ của nhân dân trên cơ sở thực hiện quyền dân chủ trực tiếp, phát huy quyền dân chủ đại diện, quy định cụ thể việc thực hiện quyền của dân giám sát tổ chức, cán bộ ở cơ sở và thay thế người không đủ tin nhiệm ... Phát huy dân chủ phải đi liền với

củng cố và nâng cao kỷ luật, kỷ cương theo pháp luật. 3) Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở có năng lực tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, công tâm, thạo việc, tận tụy với dân, biết phát huy sức dân, không tham nhũng, ức hiếp dân ; trẻ hóa đội ngũ.

Để nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở, Trung ương đã đưa ra những chủ trương và giải pháp lớn là : Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo tổ chức đảng ở cơ sở, trong đó nhấn mạnh việc nâng cao nhận thức và làm đúng vai trò hạt nhân chính trị ; đổi mới và nâng cao hiệu lực của chính quyền cơ sở, bảo đảm thực quyền của Hội đồng nhân dân và nâng cao hiệu lực của cơ quan hành chính ; đổi mới công tác Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ; chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng và giải quyết hợp lý, đồng bộ chính sách đối với cán bộ cơ sở, coi cán bộ chuyên trách ở cơ sở như công chức nhà nước và được hưởng các chế độ, chính sách ; đổi mới sự chỉ đạo của cấp trên đối với cơ sở, khắc phục bệnh quan liêu, xa dân.

Trong Nghị quyết về "Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010" có nêu nội dung tổng quát : Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường, đưa thiết bị, kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào các khâu sản xuất nông nghiệp ; thực hiện cơ giới hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, nhất là công nghệ

sinh học và công nghệ thông tin, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng nhanh tỷ trọng của các ngành công nghiệp và dịch vụ, tổ chức lại sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp ; quy hoạch phát triển nông thôn, xây dựng kết cấu hạ tầng và đô thị hóa nông thôn ; ưu tiên giải quyết việc làm, chuyển dần lao động nông nghiệp sang làm công nghiệp và dịch vụ ; xây dựng đời sống văn hóa tinh thần, con người mới, xây dựng nông thôn văn minh, dân chủ, đoàn kết, lành mạnh và hiện đại.

Qua nội dung tổng quát nêu trên, có thể thấy Nghị quyết về "Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn" chính là giải quyết những vấn đề cơ bản và bức xúc ở cơ sở của cả vùng nông thôn rộng lớn với hơn 70% nhân dân sinh sống. Nghị quyết đáp ứng yêu cầu của cuộc sống ở nông thôn, góp phần giải quyết những vướng mắc của không ít cấp ủy đảng và cán bộ, đảng viên ở cơ sở trong quá trình xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ từ cơ sở.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò của kinh tế tập thể trong nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, trong đó có sự phát triển của cơ sở, địa phương nông thôn, Hội nghị Trung ương lần này đã ra Nghị quyết về "Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể". Phát triển kinh tế với nhiều hình thức hợp tác xã đa dạng mà

nòng cốt là hợp tác xã là cần thiết, phù hợp với quy luật kinh tế khách quan, không chỉ do yêu cầu phát triển sức sản xuất, mà còn là yêu cầu xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa ; trong đó, kinh tế hợp tác và hợp tác xã là tất yếu cần thiết để các hộ cá thể, các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể dựa vào nhau cùng tồn tại và phát triển trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt của nền kinh tế thị trường. Đó cũng là một trong những con đường để kinh tế tập thể kết hợp với kinh tế nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo, giáo dục ý thức phát triển cộng đồng. Trong những quan điểm chỉ đạo, Trung ương dành sự quan tâm sâu sắc đến việc phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn ; xác định rằng, trong những năm tới, phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn là một hướng trọng tâm. Kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn phải trên cơ sở khuyến khích phát triển và tôn trọng tính tự chủ của kinh tế hộ, trang trại, hỗ trợ đắc lực cho kinh tế hộ, trang trại phát triển. Gắn phát triển kinh tế tập thể với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Cũng có những nội dung quan trọng hướng về cơ sở là Nghị quyết về "Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân". Nghị quyết đã trình bày một cách có hệ thống, chính xác, rõ ràng những quan điểm và chính sách của Đảng đối với kinh tế tư nhân, khẳng định mạnh mẽ những chủ trương đã có và có bổ sung thêm những chủ trương mới nên có ý nghĩa quan trọng trong việc thống nhất nhận

thức, tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ. Quan điểm nhất quán của Đảng ta một lần nữa được khẳng định trong Nghị quyết này là : Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao nội lực của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế ; các hộ sản xuất, kinh doanh cá thể và doanh nghiệp tư nhân bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Những chủ trương và giải pháp lớn để tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân được Trung ương xác định là : 1) Tạo lập môi trường thuận lợi về thể chế và tâm lý xã hội cho sự phát triển của kinh tế tư nhân ; 2) Sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách ; 3) Tiếp tục hoàn thiện và tăng cường quản lý nhà nước ; 4) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các hiệp hội doanh nghiệp đối với việc phát triển kinh tế tư nhân. Địa bàn hoạt động của mọi loại hình kinh tế tư nhân là ở cơ sở. Vậy nên mọi chủ trương chính sách phát triển kinh tế tư nhân đều có quan hệ mật thiết đến cơ sở và có tác động tích cực, mạnh mẽ đối với tình hình của cơ sở.

Trong các nghị quyết Trung ương lần này, Nghị quyết về "Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới" có tính độc lập tương đối hơn nhưng cũng có nhiều vấn đề liên quan đến

cơ sở. Từ việc đánh giá thực trạng tình hình tư tưởng và công tác tư tưởng, lý luận đến phương hướng nhiệm vụ công tác tư tưởng, lý luận cũng như các giải pháp và tổ chức thực hiện đều có căn cứ và chỗ dựa là đơn vị cơ sở, Trung ương đã chỉ rõ : Công tác tư tưởng, lý luận phải hướng mạnh về cơ sở, nắm chắc tình hình cơ sở, tăng cường củng cố trận địa tư tưởng ở cơ sở, tạo thế đứng chính trị vững chắc trên từng địa bàn. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng làm công tác tư tưởng, kết hợp các biện pháp tư tưởng, chính trị, tổ chức, kinh tế, hành chính, kết hợp phong trào quần chúng với chính sách hợp lý, hợp lòng dân để tập trung xử lý dứt điểm các "điểm nóng", chặn đứng sự suy thoái về đạo đức, lối sống và đẩy lùi các tệ nạn xã hội ở từng địa phương, khu vực.

Những nội dung đã được thông qua trong Hội nghị lần thứ năm thể hiện một bước tiến mới trong việc cụ thể hóa và phát triển Nghị quyết Đại hội IX trên những lĩnh vực trọng yếu. Mỗi nghị quyết của Hội nghị đều vô cùng quan trọng và có những nhiệm vụ riêng nhưng lại có quan hệ mật thiết với nhau, có những mối quan tâm chung, mục tiêu chung, trong đó có điểm hướng về cơ sở.

Cuộc sống sôi động của đất nước luôn đặt ra yêu cầu đòi hỏi phải giải đáp và luôn là tiền đề, gợi mở cho sự khám phá, sáng tạo. Các nghị quyết Trung ương lần này với những nội dung sát hợp đầy ấn tượng, nhiều điều mới mẻ và có tính đột phá của nó nhất định sẽ được cán bộ, nhân dân, hết sức đồng tình, sẽ được cuộc sống đón nhận, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước tiến lên. □

XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG

VŨ OANH*

NGHỊ quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã khẳng định quyết tâm phát triển đất nước ta theo con đường xã hội chủ nghĩa và từ tổng kết thực tiễn trong thời kỳ đổi mới đã làm sáng tỏ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, xác định đường lối, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong thập niên đầu thế kỷ XXI, đưa nước ta ra khỏi tình trạng nước nghèo và kém phát triển, đến năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nhằm tổ chức thực hiện thắng lợi mục tiêu đã đề ra, Nghị quyết của Đại hội đã xác định: "Tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ", coi đây là một trong những lĩnh vực then chốt cần tập trung sức đột phá để làm chuyển động toàn bộ tình hình kinh tế - xã hội.

Nghị quyết cũng đã xác định sáu điểm cơ bản của chiến lược giáo dục Việt Nam đầu thế kỷ "thực hiện giáo dục cho mọi người, cả nước trở thành một xã hội học tập"; "tạo điều kiện cho mọi người ở mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên suốt đời", tức là chiến lược xây dựng một xã hội học tập Việt Nam hiện đại với nền giáo dục cho mọi người và cho việc học suốt đời.

Để phát triển giáo dục, xây dựng xã hội học tập, quán triệt được các định hướng và

nhiệm vụ chiến lược của Đại hội IX, cần đánh giá thực trạng giáo dục, xác định mục tiêu, con đường phát triển và các giải pháp cơ bản.

1. Đánh giá thực trạng giáo dục Việt Nam - điểm xuất phát xây dựng xã hội học tập.

Hai mươi năm cải cách và đổi mới giáo dục (1981-2001) đã tạo ra những thành tựu đáng kể và những tiền đề cần thiết để xây dựng xã hội học tập như hoàn thành xóa nạn mù chữ và phổ cập tiểu học, tiến tới sớm hoàn thành phổ cập trung học. Hệ thống giáo dục quốc dân tương đối hoàn chỉnh về cơ cấu cấp, bậc học. Hình thức giáo dục được đa dạng hóa với mạng lưới nhà trường khắp cả nước. Những loại hình đào tạo mới đã xuất hiện và thu hút ngày càng nhiều người tham gia. Những cơ sở giáo dục ngoài công lập, ngoài nhà trường, những trung tâm khuyến học cộng đồng, làng học - làng nghề, đã trở thành những mô hình mới về cơ sở giáo dục và đào tạo. Ngày càng có nhiều gia đình cử nhân, xã, phường phổ cập trung học, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện được đại học đại chúng cho người lao động...

Tuy nhiên, hiện nay nền giáo dục nước ta vẫn chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém. Giáo

* Chủ tịch Hội Khuyến học Việt Nam

dục còn nặng về học chữ và thi cử. Cách dạy, cách học, cách thi còn khá lạc hậu, khép kín. Trên nhiều mặt, nền giáo dục nước ta ít gần bó, kém nhạy bén và thích ứng chậm chạp trước những thay đổi nhanh chóng của thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội. Những bất cập của giáo dục so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội là khá rõ. Trình độ dân trí còn thấp và không đồng đều cả về mặt học vấn - kỹ thuật, cả về những hiểu biết đối với cuộc sống xã hội, cộng đồng và gia đình... cũng như những hăng hụi kiến thức về trồng trọt, chăn nuôi, công nghệ cao, phòng, chống bệnh tật, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông ... So với nền giáo dục của một số nước trong khu vực, nền giáo dục nước ta còn đứng ở khoảng cách khá xa. Cụ thể như chỉ tiêu số sinh viên trên một vạn dân ở Việt Nam là 118. Tỷ lệ này của Thái Lan là 216, Nhật Bản là 319, Hàn Quốc là 493.

2. Mục tiêu chiến lược.

Giáo dục Việt Nam cần phải có một chiến lược để thoát khỏi tình trạng lạc hậu, đuổi kịp giáo dục các nước tiên tiến trong khu vực mà đỉnh cao là xây dựng xã hội thông tin - xã hội học tập trên cơ sở đại chúng hóa tiến tới phổ cập hóa giáo dục đại học, phát huy cao độ nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của con người Việt Nam. Mục tiêu chiến lược là sự kết hợp giữa mục tiêu đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa với mục tiêu đuổi kịp giáo dục các nước tiên tiến. Có như vậy mới có thể đáp ứng yêu cầu của đất nước, của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chúng ta phấn đấu xây dựng xã hội học tập Việt Nam hiện đại, xã hội chủ nghĩa, đậm đà bản sắc dân tộc, là xã hội mà ai cũng được học hành. Học hành sáng tạo suốt đời. Công nông là trí thức. Dân tộc thông thái. Xã hội học tập gắn liền với sứ mệnh mới của giáo dục là làm

cho mọi người được học, học thường xuyên, học suốt đời. Với xã hội học tập ý nghĩa mới giáo dục là khuyến học ; tổ chức mới của giáo dục là giáo dục mở : mở ra toàn dân, mở ra thực tiễn sản xuất kinh doanh, khoa học - công nghệ và hoạt động văn hóa - xã hội, mở ra thế giới hiện đại.

3. Con đường phát triển giáo dục - xây dựng xã hội học tập.

Cần và có thể rút ngắn thời gian phổ cập giáo dục bằng cách phổ cập giáo dục đi đôi với phổ cập sử dụng công nghệ thông tin và mạng thông tin quốc tế, phổ cập và cải tiến nghề nghiệp, theo phương thức kết hợp học tập trung, học từ xa, học qua hệ thống tin học, kết hợp giáo dục công lập - ngoài công lập, giáo dục trong nhà trường - ngoài nhà trường, giáo dục trong nước - ngoài nước. Thực hiện chiến lược phổ cập giáo dục từ hai đầu (giáo dục cơ sở - đại học đại chúng), trên hai chân (văn hóa đại chúng - tin học, nghề nghiệp) và bằng “ba mũi giáp công” (giáo dục công lập - ngoài công lập - từ xa).

Cho đến nay, nền giáo dục ở nước ta phát triển theo những bước tuần tự từ phổ cập bậc tiểu học đi lên trung học cơ sở, rồi các hình thức trung học bậc cao. Thực tiễn ở nhiều nước không nhất thiết phải đi tuần tự như vậy. Nước ta cần tạo ra bước nhảy vọt, “đi tắt, đón đầu” sự phát triển kinh tế tri thức, tức là đại chúng hóa đại học đi đôi với phổ cập và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục. Đại học là bậc học then chốt cần tập trung sức đột phá để làm chuyển động toàn bộ tình hình giáo dục và từ đó toàn bộ tình hình kinh tế - xã hội đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế tri thức, hội nhập kinh tế thế giới. Cần ưu tiên tập trung mọi nguồn lực trí tuệ, tinh thần và vật chất tạo ra bước nhảy vọt của đại học Việt Nam theo mô hình : thông tin và

đào tạo - tự đào tạo. Đổi mới cơ bản giáo dục đại học thành giáo dục sau trung học với các dạng dài hạn truyền thống và đặc biệt với các dạng ngắn hạn 1 - 2 năm ; tạo điều kiện phân luồng học sinh sau trung học phổ thông ; liên thông đào tạo học giữa trung học và cao đẳng ; thu hút hầu hết số học sinh tốt nghiệp trung học, tạo nên sự công bằng được hưởng giáo dục đại học, đồng thời tạo nên sự chuyển biến của chất lượng nguồn nhân lực được đào tạo sau trung học, thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt là sự chuyển dịch ở nông nghiệp, nông thôn. Ưu tiên đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật cao, chuyên gia thành thạo, cán bộ quản lý giỏi và nhân tài ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu lao động.

4. Một số giải pháp tổng hợp trước mắt.

a. Phát triển phong trào toàn dân đoàn kết vừa học vừa làm vừa khuyến học thường xuyên và rộng khắp, xây dựng xã hội học tập từ cơ sở :

- Thi đua xây dựng cộng đồng hiếu học tiên tiến ba tốt : học tốt, làm tốt, khuyến học tốt. Tạo ra khí thế học ở khắp các gia đình, tộc họ, xã phường, trên đồng ruộng, trong nhà máy, trên công trường, trong doanh nghiệp, nhà trường, cơ quan, đoàn thể, đơn vị vũ trang... theo phương châm : gắn với chủ trương đổi mới cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ, đổi mới quản lý ; gắn với nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ngắn hạn và dài hạn của cộng đồng. Trong toàn xã hội, ai cũng học, cũng làm và cũng khuyến học ; phát hiện người giỏi, người tài, đặc biệt qua các hội thi tài. Phong trào xã hội học tập được xây dựng ngay từ cơ sở và được kết hợp chặt chẽ với quá trình triển khai các chương trình quốc gia, các cuộc vận động phổ cập giáo dục, xóa đói giảm

nghèo, phát triển ngành nghề, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông, an ninh lương thực, chống ma túy, tệ nạn xã hội, xây dựng đời sống văn hóa... trong toàn quốc. Nội dung học thường xuyên theo kế hoạch của cơ sở được lồng ghép với nội dung các chương trình, các cuộc vận động toàn quốc.

- Mỗi cơ sở - cộng đồng chủ động xây dựng và cụ thể hóa tiêu chí thi đua ba tốt thích hợp với đơn vị mình. Đó là : Học tốt hay phổ cập giáo dục tốt ở trình độ cao nhất và phạm vi rộng nhất tại địa phương ; phổ cập và cải tiến nghề nghiệp tốt ; Khuyến học tốt hay có tổ chức và điều kiện khuyến học tốt.

- Thi đua xây dựng nhà trường tiên tiến làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đoàn kết vừa học vừa làm vừa khuyến học.

Nhà trường phải thực hiện chức năng cơ bản ghi trong Luật Giáo dục theo những định hướng chiến lược mới : đào tạo cơ bản đi đôi với đào tạo cách học, cách tư duy ; đào tạo đại cương kết hợp với đào tạo cách làm, đào tạo chuyên sâu ; đào tạo ban đầu kết hợp với đào tạo thường xuyên ; dạy kết hợp với tự học, đào tạo kết hợp với tự đào tạo theo mô hình nhà trường dạy - tự học, đào tạo - tự đào tạo, xây dựng trường học tiên tiến. Bảo đảm hướng dẫn cho người học tự trang bị " ba khối hiểu biết" (đạo đức - nhân văn, khoa học - công nghệ, kinh tế - xã hội) ; "ba kỹ năng toàn cầu" (kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng máy tính, kỹ năng giao tiếp) ; "ba kỹ năng cá nhân" (kỹ năng học, kỹ năng làm, kỹ năng sống).

b. Vận động đổi mới cơ bản cách dạy cách học trong và ngoài nhà trường nhằm phát huy tư duy sáng tạo, năng lực tự học, tự hoàn thiện học vấn và tay nghề, tự tìm và tự tạo việc làm, tự hoàn thiện nhân cách.

Vận động người học nhận thức sâu sắc quan điểm: học là tự mình tìm kiếm và xử lý

thông tin từ môi trường bên ngoài thành tri thức bên trong con người mình để làm phong phú giá trị con người mình, làm người tri thức hóa phát triển toàn diện. Học là làm giàu trí não và nâng cao nhân cách của ta để giải phóng cho ta khỏi nghèo nàn lạc hậu. Phấn đấu thực hiện mục tiêu học để hiểu, học để làm, học để hợp tác và học để làm người.

Vận động người dạy phát huy tiềm năng trí tuệ của mình làm tốt chức năng hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện cho người học tự mình tìm kiếm và xử lý thông tin từ môi trường bên ngoài thành tri thức bên trong con người mình ; hướng dẫn người học học cách học, cách làm, cách sống, giúp người học tự học chữ, tự học nghề, tự học nên người.

Vận động người khuyến học và cộng đồng tạo môi trường, điều kiện và phương tiện cần thiết cho quá trình dạy - tự học.

Đổi mới cơ bản cách thi cho phù hợp với cách học, cách dạy mới, khuyến khích tự học, tự nghiên cứu, xóa bỏ các lò luyện thi và nạn dạy thêm, học thêm tràn lan. Chọn phương án tuyển sinh đại học phù hợp với đại học đại chúng.

c. Đổi mới cơ bản hệ thống quản lý giáo dục.

Đổi mới cơ bản hệ thống quản lý giáo dục là giải pháp chiến lược mở đường cho việc thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển giáo dục, xây dựng xã hội học tập. Trước hết, cần kịp thời đổi mới tư duy quản lý giáo dục cho phù hợp với yêu cầu quản lý một nền giáo dục mở trong một đất nước nghèo đang vươn tới xã hội học tập. Giải phóng và phát huy mạnh mẽ mọi tiềm năng sáng tạo, tinh thần tự chịu trách nhiệm và tự học của đông đảo nhà giáo, nhà khoa học và quản lý. Tập trung sức đột phá vào lĩnh vực then chốt đổi mới cách

dạy cách học và vào bậc học then chốt, tạo ra bước nhảy vọt của đại học. Tất yếu quản lý phải có cách tiếp cận mới : tiếp cận đa dạng hóa đi đôi với chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa cho từng dạng, đa dạng hóa kết hợp với phân hóa đi đôi với tiếp cận hệ thống và tin học hóa quá trình quản lý giáo dục. Trên quan điểm: "lấy người học và học suốt đời làm gốc", "phát huy tốt nhất nội lực tự học của người học", quản lý giáo dục phải tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho việc học suốt đời của mọi người, đa dạng hóa loại hình giáo dục, phương thức giáo dục, tạo ra năng lực học suốt đời ngay từ trên ghế nhà trường.

Cơ chế phân cấp mạnh cho địa phương và trường đại học, giao quyền quản lý về tổ chức cán bộ và tài chính cho các cơ quan quản lý giáo dục địa phương và các trường đại học, tạo điều kiện thuận lợi cho các trường đại học chủ động điều hành và chịu trách nhiệm về cả nhân sự, tài vụ và nội dung giáo trình cho phù hợp với tính đa dạng của giáo dục sau trung học.

Cơ chế đẩy mạnh giáo dục mở: mở rộng mạng lưới các trường ngoài công lập và đào tạo từ xa, tạo nên sự gắn bó đối tác về đào tạo giữa nhà trường với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, khoa học, công nghệ, văn hóa, nghệ thuật, tạo nên sự liên kết hợp tác giáo dục mật thiết giữa nhà trường với gia đình - trường nhà, với cộng đồng - trung tâm khuyến học cộng đồng, thu hút đầu tư nước ngoài cho giáo dục, chuyển giao công nghệ cao và tiến hành liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục nước ngoài.

Cơ chế bảo đảm chất lượng đào tạo : đặt chế độ khoán chất lượng đối với người dạy đi đôi với chế độ đãi ngộ thỏa đáng và chế độ bồi dưỡng chuẩn hóa cho giáo viên, tạo điều kiện cho giáo viên có thể đổi mới cách dạy.

Cơ chế phát huy nội lực các vùng khó khăn : đổi mới cách hỗ trợ các vùng khó khăn của đất nước nhằm khơi dậy và phát huy nội lực, tiềm năng, phát triển nhanh và bền vững, nâng cao chất lượng và hiệu quả các trường dân tộc nội trú và các trung tâm khuyến học - kỹ thuật - văn hóa cộng đồng phục vụ cho xóa đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu nhân lực, kinh tế - xã hội địa phương ; ưu tiên đầu tư bảo đảm đủ giáo viên và chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục vùng khó khăn.

Cơ chế thống nhất quản lý giáo dục mở toàn xã hội, thể hiện quan điểm cơ bản "giáo dục là quốc sách hàng đầu," giải quyết có hiệu quả mâu thuẫn lớn và gay gắt giữa yêu cầu phát triển và năng lực của hệ thống quản lý giáo dục. Thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục công lập - ngoài công lập, trong nhà trường - ngoài nhà trường, trong nước - ngoài nước, đào tạo văn hóa - đào tạo nghề nghiệp. Tạo lập sự lãnh đạo tập trung thống nhất vào "Hội đồng quốc gia chỉ đạo thực hiện chiến lược phát triển giáo dục - xây dựng xã hội học tập" do Thủ tướng Chính phủ trực tiếp đứng đầu.

d. Phát huy sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng xã hội học tập nhanh và bền vững.

Thế giới đi vào thế kỷ XXI đều coi xã hội học tập như là mô hình của giáo dục trong một thế giới đang thay đổi. Xin-ga-po đề ra "nhà trường tư duy, quốc gia học tập". Thái Lan nêu : "giáo dục Thái trong kỷ nguyên toàn cầu hóa hướng tới một xã hội học tập". Hàn Quốc đã tạo ra được bước nhảy vọt của giáo dục đại học từ 16% tăng vọt lên 68% dân số ở độ tuổi trong vòng 16 năm (1980 -1996). Trung Quốc phê phán quan điểm đại học tinh hoa cho số ít ("gọt chân cho vừa giày"), phấn đấu đại chúng hóa đại học ("nới giày cho vừa chân") vào năm 2005...

Những tư tưởng cơ bản về xã hội học tập của thế giới hiện đại đã được Đảng và Bác Hồ đề cập đến từ giữa thế kỷ XX : "Ai cũng được học hành. Học không bao giờ cùng. Học hành sáng tạo suốt đời. Công nông là trí thức. Dân tộc thông thái". - bốn luận điểm quen thuộc đó của Bác Hồ chính là bốn đặc trưng cơ bản của một xã hội học tập hiện đại.

Đất nước ta đã có những điều kiện khả thi cho quá trình xây dựng xã hội học tập nay ngày càng phong phú và chín muồi hơn. Điều đó được thể hiện :

- Hệ thống giáo dục - nhà trường nghiêm chỉnh thực hiện phương thức kết hợp học tập trung, học từ xa, học qua hệ thống tin học.

- Đã hình thành hệ thống giáo dục ngoài nhà trường, ngoài quốc lập, ngoài nước.

- Đang từng bước đổi mới cơ bản cách học, cách dạy, cách thi, phát huy tư duy sáng tạo và năng lực tự học của người học.

- Chú trọng đến việc tổ chức quản lý và lãnh đạo, tạo điều kiện cho mục tiêu xây dựng xã hội học tập trở thành hiện thực.

Bốn điều kiện khả thi trên đây đều đòi hỏi phải phát huy sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc, đổi mới quản lý nhà nước và đặc biệt là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Các cấp ủy đảng từ trên xuống dưới cần xem xây dựng xã hội học tập là thực hiện nhiệm vụ quốc sách hàng đầu. Động viên cán bộ, đảng viên gương mẫu vừa làm vừa học vừa khuyến học để từng bước tri thức hóa đảng bộ. Tập hợp, liên kết mọi tổ chức và lực lượng xã hội trong mặt trận "diệt giặc đói", mặt trận khuyến học, khuyến tài. Với hệ giáo dục - nhà trường làm nòng cốt, Hội Khuyến học làm đầu mối, phát triển mạnh phong trào toàn dân đoàn kết vừa học, vừa làm, vừa khuyến học, xây dựng xã hội học tập từ cơ sở. □

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHÍNH YẾU TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG

VŨ HỮU NGOAN *

CHÚNG ta quy ước "lý luận" nói ở đây là lý luận chính trị, lý luận cách mạng của Đảng ta.

Lý luận bắt nguồn từ thực tiễn nhưng lại soi đường cho thực tiễn, thâm nhập vào hành động và phong trào cách mạng. Không có lý luận không thể có phong trào cách mạng, không có lý luận đúng thì càng không thể có phong trào cách mạng thắng lợi. Lý luận liên quan trực tiếp đến tính tiền phong, dẫn đường, vai trò tổ chức và lãnh đạo của Đảng. Công tác lý luận là một chức năng hàng đầu của lãnh đạo, là một bộ phận trọng yếu trong xây dựng Đảng ta.

Công tác lý luận là công tác của toàn Đảng, trước hết là các cấp ủy, quan trọng nhất là Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương và Đại hội đại biểu toàn quốc. Các cấp ủy trong khi tổ chức, lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn bao giờ cũng thấm đượm, cũng thể hiện, cũng trên cơ sở nhận thức lý luận. Nói cách khác, lý luận không ở đâu xa, không chỉ là sản phẩm của các cơ quan lý luận, của các nhà lý luận, mà trước hết và quan trọng hơn hết là ở ngay trong các nghị quyết, các chính sách lớn của Đảng. Đại hội IX, với tư cách là cơ quan cao nhất của toàn Đảng, là nơi tập hợp và thể hiện trí tuệ của toàn Đảng, thông qua các nghị quyết, trước hết là Báo cáo Chính trị, đã thể hiện nhiều nhận thức lý luận quan trọng và đặt ra

nhiều vấn đề mới cho công tác nghiên cứu lý luận hiện nay.

Vấn đề lý luận bao trùm lên tất cả, được Đại hội IX đề cập đến, đó là **"về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và nền tảng tư tưởng của con đường cách mạng đó ở nước ta"**. Đại hội IX đã có nhận thức vô cùng quan trọng : "Thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của **Cương lĩnh** được thông qua tại Đại hội VII của Đảng, đồng thời giúp chúng ta nhận thức ngày càng rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chúng ta một lần nữa khẳng định : **Cương lĩnh** là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới. Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh".

Trước thời gian diễn ra Đại hội IX có một số ý kiến cho rằng **Cương lĩnh** 1991 đã lạc hậu và rằng Đại hội IX cần soạn thảo **Cương lĩnh** khác, với ẩn ý bác bỏ nhiều lý luận về thời kỳ quá độ và đường lối đưa đất nước ta quá độ lên

* Thường trực Ban chỉ đạo biên soạn Toàn tập Văn kiện Đảng

chủ nghĩa xã hội hiện nay. Chúng ta biết rằng Cương lĩnh 1991 mang tên là "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội", hàm chứa một khối lượng lớn về lý luận cơ bản đồng thời mang tính thực tiễn sâu sắc, đặc biệt là quan niệm của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội, về phương hướng cơ bản trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, về hệ thống chính trị của nước ta, về nền tảng tư tưởng của Đảng và nhân dân ta. Đại hội IX khẳng định mạnh mẽ Cương lĩnh 1991, trên cơ sở đó góp phần cụ thể hóa và phát triển Cương lĩnh, là thể hiện tính chiến đấu cao trong cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận hiện nay, thể hiện một thái độ vừa cách mạng vừa khoa học. Theo đó, đã khẳng định mạnh mẽ mục tiêu cách mạng vững vàng của chúng ta là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, khẳng định thời kỳ đất nước ta đang trải qua là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tất cả đường lối và chính sách phải quán triệt thời kỳ lịch sử đó, khẳng định chúng ta xây dựng xã hội mới trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cương lĩnh 1991 đã xác định "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động". Song trong bối cảnh Liên Xô tan vỡ, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa xã hội thế giới tạm thời lâm vào thoái trào, có một số ý kiến cho rằng chỉ cần nói tư tưởng Hồ Chí Minh, không cần nói chủ nghĩa Mác - Lê-nin nữa. Từ Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, rồi đến Đại hội IX, Đảng ta một lần nữa khẳng định điều cơ bản của Cương lĩnh 1991 nói về nền tảng tư tưởng, không bao giờ tách rời và càng không bao giờ đối lập giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Tuy nhiên, cách hiểu về tư tưởng Hồ Chí Minh, nhất là cách khái quát hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh thì cũng còn có ý kiến khác

nhau. Tư tưởng Hồ Chí Minh được đề cập quá phong phú, hầu như trong mọi lĩnh vực, mọi mặt, mọi khía cạnh của đời sống xã hội. Rõ ràng, thực tiễn nảy sinh nhu cầu phải nói thống nhất về tư tưởng Hồ Chí Minh, và phải ở tầm Đại hội - cơ quan cao nhất của toàn Đảng - quyết định. Vì thế, Đại hội IX trên cơ sở khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và nhân dân ta, đã nói một cách cơ bản, hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh. Đại hội IX chỉ rõ : ***"Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm lý luận chính trị toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại"***. Cách khái quát đó của Đại hội IX đã mở ra hướng nghiên cứu nội dung và nguồn gốc của tư tưởng Hồ Chí Minh mà bao nhiêu cách nói cụ thể đều không thay thế được, làm cơ sở cho sự thống nhất tư tưởng và hành động trong Đảng, nhất là về mục tiêu, lý tưởng và tổ chức lực lượng cách mạng.

Con đường xã hội chủ nghĩa của nước ta không thể tách rời nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; đã đi theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh thì nhất định độc lập dân tộc của nước ta phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đó là chân lý khách quan, là sự phát triển to lớn của thực tiễn và lý luận.

Về bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa để đi lên chủ nghĩa xã hội thì không phải là vấn đề mới mẻ về lý luận, song trở nên mới mẻ trong thực tiễn từ khi Liên Xô tan rã, chủ nghĩa xã hội thế giới tạm thời lâm vào thoái trào, trên thế giới không còn một nước nào đã xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội giúp đỡ, do đó lại trở

nên rất mới mẻ về lý luận. Đại hội IX của Đảng nhận thức rằng **"Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại"**. Nói cách khác, chúng ta không xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, song vẫn phát triển chủ nghĩa tư bản, thậm chí có chính sách khuyến khích phát triển thành phần kinh tế tư bản tư nhân, đặc biệt chúng ta sử dụng lợi thế của nước đi sau, tận dụng thời cơ, vươn lên đỉnh cao của khoa học và công nghệ đang tiến như vũ bão của loài người để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trong khi không còn một nước nào đã xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội giúp đỡ như trong thực tiễn và lý luận trước đây. Đây là một hướng mới của nghiên cứu lý luận ở nước ta.

Một trong những điều quan trọng bậc nhất và vô cùng mới mẻ của sự phát triển thực tiễn và lý luận về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được Đại hội IX nhận thức là : **Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, coi đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.**

Trong mô hình tổng quát ấy chứa đựng nhiều mô hình cụ thể, bao gồm mô hình sở hữu và các thành phần kinh tế, mô hình phân phối, mô hình quản lý kinh tế quốc dân, v.v... Chúng ta áp dụng các mô hình đa sở hữu và đa thành phần kinh tế, đa hình thức phân phối, đa phương thức quản lý,... Các hình thức sở hữu đan xen, các thành phần kinh tế đan xen, các

hình thức phân phối đan xen, các phương thức quản lý đan xen, ... tất cả theo định hướng xã hội chủ nghĩa và tạo nên nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - cơ sở hạ tầng của kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Việc áp dụng nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế thì không phải là vấn đề mới. Tuy nhiên, Đại hội IX nói 3 hình thức sở hữu cơ bản (sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân), thêm cụm từ **"cơ bản"** so với các Đại hội trước đây và so với Hiến pháp năm 1992 để càng khẳng định mạnh mẽ tính đa sở hữu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Khi Đại hội IX nói **"Chế độ sở hữu công cộng (công hữu) về tư liệu sản xuất chủ yếu từng bước được xác lập và sẽ chiếm ưu thế tuyệt đối khi chủ nghĩa xã hội được xây dựng xong về cơ bản"** thì lại là khía cạnh sâu sắc về mặt lý luận. Vấn đề sâu sắc và phức tạp ở chỗ trong khi đang cổ vũ nền kinh tế đa sở hữu, đa thành phần, thậm chí đang khuyến khích phát triển kinh tế tư bản tư nhân, thì đã đặt ra cho thực tiễn và nghiên cứu lý luận làm sáng tỏ về một lộ trình theo đó chế độ công hữu lớn mạnh dần đến đích chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế quốc dân, tuy là một lộ trình khá lâu dài, phải trải qua nhiều bước, nhiều chặng đường, đi từ thấp đến cao.

Xung quanh vấn đề thành phần kinh tế, Đại hội IX đã có sự phát triển khá phong phú về lý luận. Đại hội đã lấy **thành phần kinh tế tập thể** thay cho cách nói thành phần kinh tế hợp tác. Kinh tế tập thể được quan niệm là kinh tế hợp tác với nhiều mức độ, nhiều dạng của những người lao động, những hộ sản xuất, kinh doanh, những doanh nghiệp nhỏ và vừa, không giới hạn quy mô và địa bàn. Ngoài ra, xác định thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là Đại hội IX đã phản ánh yêu cầu của thực tiễn, có sự phát triển nhận thức lý luận.

Vị trí, vai trò, sự tác động qua lại, sự vận động của các thành phần kinh tế như thế nào để đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nền kinh tế thị trường nước ta là vấn đề bức xúc trong thực tiễn và trăn trở trong lý luận. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, là quan niệm nhất quán của Đảng. Nếu như Cương lĩnh 1991 hoạch định rằng kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng, Đại hội VIII nhận thức kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể dần dần trở thành nền tảng, thì Đại hội IX có bước phát triển khi chỉ ra rằng ***kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân***. Nói như vậy, một mặt khẳng định ngay từ bây giờ kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể đã phải giữ vai trò nền tảng để đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa, thể hiện yêu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, mặt khác phản ánh tình trạng còn bất cập của kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, đồng thời đòi hỏi phấn đấu củng cố vững chắc nền tảng đó. Với nền tảng ngày càng vững chắc như thế, thì một quan niệm đặc biệt quan trọng của Đại hội IX, rất được lòng dân, là ***tất cả các thành phần kinh tế đều là những bộ phận cấu thành nền kinh tế quốc dân định hướng xã hội chủ nghĩa của ta***.

Người cách mạng thường quan tâm mục tiêu, nhiệm vụ và đường lối, chính sách để đạt mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng. Xét đến cùng, tất cả các chính sách đều nhằm tạo động lực to lớn. Lý luận về động lực là một bộ phận của lý luận cách mạng. Đại hội IX tiếp tục coi khoa học - công nghệ, đấu tranh giai cấp là những động lực quan trọng. Đại hội IX cho rằng đấu tranh giai cấp có nội dung và hình thức mới và chỉ ra ***nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay gồm 5 điểm*** : 1. thực hiện thắng lợi sự nghiệp công

nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển ; 2. Thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công ; 3. đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái ; 4. đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch ; 5. bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Đáp ứng yêu cầu và sự vận động của thực tiễn, một thành tựu lý luận mới nhất đạt được khi Đại hội IX chỉ rõ ***"Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức, do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội"***.

Ngoài những vấn đề cơ bản có tính lý luận vừa cụ thể hóa vừa phát triển Cương lĩnh trên đây, Đại hội IX còn có sự phát triển lý luận trên nhiều khía cạnh khác, như quan niệm toàn diện về bảo vệ Tổ quốc, về toàn cầu hóa, về hội nhập kinh tế quốc tế, v.v...

Có thể nói ***Đại hội IX đánh dấu bước quan trọng sáng tỏ dần, nhận thức ngày càng rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta***. Tuy nhiên, ngay trong nhận định như thế cũng đồng thời có nghĩa là ***còn phải tiếp tục làm sáng tỏ hơn nữa***. Chẳng hạn khi nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020 thì khi ấy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa kết thúc hoặc là công nghiệp hóa kết thúc nhưng hiện đại hóa vẫn tiếp tục, hơn nữa đánh giá khi ấy nhiệm vụ thời kỳ quá độ xét về mặt kinh tế đã xong chưa, v.v... ***Nhiệm vụ của công tác lý luận còn rất nặng nề***, mà Đại hội IX đã tạo một cái đà cho bước phát triển mới. □



TÌNH HÌNH TƯ TƯỞNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN VÀ NHÂN DÂN TA HIỆN NAY

HỒNG VINH *

TRONG bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế diễn ra phức tạp, thời cơ và thách thức lớn đan xen, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự đoàn kết nỗ lực phấn đấu của toàn dân, công cuộc đổi mới đất nước trong những năm qua đã thu được những thành tựu to lớn và rất quan trọng. Những thành tựu về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại... là những minh chứng sinh động về sự nhất trí cao của các tầng lớp nhân dân ta với mục tiêu đổi mới vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Điều đó là cơ sở quan trọng giúp chúng ta khẳng định : **tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân ta về cơ bản là tích cực**. Nét nổi rõ trong tư tưởng cán bộ, đảng viên là sự nhạy bén chính trị, tinh thần năng động trong sản xuất, công tác, ý thức tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc, ý chí vượt lên khó khăn, thách thức để góp sức đưa đất nước sớm thoát khỏi đói nghèo, chậm phát triển. Số đông cán bộ, đảng viên có nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ; kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ; đồng tình với tư tưởng cơ bản của Nghị quyết

Đại hội IX là phát huy sức mạnh toàn dân tộc ; tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Có thể coi đó là những biểu hiện cơ bản trong dòng tư tưởng chính thống của cán bộ, đảng viên hiện nay. Đó cũng là một trong những nhân tố quan trọng tạo nên những thành tựu trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội trong những năm qua. Thực tiễn đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng khẳng định, số đông cán bộ, đảng viên vẫn giữ được phẩm chất đạo đức và vai trò tiên phong của mình, trình độ lý luận, kỹ năng lao động được nâng cao một bước.

Kết quả thăm dò của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Nghệ An với 1 408 đảng viên được hỏi thì 93,3% số người khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin ngày nay vẫn còn giá trị hiện thực.

Kết quả thăm dò của Trung tâm nghiên cứu dư luận xã hội Ban Tư tưởng - Văn hóa

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

Trung ương tháng 12-2001 với 2 900 phiếu và kết quả thăm dò của Phòng nghiên cứu dư luận xã hội, Ban Tư tưởng - Văn hóa Thành ủy TP Hồ Chí Minh tháng 12-2001 với 1 500 phiếu cho thấy :

Kết quả điều tra Vấn đề	Ban Tư tưởng - Văn hóa TW	Ban Tư tưởng - Văn hóa Thành ủy TP. HCM
- Về mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là sự lựa chọn duy nhất, đúng đắn của dân tộc VN	88%	84,93%
- Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam	92%	93,2%
- Qua thực tiễn đổi mới, con đường đi lên CNXH ở nước ta ngày càng rõ hơn	67%	65,4%
- Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản to lớn của Đảng và dân tộc ta	95%	91,2%
- Niềm tin vào CNXH và con đường đi lên CNXH	70%	64,86%

Kết quả thăm dò dư luận xã hội tại tỉnh Gia Lai ngày 27-11-2001 với 1 286 phiếu cho thấy : 90% số người cho rằng, về con đường đi lên CNXH, mô hình có tiến bộ hơn và ngày càng rõ dần ; 77% số người được hỏi nhận định, sau khi tiến hành phê bình và tự phê bình theo tinh thần NQTW6 (lần 2) thì đảng viên và tổ chức đảng ở đơn vị, tổ chức của mình có chuyển biến tương đối tốt và tốt hơn.

Những thành tựu của 15 năm đổi mới và sự phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt

là thành công của Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các nghị quyết của Đại hội đang đi vào cuộc sống, là những nhân tố quan trọng củng cố niềm tin vào con đường đổi mới, mở cửa hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, củng cố quyết tâm tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, tạo ra các phong trào hành động cách mạng của các tầng lớp nhân dân nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội IX đã đề ra.

Tuy nhiên, do tác động nhiều mặt, tình hình tư tưởng, tâm trạng cán bộ, đảng viên và nhân dân có những biểu hiện phức tạp, rất đáng quan tâm :

1 - Đối với cán bộ, đảng viên.

Một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống thể hiện ở :

- + Khuynh hướng tự do tư sản.
- + Khuynh hướng cơ hội chính trị, hữu khuynh.
- + Chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, cục bộ địa phương.

+ Bệnh hình thức, chạy chọt diễn ra ở nhiều nơi.

+ Tình trạng quan liêu, mất dân chủ, xa rời dân xảy ra ở nhiều cấp, nhiều ngành dẫn đến tình trạng khiếu kiện vượt cấp ở nơi này, nơi khác.

Kết quả thăm dò dư luận xã hội cán bộ, đảng viên các cơ sở đảng thuộc Đảng bộ khối cơ quan Trung ương ngày 26-7-2001 do Trung tâm Nghiên cứu dư luận xã hội Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tiến hành với 1 936 phiếu cho thấy : Có 7 nhân

tổ khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến tâm trạng cán bộ, đảng viên :

- Nạn tham nhũng.
- Tệ quan liêu.
- Sự phát triển các tệ nạn xã hội.
- Suy thoái phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.
- Tình trạng khiếu kiện của dân kéo dài.
- Hiện tượng chạy chức, chạy quyền.
- Tình trạng thiếu kỷ cương.

Những nhân tố ảnh hưởng nhiều đến tâm tư cán bộ, đảng viên gây bức xúc nhất là nạn tham nhũng ; tình trạng thiếu kỷ cương, mất dân chủ ; sự suy thoái về tư tưởng chính trị đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ đảng viên.

Có những cán bộ, đảng viên trí thức, văn nghệ sĩ, cán bộ về hưu bản khoản, hoài nghi vào con đường đi lên CNXH, tính ưu việt của CNXH. Có cán bộ, đảng viên bị ảnh hưởng tư tưởng sùng ngoại, hướng ngoại, dễ tiếp thu lối sống thực dụng, hưởng thụ, lai căng ; xa rời những giá trị, bản sắc văn hóa dân tộc.

Đáng chú ý là trong Đảng cũng có hiện tượng doãng dần khoảng cách về thu nhập giữa cán bộ, đảng viên có chức quyền với cán bộ đảng viên bình thường giữa cán bộ cơ quan đảng, đoàn thể với cán bộ chính quyền, doanh nghiệp ; giữa cán bộ về hưu với cán bộ đương chức. Tình trạng đó nảy sinh tâm trạng thiếu phấn khởi trong nội bộ.

Cán bộ đảng viên nhìn chung là tốt, giữ được vai trò của người cán bộ, đảng viên,

nhưng trước khó khăn, bức bách về đời sống, trước sự tiêu cực của các tệ nạn xã hội ngày càng tăng đã làm giảm sút niềm tin của nhân dân, cá biệt có người bất bình, bất mãn, hoặc thoái chí...

Tuy nhiên, những cán bộ, đảng viên là trí thức, doanh nghiệp trẻ đại diện cho trình độ văn hóa, trình độ khoa học - kỹ thuật hiện đại của nước ta, vẫn kiên định lý tưởng, phát huy được vai trò tiên phong, có uy tín trong quần chúng.

Tình trạng thiếu việc làm, phân hóa giàu nghèo, chênh lệch mức sống giữa các vùng dân cư, giữa các nhóm cán bộ và các nhóm xã hội đã làm cho sự khác biệt về nhận thức, tư tưởng, tình cảm của các giai tầng trong xã hội ngày càng tăng và diễn ra hết sức phức tạp.

Bệnh quan liêu, xa dân, xa thực tiễn, ngại khó, ngại khổ, ngại đến vùng sâu, vùng xa, ngại đi cơ sở, ngại tiếp xúc, đối thoại với dân... vẫn tiếp tục diễn ra trong một số cán bộ, đảng viên ở nhiều cấp, nhiều ngành làm tổn hại đến "mối quan hệ máu thịt" giữa đảng với dân, là một nguy cơ lớn đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Cá biệt, có một số ít người có khi công khai hoặc ngầm ngầm hoạt động truyền bá quan điểm sai trái, xuyên tạc chống đối đường lối, chính sách của Đảng.

Tóm lại, một mặt, phần đông cán bộ, đảng viên giữ vững phẩm chất chính trị, có đạo đức lối sống trong sạch, lành mạnh, năng lực lãnh đạo và trình độ công tác ngày càng được nâng cao ; mặt khác, cũng phải

thấy rõ mức độ nghiêm trọng của sự suy thoái về tư tưởng, phẩm chất, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên làm suy yếu Đảng, hạn chế thành tựu của công cuộc đổi mới xây dựng đất nước.

2 - Đối với nhân dân.

Tệ quan liêu, tham nhũng ngăn chặn chưa có hiệu quả, tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp là mối lo lắng hàng đầu của nhân dân, nhất là đối với giai cấp nông dân và công nhân ta hiện nay. Theo số liệu điều tra ngày 5-1-2001 của Trung tâm Nghiên cứu dư luận xã hội, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương thì nông dân và công nhân là người có thu nhập thấp trong xã hội. Họ được coi là những người làm chủ xã hội nhưng trên thực tế, quyền làm chủ ấy còn rất hạn chế. Một bộ phận công nhân, nông dân trở thành người đi làm thuê. Vì thế, lòng tin của nhân dân vào sự công tâm, trong sáng, công bằng của cán bộ, đảng viên ở cơ sở bị giảm sút, dẫn đến hoài nghi, và có trường hợp khiếu kiện vượt cấp. Tuy nhiên, nhân dân vẫn tin Đảng, Chính phủ “cấp trên” ở đường lối lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt đưa sự nghiệp cách mạng của nước ta vượt qua những gian nan thử thách một cách thắng lợi.

Bên cạnh những tình hình trên, vấn đề mới phát sinh rất đáng lo ngại, khó kiểm soát là vấn đề đời sống tâm linh trong xã hội. Vấn đề này đã thâm nhập và tác động mạnh vào một bộ phận không ít cán bộ, đảng viên. Tình trạng mê tín dị đoan bùng phát ở nhiều nơi, xuất hiện nhiều người gọi

là có “khả năng đặc biệt”, đang hoạt động ở nhiều nơi gây tác động xấu vào đời sống tinh thần của nhân dân. Các thế lực thù địch đã và đang lợi dụng lực lượng này để kích động tâm lý cuồng tín, mê tín dị đoan, kích động chống đối chế độ ta...

Điều đáng lo ngại là có một bộ phận lớp trẻ sống thực dụng, tiếp thu nhanh lối sống tư sản : lao vào kiếm tiền với bất kỳ giá nào, chọn việc làm có nhiều tiền và sử dụng đồng tiền ấy để hưởng thụ.

Từ thực trạng tình hình trên, chúng tôi xin kiến nghị một số điểm chính sau :

- Sớm triển khai và đưa vào cuộc sống Nghị quyết 5 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về công tác tư tưởng, lý luận. Các cấp ủy đảng đánh giá đúng thực trạng tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở đơn vị mình, địa phương mình ; trên cơ sở đó đề ra những biện pháp thiết thực, sát hợp nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục nhanh thiếu sót, **tạo nên sự nhất trí cao trong nhận thức và hành động** nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

- Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương thức công tác tư tưởng, lý luận theo hướng mở rộng dân chủ, hướng về cơ sở, tăng cường đối thoại với các tầng lớp nhân dân chung quanh các vấn đề dư luận đang quan tâm. Chỉ có như vậy mới tạo nên **chất lượng, hiệu quả** thật sự của công tác tư tưởng, lý luận. Bởi lẽ, suy cho cùng sức

(Xem tiếp trang 51)

Đôi điều về cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận

TRẦN XUÂN TRƯỜNG*

1- Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam của Đảng ta, của dân tộc ta, đã đóng vai trò quyết định trong những thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong hơn 70 năm qua. Thế nhưng từ sự tan rã của Liên Xô, của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, nền tảng ấy bị tấn công dữ dội và cho đến ngày nay vẫn còn chưa được củng cố vững chắc.

Ngày nay, chủ nghĩa chống cộng thế giới và những đại biểu bản xứ của nó ở Việt Nam thẳng thừng bác bỏ toàn bộ chủ nghĩa Mác - Lê-nin chứ chẳng cần núp bóng để bác bỏ như chủ nghĩa xét lại đã làm vào đầu thế kỷ XX. Một số người tuy không bác bỏ, nhưng đã không còn lòng tin như trước vào những giá trị tư tưởng và lý luận Mác - Lê-nin; thậm chí có người cho rằng may lắm còn lại được cái phương pháp biện chứng. Trên các bục giảng đại học, các diễn đàn khoa học, các văn đàn lý luận, có người ngáp ngừng, thậm chí ngượng ngùng khi trình bày các quan điểm lý luận mác xít. Đối với một số người, được coi là "hợp mốt" khi trình bày vấn đề, tuy có viện dẫn đến Mác, đến Lê-nin với tinh thần cho "phải đạo", nhưng chú trọng viện dẫn nhiều hơn, say sưa hơn những lý thuyết của các học giả phương Tây. Đương nhiên, chúng ta không

phải là những người biệt phái chủ nghĩa; cái gì hay, có giá trị trong lý luận phương Tây thì nhất thiết phải học tập, tiếp thu làm giàu cho mình. Thế nhưng phải đứng vững trên lập trường thế giới quan phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin để tiếp thu một cách có phê phán thì chúng ta mới có hy vọng ngày càng tiếp cận

được chân lý. Những điều kiện trên đây nói lên rằng, vị trí, uy tín và ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ở nước ta, bên cạnh mặt được củng cố và phát triển, cũng có mặt suy giảm. Nói theo từ ngữ của những người công giáo, đó là một sự "khô đạo". Nhiệm vụ cơ bản và cấp bách của công tác tư tưởng, lý luận hiện nay ở nước ta là phải củng cố và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chiếm lĩnh trở lại vị trí, vai trò mà nó từng có trong khối óc và trái tim toàn Đảng, toàn dân ta.

Sự suy giảm ảnh hưởng của lý luận Mác - Lê-nin có nguyên nhân khách quan và chủ quan. Là lý luận phản ánh phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân loại tiến bộ, tấn công vào chế độ tư bản để kiến tạo một chế độ xã hội mới thì các bước thăng trầm của phong trào, các chu kỳ hưng vong của chế độ tư bản dĩ nhiên có ảnh hưởng đến sự tăng, giảm ảnh hưởng của lý luận đó trong tâm hồn con người. Trên thế giới cũng vậy mà ở nước ta cũng thế.

Trong nhiều chục năm trước đây, chúng ta ít nhiều có thói quen dựa dẫm vào nghiên cứu cơ bản của các trung tâm lý luận đàn anh ở

* GS, Trung tướng

nước ngoài, còn chúng ta thiên về nghiên cứu ứng dụng và nhiều khi cũng không sáng tạo lắm trong việc ứng dụng lý luận này, kinh nghiệm nọ của nước này hay nước khác. Ngày nay, tình hình mới đòi hỏi Đảng ta phải tự mình tập trung vào cả nghiên cứu cơ bản lẫn nghiên cứu ứng dụng, tập trung nhiều hơn vào những vấn đề trong nước nhưng không thể không có quan điểm riêng của mình về những vấn đề quốc tế. Chẳng có ai làm hộ cho ta được nữa, buộc ta phải tự làm lấy.

2- Sức mạnh và uy tín của chủ nghĩa Mác - Lê-nin nằm ở chỗ không chỉ giải thích thế giới một cách khoa học, mà còn cải tạo được thế giới hiện thực phù hợp với những điều lý giải về mặt lý luận. Đó cũng là mối quan hệ sinh ra từ giữa lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, giữa nói và làm của Đảng Cộng sản. Trong giai đoạn đấu tranh giành chính quyền và chiến tranh giải phóng dân tộc, uy tín của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh cao hơn bao giờ hết vì nó đã chứng minh bằng thực tiễn thắng lợi giải phóng và thống nhất đất nước, về tính ưu việt của hệ tư tưởng giai cấp công nhân so với hệ tư tưởng của phong kiến và tư sản. Ngày nay, trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội, tình hình thực tiễn diễn ra hết sức phong phú và đa dạng. Chúng ta đã nói và làm được một số điều nhưng còn nhiều điều làm chưa hay, chưa tốt. Quần chúng nhân dân bao giờ cũng bằng kinh nghiệm chính trị thiết thực của bản thân mà tin hay không tin, tin nhiều hay tin ít vào những lý luận chỉ đường. Chính vì vậy, ngày nay muốn củng cố và tăng cường uy tín của lý luận thì trước hết, cần phải có những bước đi cụ thể, xuất phát từ thực tiễn thực sự chứ không chạy theo hình thức một cách chung chung. Trước đây, chúng ta phê phán quan điểm sùng bái thuyết tự phát của Béc-xtanh cho rằng mỗi bước tiến của phong

trào còn hơn hàng tá cương lĩnh. Trong điều kiện hiện nay ở nước ta, ý tưởng đó lại có nội dung hợp lý của nó ! Rõ ràng là trên địa hạt hoạt động thực tiễn, sự kém hiệu quả của Đảng và Nhà nước trong lãnh đạo và quản lý đất nước về nhiều mặt đang trực tiếp làm giảm uy tín của chế độ ta, cũng tức là làm giảm uy tín lý luận của chúng ta. Đương nhiên, nói như vậy không phải chúng ta cường điệu vai trò thực tiễn, coi thường lý luận, nhưng trong tình hình nước ta hiện nay, cả lý luận và thực tiễn đều cần phát triển, không phải nhấn mạnh, coi trọng cái này, coi nhẹ cái kia mà là phải kết hợp một cách biện chứng tư duy lý luận và hành động thực tiễn hơn bao giờ hết.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam có những điểm đặc thù, đặt ra nhiều vấn đề lý luận chưa từng có sẵn câu trả lời trong các tác phẩm kinh điển, nhiều vấn đề thực tiễn chưa có tiền lệ giải quyết. Một đất nước lạc hậu kiểu phương Đông đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản nhưng lại cần sự phát triển của kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa, cần kinh tế thị trường hiện đại để thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội nhanh hơn, mạnh hơn. Một đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội, sau thắng lợi triệt để của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ chống đế quốc, trải qua hai cuộc kháng chiến kế tiếp nhau trong ba mươi năm làm cho cách mạng xã hội chủ nghĩa Việt Nam vừa có nội dung giai cấp vừa có nội dung dân tộc, cuộc cách mạng sau thừa hưởng sức mạnh và truyền thống của cuộc cách mạng trước, đồng thời cũng phải giải quyết nhiều vấn đề phức tạp do điều kiện và hoàn cảnh cuộc cách mạng trước để lại. Một đất nước xây dựng chủ nghĩa xã hội khi hệ thống xã hội chủ nghĩa không còn, thế giới đang trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế, trong sự chi phối của các thế lực

tư bản tài chính hùng mạnh, sự cần thiết sinh tử phải hội nhập kinh tế khu vực, thế giới nhưng lại phải giữ được độc lập, tự chủ về kinh tế ...

Những điểm đặc thù đó làm cho quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình phát triển có nhiều mâu thuẫn, biểu hiện ra trên bề mặt các hiện tượng những nghịch lý khó cắt nghĩa theo tư duy lô-gíc thông thường. Đó là một thách thức to lớn đối với công tác lý luận của nước ta. Lý luận cần phải thuyết phục được toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta về sự đúng đắn của Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng, củng cố lòng tin có căn cứ khoa học vào khả năng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta, chứng minh rằng những điều tưởng như nghịch lý đó lại chính là quá trình vận động khách quan có tính quy luật của đất nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Làm rõ về mặt lý luận những thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta không giản đơn chút nào. Đúng là nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế thị trường, mở cửa với kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới thì không chỉ có mỗi con đường phát triển xã hội chủ nghĩa mà còn con đường phát triển tư bản chủ nghĩa một cách tự phát, một sự tự phát đáng sợ, độc lập với ý muốn và lực lượng của chúng ta. Để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa khắc phục nguy cơ tụt hậu, chúng ta không có cách nào khác phải hội nhập kinh tế thế giới. Thế nhưng, trong một thế giới toàn cầu hóa như hiện nay, liệu chúng ta sẽ giữ được nền độc lập tự chủ về kinh tế và chính trị hay sẽ trở thành một nước phụ thuộc dưới những hình thức mới ? Xây dựng chủ nghĩa xã hội đi từ một nước lạc hậu trong một quá trình lịch sử không ngắn, chúng ta nhất thiết phải dựa vào một nhà nước mạnh. Không có nhà nước đủ mạnh chúng ta sẽ khó đạt được mục tiêu đề ra.

Chúng ta tuyên bố rằng chúng ta là những người theo chủ nghĩa nhà nước (étatisme). Đương nhiên, đó là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của dân, do dân, vì dân ; thống nhất giữa bản chất giai cấp với tính nhân dân và dân tộc ; nhà nước mà chuyên chính giai cấp đồng thời là chuyên chính của nhân dân. Thế nhưng, ở một đất nước mà lẽ thói phong kiến, gia trưởng còn nặng như nước ta, liệu chúng ta có thắng được sự suy thoái từ bên trong cùng với tệ tham nhũng, quan liêu mà các nước xã hội chủ nghĩa có trình độ phát triển hơn ta đã phạm phải hay không ? Liệu một nền dân chủ do một đảng lãnh đạo có thực sự trở thành dân chủ xã hội chủ nghĩa hay không ? Thêm nữa, ở một đất nước như nước ta, nơi người dân quen sống theo tình và theo lệ, không quen sống theo luật, lại buông lỏng quản lý trong một thời gian dài, liệu chúng ta có lập được một trật tự kỷ cương mới hay không, hay là chúng ta sẽ bị tình trạng vô chính phủ nhấn chìm ? v.v.. và v.v..

Những vấn đề đó và nhiều vấn đề khác nữa đòi hỏi lý luận phải trả lời một cách rõ ràng, tạo ra sự thống nhất ý chí trong nhận thức và hành động. Lý luận phải chứng minh bản chất của các quá trình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở nước ta, chứng minh các khả năng phát triển và vai trò của tính năng động chủ quan có căn cứ khoa học của con người Việt Nam. Chúng ta đã nhận biết và đã phê phán sai lầm chủ quan duy ý chí trong quá khứ. Thế nhưng, nếu chúng ta lại quên mất rằng chính trị là nghệ thuật của cái có thể, rằng quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta càng là nghệ thuật của cái có thể và nếu trong hoạt động thực tiễn ngày nay, không dám quyết đoán và không biết quyết đoán thì cũng sẽ sai lầm.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong những điều kiện đặc thù ở nước ta đặt ra

những thách thức đồng thời cũng là mảnh đất màu mỡ cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh phát triển mạnh mẽ. Chúng ta tin một cách có cơ sở rằng, từ mảnh đất đó sẽ nảy sinh một lý luận sâu sắc và phong phú về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ; trước hết phục vụ thực tiễn công cuộc xây dựng ấy ; đồng thời sẽ đóng góp xứng đáng vào kho tàng lý luận Mác - Lê-nin thế giới bằng mô hình đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước lạc hậu phương Đông.

3- Chưa bao giờ công tác tư tưởng và công tác lý luận của Đảng lại gắn bó khăng khít với nhau như hiện nay, đặt ra những yêu cầu có phần mâu thuẫn mà chúng ta phải biết giải quyết. Nghiên cứu phát triển lý luận phải có môi trường khoa học, tự do tư tưởng, dân chủ tranh luận, không có vấn đề thiếu sót phục tùng đa số mà chỉ có vấn đề chân lý chiến thắng sai lầm bằng chứng minh khoa học. Tiến hành công tác tư tưởng, lý luận để tạo sự thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng và trong toàn xã hội. Ngày nay, sự thống nhất ý chí và hành động so với trước đây phải có các luận điểm có tính thuyết phục cao, hợp tình, hợp lý, hòa quyện giữa ý Đảng, lòng dân làm một. Đương nhiên, quá trình làm công tác tư tưởng, lý luận cũng phải dân chủ thảo luận, không áp đặt chủ quan. Tổ chức đảng và những người làm công tác tư tưởng cần phải đưa ra quan điểm lý luận thống nhất, ở mức độ, phạm vi phù hợp với từng thời điểm, từng loại đối tượng tạo sự ổn định, có lợi nhất cho Đảng, cho dân. Các tổ chức đảng, những người làm tư tưởng, lý luận cần có ý thức phân biệt, có thái độ ứng xử phù hợp hoạt động nghiên cứu lý luận và trong chỉ đạo hành động của quần chúng.

Vai trò quan trọng của sự phát triển lý luận ngày nay đòi hỏi Đảng ta phải đào tạo bồi

dưỡng một đội ngũ cán bộ tư tưởng, lý luận có năng lực, nhất là đội ngũ có trình độ cao, có khả năng phát hiện và sáng tạo. Trong khuôn khổ những lực lượng hiện có, cần tổ chức và phối hợp hợp lý hơn để tạo ra tiềm năng và hiệu quả hoạt động mới. Lý luận Mác - Lê-nin rất cần sự phát triển và những thành tựu của các khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, đồng thời cần sự phát triển của một lực lượng các nhà khoa học chuyên sâu, nghiên cứu những vấn đề lý luận trực tiếp làm căn cứ hoạch định đường lối của Đảng. Chúng ta cần đổi mới tổ chức và hoạt động như thế nào để kết hợp được sự phát triển theo chiều rộng và theo chiều sâu, kết hợp được nghiên cứu cơ bản dài hạn với nghiên cứu cấp bách ngắn hạn, huy động được một cách tập trung mọi trí tuệ khoa học vào việc trả lời những vấn đề lý luận còn chưa rõ mà sự lãnh đạo của Đảng, của thực tiễn cuộc sống cần làm rõ.

Bản chất lý luận Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là cách mạng và sáng tạo. Từ dòng sữa thực tiễn tuôn chảy không ngừng, lý luận đó được nuôi sống phát triển đi đến những khái quát mới ngày càng phong phú hơn, có thể đi đến cả sự phủ định những kết luận cũ nếu những kết luận đó không còn phù hợp với thực tiễn mới. Chủ nghĩa giáo điều, lè thối kinh viện, sự xơ cứng trong tư duy lý luận là trái với bản chất đó của lý luận Mác - Lê-nin, làm cho nó cùn mòn và khô héo đi. Thế nhưng, để sáng tạo ra những giá trị mới chúng ta phải xuất phát từ những giá trị cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin cho đến nay vẫn là những chân lý khách quan không thể bác bỏ được. Chỉ có dựa hẳn vào phương pháp luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chúng ta mới mong đi đúng hướng và có những cái mới, dù là nhỏ bé đóng góp vào kho tàng lý luận chung. □

I. ĐIỂM MỚI VỀ HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP.

Xác định vị trí, vai trò của hợp tác xã trong giai đoạn mới, Văn kiện Đại hội IX chỉ rõ : "Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần... ; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân"⁽¹⁾ và "kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Các hợp tác xã dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn"⁽²⁾.

Cụ thể hóa thêm một bước đường lối của Đảng ta trong việc đưa nông nghiệp, nông thôn phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) đã đề ra những quyết sách quan trọng, khẳng định thành phần kinh tế tập thể trong nền kinh tế nhiều thành phần ; mở ra phương hướng, nội dung đổi mới HTX nông nghiệp trong nền kinh tế nhiều thành phần và trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

II. TÌNH HÌNH ĐỔI MỚI HTX VÀ SỰ XUẤT HIỆN HTX NÔNG NGHIỆP THEO MÔ HÌNH ĐỔI MỚI.

Từ khi thực hiện đổi mới đến nay, mô hình HTX đổi mới như thế nào chưa được khẳng định rõ. Trong khi đó, ở cơ sở đã xuất hiện không ít HTX với mức độ khác nhau đã phát triển theo hướng như Nghị quyết Đại hội IX đã đề ra. Như vậy, không những cần mà đã có điều kiện thuận lợi cho

Một số vấn đề về phát triển HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

LÊ BÌNH LŨY

việc làm rõ mô hình HTX đổi mới, giúp nông dân thoát khỏi thời kỳ mò mẫm tự làm; giúp cho các hình thức hợp tác và các HTX hiện có nhận thức rõ hướng đi ; giúp cho việc xây dựng HTX nâng bước phát triển cao hơn.

Theo báo cáo của Ban Kinh tế Trung ương, năm 1987 (khi thực hiện Chỉ thị 100), có 17 000 HTX. Trước năm 1990, HTX vẫn giữ nguyên theo mô hình cũ ; ruộng đất và lao động chủ yếu vẫn thuộc về sở hữu tập thể, chưa giao lại cho xã viên ; tổ chức quản lý và chế độ quản lý nội bộ HTX vẫn theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung. Việc đổi mới lúc này mới diễn ra trong chế độ khoán thuộc phạm vi nội bộ. Từ năm 1990, sau khi thực hiện NQTW10 về giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ xã viên và chuyển hộ xã viên thành đơn vị kinh tế tự chủ, thì các HTX cũ khoán theo Chỉ thị 100 đứng trước hai hướng phải lựa chọn : hoặc là chỉ dựa vào HTX cũ để đổi mới, hoặc là giải thể HTX cũ để làm lại từ đầu. Đến năm 2000, tồn tại 9 000 HTX đi theo con đường

(1) và (2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, 2001, tr 95, 96 và 98

chuyển đổi ; còn 8 000 HTX đã đi theo con đường giải thể để làm lại từ đầu. Tình hình cụ thể như sau :

1. Những HTX cũ đi theo con đường chuyển đổi.

Khi thực hiện NQTW10 về giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ xã viên, chuyển hộ xã viên thành đơn vị kinh tế tự chủ, thì HTX theo mô hình tập thể hóa ruộng đất và lao động đã bị xóa bỏ. Hợp tác xã nào muốn tồn tại đều chuyển sang làm dịch vụ cho hộ xã viên. Tổ chức quản lý, chế độ quản lý nội bộ đã bắt đầu phải thay đổi để tiếp cận với cơ chế thị trường ; và ngay từ lúc ấy, **HTX về bản chất đã thuộc về mô hình HTX đổi mới.** Sau khi đã chuyển đổi, những HTX dịch vụ này phân chia thành 2 loại có trình độ khác nhau :

Loại ở trình độ thấp, thực hiện dịch vụ cho hộ xã viên tự chủ một cách giản đơn, không tham gia quá trình điều hành sản xuất, tùy từng hộ chủ động tự làm theo kiểu sản xuất phân tán và quy mô nhỏ hẹp. Loại HTX này tuy giữ được một số vốn và cơ sở vật chất - kỹ thuật thuộc sở hữu tập thể, nhưng bộ máy và năng lực điều hành yếu, gần như dừng lại ở tái sản xuất giản đơn, không có khả năng tích lũy, hiệu quả dịch vụ cho kinh tế hộ thấp, kinh tế tập thể không có điều kiện trở thành ưu thế.

Loại ở trình độ cao hơn, vẫn gọi là HTX dịch vụ, nhưng ban quản lý phát huy được hiệu lực điều hành sản xuất tập trung ở một số lĩnh vực, chủ yếu là thâm canh lúa. Số vốn và cơ sở vật chất kỹ thuật thuộc sở hữu tập thể từ HTX cũ chuyển sang không những được duy trì mà còn có phần tăng thêm. Những nơi làm khá, HTX đã bước đầu mở rộng sản xuất - kinh doanh trên nhiều lĩnh vực khác ngoài cây lúa. Việc

dịch vụ cho kinh tế hộ gia đình xã viên đạt hiệu quả tốt hơn. Nhìn chung, những HTX đi theo hướng này tuy mới qua bước đầu chuyển đổi, nhưng đã trở thành loại hình làm tốt hơn các loại hình khác.

Từ năm 1996, thực hiện đăng ký theo Luật HTX, những HTX cũ đã chuyển sang HTX dịch vụ, nay đã thực hiện tiếp một số công việc như : kiểm kê xác định vốn, quỹ, tài sản thuộc sở hữu tập thể ; qui định mức góp cổ phần và đăng ký lại xã viên ; chuyển sang chế độ khoán vốn, chế độ kinh doanh dịch vụ nội bộ và kinh doanh theo lãi suất thị trường ; kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý, gọn nhẹ bộ máy ; chuyển dần từ HTX dịch vụ sang thành HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp ... Do làm được các nội dung về tổ chức quản lý, chế độ quản lý nội bộ mà trước đây chưa làm đầy đủ, nên các HTX cũ đã chuyển thành HTX dịch vụ này đã hoàn thành những việc cần chuyển đổi tiếp để **thực sự trở thành HTX đổi mới.**

Như vậy, quá trình chuyển đổi được tiến hành theo hai bước : bước thứ nhất chủ yếu là chuyển đổi về sở hữu để hộ xã viên thành đơn vị tự chủ, HTX thành tổ chức dịch vụ ; bước thứ hai là giải quyết nốt những nội dung về tổ chức quản lý, chế độ quản lý nội bộ để HTX phù hợp với cơ chế thị trường và để xã viên phát huy được vai trò làm chủ.

Những HTX cũ kiên trì thực hiện hai bước chuyển đổi đều là những HTX đi đúng hướng và đã thành công trong việc chuyển sang HTX đổi mới. Hầu hết số HTX khá và tiên tiến ở các tỉnh, các vùng hiện nay là thuộc loại hình HTX cũ chuyển sang đổi mới. Số HTX được tặng danh hiệu anh hùng như Duy Sơn 2 (Quảng Nam), Xuân Phương (Nam Định)... thuộc loại hình HTX cũ chuyển sang đổi mới.

2. Những HTX cũ đi theo con đường giải thể để làm lại từ đầu.

Thực tế cho thấy nhiều nơi chưa thực hiện ; có nơi bắt đầu từ hình thức thấp là tổ hợp tác sản xuất ; một số nơi triển khai xây dựng ngay HTX mới.

Hiện có 46 000 tổ hợp tác sản xuất trong nông nghiệp, gồm 3 loại trình độ khác nhau. Thấp nhất là tự liên kết, hợp tác với nhau bằng lao động giản đơn ; cao hơn là có người chủ trì điều hành lao động trong tổ ; cao hơn nữa là một số tổ viên góp vốn mua sắm máy móc, phương tiện để sử dụng chung. Hiện nay, các hộ kinh tế gia đình tự chủ hoặc trang trại gia đình đang đứng trước đòi hỏi phải tiến lên sản xuất tập trung để có khối lượng hàng hóa lớn, chất lượng cao, tiêu thụ sản phẩm có lợi, bởi vì hiệu quả tác động của tổ hợp tác đến hộ gia đình và trang trại gia đình là quá thấp. Nếu coi đây là hình thức ban đầu theo cách làm từ thấp đến cao thì không nên dừng lại lâu ở hình thức tổ hợp tác, mà nên sớm chuyển lên thành HTX.

Số HTX mới xây dựng hiện có 1 400 ; nhìn chung, đều là hợp tác xã dịch vụ, gồm 2 loại : HTX dịch vụ chuyên khâu và HTX dịch vụ chuyên ngành. Trong đó, phần đông thuộc sở hữu tập thể của người lao động và một số ít thuộc sở hữu tập thể của tiểu chủ. **Hợp tác xã dịch vụ chuyên khâu**, thường gồm một số ít xã viên góp vốn nhiều hơn để mua sắm phương tiện chung và góp sức lao động để cùng làm một hoặc vài khâu dịch vụ như thủy nông, làm đất ... Đông đảo xã viên thuộc HTX cũ khi giải thể không còn là xã viên của HTX mới, mà chỉ là đối tượng ký hợp đồng nhận dịch vụ của HTX mới. **Hợp tác xã dịch vụ chuyên ngành** như trồng lúa, trồng mía, nuôi lợn, nuôi bò sữa v.v..., thường làm dịch vụ nhiều khâu

một cách tổng hợp theo ngành, từ một ngành mở rộng với nhiều ngành. Xã viên tham gia tự nguyện bằng góp cổ phần, phần đông là các hộ gia đình trên một địa bàn dân cư trong thôn, ấp, xã. Những HTX khá và tiên tiến đã bước đầu có vốn quỹ, tài sản, cơ sở vật chất kỹ thuật thuộc sở hữu tập thể ; có hợp đồng với xã viên để thực hiện sản xuất tập trung, quản lý thống nhất trên quy mô HTX ; bộ máy gọn nhẹ, điều hành năng động để vừa làm tốt việc dịch vụ cho các hộ gia đình xã viên tự chủ, vừa bước đầu mở rộng sản xuất kinh doanh thu lợi về cho HTX.

Tuy con đường thực hiện, kết quả đạt được có mức độ và trình độ khác nhau, nhưng nội dung và mô hình HTX đổi mới đều theo hướng như nhau.

3. Những điểm giống nhau trong HTX đổi mới :

Về nội dung :

- HTX đổi mới nào cũng là HTX cổ phần, không tập thể hóa ruộng đất, lao động của xã viên, từng hộ xã viên vẫn là đơn vị kinh tế tự chủ. HTX được tổ chức theo địa bàn dân cư và bao gồm đại bộ phận xã viên trên địa bàn dân cư ấy tham gia.

- HTX đổi mới nào cũng phải tự lực phấn đấu để tăng vốn, tài sản, cơ sở vật chất - kỹ thuật thuộc sở hữu tập thể bằng con đường kinh doanh. Ban đầu kinh doanh dịch vụ trong nội bộ theo lối thấp, rồi dần dần mở rộng lĩnh vực sản xuất - kinh doanh dịch vụ để thu lãi từ thị trường.

- HTX khá và tiên tiến đều phát huy được vai trò điều hành, có hợp đồng giữa ban quản lý và hộ xã viên tự chủ, để đưa sản xuất phân tán theo hộ lên sản xuất tập trung theo qui mô HTX trên từng lĩnh vực. Ban đầu tập trung ở lĩnh vực sản xuất, tiến đến

đảm nhận việc bảo quản, vận chuyển, chế biến, tiêu thụ sản phẩm làm ra của các hộ xã viên.

- HTX đổi mới nào cũng có hệ thống tổ chức quản lý, chế độ quản lý nội bộ, đội ngũ cán bộ thích ứng với cơ chế thị trường và bảo đảm xã viên làm chủ.

Về mục tiêu phấn đấu :

- Dịch vụ tốt hơn và phát huy kinh tế hộ gia đình xã viên.

- Tăng thêm vốn quỹ, tài sản, cơ sở vật chất - kỹ thuật thuộc sở hữu tập thể.

- Đưa HTX và kinh tế hộ gia đình xã viên cùng tiến lên theo sản xuất tập trung hiện đại, mở rộng được sản xuất kinh doanh dịch vụ theo hướng tổng hợp đa ngành.

- Dựa vào phát triển kinh tế để nâng cao thu nhập đời sống cho xã viên và tham gia vào các vấn đề văn hóa, xã hội, xây dựng nông thôn mới.

Về dạng mô hình HTX đổi mới :

HTX vừa có sở hữu của các thành viên vừa có sở hữu tập thể, hoặc HTX vừa có kinh tế hộ gia đình xã viên vừa có kinh tế tập thể. Hay có thể nói một cách khác đó là mô hình HTX có hai tầng :

- Tầng dưới là hộ gia đình xã viên tự chủ, tồn tại lâu dài, vừa chủ động đảm nhiệm những mặt sản xuất phân tán theo hộ, vừa liên kết với HTX và dựa vào kinh tế tập thể để tiến dần lên theo sản xuất tập trung, hiện đại, vượt ra khỏi phạm vi nhỏ hẹp của từng hộ.

- Tầng trên là kinh tế tập thể của HTX, vừa dịch vụ cho tầng dưới vừa làm chỗ dựa và hợp lực với tầng dưới để mở rộng sản xuất - kinh doanh và đưa sản xuất kinh doanh lên trình độ tập trung, hiện đại, tạo thanh thế và lực mạnh hơn để cùng với kinh

tế hộ gia đình đứng vững và phát huy ưu thế trong kinh tế thị trường. Kinh tế tập thể càng phát triển thì tầng trên càng mạnh, HTX càng phát huy được ưu thế, kinh tế hộ xã viên càng có chỗ dựa tốt hơn.

Ngay khi thực hiện NQTW10 về giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ xã viên, đã có hai câu hỏi đặt ra : Một là, khi xã viên đã trở thành đơn vị kinh tế tự chủ, tồn tại lâu dài thì làm sao xây dựng được HTX đổi mới ? Hai là, HTX mà không tiến hành tập thể hóa ruộng đất, lao động của xã viên thì làm sao hình thành và phát triển được kinh tế tập thể ? Hai câu hỏi ấy luôn trăn trở trong những năm qua. Đến nay, dựa vào tổng kết sự chủ động và sáng tạo từ cơ sở và dựa vào Nghị quyết Đại hội IX, Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) soi sáng ; mô hình HTX đổi mới gồm 2 tầng chính là câu giải đáp rất thỏa đáng, phù hợp với yêu cầu quần chúng và phù hợp với nhiệm vụ cách mạng trong sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

III - HAI VẤN ĐỀ CẦN NHẬN THỨC VÀ XÁC ĐỊNH RÕ HIỆN NAY

1. Hợp tác xã nông nghiệp đổi mới, bước phát triển nối tiếp của kinh tế hộ gia đình tự chủ

Thành công trong việc tăng cường lực lượng sản xuất, phát triển sản xuất nông nghiệp từ đổi mới đến nay chủ yếu là dựa vào phát huy được động lực của kinh tế hộ gia đình tự chủ và trang trại gia đình. Một bộ phận là thuộc về nông trường quốc doanh và một số thuộc về trang trại qui mô lớn của chủ tư bản. Nói một cách khác, việc tăng cường lực lượng sản xuất, phát triển sản xuất chủ yếu thuộc về kinh tế cá thể, tư nhân. Kinh tế quốc doanh trong nông

ng nghiệp không lớn. Kinh tế tập thể gần như chưa đáng kể.

Vấn đề đặt ra không phải là không tiếp tục khuyến khích kinh tế hộ gia đình tự chủ chuyển lên thành trang trại, hoặc sơ phát triển tư bản. Mà vấn đề đặt ra là, trước sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi nông nghiệp, nông thôn phải sản xuất tập trung, hiện đại, quy mô lớn; nhưng bản thân kinh tế hộ gia đình tự chủ, dù cho có trở thành trang trại gia đình thì vẫn nằm trong phạm vi của sản xuất nhỏ, phân tán, không đáp ứng được yêu cầu của sản xuất tập trung hiện đại. Vậy con đường nào để kinh tế hộ gia đình tự chủ và trang trại gia đình có thể đi lên theo sản xuất tập trung, hiện đại, quy mô lớn?

Nói như trước đây, khi nền kinh tế có hai thành phần, thì nông dân cá thể chỉ có một con đường duy nhất là tham gia HTX. Còn bây giờ, trong nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường thì kinh tế hộ gia đình tự chủ có hai con đường để lựa chọn:

- Một con đường là phấn đấu để thành trang trại quy mô lớn, hiện đại hoặc quy mô vừa, hiện đại. Nếu quy mô lớn, hiện đại thì có đủ sức chủ động giải quyết được từ khâu đầu đến khâu cuối của quá trình sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu. Nếu là quy mô vừa, hiện đại thì phải dựa vào hệ thống của các nhà kinh doanh tư bản để giải quyết đầu vào, đầu ra và chịu sự chi phối của hệ thống kinh doanh ấy trong quá trình sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu. Đi theo con đường này, chỉ số ít hộ có nhiều vốn, mua thêm được nhiều diện tích, thuê mướn được nhiều lao động mới đạt tới thành công. Còn số đông các hộ sẽ không còn ruộng sẽ phải chuyển sang nghề khác hoặc chuyển thành người làm thuê.

- Một con đường là đông đảo các hộ kinh tế gia đình tự chủ hoặc trang trại gia đình liên kết hợp tác với nhau để xây dựng HTX theo mô hình đổi mới 2 tầng. Đi theo con đường này, kinh tế hộ xã viên tự chủ hay trang trại gia đình đều tồn tại và phát triển lâu dài. Do chung sức lại, nên HTX có quy mô diện tích lớn, lực lượng lao động nhiều, có khả năng phát triển, ngày càng tăng vốn, quỹ, tài sản và cơ sở vật chất - kỹ thuật thuộc sở hữu tập thể. Do kinh tế tập thể ngày càng tăng và do tổ chức được việc thực hiện sản xuất kinh doanh chung giữa tập thể và kinh tế hộ xã viên, nên HTX có điều kiện mới để mở rộng sản xuất kinh doanh, chuyển đổi được cơ cấu kinh tế, phân công được lao động, đưa sản xuất kinh doanh lên trình độ tập trung hiện đại. Như vậy, từ kinh tế hộ gia đình tự chủ chuyển lên thành trang trại gia đình rồi cùng nhau chung sức xây dựng HTX đổi mới, vẫn là sự phát triển cùng chiều. Nói một cách khác, HTX đổi mới trở thành bước phát triển nối tiếp của kinh tế hộ gia đình tự chủ và trang trại gia đình.

2. Hợp tác xã nông nghiệp - cơ sở của hệ thống tổ chức và quản lý nền nông nghiệp sản xuất lớn.

1. Nền nông nghiệp theo sản xuất nhỏ hay sản xuất lớn, TBCN hay XHCN thì cùng với đơn vị sản xuất - kinh doanh cơ sở đều có hệ thống tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý và chế độ quản lý tương ứng.

Trước đây, khi nền nông nghiệp với đơn vị cơ sở là HTXNN theo mô hình cũ thì vẫn có hệ thống tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý thích ứng theo hướng đi lên sản xuất lớn. Những việc như cung ứng vật tư, máy móc, nông cụ, vận chuyển tiêu thụ, bảo quản hoặc chế biến đều do các đơn vị quốc doanh

đảm nhận. Việc chỉ đạo hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, đào tạo cán bộ là thuộc cơ quan chức năng của chính quyền từ trung ương đến các cấp, có bộ máy và lực lượng cán bộ chuyên trách đảm nhận. Đồng thời, các cấp ủy đảng, các đoàn thể từ trung ương đến cơ sở đều phân công đồng chí lãnh đạo phụ trách, có bộ máy và cán bộ chuyên trách về nông nghiệp và HTX. Nhưng từ năm 1990 đến năm 1997, khi chưa thực hiện việc đăng ký HTX theo Luật, các HTX theo mô hình cũ không còn tư cách pháp nhân, dù đã chuyển thành HTX dịch vụ thì việc nhân danh HTX để vay ngân hàng, để hợp đồng giao dịch cũng gần như không được chấp nhận. Nhiều đơn vị quốc doanh ở tỉnh, huyện bảo đảm đầu vào, đầu ra cho HTX không còn. Số đơn vị quốc doanh còn lại thì chuyển sang dịch vụ cho hộ gia đình tự chủ. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không còn Ban quản lý HTX, việc chỉ đạo kỹ thuật trở thành hệ thống khuyến nông cho kinh tế hộ ... Sau khi bỏ hệ thống tổ chức và quản lý cũ, các hộ kinh tế gia đình tự chủ buộc phải trực tiếp liên hệ với thị trường tự do, đồng thời cũng chịu sự chi phối lũng đoạn của thị trường đó.

Do đơn vị cơ sở hiện nay thuộc sản xuất nhỏ, nên hệ thống tổ chức và quản lý nền nông nghiệp tương ứng với đơn vị cơ sở hiện nay cũng đang thuộc hệ thống tổ chức và quản lý của nền nông nghiệp nặng theo sản xuất nhỏ. Lực lượng tham gia hệ thống này chủ yếu là các hộ cá thể tư nhân, tư thương thuộc tiểu thương, tiểu chủ. Hầu hết các doanh nghiệp nhà nước bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cũng liên hệ với kinh tế hộ gia đình, trang trại gia đình qua thị trường tự do, giống như các nhà kinh doanh tư nhân khác.

Trước yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, đòi hỏi đơn vị sản xuất cơ sở phải phát triển sản xuất tập trung, hiện đại đồng thời cũng đòi hỏi hệ thống tổ chức và quản lý nền nông nghiệp phải phát triển sản xuất lớn, không thể dừng lại ở hệ thống sản xuất nhỏ. Nếu đơn vị cơ sở phát triển thành HTX theo CNXH, thì hệ thống tổ chức và quản lý nền nông nghiệp cũng phải phát triển sản xuất lớn XHCN. Vì vậy, cần coi trọng việc tổng kết, làm rõ hệ thống tổ chức và quản lý, chế độ quản lý nền nông nghiệp tương ứng với mô hình HTX đổi mới.

2. Các văn kiện của Đảng, khi nói về nền kinh tế nhiều thành phần theo CNXH đều nhấn mạnh sự gắn bó giữa nền kinh tế nhà nước với nền kinh tế tập thể. Vì nếu nó tách rời nhau thì chưa đủ để thành nền tảng. Việc xây dựng và hình thành hệ thống tổ chức và quản lý nền nông nghiệp theo sản xuất XHCN **cũng chính là quá trình xây dựng và phát huy ưu thế của doanh nghiệp nhà nước và HTX, với kinh tế hộ gia đình tự chủ và các thành phần kinh tế khác**. Sự liên kết ấy được thực hiện theo chiều dọc, chiều ngang, hay theo ngành theo vùng, theo địa bàn và nói chung trong nền nông nghiệp.

Yêu cầu của sự liên kết ấy là xuất phát từ yêu cầu của từng thành viên tham gia liên kết. Trên đây đã nói từng hộ gia đình tự chủ nếu không hợp lực lại với nhau để xây dựng thành HTX đổi mới thì không đủ tự mình để chuyển lên theo sản xuất tập trung. Nhưng khi **đã thành HTX đổi mới thì lại rất cần phải liên kết hợp tác với doanh nghiệp nhà nước** làm chế biến, xuất khẩu. Vì đến đây, quá trình sản xuất và từ sản xuất đến chế biến rồi tiêu thụ mới gắn bó được với nhau. Từ yêu cầu của tiêu thụ hay yêu cầu

chiếm lĩnh thị trường đặt ra yêu cầu cho sản xuất và chế biến. Từ sản xuất nguyên liệu theo quy hoạch, kế hoạch và công nghệ mới mà đáp ứng yêu cầu của chế biến nâng cao chất lượng và hiệu quả của chế biến, tiêu thụ. Đó là sự vận hành có tổ chức, có kế hoạch thông qua hệ thống các đơn vị có sự liên kết hợp tác với nhau trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi.

Doanh nghiệp nhà nước cũng có yêu cầu liên kết với HTX để bảo đảm nguyên liệu và nâng cao chất lượng nguyên liệu. Nơi mở đầu là Liên hiệp Xí nghiệp mía đường Lam Sơn. Ở đây, doanh nghiệp chế biến nhà nước trở thành trung tâm hỗ trợ xây dựng và liên kết với các HTX làm mía trên địa bàn 9 huyện. Tổng Công ty lương thực miền Nam, mở đầu là Công ty lương thực Long An tự mình công phu xây dựng và liên kết với một số HTX, giúp HTX nâng cao chất lượng thóc hàng hóa và dựa vào HTX làm đầu mối thu gom lương thực nhằm khắc phục tình trạng phải trải qua quá nhiều tầng nấc trung gian. Nông trường Sông Hậu với diện tích 7 000 ha có thể mạnh về sản xuất, bảo quản, chế biến xuất khẩu gạo có chất lượng cao ; có đủ lực và rất cần trở thành trung tâm giúp đỡ xây dựng và liên kết với các HTX thuộc huyện Ô Môn, để mở ra vùng sản xuất và xuất khẩu gạo có chất lượng cao trên địa bàn cả huyện.

Đồng thời cũng có yêu cầu **liên kết giữa các HTX với nhau** để hợp lực cùng nhau xây dựng cơ sở chế biến, nâng cao trình độ công nghệ, chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu. Những việc này nếu không có hợp lực, thì từng hộ kinh tế gia đình tự chủ không đủ lực, mà ngay từng HTX đổi mới với quy mô hiện nay cũng chưa thể làm được.

3. Gắn liền với quá trình xây dựng và hình thành hệ thống tổ chức nền nông nghiệp theo sản xuất lớn, đó là việc **xây dựng và hình thành hệ thống tổ chức quản lý, cùng với bộ máy quản lý nhà nước, các chính sách nhà nước**. Nói cho đúng hơn, việc này phải làm trước một bước để có chỗ dựa làm điểm và mở dần ra diện.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan có chức năng chính, có bộ máy chuyên trách việc xây dựng HTX nông nghiệp và các hình thức liên kết, liên doanh theo chiều dọc, chiều ngang trong nông nghiệp.

Chức năng của chính quyền **cấp tỉnh** là đảm bảo việc phát triển công nghiệp kết hợp chặt chẽ với phát triển nông nghiệp trên địa bàn.

Chức năng của chính quyền **cấp huyện** là trực tiếp hướng dẫn giúp đỡ xây dựng HTX, xây dựng các hệ thống liên kết, liên doanh theo sản xuất lớn, dựa theo quy hoạch trên địa bàn, theo sự phân vùng của tỉnh.

Chức năng của chính quyền **cấp xã** là bảo đảm nhiệm vụ quản lý hành chính, xã hội ... đồng thời, giúp đỡ xây dựng củng cố HTX, kết hợp với HTX để giúp đỡ kinh tế hộ gia đình tự chủ, khuyến khích các thành phần kinh tế khác cùng phát triển.

Trên đây là một số ý kiến ban đầu qua nghiên cứu về mô hình đổi mới HTX nông nghiệp ; về bước phát triển nối tiếp của kinh tế hộ gia đình tự chủ và trang trại gia đình ; về hệ thống tổ chức và quản lý nền nông nghiệp theo sản xuất lớn. Tuy nhiên, đây vẫn là vấn đề cần đi sâu nghiên cứu làm rõ cả về nhận thức lý luận và hoạt động thực tiễn hiện nay. □

LIÊN hoan phim Việt Nam (LHPVN) lần thứ XIII được tổ chức từ ngày 6 đến 9-12-2001 ở thành phố Vinh (Nghệ An) là hoạt động thường kỳ của Điện ảnh Việt Nam (ĐAVN) nhưng nó lại có giá trị như một bản tổng kết, một sự thẩm định giá trị nghệ thuật của các tác phẩm điện ảnh trong những năm cuối và đầu của thế kỷ, nhìn lại cả một chặng đường 15 năm của Điện ảnh Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Tham gia Liên hoan phim Việt Nam lần thứ XIII có tới 105 bộ phim cho cả 4 thể loại điện ảnh dự thi : 57 phim tài liệu - khoa học ; 14 phim hoạt hình ; 22 phim truyện vi-di-ô, 12 phim truyện nhựa.

Số đại biểu tham gia cũng chiếm kỷ lục so với các liên hoan phim lần trước. Các tác giả, nghệ sĩ, cán bộ quản lý, nghiệp vụ lên tới gần 500 người. Ngoài ra còn có các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền hình tham gia tuyên truyền và nhà hát nhạc - vũ - kịch Việt Nam phối hợp biểu diễn.

Đêm 6-12 dưới trời mưa lạnh, hàng ngàn người thành phố Vinh đã náo nức kéo đến Nhà văn hóa lao động để được gặp gỡ, ngắm nhìn các diễn viên, đạo diễn, các nghệ sĩ điện ảnh mà lâu nay họ từng yêu mến và ngưỡng mộ. Không chỉ trong Hội trường đông kín khán giả, mà cả không gian rộng lớn trước Nhà văn hóa lao động cũng chật ních người tham dự buổi lễ khai mạc LHPVN lần thứ XIII. Các ngã đường dẫn đến rạp lớn 12-9, Nhà hát dân ca, những nơi chiếu phim dự thi, nườm nượp người, xe, trên tay cầm những bó

hoa tươi thắm dành cho các nghệ sĩ và chưa bao giờ cả bốn thể loại phim Tài liệu, Hoạt hình, truyện Vi-di-ô, truyện nhựa đều đông kín người xem. Nhiều buổi người xem phải đứng, hoặc phải ngồi trên các bậc ra vào của các rạp chiếu phim. Cả thành phố Vinh bừng sáng trong đêm hoa đăng với những ánh mắt,

nụ cười rạng rỡ đón chào ngày hội của nghệ thuật thứ 7.

1 - MỘT VỤ MÙA BỘI THU.

Như những vụ mùa bội thu trong những năm gần đây ĐAVN luôn gặt hái được nhiều những thành công đồng đều ở các thể loại phim trong các Liên hoan phim quốc tế (LHPQT) ở khắp các châu lục - Nant, Fa-ku-o-ka, Bình Nhưỡng, Lô-các-nô,

Ami-ơ, châu Á - Thái Bình Dương, Bec-lin, Xin-ga-po, Bruc-xen, Bắc Kinh, Ha-oai... Với những giải thưởng cao về phim tài liệu "Trở về Ngư Thủy" (đạo diễn Lê Mạnh Thích) ; "Tiếng vĩ cầm ở Mỹ Lai" (đạo diễn Trần Văn Thủy) ; "Chị Năm Khùng" (đạo diễn Lại Văn Sinh) ; "Chốn quê" (đạo diễn Nguyễn Sĩ Trung) ; "Những nơi chiến tranh đi qua" (đạo diễn Vũ Lệ Mỹ). Đặc biệt bốn kỳ Liên hoan phim châu Á - Thái Bình Dương (1992 - 2001), phim tài liệu Việt Nam liên tiếp giữ vững ngôi vị cao nhất, đã trở thành một sự kiện trong lịch sử của LHPQT này. Phim truyện được coi như một thể loại có sức nặng nhất trong một nền điện ảnh, cũng chưa bao

ĐIỆN ẢNH - CUỘC CHUYỂN GIAO THẾ HỆ ĐẦU THẾ KỶ

HÁI NINH *

* Nghệ sĩ nhân dân, Hội Điện ảnh

giờ có một chùm hoa đặc sắc như vậy, đã đạt các giải thưởng cao quốc tế như các phim "Cỏ lau" (đạo diễn Vương Đức) ; "Cây Bạch đàn vô danh" (đạo diễn Nguyễn Thanh Vân) ; "Ai xuôi vạn lý" (đạo diễn Lê Hoàng) ; "Cuộc xe đêm" (đạo diễn Thạc Chuyên) ; "Mùa ổi" (đạo diễn Đặng Nhật Minh) ; "Đời cát" (đạo diễn Nguyễn Thanh Vân) ; "Bến không chồng" (đạo diễn Lưu Trọng Ninh) và lần đầu tiên một tác phẩm điện ảnh Việt Nam ra đời (Đời cát) đoạt liền 3 giải nhất. Đây là những nét nổi bật, đánh dấu một thời kỳ tài năng không chỉ nằm trong một vài cá nhân, mang tính cốt lõi, mà nhiều tài năng phát triển trong một đội ngũ nghệ sĩ trẻ.

Có thể nói hai thể loại phim tài liệu và phim truyện đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao vị thế và khẳng định vị trí của ĐAVN trong khu vực và trên thế giới trong những năm gần đây.

Điều quan trọng hơn, chùm phim Việt Nam được khẳng định ở các LHPQT đã phát huy ảnh hưởng trong các cuộc giao lưu văn hóa với các nước, và trên các diễn đàn điện ảnh thế giới - nhất là diễn đàn điện ảnh Béc-lin, làm thay đổi cách nhìn của người xem phim các nước bằng những thông tin mới nhất về hình ảnh đất nước, con người Việt Nam sau thời kỳ đổi mới, mở cửa, thấy rõ sự chuyển mình của cả một dân tộc, những thay đổi đáng kinh ngạc, sau một thế kỷ nghèo nàn, lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá liên miên đang được khôi phục, thấy rõ hướng đi của tương lai, dần dần hòa nhập vào cộng đồng quốc tế.

Trong nhiều kỳ LHPVN không có đầy đủ các thể loại phim, khoảng cách về chất lượng nghệ thuật khá rõ, phim hoạt hình và phim truyện Vi-di-ô không có giải cao. Trong LHPVN lần này phim hoạt hình và phim truyện Vi-di-ô đều có giải vàng, giải bạc, góp phần vào sự thành công trọn vẹn của ngày hội điện ảnh.

Quyết định giải thưởng của các BGK đã khẳng định sự thành công của LHPVN lần thứ XIII :

- Phim truyện - Bông sen vàng (đồng giải) : Đời cát (đạo diễn Nguyễn Thanh Vân) ; Mùa ổi (đạo diễn Đặng Nhật Minh).

- Phim tài liệu - Bông sen vàng (đồng giải) : Chị Năm Khùng (đạo diễn Lại Văn Sinh) ; Di chúc của những oan hồn (đạo diễn Văn Lê).

- Phim hoạt hình - Bông sen vàng (đồng giải) : Xe đạp (đạo diễn Phương Hoa) ; Sự tích cái nhà sàn (đạo diễn Hà Bắc).

- Phim truyện truyền hình - Bông sen vàng cho phim : Ba lẻ một, của đạo diễn Khải Hưng.

Sự thành công của LHPVN - XIII không chỉ ở giải tác phẩm mà còn khẳng định một cách rõ ràng về tài năng cá nhân.

Các đạo diễn Nguyễn Thanh Vân, Lại Văn Sinh, Phương Hoa, nhà biên kịch Nguyễn Quang Lập, các nhà quay phim Lý Thái Dũng, Vũ Đức Tùng, nhạc sĩ Hữu Phúc, các diễn viên chính Bùi Bài Bình, Hồng Ánh và hai diễn viên nhí (vai phụ) Lan Hà, Thanh Phương đều được BGK trao giải cá nhân xuất sắc.

Một hiện tượng hiếm thấy trong các LHPVN là một tổ chức quốc tế - SIDA của Thụy Điển - trao giải nghệ sĩ trẻ xuất sắc nhất cho nữ đạo diễn Huệ Giang (Thung lũng hoang vắng) và diễn viên Chí Hường.

2 - NHỮNG NÉT MỚI TRONG SÁNG TẠO.

Trong LHPVN lần thứ XIII, phim tài liệu đã có những sự chuyển biến đáng khích lệ. Trong 57 phim tài liệu dự thi đã đem lại cho người xem những hình ảnh đất nước, con người còn đầy rẫy khó khăn, nhưng đã bắt đầu "thay da đổi thịt", đem lại lòng tin cho mọi người. Đặc biệt trong các phim đoạt giải cao, bên cạnh những phim chiến tranh như "Chị Năm Khùng", "Cuộc không chiến lịch sử"..., ta thấy nổi lên những tác phẩm đề cập tới những đề tài xã hội đương đại như "Cao nguyên đá",

"Chốn quê" hay những vấn đề được đặt ra mang tính thời đại, vượt ra ngoài biên giới một quốc gia như phim "Di chúc của một linh hồn".

Trong bốn phim tài liệu liên tiếp đoạt giải nhất LHP châu Á - Thái Bình Dương thì phim "Chốn quê" đã thoát ra khỏi đề tài quá khứ, đối mặt với xã hội đương đại. Những thông tin mới không những là yêu cầu của người xem phim Việt Nam, mà các cộng đồng quốc tế cũng rất quan tâm. Đáng tiếc là một tác phẩm đoạt giải lớn trong khu vực lại bị đánh giá thấp ở sân nhà - Giải đặc biệt của BGK.

Trong nhiều kỳ LHP quốc gia và quốc tế người xem thấy vắng tên tuổi các nhà làm phim tài liệu phía Nam. Bộ phim "Di chúc những oan hồn" đoạt giải vàng trong LHPVN lần thứ XIII đã tạo thế cân bằng giữa hai trung tâm điện ảnh lớn của quốc gia. Điều quan trọng hơn là người xem biết đến tác giả - đạo diễn Văn Lê. Với cái vốn 15 năm trong quân đội, Văn Lê đã có cách nhìn của mình về lịch sử, vừa suy tư với những số phận con người Việt Nam, nỗi đau của dân tộc trong chiến tranh, vừa khái quát được vết thương của một thời những kẻ theo đuôi Mỹ đem bom đạn gieo rắc xuống xứ sở này, bây giờ họ phải trả giá trong đời sống tâm linh, đúng hơn là sự sám hối của những kẻ đã gây ra tội ác cho nhân dân Việt Nam. Sự sâu sắc của tác phẩm chính là cái triết lý "nhân quả" muôn đời mà tác giả đã đề cập tới. Phạm trù về tội lỗi của bản "Di chúc những oan hồn" không "đóng khung" trong những kẻ trực tiếp gây ra tội ác, mà còn xoáy sâu vào đời sống tinh thần của các thế hệ con cháu của họ, trở thành một ám ảnh khôn nguôi. Vấn đề được phát hiện từ khi cô sinh viên Ku Su Jaeng (Hàn Quốc) đến nghiên cứu lịch sử cận đại Việt Nam, và cô đã tìm thấy những cuộc thảm sát vô cùng dã man do lính Đại Hàn trước đây gây ra ở miền Trung nước ta. "Đời cha ăn mặn đời con khát nước", cô sinh viên Ku Su Jaeng đã dũng cảm công bố

những tội ác mang tính hủy diệt loài người, đẩy lên một phong trào hãy "trả nợ máu" cho Việt Nam ngay trên đất nước mình.

Cũng tưởng "món nợ lương tâm" ấy đã bị bụi thời gian phủ mờ, nhưng thực ra nó vẫn ẩn náu trong đời sống tinh thần của một dân tộc, nhất là trong thế hệ trẻ.

Trong "Di chúc của những oan hồn", Văn Lê là người phán xử nghiêm khắc, nhưng lại có tấm lòng vị tha, đẩy mọi tội lỗi vào quá khứ để tạo ra một tương lai tươi sáng dần ở phía chân trời. Vì vậy, tác phẩm vừa hiện đại, vừa mang tính nhân văn sâu sắc.

Nếu trong nửa thế kỷ trước phim tài liệu Việt Nam đã phản ánh được hình ảnh con người Việt Nam với một ý chí chiến đấu kiên cường và bất khuất trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và giải phóng dân tộc, góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên phạm vi toàn cầu, thì ngay từ năm đầu của thế kỷ mới phim tài liệu Việt Nam lại đang làm cho người xem thấy rõ những phẩm chất mới của con người Việt Nam, giàu nghị lực, đầy lòng nhân ái, biết vượt qua số phận để xây dựng một đất nước hòa bình và phồn thịnh, hòa nhập vào cộng đồng quốc tế, xứng đáng với thể loại phim "mũi nhọn" của điện ảnh Việt Nam.

Đối với phim truyện, ở các LHPVN trước, để chọn phim, chọn người cho các giải cao, nhất là giải vàng là rất khó. Nhưng lần này giá trị các tác phẩm khá đồng đều đã làm BGK "đau đầu", phải tìm tới giải pháp "đồng giải" - "Đời cát", "Mùa ổi" đồng giải Bông sen vàng. Hai bộ phim đoạt giải Bông sen bạc là "Thung lũng hoang vắng" (nữ đạo diễn Huệ Giang). "Bên không chồng" (đạo diễn Lưu Trọng Ninh) và có tới ba phim được BGK tặng giải đặc biệt: "Vào Nam ra Bắc" (đạo diễn Phi Tiến Sơn); "Khoảnh khắc chiến tranh" (đạo diễn Trần Phi - quân đội); "Ba người đàn ông" (đạo diễn Trần Ngọc Phong). Cũng chưa có LHPVN nào các nghệ sĩ ở hầu hết các bộ môn

sáng tạo, biên kịch, đạo diễn, quay phim, diễn viên nam, nữ, nhạc sĩ, họa sĩ, và 2 diễn viên trẻ em đóng vai phụ đều đoạt giải cá nhân xuất sắc. Điều đáng vui mừng ở đây là các bộ phim và cá nhân đoạt giải đa phần là nghệ sĩ trẻ. Với những thành tựu nghệ thuật sau 15 năm đổi mới LHPVN - XIII được coi như cái mốc lịch sử của ĐAVN về sự chuyển giao thế hệ, và khẳng định một thế hệ điện ảnh trẻ Việt Nam.

Bên cạnh những ấn tượng tốt đẹp về một vụ mùa bội thu, báo chí cũng đã nói nhiều trong LHP Châu Á - Thái Bình Dương. LHPVN - XIII cũng là một dịp để đông đảo người xem phim được đánh giá, phân tích, cảm nhận một cách sâu sắc và toàn diện hơn về những bộ phim phản ánh về cuộc sống của họ.

Trong số phim truyện nhựa dự thi lần này đề tài khá phong phú, không những các tác giả khai thác về chiều sâu lịch sử, những đề tài đương đại, mà còn mở rộng không gian ra toàn cảnh đất nước. Có lẽ lần đầu tiên có những vấn đề mà trước đây đặt trong vùng "cấm" như cải cách ruộng đất, chính sách trưng dụng nhà cửa, những bi kịch của chiến tranh ... được đề cập tới trong các tác phẩm điện ảnh. Quả thật khi điện ảnh phản ánh cuộc sống và con người một cách sâu sắc bằng ngôn ngữ của mình, người xem được chứng kiến những gì xảy ra trên màn ảnh cả quá khứ, hiện tại và tương lai, thì mới thấy hết uy lực, vai trò của nghệ thuật thứ 7.

Trong "Chiếc chìa khóa vàng" từ một tình yêu trai gái, đạo diễn Lê Hoàng đã khái quát được những hy sinh mất mát của con người Việt Nam trong chiến tranh, dù đó chỉ là những giây phút hạnh phúc của vợ chồng trước lúc chia tay ra mặt trận.

Trong "Khoảnh khắc chiến tranh" người đạo diễn mặc áo lính Trần Phi lại phát hiện ra những nét đẹp thật dung dị, đầm chất trữ tình, những kỷ niệm mang đầy tính nhân văn trong tình bạn, tình yêu, tình cha con trên cùng một chiến tuyến như một thứ ánh sáng ban mai tinh

khuyết, huyền diệu, nhân bản, lóng lánh trong những khoảnh khắc chiến tranh, những giây phút mà cái sống, cái chết gần kề bên nhau, để nói lên động cơ và sức mạnh của người lính trong nhiệm vụ bảo vệ và giải phóng đất nước. Tuy trong "Vào Nam ra Bắc" đạo diễn Phi Tiến Sơn cố gây kịch tính bằng cách để cho nhân vật bộ đội của mình lợi ngược dòng bằng tình huống đào ngũ, song cũng chỉ là một phản đề mang tính gây căng, một thủ pháp nghệ nghiệp, trong quá trình phân tích cái đẹp của con người không phải lúc nào cũng phơi bày mà phải dụng công vun trồng, chắt lọc, gạn đục khơi trong, lúc ấy mới tìm được cái đẹp tiềm ẩn, trả lại cho con người vẻ đẹp vốn có song trong một hoàn cảnh nào đó bị ngộ nhận, phủ lấp.

"Bến không chồng" của đạo diễn Lưu Trọng Ninh, và "Đời cát" của đạo diễn Nguyễn Thanh Vân lại mô tả con người khi sang thời kỳ hậu chiến. Có thể coi "Bến không chồng" như một bi kịch cuộc đời của một con người sau chiến tranh. Nguyễn Văn, nhân vật chính trong phim trở về làng mình bằng tư thế của người lính chiến thắng. Đáng lẽ anh phải được sống trong hòa bình, hạnh phúc trong tình làng nghĩa xóm, nhưng anh lại phải sống trong một không khí nặng nề đổ vỡ, với những số phận dang dở, bi thảm, của những người vợ có chồng chết ngoài mặt trận, hay những cô gái khi gặp lại người yêu trở về hình hài không còn nguyên vẹn, tật nguyền, dị dạng... Phim "Đời cát" nói về ông Cảnh nhân vật chính trong phim cũng trở về làng, bom đạn của kẻ thù đã cướp đi những người thân của ông, cha mẹ, em út, bạn bè... Nhưng nỗi đau lớn nhất là chiến tranh và thời gian đã tàn phá cuộc đời của một con người, từ một cô gái xuân sắc thành một người già nua, tàn tạ, đây là bà Thoa - vợ ông - bao nhiêu năm xa cách vẫn một lòng chung thủy chờ chồng; và phải giải quyết thế nào khi ông đã "chết" có một người vợ hai ở xứ Bắc, vì ngộ nhận trước những tin thất thiệt trong thời chiến tranh.

Điều đáng mừng nữa là hai đạo diễn Lưu Trọng Ninh và Nguyễn Thanh Vân cả tuổi đời và tuổi nghề đang còn trẻ, nhưng đã gây được dấu ấn riêng về phong cách nghệ thuật. Các thủ pháp nghệ thuật của Lưu Trọng Ninh là gây nên những mâu thuẫn xung đột mang tính bạo liệt, mang màu sắc chính kịch, để từ đó phân tích cuộc sống, làm bộc lộ các tính cách nhân vật. Tác phẩm của Nguyễn Thanh Vân lại thiên về tự sự, mang màu sắc trữ tình, nhằm khai thác các chi tiết, các yếu tố tâm lý, gây nên những làn sóng xung đột ngầm trong thế giới nội tâm, nhưng không áp đặt trong cách giải quyết mà chỉ gợi mở. Cả hai phương pháp đều đem lại hiệu quả nghệ thuật, đều có độ sâu và đỉnh cao của nó. Vấn đề còn lại là cái tâm và tài năng của nghệ sĩ được người xem đánh giá và chấp nhận. Cũng là vấn đề lịch sử, nhưng "Mùa ổi" của đạo diễn Đặng Nhật Minh lại không nói về chiến tranh, mà phản ánh một giai đoạn ở thời kỳ đầu xây dựng chính quyền cách mạng. Hầu hết các đạo diễn phim truyện tham gia LHPVN lần này đều ở thế hệ thứ 4 của ĐAVN thì ông ở thế hệ thứ 3. Vì vậy, ông có nhiều vốn sống trong mảng đề tài quá khứ "Trở về", "Mùa đông năm 96", "Mùa ổi"... Giới chuyên nghiệp đánh giá khá cao về tay nghề của ông trong bộ phim "Mùa ổi"... Mọi người đều biết bộ phim được chuyển thể từ truyện ngắn "Ngôi nhà xưa" cũng chính ông là tác giả văn học. Trước đây vài năm nó còn thuộc loại đề tài "cấm kỵ", làm cho ông lặn lội một thời gian đi tìm nơi sản xuất. Sau khi bộ phim "Mùa ổi" ra đời đã gây được tiếng vang nhất định, trước tiên người ta thấy được bản lĩnh nghề nghiệp của đạo diễn, bằng những thủ pháp "tinh xảo" trong cách gài chuyện, gài người, gài sự kiện giữa quá khứ và hiện tại trong một cấu trúc tường tận mà chặt chẽ thâm thúy, đạo diễn Đặng Nhật Minh đã đem lại cho tác phẩm một sắc thái bi hài - hiện đại trong thể loại phim nghệ thuật ở LHPVN - XIII.

LHPVN lần thứ XIII còn đem lại một sắc thái mới cho ĐAVN là nhờ sự xuất hiện nhiều bộ phim làm về đề tài đương đại, chiếm gần một nửa số lượng phim dự thi. Các tác phẩm đã phản ánh hiện thực một cách đa dạng, đặt ra nhiều vấn đề trách nhiệm, phẩm chất và những thách thức mới trên các mặt trận nông nghiệp, lâm nghiệp, môi trường, thương nghiệp ... những mũi nhọn kinh tế trong giai đoạn thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Thông qua các tác phẩm các tác giả còn mở rộng không gian ra ba miền, cho người xem thấy rõ một toàn cảnh đất nước đang đổi thay từ rừng núi cao nguyên xuống đồng bằng và đô thị.

Nổi bật trong các phim làm về đề tài đương đại có hai phim "Ba người đàn ông" (đạo diễn Trần Ngọc Phong - Giải đặc biệt của BGK) và "Thung lũng hoang vắng" (đạo diễn Nhuệ Giang - Giải Bông sen bạc cho phim và 3 giải cho cá nhân xuất sắc).

Cuộc chuyển giao thế hệ điện ảnh đầu thế kỷ không dừng lại ý nghĩa của sự chuyển vận thời gian hay tuổi tác. Điều quan trọng là các nghệ sĩ trẻ vẫn tiếp nối truyền thống cha ông của mình, song họ đã tạo dựng được một chỗ đứng xứng đáng trong Điện ảnh đương đại Việt Nam bằng những tác phẩm có giá trị nghệ thuật, liên tiếp khẳng định mình trong các LHP quốc gia và quốc tế với những giải thưởng vàng, bạc.

Những sáng tạo nghệ thuật của lớp nghệ sĩ trẻ tham gia LHPVN lần này đã đem lại một luồng sinh khí mới, một sắc thái mới về nghệ thuật, với một trình độ nghề nghiệp vững vàng, những ý tưởng sáng tạo độc đáo, đặc biệt là cách nhìn mới mẻ về cuộc sống và con người Việt Nam. Với những thành tựu về nghệ thuật, kỹ thuật, sản xuất đã đạt được sau mười lăm năm đổi mới, LHPVN lần thứ XIII thực sự là một cái mốc lịch sử trong việc chuyển giao thế hệ của điện ảnh Việt Nam trong thế kỷ mới - thế kỷ XXI. □



HẢI DƯƠNG

phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

TRƯƠNG KIM SON *

TỈNH Hải Dương nằm ở đồng bằng Bắc Bộ, được tái lập từ năm 1997. Với dân số gần 1,7 triệu người (tính đến hết năm 2000), trong đó 86% sống ở nông thôn, 82,3% lao động toàn tỉnh là nông nghiệp, ít ai nghĩ rằng, đây là một tỉnh có trình độ phát triển công nghiệp khá. Hiện nay, Hải Dương là một trong mười tỉnh, thành phố trong cả nước có giá trị sản xuất công nghiệp lớn. Giai đoạn 1996 - 2000, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm đạt 8,6%, cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Công nghiệp của Hải Dương tăng trưởng bình quân 14,5%/năm, tương đương mức bình quân của cả khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc. Cơ cấu kinh tế hiện nay : nông nghiệp 35,5% ; công nghiệp 37,3% ; dịch vụ 27,4% (năm 1996 tỉ lệ này tương ứng là : 41,8 - 33,9 - 24,3). Riêng năm 2000 các sản phẩm công nghiệp chủ yếu, như : máy bơm nước các loại đạt 3 990 chiếc ; xi măng 2,09 triệu tấn ; lắp ráp ô tô 1 120 chiếc và 16,2 triệu sản phẩm công nghiệp khác ; điện thương phẩm đạt 1 828 triệu kWh ...

Có được điều đó là vì Hải Dương có những thuận lợi cơ bản. Chẳng hạn, theo

quy hoạch phát triển của cả nước, Hải Dương nằm trong tam giác kinh tế trọng điểm phía Bắc, có vị trí giao thông thuận lợi trên cả ba hệ thống : đường bộ, đường thủy và đường sắt, có quốc lộ 5 (cao tốc) nối liền Hà Nội - Hải Phòng đi qua, đường 183, và 8 799 km đường giao thông nông thôn khá tốt.

Tuy thế, nông nghiệp Hải Dương vẫn chiếm vị trí rất quan trọng, không những vì dân số và lao động nông nghiệp nông thôn quá lớn, mà cơ bản vẫn là do Hải Dương có rất nhiều tiềm năng và lợi thế về phát triển nông nghiệp. Hơn thế nữa, đường lối phát triển kinh tế của Đảng bộ tỉnh Hải Dương luôn quán triệt quan điểm chung của Đảng, coi phát triển nông nghiệp, nông thôn là điều kiện để bảo đảm sự phát triển các ngành kinh tế khác, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Có thể khái quát tiềm năng lợi thế phát triển nông nghiệp của Hải Dương, như sau :

Một là, khí hậu, thời tiết ở Hải Dương có nhiều lợi thế để phát triển một nền nông

* Ban kinh tế Tỉnh ủy Hải Dương

nghiệp đa dạng. Nếu theo quan niệm hiện đại thì khí hậu, thời tiết có thể được xem như là một yếu tố của lực lượng sản xuất trong nông nghiệp. Nó trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất và quyết định năng suất của vật nuôi, cây trồng. Khí hậu ở Hải Dương cơ bản là thuận lợi cho việc phát triển những loại vật nuôi, cây trồng có xuất xứ nhiệt đới, và ngay cả những loại cây có xuất xứ, ôn đới. Ngoài ra, việc vận dụng thời tiết khí hậu cũng là yếu tố rất quan trọng. Sở dĩ nông nghiệp được mùa liên tiếp trong những năm qua, một phần cũng là nhờ có cơ cấu mùa vụ, vật nuôi cây trồng hợp lý, tránh được những tác động xấu của thời tiết.

Tuy nhiên, với trình độ khoa học, kỹ thuật như hiện nay, khi chúng ta mới chỉ có thể lợi dụng các hiện tượng khí hậu thời tiết, làm tăng tính hữu ích cũng như giảm thiểu những thiệt hại mà chúng có thể gây ra, do đó hướng chủ yếu vẫn là chỉ đạo sản xuất dựa trên nền của các dự báo khí tượng, thủy văn. Trong khi đó, độ chính xác của các dự báo thời gian qua vẫn chưa cao, nhất là việc khẳng định thời điểm của các diễn biến thời tiết bất lợi cho sản xuất nông nghiệp trong khoảng thời gian cả vụ sản xuất.

Hai là, về khai thác sử dụng tài nguyên đất và nước. Trong số 1 648,3 km² diện tích tự nhiên của toàn tỉnh, có tới 89% là đồng bằng. Đất nông nghiệp của Hải Dương chiếm tới 58,52%, đất lâm nghiệp 7,31%, còn lại là các loại đất khác. Địa hình nghiêng dần từ tây - bắc xuống đông - nam. Phần lớn đất đồng bằng được kiến tạo bởi phù sa sông Thái Bình và sông Hồng nên độ màu mỡ khá cao. Tuy vậy, phía đông của tỉnh có nhiều đất trũng bị ảnh hưởng của thủy triều nên dễ bị nhiễm mặn. Đất ở đây rất thích hợp với việc trồng lúa. Mỗi vụ

có khoảng 72 000 ha lúa. Vụ đông trồng các loại rau màu khoảng 32 000 ha. Về cơ bản đất canh tác của tỉnh đã được quy hoạch và cải tạo nhiều trong những năm hợp tác hóa, như bằng các biện pháp thau chua rửa mặn diện tích có khả năng nhiễm mặn giảm nhiều, nay chỉ còn lại dưới 200 ha. Thực hiện Chương trình 773 đã cải tạo và đưa vào sử dụng 575 ha đất hoang hóa.

Sông ngòi tự nhiên của tỉnh có diện tích 11 055 ha. Có thể nói, nguồn nước ở đây khá dồi dào cho các hoạt động dân sinh và sản xuất nông nghiệp. Để khai thác sử dụng tài nguyên nước, Hải Dương có 368 km đê sông lớn, 34 tuyến đê kè và 222 cống dưới đê. Hệ thống tưới tiêu nội đồng khá hoàn chỉnh (bao gồm một phần của hệ thống thủy nông Bắc Hưng Hải) với 898 trạm bơm, 2 122 máy bơm các loại, tổng công suất 3 triệu m³/h. Hơn 4 614 km kênh mương nội đồng hiện nay đã chủ động tưới tiêu trong điều kiện bình thường của thời tiết (mưa không quá 200 mm, không có gió bão, nước sông lên cao và triều cường xảy ra cùng một lúc).

Ba là, trình độ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, thay thế lao động thủ công đạt khá. Trong những năm gần đây cùng với sự phát triển của kinh tế hộ, cơ giới hóa đã có bước phát triển mới. Toàn tỉnh có tới 1 554 máy kéo, trong đó 144 máy kéo lớn, 70 máy kéo trung bình và 1 340 máy kéo nhỏ. Ngoài ra, nông dân còn tự mua sắm nhiều công cụ cơ giới, như máy kéo loại nhỏ, máy bơm nước loại nhỏ, máy tuốt lúa gia đình, máy quạt thóc v.v.. Khâu làm đất được đánh giá là đã cơ giới hóa tới 50%, khâu vận chuyển đã được cơ giới hóa 60%, tuốt lúa 95%, xay xát thóc gạo 99%. Như vậy, các khâu có tính chất nặng nhọc về cơ bản đã được cơ giới hóa.

Bốn là, nhờ có công nghiệp phát triển khá mà cơ sở hạ tầng nông thôn tương đối phát triển. Do hệ thống đường quốc lộ và tỉnh lộ được nâng cấp trong những năm gần đây, nên ô tô đã có thể đi đến trung tâm của tất cả các xã. Điện khí hóa nông thôn cơ bản đã hoàn thành. 100% xã trong tỉnh có lưới điện quốc gia, 99% số hộ dùng điện, giá điện dân dụng bình quân khoảng 700 đ/kWh. 100% xã có máy điện thoại, số máy điện thoại bình quân 2,5 máy/100 người dân. Tất cả các xã được phủ sóng truyền thanh, truyền hình bằng đài phát của tỉnh và trung ương, có trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, trường lớp được xây dựng khá hoàn chỉnh.

Nông nghiệp của Hải Dương tăng trưởng bình quân 6,1%/năm cao hơn mức tăng trưởng của khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc (3,4%). Riêng năm 2000, giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 3 082,3 tỉ đồng (giá hiện hành năm 2000), trong cơ cấu nông nghiệp, trồng trọt chiếm 76,3% ; chăn nuôi 22% ; dịch vụ 1,7%. Năng suất lúa đạt 55,83 tạ/ha/vụ (năm 2000), sản lượng lương thực quy thóc 867 122 tấn. Cây ăn quả có 11 350 ha, trong đó vải thiều 7 463 ha, năm 2000 thu hoạch 23 000 tấn quả. Tổng đàn lợn 613 475 con, đàn trâu 56 927 con, đàn bò 37 896 con, gia cầm hơn 7 triệu con, diện tích nuôi cá có 6 100 ha, cho thu hoạch 12 530 tấn. Cơ cấu nông nghiệp đang chuyển dần theo hướng tích cực, tỉ trọng chăn nuôi, cây công nghiệp, cây ăn quả đều tăng, trong khi tỉ trọng cây lương thực giảm...

Nhờ những kết quả đã đạt được trong lĩnh vực phát triển kinh tế, đến nay tỉnh không còn hộ đói, số hộ nghèo giảm xuống chỉ còn 4% năm 2000 (chuẩn nghèo cũ) ; 98% số hộ có nhà xây kiên cố, nhà lợp ngói. Các nhu cầu ăn, ở, học hành, chữa

bệnh và hưởng thụ văn hóa của nhân dân ngày càng tốt hơn.

Tuy đã có một nền sản xuất nông nghiệp tương đối phát triển, có khả năng sản xuất các loại sản phẩm hàng hóa đáp ứng các yêu cầu tiêu thụ khác nhau của thị trường trong nước, khu vực và thế giới, nhưng trước những yêu cầu mới của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, và để khai thác tốt hơn nữa những tiềm năng và lợi thế của Hải Dương, vẫn có những vấn đề bức xúc đang đặt ra :

Vấn đề sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu và thuốc kích thích sinh trưởng trong trồng trọt và chăn nuôi khá rộng rãi. Từ nhiều năm nay, phân hóa học đã được sử dụng ở đồng ruộng Hải Dương. Lượng phân hóa học bình quân 100 kg/ha. Cơ cấu phân bón đã có sự điều chỉnh theo hướng giảm tỷ lệ đạm, tăng tỷ lệ phân lân và ka li. Đây là yếu tố để tăng năng suất cây trồng, song nếu không có sự hướng dẫn chu đáo, tư tưởng háo lợi sẽ dẫn đến việc làm sai quy trình, hủy hoại đất và làm tăng dư lượng chất hóa học trong sản phẩm hàng hóa.

Hiện nay, tỉnh đang hướng dẫn cho nông dân ứng dụng chương trình phòng trừ tổng hợp IPM, bảo đảm an toàn sinh thái, nông sản. Ngành chăn nuôi đã sử dụng rộng rãi thức ăn tổng hợp, thay đổi hoàn toàn cách chăn nuôi truyền thống chủ yếu dựa vào việc tận dụng các phế, phụ phẩm. Nhưng do nhiều nguyên nhân mà quá trình phổ biến các thành tựu mới về khoa học, kỹ thuật còn chậm, chưa sâu rộng.

Vấn đề dư thừa lao động trong nông nghiệp, nông thôn đang cản trở con đường tiến tới cơ giới hóa cao hơn nữa. Dân nông

thôn còn chiếm trên 4/5 dân số cả tỉnh, vào loại cao nhất trong cả nước. Tỷ lệ lao động biết chữ khá cao (99,5%). Song, cán bộ khoa học - kỹ thuật có trình độ cao đẳng trở lên ở khu vực nông thôn mới chỉ có 953 người (chiếm 0,07% dân số nông thôn), trong đó cán bộ khoa học - kỹ thuật nông nghiệp 471 người. Số lượng nông dân chưa qua đào tạo chính thức còn rất lớn. Trên thực tế, họ đã tự đào tạo qua hoạt động của hệ thống thông tin đại chúng, qua tổ chức khuyến nông, các chương trình hỗ trợ phát triển nông nghiệp của nhà nước và các tổ chức phi chính phủ...

Về cơ bản, nông dân Hải Dương đã nắm được các quy trình sản xuất, sử dụng các công nghệ mới sản xuất các sản phẩm mới, đã hình thành đội ngũ người lao động mới trong nông nghiệp, năng động và có khả năng thích ứng với kinh tế thị trường. Vấn đề đặt ra là nguồn lao động ở nông thôn còn rất lớn, nhưng mức độ sử dụng tiềm năng ấy còn thấp. Theo kết quả điều tra lao động, việc làm (năm 2000) thời gian lao động có việc làm ở nông thôn chỉ vào khoảng 77,9%, còn lại là nông nhàn.

Trước những vấn đề đó, trong thời gian tới Hải Dương tập trung vào mấy hướng tháo gỡ sau :

1. Thực hiện Chương trình hành động số 04 CTr/TU, ngày 04-5- 2001, theo đó, việc chuyển đổi ruộng đất từ ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn, kiên cố hóa 1 000 km kênh mương tưới, phát triển mạnh chăn nuôi thủy sản, đào tạo nghề, truyền nghề gắn với giải quyết việc làm... được đặc biệt chú ý, bảo đảm các nội dung theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Sử dụng các tiến bộ khoa học kỹ - thuật của công tác dự báo thời tiết để xác định lịch thời vụ ngày càng hợp lý hơn, tiến tới

chủ động "chung sống" với các điều kiện bất thường của thời tiết. Khai thác tài nguyên đất và nước theo hướng đất nào cây ấy, tôn trọng môi trường sinh thái tự nhiên, không làm thay đổi hiện trạng của đất nông nghiệp, coi đây là một thế mạnh của tỉnh trên con đường phát triển. Kết hợp xây dựng hệ thống thủy lợi khai thác nguồn nước với nuôi thủy sản, hiện đại hóa hệ thống trạm bơm, thay bơm trục ngang bằng bơm trục đứng, kết hợp nâng công suất. Không tăng hệ số tiêu ở những vùng trũng, trồng lúa khó khăn, mà để hình thành vùng nuôi trồng thủy sản.

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đặt hàng các đơn vị nghiên cứu cung cấp giống cây, con, tập trung vào các giống lúa lai, ngô, khoai, đậu tương, dưa chuột, cà chua, ớt, hành, tỏi và nấm ; tăng cường các giống lợn hướng nạc, gia cầm, thủy sản có năng suất và chất lượng cao. Xây dựng nền nông nghiệp sạch, ứng dụng ngày càng rộng rãi chương trình IPM. Xây dựng nhà máy phân vi sinh trong tỉnh. Tập trung đầu tư cho việc cơ giới hóa khâu làm đất, vận chuyển, bảo quản sau thu hoạch.

2. Tổ chức tốt thị trường cho nông nghiệp, nhất là thị trường đầu ra. Phát huy hơn nữa vai trò của khu vực kinh tế nhà nước. Phát huy thế mạnh của nông sản hàng hóa trong vùng kinh tế trọng điểm, từng bước mở rộng quy mô thị trường nông sản, tiếp cận với thị trường nước ngoài.

Vừa qua ở Hải Dương, kinh tế nhà nước chủ yếu làm nhiệm vụ cung ứng các điều kiện thiết yếu cho sản xuất nông nghiệp, như nước tưới, giống, phân bón ... Không có đơn vị nào trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp (trừ 2 doanh nghiệp nông - lâm - nghiệp). Thực tế là kinh tế nhà nước tập trung vào lĩnh vực đầu vào của các sản

phẩm nông nghiệp, tạo điều kiện cho kinh tế hộ sản xuất các sản phẩm đầu ra.

Thực hiện phương án sắp xếp lại và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, nhất là củng cố Công ty vật tư nông nghiệp và hệ thống quản lý kinh doanh thuốc trừ sâu, thuốc thú y. Nâng cao chất lượng các dịch vụ sản xuất nông nghiệp. Nâng cấp cơ sở sản xuất của Công ty chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu. Tạo điều kiện thuận lợi để các công ty nước ngoài trong lĩnh vực chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu mở rộng hoạt động, tăng cường tiêu thụ nông sản. Tổ chức lại hệ thống thương nghiệp quốc doanh theo hướng trở thành các trung tâm đại lý bán buôn các sản phẩm đã qua sơ chế, nhằm thúc đẩy sự phát triển của tiểu công nghiệp và ngành nghề. Dự báo thị trường nông sản, tập huấn kỹ năng hoạt động thị trường, đánh giá phẩm cấp, bảo đảm hàng hóa cho nông hộ và các thành phần kinh tế tham gia thị trường. Tập trung nghiên cứu thị trường tiêu thụ nông sản của các thành phố, khu công nghiệp trong vùng kinh tế động lực phía bắc, kết hợp với xu hướng tiêu thụ nông sản của thế giới, từ đó định ra các sản phẩm mũi nhọn của tỉnh.

3. Có biện pháp để khuyến khích và thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp. Ở Hải Dương, đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp đạt 32 triệu USD, chiếm tỷ lệ rất nhỏ (6,5%), song lại có tới 8 dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài, điều đó thể hiện các dự án đầu tư cho nông nghiệp là quá nhỏ bé so với công nghiệp và dịch vụ. Năm 2000 đã có 5 đơn vị hoạt động, trong đó 2 đơn vị đầu tư cho sản xuất trực tiếp đạt số lượng khá, 3 đơn vị chế biến nông sản thực phẩm mới ở bước đầu chuẩn bị khởi động. Trong tương lai các đơn vị này sẽ có đóng góp đáng kể vào việc tiêu thụ sản

phẩm nông nghiệp, vì đây là những đơn vị có vốn, có thị trường, máy móc công nghiệp hiện đại, sản phẩm có tính cạnh tranh cao. Tuy vậy, để tăng cường được mối quan hệ với các thành phần kinh tế khác, các đơn vị này còn phải chuẩn bị các điều kiện để hội nhập, trong đó vai trò hỗ trợ và quản lý của nhà nước là rất cần thiết.

4. Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế hợp tác xã (HTX). Từ khi có Luật Hợp tác xã, tỉnh đã chuyển đổi được 370 HTX/374 HTX (đạt 98,9%) và thành lập mới được 1 HTX. Chức năng và nhiệm vụ của HTX đã cơ bản thay đổi, từ trực tiếp điều hành và sản xuất sang cung ứng các dịch vụ, phục vụ sản xuất của các hộ nông dân. HTX kiểu mới đã bảo đảm các nguyên tắc cơ bản của hợp tác hóa là *tự nguyện, dân chủ, bình đẳng và cùng có lợi*, tự hạch toán và tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình, song vẫn bảo đảm phát huy sức mạnh của cộng đồng và tinh thần tương thân, tương ái trong nông thôn; giải quyết các vấn đề vốn, đầu tư và cả những vấn đề mang tính xã hội khác. HTX kiểu mới, tuy không trực tiếp nắm quyền sử dụng ruộng đất, nhưng nắm giữ quyền sử dụng đối với hệ thống cung cấp nước tưới, hệ thống điện, và là nơi để Nhà nước thực hiện các chính sách khuyến nông, xóa đói, giảm nghèo và các chính sách xã hội khác. Vì vậy, với tư cách là người cung ứng dịch vụ quan trọng nhất của sản xuất nông nghiệp đó là nước tưới, cùng với các hoạt động khác, HTX vẫn có vai trò chi phối đối với kinh tế hộ. Kinh tế hộ dù phát triển đến mức độ nào cũng vẫn phải song hành với kinh tế hợp tác. Điều này đã được khẳng định trong nhiều năm phát triển ở Hải Dương.

5. Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa quá trình đưa kinh tế hộ lên sản xuất hàng hóa. Việc

đưa hộ trở thành đơn vị kinh tế tự chủ và là nơi diễn ra các hoạt động sản xuất tạo ra sản phẩm nông nghiệp chính là điểm mấu chốt, quan trọng để hình thành sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, tạo nên sự phát triển vượt bậc của nông nghiệp Hải Dương thời gian qua. Kinh tế hộ với xuất phát điểm là tự cấp, tự túc đã nhanh chóng phát triển bảo đảm tiêu dùng cho mình và đã bắt đầu tạo ra sản phẩm hàng hóa ngày càng đa dạng hơn. Hộ nông dân ở Hải Dương ngày nay, với trình độ của lực lượng sản xuất hiện có, được cung cấp giống và hướng dẫn quy trình kỹ thuật tốt, họ có thể sản xuất được nhiều loại nông sản có sức cạnh tranh cao. Nhưng vì không có nơi tiêu thụ, nên họ không dám sản xuất. Điều đó có nghĩa là năng lực sản xuất đang bị kìm hãm bởi thị trường tiêu thụ. Bởi vậy, con đường để đưa hộ nông dân lên sản xuất hàng hóa, có sức cạnh tranh cao là con đường liên kết giữa nhà sản xuất với nhà tiêu thụ, nhà xuất khẩu bằng các hình thức kinh tế hỗn hợp.

6. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, giữ vững ổn định chính trị và an ninh xã hội ở nông thôn. Nhất là tìm các hình thức hữu hiệu, để tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng về kinh tế - xã hội. Coi trọng tuyên truyền, giáo dục và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng, pháp luật và các chính sách của Nhà nước. Kiện toàn bộ máy chính quyền cơ sở, nhất là cấp xã. Tăng cường phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quản lý, kiểm tra, kiểm sát các hoạt động kinh tế - xã hội, đặc biệt trong việc huy động sức dân xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn. □

TÌNH HÌNH TƯ TƯỞNG...

(Tiếp theo trang 29)

manh vật chất chỉ được tạo ra khi tinh thần, ý thức được giải phóng ; niềm tin vào chủ nghĩa xã hội chỉ được xây dựng và củng cố thông qua thực tiễn kinh tế - xã hội của từng địa phương, thông qua những tấm gương miệng nói, tay làm của cán bộ, đảng viên, thông qua những chủ trương, chính sách cụ thể hợp lòng dân - ý Đảng. Chủ trương đúng gắn với biện pháp đúng là cơ sở tập hợp, động viên được đông đảo nhân dân đoàn kết chung quanh Đảng, khơi dậy manh mẽ nguồn nội lực tại chỗ, tạo nên sức manh dồi non lấp biển.

- Kiện toàn và đổi mới các cơ quan làm công tác tư tưởng, lý luận trong đó đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tư tưởng, lý luận có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ nghiệp vụ, chuyên môn giỏi, có lòng tận tụy yêu nghề, có đạo đức tốt, có lối sống lành manh. Đây là một nghề tưởng như rất khô khan, nhưng thực sự sinh động, phong phú, nếu làm tốt sẽ có sức lay động hàng chục triệu con tim cùng nhịp đập với Đảng, với dân tộc ta trên hành trình đổi mới, tạo nên sức manh tinh thần to lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong việc thực hiện mục tiêu cao cả mà Đại hội IX của Đảng đã chỉ ra là đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng chậm phát triển, nhanh chóng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, sớm xây dựng nước ta về cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020. □

TỔNG công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị - Bộ Xây dựng tiền thân là Công ty phát triển nhà và đô thị (được thành lập cuối năm 1989). Thời gian không dài, nhưng chặng đường 12 năm qua đã ghi nhận sự phát triển vượt bậc của Tổng công ty. Từ chỗ ban đầu

chỉ phát triển những công trình nhỏ, lẻ, hoặc các công trình theo chỉ tiêu kế hoạch của nhà nước giao, giờ đây Tổng công ty đã vươn lên đảm nhận làm chủ đầu tư những dự án phát triển khu đô thị mới đồng bộ, có quy mô từ vài chục đến hàng trăm héc ta, với vốn đầu tư hàng trăm tỉ đồng. Tốc độ tăng trưởng hoạt động kinh doanh của Tổng công ty hàng năm đạt ở mức cao, liên tục trong nhiều năm liền. Những năm đầu thành lập với số vốn kinh doanh hơn 2 tỉ đồng, đến nay số vốn kinh doanh của Tổng công ty đã vượt hơn 700 tỉ đồng; chỉ tiêu nộp ngân sách và lợi nhuận năm sau đều cao hơn năm trước. Trong 12 năm qua Tổng công ty đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng 50 vạn m² sàn nhà ở và công trình các loại, trong đó có khoảng 46 vạn m² sàn nhà ở; riêng năm 2001, hoàn thành 12 vạn m², vượt 3 vạn m² so với chỉ tiêu UBND thành phố và Bộ Xây dựng giao.

Ra đời trong những năm Đảng và Nhà nước thực hiện đường lối đổi mới, lĩnh

Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (Bộ Xây dựng)

TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN THỦ ĐÔ

NGUYỄN HIỆP *

vực phát triển đô thị và nhà ở cũng từng bước được xã hội hóa. Mặc dù cơ chế, chính sách trong lĩnh vực đất đai, bất động sản chưa hoàn chỉnh, lĩnh vực đầu tư xây dựng gặp nhiều khó khăn, nhưng quán triệt quan điểm của Trung ương: Lấy phát triển để cải tạo, phát triển các khu đô thị mới theo các dự án đầu tư đồng bộ, hiện đại, xóa bao cấp về nhà ở, chuyển sang kinh doanh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Tổng công ty đã đầu tư phát triển kinh doanh nhà ở và hạ tầng đô thị theo dự án đồng bộ và kiên trì thực hiện định hướng đó. Thực tế đã chứng minh hoạt động của Tổng công ty là đúng đắn, nhiều công trình, dự án được thực hiện có hiệu quả như:

- Khu dân cư Giáp Bát, quận Hai Bà Trưng, quy mô 6,6 ha, tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 37 tỉ đồng,

* Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị thuộc Bộ Xây dựng

tổng diện tích sàn nhà ở và công trình công cộng 38 000 m², đã hoàn thành và bàn giao toàn bộ dự án cho các cơ quan chức năng của thành phố năm 1999.

- Khu nhà ở Bắc Linh Đàm (thuộc khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở hồ Linh Đàm), huyện Thanh Trì, quy mô 24 ha, tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng 143 tỉ đồng, tổng diện tích sàn nhà ở các loại 138 150 m², đáp ứng chỗ ở tiêu chuẩn cao cho 5 800 người ; đã đầu tư xây dựng toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội, đang xây dựng hoàn chỉnh các công trình nhà ở trong khu vực, dự kiến dự án được hoàn thành và bàn giao cho thành phố vào năm 2003.

- Khu nhà ở bán đảo hồ Linh Đàm (thuộc khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở hồ Linh Đàm), quy mô 35 ha, tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật 124,5 tỉ đồng, tổng diện tích sàn nhà ở 203 000 m², đáp ứng chỗ ở tiêu chuẩn cao cho 5 100 người ; đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đang xây dựng toàn bộ các công trình nhà ở cao tầng trong khu vực, dự kiến dự án được hoàn thành và bàn giao cho thành phố vào năm 2004.

- Khu đô thị mới Định Công (Thanh Trì) quy mô 35 ha, tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng 287 tỉ đồng, tổng diện tích sàn nhà ở 297 500 m², đáp ứng chỗ ở tiêu chuẩn cao cho 16 500 người ; đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đang triển khai xây dựng các công trình hạ tầng xã hội và các khối nhà ở cao tầng trong khu vực, dự kiến dự án được hoàn thành và bàn giao cho thành phố vào năm 2004.

Những dự án trên, Tổng công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và hiện đại theo quy hoạch được duyệt, trong đó hệ thống thoát nước thải và thoát nước mưa được tách riêng, các tuyến cáp điện và thông tin được đi ngầm, chỉ tiêu cây xanh đạt bình quân 6 m²/người. Đồng thời, Tổng công ty đang tập trung xây dựng nhà ở cao tầng theo quy hoạch nhằm đáp ứng một phần nhu cầu chỗ ở của nhân dân thủ đô. Năm 2000, Tổng công ty đã khởi công xây dựng 5 khối nhà ở cao tầng, trong đó 4 khối cao từ 9 đến 12 tầng, với 275 căn hộ tại khu đô thị mới Định Công và đã bàn giao cho khách hàng sử dụng từ ngày 1-9-2001, 1 khối 9 tầng với 112 căn hộ tại khu nhà ở Bắc Linh Đàm, tháng 12-2001 bàn giao đưa vào sử dụng. Năm 2001, Tổng công ty khởi công xây dựng tiếp 21 khối nhà ở cao từ 9 đến 15 tầng với 2 088 căn hộ tại khu đô thị mới Định Công và khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở hồ Linh Đàm. Hiện nay toàn bộ số căn hộ đã được khách hàng đăng ký và ký hợp đồng mua.

Những kết quả đạt được trên đây khẳng định sự phát triển của Tổng công ty đúng định hướng của Trung ương và chương trình phát triển nhà ở của thành phố, phát huy được vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước trong thị trường kinh doanh bất động sản. Những dự án khu đô thị mới do Tổng công ty thực hiện đang được triển khai không những ở Hà Nội, mà còn được các tỉnh, thành phố khác học tập để áp dụng. Mô hình phát triển nhà ở cao tầng do Tổng công ty khởi xướng đang được triển khai trên địa bàn thủ đô sau khi được đưa vào sử dụng đáp

ứng được yêu cầu của khách hàng, do đó đã xóa bỏ được tâm lý của nhân dân e ngại sống trong các chung cư tồn tại từ nhiều năm nay.

Ngoài các công trình và dự án đầu tư trong nước, Tổng công ty còn liên doanh với Nhật Bản đầu tư xây dựng hai dự án là công trình căn hộ cao cấp cho thuê JANA tại Giáp Bát và công trình V-Tower tại Voi Phục (Cầu Giấy) có tổng mức vốn đầu tư 30 triệu đô la Mỹ. Cả hai dự án này đều đã được đưa vào sử dụng, đóng góp cho thành phố hai công trình đẹp tại các cửa ngõ phía nam và phía tây của thủ đô.

Đạt được những thành tích trên là do Tổng công ty đã tranh thủ được sự chỉ đạo của các bộ, ngành của trung ương và thành phố Hà Nội; cố gắng nỗ lực, sáng tạo, kiên trì vượt mọi khó khăn của cán bộ, đảng viên trong Tổng công ty. Yếu tố quan trọng có tính chất quyết định thành công của các dự án phát triển các khu đô thị mới là Tổng công ty đã nắm vững quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển nhà ở và đô thị, vận dụng đúng đắn, linh hoạt các cơ chế, chính sách của Nhà nước cho từng dự án cụ thể, chú trọng phát triển nhà ở cao tầng để từng bước đáp ứng nhu cầu nhà ở cho nhân dân, đồng thời chú ý các dịch vụ đô thị để ổn định cuộc sống của người dân khi đến định cư, gắn trách nhiệm của Tổng công ty với công cuộc hiện đại hóa thủ đô, coi trọng sự phát triển của doanh nghiệp với sự nghiệp phát triển kinh tế địa phương.

Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án, Tổng công ty đã đề xuất nhiều

cơ chế và giải pháp để vượt qua mọi khó khăn trong phát triển đô thị và nhà ở. Đã thực hiện tốt công tác đền bù giải phóng mặt bằng, huy động vốn đầu tư, phát triển nhà ở cao tầng phục vụ những người có thu nhập trung bình và thu nhập thấp.

Qua các dự án đã triển khai thực hiện, Tổng công ty rút ra được những bài học kinh nghiệm quý :

- *Một là* : Các khu đô thị mới phải được thực hiện đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và xã hội theo tiêu chuẩn hiện đại. Yếu tố đồng bộ không chỉ là hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại như đường giao thông, các tuyến điện sinh hoạt, điện thoại chôn ngầm, hệ thống thoát nước mưa, nước bẩn tách riêng, mà cả các công trình hạ tầng xã hội như nhà trẻ, trường học, bệnh viện, khu thương mại, công viên vui chơi giải trí, văn hóa - thể thao, cây xanh v.v., bảo đảm phục vụ nhu cầu sinh hoạt ngày càng cao của nhân dân.

- *Hai là* : Giải quyết nhà ở cho nhân dân thủ đô theo mô hình xây dựng các khu nhà ở cao tầng có thiết kế hiện đại, giá thành hợp lý và có "chủ quản lý" thực sự. Mặc dù trong nhiều năm qua, tâm lý của người dân không muốn sống trong các căn hộ chung cư, việc kinh doanh căn hộ nhà ở cao tầng ít hiệu quả về mặt kinh tế, nhưng Tổng công ty vẫn xác định đây là một thị trường có nhu cầu rất lớn cần được quan tâm đúng mức để giải quyết vấn đề cấp bách hiện nay là đáp ứng chỗ ở cho nhân dân. Từ kết quả thu được qua việc tiêu thụ nhà ở 9 tầng đầu tiên tại khu Bắc Linh Đàm, Tổng công ty đang triển khai xây dựng đồng thời toàn bộ các khu

nhà ở cao tầng khác tại khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở hồ Linh Đàm, khu đô thị mới Định Công với hơn 2000 căn hộ. Các công trình nhà ở cao tầng này được chú trọng nghiên cứu thiết kế linh hoạt để giải quyết các vấn đề : bố trí căn hộ phù hợp với yêu cầu sử dụng của người dân, lắp đặt thang máy hiện đại, an toàn, giá bán hợp lý, tạo điều kiện để khách hàng có thể hoàn thiện các căn hộ theo ý muốn và khả năng tài chính của mình ...

- *Ba là* : Khắc phục tình trạng khó khăn trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng theo phương châm hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và ổn định đời sống cho các đối tượng giải phóng mặt bằng, phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền, vận động để người dân bị thu hồi đất nắm bắt được chế độ, chính sách trong đền bù giải phóng mặt bằng.

- *Bốn là* : Có biện pháp huy động vốn hiệu quả trên tinh thần phát huy nội lực, thực hiện dự án bằng các nguồn vốn huy động trong nước, trong đó vốn huy động từ nhân dân là chủ yếu. Việc thực hiện dự án khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở hồ Linh Đàm, Tổng công ty đã huy động nhiều nguồn vốn, trong đó có các nguồn vốn từ phát hành trái phiếu công trình (lần đầu tiên được Thủ tướng Chính phủ cho phép áp dụng) ; vay ưu đãi của Nhà nước ; một phần vốn từ tiền sử dụng đất chậm nộp để đầu tư xây dựng công trình hạ tầng xã hội và quan trọng nhất là nguồn vốn huy động từ khách hàng (chiếm khoảng 70% tổng mức đầu tư của dự án).

- *Năm là* : Trong kinh doanh, đặc biệt là kinh doanh bất động sản trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Tổng công ty luôn quán triệt quan điểm kết hợp kinh doanh với phục vụ, triển khai xây dựng nhà ở thấp tầng kết hợp với nhà ở cao tầng, hài hòa lợi ích của Nhà nước, lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của khách hàng, quan tâm đến các đối tượng là cán bộ, công nhân viên nhà nước.

- *Sáu là* : Sự tham gia phối hợp của các cơ quan quản lý chuyên ngành trong quá trình thực hiện các dự án phát triển khu đô thị mới cũng là một yếu tố hết sức quan trọng, nâng cao tính khả thi của dự án và bảo đảm việc bàn giao vận hành các hạng mục chuyên ngành sau khi hoàn thành. Trong các dự án khu đô thị mới có rất nhiều hạng mục công trình chuyên ngành như giao thông, cấp nước, thoát nước, cấp điện, bưu điện, nhà ở hoặc các loại dịch vụ đô thị, quản lý quy hoạch v.v.. đòi hỏi phải có sự tham gia đầu tư và phối hợp quản lý của các cấp, các ngành chức năng nhằm tạo điều kiện cho chủ đầu tư thực hiện tốt các dự án phát triển khu đô thị mới.

Qua những kết quả đã đạt được cũng như từ những bài học kinh nghiệm, trong thời gian tới Tổng công ty sẽ tiếp tục thực hiện tốt các dự án khu đô thị mới tiếp theo ở Pháp Vân - Tứ Hiệp (quy mô khoảng 50 ha), Mỹ Đình (II) (quy mô 24 ha) và tại xã Việt Hưng, huyện Gia Lâm (quy mô 214 ha) ... góp phần tích cực vào quá trình đô thị hóa thủ đô, làm cho Hà Nội ngày càng văn minh, hiện đại, trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. □



Hối lộ và biện pháp phòng ngừa

NGUYỄN NGỌC LỘC

HỐI LỘ là một kiểu dạng tham nhũng tinh vi. Điều I Pháp lệnh chống tham nhũng có ghi "Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ quyền hạn đó để tham ô, hối lộ, hoặc cố ý làm trái pháp luật vì động cơ vụ lợi, gây thiệt hại cho tài sản nhà nước, tập thể và cá nhân, xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức".

Hối lộ đang diễn ra ở phạm vi rộng, ở nhiều đối tượng, thuộc các ngành, các cấp, các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, luật pháp v.v... gây nhức nhối dư luận xã hội. Chủ thể nhận hối lộ cần tiền, người đưa hối lộ cần đạt ý muốn của mình, thế là có sự hối lộ cho nhau.

Người trước đi hối lộ được việc, những người khác làm theo, có nơi diễn

ra công khai thành phong trào, thói quen khó sửa. Xin nêu vài trường hợp :

- Trong ngành giáo dục - đào tạo tình trạng hối lộ mua điểm, mua bằng làm cho chất lượng giáo dục - đào tạo sút kém, không đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đề ra. Một bộ phận học sinh, sinh viên do hối lộ được lên lớp, tốt nghiệp ra trường xin được việc vào cơ quan nhưng "rỗng" kiến thức. Kết quả là một số cơ quan trong bộ máy hệ thống chính trị tăng biên chế mà công việc không chạy.

- Trong cơ quan pháp luật, các chủ thể nhận hối lộ thi hành công vụ thiếu công minh. Do nhận tiền hối lộ mà người điều tra, người xử án làm trái pháp luật : người ngay bị oan, kẻ gian lọt tội, làm nhân dân bất bình.

Tình trạng nhân dân khiếu kiện vượt cấp tăng, các vụ án tồn đọng nhiều

trong đó có lý do xét xử thiếu công minh.

- Trong lĩnh vực xây dựng cơ bản (XDCB), hối lộ xảy ra trong việc duyệt dự toán, đấu thầu, nghiệm thu công trình giữa A - B và các ngành liên quan. Nhân dân nêu câu hỏi : lấy tiền đâu người ta hối lộ ? - Xin thưa người hối lộ lấy ngay từ giá trị công trình bằng cách bớt xén vật tư, đưa vật tư không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật vào xây dựng, lại còn làm dối, làm ẩu. Vì thế mà một số công trình XDCB vừa nghiệm thu đưa vào sử dụng ít ngày đã hư hỏng nặng. Bài học đường liên cảng A5 ở Thành phố Hồ Chí Minh phải bóc đi làm lại tốn kém bạc tử còn đó. Thất thoát trong XDCB 20 - 30% giá trị công trình như các báo, đài đã nêu gây thiệt hại cho nhà nước và nhân dân.

Có ngăn chặn được hối lộ không ? - Chúng ta ngăn ngừa được, bởi Đảng, Chính phủ có chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật về chống tham nhũng, hối lộ. Chúng ta thấy nguyên nhân hối lộ từ hai phía : chủ thể nhận hối lộ và người đưa hối lộ mà nguyên nhân

chính do chủ thể nhận hối lộ dùng quyền hành của mình khi làm nhiệm vụ gây khó khăn cho người khác, khiến họ phải tìm cách hối lộ để công việc được "suôn sẻ". Kiên quyết chống tệ hối lộ đang là yêu cầu và đòi hỏi của nhân dân. Chúng tôi cho rằng khắc phục tệ hối lộ ở nước ta hiện nay không thể hô hào một cách chung chung mà phải có biện pháp thiết thực.

Một là : Các cấp ủy đảng phải trực tiếp lãnh đạo để khắc phục tình trạng hối lộ hiện nay, gắn với việc xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước các cấp trong sạch, vững mạnh. Bộ máy đó cần được sàng lọc, lựa chọn để có đội ngũ cán bộ quản lý hành chính, quản lý kinh tế từ trung ương đến cơ sở đủ đức, tài đảm đương nhiệm vụ.

Hai là : Đảng, Nhà nước chỉ đạo cải cách hành chính nhà nước như tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) và Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII), chống mọi thủ tục phiền hà, tác phong làm việc quan liêu của một bộ phận cán bộ, công chức ; đặc biệt chống tệ hối lộ, đặc quyền, đặc lợi trong các cơ quan quản lý hành chính và kinh tế của nhà nước. Các cơ

quan trong bộ máy hệ thống chính trị phải giáo dục mọi cán bộ, công chức sống lành mạnh, thực hiện lời dạy của Bác Hồ "cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư".

Ba là : Nhà nước ban hành đầy đủ hệ thống pháp luật quản lý hành chính và quản lý kinh tế nhằm ngăn ngừa tệ hối lộ phát sinh trong đời sống xã hội, các chính sách cần khắc phục giảm hẳn cơ chế "xin - cho" đang là điều kiện, là cơ sở tạo nên tệ hối lộ trong xã hội ta.

Bốn là : Đảng, Nhà nước ta phát động, tổ chức phong trào toàn dân hưởng ứng, loại trừ tệ hối lộ trong đời sống xã hội. Bởi vì, hối lộ là một dạng tham nhũng tinh vi, gây tác hại không nhỏ.

Năm là : Các cơ quan thông tin đại chúng cần lên án mạnh mẽ tệ hối lộ một cách thường xuyên với nội dung, hình thức phù hợp trong phạm vi toàn xã hội, đồng thời biểu dương kịp thời "người tốt, việc tốt", phê phán, tố cáo, lên án những hành vi hối lộ ngay từ khi mới phát sinh, không để tệ hối lộ tràn lan, khó sửa.

Sáu là : Cán bộ lãnh đạo, đảng viên phải gương mẫu chống tệ hối lộ, nói đi đôi với làm theo đường lối của

Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo điều kiện tốt để nhân dân thực hiện quyền làm chủ "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", đồng thời giáo dục vợ, con, người thân của mình không đưa và nhận hối lộ.

Bảy là : Nhà nước ta cần xử phạt nghiêm minh bất kể ai gây ra tệ hối lộ làm thiệt hại đến tài sản nhà nước và nhân dân. Pháp lệnh chống tham nhũng và Bộ luật Hình sự nước ta cần được bổ sung một số điều phù hợp với cuộc sống, nhằm ngăn ngừa và xử lý tệ hối lộ hiệu quả hơn.

Tám là : Cán bộ, công chức hãy sống chân chính, không tham lam, vụ lợi, việc gì có lợi cho dân thì ra sức làm, việc gì có hại cho dân phải tránh. Mọi công dân thực hiện sống theo Hiến pháp, pháp luật, chính sách của Nhà nước.

Nhân dân ta tin yêu Đảng, tiến bước dưới là cờ vẻ vang của Đảng, nhạy cảm với cuộc sống, phân biệt đúng, sai rõ ràng, tố thái độ bất bình với tệ hối lộ. Với trách nhiệm công dân và lòng tự trọng của mình, mỗi công dân hãy từ bỏ thói quen đưa và nhận hối lộ, một tật xấu không nên tồn tại trong xã hội tốt đẹp của chúng ta. □



Về "Học thuyết G. Bu-sơ" và chiến lược "Chiến tranh không thương vong" của Mỹ

TRẦN TRỌNG

N GÀY 7-12-2001, Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ đứng trên tàu sân bay In-tơ-prai-xơ USS (Interprise USS) tuyên bố cho ra đời học thuyết mang tên mình và coi cuộc chiến tranh Á-pa-ga-ni-xtan là "sự minh chứng" cho học thuyết đó. Vậy "Học thuyết G. Bu-sơ" là gì ? Nó được ra đời trong bối cảnh thế nào và qua minh chứng bằng thực tế chiến tranh, có thể rút ra được những kết luận gì có ý nghĩa thực tiễn ?

I

Ai cũng biết sau chiến tranh thế giới thứ II, Mỹ trở thành cường quốc đứng đầu thế giới tư bản. Từ đó, Mỹ luôn công khai theo đuổi một mục tiêu lớn xuyên suốt là giành quyền làm bá chủ thế giới. Thực hiện mục tiêu đó, các đời tổng thống Mỹ thường đề ra chiến lược toàn cầu mang tên mình. Mỗi học thuyết như vậy đều có nội dung rất quan trọng là chiến lược quân sự toàn cầu, như phương thức chủ yếu để thực hiện mục tiêu. "Học thuyết G. Bu-sơ" lấy "Chiến lược chiến tranh không thương vong", còn gọi là "Chiến tranh không đối xứng" làm chiến lược quân sự trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu. Nói về tinh thần cốt lõi của học thuyết, các nhà cầm quyền Mỹ khẳng định, Mỹ sẽ "chống khủng bố bằng tất cả những phương tiện có trong tay, tại bất kỳ nơi nào trên thế giới". Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Đ. Răm-xpêo giải thích : "Học thuyết

G. Bu-sơ không chỉ để quét sạch bọn khủng bố mà còn để tiêu diệt các hang ổ của chúng, tức là các quốc gia chứa chấp khủng bố". Về phạm vi triển khai, ông ta khẳng định : "Cuộc chiến tranh chống khủng bố có thể lan tới 60 quốc gia trên thế giới". Trả lời câu hỏi cuộc chiến này kéo dài đến bao giờ, Phó tổng thống Mỹ Đích Trê-ni nhấn mạnh : "Cuộc chiến tranh chống khủng bố bắt đầu từ ngày 7-10-2001 sẽ không bao giờ kết thúc" ! Những điều đó cho phép hình dung được quy mô của "Học thuyết G. Bu-sơ". Tuy nhiên, H. Kít-xinh-giơ, một chuyên gia chiến lược của Mỹ, viết cho báo *Rạng đông* (Dawn) ngày 29-10-2001, đã nói bóc toạc ra rằng : "Cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố không phải chỉ để tiêu diệt quân khủng bố. Trước hết, nó nhằm tranh thủ cơ hội cực kỳ quý báu (cho Mỹ) để phân chia lại thế giới".

Một nội dung quan trọng trong "Học thuyết" được triển khai ngay là lập ra một "Liên minh toàn cầu" chống chủ nghĩa khủng bố do Mỹ đứng đầu. Và, ngay từ đầu, chủ trương đó đã có sự ủng hộ của các nước lớn : Nga, Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật, cùng nhiều quốc gia khác, tuy mức độ có khác nhau. Theo tuyên bố của Lầu năm góc, đến ngày 12-10-2001, đã có 36 nước đề nghị cung cấp quân đội và kỹ thuật quân sự, 44 nước cho phép máy bay Mỹ sử dụng không phận và 33 nước cho Mỹ sử dụng sân bay của họ v.v.

Điều được coi là then chốt trong "Học thuyết" là dùng chiến lược quân sự gì để bảo đảm giành thắng lợi trong chiến tranh chống khủng bố ? Sau chiến tranh vùng Vịnh, các chuyên gia của Lầu năm góc đã nhào nặn ra "Chiến lược chiến tranh không đối xứng", đồng thời quân đội Mỹ cũng thực hiện một số cải cách mới theo hướng tăng cường hỏa lực và sức cơ động để có sức chiến đấu cao hơn. Qua áp dụng trong chiến tranh Nam Tư, rất nhiều vấn đề mới đặt ra. Sau nhiều cuộc tranh cãi, bổ sung và điều chỉnh, sửa đổi, nó có tên gọi "Chiến lược chiến tranh không thương vong". Theo giới quân sự Mỹ, chiến lược này đang trong quá trình hoàn chỉnh, vẫn được áp dụng trong chiến tranh Áp-ga-ni-xtan. Công bằng mà nói, chiến tranh chống khủng bố là loại hình chiến tranh mới mà quân đội Mỹ có thể coi như "bị bất ngờ", chưa kịp chuẩn bị cả về chiến lược và nghệ thuật chiến đấu. Vậy mà chiến thắng quân sự trong chiến tranh Áp-ga-ni-xtan trở thành "sự mở đầu tốt đẹp" của "Học thuyết G. Bu-sơ" !

Do đó, để đánh giá đúng "Học thuyết", các giới nghiên cứu chiến lược rất quan tâm xem xét tác động của bối cảnh lịch sử ra đời của nó. Nhiều ý kiến cho rằng, nếu như về *chủ quan*, 10 năm qua có thể coi là 10 năm có nhiều bế tắc trong tìm tòi, thử nghiệm chiến lược quân sự mới của Mỹ, khiến cho không có được một học thuyết nào ra đời. "Học thuyết G. Bu-sơ" của Tổng thống G. Bu-sơ bố ra đời tháng 12-1990 đã sớm chìm ngấm vào lãng quên do chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ. Về *khách quan*, có rất nhiều nhân tố - cả thuận chiều và ngược chiều - tác động dồn dập, mạnh mẽ, làm đảo lộn hoặc phá sản nhiều dự báo chiến lược : sự khủng hoảng trầm trọng của chủ nghĩa xã hội thế giới kéo theo sự thoái trào của các phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ; sự phát triển và mâu thuẫn gay gắt giữa hai xu thế là *toàn cầu hóa* và *phản toàn cầu hóa* ; sự phát triển như vũ bão của khoa

học và công nghệ cao trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong kinh tế quân sự, sản xuất vũ khí ; sự phục hồi nhanh chóng và đồng đều của các lực lượng cánh tả và xuất hiện nhiều nhân tố rất mới trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế ; sự thâm nhập vào chính trường ngày càng mạnh của các tôn giáo ; sự phát triển nhiều hình thức và thủ đoạn khủng bố táo bạo. Riêng đối với Mỹ, nhờ tác động của toàn cầu hóa mà sức mạnh về kinh tế và quân sự được tăng lên đáng kể, kéo theo khuynh hướng trỗi dậy của chủ nghĩa quân phiệt hiếu chiến, đồng thời về chính trị lại bị cô lập hơn trước. Tất cả những điều đó đều có ảnh hưởng chi phối khá nhiều đến chiến lược toàn cầu của Mỹ.

II

Việc "Học thuyết G. Bu-sơ" được thực thi bằng cuộc chiến tranh chống khủng bố đặt ra một câu hỏi lớn : Tại sao Áp-ga-ni-xtan ? Qua ý kiến của nhiều người, có thể thấy có hai nhóm vấn đề : *một là*, về địa - chiến lược ; *hai là*, về lựa chọn mục tiêu trong chỉ đạo chiến lược.

Về địa - chiến lược :

Trên bản đồ thế giới có một khu vực rộng lớn rất quan trọng chạy dài từ Trung - Nam Á (một loạt nước có tên mang đuôi là i-xtan) qua Trung Đông - Bắc Phi sang đến hết vùng Ban-căng. Khu vực này là một địa bàn chiến lược có thể khống chế được 3 châu lục Âu - Á - Phi. Ở đây có "rốn dầu mỏ" (Trung Đông) và "kho dự trữ số 1 của thế giới" (Trung - Nam Á và vùng Ca-xpi) về dầu và nhiều tài nguyên khác chưa khai thác. Từ xa xưa đến nay, vùng đất này luôn bị giành giật quyết liệt. Trong thế kỷ XX, ở khu vực này đã xảy ra 53 cuộc chiến tranh lớn nhỏ. Đáng chú ý hơn cả là chỉ trong vòng 10 năm nay, Mỹ đã tiến hành 3 cuộc chiến tranh quy mô lớn ở khu vực này : một ở phía Tây (đánh Nam Tư 1999), một ở giữa (đánh I-rắc 1991) và một ở phía Đông (đánh

Áp-ga-ni-xtan 2001). Áp-ga-ni-xtan là cái đinh cắm ở giữa tam giác chiến lược Nga - Trung - Ấn và là cái chốt cảnh giới găm vào vùng có ảnh hưởng lớn của 4 quốc gia có vũ khí hạt nhân : Ấn Độ, Pa-ki-xtan, Trung Quốc và Nga. Trước đây, khi thế giới còn cả hai siêu cường hùng mạnh nhất, Mỹ cũng từng dốc sức nhằm đánh bật Liên Xô ra khỏi Áp-ga-ni-xtan.

Về sự lựa chọn mục tiêu :

Tại sao lại là Áp-ga-ni-xtan ? Sau sự kiện 11-9, chính quyền Mỹ tuyên bố : "Những nước chứa chấp và bảo vệ các phần tử khủng bố sẽ bị trừng trị như các thủ phạm khủng bố". Nhiều thông tin của báo chí Mỹ cho biết : 3 ngày sau thảm họa 11-9, cả nước Mỹ có 71 nghi can bị bắt. 5 ngày sau, số nghi can bị bắt là 125 và ngót 1 tháng sau là gần 1 500 người bị bắt vì bị nghi là đồng lõa, thủ phạm hoặc bao che khủng bố, trong số đó, theo hãng CNN, chưa thấy có ai là người Áp-ga-ni-xtan. Các giới quan sát cho rằng, như vậy thì nước đứng đầu bảng trong danh sách "những nước chứa chấp và bao che" cho bọn khủng bố gây ra thảm họa 11-9 phải là nước Mỹ chứ ! Tại sao lại là Áp-ga-ni-xtan ?

Qua những tin tức để lộ lúc đó có thể thấy, việc chọn Áp-ga-ni-xtan làm mục tiêu chiến tranh cho "Học thuyết G. Bu-sơ" là "rất cao tay", dù rằng điều đó có thể bị đánh giá là "luộc lại và nâng cao một kịch bản đã có của tổng thống tiền nhiệm". Chọn Áp-ga-ni-xtan theo quan điểm "bạo lực dứt điểm" là nhằm bảo đảm chắc thắng 100%. Bởi vì Áp-ga-ni-xtan là một nước nhỏ, nông nghiệp lạc hậu, thuộc loại nghèo nhất thế giới, bị chiến tranh liên miên tàn phá suốt mấy chục năm. Ta-li-ban mới chỉ cầm quyền có 5 năm với chính sách cai trị rất tàn bạo, hà khắc nên không được nhân dân trong nước và quốc tế ủng hộ. Do đó, Mỹ đã tạo ra được ưu thế áp đảo tuyệt đối về so sánh lực lượng toàn diện, giữa đôi bên có sự chênh lệch cách biệt nhau đến hàng nghìn lần.

Việc chọn mục tiêu chiến tranh còn "rất hay" ở chỗ : Áp-ga-ni-xtan là vị trí chiến lược nhất thiết phải đánh. Dù thời WJ. Clin-ton chưa đánh thì thời G. Bu-sơ cũng phải đánh. Mỹ đã chọn thời điểm đánh vào cái vùng đất rất nhạy cảm về chiến lược đó đúng vào lúc cả bốn nước có vũ khí hạt nhân đứng bao quanh đó (Ấn Độ, Pa-ki-xtan, Nga và Trung Quốc) đều ủng hộ Mỹ. Dẫu rằng Ta-li-ban là chế độ quá ư tàn bạo, không được lòng người, song những phương tiện và biện pháp hiện đại mà Mỹ sử dụng trong cuộc chiến tranh này, trên thực tế còn tỏ ra tàn bạo hơn bội phần vì có sức hủy diệt rất khủng khiếp.

Vậy có phải đánh Áp-ga-ni-xtan vì ở đó có chủ nghĩa khủng bố toàn cầu, có Bin La-den, có Ta-li-ban ? Hay bởi tại đất nước bất hạnh đó ở đúng vào cái vị trí và thời điểm mà người ta đang cần cắm vào đó một chiến thắng quân sự hoàn hảo như một móc son cho chiến lược toàn cầu Mỹ ở giai đoạn nó mang tên "Học thuyết G. Bu-sơ".

III

Cuộc chiến tranh Áp-ga-ni-xtan đã minh chứng gì cho "Học thuyết G. Bu-sơ" ? Ít nhất có *ba điểm* nổi bật :

1. Chiến tranh chống khủng bố là một loại hình chiến tranh mới, có nhiều đặc tính phức tạp và nguy hiểm, trước hết là ở cái lô-gíc lập lờ giữa đúng và sai, giữa chính và tà, giữa thiện và ác của định đề "trả đũa".

Sau thảm họa 11-9, Mỹ phải "trả đũa" ! Sao lại không ? "Ăn miếng thì phải trả miếng" ; "bị khủng bố thì phải chống khủng bố" ; "khủng bố là tội ác thì chống khủng bố là chống tội ác". Tổng thống G. Bu-sơ tuyên bố : "Đó là cuộc chiến tranh giữa cái tốt và cái xấu". Và "Cuộc chiến tranh của chúng tôi là một cuộc chiến tranh chống tội ác" !

Tuy nhiên, bản chất của vấn đề lại ở chỗ khác : "trả đũa" bằng gì, như thế nào và vào ai ? Gây ra vụ 11-9, bọn khủng bố có thể

chỉ dăm ba chục, thậm chí nhiều lắm là một vài trăm tên, sao lại phải dùng chiến tranh lớn để hủy diệt cả một đất nước và tàn sát hàng vạn người vô tội không liên can ?

Điều đáng nói còn ở chỗ là, tiến hành một cuộc chiến tranh tàn bạo như vậy mà vẫn được đa số nhân dân Mỹ - một dân tộc rất yêu chuộng hòa bình, công lý, có lương tri và biết tự trọng - ủng hộ, cũng như chính phủ của nhiều nước, kể cả các cường quốc cũng tỏ thái độ đồng tình, không phản đối. Tại sao vậy ? Phải chăng do loại hình chiến tranh này có đặc điểm hiểm thấy là sự kết hợp táo bạo giữa chiến tranh tàn sát với chiến tranh nhân đạo ? Báo *Thời đại* (Mỹ) ngày 6-12-2001 viết : "Lầu năm góc nhận được lệnh ném cả bom phá và bánh mỳ cứu trợ xuống để biến những lời lẽ thương cảm của ông G. Bu-sơ thành hành động". Và, theo tin phương Tây, có ngày không quân Mỹ đã ném xuống Áp-ga-ni-xtan 3 000 tấn bom phá cùng với hơn 100 tấn nước hoa quả và quà bánh ! Nhưng, yếu tố "nhân đạo" như vậy trong chiến tranh chống khủng bố có ý nghĩa và tác dụng gì ?

Có ý kiến cho rằng, làm như vậy là để che dấu tội ác. Có ý kiến khác coi đó là thuật chiến tranh chính trị nhằm "bịt mồm" các tổ chức và phong trào phản đối chiến tranh.

Nguy hại hơn nữa là, theo lời các nhà lãnh đạo Lầu năm góc, cuộc chiến chống khủng bố không chỉ bó hẹp ở Áp-ga-ni-xtan mà ít nhất đến 60 nước. Và rất có thể, trong khu vực rộng lớn đó, chắc sẽ có những cuộc nổi dậy của những lực lượng và phong trào đấu tranh cách mạng, yêu nước, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh và tiến bộ xã hội chân chính bị quy cho là "hoạt động khủng bố toàn cầu". Chẳng có gì bảo đảm chắc chắn rằng, người ta sẽ không dùng chiến tranh chống khủng bố để đàn áp, khuất phục hoặc tiêu diệt các phong trào đó.

2. Điều được nhiều nhà nghiên cứu chiến lược quan tâm hơn cả là việc chọn khẩu hiệu

chống chủ nghĩa khủng bố làm ngọn cờ chính trị trung tâm cho chiến lược toàn cầu, chính là chỗ yếu sớm bộc lộ của "Học thuyết G. Bu-sơ".

Vì sao vậy ? Những ai theo dõi sát tình hình quốc tế trong những năm gần đây đều thấy rằng, tuy nạn khủng bố quả là một trong những vấn đề khiến nhiều nước phải quan tâm đối phó, nhưng xét về vị trí, tầm cỡ quan trọng thì nó chưa phải là nỗi lo lắng lớn nhất của nhân loại. Có nhiều vấn đề khác lớn hơn, phải được xếp lên trên như : xung đột vũ trang và chiến tranh, suy thoái kinh tế toàn cầu, các dịch bệnh thế kỷ mỗi năm cướp đi cả triệu sinh mạng, môi trường trái đất bị hủy hoại, thiên tai lớn liên tiếp và khí hậu trái đất nóng lên nhanh. Vì vậy, sau sự kiện 11-9, để chớp lấy cơ hội cho ra đời "Học thuyết G. Bu-sơ", người ta đã khéo léo tôn cao và bơm to nó lên thành chủ nghĩa khủng bố toàn cầu. Một loạt sự kiện khác được gấp rít dàn dựng khá công phu để tăng cường "nền tảng của sự ủng hộ chính trị" ở trong và ngoài nước đối với chiến lược chống khủng bố toàn cầu. Người ta đã dàn dựng như thế nào ? Qua những thông tin mà báo chí Mỹ và phương Tây để lộ, đã có những hiện tượng như : sau ngày 11-9, các hình ảnh khủng khiếp của tòa Tháp đôi (Niu Oóc) bị nổ tung và sụp đổ được các hãng truyền hình Mỹ phát đi, phát lại liên tục 24/24 giờ suốt cả tháng. Hàng trăm lá thư chứa chất bột trắng gieo rắc bệnh than được gửi đi khắp nước Mỹ và từ Mỹ gửi sang các nước Tây Âu suốt hơn 2 tháng trời, làm cho các văn phòng Thượng viện, Hạ viện cùng nhiều cơ quan quan trọng của Chính phủ Mỹ phải đóng cửa nhiều ngày. Và cả nước Mỹ hoảng loạn lên mà chỉ bắt được có một kẻ tình nghi ! Những lệnh "báo động đỏ" từ Lầu năm góc, Bộ Tư pháp, FBI ... rằng, mấy hôm nữa sẽ có khủng bố, tuần tới có khủng bố, tháng tới có khủng bố ... được liên tục phát ra. Trong vòng chưa đầy 3 tháng, Tổng thống Mỹ phải 3 lần phát lệnh đề phòng có "khủng bố

hạt nhân", v.v.. Ngoài ra còn có các động tác quan trọng khác : ra lệnh động viên hàng vạn quân dự bị, phát hành "công trái chiến tranh" và ra lệnh nhập hàng chục triệu liều kháng sinh từ nước ngoài. Hàng chục vạn dân chúng Mỹ được khuyến khích, đổ xô đi mua mặt nạ phòng độc và thuốc tích trữ đề phòng "khủng bố sinh học".

Tóm lại, như có nhà bình luận quốc tế đã nhận xét : "Chủ nghĩa khủng bố đã được dàn dựng, tô vẽ thêm tâm vóc và nanh vuốt thành một con "ngoáo ộp" toàn cầu, khổng lồ, gớm ghiếc và nguy hiểm. Nó vừa có vũ khí hạt nhân, vừa có cái đầu phù thủy khủng khiếp như quỷ dữ là Bin La-đen" ! Kết quả bước đầu là có lúc đã tạo được sự ủng hộ của 89% dân Mỹ ; Quốc hội Mỹ ủng hộ 100% và lập được một Liên minh chống chủ nghĩa khủng bố ở ngoài nước Mỹ.

Tuy nhiên, cơ sở của sự ủng hộ chính trị như vậy là nhờ ở những gì được dàn dựng giả tạo bằng thủ pháp cường điệu hóa nguy cơ khủng bố toàn cầu, chắc nó sẽ không đứng vững được lâu. Cùng với thời gian, ngọn cờ chính trị đó sẽ bị rớt giá. Một câu hỏi đặt ra là : Sau hai tháng rưỡi chiến tranh, chế độ Ta-li-ban đã sụp đổ hoàn toàn, chính quyền mới đã được thành lập và đi vào hoạt động (từ 20-12-2001), vậy tại sao Mỹ vẫn không thừa nhận cuộc chiến tranh đã kết thúc mà còn tiếp tục ném bom, bắn phá ồ ạt và tăng thêm quân ? Ngoài lý do mà *thời báo Niu Ốc* (ngày 9-1-2002) đã nêu là : Kéo dài sự có mặt về quân sự ở cả khu vực Trung Á, đổ thêm quân, xây dựng căn cứ ở Áp-ga-ni-xtan, Pa-ki-xtan, U-dơ-bê-ki-xtan, Cư-rơ-gư-xtan... mà Bộ Quốc phòng Mỹ đã thừa nhận, còn có điều rất quan trọng khác rất khó nói ra. Nếu tuyên bố thắng ra rằng cuộc chiến đã kết thúc thắng lợi, có nghĩa là đòn "trả dũa" khủng bố đã trả xong, quả bóng chống chủ nghĩa khủng bố toàn cầu ắt sẽ xẹp xuống, sự ủng hộ trong nước sẽ teo lại. Và, theo đó là cái Liên minh toàn

cầu chống chủ nghĩa khủng bố sẽ rã đám ! Còn truy tìm Bin La-đen ? Như đã nói, Bin La-đen là cái đầu phù thủy ma quái của bọn khủng bố ! Nếu giết chết công khai hoặc đem ra xử án, cũng có nghĩa là chủ nghĩa khủng bố toàn cầu đã bị chặt mất đầu, không còn gì nguy hiểm nữa thì hù dọa được ai ? Vì vậy, cứ nên tiếp tục ra lệnh truy lùng trong sự tù mù "tuyệt vô âm tín" là thượng sách nhất. Dù rằng, trong dân Mỹ có thể có người không hiểu đã nghĩ rằng, đưa sức mạnh của cả một cường quốc ra mà không diệt nổi một tên khủng bố ! Tóm lại, người ta đã phạm một sai lầm lớn là cố tình quên rằng, trong khoa học chiến lược, sự nguy tạo về chính trị là điều cấm kỵ, không được phép.

3. Xưa nay, hiệu quả của chiến lược quân sự trong chiến tranh về cơ bản phụ thuộc vào hai yếu tố *hỏa lực* và *xung lực*. Qua cuộc chiến tranh này cho thấy, Mỹ rất mạnh về hỏa lực nhưng lại khá yếu về xung lực.

Về *hỏa lực*, Mỹ đã huy động và sử dụng một lực lượng rất lớn phương tiện chiến tranh hiện đại nhất, bảo đảm phát huy ưu thế áp đảo tuyệt đối về hỏa lực. Theo tin phương Tây, ngay từ đầu, Mỹ đã huy động 4 tàu sân bay, 40 tàu chiến, 350 máy bay chiến đấu các loại, bao gồm máy bay ném bom chiến lược B1, B52, máy bay tàng hình, F16, F18, Điều hâu Địa cầu (Global Hawk), AC130, tên lửa hành trình, bom "thông minh" JDAM có tín hiệu dẫn đường từ vệ tinh định vị toàn cầu. Nhiều loại vũ khí mới được sử dụng lần đầu tiên như bom BLU-82 phát quang, trọng lượng mỗi quả 7 tấn, có sức tàn phá hủy diệt hết mọi thứ trong một vùng có bán kính 600 m.

Máy bay, tên lửa của Mỹ trút bom đạn cả ngày lẫn đêm suốt mấy tháng liền. Khác với nhiều cuộc chiến tranh khác, lần này, sau khi chế độ Ta-li-ban sụp đổ hoàn toàn, Mỹ vẫn tiếp tục ném bom, bắn phá. Thứ trưởng Quốc phòng Mỹ Uôn-phô-vít (ngày 18-12-2001)

nói : "Để làm cho các nước phải lấy cuộc chiến tranh (tàn phá đất nước Áp-ga-ni-xtan) làm một bài học" !

So với hai cuộc chiến tranh trước (vùng Vịnh và Nam Tư), ưu thế tuyệt đối về hỏa lực của Mỹ trong cuộc chiến tranh này cao gấp bội. Đó cũng là xu hướng phát triển của quân đội Mỹ trong tương lai.

Vậy *xung lực* trong cuộc chiến tranh này là gì ? Đây là một bài toán rất khó giải, đặt ra cho chiến lược "Chiến tranh không thương vong". Để hiểu rõ tính chất phức tạp, khó khăn của vấn đề, xin điểm qua đôi nét quá trình tìm tòi, thử nghiệm của Mỹ. Ai cũng biết trong chiến tranh Việt Nam trước đây, quân Mỹ bị tổn thất quá lớn (gần 6 vạn chết và mấy chục vạn bị thương, tàn phế). Người Mỹ gọi "vết thương" đó là "Hội chứng Việt Nam". Mỹ đã thử nghiệm nhiều cách để tránh tái phát "Hội chứng đó".

Trong chiến tranh vùng Vịnh, Mỹ lập ra "Liên minh đa quốc gia" gồm 30 nước. Đến lúc cần thì đám "quân góp" đó không đánh được, buộc Mỹ phải đưa quân vào. Lúc đó, Lầu năm góc đã cho sử dụng 94 000 đầu đạn pháo chứa u-ra-ni-um nghèo (còn gọi là đạn giảm xạ DU), là loại đạn pháo có sức công phá mạnh. Ít lâu sau, các cuộc điều tra y học phát hiện ra rằng, có khoảng 100 000 lính Mỹ (trong 46 vạn), 9 100 lính Anh tham chiến đã bị nhiễm xạ với các triệu chứng mất trí nhớ, rối loạn thần kinh, ngớ ngẩn ; nhiều người bị chuyển thành ung thư, máu trắng. Đây là một đòn rất nghiêm trọng đánh vào nhân tố chính trị - tinh thần và tâm lý của binh sĩ Mỹ. Người ta gọi đó là "Hội chứng chiến tranh vùng Vịnh" mà Lầu năm góc ra sức bưng bít.

Trong chiến tranh Nam Tư (1999), Mỹ không lập "Liên minh đa quốc gia" nữa mà định dùng ngay quân chiến đấu trên bộ của

NATO. Sau 78 ngày đêm liên tục bắn phá bằng hỏa lực không quân và tên lửa, đến lúc cần xung lực để chiến đấu trên bộ thì hàng vạn quân Mỹ không chịu vào trận. Và dĩ nhiên, quân của NATO cũng từ chối. Đây là một cuộc chiến tranh lớn chỉ có hỏa lực mà không có xung lực.

Lần này, đánh vào Áp-ga-ni-xtan, ngay từ đầu các giới quan sát chiến lược đã thấy có dấu hiệu lạ. Chiến tranh đã bắt đầu, Mỹ đã động viên lớn không quân, hải quân và quân dự bị chiến lược, vậy mà cả 16 sư đoàn bộ binh và thủy quân lục chiến - cái kho xung lực chiến đấu trên bộ - không hề được đả động đến. Khi các lực lượng NA (lực lượng chống Ta-li-ban ở phương Bắc) tiến sâu về hướng Ca-bun, Lầu năm góc mới quyết định đưa 300 quân vào, nhưng đó là lính biệt kích chứ không phải quân chiến đấu chính quy. Các nước NATO lúc này lên tiếng ủng hộ rất hăng, nhưng nhất quyết không chịu đưa quân trên bộ vào chiến đấu. Suốt mấy tháng chiến tranh ác liệt, quân Mỹ bị thương vong không đáng kể, quân NA bị tổn thất rất nặng nề, kể cả bị bom Mỹ sát hại. Báo chí A-rập bình luận: "Cái mới của chiến lược *Chiến tranh không thương vong* là quay về với chính sách dùng người Hồi giáo đánh người Hồi giáo, dùng người Áp-ga-ni-xtan đánh người Áp-ga-ni-xtan".

Thực tiễn cuộc chiến tranh cho thấy, mặc dù Mỹ đã giành chiến thắng, nhưng yếu về xung lực chiến đấu trên bộ vẫn là điểm yếu cơ bản của quân đội Mỹ. Có thể dự báo một cách chắc chắn rằng, trong những cuộc chiến tranh tương lai, theo kinh nghiệm "Chiến tranh không thương vong", Mỹ sẽ ra sức tận dụng các lực lượng ly khai chống đối bản xứ làm lực lượng chiến đấu trên bộ để bù đắp cho chỗ yếu của họ. □

HỘI THẢO CÁC ĐỊNH HƯỚNG TÀI CHÍNH VÀ THỰC HIỆN BẢO HIỂM Y TẾ TOÀN DÂN

Đại hội lần thứ IX của Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ quan trọng của lĩnh vực chăm sóc sức khỏe nhân dân trong thời gian tới : *Thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe ; đổi mới cơ chế và chính sách viện phí ; có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân.* Để cụ thể hóa và triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ mang tính định hướng quan trọng đó, ngày 21 và 22-1-2002, Ban Khoa giáo Trung ương phối hợp với Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và Bộ Y tế tổ chức Hội thảo *các định hướng tài chính và thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.* Hơn 100 đại biểu đại diện cho các bộ, ban, ngành, bệnh viện trung ương và địa phương trong cả nước đã tới dự. Tại Hội thảo đã có hơn 40 tham luận, trao đổi ý kiến của các nhà khoa học, các nhà hoạt động, chỉ đạo thực tiễn, phân tích, đánh giá và định hướng một số vấn đề quan trọng, cấp thiết sau :

1. *Quan niệm về công bằng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.* Không thể áp dụng các tiêu chí về công bằng trong kinh tế với công bằng trong các chính sách xã hội nói chung và chính sách chăm sóc sức khỏe nhân dân nói riêng. Công bằng trong chính sách sức khỏe là bảo đảm cho mọi người dân được tiếp cận với *những dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản* có chất lượng tốt, dựa trên nhu cầu chăm sóc sức khỏe, không dựa vào khả năng chi trả ; chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, hỗ trợ cho người nghèo.

2. *Vai trò của các ngành tài chính y tế đối với việc bảo đảm công bằng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.* Hệ thống tài chính y tế định hướng công bằng và hiệu quả không thể dựa vào nguồn viện phí, mà phải *chủ yếu dựa vào thuế* (ngân sách nhà nước) và *các hình thức chi trả trước* có sự chia sẻ rủi ro giữa người khỏe và người ốm, người có thu nhập cao và người có thu nhập thấp. Đó là bảo hiểm y tế (BHYT).

3. *Đánh giá tác động của chính sách viện phí và BHYT hiện nay.* Thu một phần viện phí hiện đang góp phần cung cấp tài chính cho các bệnh viện, nhưng về lâu dài *không thể duy trì chính sách thu viện phí*, vì viện phí chỉ đặt gánh nặng chi trả lên người bệnh và làm hạn chế khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế của người nghèo. BHYT đã tạo nguồn tài chính quan trọng, có khả năng đáp ứng tiêu chí công bằng, nhờ sự chia sẻ rủi ro của số đông người khỏe và số ít người bệnh. Tuy nhiên, diện bao phủ còn hẹp, công tác quản lý, chỉ đạo phát triển BHYT, việc bảo đảm được quyền lợi của người sử dụng thẻ còn nhiều hạn chế.

4. *Về giải pháp đổi mới chính sách viện phí và phát triển BHYT.* Định hướng lâu dài là giảm dần các hình thức chi trả trực tiếp (viện phí). Mức độ giảm này phụ thuộc vào khả năng tăng ngân sách nhà nước cho y tế và nhất là mức độ bao phủ của các hình thức BHYT. Trước mắt, phải đổi mới cơ chế và chính sách viện phí : xác định các mức thu và miễn giảm viện phí tương ứng với các đối tượng, theo phương thức "thu đủ và giảm mạnh" - *Người giàu thì đóng đủ, người có công và người nghèo được miễn giảm.* Ngăn ngừa xu hướng bệnh viện chỉ quan tâm chữa bệnh cho người giàu... Đổi mới phương thức thu, quản lý và sử dụng viện phí phù hợp tuyến bệnh viện và điều kiện kinh tế - xã hội từng khu vực. Đổi mới quản lý, hoạt động của bệnh viện theo hướng bảo đảm lợi ích chính đáng của người bệnh, giảm dần và tiến tới xóa bỏ các biểu hiện "lấn lộn công - tư" ; ngăn ngừa thương mại hóa dịch vụ khám chữa bệnh ở bệnh viện công... Chuyển dần từ chính sách miễn, giảm viện phí ngay tại các bệnh viện sang chính sách trợ cấp cho người nghèo thông qua các hình thức BHYT thích hợp. Nhà nước có chính sách trợ giá để phát triển BHYT cho người nghèo và nông dân. Mở rộng phương thức cung cấp dịch vụ BHYT tại tuyến xã để đối với nâng cao chất lượng dịch vụ ở tuyến này.

5. *Để hệ thống y tế nhà nước giữ được vai trò chủ đạo, thực hiện được sự công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe nhân dân,* Nhà nước cần tăng đầu tư ngân sách cho y tế. Mức tăng này sẽ phải do các bộ, ngành liên quan nghiên cứu đề xuất cụ thể, theo hướng tăng từng bước để đến năm 2010 đạt khoảng 1,4 - 1,5% GDP và chiếm 8 - 10% tổng chi phí quốc gia ; đổi mới chính sách phân bổ ngân sách theo hướng tăng tỷ trọng đầu tư cho các lĩnh vực phòng bệnh, phòng dịch, chăm sóc sức khỏe ban đầu và y tế cơ sở. Nâng cao ý thức, tinh thần thái độ phục vụ của cán bộ y tế cần được tiến hành song song với việc đổi mới cơ chế, chính sách viện phí, đổi mới quản lý bệnh viện, chế độ trả lương và các khoản phụ cấp xứng đáng cho nhân viên y tế. □

PV.



CÔNG TY NHỰA THIẾU NIÊN PHONG - TIFOPLAST

ĐỊA CHỈ : SỐ 2 AN ĐÀ - NGÔ QUYÊN - HẢI PHÒNG

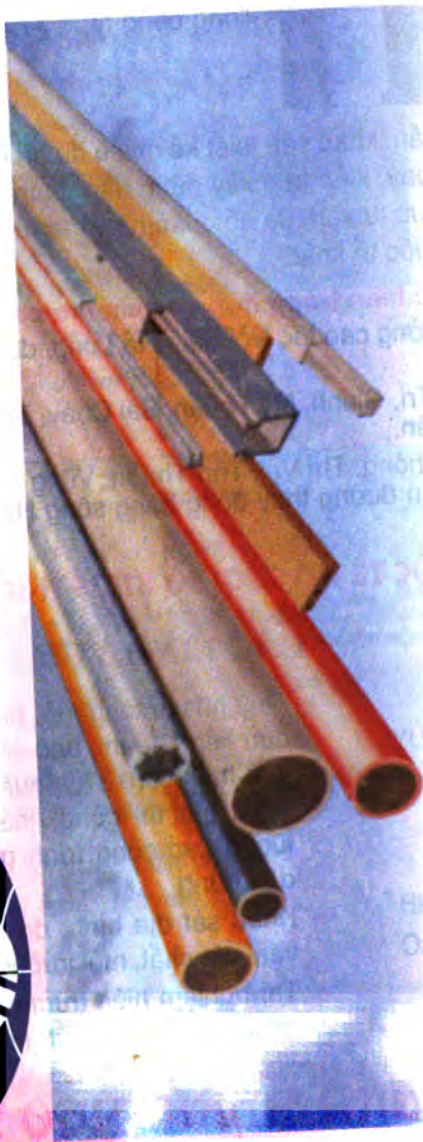
Email : tifoplast@hn.vnn.vn

Đt : 031 847052 - 640973

Fax : 84.31.640133

Công ty Nhựa Thiếu Niên Tiên Phong thuộc Tổng Công ty Nhựa Việt Nam, Bộ Công nghiệp ; là doanh nghiệp chuyên sản xuất ống nhựa cứng u.PVC và ống PEHD lớn nhất phía Bắc Việt Nam với hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002.

Ống nhựa Tiên Phong đã đạt 98 Huy chương vàng tại các Hội chợ quốc tế hàng công nghiệp, Hội chợ Thương mại, TOP 5 ngành hàng Cao su - Nhựa Việt Nam và đã được người tiêu dùng bình chọn hàng Việt Nam chất lượng cao.



Ống nhựa Tiên Phong được sản xuất theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 4422 - 4427, DIN 8072, ống u.PVC có đường kính từ $\Phi 15$ đến $\Phi 500$, ống PEHD có đường kính từ $\Phi 20$ đến $\Phi 200$ với áp lực chịu nén từ 5 - 25kg/cm² và phụ tùng lắp ghép đồng bộ.

Sản phẩm Profile với các loại máng luồn dây điện, cốc nhe nhựa với ưu điểm dễ lắp ráp.

Sản phẩm mới :

- Các loại ống u.PVC chịu áp lực có khớp nối với vòng đệm đàn hồi (giống cao su) từ $\Phi 63$ đến $\Phi 500$.
- Bao PP tráng giấy KRAP, bao PP có tráng và không tráng phục vụ đựng xi măng, hóa chất, phân bón, thức ăn gia súc, lương thực, thực phẩm...
- Sản phẩm Nhựa Tiên Phong phục vụ các ngành cấp thoát nước, công nghiệp, xây dựng, địa chất, các mỏ nước khoáng, chương trình nước sạch nông thôn, dân dụng, trang trí nội thất...

Với thủ tục đơn giản, thuận tiện, Công ty Nhựa Thiếu Niên Tiên Phong rất mong được phục vụ Quý khách.

Xin chân thành cảm ơn Quý Khách đã quan tâm và sử dụng sản phẩm của Công ty Nhựa Thiếu Niên Tiên Phong !





TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GTVT

TRANSPORT ENGINEERING DESIGN INCORPORATED (TEDI)

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc : T.S Nguyễn Ngọc Long

Địa chỉ : 278 Tôn Đức Thắng, Q. Đống Đa, Hà Nội

ĐT : 8514431 ; Fax : 8514980 Email : TEDI@FPT.VN



Tổng công ty Tư vấn thiết kế GTVT (TEDI) tiền thân là Viện thiết kế GTVT thành lập từ năm 1962, là Tổng công ty đầu ngành về Tư vấn, Thiết kế cơ sở hạ tầng giao thông ở Việt Nam, là doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Trong gần 40 năm qua, TEDI đã thực hiện tư vấn, khảo sát, thiết kế nhiều dự án lớn về đường bộ, đường sắt, cảng, đường thủy, cầu lớn hầm, sân bay, kiến trúc xây dựng dân dụng và công nghiệp, đã tiếp cận được với thông lệ quốc tế trong lĩnh vực tư vấn, đã có quan hệ và làm việc với nhiều cơ quan, Công ty của hơn 40 nước và các tổ chức quốc tế khác.

Những công trình đã và đang thực hiện trong hơn 10 năm mở cửa :

Đường bộ : Nâng cấp quốc lộ 1A, 5, 18, 10, đường cao tốc Nội Bài - Hạ Long, đường Láng - Hòa Lạc, đường Hồ Chí Minh...

Cầu - Hầm : Các cầu lớn như Phú Lương, Việt Trì, Gianh, Mỹ Thuận, Bãi Cháy, Thanh Trì, Hoàng Long, Quán Hâu, Lạc Quần Tiên Cự, hầm Hải Vân...

Cảng - Đường Thủy : Các cảng Cái Lân, Hải Phòng, Thị Vải, Tân Thuận, Vũng Áng, Liên Chiểu, Dung Quất... luồng tàu vào cảng Hải Phòng, Dự án đường thủy đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long...

TEDI ĐÃ ĐƯỢC BVQI CẤP CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ ISO 9001 SỐ 87529 NGÀY 31/8/2001

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN :

- CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐƯỜNG BỘ
- CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG CẢNG - ĐƯỜNG THỦY
- CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU ĐƯỜNG
- CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN - HẦM
- CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY
- CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH
- TRUNG TÂM TÍN HỌC TƯ VẤN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TẢI
- TRUNG TÂM TƯ VẤN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG

CÁC LĨNH VỰC DỊCH VỤ :

- Quy hoạch tổng thể, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế kỹ thuật và thi công, giám sát thi công, thẩm định chất lượng các công trình giao thông và dân dụng.
- Khảo sát địa hình, đo sâu, thủy hải văn, địa chất, môi trường, giao thông.
- Thí nghiệm hiện trường, vật liệu xây dựng và địa chất công trình.

CHÚC MỪNG NĂM MỚI XUÂN NHÂM NGỌ 2002



BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP DUNG QUẤT

Địa chỉ : Đường Hai Bà Trưng thị xã Quảng Ngãi
Điện thoại : 055.825683 - 835687. Fax : 055.835828
Email : dizone@dng.vnn.vn

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN HÀ NỘI

Địa chỉ : 24 Đại Cồ Việt - Hà Nội
Điện thoại và Fax : 04.8217779. Email : dzungquathn@fpt.vn
Trưởng ban : Trần Lê Trung



*Trạm 110/22KV/25NIVA
Trung tâm KCNDQ*



*Chuẩn bị đá cho
thi công dê chắn sóng*



*Sản xuất acsopode
thi công dê chắn sóng.*



*Nạo vét bùn chuẩn bị
thi công dê chắn sóng.*

*Ban quản lý Dự án khu công nghiệp rất hân hạnh được
hợp tác với các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến với
Khu Công nghiệp Dung Quất*

ITRRE

VIỆN CÔNG NGHỆ XẠ HIẾM

INSTITUTE FOR TECHNOLOGY OF RADIOACTIVE AND RARE ELEMENTS

TRỤ SỞ CHÍNH : 48 LÁNG HẠ, QUẬN ĐỒNG ĐA, HÀ NỘI.

Tel : 04-7763864 - 04.8350966 ; Fax : 04.8350966

Email : itrre@hn.vnn.vn

Viện trưởng : PGS.TS. Huỳnh Văn Trung

CƠ SỞ PHÁP LÝ :

- Viện Công nghệ Xạ hiếm thuộc Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam được thành lập theo quyết định số 18 CT, ngày 21/1/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Nay là Thủ tướng Chính phủ).
- Đăng ký hoạt động KH-CN số 670, ngày 28/7/2000 tại Bộ KH-CN-MT.
- Hoạt động theo "Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ Xạ hiếm" kèm theo quyết định số 211/QĐ-VNLNT, ngày 05/8/1999 của Viện trưởng Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

- ❖ Tiến hành nghiên cứu triển khai và sản xuất thử các sản phẩm từ quặng uran, quặng kim loại quý hiếm và kim loại màu.
- ❖ Tiến hành nghiên cứu triển khai về công nghệ xử lý môi trường bị ô nhiễm do các chất phóng xạ và hóa chất gây ra.
- ❖ Làm tư vấn cho Chính phủ về chiến lược phát triển ngắn hạn và dài hạn trong công tác nghiên cứu và sử dụng các nguồn tài nguyên xạ hiếm.
- ❖ Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và lắp đặt các trang thiết bị dùng trong công nghệ hóa học và xử lý môi trường.
- ❖ Thực hiện các dịch vụ phân tích các mẫu địa chất, môi trường, đánh giá chất lượng sản phẩm, chuyển giao công nghệ và đào tạo cán bộ sau và trên đại học trên lĩnh vực xạ hiếm.



Huân chương Lao động hạng Ba



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CÔNG TY XÂY DỰNG 47

ĐỊA CHỈ : 08 BIÊN CƯƠNG - QUY NHƠN - BÌNH ĐỊNH

Điện thoại : 056.822166 - 8.22931 Fax : (84-56). 812316

Giám đốc : Kỹ sư NGUYỄN LƯƠNG AM

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Chuyên thi công :

- ❖ Các công trình thủy lợi, thủy điện, hệ thống thủy nông.
- ❖ Công trình cầu đường giao thông.
- ❖ Công trình kiến trúc dân dụng, công nghiệp.
- ❖ Sản xuất vật liệu xây dựng.
- ❖ Khai thác đá xuất khẩu.
- ❖ Gia công cơ khí, trung đại tu máy móc thiết bị.
- ❖ Dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng.



Đập dâng Thạch Nham (Quảng Ngãi) tưới cho 50.000 ha. Công trình đạt chất lượng cao.

**NHÂN DỊP NĂM MỚI XUÂN NHÂM NGỌ 2002 KÍNH CHÚC QUÝ KHÁCH
AN KHANG THỊNH VƯỢNG**



Công ty PHÂN BÓN MIỀN NAM

THE SOUTHERN FERTILIZER COMPANY

125B Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP. HCM

Tel : 8325889 - 8393931 Fax : 8322807

CHUYÊN SẢN XUẤT KINH DOANH

- ★ Supe Lân, Supe Lân M, Supe Lân PA, Supe Lân TL, Supe Lân hạt.
- ★ NPK các loại phù hợp cho từng vùng đất và từng loại cây trồng.
- ★ Khoáng hữu cơ các loại có thêm tính năng cải tạo đất trồng.
- ★ Hỗn hợp NPK + trung, vi lượng + chất kích thích tăng trưởng dạng bột và lỏng.
- ★ Axit Sunphuric (H_2SO_4) dùng trong sản xuất công nghiệp.
- ★ Natri fluorsilicat (Na_2SiF_6) dùng trong công nghệ xử lý nước sinh hoạt.
- ★ Xi măng PC30, bao bì PP các loại.

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

1. NHÀ MÁY SUPE PHỐT PHÁT LONG THÀNH	ĐT : 061.841188 - 827068	FAX : 061.841207
2. XÍ NGHIỆP PHÂN BÓN BÌNH DIỄN I	ĐT : 8754353	FAX : 8754353
3. XÍ NGHIỆP PHÂN BÓN BÌNH DIỄN II	ĐT : 8750150 - 8750293	FAX : 8750293
4. XÍ NGHIỆP PHÂN BÓN AN LẠC I	ĐT : 8750523 - 8750467	FAX : 8750523
5. XÍ NGHIỆP PHÂN BÓN CHÁNH HƯNG	ĐT : 8504664 - 8504468	FAX : 8500896
6. XÍ NGHIỆP PHÂN BÓN CỬU LONG	ĐT : 070.822421 - 822910	FAX : 070.800215
7. XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ - BAO BÌ THANH ĐÀ	ĐT : 8750242	FAX : 8750242
8. XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH XI MĂNG BÌNH DIỄN	ĐT : 8750284	FAX : 8752750

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

CÔNG TY CAO SU CÀ PHÊ THANH HOÁ

Trụ sở: 54 Cửa Tả - Phường Lam Sơn - Thanh Hóa

Điện thoại: (037) 850356 * Fax: (037) 752317

GIÁM ĐỐC: ĐỖ VIỆT LIÊM

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Khai thác, tiếp nhận, quản lý các nguồn vốn để phát triển cây cao su, cà phê, chè theo quy hoạch Nhà nước đã được duyệt.
2. Tổ chức sản xuất giống cao su, cà phê, chè: trồng mới, chăm sóc, chuyển giao công nghệ để phát triển cây cao su, cà phê, chè.
3. Cung ứng dịch vụ vật tư, thiết bị phục vụ phát triển cây cao su, cà phê, chè (kể cả việc nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên dùng).
4. Thu mua chế biến sản phẩm từ cao su, cà phê, chè để xuất khẩu và tiêu dùng nội địa.
5. Quy hoạch vùng chuyên canh, chế biến dầu tầm tơ.
6. Xây dựng các cơ sở chế biến dầu tầm tơ để nâng cao giá trị sử dụng hiệu quả kinh tế phục vụ cho xuất khẩu.
7. Ứng dụng các tiến bộ KT trong sản xuất để tăng cường năng suất chế biến dầu tầm tơ, hạ giá thành sản phẩm, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu.
8. Xây dựng các mô hình kinh tế trang trại trong sản xuất, chế biến.

CÔNG TY CAO SU CÀ PHÊ THANH HOÁ RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC HỢP TÁC VỚI BẠN HÀNG CẦN XA!

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM QUẢNG NGÃI

ĐỊA CHỈ: 986 QUANG TRUNG - NÚI BÚT - THỊ XÃ QUẢNG NGÃI * ĐIỆN THOẠI: 055.824041

Trường Cao Đẳng Sư phạm Quảng Ngãi là một trường đơn thuần đào tạo giáo viên cấp II, nay trở thành trường sư phạm đa hệ, đa ngành: Đào tạo giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục từ mầm non đến THCS. Ở hệ Cao Đẳng Sư phạm có 5 khoa đủ điều kiện để đào tạo các chuyên ngành tương ứng các môn học ở trường phổ thông. Song song với công tác đào tạo, trường luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học, THCS với nhiều hình thức đa dạng phong phú vừa tạo điều kiện thuận lợi cho người học, vừa sát với tình hình thực tế của yêu cầu giáo dục phổ thông: Chuyên tu, tại chức, tập trung. Để giải quyết khó khăn về cơ sở vật chất, trường đã xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, sở giáo dục đào tạo, liên kết với phòng GD-ĐT mở các lớp bồi dưỡng chuẩn hoá giáo viên tại các huyện. Nhờ hình thức đào tạo này mà trong 5 năm qua đã bồi dưỡng chuẩn hoá được 1234 giáo viên tiểu học, 920 giáo viên mẫu giáo và 121 giáo viên THCS. Từ năm 1993, để đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục vùng cao, vùng xa, hải đảo, trường đã đào tạo 700 giáo viên tiểu học cầm bản, 71 giáo viên mẫu giáo và 387 giáo viên THCS hệ cử tuyển. Đội ngũ giáo viên này đã kịp thời đáp ứng yêu cầu giáo dục ở vùng cao và là đội ngũ góp phần tích cực, có hiệu quả vào công tác xoá mù, phổ cập tiểu học của tỉnh nhà. Tích cực tham gia công tác bồi dưỡng thường xuyên của ngành giáo dục Quảng Ngãi. Ngoài việc hoàn thành chức năng nhiệm vụ của mình, trường đã liên kết với các trường Đại học khu vực đào tạo nâng chuẩn được 487 giáo viên THCS có trình độ Đại học sư phạm. Trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng, luôn trú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập, rèn luyện nghiệp vụ. Vì vậy chất lượng đào tạo không ngừng được nâng lên.

Nghiên cứu khoa học được xác định là nhiệm vụ thứ hai song song với nhiệm vụ giảng dạy của giáo viên. Vì vậy hàng năm 100% giáo viên đăng ký đề tài NCKH, có từ 50 đến 60 đề tài nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đạt chất lượng cao. Trường mạnh dạn tổ chức đăng cai Hội thảo khoa học các trường Cao đẳng Sư phạm Miền Trung và Tây nguyên về chuyên đề "Đổi mới quản lý, đổi mới phương pháp dạy học ở trường CDSP", đạt kết quả tốt. Lực lượng sinh viên được tích cực tham gia công tác NCKH và có những thành quả đáng khích lệ.

Đến nay, trường CDSP Quảng Ngãi đã chủ động chuẩn bị đầy đủ nhân lực, trí lực, cơ sở vật chất, kế hoạch...có đủ điều kiện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng và Nhân dân giao phó, hoà nhập kịp thời vào sự chuyển biến mạnh mẽ toàn diện của nền giáo dục toàn quốc những năm đầu thế kỷ, góp phần tích cực vào sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.



LISOHAKA



BẢO HÀNH ĐẶC BIỆT 15.000KM
CHO ĐỘNG CƠ VÀ GIẢI SỐC
LISOHAKA KHÁC PHỤC ĐƯỢC TẤT CẢ NHỮNG NHƯỢC ĐIỂM
CỦA XE MÁY TRUNG QUỐC CÓ MẶT TẠI VIỆT NAM
KHÁC PHỤC ĐUA ẢO HIỆN THỜI ĐẾ XE MÁY CÓ ĐỒNG GIÁ TRỊ NHẤT
ĐC GIAO DỊCH

SỐ 226/92 THÍCH QUẢNG ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT 08 8423455
SỐ 205A HOÀNG VĂN THỦY P.8 PHƯỜNG THỦY HỒ CHÍ MINH - ĐT 08 8423455
TRƯỞNG TÂM XE GẮN MÁY SÀI GÒN - CHO LON 45 AN DƯƠNG VƯƠNG
P8 - Q5 - TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT: 08 8423455
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HÙNG LONG 14 - P. HÀ HUY TẬP
TP. VINH - NGHỆ AN - ĐT: 033 680261

HÃY ĐẾN VỚI LISOHAKA VIỆT NAM XE MÁY CHẤT LƯỢNG TỐT NHẤT

281 ĐƯỜNG TRƯỜNG CHINH HÀ NỘI - ĐT: 045834555 - 04 8234155
98 TÂY SƠN - ĐỒNG ĐAI - HÀ NỘI, ĐT: 04 3350911
SỐ 2 NGÕ VUA TỰ BẮC QUẢNG - ĐT 0240 833116
CÔNG TY THƯƠNG MẠI DUY ANH TỐ 4 TRẦN LÂM - THAI BÌNH - ĐT: 036331832
CÔNG TY KHAI THÁC KHOẢNG SÁNH HÒA BÌNH 34 CỤ CHỢ LẠN
THị xã Hòa Bình - ĐT: 018.653398
CỬA HÀNG XE MÁY CHẤT LƯỢNG CAO BÙ KHUẤT THIÊN (TÁI HỢP) ĐT: 04 3344118
CÔNG TY THƯƠNG MẠI MINH LINH XÍU MẠI PHÚ THIỆN 33 LIÊN - HÀ NỘI - ĐT: 04 3842777



TỔNG CÔNG TY BAY DỊCH VỤ VIỆT NAM (SFC)

CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG

AIRPORT CONSTRUCTION COMPANY (ACC)

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp, giao thông vận tải và điện lực.
- Khai thác đá, cát, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Sản xuất, kinh doanh sơn hoá chất và đại lý xăng dầu, gas đốt.
- Kinh doanh, dịch vụ kỹ thuật và lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy.

SCOPE OF ACTIVITY

- Undertaking the civil, industrial and transport construction projects.
- Exploiting stone, sand. Producing and dealing in construction materials.
- Producing and dealing in chemical paints. Having petrol and gas Agenling.
- Dealing in fire fighting technology service and equipment's installation.



Trạm trộn bê tông nhựa nóng 80 tấn/h



Trạm trộn bê tông xi măng 60m3/h KABAG Mo-60 (CHLB Đức)



Máy liên hợp trải - đầm bê tông nhựa nóng Vögele super 1800 (AB 475 - TVP 2) CHLB Đức



Thi công đường cốt pha cát 25 - L Sân bay Tân Sơn Nhất bằng máy trải bê tông ván khuôn trượt SP-500 (CHLB Đức)



Máy cắt khe co giãn bê tông AC-25 (Hoa Kỳ)



CÔNG TRÌNH ĐẠT CHẤT LƯỢNG TIÊU BIỂU THẬP KỶ 90
Công Trình Sân Đồ Máy Bay A75, Sân Bay Tân Sơn Nhất

CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG - ACC

TRỤ SỞ: 178 ĐƯỜNG TRƯỜNG CHINH - HÀ NỘI

ĐT: (04) 8521545 FAX: (84-4) 8537196

CHI NHÁNH TẠI TP. HCM: 46 ĐƯỜNG TIẾN GIANG - QUẬN TÂN BÌNH

ĐT: (08) 8442815 FAX: (84-8) 8436645

CHI NHÁNH TẠI TP. NHÀ TRẢNG: 86/4 ĐƯỜNG TRẦN PHÚ

ĐT: (056) 810784 FAX: (84-56) 810784

CHI NHÁNH TẠI TP. ĐÀ NẴNG: ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LINH

ĐT: (0511) 712324 FAX: (84-511) 712324

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân Nhâm Ngọ 2002

Digitized by

Google

CÔNG TY XỔ SỔ KIẾN THIẾT TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CÔNG KHAI MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2001

(Căn cứ Nghị định số 27/1999/NĐ-CP ngày 20/4/1999 và
Thông tư số 65/1999 TT-BTC ngày 07/6/1999 của Bộ Tài Chính)

TT	CHỈ TIÊU	NĂM TRƯỚC	NĂM BÁO CÁO
1	TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	64.818.212.852	97.785.579.917
	- Vốn bằng tiền	51.877.337.494	78.448.986.624
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn		
	- Các khoản nợ phải thu	11.021.246.940	14.881.040.412
	- Các khoản nợ khó đòi	1.504.464.830	818.216.630
	- Hàng tồn kho	1.918.628.418	4.437.011.185
	- Tài sản lưu động khác	1.000.000	18.541.696
2	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	7.762.978.132	7.146.682.300
	- Nguyên giá tài sản cố định	9.402.037.642	9.741.673.750
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(3.639.059.510)	(4.633.812.453)
	- Đầu tư tài chính dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
	- Các khoản kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn		
3	NỢ PHẢI TRẢ	31.699.750.546	41.000.501.368
3a	Nợ ngắn hạn	31.699.750.546	41.000.501.368
	- Trong đó quá hạn trả		
4	NGUỒN VỐN - QUỸ	40.881.440.438	63.931.760.849
	- Nguồn vốn kinh doanh (Vốn chủ sở hữu)	13.558.456.254	13.898.092.362
	- Quỹ đầu tư phát triển	24.900.684.477	45.789.649.063
	- Quỹ dự trữ	2.373.644.546	4.038.433.635
	- Lãi chưa phân phối		
	- Quỹ khen thưởng - phúc lợi	48.655.251	205.585.789
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
5	CÁC QUỸ		
5a	Quỹ đầu tư phát triển	24.900.684.477	45.789.649.063
	+ Số dư đầu kỳ	15.566.030.334	24.900.684.477
	+ Số trích trong kỳ	10.900.380.977	21.240.584.465
	+ Số đã chi trong kỳ	1.565.726.834	351.619.879
5b	Quỹ dự phòng tài chính	1.843.694.770	3.474.523.090
	* Số dư đầu kỳ	1.236.057.864	1.843.694.770
	* Số trích trong kỳ	607.636.906	1.630.828.320
	* Số chi trong kỳ		
5c	Quỹ trợ cấp mất việc làm	529.949.686	563.910.545
	* Số dư đầu kỳ	529.200.000	529.949.686
	* Số trích trong kỳ	749.686	33.960.859
	* Số chi trong kỳ		
5d	Quỹ khen thưởng phúc lợi	48.655.251	205.585.789
	* Số dư đầu kỳ	207.415.297	48.655.251
	* Số trích trong kỳ	552.187.247	789.398.169
	* Số thực chi trong kỳ	710.947.293	632.467.631
	Trong đó : Chi theo mục đích nhân đạo xã hội	46.903.721	46.035.000
6	KẾT QUẢ KINH DOANH		
	- Sản lượng sản phẩm chủ yếu	163.280.529	213.901.758
	- Tổng doanh thu	274.132.790.002	358.379.755.002

TT	CHỈ TIÊU	NĂM TRƯỚC	NĂM BÁO CÁO
	Trong đó : Thu từ trợ cấp, trợ giá		
	- Tổng chi phí	235.223.491.120	290.781.779.140
	Trong đó :		
	* Chi cho hoạt động quản lý	3.259.229.883	3.388.049.093
	* Chi hội nghị tiếp khách	366.019.870	277.194.433
	* Chi hoa hồng môi giới	42.764.715.240	55.907.241.780
	* Chi tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế		
	* Tổng lãi (+) lỗ (-)	39.255.532.314	68.234.087.537
	Trong đó :		
	* Từ hoạt động kinh doanh	38.909.298.882	67.597.975.862
	* Từ hoạt động mua bán tín phiếu, trái phiếu, cổ phiếu		
	* Cho thuê, khoán tài sản	143.936.164	117.272.727
	* Từ nhượng bán, thanh lý tài sản	49.671.056	
	* Hoạt động liên doanh, liên kết		
	* Lãi cổ phần, lãi tiền gửi, tiền cho vay	103.298.282	456.214.381
	* Thu các khoản thu khó đòi nay đòi được	5.800.000	1.000.000
	* Các khoản thu nhập khác	43.536.930	61.624.567
	* Tổng lợi tức sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.826.105.299	17.138.834.837
	* Lỗ lũy kế		
7	NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
	- Các khoản thuế phải nộp	98.871.929.555	134.631.050.078
	- Các khoản thuế đã nộp trong kỳ	85.000.000.000	126.000.113.000
8	CÁC KHOẢN NỘP VỀ BHYT, BHXH, KPCC		
	- Tổng số phải nộp	74.220.431	90.738.223
	- Số đã nộp trong kỳ	70.422.444	77.488.744
9	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP		
10	LAO ĐỘNG		
	Tổng số lao động trong kỳ	51	51
	+ Hợp đồng ngắn hạn	5	5
	+ Hợp đồng dài hạn	46	46
11	THU NHẬP		
	- Tổng quỹ lương	1.059.899.372	1.127.821.089
	- Thu nhập khác	331.283.296	331.673.533
	+ Tiền lương binh quân	1.631.220	1.893.320
	+ Thu nhập binh quân	2.172.533	2.435.270

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các số liệu công khai tài chính.

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Viên Thanh

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồng Quang

XỔ SỐ KIẾN THIẾT TÂY NINH

Địa chỉ: 167 Đại lộ 30/4 Thị xã Tây Ninh ĐT: 822327 - 827536
Tài khoản: 948.00026 tại Kho bạc Nhà nước Tây Ninh

KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

May Mắn Và Hạnh Phúc

NG TÀI
CÓC NĂM BẠC 24
120 290,701,776.94
383 3,388,048.00
170 277,94.00
40 55,907,241.70
14 68,234,087.56
2 67,587,975.96
117,272.70
456,214.30
1,000.00
61,524.95
17,138,324.00
34,631,055.00
26,000,118.00
90,728.00
77,488.74
27,821.88
1,479,533
1,855.53
2,435.57
hình 88
ang

KINH PHẬT TẠI





TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

175 - TÂY SƠN - ĐỒNG ĐA - HÀ NỘI

Điện thoại: 04.8522.201 - FAX: 04.5633.351 * Email: WRU.@.fpt.vn

**ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG
TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI
HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHẤT**



Trường Đại học Thủy lợi thành lập năm 1959 là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ KHKT Thủy lợi, hiện nay là trường Đại học đầu ngành của cả nước đào tạo nguồn nhân lực có học vấn đại học và sau đại học, đồng thời là trung tâm KH chuyển giao công nghệ tiên tiến về lĩnh vực Thủy lợi - Thủy điện và tài nguyên nước.

NGÀNH ĐÀO TẠO

- Xây dựng công trình thủy lợi.
- Thủy nông cải tạo đất.
- Thủy văn môi trường.
- Công trình Thủy điện.
- Máy xây dựng và thiết bị Thủy lợi.
- Kinh tế Thủy lợi.
- Tin học - Công nghệ thông tin.
- Kỹ thuật cơ sở hạ tầng cấp thoát nước.

NHỮNG PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC VÀ QUỐC TẾ TRAO TẶNG

- * Huân chương Lao động hạng I, II, III các năm 1960, 1976, 1978, 1984
- * Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 1989)
- * Huân chương Độc lập hạng Hai (năm 1994)
- * Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 1999)
- * Đơn vị Anh hùng Lao động (năm 2000)
- * 6 Huân chương Lao động hạng Hai và 12 Huân chương Lao động hạng Ba tặng cho các tập thể nhỏ và các cá nhân của trường.
- * Huân chương Lao động Hạng Nhất do Nhà nước CHDCND Lào trao tặng năm 2000 về thành tích đào tạo cán bộ KHKT cho nước bạn.
- * Giải nhất SV 96
- * Cúp vàng vì sự nghiệp xanh Việt Nam (2001)
- * Nhiều cựu sinh viên của trường hiện nay đang giữ các chức vụ chủ chốt ở TW và địa phương như Ủy viên TW Đảng, Bộ trưởng, Thứ trưởng, Chủ tịch hoặc Bí thư Tỉnh ủy, Anh hùng lực lượng vũ trang và anh hùng Lao động.



Cửa van cùng công trình tràn xả lũ kè gỗ Hà Tĩnh do Trường thiết kế



Cống Mỹ Phước Sóc Trăng ngăn mặn 20.500ha, tiếp nước ngọt 13.700ha do Trường thiết kế

HX
9
.H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



9

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN QUẢN LÝ VÀ KINH TẾ

TRỤ SỞ : 9 Đường Giải Phóng - Hai Bà Trưng - Hà Nội

ĐT : 8.694790 ; 8.697298

FAX : (84-4) 8.693.761 ; 8.695992 ; 8. 693.368



Giám đốc
TS. LÊ VĂN NĂM

Trung tâm Công nghệ Thông tin Quản lý và Kinh tế thuộc Đại học Kinh tế Quốc dân được thành lập theo quyết định số 830/QĐ-DT ngày 07/03/1997 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiền thân của Trung tâm là Trung tâm Tin học Kinh tế (Quyết định thành lập của Hiệu trưởng Đại học KTQD số 1944/QĐ-TCCB).

Trung tâm là đơn vị sự nghiệp có thu, hoạt động theo nghị định 35/HĐBT ngày 28/01/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về quản lý KH & CN và các quy định có liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

I - NHIỆM VỤ CỦA TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN QUẢN LÝ VÀ KINH TẾ :

- Tổ chức nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản và tiên bộ về công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy tin học cơ sở, tin học kinh tế và quản trị kinh doanh.

- Nghiên cứu và chuyển giao những tiến bộ về công nghệ thông tin quản lý và kinh tế, phục vụ đào tạo nghiên cứu, tư vấn kinh tế và quản trị kinh doanh. Đưa những tiến bộ về công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy tin học.

- Nghiên cứu và tiếp thu những kinh nghiệm đào tạo tin học trong kinh tế và quản lý của các nước trong khu vực và trên thế giới phục vụ cho việc đào tạo của Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Tổ chức nghiên cứu xây dựng Ngân hàng dữ liệu phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của sinh viên, nghiên cứu sinh, giáo viên và các đơn vị trong và ngoài trường.

- Tổ chức thực hiện các lớp bồi dưỡng ngắn hạn liên quan đến Công nghệ thông tin quản lý và kinh tế, ứng dụng tin học trong kinh tế cho các đối tượng trong và ngoài trường và cấp chứng chỉ cho các đối tượng sau mỗi khóa học.

- Khai thác sử dụng, bảo dưỡng và phát triển có hiệu quả toàn bộ hệ thống máy vi tính, vận hành hệ thống mạng máy vi tính trong toàn trường. Tư vấn và cung cấp dịch vụ tin học, phục vụ hỗ trợ đào tạo kinh tế và quản trị kinh doanh cho các cá nhân và đơn vị trong toàn trường.

- Phối hợp tổ chức các cuộc hội thảo trong nước và Quốc tế nhằm cung cấp những thông tin, tư liệu mới về công nghệ thông tin, tin học trong và ngoài nước.

II - CHỨC NĂNG

Các chức năng chính của Trung tâm :

- Nghiên cứu và chuyển giao những tiến bộ về công nghệ thông tin trên thế giới và trong nước để phục vụ đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng kiến thức tin học kinh tế vào quản trị kinh doanh.

- Làm tư vấn cho các tổ chức Đảng, Nhà nước, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, các đơn vị trong trường về chuyển giao và ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến và hiện đại.

- Tổ chức bồi dưỡng và đào tạo về công nghệ thông tin, nâng cao kiến thức tin học.

III - TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA TRUNG TÂM

Hiện tại Trung tâm có 26 cán bộ khoa học và nhân viên (kể cả biên chế chính thức, hợp đồng và kiêm nhiệm) có trình độ từ tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đã được đào tạo ở trong và ngoài nước.

* Lãnh đạo Trung tâm

Giám đốc : TS LÊ VĂN NĂM

Phó Giám đốc : TS ĐẶNG MINH ẮT

* Các đơn vị trực thuộc Trung tâm

- Văn phòng

- Tổ Nghiên cứu, giảng dạy, đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn.

- Tổ Kế toán tài vụ.

- Tổ Quản trị mạng, bảo hành và sửa chữa máy vi tính.

- Tổ Tư vấn hỗ trợ và phục vụ đào tạo sinh viên Đại học KTQD

- Tổ Quản lý tài sản, máy móc và thiết bị của Trung tâm.



BAN LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM



GIỜ HỌC VI TÍNH



ĐẠI HỌC SINH TỐT NGHIỆP



THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 638

9

3-2002

• BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9422061
Fax : (04) 8222846

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3 Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8225768

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

Email: bhbtccs@hn.vnn.vn

• TỔNG BIÊN TẬP :

VŨ VĂN HIỀN



Biên 1 : Thanh niên với phong trào

ình nguyện

Ảnh VN

Tạp chí Cộng sản

CO QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NGUYỄN VĂN AN - Lời khai mạc kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa X	3
MAI THỨC LÂN - Bảo đảm dân chủ, đúng pháp luật trong cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI	5
TRẦN QUANG NHIẾP - Sự kiện chính trị trọng đại của đất nước	8
ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG - Yếu tố quan trọng bảo đảm quyền con người	12
LƯƠNG VĂN TỰ - Vượt lên trên những thách thức mới trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới	17

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

<i>Doanh nghiệp Việt Nam với công cuộc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế</i>	
VŨ HIỀN - Báo cáo đề dẫn	20
*** Tổng quan Hội thảo	24

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN TRỌNG PHÚC - Lê-nin, Hồ Chí Minh nói về vấn đề luân chuyển cán bộ	31
PHẠM NGỌC HIỀN - Một số vấn đề về đấu tranh tư tưởng hiện nay	36
HOÀNG BÌNH QUÂN - Tình hình tư tưởng của thanh niên và công tác tư tưởng của Đoàn Thanh niên	40

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

LÊ VŨ HÙNG - Phát triển giáo dục và đào tạo khu vực đồng bằng sông Cửu Long	45
NGUYỄN KHẮC BỘ - Vĩnh Phúc chuyển đổi hợp tác xã theo Luật	50
LÊ HOÀNG TAM - Một mô hình hợp tác xã nông nghiệp trong cơ chế mới ở Đồng Tháp	53

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

TIẾN HẢI - Xin đừng gọi con như thế	56
-------------------------------------	----

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGUYỄN HOÀNG - THÁI VĂN LONG - Trung Đông : con tàu hòa bình chưa tìm ra bến đậu	58
--	----

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

- Hội nghị sơ kết việc thực hiện chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ВАН АН: Вступительное слово 11ой сессии Национального Собрания Xого созыва. МАЙ ТХУК ЛАН: Обеспечение демократии и надлежащей законности в течение выборов в Национальное Собрание Xого созыва. ЧАН КУАНГ НИЕП: Выборы депутатов Национального Собрания Xого созыва – важное политическое событие страны. ДО НГУЕН ФЫОНГ: Важный фактор, гарантирующий человеческие права. ЛЫОНГ ВАН ТЫ: Преодолеть новые вызовы в течение интеграции в мировую экономику. ВУ ХИЕН: Доклад – введение к семинару "Вьетнамские предприятия и курс создания независимой, самостоятельной экономики и интеграции в мировую экономику". *** Обзор Семинара. НГУЕН ЧОНГ ФУК: В.И. Ленин, Хо Ши Мин говорят об обращении кадров. ФАМ НГОК ХИЕН: Некоторые проблемы, касающиеся нынешней идеологической борьбы. ХОАНГ БИНЬ КУАН: Идеологическое состояние молодёжи и идеологическая деятельность Коммунистического Союза Молодёжи им. Хо Ши Мина. НГУЕН ХОАНГ – ТХАЙ ВАН ЛОНГ: Ближний Восток: Корабль мира всё ещё не нашёл причала.

CONTENTS

NGUYỄN VĂN AN: Opening speech of the 11th session of the National Assembly (Xth tenure). MAI THỨC LÂN: To provide democracy, appropriate legislation during the election to the National Assembly XIth tenure. TRẦN QUANG NHIỆP: Election of the deputies to the National Assembly of the XI tenure – an important political event of the country. ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG: An important element guaranteeing human rights. LƯƠNG VĂN TỰ: To overcome the new challenges during merging into the World economy. VŨ HIẾN: Introductory report to the seminar "Vietnamese enterprises and the cause of building an independent, self – mastery, economy and its merging into World economy". *** Overview of the seminar. NGUYỄN TRỌNG PHÚC: Lenin, Ho Chi Minh speaking about cadres' rotation. PHẠM NGỌC HIẾN: Some problems regarding the current ideological struggle. HOÀNG BÌNH QUÂN: Ideological situation of the youth and the ideological work of the Ho Chi Minh Communist Union of The Youth. NGUYỄN HOÀNG – THÁI VĂN LONG: Near East the ship of peace has not yet found the moor.

SOMMAIRE

NGUYỄN VĂN AN: Allocution d'ouverture de la 11e session de l'Assemblée nationale (Xe législature). MAI THỨC LÂN: Assurer la démocratie et la légalité des élections législatives (XIe législature). TRẦN QUANG NHIỆP: Les élections législatives (XIe législature) - événement politique important du pays. ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG: L'élément important pour assurer le droit de l'homme. LƯƠNG VĂN TỰ: Surmonter les nouveaux défis du processus d'intégration à l'économie mondiale. VŨ HIẾN: Rapport d'introduction du Colloque "Les entreprises vietnamiennes et l'œuvre d'édification d'une économie indépendante, autonome, qui s'intègre à l'économie mondiale". *** Le panorama du colloque. NGUYỄN TRỌNG PHÚC: Lénine et Hồ Chí Minh parlent de la mutation de cadres. PHẠM NGỌC HIẾN: Quelques questions de la lutte idéologique à l'heure actuelle. HOÀNG BÌNH QUÂN: Sur la pensée des jeunes et le travail idéologique de l'Union de la Jeunesse. NGUYỄN HOÀNG – THÁI VĂN LONG: Le Proche-Orient: le bateau de paix n'a pas encore trouvé un embarcadere.

SUMARIO

NGUYỄN VĂN AN: Alocución de apertura de la 11 Sesión de la Asamblea Nacional (X Legislatura). MAI THỨC LÂN: Asegurar la democracia conforme a las leyes en las elecciones de la Asamblea Nacional (XI Legislatura). TRẦN QUANG NHIỆP: Las elecciones legislativas (XI Legislatura) - un acontecimiento político importante del país. ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG: El factor importante del aseguramiento del derecho humano. LƯƠNG VĂN TỰ: Superar los nuevos desafíos en el proceso de la integración a la economía mundial. VŨ HIẾN: Informe de introducción del seminario "Las empresas vietnamitas para con la edificación de la economía independiente autónoma y la integración en la economía internacional". *** El panorama del seminario. NGUYỄN TRỌNG PHÚC: V.I. Lenin y Hồ Chí Minh hablan sobre la mutación de cuadros. PHẠM NGỌC HIẾN: Algunas cuestiones en la lucha ideológica en la actualidad. HOÀNG BÌNH QUÂN: El pensamiento de los jóvenes y el trabajo ideológico de la Unión de la Juventud. NGUYỄN HOÀNG - THÁI VĂN LONG: Oriente Próximo: el barco de paz no encuentra aún el embarcadero.

目录

• 阮文安 国会第十届第五次会议开幕词 • 梅叔麟 保证国会十一届大选中的民主及遵循法律的程序 • 杜元芳 保证人权的重要要素 • 梁文字 在融入世界经济过程中, 战胜新的挑战 • 武贤 《越南企业与建设独立自主的经济和融入国际经济》研讨报告引言 • *** 研讨综观 • 阮仲福 列宁、胡志明论及干部轮换问题 • 范玉贤 目前有关思想斗争的一些问题 • 黄平军 青年思想现状及共青团的思想工作 • 阮黄、蔡文龙 中东— 和平之船未寻找泊岸。



LỜI KHAI MẠC KỲ HỌP THỨ 11, QUỐC HỘI KHÓA X

NGUYỄN VĂN AN

Chủ tịch Quốc hội

*Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng
và Nhà nước,*

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Thưa các vị khách quý,

Hôm nay, Quốc hội khóa X nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,
kỳ họp thứ 11 bắt đầu làm việc. Thay

mặt Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tôi
nhiệt liệt chào mừng và chúc sức khỏe
các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà
nước, các đồng chí lão thành cách
mạng, các vị đại biểu Quốc hội, các vị
trong Đoàn ngoại giao cùng toàn thể
các đồng chí, các vị khách tới dự kỳ
họp này của Quốc hội.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Quốc hội khóa X tiến hành kỳ họp cuối cùng của nhiệm kỳ trong không khí vui tươi phấn khởi của những ngày đầu Xuân Nhâm Ngọ. Các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở đang ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2002 ngay từ tháng đầu, quý đầu. Đây cũng là thời điểm các cấp, các ngành và cử tri cả nước đang khẩn trương chuẩn bị cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI (2002 – 2007), sẽ diễn ra đúng vào ngày 19 – 5, Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu.

Trong suốt nhiệm kỳ qua, bằng sức lực và trí tuệ của mình, Quốc hội khóa X (1997 – 2002) đã có những đóng góp to lớn vào thành tựu chung của công cuộc đổi mới. Với tinh thần trách nhiệm cao trước nhân dân và đất nước, Quốc hội khóa X đã không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng và hiệu quả trong việc thực hiện các chức năng lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Có thể nói, kế thừa truyền thống của 9 khóa Quốc hội trước đây, Quốc hội khóa X đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ và ngày càng xứng đáng với sự tin cậy của nhân dân.

Để đánh giá một cách đầy đủ và rút ra các bài học kinh nghiệm cho nhiệm

kỳ tới, tại kỳ họp này, Quốc hội sẽ thảo luận cho ý kiến về các Báo cáo công tác cả nhiệm kỳ khóa X (1997 – 2002) của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội ; của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngoài ra để thực hiện nhiệm vụ xây dựng pháp luật, Quốc hội sẽ xem xét, thông qua các dự án : Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi), Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân (sửa đổi), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật lao động ; cho ý kiến về các dự án : Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước. Đồng thời, Quốc hội sẽ xem xét và quyết định một số vấn đề quan trọng khác.

Tôi trân trọng đề nghị các vị đại biểu Quốc hội nêu cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân cả nước, tập trung trí tuệ, phát huy dân chủ, đóng góp nhiều ý kiến thiết thực, góp phần làm cho kỳ họp cuối cùng của Quốc hội khóa X đạt kết quả tốt đẹp.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa X. □

BẢO ĐẢM DÂN CHỦ, ĐÚNG PHÁP LUẬT TRONG CUỘC BẦU CỬ QUỐC HỘI KHÓA XI

MAI THÚC LÂN *

NGÀY 19 tháng 5 tới, cử tri cả nước sẽ đi bầu cử Quốc hội khóa XI, khóa Quốc hội đầu tiên của thế kỷ XXI, đánh dấu sự lớn mạnh của Nhà nước ta sau gần 60 năm xây dựng và phát triển. Cuộc bầu cử lần này được tiến hành sau Đại hội lần thứ IX của Đảng thành công tốt đẹp, Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10 vừa qua đã thảo luận và thông qua Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử Quốc hội và Luật Tổ chức Quốc hội. Những văn bản quan trọng này đã bổ sung và hoàn chỉnh hơn những quyền hạn và trách nhiệm của Quốc hội như quyền phân bổ ngân sách, quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các thành viên của Chính phủ theo đề nghị của Thủ tướng. Những quyền này trước đây Quốc hội thường ủy quyền, hoặc giao cho Ủy Ban Thường vụ Quốc hội thực hiện và điều đó đã làm mờ nhạt đi vai trò của Quốc hội. Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 cũng đã xác định quyền của Quốc hội trong việc quyết định chính sách tôn giáo và quyền bổ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức danh do Quốc hội bầu, hoặc phê chuẩn.

Để Quốc hội thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ quan trọng của mình, Luật Tổ chức Quốc

hội (sửa đổi) và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử Quốc hội đã quy định tăng thêm số đại biểu Quốc hội lên 500 người, đồng thời cũng quy định số đại biểu Quốc hội làm công tác chuyên trách của Quốc hội lên ít nhất là 25% tổng số đại biểu. Những điều quy định đó đã tăng thêm trách nhiệm cho cử tri trong việc lựa chọn những người đại diện thật xứng đáng vào cơ quan quyền lực cao nhất của đất nước. Cũng chính vì thế, Quốc hội đã thông qua điều luật kéo dài thời gian từ ngày Ủy Ban Thường vụ Quốc hội công bố ngày bầu cử đến ngày bầu cử là 105 ngày, dài hơn 15 ngày so với những kỳ bầu cử trước, tạo điều kiện cho các công việc tiến hành bầu cử được thuận lợi hơn ; việc giới thiệu người ra ứng cử được thực hiện chặt chẽ hơn và người tự ứng cử có thời gian để suy nghĩ chín chắn hơn ; các bước hiệp thương cũng sẽ có thời gian để bảo đảm cho việc lựa chọn các ứng cử viên được dân chủ, thận trọng hơn.

Công tác chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI cũng đã được triển khai hết sức khẩn trương ở trung ương cũng như trên tất cả các địa phương trong cả nước. Hội đồng

* Phó Chủ tịch Quốc hội

Bầu cử Trung ương, các Tiểu ban tuyên truyền, Tiểu ban bảo vệ, Tiểu ban giải quyết khiếu nại tố cáo, Ủy ban bầu cử ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được thành lập và đang hoạt động có hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ được luật pháp quy định. Nét mới trong công tác tuyên truyền và chỉ đạo bầu cử kỳ này là Văn phòng Quốc hội và Hội đồng bầu cử đã cho mở trang thông tin về bầu cử Quốc hội trên mạng In-tơ-nét. Đây cũng là lần đầu tiên nước ta đưa công nghệ điện tử phục vụ cho công tác bầu cử, tạo điều kiện cho việc khai thác các tài liệu, tư liệu, các thông tin về hoạt động bầu cử trên trang web, thực hiện dân chủ bằng các phương tiện điện tử hiện đại. Đồng nhiên, các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình có trách nhiệm rất lớn trong việc tuyên truyền, vận động bầu cử, làm cho mỗi cử tri thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình.

Bầu cử Quốc hội nước ta bao giờ cũng là một cuộc sinh hoạt chính trị sâu rộng trong nhân dân và ngày bầu cử là ngày hội quần chúng, ngày cử tri cả nước thể hiện ý chí quyết tâm, quyền dân chủ và nghĩa vụ công dân trong việc xây dựng Nhà nước của mình. Luật Bầu cử Quốc hội cũng như những nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã xác định khá rõ những điều kiện và những bước đi cụ thể để cử tri thực hiện quyền dân chủ của mình. Đó là quy trình hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội chia làm các bước để cử tri nơi người ứng cử công tác và cư trú có thể đóng góp ý kiến trực tiếp và bày tỏ tín nhiệm của mình đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội. Cũng từ những ý kiến và thái độ của cử tri tại những

hội nghị này, các hội nghị hiệp thương do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc ở Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thêm những dữ kiện, những thông tin để lựa chọn những người xứng đáng đưa vào danh sách các ứng cử viên tiêu biểu.

Những người tự ứng cử được khuyến khích nộp đơn tại nơi mình muốn tham gia ứng cử nếu xét thấy mình có đủ tiêu chuẩn đức tài, đại diện cho dân. Nội dung này đã được ghi trang trọng trong Điều 2 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội : *"Công dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 20 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội theo quy định của pháp luật."* Chính điều này và những điều khoản khác quy định về người tự ứng cử trong Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và những văn bản khác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã nói lên rất rõ tính chất dân chủ của chế độ ta trong việc bầu cử.

Một trong những nội dung quan trọng của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội là quy định vấn đề xét và giải quyết những khiếu nại, tố cáo của công dân đối với những người ra ứng cử. Công dân có quyền khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, khiếu nại, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử với Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử, Hội đồng bầu cử. Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử, Hội đồng bầu cử phải ghi vào sổ và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo thẩm quyền. Trong trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu

cử, Ủy ban bầu cử thì có quyền khiếu nại với Hội đồng bầu cử và quyết định của Hội đồng bầu cử là quyết định cuối cùng. Để tránh tình trạng lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu cáo người ứng cử, hoặc gây rắc rối trong hoạt động bầu cử, Luật cũng quy định không xem xét, giải quyết đối với những đơn tố cáo nặc danh. Mặt khác, để việc giải quyết khiếu nại, tố cáo không bị bỏ lửng, Luật đã quy định là sau khi Quốc hội khóa mới đã bầu được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Hội đồng bầu cử chuyển toàn bộ hồ sơ về khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa mới để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ cấu và tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội cũng là một vấn đề luôn được đặt ra trong các kỳ bầu cử. Bảo đảm chất lượng đại biểu theo đúng tiêu chuẩn là hết sức quan trọng để Quốc hội có đủ tài trí, kiến thức, năng lực thực hiện tốt các quyền lập pháp, giám sát tối cao và quyết định những vấn đề quốc kế dân sinh quan trọng của đất nước. Mặt khác, Quốc hội ta là cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân, vì thế phải có một cơ cấu đại biểu đại diện cho các tầng lớp nhân dân, bảo đảm cho mọi tầng lớp, thành phần nhân dân có đại biểu của mình trong Quốc hội. Nhưng không phải chỉ vì bảo đảm cơ cấu mà làm “triệt tiêu” tiêu chuẩn. Điều quan trọng là phải bảo đảm tiêu chuẩn trong một cơ cấu hợp lý, tức là phải chọn những đại biểu tiêu biểu có đủ tiêu chuẩn trong cơ cấu đó. Điều đó đòi hỏi những cơ quan, tổ chức, các dân tộc, tôn giáo... phải lựa chọn giới thiệu những người đủ tiêu chuẩn chất lượng ra ứng cử. Và các hội nghị hiệp thương do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp tổ chức càng phải chú ý đặc biệt trong việc xác lập danh sách các ứng cử viên. Cuối cùng là quyền và

trách nhiệm của cử tri trong việc sử dụng lá phiếu của mình. Thực hiện tốt và đầy đủ những điều đã quy định và vận dụng kinh nghiệm của những kỳ bầu cử trước đây, nhất định cử tri cả nước ta sẽ bầu chọn được một Quốc hội nhiệm kỳ thứ XI bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng và cơ cấu hợp lý.

*

* *

Những ngày này, tất cả các địa phương trong cả nước đang khẩn trương thực hiện những công việc cho cuộc bầu cử theo đúng luật pháp đã quy định. Cùng với công việc chuẩn bị bầu cử, Quốc hội khóa X cũng đang tiến hành kỳ họp kết thúc nhiệm kỳ, tổng kết công tác và kinh nghiệm hoạt động của Quốc hội và các cơ quan khác của Nhà nước để trên cơ sở đó chuyển giao trách nhiệm cho Quốc hội khóa mới. Trong cuộc bầu cử này, cử tri cả nước sẽ thể hiện quyền và nghĩa vụ cao cả của mình bằng lá phiếu và niềm tin đối với tiền đồ của đất nước. Đó thực sự là ngày hội của quần chúng, ngày đem lại niềm vui, niềm phấn khởi cho mọi người, mọi nhà. Ngày bầu cử Quốc hội khóa XI đúng vào ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập Nhà nước dân chủ cộng hòa ở nước ta. Trong Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu bầu Quốc hội đầu tiên của nước ta vào ngày mùng 6 tháng 1 năm 1946, Người đã viết :

“Ngày mai, tất cả các bạn cử tri đều phải nhớ đi bầu cử. Ngày mai, mỗi người đều nên vui vẻ hưởng quyền lợi của một người dân độc lập, tự do”.

Lời kêu gọi đó của Người vẫn còn nguyên giá trị của nó đối với mỗi cử tri của nước ta trong ngày bầu cử 19 tháng 5 sắp tới. □

SỰ KIẾN CHÍNH TRỊ TRỌNG ĐẠI CỦA ĐẤT NƯỚC

TRẦN QUANG NHIẾP

TẠI kỳ họp lần thứ 10, Quốc hội khóa X đã quyết định sẽ tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI vào ngày 19-5-2002. Đây là sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, có ý nghĩa hết sức sâu sắc trong đời sống chính trị của nhân dân ta. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI diễn ra vào thời điểm quan trọng. Đại hội IX của Đảng đã thành công tốt đẹp, toàn Đảng, toàn dân ta đang tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội. Năm 2001, năm mở đầu của thế kỷ mới, mở đầu thiên niên kỷ mới vừa đi qua, chúng ta tiếp tục đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội : kinh tế tiếp tục duy trì nhịp độ tăng trưởng khá, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, quan hệ đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế, khu vực được mở rộng và tăng cường, đời sống nhân dân được cải thiện, các lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực hơn trước. Những thành tựu đó đã và đang tạo tiền đề vững chắc để đất nước ta tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh đó, tình hình quốc tế đang có những diễn biến hết sức phức tạp. Đất nước ta vừa có những thời cơ lớn, vừa có những thách thức lớn.

Đảng ta xác định việc xây dựng và củng cố Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Nhà nước ta thực sự là Nhà nước của nhân dân,

do nhân dân và vì nhân dân. Nhà nước đó do nhân dân lao động làm chủ, dựa trên khối liên minh công, nông, trí thức, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhà nước là trụ cột của hệ thống chính trị ở nước ta. Thông qua con đường bầu cử trực tiếp, nhân dân bầu ra Quốc hội - cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội sử dụng quyền lực nhà nước được nhân dân giao cho để xây dựng Hiến pháp, các đạo luật, quyết định những vấn đề quan trọng vào việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, tiếp tục xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ; góp phần tích cực vào việc thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội IX của Đảng ; chiến lược kinh tế - xã hội 10 năm và kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm đầu của thế kỷ mới ; đáp ứng mọi yêu cầu nhiệm vụ về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Với ý nghĩa và tầm quan trọng đó, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 07-CT-TU ngày 25-1-2002 về việc lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI nhằm *“lựa chọn, hiệp thương giới thiệu để cử tri bầu những người có đủ đức, tài xứng đáng đại diện cho nhân dân tham gia cơ quan quyền*

lực cao nhất". Nhân dân bầu chọn những người thực sự tiêu biểu để tham gia vào cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân. Đó là những người kiên định mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, những người thực sự vì nhân dân. Chỉ thị của Bộ Chính trị nhấn mạnh phải coi đây "là nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta năm 2002, có ý nghĩa to lớn góp phần xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Để thực hiện thắng lợi cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI theo mục đích, yêu cầu nêu trên, thời gian với chúng ta không còn bao nhiêu nhưng công việc phải tiến hành lại rất nhiều và rất khẩn trương.

Trước hết, cần quán triệt đầy đủ, sâu sắc những tư tưởng chỉ đạo Chỉ thị của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI.

Các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, làm cho mọi người hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội lần này; đề cao tinh thần yêu nước, thực hiện tốt quyền chính trị thiêng liêng và nghĩa vụ cao cả của mỗi công dân; nâng cao thêm một bước nhận thức về vị trí, vai trò, tính chất của Quốc hội, của các đại biểu quốc hội; lựa chọn chính xác, bầu được những đại biểu có đủ đức, tài, thật sự xứng đáng thay mặt nhân dân tham gia vào cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đủ sức lãnh đạo nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn thách thức mới, đưa đất nước ta vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Để làm được điều đó, các cấp các ngành có kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo các công việc chuẩn bị bảo đảm cuộc bầu cử đại biểu

Quốc hội khóa XI được tiến hành thắng lợi, dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm, thực sự là ngày hội của nhân dân. Phải đề cao cảnh giác, phát hiện kịp thời và đấu tranh kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trong thời điểm chuẩn bị và tiến hành cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội. Kịp thời ngăn chặn mọi hành vi vi phạm Luật Bầu cử, kiên quyết đấu tranh chống những luận điệu xuyên tạc, những âm mưu lợi dụng bầu cử để gây rối. Chuẩn bị các phương án chủ động đối phó với những tình huống thiên tai có thể xảy ra trong thời gian tiến hành bầu cử để tránh sự lúng túng, bị động làm ảnh hưởng đến kết quả cuộc bầu cử Quốc hội.

Hai là, lãnh đạo tốt công tác nhân sự để giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Quốc hội bảo đảm tiêu chuẩn.

Đại biểu Quốc hội phải là người đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phấn đấu không mệt mỏi thực hiện sáng tạo công cuộc đổi mới, vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; có lịch sử chính trị rõ ràng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, gương mẫu thi hành pháp luật, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; có năng lực và trình độ thực hiện tốt nhiệm vụ của một đại biểu Quốc hội, tham gia quyết định được các vấn đề quan trọng của đất nước; liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân được nhân dân tín nhiệm và có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội.

Làm cho nhân dân hiểu rõ khi lựa chọn đại biểu Quốc hội phải chú ý đúng mức đến mối quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu. Chúng ta coi tiêu chuẩn là chính và trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, phấn đấu bảo đảm cơ cấu hợp lý để Quốc hội được bầu ra thực sự đại diện cho khối đại đoàn kết và

ý nguyện của nhân dân. Trong Quốc hội có tỷ lệ thích đáng là người dân tộc thiểu số, đại biểu nữ, đại biểu trẻ tuổi, đại biểu là người ngoài đảng, đại biểu tôn giáo, đại biểu xuất thân từ công nhân, nông dân, trí thức, đại biểu là các doanh nghiệp, đại biểu là người đang công tác ở các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ; tăng tỷ lệ đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách. Có được một cơ cấu đại biểu Quốc hội hợp lý là yếu tố quan trọng tạo nên chất lượng, phát huy sức mạnh của Quốc hội. Các đại biểu Quốc hội là người phản ánh một cách đầy đủ, toàn diện, rộng khắp ý chí, nguyện vọng của các bộ phận không thể thiếu được trong cơ cấu xã hội - dân cư của cả nước.

Những người được lựa chọn giới thiệu ứng cử từ các tầng lớp nhân dân theo cơ cấu nêu trên cũng phải thực sự là những người tiêu biểu, đại diện cho nhân dân, hội đủ mọi tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội. Tất cả những người được bầu là đại biểu Quốc hội phải là người không quan liêu, tham nhũng và kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện quan liêu, tham nhũng, cơ hội, hống hách, cửa quyền, vi phạm pháp luật.

Ba là, phát huy rộng rãi quyền dân chủ của nhân dân trong việc lựa chọn, giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Quốc hội, tạo điều kiện để mọi công dân được thực hiện đầy đủ quyền bầu cử, ứng cử theo quy định của pháp luật.

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội xác định rõ về quyền bầu cử và ứng cử vào cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là một trong những quyền cơ bản về chính trị của công dân. Công dân có quyền bầu cử, có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội. Tại Điều 2 Luật Bầu cử đã quy định rõ : *“Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần*

xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ hai mươi tuổi trở lên đều có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội theo quy định của pháp luật”. Đồng thời tại Điều 23 của Luật Bầu cử cũng quy định rõ những người không được ghi tên vào danh sách cử tri là : người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án ; người đang phải chấp hành, phạt tù, đang bị tạm giam, người mất năng lực hành vi dân sự. Điều 29 của Luật Bầu cử cũng quy định những trường hợp không được ứng cử đại biểu Quốc hội là : những người không được tham gia bầu cử ; người đang bị khởi tố ; người đang phải chấp hành bản án, quyết định hình sự của tòa án ; người đã chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của tòa án nhưng chưa được xóa án ; người đang chấp hành quyết định xử lý hành chính về giáo dục tại xã, phường, thị trấn, tại cơ quan giáo dục, cơ sở chữa bệnh hoặc đang bị quản chế hành chính.

Việc lựa chọn đúng những người tham gia ứng cử, bảo đảm tiêu chuẩn là việc làm cần thiết ban đầu bảo đảm cho cuộc bầu cử Quốc hội thành công.

Bốn là, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động bầu cử.

Vận động bầu cử của người ứng cử đại biểu Quốc hội là cần thiết. Thông qua các hoạt động gặp gỡ, tiếp xúc cử tri hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng để người ứng cử đại biểu Quốc hội báo cáo với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nhằm thực hiện trách nhiệm đại biểu Quốc hội nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội và trao đổi những vấn đề mà cử tri cần quan tâm. Người ứng cử đại biểu Quốc hội ở địa phương nào, thực hiện quyền vận động bầu cử ở địa phương đó. Đây là điều kiện thuận lợi để cử tri hiểu biết kỹ càng về

người ứng cử và người ứng cử có cơ hội trình bày những suy nghĩ, dự kiến, phương hướng chương trình của mình sát hợp với thực tế hơn.

Mục đích của việc vận động bầu cử nhằm tạo điều kiện cho người ứng cử đại biểu Quốc hội gặp gỡ tiếp xúc với cử tri để báo cáo với cử tri những dự kiến chương trình hoạt động trong phạm vi công tác của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội. Người vận động bầu cử tạo điều kiện để cử tri tiếp xúc với người ứng cử, hiểu rõ hơn người ứng cử, trên cơ sở đó cân nhắc, lựa chọn, bầu được những người đủ tiêu chuẩn làm đại biểu Quốc hội. Việc tổ chức vận động bầu cử phải bảo đảm dân chủ, công khai, bình đẳng với tinh thần xây dựng, có trách nhiệm cao trong việc truyền truyền vận động bầu cử, tạo không khí trao đổi cởi mở, thẳng thắn giữa người ứng cử với cử tri. Tuyệt đối không được lợi dụng vận động bầu cử để tuyên truyền trái với Hiến pháp và pháp luật hoặc làm tổn hại đến danh dự, uy tín và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

Không biến vận động bầu cử thành nơi để khiêu nại, tố cáo hoặc giải quyết khiêu nại, tố cáo. Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong quá trình vận động bầu cử.

Năm là, tổ chức tốt việc bầu cử đúng Luật và làm cho ngày bầu cử Quốc hội thật sự là ngày hội của nhân dân.

Sau hàng loạt công việc chuẩn bị khẩn trương theo các bước đúng với Luật Bầu cử và các văn bản hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội vào ngày 19-5-2002 phải làm sao cho thực sự là ngày hội lớn của cả nước. Từ thành thị đến nông thôn ; miền xuôi đến miền núi ; biên giới đến hải đảo thật sự tung bừng náo nhiệt, các tầng lớp nhân dân hào hứng chủ động từ đáy lòng

mình đi thực hiện quyền và nghĩa vụ chính trị thiêng liêng là chọn người đại diện cho mình bầu vào cơ quan quyền lực cao nhất, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân.

Để nhân dân thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ chính trị cao cả của mình, các tổ chức phụ trách bầu cử từ nay tới đó khẩn trương hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được phân công. Từ Hội đồng bầu cử ở trung ương đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ; Ban bầu cử ở các đơn vị bầu cử ; Tổ bầu cử ở các khu vực bỏ phiếu được chuẩn bị cẩn thận, chu đáo, thuận tiện, đúng Luật Bầu cử để các cử tri đi bầu nhanh gọn, có chất lượng, tránh lăm lăm. Nơi bố trí hòm phiếu bầu cử trang trí trang nghiêm, sạch sẽ, ngăn nắp, thuận lợi cho cử tri đi bầu cử, có đủ bàn ghế, bút mực và các vật dụng khác phục vụ cho việc bầu cử. Danh sách cử tri được niêm yết sẵn, đầy đủ, rõ ràng đúng quy định. Những nhân viên phục vụ bầu cử nắm chắc những quy định, hiểu rõ công việc, tận tình, niềm nở hướng dẫn, phục vụ tốt mọi cử tri khi bầu cử.

Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI đúng vào ngày sinh nhật Bác Hồ kính yêu (19-5-2002) nên càng có ý nghĩa chính trị trọng đại, nhắc nhở chúng ta học tập và noi gương người *Công dân số một* của nước nhà. Suốt cuộc đời cách mạng của Bác, Người luôn chăm lo xây dựng Nhà nước ta ngày càng vững mạnh, thật sự là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Để có Nhà nước như vậy một mặt phải chọn được những người xứng đáng có đủ đức, tài vào đảm đương các công việc trọng đại của quốc gia. Mặt khác mỗi người dân phải là những chủ thể tích cực tham gia xây dựng Nhà nước mà bầu cử Quốc hội là một hoạt động cụ thể, thiết thực, có ý nghĩa sâu sắc góp phần tạo nên sức mạnh bền vững của nhà nước ta. □

YẾU TỐ QUAN TRỌNG BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI

ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG *

I - SỨC KHỎE VÀ YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH BẢO ĐẢM QUYỀN ĐƯỢC CHĂM SÓC SỨC KHỎE.

Sức khỏe là một sản phẩm đặc biệt của xã hội và mỗi cá nhân ; sức khỏe không những chỉ thuộc về quyết định của các cá nhân mà còn được đưa vào những phán xét mang tính xã hội như công nhận quyền được chăm sóc sức khỏe của mỗi người dân. Đó là quyền được ra các quyết định chính đáng mang tính cá nhân vào quá trình chăm sóc sức khỏe ; là quyền được đòi hỏi hệ thống y tế đáp ứng các nhu cầu chăm sóc sức khỏe (CSSK) chính đáng của cá nhân và cộng đồng ; là sự bảo vệ của luật pháp nhà nước đối với quyền cá nhân. Tất nhiên, "quyền" người công dân của bất cứ quốc gia nào trên thế giới cũng xuất phát từ hệ giá trị phổ biến, đạo đức, văn hóa chung của xã hội và phù hợp với quy luật tự nhiên.

Có nhiều yếu tố tham gia vào việc bảo đảm thực hiện cho được quyền con người. Đó là : Sự thừa nhận của Nhà nước qua việc luật pháp hóa và tuyên bố chính thức về quyền ; Có quy trình, trình tự chặt chẽ cho việc trình bày và giải quyết các phàn nàn, tố tụng của người dân thông qua tòa án hoặc bộ máy hành chính nhà nước ; Có cơ chế để duy trì các quy tắc luật lệ.

Vận dụng trong hoàn cảnh Việt Nam, có thể thấy rõ ràng là quyền chăm sóc sức khỏe

được thể hiện rõ trong Hiến pháp, Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân (1989) cùng hệ thống các nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Bảo đảm quyền con người trong chăm sóc sức khỏe cũng là bảo đảm công bằng cho mỗi người dân trong việc thụ hưởng và trách nhiệm tham gia vào quá trình chăm sóc sức khỏe. Bên cạnh đó, chúng ta đã có Luật khiếu nại tố cáo, Điều lệ khám chữa bệnh, có hệ thống thanh tra khám chữa bệnh để bảo đảm cho người dân được quyền hưởng thụ các quyền lợi chính đáng.

Mở rộng hơn nữa, việc bảo đảm quyền chăm sóc sức khỏe cũng đồng nghĩa với việc mọi người dân phải được đối xử công bằng trong hệ thống y tế. Một hệ thống y tế hoàn chỉnh sẽ phải giải quyết vấn đề một cách toàn diện, dựa trên mục tiêu chủ yếu là bảo đảm công bằng, hiệu quả và nâng cao sức khỏe toàn diện cho người dân. Khái niệm về công bằng đã được bàn nhiều, nhưng tiêu chí đánh giá nó cũng vẫn còn tranh cãi. Cần có khái niệm công bằng về tài chính theo quan điểm của Việt Nam. Hiện nay đang tồn tại nhiều quan niệm về công bằng. Thực tế cho thấy công bằng và sự ngang bằng là khác nhau. Công bằng gắn với sự phán xét

* GS. TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Y tế

của xã hội thông qua chính sách của chủ thể quản lý. Đảng và Nhà nước ta chủ trương công bằng xã hội là có chính sách ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe đối với người nghèo, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến, vùng sâu, vùng xa ... Đây là một phân quyết xã hội đúng đắn trong điều kiện chúng ta chưa thể thực hiện bình đẳng tuyệt đối trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội. Trên bình diện chung nhất, công bằng có thể hiểu là mọi người dân được tiếp cận chăm sóc sức khỏe cơ bản với chất lượng tốt, dựa trên nhu cầu chăm sóc sức khỏe. Một số tiêu chí chính để đánh giá công bằng như : Mọi người dân phải có tiếp cận với dịch vụ y tế ; dịch vụ y tế phải được cung cấp dựa theo nhu cầu chứ không phải là theo khả năng chi trả ; mọi người dân không phải từ bỏ (hy sinh) nhu cầu thiết yếu khác (ăn, ở, học hành ...) để chi trả cho dịch vụ y tế ; mọi sự cắt giảm trong sử dụng dịch vụ phải liên quan đến giảm "cần không cần thiết" chứ không phải là do gánh nặng về tài chính ; người nghèo phải nhận được cùng một chất lượng dịch vụ như là người không nghèo. Vấn đề công bằng, người nghèo, người có công sẽ tiếp tục là những mục tiêu chính của chính sách y tế Việt Nam trong những năm tới.

II - HỆ THỐNG Y TẾ THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI VỀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE.

Sức khỏe được coi là một quyền cơ bản của nhân dân ta. Nhờ quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà nước, tình trạng sức khỏe của nhân dân ta đã có những bước tiến cực kỳ to lớn. Có thể đưa ra những dẫn chứng đã được quốc tế công nhận như : tuổi thọ bình quân từ 32 tuổi năm 1945 lên 50,3 năm 1970 và 67 hiện nay⁽¹⁾. Tỷ lệ chết trẻ em giảm mạnh, từ khoảng 160/1000 trẻ đẻ ra sống năm 1960

xuống còn 45/1000 hiện nay. Tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi của Việt Nam không chỉ thấp hơn nhiều so với các nước khác có cùng mức thu nhập mà tốc độ giảm tỷ lệ chết trẻ em của ta cũng thuộc loại nhanh nhất trong khu vực. Cũng như vậy đối với các chỉ tiêu sức khỏe khác như tỷ lệ chết mẹ, suy dinh dưỡng, tỷ lệ trẻ được tiêm chủng đầy đủ, thanh toán bại liệt, đậu mùa đã đạt những tiến bộ to lớn. Vậy yếu tố nào đóng góp vào việc cải thiện tình hình sức khỏe của nhân dân ta :

Một là, mọi người dân đều được tiếp cận với dịch vụ y tế thông qua một mạng lưới rộng khắp và lực lượng nhân lực y tế ngày càng phát triển :

Từ khi mới giành được chính quyền (1945), Đảng và Nhà nước ta đã cam kết bảo đảm chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Một hệ thống y tế hoàn chỉnh được xây dựng từ trung ương đến xã phường, thôn bản, buôn, làng. Công tác y tế được đặc biệt chú trọng đối với người nghèo, vùng nghèo, vùng đồng bào dân tộc ít người, người có công với nước. Về mạng lưới, Bộ Y tế đã triển khai theo hướng đưa dịch vụ đến tận dân qua mạng lưới y tế cơ sở và tổ chức các dịch vụ qua các đội lưu động (tiêm chủng mở rộng, phòng chống sốt rét...) ; đưa bác sỹ về xã, kết hợp quân dân y. Có thể nói cho đến nay hầu hết đồng bằng và miền núi (trên 90%) đã có trạm y tế. Tất cả các huyện đã có bệnh viện huyện và phòng khám đa khoa khu vực. Công tác đào tạo nhân lực y được cũng được chú trọng. Ngoài các trường y - dược ở đồng bằng và thành thị, trên địa bàn các tỉnh miền núi có 2 cơ sở đào tạo bác sỹ là Trường đại học y Thái Nguyên, Khoa y,

(1) Sử dụng số liệu của Tổng cục Thống kê và Bộ Y tế

Trường đại học Tây Nguyên ; ngoài ra các trường y - dược khác cũng đều tham gia đào tạo cho miền núi. Đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, đã tiến hành đào tạo bác sỹ cho xã theo hình thức cử tuyển. Tuy chất lượng còn chưa đồng đều nhưng đã chứng tỏ là chủ trương đúng đắn. Các tỉnh miền núi đến nay có gần 30% xã có bác sỹ (toàn quốc đến cuối năm 2001 là trên 50%), trên 70,02% số xã miền núi có y sỹ sản nhi hoặc nữ hộ sinh (toàn quốc đạt gần 90%), trên 70% số thôn bản có cán bộ y tế hoạt động. Tại các địa bàn khó khăn nhất của cả nước như miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, hệ thống y tế cũng đã được hình thành tương đối hoàn chỉnh. 100% số huyện đã thành lập Trung tâm y tế ; 100% số xã có cán bộ y tế hoạt động ; và trên 90% số xã có trạm y tế. Hệ thống bệnh viện tại các tỉnh miền núi dần được nâng cấp cả về cơ sở vật chất và năng lực khám chữa bệnh thông qua ngân sách nhà nước, viện trợ và vốn vay.

Hai là, tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe một cách toàn diện trên các lĩnh vực dự phòng, khám chữa bệnh, cung cấp thuốc và trang thiết bị y tế :

Về y tế dự phòng, phòng chống các bệnh gây thành dịch : Công tác tiêm chủng mở rộng các bệnh có vac-xin phòng bệnh đã được triển khai và duy trì từ nhiều năm nay. Các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa đều có tỷ lệ trên 90% trẻ em dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ 6 loại vac-xin. Các chương trình y tế quốc gia (nay gọi là chương trình mục tiêu thanh toán một số bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm) được đầu tư và triển khai trên phạm vi cả nước với các mục tiêu nhằm vào các bệnh phổ biến ở nước ta như sốt rét, lao, phong, bướu cổ, sức khỏe tâm thần. ... Nhờ vậy, các bệnh gây dịch đều giảm mạnh, sốt

rét giảm chết và mắc gần 50% so với năm 1995. Chúng ta đã thanh toán một số bệnh hiểm nghèo như đậu mùa, bại liệt.

Các dịch vụ sức khỏe được triển khai theo hai chiến lược : chăm sóc sức khỏe ban đầu (với các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, quản lý sức khỏe, dinh dưỡng, tiêm chủng...) và từng bước phát triển chuyên sâu. Năng lực các tuyến y tế đã nâng cao từng bước cả về trang thiết bị và khả năng chuyên môn. Chỉ tính 5 năm trở lại đây, chúng ta đã có trên 40 máy chụp hình điện tử cắt lớp, đã phát triển nhiều kỹ thuật cao chuyên sâu như thụ tinh trong ống nghiệm, mổ tim với tuần hoàn ngoài cơ thể, ghép thận...

Y học cổ truyền được phát huy góp phần chăm sóc sức khỏe cho nhân dân miền núi với chi phí thấp, phù hợp với người nghèo. 78% số tỉnh miền núi đã có bệnh viện y học dân tộc. Nhiều bệnh viện y học hiện đại có khoa y học cổ truyền hoạt động tốt như bệnh viện trung tâm thị xã Yên Bái. Nhiều trạm y tế cũng tổ chức tổ y học cổ truyền. Nhiều bài thuốc, kinh nghiệm chữa bệnh bằng y học dân tộc quý được các tỉnh phổ biến rộng rãi bằng nhiều hình thức. Thuốc chữa bệnh đã được bảo đảm. Thiết bị y tế cũng được cải thiện đáng kể.

Ba là, nhà nước đã thực hiện bao cấp một phần hoặc toàn bộ, hỗ trợ khả năng chi trả, tăng tiếp cận của người nghèo, của đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa với dịch vụ y tế :

Một loạt các chính sách đã thực hiện trong thời gian qua như : cấp giấy chứng nhận cho người nghèo, bảo hiểm y tế cho người nghèo ; chính sách trợ giá cước (chính sách thuốc cho vùng núi) ; chính sách miễn giảm viện phí. Đến nay có gần 30 tỉnh triển khai mua thẻ bảo hiểm y tế cho người

nghèo. Các bệnh viện trong toàn quốc đã thực hiện miễn giảm viện phí cho khoảng 30% số bệnh nhân. Việc miễn phí trong các chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống lao, phong, bướu cổ, miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi đã phát huy tác dụng tốt làm cải thiện tình trạng sức khỏe và thể lực của nhân dân.

Bốn là, ưu tiên đầu tư cho vùng khó khăn :

Bộ Y tế và các địa phương đã tìm nhiều nguồn vốn để xây dựng các trạm y tế xã. Ngoài ngân sách nhà nước, Dự án dân số - sức khỏe và Dự án hỗ trợ y tế quốc gia đã đầu tư xây dựng, nâng cấp 588 trạm y tế xã của 16 tỉnh nằm trong phạm vi dự án. Các chính sách đầu tư ưu tiên cho miền núi, vùng khó khăn đã phát huy hiệu quả, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Hệ số tỉnh ngân sách giường bệnh của các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa được ưu tiên (hệ số 1,7).

Để thực thi được công bằng, điều quan trọng nhất là có nguồn kinh phí (dưới bất kể hình thức nào) nhằm bảo đảm cho mọi người dân đều được khám chữa bệnh. Muốn có nguồn tài chính cho y tế, một mặt vừa phải tăng ngân sách, phát triển kinh tế để tăng khả năng chi trả, phát triển các hình thức trả trước (bảo hiểm) và một vấn đề rất quan trọng là phải hạn chế được chi phí.

III - CHIẾN LƯỢC Y TẾ TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU THẾ KỶ XXI.

Điểm nổi bật của đất nước trong thời gian tới là kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa sẽ ngày càng mở rộng, đi theo là những thuận lợi và thách thức. Thứ nhất, tốc độ chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn ; thứ hai, bao cấp của Nhà nước sẽ khó có thể tăng đột biến ; thứ ba, vai trò của khu vực ngoài công lập ngày càng lớn hơn.

Chính sách y tế của nước ta cũng phải đáp ứng được nhu cầu đang tăng lên của xã hội và khả năng tài chính, đồng thời phục vụ mục tiêu và đường lối chính trị của Đảng và Nhà nước. Trong những năm tới, chúng ta vẫn kiên trì 5 quan điểm y tế cơ bản mà Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII đã nêu ra. Mục tiêu tổng quát là giảm tỷ lệ mắc bệnh và gánh nặng bệnh tật, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ và phát triển giống nòi. Trong 10 năm tới, chúng ta phấn đấu vì sự công bằng (mọi người đều được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe căn bản có chất lượng), mọi người dân đều được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, có điều kiện tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng ; được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần.

- Phát triển năng lực hệ thống, đưa dịch vụ có chất lượng đến gần dân. Tiếp tục củng cố y tế cơ sở, đặc biệt tuyến xã và thôn bản. Tăng cường đầu tư đội ngũ cán bộ y tế có chất lượng hợp lý (với các hình thức đào tạo có tính khả thi thực tế và chất lượng chấp nhận được trong tình hình hiện nay). Triển khai tốt các chương trình y tế mục tiêu và công tác y tế dự phòng, kiểm soát dịch bệnh, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm. Chú trọng các chương trình nâng cao sức khỏe như sức khỏe sinh sản, bảo vệ bà mẹ trẻ em, sức khỏe người già, sức khỏe vị thành niên. Nâng cao một số chỉ tiêu y tế như tỷ lệ đẻ có hỗ trợ của cán bộ y tế (bao gồm cả đẻ tại trạm và đẻ tại nhà có nữ hộ sinh hoặc bà đỡ dân gian có đào tạo chăm sóc) ; tỷ lệ dân được dùng nước sạch sinh hoạt ... Tăng cường kết hợp quần dân y để củng cố y tế cơ sở, tuyên truyền giáo dục sức khỏe và thực hiện các chương trình y tế mục tiêu.

Cần có chế độ đãi ngộ cho cán bộ y tế ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Tại khu vực này, thực hiện việc đào tạo cán bộ nhằm có cán bộ để phục vụ tại chỗ một cách hợp lý gắn với các phong trào đưa cán bộ y tế chi viện cho cơ sở. Đảm bảo cung ứng thuốc chữa bệnh, đặc biệt thuốc thiết yếu và các trang thiết bị y tế cần thiết cho các cơ sở y tế miền núi, vùng sâu, vùng xa. Tiếp tục duy trì chính sách cung cấp thuốc miễn phí cho các xã thuộc tiểu vùng I.

- **Giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa phổ cập và chuyên sâu** trong thực thi các chính sách y tế. Giải quyết song song các bệnh nhiễm trùng chủ yếu và các bệnh không lây đang gia tăng.

- **Bảo đảm cho người dân, nhất là người nghèo được hưởng thụ dịch vụ y tế qua việc bao cấp cho người nghèo và thực hiện mở rộng bảo hiểm y tế.** Chúng ta cần nghiên cứu các loại hình bảo hiểm đa dạng, mềm dẻo với mức đóng thích hợp với thực tế như bảo hiểm dựa vào cộng đồng, bảo hiểm theo hộ gia đình. Việc thu viện phí chỉ là giải pháp nhất thời vì nó là nguy cơ làm mất công bằng trong thụ hưởng dịch vụ y tế. Ngân sách nhà nước cũng khó có thể tăng đột biến trong thời gian tới.

- **Có chính sách để kiểm soát chi phí y tế một cách hiệu quả.** Chúng ta đều biết một tác động của sự hiện đại hóa ngành y tế và của cơ chế trả phí theo dịch vụ là dẫn tới sự gia tăng chi phí. Ví dụ, máy X-quang mới, chụp cắt lớp điện toán, cộng hưởng từ hạt nhân, siêu âm màu... sẽ làm tăng chi phí khám chữa bệnh và người nghèo vốn chiếm tới hơn 30% dân số chắc chắn không chịu đựng nổi. Do vậy, kiểm soát chi phí không những cần làm ở khu vực Nhà nước mà cả khu vực tư nhân. Cần có sự phối hợp giữa kiểm soát giá, thực hành chuyển tuyến tốt, loại trừ các dịch vụ không thích hợp và

không hiệu quả, thúc đẩy sử dụng dịch vụ dự phòng mới có thể làm cho sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực hiện có.

- **Tăng đầu tư, quản lý và sử dụng hiệu quả ngân sách y tế.** Cần xem xét lại để điều chỉnh đầu tư cao hơn cho miền núi thông qua ngân sách nhà nước và viện trợ vì khả năng thu viện phí ở miền núi là thấp. Thay đổi cách phân bổ chỉ đơn thuần dựa vào bình quân đầu dân mà không dựa trên nhu cầu chăm sóc sức khỏe (nơi nào khó khăn hơn, sức khỏe kém hơn thì phải được ưu tiên ngân sách hơn). Gắn công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe với xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, đẩy mạnh giáo dục, phát triển giao thông và thông tin liên lạc miền núi.

- **Tiếp tục nói lời không hợp lý để phát triển** khu vực ngoài công lập, giảm nhẹ gánh nặng của nhà nước, đồng thời thu hút công nghệ cao của thế giới để rút ngắn nguy cơ tụt hậu ngày càng xa về công nghệ y dược.

- **Y tế là biện pháp quan trọng để xóa đói giảm nghèo.** Nhà nước cần có chính sách phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho nhân dân, giải phóng sức sản xuất, mở rộng thị trường, gắn liền với giải quyết các vấn đề xã hội; đặc biệt là định canh định cư, xóa đói giảm nghèo, giải quyết đầu ra cho cây công nghiệp và nông sản, ổn định đời sống xã hội cho nhân dân di cư tự do và nâng cao dân trí. Đối tượng ưu tiên là đồng bào các dân tộc ít người, người nghèo.

Triển khai có hiệu quả chiến lược đã được hoạch định nhằm tăng cường và bảo vệ sức khỏe nhân dân - yếu tố quan trọng trong bảo đảm quyền con người ở nước ta. Đó cũng là vấn đề cơ bản nâng cao chất lượng sống của nhân dân, góp phần đẩy mạnh công cuộc phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. □

VƯỢT LÊN TRÊN NHỮNG THÁCH THỨC MỚI TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ THẾ GIỚI

LUONG VAN TUY *

NHỮNG năm cuối của thế kỷ XX nhiều nhà kinh tế đã dự đoán thế kỷ XXI là thời kỳ phát triển cao của nền kinh tế dựa trên tri thức với công nghệ số, công nghệ tin học và cách mạng sinh học. Có ai ngờ năm 2000 lại là đỉnh điểm kết thúc thời kỳ 10 năm phát triển cao của kinh tế thế giới với mức tăng trưởng bình quân 4 - 5%/năm. Riêng năm 2000 đạt tốc độ tăng trưởng 4,75%. Sau đó nền kinh tế thế giới bước vào thời kỳ giảm sút. Một số nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ và Nhật Bản đã rơi vào suy thoái. Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế thế giới năm 2001 chỉ đạt 1,3%, bằng 1/3 tốc độ tăng trưởng của năm 2000. IMF đưa ra dự báo trong 5 năm tới kinh tế thế giới tăng trưởng ở mức 2,4%, bằng 1/2 mức tăng trưởng của 10 năm trước đây. Tại Diễn đàn kinh tế thế giới ở Đa-vốt - diễn đàn kinh tế lớn nhất thế giới, 7 thử thách lớn của thế kỷ XXI mà ông Chủ tịch đã đưa ra, hiện nay đang được kiểm chứng :

Thứ nhất, phải tăng cường các điều kiện cho tăng trưởng toàn cầu, đặc biệt là các nước đang phát triển ;

Thứ hai, phải tăng cường các điều kiện trợ giúp về môi trường và xã hội ;

Thứ ba, phải đẩy mạnh hệ thống an ninh và giữ gìn hòa bình một cách có hiệu quả ;

Thứ tư, giảm sự cách biệt về kinh tế - xã hội và kỹ thuật giữa các nước phát triển với các nước đang phát triển bằng cách chia sẻ

lợi thế của nước phát triển với nước đang phát triển ;

Thứ năm, giúp đỡ thúc đẩy nâng tiêu chuẩn y tế cao và an sinh toàn cầu ;

Thứ sáu, tiến tới nhận thức chung về quyền phổ thông ;

Thứ bảy, trong xu thế toàn cầu hóa, tìm các biện pháp mới để giữ gìn các giá trị văn hóa và bản sắc dân tộc.

Dù gặp khó khăn đến đâu, kinh tế thế giới vẫn tiếp tục vận động theo xu hướng toàn cầu hóa và khu vực hóa. Các khu vực kinh tế khổng lồ tiếp tục ra đời và phát triển như EU, Bắc Mỹ, khu vực Đông - Bắc Á + Đông - Nam Á. Liên minh châu Âu (EU) hiện nay có 15 nước tham gia với số dân 375 triệu, GDP 7 900 tỉ USD, đồng tiền chung ơ-rô đã chính thức lưu hành ở 12 nước từ 1-1-2002, sẽ mở rộng thêm 13 nước, đưa tổng số dân lên 545 triệu người với GDP trên 10 000 tỉ USD, sẽ là nền kinh tế liên kết chặt chẽ lớn nhất thế giới.

Khối kinh tế Mỹ La-tinh bao gồm các nước thuộc khối NAFTA cộng với các nước Nam Mỹ La-tinh tổng số là 34 nước, dân số 922 triệu người, GDP 11 103 tỉ USD đã nhất trí đến 2005 sẽ trở thành khu vực kinh tế tự do.

* Thứ trưởng Bộ Thương mại, Tổng thư ký Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế

Trong Hội nghị Thượng đỉnh của ASEAN tháng 11-2001 tại Bru-nây, Trung Quốc đã chính thức đề nghị tham gia Khối mậu dịch tự do AFTA của ASEAN trong 10 năm tới. Tháng 11-2001 phát biểu tại Diễn đàn kinh tế Thái Lan, Thủ trưởng Bộ Tài chính Nhật Bản cũng lên tiếng : Nhật Bản muốn tham gia khối AFTA, và đây sẽ là khối mậu dịch tự do lớn có số dân đông nhất (2,1 tỉ người).

Kinh tế của các nước thuộc khối Đông Âu sau thời kỳ khủng hoảng bắt đầu phục hồi. Chẳng hạn như Nga, 3 năm liền đạt tăng trưởng dương và năm 2001 tăng trưởng trên 4%. Trung Quốc thời kỳ từ năm 1990 - 2000 đạt mức tăng trưởng cao 9,3% mỗi năm.

Để cứu vãn nền kinh tế thế giới, đặc biệt là kinh tế các nước công nghiệp phát triển, để thoát khỏi tình trạng giảm sút có tính chất chu kỳ và ảnh hưởng của sự kiện ngày 11-9-2001, Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đã tổ chức Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ở Đô-ha (Ca-ta) từ ngày 9 đến ngày 14-11-2001 phát động vòng đàm phán mới. Hội nghị Bộ trưởng đã ra được tuyên bố chung khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của hệ thống thương mại đa phương đối với việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và nhấn mạnh quyết tâm xóa bỏ chủ nghĩa bảo hộ, tiếp tục theo đuổi những nguyên tắc và mục tiêu đặt ra trong Hiệp định Ma-ra-két về thành lập WTO. Tuyên bố đã đề cập tới 52 vấn đề so với dự thảo ban đầu gồm 45 vấn đề trước khi vào Hội nghị. Thực chất đây là sự nhượng bộ lợi ích giữa các nhóm nước công nghiệp phát triển và các nước kém phát triển, đang phát triển ; nhóm nước muốn bảo hộ nông nghiệp với nhóm nước xuất khẩu hàng nông sản v.v.. Trong tuyên bố này nổi lên một số vấn đề chính như : nhấn mạnh xóa bỏ trợ cấp xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp, giảm trợ cấp trong nước đối với nông nghiệp ; đẩy nhanh

đàm phán mở cửa thị trường dịch vụ, các nước phải đưa ra yêu cầu đàm phán trước ngày 30-6-2002 và phải chào hàng trước ngày 31-3-2003 ; các rào cản về thuế và phi thuế ; thương mại gắn với môi trường ; các nguyên tắc mới của WTO, trong đó đề cập đến trợ cấp trong ngành thủy sản là vấn đề mới lâu nay chưa bàn đến ; đầu tư qua biên giới quốc gia ; minh bạch hóa chính sách mua sắm của chính phủ ; thương mại gắn với tài chính và công nợ ; các luật lệ của WTO về chống bán phá giá, giải quyết tranh chấp ; các chính sách cạnh tranh và thuận lợi hóa thương mại ; các nền kinh tế nhỏ dễ bị tổn thương khi tham gia hội nhập ; các nước kém phát triển với những ưu đãi đặc biệt và khác biệt giành cho họ ; thực thi các hiệp định của Vòng đàm phán U-ru-goay. Đây là vấn đề rất nan giải vì các nước phát triển chỉ thực hiện điều gì có lợi cho mình, còn các nước đang phát triển không đủ điều kiện và nguồn lực thực thi và đòi quyền lợi theo các quy định của hiệp định. Chỉ riêng việc mỗi tuần có khoảng 50 cuộc họp ở Giơ-ne-vơ đã không có đủ người tham gia. Việc phát động vòng đàm phán mới quy định thời hạn bắt đầu không chậm hơn ngày 31-2-2002 và kết thúc không chậm hơn ngày 1-1-2005. Khi chúng ta bắt đầu bước vào quá trình đàm phán, việc mở cửa thị trường sẽ là thách thức to lớn cho toàn bộ nền kinh tế trong nước. Chúng ta thậm chí chưa chuẩn bị đầy đủ cho vòng đàm phán cũ. Vòng đàm phán mới phát động lại đưa ra những vấn đề mới như thương mại với môi trường, bỏ trợ cấp xuất khẩu nông sản và xem xét trợ cấp thủy sản, mua sắm chính phủ, mở cửa nhanh thị trường dịch vụ..., sẽ tăng thêm sức ép cho nền kinh tế của chúng ta.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới phức tạp, thử thách và thuận lợi đan xen, các nước công nghiệp và các công ty đa quốc gia đang

thâu tóm và điều hành xu hướng toàn cầu hóa, Việt Nam không thể đứng yên. Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ bắt đầu có hiệu lực từ ngày 11-12-2001. Hiệp định mậu dịch tự do AFTA với ASEAN cũng đã công bố lộ trình thuế và phi thuế từ năm 2001, và đến 1-1-2006 phần lớn thuế đối với hàng nhập khẩu sẽ giảm xuống còn 0 - 5%.

Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ là hiệp định đầu tiên ta ký với nước ngoài dựa trên những nguyên tắc cơ bản của WTO. Hiệp định đề cập đến 4 lĩnh vực ; thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư liên quan đến thương mại, sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại. Ngoài nguyên tắc đối xử tối huệ quốc như các hiệp định thương mại chúng ta đã ký từ trước tới nay, nguyên tắc đối xử quốc gia, đồng thời quy định một thời gian mở cửa 7 nhóm lĩnh vực dịch vụ gồm 53 phân ngành, trong số 12 nhóm lĩnh vực gồm 155 phân ngành của WTO, theo một lộ trình nhanh nhất là 3 năm, chậm nhất là 9 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực. Chúng ta cam kết giảm thuế đối với 224 mặt hàng trên tổng số 6 332 mặt hàng. Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ cũng tạo cho ta nhiều cơ hội như : thúc đẩy hơn nữa quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ và ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực tất cả các hàng Việt Nam nhập khẩu vào Hoa Kỳ sẽ được hưởng mức thuế ưu đãi khoảng 3 - 4% (giảm đi 10 lần so với mức thuế trước đây). Hiệp định sẽ tạo ra môi trường thu hút đầu tư từ phía Hoa Kỳ và các nước thứ 3 vào Việt Nam, trong khi Việt Nam được đánh giá là thị trường an toàn và ổn định nhất khu vực Đông - Nam Á. Hiệp định được ký dựa trên các nguyên tắc của WTO nên có thể coi đây là bước tập dượt đầu tiên trong quá trình đàm phán gia nhập tổ chức thương mại lớn nhất, chiếm trên 90% thương mại toàn cầu này.

Nhận thức được xu thế khách quan của toàn cầu hóa, các quốc gia dù lớn hay nhỏ không thể đứng ngoài cuộc chơi này. Chỉ có điều là phải làm sao tận dụng được cơ hội, biến các thách thức thành cơ hội mới. Trước thực tế đó, Bộ Chính trị đã ban hành nghị quyết riêng về hội nhập để chủ động và cụ thể hóa đường lối về hội nhập kinh tế đã được đề ra tại Đại hội toàn quốc lần thứ VIII và lần thứ IX của Đảng. Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 07/NQ-TW ngày 27-11-2001 của Bộ Chính trị là : "Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập chủ quyền và định hướng XHCN, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường".

Hội nhập kinh tế là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh. Đây quả là một thử thách rất lớn đối với nền kinh tế Việt Nam song nó là việc phải làm, là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Muốn hội nhập kinh tế có hiệu quả cao, mọi người, mọi doanh nghiệp và các thành phần kinh tế phải nhận thức hết được những thời cơ, những thách thức để có thể đưa nền kinh tế nước ta với những đặc điểm riêng biệt, hội nhập, thích ứng với những thay đổi mau lẹ của nền kinh tế thế giới và ngày càng vượt lên. Chúng ta hoàn toàn có cơ sở để tin tưởng vào sự vượt lên này, bởi ngay như bà Bi-gít-ta Đan - Chủ tịch Quốc hội Thụy Điển, người đã từng sang thăm Việt Nam - trong buổi tiếp xúc với Đoàn Chính phủ ta tại Xtóc-khôm hồi tháng 11 vừa qua cũng đã đánh giá : "thách thức đối với Việt Nam khi gia nhập WTO không nhỏ hơn thách thức mà Việt Nam đã vượt qua ở thời kỳ Đổi Mới". Và chúng ta đều biết rõ rằng, hiện nay thế và lực của chúng ta đã hơn hẳn thời kỳ bắt đầu đổi mới. Vượt qua những thách thức trước mắt, chúng ta sẽ tiếp tục đưa đất nước vươn tới một đỉnh cao mới. □

DOANH NGHIỆP VIỆT NAM VỚI CÔNG CUỘC XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP TỰ CHỦ VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Lời BBT: Nhằm góp phần đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, ngày 5-3-2002, tại Hà Nội, Tạp chí Cộng sản cùng với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học "Doanh nghiệp Việt Nam với công cuộc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế".

Tham dự Hội thảo có các đồng chí lãnh đạo, quản lý các bộ, ban, ngành ở trung ương ; gần 300 đại biểu hoạt động trong các lĩnh vực nghiên cứu lý luận, giảng dạy, chỉ đạo thực tiễn, sản xuất, kinh doanh ở các học viện, viện nghiên cứu, các tổng công ty, các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp tư nhân... một số cơ quan thông tấn báo chí.

PGS, TS Vũ Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản và đồng chí Đoàn Duy Thành, Bí thư Ban cán sự, Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chủ trì Hội thảo.

Gần 30 bản tham luận được chuẩn bị công phu đã gửi tới Hội thảo. Sau lời chào mừng của đồng chí Đoàn Duy Thành và Báo cáo đề dẫn của đồng chí Vũ Văn Hiền là 15 ý kiến tham luận và trao đổi. Trong số này, Tạp chí xin trân trọng giới thiệu Báo cáo đề dẫn, Báo cáo Tổng quan. Một số báo cáo tham luận khác, Tạp chí Cộng sản sẽ đăng vào số tới.

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

VŨ HIỀN

THẾ giới bước vào thế kỷ XXI đang chứng kiến quá trình toàn cầu hóa kinh tế ngày càng phát triển như một xu thế khách quan. Đó là quá trình các quan hệ kinh tế vượt ra khỏi biên giới quốc gia và khu vực, lan tỏa ra phạm vi toàn cầu trên cơ

sở sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất với trình độ công nghệ rất cao ; hàng hóa, vốn, tiền tệ, thông tin, lao động vận động thông thoáng ; sự phân công lao động quốc tế ngày càng đi vào chiều sâu, đan xen nhau, mật thiết với nhau và tùy thuộc

lẫn nhau. Toàn cầu hóa vừa được coi như một cơ hội lớn, như một niềm hy vọng vẫy gọi, thu hút ngày càng nhiều nước tham gia ; lại vừa bị đặt thành vấn đề như một thách thức, thậm chí là mầm tai họa đối với nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển.

Quá trình toàn cầu hóa luôn đi liền, kéo theo và thúc đẩy sự hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình tự giác tham gia các quan hệ kinh tế toàn cầu, tuân thủ các luật chơi chung và tham gia sự phân công lao động quốc tế. Do tính hai mặt, có cả tích cực và tiêu cực của toàn cầu hóa nên việc hội nhập kinh tế quốc tế vừa có thể là lời giải, là cứu cánh, lại vừa có khả năng là cạm bẫy lớn đối với các nước tham gia quá trình này. Như thế, tham gia bao hàm cả được và mất. Giỏi giang thì có thể được 7, mất 3 ; trung bình được 5 mất 5 và kém cỏi thì được 3 mất 7.

Để bảo đảm sự an toàn và ổn định kinh tế, các quốc gia khi hội nhập kinh tế quốc tế đều phải đưa ra những đường hướng và chính sách của mình để bảo vệ chủ quyền quốc gia. Đối với nước ta, việc nghiên cứu vấn đề toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế được hết sức chú trọng. Trên cơ sở phân tích các điều kiện và quy luật vận động khách quan của kinh tế - xã hội, Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ : "Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ... Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo vệ độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc và an ninh quốc gia ...".

Như thế, toàn cầu hóa kinh tế là xu thế khách quan nên việc tham gia quá trình đó, đối với chúng ta như một lẽ đương nhiên. Chúng ta tham gia một cách chủ động tùy theo điều kiện của mình và điều kiện khách

quan. Và để bảo đảm được tính chủ động đó, bảo đảm cho việc chủ động hội nhập và phát triển kinh tế, phục vụ và thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta phải xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Chủ động hội nhập và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ có quan hệ biện chứng, hữu cơ với nhau. Đây là hai nhiệm vụ trọng yếu cùng tiến hành đồng thời, lại cùng hỗ trợ, làm tiền đề cho nhau. Một trong những tổ chất quan trọng bậc nhất, vừa tham gia cả hai nhiệm vụ kể trên và thúc đẩy sự hoàn tất cho từng nhiệm vụ, vừa là keo dính kết nối việc chủ động hội nhập kinh tế quốc tế với xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ chính là hoạt động của các doanh nghiệp. Nếu coi hai nhiệm vụ đó cùng phục vụ chung mặt trận phát triển kinh tế, chiến thắng nghèo nàn lạc hậu, đưa đất nước tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thì các doanh nghiệp, cả doanh nghiệp thuộc kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân đều là những đội quân chủ lực, trong đó các doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò xung kích.

Vài nét khái lược này, cũng đủ cho thấy, việc Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản cùng Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức cuộc hội thảo **"Doanh nghiệp Việt Nam với công cuộc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế"** là cần thiết và là sự đóng góp thiết thực cho quá trình đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Đây là một chủ đề lớn, bao hàm rất nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn vừa cơ bản, vừa bức xúc. Ở đây có những quan niệm cần làm rõ, như quan niệm về toàn cầu hóa kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế, về nền kinh tế độc lập tự chủ, về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của các doanh nghiệp đối với công cuộc hội nhập và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Lại có nhiều vấn đề thực tiễn đang đặt ra cần trả lời, cắt nghĩa và cần có sự

nhìn nhận tổng kết đánh giá. Chúng tôi xin nêu một số khía cạnh có tính gợi mở để cộng đồng các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, các nhà doanh nghiệp vừa am hiểu về lý luận vừa đang lưu giữ kho tàng kinh nghiệm thực tiễn cùng tham gia ý kiến :

1) Những vấn đề cơ bản của nền kinh tế độc lập tự chủ.

2) Cơ hội, thách thức và những vấn đề đặt ra trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

3) Các bước đi trong quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam và kinh nghiệm thế giới.

4) Doanh nghiệp Việt Nam với việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ.

5) Vai trò của các loại hình doanh nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

6) Thực trạng của một số doanh nghiệp lớn trong quá trình xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và hội nhập.

7) Nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế nói chung và của doanh nghiệp nói riêng.

8) Vị trí dân doanh trong nền kinh tế thị trường.

9) Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế để phát triển doanh nghiệp Việt Nam.

10) Sự hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trong quá trình hội nhập.

11) Doanh nghiệp Việt Nam với vấn đề đầu tư nước ngoài.

Tựu trung lại, cuộc hội thảo của chúng ta có thể tập trung vào hai loại vấn đề chính như sau :

1. Những vấn đề về xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Mục tiêu hội nhập của chúng ta là để phát triển. Chủ trương hội nhập của Đảng và Nhà

nước ta đã rõ nhưng hội nhập như thế nào vẫn còn nhiều chuyện để bàn. Hội nhập cần giữ được độc lập, tự chủ, gạt bỏ những áp đặt về dân chủ, nhân quyền, bảo đảm ổn định chính trị, xã hội, không làm mai một nền tảng xã hội chủ nghĩa, cảnh giác với những tư tưởng thù địch ở bên ngoài và những biểu hiện cơ hội không lành mạnh ở trong nước ; đồng thời cũng cần tránh xu hướng sợ hòa nhập nên làm mất thời cơ, hoặc ngược lại là sự hòa nhập vô nguyên tắc. Rất mong các vị đại biểu cho ý kiến về những vấn đề này.

Phát huy nội lực, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập kinh tế khu vực và thế giới là hai mặt của một vấn đề, cùng nhằm mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước. Thời gian qua, mặc dù kinh tế thế giới có sự suy giảm, sự kiện ngày 11-9-2001 ở nước Mỹ gây chấn động toàn cầu, ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế thế giới, nhưng Việt Nam vẫn có GDP tăng ở mức 6,8%, đạt nhiều thành tựu trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Việc ký kết, phê chuẩn, thực thi Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ mở ra cho Việt Nam nhiều cơ hội làm ăn với Mỹ, chuẩn bị các điều kiện gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới WTO. Vị thế của Việt Nam trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương ngày một tăng, quan hệ kinh tế đối ngoại của Việt Nam ngày càng phát triển. Những yếu tố đó đã góp phần thúc đẩy tăng cường nội lực của nền kinh tế Việt Nam.

Tuy vậy cũng cần thấy rằng, thế của ta đang lên, nhưng thực lực của chúng ta chưa mạnh. Nền kinh tế của ta có mức tăng khá, nhưng vẫn còn đứng trước nhiều thử thách ; lực cản từ bên ngoài vẫn còn trong khi những tồn tại từ bên trong như tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, cửa quyền chưa được xóa bỏ..., đó chính là những cản trở đối với việc phát huy nội lực và hội nhập. Bên cạnh

những thành tựu của công cuộc đổi mới, vẫn tồn tại những khó khăn và thách thức ; bên cạnh những thời cơ vẫn còn tồn tại những nguy cơ. Một số nhà kinh tế tính toán rằng, để có mức tăng trưởng GDP trên 7%/năm, thì trong vòng 5 năm tới nước ta cần có 60 tỉ USD ; trong đó vốn trong nước chiếm 2/3. Nếu vấn đề nêu ra như vậy là đáng để tham khảo thì những nguồn vốn đó sẽ huy động từ đâu ? Rất mong nhận được sự kiến giải từ Hội thảo này.

2. Những giải pháp để doanh nghiệp Việt Nam đóng góp khả năng của mình vào việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế.

Phải chăng đó là những vấn đề : đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng của các ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân ; quan tâm, phát triển hơn nữa khu vực ngoài quốc doanh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, củng cố phát triển các doanh nghiệp nhà nước ở các khâu then chốt, làm ăn có hiệu quả, giữ vững và tăng cường vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước, của doanh nghiệp nhà nước. Tiếp đó là những vấn đề về cải cách thể chế kinh tế thị trường, đồng bộ, tạo được động lực cho sự phát triển; phát huy tính chủ động, sáng tạo, thực hiện kinh

doanh có hiệu quả ; cam kết trách nhiệm về những hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bồi thường vật chất nếu để thất thoát, xóa bỏ cơ chế chủ quản của bộ, ngành, tỉnh, đối với các doanh nghiệp nhà nước, phân định rõ quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, các loại vốn của nhà nước trong doanh nghiệp. Một vấn đề nữa cũng cần được Hội thảo quan tâm như trong việc hội nhập và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ yếu tố nào là quyết định nhất, điều gì cần thiết và khó nhất ; mối quan hệ giữa doanh nghiệp nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác, vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước thể hiện như thế nào và cần được quan tâm ra sao ?

Tại Hội thảo này, chúng ta cũng hy vọng được nghe nhiều phát biểu về tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài, những biện pháp phát huy nội lực, những giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp để xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ngày càng vững chắc, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng phát triển theo bề rộng, có chiều sâu và hiệu quả, bảo đảm thành công cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. □

TỔNG QUAN HỘI THẢO

Đ IỀU 15 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã trang trọng ghi rõ : "Nhà nước xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trên cơ sở phát huy nội lực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ;

thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước...".

Việc chủ trương, đường lối của Đảng và Hiến pháp của Nhà nước đều đề cập tới nhiệm vụ xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ

càng cho thấy ý nghĩa và tầm quan trọng của nó đối với nước ta hiện nay. Chính vì thế, cuộc Hội thảo **"Doanh nghiệp Việt Nam với công cuộc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế"** với các tham luận mang đậm tính lý luận và thực tiễn đã thực sự cuốn hút những người tham dự và những ai quan tâm đến vấn đề này. Qua phân tích, trao đổi, bình luận của các diễn giả xoay quanh chủ đề Hội thảo từ các góc độ khác nhau đã gợi mở những hướng nghiên cứu, đưa ra những kinh nghiệm và giải pháp đáng suy nghĩ. Tổng hợp những ý kiến đã được nêu trong Hội thảo và các báo cáo, chúng tôi xin khái quát lại thành bốn nhóm vấn đề quan trọng.

1. Chung quanh một số khía cạnh lý luận về xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ.

Điều hết sức lý thú là các bài và các ý kiến tham luận dù hướng nội dung vào vấn đề trọng yếu và cụ thể nào thì cũng dành sự quan tâm nhất định đến việc "lý sự", tìm cách cắt nghĩa về nền kinh tế độc lập tự chủ. Các ý kiến thường xoay quanh hai nội dung chính :

Một là, cách tiếp cận và quan niệm về nền kinh tế độc lập tự chủ.

Để đưa ra quan niệm về nền kinh tế độc lập tự chủ, các báo cáo đều thống nhất phải xuất phát từ việc nghiên cứu kỹ điều kiện lịch sử cụ thể hiện nay. TSKH **Võ Đại Lược** (Viện trưởng Viện Kinh tế thế giới) đã khái lược những thay đổi của thế giới trong hơn một thập kỷ qua : Xu thế hòa bình, hợp tác đã định hình thay cho sự đối đầu giữa các siêu cường ; công nghệ thông tin đang chuyển nền kinh tế thế giới từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức ; xu hướng toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế phát triển nhanh chóng làm cho các quan hệ tùy thuộc

lẫn nhau giữa các nền kinh tế quốc gia sẽ phát triển... Ông **Nguyễn Đình Lương** (trợ lý Bộ trưởng Bộ Thương mại) cung cấp thêm một cách nhìn khá độc đáo : Thực tiễn thế giới hiện nay cho thấy quá trình sản xuất được thực hiện chủ yếu theo đơn đặt hàng. Doanh nghiệp nào, địa phương nào, quốc gia nào có nhiều đơn đặt hàng thì nơi đó phát triển. Vậy thì nên hiểu như thế nào về nền kinh tế độc lập tự chủ ?. Bổ sung thêm một khía cạnh nữa, TS **Lê Xuân Đình** (Phó Ban Kinh tế, Tạp chí Cộng sản) cho rằng, trạng thái trái ngược với độc lập tự chủ là tình trạng lệ thuộc. Sự lệ thuộc có thể do vay nợ mà không có khả năng trả ; để vay được đành phải chấp nhận các điều kiện của chủ nợ, đánh mất tính độc lập tự chủ của mình.

Có nhiều ý kiến cùng chung một nhận định là, tính chất hai mặt của toàn cầu hóa kinh tế đang đặt tất cả các nước trên thế giới trước những cơ hội mới, những thách thức mới và những quan hệ phụ thuộc mới. Nước nào, khu vực nào càng kém phát triển thì thách thức càng lớn, càng bị phụ thuộc càng nhiều. Vì lẽ đó, để không bị tụt hậu, không bị gạt ra bên lề của sự phát triển trước xu thế khách quan này, các quốc gia đều phải tạo dựng cho mình một nội lực đủ mạnh, nói cách khác là phải xây dựng được một nền kinh tế độc lập tự chủ. Từ những lập luận trên, hầu hết các báo cáo đều có chung nhận định : *thứ nhất*, việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế hiện nay là nhu cầu xuất phát từ thực tiễn, là vấn đề có tính nguyên tắc, là cơ sở để chúng ta giữ vững được định hướng phát triển của mình ; *thứ hai*, quan niệm về nền kinh tế độc lập tự chủ trong hoàn cảnh cụ thể hiện nay có những nét khác biệt so với thời kỳ trước. TSKH **Võ Đại Lược** khẳng định, nền kinh tế độc lập tự chủ mà chúng ta đang xây dựng không phải là một nền kinh tế

biệt lập, khép kín, tự bảo đảm các nhu cầu trong nước càng nhiều càng tốt. Một nền kinh tế không phụ thuộc vào bên ngoài tuy sẽ ít chịu những biến động từ bên ngoài nhưng sự tụt hậu so với thế giới sẽ rất ghê gớm. Độc lập, tự chủ trong vòng lạc hậu như vậy sẽ ít ý nghĩa. TS **Phạm Đình Đăng** (Phó Ban Thông tin - Tư liệu, Tạp chí Cộng sản) cho rằng : Xét cho cùng, độc lập tự chủ về kinh tế là quyền tự quyết của quốc gia, dân tộc về đường lối, cơ chế vận hành, con đường và chính sách phát triển kinh tế đối ngoại. TS **Lê Đăng Doanh** (cố vấn Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư) phân tích : Các nước hiện nay đang sống trong một sự phụ thuộc lẫn nhau. Đây là sự phụ thuộc hai chiều. Bởi vậy, nói một cách nôm na, độc lập tự chủ nghĩa là "anh cần tôi hơn tôi cần anh", "anh thiệt hơn tôi khi không mua hàng của tôi hơn là tôi thiệt hơn anh khi không mua hàng của anh". Tính độc lập ngày nay còn được bảo đảm thông qua việc thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa, giữ được thế cân bằng giữa các mối quan hệ đan xen, giữa các thế lực và các trung tâm kinh tế.

Cả lý luận và thực tiễn đều chứng tỏ, để mình vẫn là mình, vẫn phát triển bền vững trong khi lại tích cực hội nhập kinh tế quốc tế thì quả là khó. Khó nhất là xác định hình thù của nền kinh tế độc lập tự chủ. Vậy nên việc đầu tiên cần phải làm là tìm ra các tiêu chí bảo đảm tính độc lập tự chủ của nền kinh tế. Các báo cáo đều đi tới kết luận : các nền kinh tế phải đạt được ba tiêu chí. Tiêu chí quan trọng nhất là bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh, phát triển ổn định. *Thứ hai*, nền kinh tế có năng lực cạnh tranh. Năng lực này được đo bằng độ mở cửa của nền kinh tế ; vai trò và hiệu lực của chính phủ ; sự phát triển của hệ thống tổ chức tiền tệ ; trình độ phát triển của công nghệ ; trình độ phát triển của cơ sở hạ tầng ; trình độ quản lý của doanh nghiệp ;

số lượng và chất lượng lao động ; trình độ phát triển của thể chế bao gồm hiệu lực của các cơ quan bảo vệ pháp luật. *Thứ ba*, nền kinh tế có khả năng ứng phó trước những biến động về kinh tế, chính trị, xã hội từ bên ngoài. Trên thế giới, từ trước đến nay, chưa hề có một quốc gia nào có nền kinh tế thị trường mà không phải chịu những cuộc khủng hoảng với các cấp độ khác nhau. Quá trình toàn cầu hóa kinh tế càng lan tỏa thì mức độ trầm trọng và quy mô lây lan của khủng hoảng càng tăng lên. Một nền kinh tế có sức cạnh tranh cao, có dự trữ ngoại tệ lớn, sẽ có sức chịu đựng cao hơn các nền kinh tế lạc hậu. Theo TS **Lê Đăng Doanh**, nâng cao khả năng ứng phó còn thể hiện ở chỗ không bao giờ nên đặt cược toàn bộ số phận của mình vào một thị trường nào, dù đó đang là thị trường lớn nhất, cũng như không nên phụ thuộc hoàn toàn vào một sản phẩm nào dù đó đang là sản phẩm có sức mạnh nhất. TS **Cao Sĩ Kiêm** (Phó trưởng Ban Kinh tế Trung ương) đưa ra một nhận xét lý thú là, có thể phát hiện được cơ hội ngay trong thách thức, từ đó tìm cách biến thách thức thành cơ hội để vượt lên và đứng vững trong quá trình hội nhập.

Hai là, mối quan hệ giữa xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với việc chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Nếu như trước đây ai đó còn nói một cách đơn giản rằng, không thể có độc lập tự chủ khi hội nhập kinh tế quốc tế, thì trong hội thảo này, tất cả mọi ý kiến, ở mức độ khác nhau, đều nhắc tới mối quan hệ biện chứng của chúng. TS **Phạm Đình Đăng** lý giải : Giữa xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có mối quan hệ mật thiết. Chỉ có xây dựng được một nền kinh tế độc lập tự chủ chúng ta mới có đầy đủ tư cách và thực lực để chủ động hội nhập đúng hướng và có hiệu quả ; và

ngược lại, chỉ có chủ động hội nhập kinh tế quốc tế chúng ta mới nhanh chóng bổ sung sức mạnh cho nội lực còn khiếm khuyết, thiếu hụt, rút ngắn con đường phát triển nhằm không ngừng tự hoàn thiện mình để giữ vững hơn nền độc lập tự chủ. Đồng chí **Nguyễn Xuân Hải** (Trưởng Ban Thông tin - Tư liệu, Tạp chí Cộng sản) khẳng định : Chúng ta chủ động hội nhập chính là chúng ta chủ động bảo vệ và quyết tâm bảo vệ bằng được mục tiêu độc lập tự chủ trong phát triển. Độc lập tự chủ để mở cửa, chủ động hội nhập để bảo vệ sự độc lập tự chủ. **TS Võ Văn Đức**, (Phó trưởng khoa Kinh tế phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) nhấn mạnh : Hội nhập kinh tế để có những điều kiện tốt đẹp cho công cuộc xây dựng đất nước, và nền kinh tế có hiệu quả sẽ chủ động hội nhập kinh tế tốt hơn.

Mặc dù các ý kiến được trình bày, thể hiện dưới các khía cạnh khác nhau nhưng đều toát lên ý chung nhất là : Mối quan hệ giữa xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế là mối quan hệ tương hỗ, có tính biện chứng ; hội nhập càng chất lượng thì độc lập tự chủ càng cao. Độc lập tự chủ càng cao thì càng có điều kiện chủ động, tích cực hội nhập. Việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ hiện nay không hề mâu thuẫn với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và xu thế toàn cầu hóa kinh tế.

2. Khả năng, yêu cầu và thực trạng của các doanh nghiệp Việt Nam đối với việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế.

Để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, điều quan trọng nhất là phải nâng sức cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp và cộng đồng doanh nghiệp. Hiện nay không có một quốc gia nào có thứ hạng cao về kinh tế trong

bảng xếp hạng của thế giới mà lại không có ít nhất một vài công ty xuyên quốc gia tầm cỡ quốc tế. Đối với nước ta, các tham luận đều nhận định, muốn xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ thì đoàn quân doanh nghiệp phải thiện chiến và trong đội ngũ đó, doanh nghiệp nhà nước là lực lượng xung kích.

Trong quá trình tham gia vào nền kinh tế thế giới vừa qua, đội ngũ doanh nghiệp của chúng ta đã đạt được những kết quả tốt đẹp và tích lũy được những kinh nghiệm bước đầu. Điều này được khẳng định trong các tham luận của Bộ Thủy sản ; Tổng công ty Cơ khí Xây dựng (Bộ Xây dựng) ; Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam... **PGS, TS Vũ Khoa** (Chủ tịch Hiệp hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam) cho biết : Ngày nay, các nhà thầu Việt Nam đã trưởng thành, đủ năng lực thực hiện nhiều công trình phức tạp, có yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật cao như các nhà cao tầng, nhà ga, sân bay, bến cảng, cầu, đường... Những kết quả ban đầu đó đã góp phần làm cho kim ngạch xuất khẩu của nước ta không ngừng tăng trưởng qua các năm, năm 2001 đạt 16,2 tỉ USD, cao nhất từ trước đến nay.

Về những bất cập, yếu kém của các doanh nghiệp, tất cả các bản tham luận đều tập trung phân tích và cảnh báo : Các doanh nghiệp thuộc tất cả các thành phần kinh tế ở nước ta, trong hầu hết mọi lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đều đang đứng trước những khó khăn gay gắt, những thách thức cả từ bên trong lẫn bên ngoài. Ông **Đoàn Duy Khương** (Tổng thư ký Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam) đã khái quát : Doanh nghiệp Việt Nam có sáu cái yếu : Vốn, vật tư (nguyên vật liệu), máy móc công nghệ, nhân lực, quản lý, tiếp thị. Những yếu kém này càng tăng thêm mức độ khi đứng trước những thách thức từ bên ngoài. **TS Trần Nguyễn Tuyên** (Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp,

Ban Kinh tế Trung ương) nhấn mạnh : Tình trạng phổ biến là sản xuất còn mang tính tự phát, chưa bám sát nhu cầu thị trường, nhiều sản phẩm làm ra có chất lượng thấp, giá thành cao. Thực trạng tài chính của nhiều doanh nghiệp thực sự đáng lo ngại : Thiếu vốn, nợ nần kéo dài, tổng số nợ phải thu của doanh nghiệp chiếm 24% tổng doanh thu, nợ phải trả chiếm 133% tổng số vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp vẫn còn trông chờ, ỷ lại vào sự bảo hộ của Nhà nước, chưa tích cực chuẩn bị theo yêu cầu của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ đã có những đóng góp quan trọng trong tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm ở nước ta trong thời gian qua và đang khẳng định tiềm năng phát triển của mình, nhưng khối doanh nghiệp này cũng đang gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại. Theo TS Hoàng Hải (Phó Ban Kinh tế Tạp chí Cộng sản) những vướng mắc chủ yếu là : Thiếu vốn, thiếu mặt bằng sản xuất, công nghệ lạc hậu từ 1-2 thế hệ, khả năng tiếp cận thị trường kém, sức cạnh tranh thấp, kỹ năng, nghiệp vụ quản lý, tay nghề của lực lượng lao động thấp, việc tiếp cận với thông tin về văn bản, pháp luật, thị trường, tiến bộ công nghệ ... còn tản mạn và hạn chế.

TS Phạm Thắng (Ủy viên Ban biên tập Tạp chí Cộng sản) đã phân tích những nét yếu kém của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý ở các doanh nghiệp : Trình độ, năng lực của các nhà doanh nghiệp vừa qua có được nâng lên nhưng chưa đồng bộ, chưa đồng đều. Tại một số doanh nghiệp, cán bộ lãnh đạo chưa hiểu biết sâu sắc, đầy đủ về các quan điểm kinh tế của Đảng dẫn đến lúng túng giữa ổn định, đổi mới và hội nhập, giữa trước mắt và lâu dài trong quá trình chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Một yếu kém khác nữa làm ảnh hưởng lớn đến sự hội nhập của các doanh nghiệp là thiếu thông tin. Trong bản tham luận của mình, TS Lê Đăng Doanh đã tổng kết : Các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay thiếu thông tin nghiêm trọng về thị trường, về những sản phẩm thích hợp có thể đưa ra thị trường thế giới, về các đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh. Ông Trần Nguyễn Tuyên cung cấp một vài số liệu đáng lo ngại : Hiện mới có 84% số doanh nghiệp được điều tra trả lời có nhận được thông tin về hội nhập, 16% doanh nghiệp chưa có hiểu biết về quá trình hội nhập. Trong số 16% kể trên, có 24% không biết gì về lịch trình giảm thuế của AFTA, APEC ; 26% không có thông tin gì về hội nhập WTO, 50% không có thông tin về Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ.

Sự đánh giá có tính khái quát trên đây đã được minh họa bằng những thí dụ sinh động của những nhà hoạt động thực tiễn. Trong lĩnh vực xuất khẩu thủy sản - mặt hàng được coi là có thế mạnh của Việt Nam, TS Nguyễn Thị Hồng Minh (Thứ trưởng Bộ Thủy sản) cho biết : Nhìn trên tổng thể, sự phát triển sản xuất chủ yếu là tự phát và manh mún. Thường xuyên xảy ra việc thừa hoặc thiếu nguyên liệu, thừa hoặc thiếu giống, năng lực sản xuất nguyên liệu không theo kịp sự phát triển của năng lực chế biến xuất khẩu, mức tăng trưởng đầu tư vào sản xuất một số sản phẩm còn nhanh hơn cả khả năng phát triển thị trường. Chất lượng sản phẩm nhìn chung chưa đồng nhất, nhiều sản phẩm Việt Nam chưa có thương hiệu riêng, nhiều nước nhập khẩu chưa biết đến thương hiệu của sản phẩm Việt Nam. Hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh đã bị các nhà nhập khẩu nước ngoài lợi dụng, gây thiệt hại lớn cho sản xuất trong nước.

Tình trạng trên cũng diễn ra trong sản xuất và xuất khẩu cà phê. Ông **Đoàn Triệu Nhận** (Chủ tịch Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam) đã rút ra một số điểm yếu của ngành cà phê là : Mất cân đối cơ cấu sản phẩm ; mất cân đối giữa tốc độ mở rộng diện tích, tăng năng suất với phát triển năng lực chế biến sau thu hoạch ; mất cân đối giữa nâng cao năng lực sản xuất, làm ra sản phẩm với chiến lược thị trường tiêu thụ sản phẩm ổn định hiệu quả ; mất cân đối giữa các chủng loại sản phẩm.

Như những con thuyền đang từ sông đi ra biển cả, phải vượt qua bao sóng lớn để đến bến bờ xa, các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình tham gia xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế phải đối mặt với một số vấn đề bức xúc :

Thứ nhất, vấn đề phát triển nhân tố con người, trình độ dân trí. Theo TS **Lê Quốc Tuấn** (Phó giám đốc Bưu điện Hà Nội), nếu chúng ta chọn khâu đột phá thì chỉ còn yếu tố nguồn nhân lực là chỗ chủ động và có khả năng biến động nhất trong các yếu tố tiềm năng của đất nước ta. Ông **Phạm Tuấn** (Tổng giám đốc Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 5) đồng tình với nhận định đó và cho rằng có đội ngũ cán bộ tốt, doanh nhân giỏi sẽ gần như có thể giúp ta "lật ngược thế cờ".

Thứ hai, về cơ cấu đầu tư và xúc tiến thương mại. Ông **Nguyễn Hữu Thắng** (Giám đốc Công ty sản xuất - dịch vụ và xuất nhập khẩu nam Hà Nội) cho rằng, chúng ta chưa chú trọng đầu tư cho ngành tiểu thủ công nghiệp là một ngành đã tạo ra trên 230 triệu USD xuất khẩu mỗi năm, bằng 1,7 lần kim ngạch xuất khẩu cao su, tương đương gần 2 triệu tấn gạo. Ngành này đã giải quyết hàng triệu lao động khắp nơi trong nước, là ngành tạo ra nguồn lợi nhuận cao, nhưng đầu tư lại rất ít, chủ yếu phát triển tự phát.

Vấn đề xúc tiến thương mại cũng cần phải được lưu ý. Sự thay đổi về chất và lượng của các mặt hàng xuất khẩu đòi hỏi phải có cách nhìn nhận mới, cách tiếp cận mới trong hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường xuất khẩu.

Thứ ba, vấn đề lựa chọn sản phẩm để tập trung đầu tư và có chiến lược phát triển phù hợp. Từ cách tiếp cận khá độc đáo, phân tích sự vận động của ngành dệt may trên thế giới qua các giai đoạn, ông **Nguyễn Đình Lương** đã đúc kết : Ngành dệt may thường phát triển mạnh ở những nơi nghèo, công nhân có mức lương thấp. Đến khi mức lương cao lên, ngành hàng này sẽ chuyển sang địa điểm khác. Vậy chúng ta phải có chiến lược phát triển ngành hàng như thế nào để không cam chịu mãi mãi là người thợ may của thiên hạ.

Thứ tư, phải làm sao thoát khỏi ách gia công. Hàng xuất khẩu của Việt Nam còn phụ thuộc khá nhiều vào nguồn nguyên liệu, phụ liệu nước ngoài dẫn tới việc xuất khẩu gián tiếp qua khâu trung gian. TS **Hoàng Xuân Hòa** (Trung tâm Nghiên cứu châu Âu) cho rằng : Muốn tạo ra giá trị gia tăng lớn thì việc đầu tư thiết bị và công nghệ cho công đoạn hoàn tất là yếu tố cần tính đến trong chiến lược phát triển của các doanh nghiệp.

Thứ năm, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước cũng đang làm nảy sinh nhiều hiện tượng không lành mạnh. Ông **Đoàn Triệu Nhận** nói : Chúng ta chủ trương xuất khẩu tự do nhưng không vì thế mà không quan tâm đến những hiện tượng lộn xộn như tranh mua, tranh bán, tranh khách hàng, bán phá giá thị trường... Cô-lôm-bi-a là một nước sản xuất cà phê lớn ở châu Mỹ Latinh, có sản lượng thứ nhì thế giới trong nhiều năm liền nhưng chỉ có 35 công ty xuất khẩu cà phê, trong khi đó ở Việt Nam có tới 150 nhà xuất khẩu trong vụ vừa qua.

3. Phải làm gì và như thế nào để nâng cao hiệu quả hoạt động, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp.

Với cách nhìn nhận và từ kinh nghiệm hoạt động của mình, các đại biểu tham dự hội thảo đã nêu lên những kiến nghị, đề xuất những giải pháp để các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hơn và có thể chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Những đóng góp vừa mang tính lý luận lại có hơi thở của thực tiễn đã góp phần làm tăng thêm tính thiết thực của cuộc hội thảo.

Các đại biểu đều rất nhất trí với nhau rằng, trước tiên là mỗi doanh nghiệp phải năng động, chủ động, sáng tạo tìm chỗ đứng cho mình, có các chiến lược phát triển trung và dài hạn ; doanh nghiệp nhỏ có chiến lược nhỏ, doanh nghiệp lớn có chiến lược lớn để đi vào cả thị trường lớn lẫn những thị trường ngách. TS **Nguyễn Xuân Thắng** (Phó Viện trưởng Viện Kinh tế thế giới) góp ý : Các doanh nghiệp cần lập các bộ phận chuyên trách của mình để nghiên cứu các thông tin về AFTA, APEC, WTO, về Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ... Chương trình hành động của mỗi doanh nghiệp phải được cụ thể hóa theo các lộ trình này.

Góp tiếng nói từ thực tiễn, ông **Nguyễn Đức Hà** (Phó tổng giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam) nhấn mạnh về chất lượng sản phẩm và phong cách phục vụ. Còn đại diện Tổng công ty Cơ khí xây dựng (COMA) cho rằng, các doanh nghiệp cần tiếp thu kiến thức, thông tin về hội nhập kinh tế quốc tế, nắm chắc từng tiến trình hội nhập, luật pháp và thông lệ quốc tế ; xây dựng chiến lược phát triển phải tính đến cả những tác động tích cực và tiêu cực của hội nhập. GS, TS **Nguyễn Đình Phan** (Phó hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội) cho rằng : các doanh nghiệp phải phần

đầu để đạt ISO 9000 - tấm chứng minh thư đi vào thị trường thế giới ; mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực khác như đầu tư trực tiếp nước ngoài, chuyển giao công nghệ... chứ không chỉ dừng lại ở sản xuất, kinh doanh.

Các nhà nghiên cứu và các doanh nhân đều coi đầu tư cho nghiên cứu khoa học, gắn nghiên cứu khoa học với thực tiễn, tăng cường công tác đào tạo để có đội ngũ doanh nhân giỏi, công nhân lành nghề, có khả năng làm chủ công nghệ mới..., là một trong những nhân tố then chốt trong chiến lược phát triển.

Về phía Nhà nước, các ý kiến tham luận đề nghị : Nhà nước cần cải tiến cơ chế quản lý vĩ mô, khuyến khích hình thành đồng bộ các thị trường, tạo môi trường pháp lý thông thoáng, đảm bảo sự bình đẳng về sản xuất, kinh doanh cho các thành phần kinh tế, hỗ trợ, tạo niềm tin, tăng thêm sức mạnh để các doanh nghiệp tham gia hội nhập kinh tế quốc tế một cách chủ động, phù hợp với sức vóc của mình.

Đi vào những vấn đề cụ thể, đứng từ góc độ cách huy động vốn sao cho có hiệu quả, ông **Phạm Tuấn** nêu suy nghĩ : Cần tập trung huy động vốn cho ngân hàng và lập quỹ chống rủi ro cho ngân hàng, thực hiện cơ chế doanh nghiệp nhà nước không có vốn điều lệ do nhà nước cấp. Cơ chế đó sẽ giúp cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tự khai thác nguồn vốn, nâng cao tính tự chủ sản xuất, kinh doanh.

Từ thực tiễn của người kinh doanh xuất nhập khẩu, ông **Nguyễn Hữu Thắng** kiến nghị : Nhà nước cần vào cuộc để đầu tư thích đáng cho chương trình xúc tiến thương mại trên quy mô sâu, rộng "nhãn hiệu hàng hóa quốc gia" ; có sự phân vai, phối hợp chặt chẽ giữa các doanh nghiệp với cơ quan nhà nước các cấp. Các Đại sứ quán, cơ quan thương vụ

của ta tại nước ngoài cần là đầu mối liên kết, sẵn sàng hỗ trợ các doanh nghiệp đang làm ăn ở nước sở tại, nâng cao hơn nữa tính cộng đồng dân tộc.

TS Nguyễn Thị Hồng Minh, ông **Nguyễn Hữu Thắng**, ông **Đoàn Triệu Nhân**... có chung nhận định rằng, chúng ta cần phát triển các phương thức liên kết kinh tế thông qua việc cùng sở hữu, bảo vệ và phát triển những tài sản vô hình như tên gọi sản phẩm, uy tín hoặc đẳng cấp sản phẩm; tăng cường hoạt động của các Hiệp hội vì đó là hình thức tổ chức phù hợp để hỗ trợ, liên kết và xây dựng tính cộng đồng của các doanh nghiệp, xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành hàng để phát triển sản xuất và xuất khẩu. Nhà nước nên mạnh dạn giao việc quản lý, xử lý vụ việc của ngành hàng cho bản thân ngành hàng đó giải quyết thông qua tổ chức của họ là hiệp hội ngành hàng.

4. Một số kinh nghiệm bước đầu.

Có thể nói những kinh nghiệm mà các doanh nghiệp, các ngành đã đúc rút được qua hoạt động thực tiễn là những vốn quý vừa mang lại sức mạnh vật chất, vừa củng cố niềm tin và hy vọng về khả năng chủ động hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Nếu như **TS Nguyễn Thị Hồng Minh** có rất nhiều tâm huyết khi trình bày bài học kinh nghiệm của xuất khẩu thủy sản là không nên chần chừ, e ngại, thấy bạn hàng đặt ra tiêu chuẩn quá cao mà không dám chiếm lĩnh thị trường, thì có một kinh nghiệm khác, một hướng đi cũng rất mạnh bạo là đầu tư ra nước ngoài. Ông **Nguyễn Thế Cường**, (Giám đốc Công ty gạch Thạch Bàn) cho biết: Đầu tư ra nước ngoài đối với các doanh nghiệp Việt Nam là một hướng đi mới, có tính hấp dẫn cao; mặc dù có không ít rủi ro, nhưng đó là một tiềm năng to lớn trong việc giúp doanh

nh nghiệp mở rộng thị trường, nâng vị thế của doanh nghiệp và hình ảnh của nước Việt Nam trên trường quốc tế. Với việc chủ động triển khai dự án đầu tư "Nhà máy gạch ốp lát granit TBC - Russia" công suất 2 triệu m²/năm, có tổng vốn đầu tư là 15 triệu USD, Công ty gạch Thạch Bàn đang tìm một hướng đi mới cho việc phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tạo thế chủ động hội nhập quốc tế với môi trường sản xuất, kinh doanh mới.

Với kinh nghiệm tìm nguồn hàng xuất khẩu, sau nhiều năm khảo sát tại gần 40 nước và thực tế kinh doanh, ông **Nguyễn Hữu Thắng** cho biết, hầu hết các mặt hàng đang bày bán trên đường phố nước ta đều có thể xuất khẩu được: Từ máy cày, máy gặt đập, quạt điện đến vỏ sò, vỏ hến; từ rom rạ đến cỏ đại trên rừng. Đó là một tiềm năng xuất khẩu to lớn nếu khai thác tốt sẽ biến thành máy móc, thiết bị công nghệ mới trang bị lại nền kinh tế cho nước ta.

Từ góc độ của người kinh doanh trong công ty trách nhiệm hữu hạn, ông **Phạm Minh Phương** (Chủ tịch Hội đồng Tư vấn Công ty trách nhiệm hữu hạn Anh Phương) góp thêm kinh nghiệm trong việc tìm các thị trường phù hợp, tranh thủ thời gian tích lũy vốn đổi mới công nghệ: Đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, việc đổi mới công nghệ là rất khó khăn, cần có thời gian tích lũy. Bởi thế, trước mắt nên khai thác thị trường dành cho những người thu nhập thấp. Ngay ở nước ngoài thị trường của người nghèo cũng rất lớn. Họ hoàn toàn có thể chấp nhận được chất lượng sản phẩm và giá cả như của ta hiện nay. Vấn đề là nhà nước tạo cơ chế để các doanh nghiệp nhỏ có thể tiếp cận được loại thị trường này. □

NGUYỄN THÚY ANH

Tổng thuật



LÊ-NIN, HỒ CHÍ MINH nói về vấn đề luân chuyển cán bộ

NGUYỄN TRỌNG PHÚC *

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX của Đảng (4-2001) chủ trương tiếp tục đổi mới công tác cán bộ. Một trong những nội dung đổi mới công tác cán bộ là : "Thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các ngành và địa phương ; cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên giữ một chức vụ lãnh đạo ở một đơn vị không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp ; khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín trong đơn vị, ngành và địa phương"(1). Để đưa Nghị quyết vào cuộc sống, vừa qua Bộ Chính trị đã có nghị quyết về vấn đề quan trọng này.

Luân chuyển cán bộ đã được Đảng ta thực hiện từ rất sớm. Trong thời kỳ Đảng còn hoạt động bí mật và lãnh đạo đấu tranh giành độc lập, giành chính quyền, cán bộ của Đảng đã được luân chuyển điều động từ trung ương tăng cường cho các xứ ủy, tỉnh ủy và từ các cấp bộ đó về trung ương, luân chuyển cán bộ giữa các địa bàn miền Bắc, miền Trung, miền Nam ; giữa các tỉnh, huyện. Trong quá trình lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, sự điều động, luân chuyển cán bộ giữa trung ương và địa phương, giữa các chiến trường cũng được Đảng ta đặc biệt chú trọng. Luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý nhưng vẫn bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Trung ương và hệ thống

tổ chức đảng và chính quyền các cấp, kịp thời chi viện, bổ sung cho những địa bàn, địa phương và chiến trường thiếu cán bộ. Sự luân chuyển điều động đó cũng có ý nghĩa rèn luyện nâng cao năng lực lãnh đạo, tổ chức thực tiễn của cán bộ khi phải chịu trách nhiệm lãnh đạo ở một địa bàn, địa phương mới, nâng cao sự hiểu biết, tầm nhìn, tình cảm cách mạng và sự gắn bó của cán bộ, đảng viên với nhân dân, với phong trào cách mạng.

Trong lịch sử, các triều đại phong kiến ở nước ta cũng đã sớm quy định về chế độ luân chuyển quan chức. Lê Thánh Tông làm vua từ 1460 đến 1497 đã từng quy định : các viên quan cai quản các xứ (địa phương) bộ lại không được bổ nhiệm người bản xứ (tức người địa phương đó). Quan lại không được lấy vợ và có nhà ở trên địa hạt mình cai quản. Đối với vùng biên giới, còn cử các tướng giỏi trấn trị để giữ gìn bờ cõi. Đến triều Nguyễn lại rất chú trọng luân chuyển quan lại giữa các tỉnh, các miền của đất nước và nghiêm cấm sự miệt thị, xích mích giữa người các vùng, các miền.

* PGS, TS, Viện trưởng Viện lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 142

Đó là những điều rất đáng phải suy ngẫm đối với công tác cán bộ và bố trí cán bộ trong hệ thống chính trị của nước ta hiện nay.

Khi lãnh đạo công cuộc xây dựng nước Nga theo con đường của chủ nghĩa xã hội, Lê-nin đặc biệt coi trọng đào tạo và bố trí cán bộ. Lê-nin chăm chú phát hiện những chiều hướng, những cán bộ tốt hằng ngày, hằng giờ mới nảy sinh. Người cho rằng : Những chiều hướng tốt là đấu tranh thắng lợi chống chủ nghĩa quan liêu, chú ý cao độ đến nhu cầu của công nhân và nông dân, vô cùng lo lắng đến việc khôi phục kinh tế, tăng năng suất lao động, phát triển sự trao đổi địa phương giữa nông nghiệp và công nghiệp. Những chiều hướng tốt này tuy nhiều hơn chiều hướng xấu nhưng vẫn còn là hiếm. Song, những chiều hướng này vẫn có. Có được những chiều hướng đó là nhờ ở khắp các địa phương những cán bộ cộng sản trẻ đầy sinh lực đã và đang được đào tạo. Theo Lê-nin, cần phải chú trọng trong đào tạo và đề bạt những cán bộ trẻ đó *một cách có hệ thống từ dưới lên trên*. Đây chính là một quá trình, một quy trình đào tạo, đề bạt cán bộ có hiệu quả và khoa học.

Một quá trình khác, là đưa cán bộ ở các cơ quan trung ương về công tác ở các địa phương. Lê-nin viết : "Một số cán bộ phụ trách có thể và phải thôi công tác ở các cơ quan trung ương và phải về các địa phương, nhận chức vụ lãnh đạo các huyện và các tổng, ở đó họ sẽ tổ chức toàn bộ công tác kinh tế một cách gương mẫu ; như vậy, họ sẽ giúp ích được nhiều vô cùng và sẽ thực hiện được một sự nghiệp có ý nghĩa toàn quốc trọng yếu nhiều hơn là giữ một chức vụ nào đó ở trung ương"(2).

Lịch sử cách mạng nước ta và nhất là trong những năm đổi mới vừa qua Đảng và

Nhà nước ta đã và đang thực hiện sự luân chuyển cán bộ và thực tiễn đã chứng minh sự cần thiết và tính hiệu quả của sự sắp xếp, điều động đó. Trong những năm tháng đầu tiên Đảng ta lãnh đạo chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm vấn đề này. Người lưu ý tới hai loại cán bộ : cán bộ từ trung ương phái đến và cán bộ của địa phương. Người đòi hỏi phải khắc phục bệnh hẹp hòi và tăng cường đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa hai loại cán bộ đó. Người cho rằng "Cũng vì bệnh hẹp hòi đó mà cán bộ cấp trên phái đến và cán bộ địa phương không đoàn kết chặt chẽ"(3). Chỉ có đoàn kết chặt chẽ giữa các cán bộ đó, chỉ có cán bộ địa phương ngày thêm nhiều - Hồ Chí Minh nhấn mạnh : "thì nền tảng của Đảng mới phát triển và vững vàng". Người cũng nhìn nhận một thực tế là : "Cán bộ phái đến, trình độ thường cao hơn, kinh nghiệm nhiều hơn. Nhưng cán bộ địa phương lại biết rõ nhân dân, quen thuộc công việc hơn"(4). Cán bộ được phái đến và cán bộ địa phương phải "kết thành một khối, không phân biệt, không kèn cựa", phải "giúp đỡ nhau, bồi đắp nhau, thì công việc mới chạy".

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, bệnh hẹp hòi rất nguy hiểm "chỉ biết có bộ phận mình mà quên cả Đảng". Thử bệnh đó "trái hẳn với nguyên tắc tập trung và thống nhất của Đảng" và "ngăn trở Đảng thống nhất và đoàn kết". Từ căn bệnh hẹp hòi mà nảy sinh nhiều bệnh khác như "Chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa bản vị, chủ nghĩa cá nhân...".

(2) Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 43, tr 284

(3), (4), Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 236, 237

Thực hiện việc luân chuyển cán bộ Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở phải chống *bệnh ích kỷ, bệnh địa phương*, không muốn tiếp nhận cán bộ được phái tới, cũng "không muốn cấp trên điều động cán bộ, hoặc khi điều động thì chỉ đùn những cán bộ kém ra". Hồ Chí Minh nhắc nhở "*Bệnh địa phương* đó, phải tẩy cho sạch"⁽⁵⁾.

Luân chuyển cán bộ cũng góp phần quan trọng để khắc phục bệnh hẹp hòi, bệnh địa phương hướng vào mục đích và lợi ích chung của đất nước, của toàn dân tộc. Hồ Chí Minh yêu cầu "mỗi một đảng viên, mỗi một bộ phận, mỗi một lời nói việc làm, tuyệt đối phải nhằm vào lợi ích của toàn cuộc, lợi ích của toàn Đảng". Người chỉ rõ: "Có những cán bộ chỉ thấy lợi ích bộ phận của mình, không thấy lợi ích của toàn thể, muốn đem lợi ích của toàn thể phục tùng lợi ích của bộ phận mình". "Họ quên rằng thiếu số phải phục tùng đa số, hạ cấp phải phục tùng thượng cấp, bộ phận phải phục tùng toàn thể". Hồ Chí Minh cho rằng, vì bệnh hẹp hòi mà có "những sự lung củng giữa bộ phận và toàn cuộc, đảng viên với Đảng, cán bộ địa phương và cán bộ phái đến ... địa phương này với địa phương khác". Người chỉ rõ "Chúng ta phải tẩy cho sạch cái bệnh nguy hiểm đó, khiến cho Đảng hoàn toàn nhất trí, hoàn toàn đoàn kết".

Hồ Chí Minh nhấn mạnh "Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác"⁽⁶⁾. Mọi cán bộ, đảng viên dù công tác ở cương vị nào, ở nơi nào đều vì lợi ích chung đó.

Luân chuyển cán bộ là công việc mang tính khoa học, nghĩa là điều động, phân công cán bộ dựa trên cơ sở phân tích đánh giá đúng đắn năng lực, trình độ, khả năng hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ đó, môi

trường và địa bàn, cương vị công tác mà cán bộ đó có thể phát huy để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ. Đó cũng chính là xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ từ công việc thực tế đặt ra ở các địa phương hay ở các cơ quan trung ương để phân công và điều động cán bộ. Hồ Chí Minh cho rằng, *Phải khéo dùng cán bộ, nếu biết tùy tài mà dùng người* thì mọi người đều phát huy được năng lực để cống hiến tốt nhất và mọi việc đều thành công.

Hồ Chí Minh đặt ra yêu cầu cần "*phải phân phối cán bộ cho đúng*" "*Phải dùng người đúng chỗ, đúng việc*"⁽⁷⁾. Đối với những công việc quan trọng, khó khăn, những địa bàn trọng yếu phải phái đến đó những cán bộ có *quan hệ khăng khít với quần chúng, có sáng kiến, tinh thần, chắc chắn, chí khí vững vàng*". Người cũng lưu ý sự cần thiết phải giữ gìn cán bộ. Khi cần thì phải cán bộ mới thay thế cho cán bộ cũ và phái cán bộ cũ đi nơi khác.

Thực hiện luân chuyển cán bộ như những quan điểm mà Lê-nin và Hồ Chí Minh đã đặt ra và như thực tế Đảng ta đã làm ở các thời kỳ trước đây, có thể thấy rõ sự luân chuyển đó trên mấy tuyến chính:

- Luân chuyển cán bộ từ giữ cương vị ở các cơ quan trung ương về đảm nhận một chức vụ nào đó ở địa phương và điều động cán bộ lãnh đạo ở các địa phương có trình độ và khả năng để đảm trách cương vị lãnh đạo ở các cơ quan trung ương (cán bộ lãnh đạo các cơ quan đảng và chính quyền). Một đồng chí lãnh đạo một ban của trung ương hay bộ trưởng, thứ trưởng có thể về làm bí thư tỉnh ủy, chủ tịch một tỉnh, thành phố và ngược lại.

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 236, 237

(6), (7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr 250, 274, 275

- Luân chuyển cán bộ trong một ngành, một lĩnh vực hoạt động, theo ngành dọc từ trung ương xuống các địa phương và theo địa bàn hoạt động của các ngành đó (Chẳng hạn một đồng chí vụ trưởng của Bộ Nông nghiệp có thể về làm giám đốc sở nông nghiệp của một tỉnh và ngược lại ; một đồng chí trưởng phòng nông nghiệp của huyện có thể được điều lên giữ chức vụ nào đó ở sở nông nghiệp và ngược lại). Theo Hồ Chí Minh, cán bộ quân sự cũng có thể luân chuyển tương tự như vậy.

- Luân chuyển cán bộ giữa các địa phương trên phạm vi cả nước. Một người giữ cương vị lãnh đạo, quản lý ở một tỉnh, thành phố này có thể được điều động sang lãnh đạo, quản lý một tỉnh, thành phố khác, có thể ở vùng khác, miền khác rất xa.

- Luân chuyển cán bộ ngay trong phạm vi từng địa phương (tỉnh, thành phố). Cán bộ lãnh đạo một ban, ngành nào đó của tỉnh, thành phố về đảm nhận cương vị lãnh đạo, quản lý ở các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và ngược lại.

Thực tế sự luân chuyển đó đã phát huy được sự năng động, sáng tạo của các cán bộ lãnh đạo, quản lý hơn hẳn việc ở một chức vụ, hay một lĩnh vực, một địa bàn, một địa phương nào đó quá lâu. Sự luân chuyển đó cũng nâng cao tầm tư duy, sự hiểu biết cả về lý luận và thực tiễn, nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn của mỗi cán bộ lãnh đạo quản lý vừa ở tầm bao quát vừa sâu sắc trên những vấn đề cụ thể. Cũng qua đó khắc phục bệnh địa phương, cục bộ, quan liêu, xa cách giữa trung ương với các địa phương, cơ sở, xa cách và ít hiểu biết giữa các địa phương với nhau ; củng cố tình thân ái, đoàn kết và thống nhất trong Đảng, trong nhân dân và các dân tộc.

Sự luân chuyển cán bộ cần được coi là công việc bình thường cần thiết và thường xuyên của Đảng trong cả thời kỳ đấu tranh giành độc lập cũng như trong điều kiện Đảng cầm quyền. Tất cả đều vì mục tiêu đấu tranh, phấn đấu của sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đều vì lợi ích của cách mạng, của giai cấp, dân tộc và nhân dân.

Luân chuyển cán bộ đòi hỏi sự đánh giá cán bộ một cách đúng đắn để có sự phân công, điều động cán bộ thích hợp, vừa có lợi cho công việc chung vừa phát huy được sự đóng góp cao nhất của mỗi cán bộ. Phải có kế hoạch chặt chẽ và tính hiệu quả. Hồ Chí Minh nhấn mạnh "Khi giao công tác cho cán bộ cần phải chỉ đạo rõ ràng, sắp đặt đầy đủ. Vạch rõ những điểm chính, và những khó khăn có thể xảy ra"⁽⁸⁾. Phân công, điều động cán bộ dựa trên yêu cầu nhiệm vụ chung và phát huy tính chủ động tự chịu trách nhiệm của mỗi cán bộ với chức trách được giao. "Cũng như trong quân đội, khi chiến lược chiến thuật và nhiệm vụ đã quyết định rồi, vị Tổng tư lệnh không cần nhúng vào những vấn đề vặt vãnh. Phải để cho các cấp chỉ huy có quyền "tùy cơ ứng biến", mới có thể phát triển tài năng của họ. Việc gì cấp trên cũng nhúng vào, cán bộ cũng như một cái máy, việc gì cũng chờ mệnh lệnh, sinh ra ý lại, mất hết sáng kiến"⁽⁹⁾.

Hồ Chí Minh cho rằng phải thật sự cởi mở và có niềm tin khi phân công công việc cho cán bộ. "Trước khi trao công tác, cần phải bàn kỹ với cán bộ. Nếu họ gánh không nổi, chớ miễn cưỡng trao việc đó cho họ. Khi đã trao cho họ phải hoàn toàn tin họ. Không nên sớm ra lệnh này, tra đổi lệnh khác"⁽¹⁰⁾.

(8), (9), (10) Hồ Chí Minh : *Sđd*, tr 280, 281

Việc luân chuyển cán bộ cũng cần chú trọng đưa cán bộ lý luận ở các cơ quan nghiên cứu, đào tạo lý luận của trung ương về các địa phương với phương thức đi thực tế dài hạn và có thể tham gia công tác lãnh đạo, quản lý ở các địa phương, đồng thời điều động những đồng chí đang làm công tác lãnh đạo, quản lý ở địa phương mà có khả năng lý luận, có khả năng tổng kết thực tiễn về các cơ quan lý luận của Trung ương, góp phần giúp Trung ương nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn. Làm được như vậy là đã gắn liền lý luận với thực tiễn không chỉ trong hành động cụ thể của từng cán bộ mà còn làm cơ sở rất quan trọng và sinh động để Đảng hoạch định đường lối, điều chỉnh chủ trương, chính sách kịp thời, sát hợp. Hồ Chí Minh luôn luôn đòi hỏi chúng ta *phải gắn liền lý luận với thực tiễn* là như vậy.

Những cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các địa phương có vốn thực tiễn rất phong phú và rất năng động trong tổ chức thực tiễn, có nhiều kinh nghiệm quý báu. Hồ Chí Minh chú trọng nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ, đảng viên, huấn luyện cán bộ ở hệ thống trường đảng. Người cho rằng, tài liệu huấn luyện cán bộ, ngoài tài liệu về chủ nghĩa Mác - Lê-nin còn có những tài liệu thiết thực "Đó là những kinh nghiệm do những người đi học mang đến, kinh nghiệm thành công cũng như kinh nghiệm thất bại. Những kinh nghiệm đó đem trao đổi, gom góp lại tức là những bài học quý"(11). Điều đó cho thấy những cán bộ công tác ở địa phương rất có khả năng tổng kết thực tiễn để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận của cách mạng Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã luận giải rõ ràng lý luận và thực tế là gì và sự gắn kết hai vấn đề đó

trong bản thân mỗi cán bộ dù là cán bộ lý luận hay cán bộ hoạt động thực tiễn. "Lý luận là sự tổng kết những kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội tích trữ lại trong quá trình lịch sử. Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là sự tổng kết kinh nghiệm của phong trào công nhân từ trước đến nay của tất cả các nước". "Thực tế là các vấn đề mình phải giải quyết, là mâu thuẫn của sự vật. Chúng ta là những người cán bộ cách mạng, thực tế của chúng ta là những vấn đề mà cách mạng đề ra cho ta phải giải quyết. Thực tế bao gồm rất rộng. Nó bao gồm kinh nghiệm công tác và tư tưởng của cá nhân, chính sách và đường lối của Đảng, kinh nghiệm lịch sử của Đảng cho đến các vấn đề trong nước và trên thế giới"(12). Sự luân chuyển cán bộ cũng là một chủ trương để gắn liền lý luận với thực tiễn phong phú của đất nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã nhận định "Công tác tư tưởng, công tác lý luận còn yếu kém, bất cập ; công tác tổ chức, cán bộ còn một số biểu hiện trì trệ"(13). Sự luân chuyển cán bộ một cách có kế hoạch, đúng đắn, kịp thời nằm trong chiến lược tổng thể về quy hoạch, đào tạo và bố trí cán bộ nhất định sẽ tạo chuyển biến tích cực của công tác tư tưởng, lý luận và khắc phục những biểu hiện trì trệ về công tác tổ chức, cán bộ mà Đại hội IX của Đảng đã thẳng thắn chỉ ra. Những lời chỉ dẫn của Lê-nin và Hồ Chí Minh về luân chuyển cán bộ có ý nghĩa sâu sắc đối với công tác tổ chức, cán bộ của Đảng ta hiện nay. □

(11) Hồ Chí Minh, : *Sđđ*, t 6, tr 49

(12) Hồ Chí Minh : *Sđđ*, t 8, tr 497

(13) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 138

Một số vấn đề VỀ ĐẤU TRANH TƯ TƯỞNG hiện nay

PHẠM NGỌC HIỂN *

PHÁ hoại tư tưởng là hoạt động phổ biến của các đối tượng thù địch, có vai trò mang tính mở đường, tạo điều kiện cho các tác nhân thù địch khác, nhất là việc hình thành lực lượng chống đối ở cả trong và ngoài nước. Từ khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, Liên Xô sụp đổ, các thế lực thù địch cũng như các phần tử đối lập tăng cường hoạt động tuyên truyền phá hoại tư tưởng nhằm xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hướng Việt Nam đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Cụ thể là :

1- Âm mưu phản bác, phủ định chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Các thế lực thù địch với âm mưu phủ định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chúng bác bỏ thẳng thừng những nguyên lý về giai cấp và đấu tranh giai cấp ; về chuyên chính vô sản ; về tập trung dân chủ ; về vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam ; về thành quả cách mạng và công lao của các lãnh tụ cách mạng nước ta, đặc biệt là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chúng ta hiểu rõ rằng, trong xã hội có phân chia giai cấp, tất yếu có đấu tranh giai cấp. Đấu tranh giai cấp là quy luật

khách quan, là một động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Trong thời đại ngày nay, việc phân chia xã hội thành giai cấp và đấu tranh giai cấp vẫn rất quyết liệt. Có điều những nội dung, hình thức, tính chất đấu tranh giai cấp không còn hoàn toàn như trước đây mà đã mang nhiều dấu ấn mới của thời

đại. Trong khi đó, các thế lực thù địch cho rằng trong thời đại ngày nay, xã hội không còn phân chia giai cấp nên không có đấu tranh giai cấp. Có người còn nhấn mạnh rằng ở Việt Nam từ trước tới nay không có giai cấp nên đấu tranh giai cấp ở nước ta là "tay nọ chém tay kia". Có người tung ra luận điệu : "Mác đã tuyệt đối hóa, vĩnh viễn hóa đấu tranh giai cấp và đó là nguyên nhân dẫn đến những sai lầm, khủng hoảng của chế độ xã hội chủ nghĩa".

Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh có tầm quan trọng đặc biệt, có ý nghĩa sống còn đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia ; bảo vệ và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong hệ thống chính trị, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản có ý nghĩa quyết định ; sự quản lý của Nhà nước có vai trò trụ cột ; các đoàn thể nhân dân có vai trò tổ chức, tập hợp phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Hệ thống chính trị là một thể thống nhất từ trung ương tới cơ sở vận hành theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

* PGS, TS, Phó giám đốc Học viện An ninh nhân dân

Các thế lực thù địch thực hiện âm mưu phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, phủ nhận vai trò của Nhà nước, phá vỡ các tổ chức nhân dân. Chúng trắng trợn tuyên truyền giải tán lực lượng vũ trang, phi chính trị hóa các cơ quan quyền lực nhà nước, nhằm tạo điều kiện xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức có tính chất sống còn của một đảng mác xít - lê ninít. Bởi vì nó bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động, tạo nên sức mạnh của đảng cách mạng vô sản. Sự thống nhất đó dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy sự sáng tạo của mọi thành viên của tổ chức Đảng. Các phần tử đối lập, cơ hội, cực đoan, quá khích lợi dụng chủ trương mở rộng dân chủ, công khai phê bình, tự phê bình để đòi hỏi Đảng ta phải từ bỏ nguyên tắc này, đòi được tự do truyền bá các quan điểm sai trái, thậm chí tuyên truyền tư tưởng thù địch. Âm mưu thâm độc của chúng là làm tan rã Đảng ta về mặt tổ chức, biến các tổ chức Đảng từ trên xuống dưới thành một thứ câu lạc bộ và từ đó thủ tiêu sức mạnh của Đảng. Và cũng vì thế mà chúng cho rằng phá bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ là khâu "đột phá khâu" mở đường cho đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, đi tới xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2- Âm mưu phản bác, phủ định tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, là sự tiếp thu có chọn lọc những giá trị văn minh, văn hóa nhân loại, là sự kế thừa tinh hoa của truyền thống

dân tộc Việt Nam. Đặc trưng nổi bật của tư tưởng Hồ Chí Minh là sự gắn liền giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp với giải phóng con người khỏi sự áp bức, bóc lột của bọn thực dân, phong kiến, đế quốc ; là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là đoàn kết dân tộc và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành bộ phận cấu thành nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam. Các thế lực thù địch đã tìm mọi cách để xuyên tạc, bóp méo tư tưởng và sự nghiệp của Người. Chúng vu cáo Bác Hồ sai lầm khi lựa chọn con đường phát triển của dân tộc Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng lớn tiếng kêu gọi hãy sớm từ bỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Bác Hồ và Đảng ta đã lựa chọn.

Chúng trắng trợn và trơ tráo hạ uy tín nhằm làm mất đi tình cảm thiêng liêng của cán bộ, đảng viên, nhân dân ta với Chủ tịch Hồ Chí Minh thông qua việc xuyên tạc, bịa đặt, bôi nhọ cả về đời tư cũng như đạo đức, lối sống của Người. Thậm chí chúng còn trắng trợn quy kết tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, chậm phát triển của đất nước ta như là hậu quả của việc lựa chọn sai lầm về con đường đi của dân tộc Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng, dẫn dắt.

3- Âm mưu phủ định chủ nghĩa xã hội và phê phán sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước ta.

Để phản bác, phủ định chủ nghĩa xã hội, những người chống đối thường xoay quanh một số luận điểm cho rằng phải lựa chọn lại con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và dân tộc tìm đến và đi theo.

Họ cho rằng, con đường ấy là ảo tưởng. Bởi vì theo họ, học thuyết mác xít - lê ninít về chủ nghĩa xã hội khoa học và mô hình về chế độ nhà nước xã hội chủ nghĩa

là sai lầm, sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Đông Âu vừa qua là hệ quả tất yếu và ở Việt Nam trong tương lai là sẽ không tránh khỏi.

Phốt lờ tất cả những nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, họ muốn tuyên truyền về sự sai lầm từ gốc của học thuyết Mác - Lê-nin về chủ nghĩa xã hội.

4- Âm mưu hạ thấp đi tới phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Có thể nói đây là một trong những nội dung chủ yếu, một vấn đề cốt lõi trong hoạt động phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch đối với Đảng ta trong mọi thời kỳ lịch sử. Hiện nay, chúng ra sức bơm to, thổi phồng, bôi đen nói xấu Đảng nhằm làm mất lòng tin của nhân dân với Đảng.

Đồng thời, chúng phủ nhận mọi thành tựu cách mạng do Đảng ta tổ chức, lãnh đạo, thậm chí biến công thành tội, xuyên tạc, vu cáo bôi nhọ nhằm hạ uy tín của Đảng ta.

Chúng cho rằng Đảng ta chưa thực sự có chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thích hợp, thậm chí Đảng còn là lực cản đối với sự phát triển mọi mặt của đất nước. Thử hỏi những thành tựu mọi mặt của 15 năm đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, đưa đất nước ta ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân được cải thiện, vị thế dân tộc Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế như hiện nay thì đó là cái gì ? Chỉ có những người có dã tâm xấu xa, độc địa mới cố tình đi lừa người thiếu thông tin, ở xa Tổ quốc về những điều như vậy.

Họ vô lối, trắng trợn đòi Đảng ta phải thay đổi hoàn toàn, thay đổi tất cả từ tính chất chính trị, cơ sở tư tưởng đến

nguyên tắc tổ chức, phương thức lãnh đạo và phong cách công tác, để đi tới xóa bỏ tận gốc rễ Đảng Cộng sản Việt Nam. Họ công khai truyền bá các quan điểm đối lập thù địch với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trái với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hoạt động tuyên truyền của đối phương được tiến hành bằng thủ đoạn bới móc sai sót, thổi phồng sai lầm, vu cáo, xuyên tạc, bịa đặt, bóp méo sự thật... để làm mất uy tín của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong khi đó, chúng ra sức tập hợp lực lượng bất mãn, cơ hội, phản động mưu toan thành lập các tổ chức chính trị đối lập để đối trọng với Đảng Cộng sản Việt Nam ...

5- Âm mưu phủ định mọi thành quả cách mạng Việt Nam.

Nhằm làm cho nhân dân mất niềm tin vào chế độ xã hội chủ nghĩa, hoạt động tuyên truyền phá hoại tư tưởng, các thế lực thù địch ra sức tuyên truyền, phủ định mọi thành tựu của cách mạng nước ta. Xã hội nào trong quá trình phát triển đi lên cũng còn những tiêu cực, tệ nạn, tham nhũng. Chúng ra sức lợi dụng các hiện tượng đó kích động tâm trạng bất mãn, chia rẽ đoàn kết dân tộc, tôn giáo, đẩy một bộ phận nhân dân vào con đường chống lại chế độ, gây hoang mang dao động, phá vỡ niềm tin của quần chúng đối với Đảng, với chế độ xã hội chủ nghĩa.

6- Tìm cách truyền bá các học thuyết tư sản và phi xã hội chủ nghĩa.

Đây là những hoạt động tuyên truyền được tiến hành nhằm xác lập trong lòng chế độ xã hội chủ nghĩa những cơ sở tư tưởng của chế độ tư bản chủ nghĩa. Hoạt động này thường tập trung vào những nội dung chủ yếu : tuyên truyền cho *chủ nghĩa tư bản*

hiện đại ; chủ nghĩa xã hội dân chủ ; chủ nghĩa đa nguyên ; chủ nghĩa thực dụng ; chủ nghĩa dân tộc ; chủ nghĩa cơ hội hiện đại ; chủ nghĩa xét lại hiện đại ; chủ nghĩa duy lý ; chủ nghĩa phi lý ; chủ nghĩa hiện sinh ; thuyết giải thể hệ tư tưởng ; thuyết hội tụ ; thuyết về xã hội công giáo... Chúng truyền bá văn hóa, lối sống tư sản về cái gọi là "giá trị" của chế độ tư bản chủ nghĩa như : "tự do", "dân chủ", "nhân quyền" theo cách hiểu và cách làm của các nước tư bản phương Tây. Chúng tuyên truyền cho sức mạnh về quân sự, kinh tế, khoa học kỹ thuật của các nước tư bản ...

Thực tiễn đã chứng minh, để giữ vững ổn định chính trị - xã hội, chúng ta phải coi trọng công tác đấu tranh chống mọi hoạt động phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch. Chúng ta kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, và khẳng định đó là hệ tư tưởng, là kim chỉ nam cho hành động của toàn Đảng, toàn dân ta trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng của dân tộc. Chỉ có như vậy mới có thể ngăn chặn, loại trừ các nhân tố gây mất ổn định chính trị.

Chúng ta nhận thức sâu sắc rằng đấu tranh chống địch phá hoại tư tưởng là sự đấu tranh gay gắt nhất, quyết liệt nhất trong đấu tranh chống "diễn biến hòa bình". Sự kiện sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Đông Âu, cũng như những biến động phức tạp trên các lĩnh vực tôn giáo, dân tộc ở nước ta trong thời gian qua mà trong không ít trường hợp, có sự phá hoại của các thế lực thù địch đã chứng minh cho thấy tính chất chính trị phản động của hoạt động phá hoại tư tưởng. Do vậy, chúng ta phải nâng cao cảnh giác trước các âm mưu, hoạt động phá hoại tư tưởng của địch. Phải kiên quyết và thận trọng trong cuộc đấu tranh này, tuyệt đối không thể nhân nhượng và thỏa hiệp.

Để phòng ngừa, đấu tranh vô hiệu hóa âm mưu và hoạt động phá hoại tư tưởng - chính trị, "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch hiện nay, chúng ta triển khai kịp thời, đồng bộ các giải pháp vừa mang tính chất cấp bách, vừa có tính chất cơ bản sau đây :

Một là, củng cố vững chắc trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Thông qua việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân lao động, thống nhất nhận thức và quyết tâm đấu tranh, ngăn chặn mọi âm mưu và hoạt động phá hoại tư tưởng - chính trị, "diễn biến hòa bình" của các thế lực đế quốc, phản động, đồng thời kiên quyết bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Hai là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Củng cố kỷ cương, kỷ luật trong Đảng, xây dựng Đảng gắn liền với bảo vệ Đảng. Coi trọng bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp, các ngành, chống địch thâm nhập nội bộ, bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật nội bộ. Bảo vệ sự lãnh đạo vững chắc, toàn diện của Đảng trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Xây dựng Đảng gắn liền với củng cố, xây dựng hệ thống chính trị, trước hết là chính quyền nhà nước các cấp trong sạch, vững mạnh.

Ba là, đẩy mạnh sự phát triển kinh tế, xã hội theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, không để xảy ra tình trạng kinh tế tự phát theo con đường tư bản chủ nghĩa. Đảm bảo sự ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Bảo vệ quyền lợi chính đáng của mọi tầng lớp xã hội, thực hiện công bằng xã hội. Kiên quyết

(Xem tiếp trang 44)

TÌNH HÌNH TƯ TƯỞNG CỦA THANH NIÊN VÀ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG CỦA ĐOÀN THANH NIÊN

HOÀNG BÌNH QUÂN *

Tư tưởng và công tác tư tưởng là công việc hệ trọng của Đảng ta. Công tác tư tưởng góp phần củng cố nền tảng tư tưởng, định hướng hành động, tạo ra sự thống nhất về chính trị, tinh thần trong Đảng và toàn xã hội; đồng thời góp phần tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận. Đảng ta chỉ rõ: Công tác tư tưởng là hoạt động đa dạng và quan trọng bậc nhất của Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng, xác lập, phát triển hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, hình thành niềm tin, định hướng giá trị đúng đắn, góp phần xây dựng thế giới quan khoa học cho con người, thúc đẩy con người hoạt động tích cực và sáng tạo để thực hiện thắng lợi lý tưởng và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Công tác đoàn với đối tượng chủ yếu là thanh niên, lực lượng đông đảo, rất nhạy cảm với thời cuộc nhưng lại là lớp người còn trẻ, chưa tích lũy được nhiều kinh nghiệm xã hội, chưa có quá trình xây dựng bản lĩnh. Trong khi nhiệm vụ chính trị lại rất nặng nề, là lớp người đảm đương vai trò tiên phong đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, kế tục sự nghiệp của cha anh mình. Vì vậy, công tác tư tưởng đối với Đoàn Thanh niên và với thanh niên rất quan trọng và là nhiệm vụ khó khăn, nặng nề.

Hiện nay ở nước ta, thanh niên ở độ tuổi từ 15 đến 34 tuổi chiếm 36% dân số cả nước.

Trong tổng số thanh niên thì thanh niên ở độ tuổi 15 - 24 chiếm 54,6%, thanh niên ở độ tuổi 25 - 34 chiếm 45,4%. Về giới tính 49,6% là nam thanh niên, 50,4% là nữ thanh niên. Đa số thanh niên sống ở nông thôn (74,45%). Theo Quỹ Dân số Liên hợp quốc "Việt Nam đang là nước ở khu vực bước vào giai đoạn có số lượng dân số trẻ đông chưa từng có với trên 60% dân số dưới 25 tuổi. Số dân dưới 25 tuổi là nguồn nhân lực lớn, dồi dào cho sự phát triển, mở ra cho Việt Nam một "cửa sổ cơ hội" do có "dư lợi dân số". Tuy nhiên, với tỷ lệ và số lượng thanh niên cao cũng gây ra sức ép lớn về việc làm, giáo dục, bảo vệ sức khỏe và các vấn đề xã hội.

Được sống, học tập, làm việc trong thời kỳ đổi mới, trên các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội, thanh niên thích nghi nhanh với cơ chế quản lý mới. Khi sức trẻ được giải phóng, thanh niên trở thành lớp người năng động, hăng hái ủng hộ, đi đầu trong công cuộc đổi mới do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo. Thanh niên có điều kiện thuận lợi tiếp nhận thông tin, khoa học, công nghệ tiên tiến và tích cực ứng dụng những thành tựu ấy vào sản xuất, kinh doanh và xây dựng cuộc sống. Từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, một phong trào hành động thích ứng với thời kỳ

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

mới xuất hiện lần đầu tiên trong lực lượng thanh niên là phong trào "sản xuất, kinh doanh giỏi" thu hút hàng triệu lao động trẻ ở nông thôn và thành thị tham gia góp phần tạo ra khối lượng của cải vật chất đáng kể, nhất là trong nông nghiệp. Tiếp đó là hai phong trào lớn "thanh niên lập nghiệp" và "tuổi trẻ giữ nước" được đẩy lên mạnh mẽ. Bản thân hoạt động "lập thân, lập nghiệp" là sự gắn kết giữa cá nhân với cộng đồng, sự nghiệp của từng người với nghiệp lớn của đất nước đã kích thích tinh thần sáng tạo, tìm tòi của tuổi trẻ. Trong thanh niên xuất hiện ngày càng nhiều tài năng trẻ, những tấm gương cá nhân và tập thể xuất sắc trên các lĩnh vực.

Bức tranh xã hội sinh động mà nét nổi bật là sự ổn định về chính trị, sự tăng trưởng liên tục về kinh tế, đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân từng bước được cải thiện ... đã tác động tích cực đến tâm lý, tình cảm và tư tưởng của tầng lớp thanh niên. Có thể khẳng định, niềm tin của thanh niên vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường xã hội chủ nghĩa và sự phát triển đi lên của đất nước được củng cố và tăng cường rõ rệt. Thái độ và ý thức chính trị của thanh niên được nâng lên, xu hướng ngày càng tích cực. Thanh niên quan tâm và có trách nhiệm hơn đến những vấn đề của quê hương, đất nước, của Đảng, của Đoàn, các vấn đề trong khu vực và quốc tế, tích cực tham gia các hoạt động do Đoàn, Hội tổ chức. Ý thức tự lập thân, lập nghiệp của thanh niên cao hơn trước, tư tưởng dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của thanh niên đã khắc phục lối tư duy theo nếp cũ bảo sao làm vậy, hoặc tự biến mình thành người thừa hành bị động; dám phấn đấu để sớm tự khẳng định mình trong xã hội, trong cộng đồng. Trên thực tế họ đã tự khẳng định được vai trò đi đầu trên các lĩnh vực hoạt động, trên các mũi nhọn của cuộc sống. Ngày nay, thanh niên suy nghĩ đến vấn đề

học tập, làm việc sao cho có hiệu quả, chọn nghề phù hợp với năng lực, sở trường, sức khỏe và xã hội. Phát huy những giá trị truyền thống anh hùng, bất khuất, cần cù, siêng năng của dân tộc, lớp trẻ ngày nay đã có những đóng góp đáng kể trong việc tạo dựng nên những giá trị mới. Đó là những giá trị về công bằng xã hội, dân chủ, công hiến, khắc phục từng bước tư tưởng bình quân, cào bằng, không khuyến khích người tài, không dám tôn vinh những người làm giàu chính đáng, phê bình và tự phê bình, đấu tranh với những nhận thức lệch lạc, non kém.

Tuổi trẻ hôm nay vẫn là lớp người đang gìn giữ và phát huy những giá trị tư tưởng về nhân ái, nhân văn, đạo lý "lá lành đùm lá rách" của ông cha ta. Nhiều năm liền đất nước ta bị thiên tai nghiêm trọng ở nhiều vùng, miền; hàng trăm đội thanh niên tình nguyện cứu dân đã xuất hiện. Họ lặn lội hàng tháng trong bão lũ, đói rét mà không hề tính toán, đòi hỏi. Có những đoàn viên, thanh niên đã hy sinh khi thực hiện nhiệm vụ. Từ năm 1995 đến nay, Đoàn thanh niên có 3 đợt vận động trí thức trẻ tình nguyện về nông thôn, vùng sâu, vùng xa, hải đảo xây dựng nông thôn mới. Đợt đầu (năm 1998) với 200 người, sau 2 năm đã có hơn một nửa trong số đó tình nguyện ở lại địa phương làm việc lâu dài. Đợt thứ hai (năm 2000) với 500 người và đợt thứ 3 (năm 2001) với 500 bác sĩ trẻ. Từ những hoạt động ban đầu, nay phong trào thanh niên tình nguyện đã được phát triển rộng khắp trong cả nước, tiêu biểu là chiến dịch thanh niên, học sinh, sinh viên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng hè năm 2001 đã tạo cao trào thanh niên tình nguyện trong toàn quốc với 2,5 triệu lượt thanh niên tham gia. Qua phong trào thanh niên tình nguyện và các hoạt động nhân đạo, từ thiện của Đoàn cho thấy, nếu biết tổ chức tốt thì

tình cảm, lòng nhân ái, nhân văn, tính tích cực chính trị - xã hội, trách nhiệm với cộng đồng, tinh thần xung phong tình nguyện mãi mãi là những phẩm chất tốt đẹp của thanh niên.

Thời gian qua, tình hình tư tưởng trong thanh niên có nhiều diễn biến tích cực và xu hướng này đang ngày càng tăng. Tuy nhiên, bên cạnh mặt mạnh, mặt tốt vẫn còn một số điều phải suy nghĩ, phân tích và nhận diện một cách đầy đủ.

+ Hạn chế của một bộ phận thanh niên, trong đó có bộ phận thanh niên mới lớn là sự non kém, thiếu từng trải, chưa tích lũy được nhiều kinh nghiệm sống, cho nên chưa tạo dựng được bản lĩnh chính trị vững vàng, chưa kiên định và kiên trì mục tiêu phấn đấu. Trước một sự việc có lúc thanh niên mơ hồ, không tự lý giải được những diễn biến phức tạp để hiểu và phân biệt đâu là hiện tượng, đâu là bản chất dẫn tới lúng túng, hoang mang và hành động lệch lạc, thậm chí sai trái. Vì vậy, thanh niên là đối tượng chính trị dễ bị các thế lực thù địch lôi kéo nhằm phá hoại, chia rẽ quần chúng.

+ Một biểu hiện khác rất đáng chú ý là lối sống thực dụng ích kỷ đang chi phối suy nghĩ và hành động của một bộ phận thanh niên. Lối sống đó đẩy bộ phận thanh niên đặt lợi ích cá nhân lên trên hết, làm bất cứ việc gì miễn là có tiền và với họ càng kiếm được nhiều tiền càng tốt. Họ tỏ ra thờ ơ với sinh hoạt chính trị, không quan tâm đến cuộc sống của cộng đồng, không tham gia công tác xã hội, dễ sa vào các tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật.

Trong quá trình đổi mới đất nước, nhiều vấn đề xã hội của thanh niên sẽ được giải quyết có hiệu quả hơn, nhưng cũng còn không ít vấn đề xã hội của thanh niên vẫn tồn tại, có khi trở nên gay gắt, tác động tới tư tưởng, tình cảm của thanh niên, đó là :

- *Mối quan hệ giữa khát vọng cống hiến của tuổi trẻ với những cơ hội được cống hiến, được làm việc và có việc làm hiện nay còn có khoảng cách.* Nếu khoảng cách này cứ mở rộng dần ra, nghĩa là tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm chưa được giải quyết tốt, số thanh niên đến tuổi lao động và ra trường ngày một nhiều nhưng không tìm được việc làm, chắc chắn sẽ tác động không tốt đến tâm lý, tư tưởng, tình cảm và gây ra sự thất vọng trong thanh niên.

- *Mối quan hệ giữa bồi dưỡng, đào tạo và sử dụng trí tuệ* của thanh niên hiện nay chưa được cải thiện, mặc dù Đảng và Nhà nước đã ban hành một số chính sách đúng đắn, nhưng do khâu thực thi chưa tốt nên gây nhiều thắc mắc, băn khoăn trong lớp trẻ.

- *Mối quan hệ giữa môi trường sống và sự phấn đấu của các cá thể* trong cộng đồng đang gặp khó khăn, nhất là đối với thanh niên. Khi các tệ nạn xã hội chưa được hạn chế và khắc phục như tệ tham nhũng, quan liêu, hách dịch, cửa quyền, có nơi, có lúc thiếu dân chủ, công bằng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến diễn biến tư tưởng của thanh niên. Bác Hồ dạy : Người lớn không gương mẫu sẽ ảnh hưởng xấu đến việc giáo dục thanh, thiếu nhi. Cán bộ, đảng viên khi chưa trở thành người nêu gương tốt, nhất định chưa thể tác động tốt đến tư tưởng thanh niên.

Đại hội lần thứ IX của Đảng đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác thanh niên trong thời kỳ cách mạng mới là : Chăm lo giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn hóa, sức khỏe, nghề nghiệp, giải quyết việc làm, phát triển tài năng và sức sáng tạo, phát huy vai trò xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây chính là sự nghiệp "trồng người" theo tư tưởng của

Bác Hồ, vì tương lai phát triển lâu dài của dân tộc theo con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Giúp Đảng giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ là nhiệm vụ đặc trưng, luôn nằm ở vị trí hàng đầu trong công tác của Đoàn thanh niên, đặc biệt ở những thời điểm bước ngoặt của lịch sử. Ý thức sâu sắc về trách nhiệm nặng nề này, dù khó khăn đến mấy, Đoàn thanh niên cũng phải thực hiện tốt chức năng trường học xã hội chủ nghĩa của mình trên cơ sở phối hợp với các chủ thể khác và toàn xã hội nhằm đưa những tư tưởng và đường lối công tác thanh niên của Đảng vào cuộc sống, tạo dựng một thế hệ thanh niên có đủ bản lĩnh vững vàng nối tiếp cha anh đưa công cuộc bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội đến thành công.

Thời gian tới, về mặt công tác tư tưởng, tổ chức đoàn các cấp sẽ tập trung thực hiện một số trọng tâm sau đây :

1. Nắm bắt được những diễn biến tình hình tư tưởng của các tầng lớp, đối tượng thanh niên, nhất là tâm tư, nguyện vọng và những khó khăn của họ. Cán bộ, đoàn viên phải thực sự là người bạn thân thiết của thanh niên, hiểu được thanh niên đang cần giúp đỡ gì, đồng thời tổ chức đoàn phải trở thành cầu nối giữa thanh niên với Đảng, đề đạt với Đảng và Nhà nước những vấn đề mới trong công tác thanh niên, về nguyện vọng chính đáng của thanh niên để Đảng và Nhà nước xem xét giải quyết, nhất là những vấn đề có liên quan đến lợi ích thiết thân, chính đáng như việc làm, học tập để cống hiến, trưởng thành. Đó chính là sự đổi mới phương thức, nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng của Đoàn thanh niên nhằm củng cố, nâng cao niềm tin của thanh niên vào đường lối, chính sách của Đảng, gắn bó chặt chẽ với chế độ. Trên cơ sở nắm chắc tâm tư, tình cảm và diễn biến tư tưởng của thanh niên, tổ chức đoàn

các cấp tập trung nâng cao chất lượng giáo dục ý thức chính trị, tư tưởng. Trang bị cho thanh niên những hiểu biết cơ bản về lý luận chính trị để tự họ có thể chủ động lý giải cho mình những vấn đề đặt ra trong cuộc sống, hiểu được đâu là hiện tượng, đâu là bản chất. Việc học tập lý luận chính trị cơ bản là yêu cầu và nguyện vọng của đông đảo đoàn viên, thanh niên.

Tuy nhiên, khó khăn hiện nay là việc hình thành đội ngũ báo cáo viên, giảng viên ở cơ sở. Kinh nghiệm cho thấy, thanh niên sẽ thích học chính trị nếu lớp học được tổ chức tốt với nội dung và phương thức truyền đạt hấp dẫn, gắn liền lý luận với thực tiễn một cách sinh động. Trang bị cho thanh niên lý luận chính trị nhằm tạo ra khả năng trang bị cho thanh niên vũ khí lý luận đấu tranh chống lại mọi luận điệu xuyên tạc và hành động chia rẽ, phá hoại của các thế lực thù địch. Trong nội dung giáo dục chính trị, chú trọng bồi dưỡng về lý tưởng cách mạng và truyền thống cách mạng cho thanh niên, bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần tự tôn, tự cường dân tộc, ý chí quyết tâm chiến thắng đói nghèo, lạc hậu, xây dựng đất nước phồn vinh. Đồng thời, tăng cường và thường xuyên giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên. Thời gian qua, tổ chức đoàn các cấp đã đẩy mạnh nội dung này với nhiều hình thức khá phong phú, song để giúp thanh niên khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong lối sống thực dụng, ích kỷ đang có nguy cơ lây lan, vấn đề là làm sao tổ chức cho thanh niên có cuộc sống văn hóa tinh thần lành mạnh, phát huy lòng nhân ái, tinh thần vị tha trong nhiều hoạt động xã hội như hoạt động nhân đạo, hoạt động xã hội từ thiện, giúp dân các vùng sâu, vùng xa v.v.. Tiếp tục tổ chức nhiều sân chơi bổ ích cho thanh niên, đẩy mạnh cuộc vận động "sống đẹp", "tiết kiệm" và các

hoạt động bảo vệ, phát huy nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Tổ chức, động viên thanh niên đi đầu xây dựng "xã hội học tập", "xã hội văn hóa" trong từng cộng đồng. Lấy bầu không khí lành mạnh trong sinh hoạt và hoạt động của thanh niên để "chế ngự", lấn át những diễn biến tiêu cực.

2. *Giáo dục, bồi dưỡng thanh niên cần được thực hiện thông qua các phong trào hành động cách mạng.* Đây là môi trường và thước đo, là sự kiểm nghiệm kết quả của giáo dục. Vì vậy, tiếp tục tổ chức các phong trào thanh niên rộng lớn với các bước đi và kế hoạch cụ thể. Các phong trào hành động cách mạng của thanh niên trong giai đoạn mới là sự kết hợp hài hòa giữa việc hết mình chăm lo bồi dưỡng, giáo dục thanh niên về mọi mặt ; đồng thời vận động và tổ chức thanh niên xung kích đảm nhận những việc mới, việc khó, trên những lĩnh vực mũi nhọn, then chốt trong khoa học, công nghệ, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng chương trình giải quyết việc làm cho thanh niên trong những năm tới bằng các biện pháp hiệu quả để mỗi năm thu hút 1,2 đến 1,4 triệu lao động trẻ. Thực hiện tốt chương trình nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp cho thanh niên nhằm tạo điều kiện cho thanh niên tự giải quyết việc làm và có cơ hội tìm việc làm. Phát huy cao tinh thần tình nguyện trong các phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ. Đưa giá trị mang tính đỉnh cao (tinh thần tình nguyện) trở thành giá trị phổ biến trong lớp trẻ.

Trong giai đoạn hiện nay, với một xã hội thông tin phong phú, đa chiều, công tác tư tưởng cũng cần chuyển mạnh theo hướng đề cao quá trình tự giáo dục, tự "đề kháng" của giới trẻ trên cơ sở định hướng chính trị, định hướng tư tưởng của Đảng, của Đoàn, của Hội. □

MỘT SỐ VẤN ĐỀ

(Tiếp theo trang 39)

đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, buôn lậu và các hiện tượng tiêu cực trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Bốn là, xây dựng nền văn hóa Việt Nam xã hội chủ nghĩa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc ; xây dựng lối sống lành mạnh. Trước mắt tập trung lập lại kỷ cương, trật tự trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, xuất bản, phát hành, báo chí. Kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn hoạt động văn hóa, văn nghệ phản động đòi truy, vi phạm pháp luật và các tệ nạn xã hội khác.

Năm là, củng cố, duy trì, đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng thế trận an ninh nhân dân, quốc phòng toàn dân. Khẩn trương củng cố các tuyến, địa bàn, lĩnh vực xung yếu về an ninh chính trị, trật tự xã hội ; củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở. Chủ động, liên tục trấn áp các loại tội phạm. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, vô hiệu hóa mọi âm mưu phá rối an ninh, gây bạo loạn. Tích cực, chủ động giải quyết các "điểm nóng". Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ vững chắc các tuyến biên giới, hải đảo và các địa bàn trọng điểm.

Sáu là, chăm lo xây dựng lực lượng Công an nhân dân, Quân đội nhân dân về mọi mặt, vững vàng về tư tưởng, có bản lĩnh chính trị trị cao, có trình độ nghiệp vụ tác chiến, khả năng sẵn sàng đấu tranh ngăn chặn âm mưu, hoạt động phản cách mạng của mọi loại đối tượng trong bất cứ tình huống nào để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ nhân dân. □

Phát triển giáo dục và đào tạo KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

LÊ VŨ HÙNG *

GIÁO dục và đào tạo vùng đồng bằng sông Cửu Long trong 5 năm qua, nhất là từ khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo khu vực đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2000 và giai đoạn 2001 - 2005 (Quyết định số 206/1999/QĐ-TTg ngày 25-10-1999) đến nay, đã có những chuyển biến trên một số mặt sau :

Về quy mô học sinh.

Học sinh mầm non các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tuy có xu hướng tăng từ năm 1996 đến năm 2000, nhưng tốc độ vẫn chậm, nhất là nhà trẻ ở khu vực nông thôn (bình quân nhà trẻ tăng 1,6%/năm ; mẫu giáo tăng 3,8%/năm).

Cũng như tình hình chung cả nước, học sinh tiểu học vùng đồng bằng sông Cửu Long đang có xu hướng giảm dần và đi vào ổn định theo quy mô dân số trong độ tuổi. Đầu năm học 2001 - 2002 toàn vùng có 1 902 181 học sinh tiểu học, giảm 128 580 em so với năm học 2000 - 2001 (6,3%) và giảm 246 085 em so với năm học 1999 - 2000 (11,5%). Bình quân giai đoạn 1996 - 2000 giảm 2,6%/năm.

Học sinh trung học cơ sở vẫn tiếp tục tăng trong thời kỳ 1996 - 2000 (bình quân tăng 6,8%/năm). Tuy nhiên, từ năm 1999 đến nay tốc độ đã chậm lại. Năm học 2001 - 2002 có 1 091 181 học sinh trung học cơ sở, tăng 54 106 em (5,2%) so với năm học 2000 - 2001.

Học sinh trung học phổ thông có tốc độ tăng nhanh nhất, bình quân 19,3%/năm trong giai đoạn 1996 - 2000. Năm học 2001 - 2002 có 364 904 học sinh trung học phổ thông tăng 24 996 (7,3%) so với năm học 2000 - 2001 (xem biểu 1).

Học sinh dân tộc thiểu số toàn vùng năm học 2001 - 2002 có 223 386 em (chiếm 6,7% tổng số học sinh toàn vùng), trong đó tiểu học có 155 649 em, trung học cơ sở có 56 871 em và trung học phổ thông có 10 866 em.

Biểu 1 : Quy mô học sinh các cấp khu vực đồng bằng sông Cửu Long

	1996 - 1997	1997 - 1998	1998 - 1999	1999 - 2000	2000 - 2001	2001 - 2002
HS nhà trẻ	11.132	10.785	11.107	12.154	11.998	
HS mẫu giáo	212.471	218.452	232.887	236.252	253.333	
HS tiểu học	2.331.775	2.332.289	2.236.725	2.148.266	2.030.761	1.902.181
Học sinh THCS	773.937	879.995	960.560	1.017.029	1.037.425	1.091.531
Học sinh THPT	172.894	207.866	252.444	300.366	339.908	364.904

Nguồn : Trung tâm Thông tin quản lý giáo dục, Bộ Giáo dục - Đào tạo

Về tỷ lệ nhập học.

- Năm học 2000 - 2001, tỷ lệ huy động ra lớp ở bậc học mầm non vẫn còn rất thấp (tỷ lệ huy động trẻ dưới 2 tuổi đi nhà trẻ chỉ đạt

* Thứ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo

khoảng từ 1,4 - 1,7% ; tỷ lệ huy động trẻ 3 - 5 tuổi đi học mẫu giáo mới trong khoảng 28 - 30%). Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi vào lớp mẫu giáo để chuẩn bị vào lớp 1 là 65,7%.

- Tỷ lệ nhập học thô ở tiểu học năm học 1998 - 1999 là 107,7% (toàn quốc là 108,2%), tỷ lệ nhập học đúng độ tuổi (tỷ lệ nhập học sinh) là 90,8% (chung cả nước là 94,8%). Năm học 2000 - 2001, tỷ lệ nhập học thô tiểu học là 107%.

- Tỷ lệ học sinh trung học cơ sở so với dân số trong độ tuổi (tỷ lệ nhập học thô) năm 1999 là 62,7% năm 2001 là 68,7%.

- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông so với dân số trong độ tuổi năm 1999 là 25,3% năm 2001 là 30,3%.

Về phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở.

- Toàn vùng đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ vào tháng 5-2000. Số người từ đủ 15 tuổi trở lên đang hoạt động kinh tế thường xuyên (lực lượng lao động thường xuyên) biết chữ là 93,7%. Trong đó có 39,1% tốt nghiệp tiểu học ; 13,9% đã tốt nghiệp trung học cơ sở ; 8% đã tốt nghiệp trung học phổ thông ; 32,7% chưa tốt nghiệp tiểu học. Lớp học cao nhất đã qua bình quân 1 người (lớp/12) là 5,9 (toàn quốc là 7,4 ; Tây Bắc là 5,6 ; Tây Nguyên là 6,3).

- Nhiều tỉnh đang tập trung chỉ đạo phổ cập trung học cơ sở ở khu vực đô thị và những nơi có điều kiện.

Phát triển quy mô đào tạo trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, cao đẳng và đại học.

So với bình quân chung toàn quốc, quy mô đào tạo trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, cao đẳng và đại học ở đồng bằng sông Cửu Long tăng chậm hơn. Năm học 2000 - 2001, quy mô các trường trung học chuyên nghiệp trong vùng khoảng 23 654 học sinh. Bình quân từ năm 1996 - 2000, học sinh trung học chuyên nghiệp tăng 6,6%/năm ; quy mô các trường dạy nghề

tăng bình quân 9,6%/năm ; học sinh cao đẳng và đại học tăng bình quân 4,4%/năm. Năm 2000, quy mô các trường đại học và cao đẳng trong vùng là 50 027 sinh viên, đạt 31 sinh viên/1 vạn dân. Nếu tính cả sinh viên đang học tại chức do các trường đại học trong toàn quốc mở tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm đào tạo tại chức các tỉnh thì đạt khoảng 40 - 42 sinh viên/1 vạn dân.

Do quy mô đào tạo còn thấp, tốc độ hằng năm không lớn nên năm 2000 chỉ có 10,1% (toàn quốc là 15,5%), trong đó cao đẳng trở lên chỉ có 1,4% (cả nước là 3,3%) lao động đã qua đào tạo (tính trong tổng số người từ đủ 15 tuổi trở lên đang hoạt động kinh tế thường xuyên - lực lượng lao động thường xuyên ; theo kết quả điều tra lao động - việc làm năm 2000 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Về phát triển mạng lưới trường lớp và cơ sở vật chất.

Đến nay cả 12 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đã có mạng lưới trường lớp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở phủ khắp các xã, phường. Tất cả 109 huyện, thị xã, thành phố đều có trường, lớp trung học phổ thông. Một số tỉnh có nhiều học sinh dân tộc thiểu số (Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cần Thơ, Vĩnh Long, An Giang, Kiên Giang) có các trường phổ thông dân tộc nội trú huyện, tỉnh. Tính bình quân mỗi xã, phường có 2 trường tiểu học, 1 trường trung học cơ sở, mỗi huyện có 1,5 trường trung học phổ thông.

Năm học 2001 - 2002, toàn vùng có 4 421 trường phổ thông các cấp (có 119 trường ngoài công lập), tăng 137 trường so với năm học 1999 - 2000 (trung học cơ sở tăng 52 trường, trung học phổ thông tăng 64 trường gần gấp đôi). Số trường ngoài công lập ở trung học phổ thông chiếm 33,5%. Để tăng dần số trường phổ thông các cấp đạt chuẩn quốc gia, nhiều tỉnh đang tích cực tách các trường phổ thông cơ sở, trung học có quy mô lớn thành các trường tiểu học, trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông

riêng biệt, mở rộng khuôn viên nhà trường và tăng thêm các điều kiện về cơ sở vật chất.

Năm học 2001 - 2002 có 64 270 lớp tiểu học giảm so với năm học 2000 - 2001 là 1 819 lớp (giảm 2,8%), trong khi đó THCS tăng từ 25 213 lớp lên 26 618 tăng 1 405 lớp (5,6%) và THPT từ 7 598 lớp lên 8 324 tăng 726 lớp (9,6%).

Trong 5 năm qua nhờ sự cố gắng của các địa phương và đầu tư tập trung của trung ương từ các chương trình, mục tiêu quốc gia về giáo dục và kết hợp với lồng ghép nhiều chương trình quốc gia khác, đặc biệt là chương trình phát triển giao thông thủy lợi, xây dựng cơ sở hạ tầng trong khu vực, nên mạng lưới trường học, cơ sở vật chất trường lớp ở các tỉnh đã có chuyển biến rõ rệt. Về cơ bản xóa được phòng học tạm, thu hẹp số phòng học 3 ca, xây mới và nâng cấp nhiều phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm kể cả các huyện vùng sâu, vùng xa. Nhiều tỉnh đã chú ý xây dựng trường kiên cố, cao tầng ở các cụm dân cư thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng lũ lụt (năm học 1999 - 2000, Cần Thơ đã xây mới 341 phòng học, Cà Mau 339 phòng, Đồng Tháp 396 phòng, Bạc Liêu 601 phòng). Năm học 2000 - 2001, toàn vùng đưa vào sử dụng 4 285 phòng học mới.

Theo báo cáo từ các tỉnh, giữa năm học 2000 - 2001, toàn vùng có 62 393 phòng học (tiểu học có 43 610 phòng, trung học cơ sở có 14 508 phòng, trung học phổ thông có 4 275 phòng) tăng 2 018 phòng học so với năm học trước. Trong đó phòng học từ cấp 4 trở lên ở tiểu học là 62% (toàn quốc là 81%), ở trung học cơ sở là 83% (toàn quốc là 89%), ở trung học phổ thông là 75% (toàn quốc là 91%).

Đầu năm học 2001 - 2002, toàn vùng vẫn còn 357 phòng học 3 ca, chiếm 33,3% số phòng học 3 ca trong toàn quốc (giảm 195 phòng so với năm trước), trong đó hầu hết phòng học 3 ca là ở tiểu học.

Là một vùng kinh tế lớn và đông dân, nhưng mạng lưới các cơ sở đào tạo ở đồng bằng sông Cửu Long mãi cuối những năm 90 mới được chú

ý mở rộng và phát triển. Ngoài Trường đại học Cần Thơ do trung ương quản lý, gần đây Chính phủ cho thành lập Trường đại học An Giang, Trường đại học dân lập Cửu Long (Vĩnh Long), Trường cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp, Trường cao đẳng cộng đồng Tiền Giang và Trường cao đẳng cộng đồng Trà Vinh. Đến nay, 12 tỉnh trong vùng đều có trường cao đẳng sư phạm. Một số trường cao đẳng kinh tế kỹ thuật và sư phạm kỹ thuật của các bộ, ngành trong vùng đã được đầu tư nâng cấp, tăng thêm năng lực đào tạo nhân lực cho khu vực. Hầu hết các tỉnh đều có trường THCN thuộc các ngành kinh tế, kỹ thuật khác nhau. Tuy nhiên, mạng lưới các cơ sở dạy nghề ở đồng bằng sông Cửu Long còn mỏng. Toàn vùng mới có 14 trường CNKT và DN, một số tỉnh chưa có trường dạy nghề như Cà Mau, Kiên Giang, Trà Vinh... Theo thống kê chưa đầy đủ, hiện nay, toàn vùng có 3 trường đại học và 17 trường cao đẳng, 25 trường THCN và 14 trường công nhân kỹ thuật, 12 trung tâm dạy nghề, 18 trung tâm dịch vụ việc làm.

Về phát triển đội ngũ giáo viên các cấp.

Đồng bằng sông Cửu Long có tốc độ tăng giáo viên nhanh trong 5 năm gần đây. Giáo viên nhà trẻ tăng bình quân 5,9%, giáo viên mẫu giáo tăng 6%/năm ; giáo viên tiểu học tăng 2,1%/năm ; giáo viên trung học cơ sở tăng 9,2%/năm và giáo viên trung học phổ thông tăng 13,3%/năm. (xem biểu 2).

Biểu 2 : Số giáo viên mầm non và phổ thông khu vực đồng bằng sông Cửu Long

Năm học	1996 - 1997	1997 - 1998	1998 - 1999	1999 - 2000	2000 - 2001	Tăng bình quán năm (%)
GV nhà trẻ	1.194	1.242	1.261	1.324	1.544	5,9%
GV mẫu giáo	7.367	7.826	8.507	8.747	9.563	6,0%
GV tiểu học	63.815	66.938	69.307	69.308	70.370	2,1%
GV THCS	24.241	26.911	28.669	31.330	35.365	9,2%
GV THPT	5.715	6.051	7.192	8.081	9.500	13,3%

Nguồn : Trung tâm thông tin quản lý giáo dục, Bộ Giáo dục - Đào tạo

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đã tăng lên trong 2 năm qua và đạt tỷ lệ khá cao. Năm học 2001 - 2002, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn ở tiểu học là 78,8% (toàn quốc là 77,6%) trong đó trên chuẩn là 4,4% (toàn quốc là 9,9%); ở trung học cơ sở là 74,8% (toàn quốc là 75,2%) trong đó trên chuẩn là 13,3% (toàn quốc là 15,5%). Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn ở trung học phổ thông là 91% (toàn quốc là 89,6%) trong đó trên chuẩn là 1,1% (toàn quốc là 1,8%).

Số giáo viên có trình độ sau đại học ở các trường đại học, cao đẳng và THCN còn rất ít. Năm học 2000 - 2001, ở Trường đại học Cần Thơ số giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên chiếm 50% (trong đó tiến sĩ chỉ chiếm 6%); Trường đại học An Giang trình độ thạc sĩ trở lên chiếm 21,2%, Trường đại học dân lập Cửu Long có 12/28 giảng viên có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Các trường cao đẳng sư phạm tỷ lệ thạc sĩ trở lên chỉ chiếm gần 9% đội ngũ giảng viên. Trong lúc đó nguồn đào tạo bổ sung giáo viên còn rất hạn chế, nhất là đối với các tỉnh vừa được Nhà nước có quyết định nâng cấp trường trung học sư phạm thành trường cao đẳng sư phạm, những tỉnh có nhiều người dân tộc thiểu số như Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang v.v... Hơn nữa không ít học sinh tốt nghiệp sư phạm lại không muốn về công tác tại vùng sâu, vùng xa do các chính sách chưa đủ sức thu hút sinh viên về công tác ở các vùng trên.

Có thể thấy rằng đội ngũ giáo viên trong khu vực vừa thiếu lại vừa yếu, nhất là ở các bậc học cao, nguồn bổ sung giáo viên rất hạn chế.

Tài chính cho giáo dục đồng bằng sông Cửu Long.

Trong những năm gần đây, đầu tư cho giáo dục và đào tạo ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (bao gồm cả đầu tư các nguồn NSNN, từ dự án vốn vay nước ngoài và huy động đóng góp của nhân dân địa phương) được tăng lên đáng kể. Song so với nhu cầu phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng thì ước tính mới đáp ứng được khoảng 50% nhu cầu tối thiểu của ngành.

Năm 1998, NSNN đầu tư cho giáo dục và đào tạo đồng bằng sông Cửu Long chiếm 18% trong tổng chi NSNN cho giáo dục và đào tạo cả nước, trong khi đó dân số của vùng chiếm tỷ lệ 22% dân số cả nước. Năm 2000 tỷ lệ ước tính đạt 20% theo kế hoạch đã được Chính phủ phê duyệt.

Cũng như tình hình chung ở các vùng kinh tế khác, NSNN chi cho sự nghiệp giáo dục phần lớn được dùng để trả lương giáo viên và phụ cấp chiếm tới 80 - 85%. Phần chi cho hoạt động giảng dạy chỉ còn khoảng 15 - 20%. Do đặc điểm tự nhiên của vùng đồng bằng sông Cửu Long nên chi phí đầu tư xây dựng cơ bản cao hơn các vùng khác.

Như vậy, tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục ở đồng bằng sông Cửu Long chưa tương ứng với số dân số và quy mô học sinh cũng như đặc điểm giáo dục và đào tạo trong vùng vốn có điểm xuất phát thấp về giáo dục và đang có giãn cách so với cả nước.

Những mặt còn yếu kém tập trung khắc phục.

Như đã phân tích ở trên, giáo dục và đào tạo vùng đồng bằng sông Cửu Long tuy đã có bước phát triển mới trong 5 năm qua, nhưng vẫn còn nhiều yếu kém cần phải khắc phục đó là:

- Tỷ lệ huy động học sinh các bậc học mầm non, trung học cơ sở và trung học phổ thông còn thấp. Nguyên nhân có nhiều, trong đó có nguyên nhân khách quan là kinh tế khó khăn, cơ sở hạ tầng yếu kém, đi lại khó khăn trong mùa lũ, thiếu trường lớp, thiếu giáo viên, nhưng còn có một nguyên nhân khác là do nhận thức của người dân về việc học hành của con em mình còn hạn chế và vấn đề công ăn việc làm cho người lao động trong vùng cũng ảnh hưởng đến việc huy động trẻ tới trường.

- Số học sinh lưu ban bỏ học so với trung bình toàn quốc còn khá cao, năm học 1999 - 2000 tỷ lệ lưu ban ở tiểu học là 3,61% (toàn quốc là 2,79%), ở THCS là 3,06% (cả nước

là 1,93%) ở THPT là 2,67% (cả nước là 1,32%). Học sinh bỏ học ở tiểu học chiếm tỷ lệ 10,14% (cả nước 4,67%) ; THCS là 15,22% (cả nước là 8,51%) ; THPT là 14,07% (cả nước là 7,68%).

Hiệu quả giáo dục ở các cấp đều thấp hơn cả nước : hiệu quả ở tiểu học là 56,68% (cả nước là 77,57%) ; THCS là 51% (cả nước là 70%) và THPT là 61,17% (cả nước là 78%).

- Còn thiếu nhiều phòng học, nhất là phòng học kiên cố, cao tầng cho tất cả các cấp học, đặc biệt là ở những xã vùng sâu, vùng lũ lụt, vùng biên giới. Cơ sở vật chất trường học vừa thiếu, vừa nghèo nàn, lạc hậu lại xuống cấp nghiêm trọng.

- Quy mô đào tạo nghề ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long còn quá nhỏ bé, thiết bị đào tạo nghề lạc hậu. Các tỉnh vẫn chưa tìm được hướng đầu tư đúng để phát triển đào tạo nghề. Hầu hết các huyện chưa có cơ sở đào tạo nghề cho thanh niên nông thôn, nhất là thanh niên dân tộc Khơme. Nhà nước cần tập trung hoàn chỉnh mạng lưới các cơ sở đào tạo, nhất là đào tạo nghề và tăng cường năng lực đào tạo cho các trường đại học, cao đẳng, THCN và dạy nghề trên địa bàn.

- Năng lực của các cơ sở đào tạo giáo viên trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, nhất là đào tạo giáo viên THCS còn yếu và còn nhiều bất cập.

Một số giải pháp quan trọng để phát triển giáo dục và đào tạo vùng đồng bằng sông Cửu Long :

- Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức về vai trò, tác dụng của giáo dục và đào tạo trong các tầng lớp nhân dân ở các địa phương và huy động mọi lực lượng xã hội tham gia phát triển giáo dục và đào tạo trong vùng.

- Tập trung chỉ đạo việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo ở các tỉnh, nhất là quy hoạch mạng lưới trường lớp từ mầm non, phổ thông (bao gồm cả các trường

dân tộc nội trú) đến các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng và chuyên nghiệp. Mạng lưới trường học được xây dựng phải gắn liền với quy hoạch cụm dân cư, phù hợp với vùng thường xuyên bị lũ lụt.

- Tập trung thực hiện chương trình củng cố thành quả phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ, xây dựng và chỉ đạo thật sát sao kế hoạch phổ cập trung học cơ sở cho từng tỉnh và toàn vùng nhằm đạt mục tiêu hoàn thành phổ cập trung học cơ sở trước năm 2010.

- Tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng học 3 ca trong năm học 2001 - 2002 ; Chỉ đạo xây dựng trường phổ thông kiên cố và bán kiên cố, bảo đảm ổn định việc học tập và là nơi tránh lũ khi có lũ lụt. (Một trong những nguyên nhân học sinh phổ thông bỏ học nhiều là do các tỉnh trong vùng thường xuyên có lũ lụt và sạt lở, có khoảng 549 xã, phường bị ngập lụt hằng năm).

- Giải quyết dứt điểm vấn đề thiếu giáo viên các cấp phổ thông và mầm non ; tăng chỉ tiêu biên chế giáo viên cho các trường đào tạo trong vùng nhằm xây dựng đội ngũ giáo viên đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp có chất lượng.

- Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo đại học và cao đẳng cho các tỉnh trong vùng nhằm đạt 60 - 70 sinh viên trên 1 vạn dân vào năm 2005 như mục tiêu đã được Chính phủ phê duyệt.

Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những vùng kinh tế trọng điểm của cả nước. Vì vậy, cần phải tập trung ngân sách của nhà nước, huy động đóng góp của nhân dân trong vùng, mở rộng xã hội hóa giáo dục và đào tạo, mở rộng hợp tác quốc tế để thực hiện tốt các mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo mà Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt. Trong 5 năm tới, sự nghiệp giáo dục và đào tạo đồng bằng sông Cửu Long chắc chắn sẽ có bước phát triển mạnh, đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của vùng và cả nước. □

Ở nước ta, trong lĩnh vực nông nghiệp, Đảng và Nhà nước luôn chú trọng phát triển các hình thức hợp tác xã cung cấp dịch vụ, vật tư, tiêu thụ sản phẩm cho kinh tế hộ gia đình và trang trại ; mở rộng các hình thức kinh tế hỗn hợp, liên kết, liên doanh giữa hợp tác xã với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ : "Phát triển *kinh tế tập thể* với các hình thức hợp tác đa dạng. Chuyển đổi hợp tác xã cũ theo Luật Hợp tác xã đạt hiệu quả thiết thực"(1).

nhiều cơ sở đã bộc lộ những tồn tại và những vấn đề mới nảy sinh. Vậy thực trạng những vướng mắc và những giải pháp cần thảo luận nhằm thúc đẩy sự ra đời HTX hoạt động theo luật là gì ?

Mấy năm qua, nhiều HTX chuyển đổi theo luật, do huy động được vốn, sức lao động xã viên, tranh thủ sự hỗ trợ của Nhà nước, nên đã tu bổ, nâng cấp, xây dựng một số cơ sở hạ tầng nông thôn và kiên cố hóa kênh mương. Những HTX khá đã giữ được vai trò tích cực trong việc tìm tòi, hướng dẫn nông dân áp dụng tiến

Vĩnh Phúc chuyển đổi hợp tác xã theo luật

NGUYỄN KHẮC BỘI *

Vĩnh Phúc là tỉnh nông nghiệp của đồng bằng sông Hồng, là vành đai cung cấp lương thực, thực phẩm cho thành phố Hà Nội. Hơn 4 năm (1997-2000) thực hiện Luật Hợp tác xã, Vĩnh Phúc đã chuyển đổi 379/388 hợp tác xã (HTX) theo luật, đạt 98% (có 340/348 HTX nông nghiệp, 38/38 HTX tín dụng, 1/2 HTX phi nông nghiệp), trong đó có 316 HTX được cấp giấy đăng ký kinh doanh (chiếm 81%) và 6 HTX mới được thành lập. Đây là thời kỳ hoạt động của HTX ở Vĩnh Phúc có bước chuyển biến mới, đạt được những kết quả nhất định, thúc đẩy kinh tế hộ nông dân phát triển mạnh sản xuất nông sản hàng hóa và dịch vụ. Nhiều HTX nông nghiệp đã đạt thành tích cao về năng suất, sản lượng và áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật. Tuy nhiên, trong quá trình chuyển đổi và thành lập mới HTX theo luật,

bộ kỹ thuật, áp dụng giống mới, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ và thực hiện các dịch vụ thiết yếu phục vụ kinh tế hộ gia đình mà từng hộ riêng lẻ không làm được hoặc làm không có hiệu quả. Các HTX đã rà soát lại định mức thu, chi các khoản dịch vụ, giảm giá thành dịch vụ so với trước đây và so với bên ngoài. Một số HTX không giảm giá nhưng đã nâng cao chất lượng dịch vụ cho xã viên. Ở phần lớn các HTX mới thành lập, xã viên đã tự nguyện góp vốn với mức khá lớn : HTX nuôi trồng thủy sản Ngọc Châu, xã Tiên Châu (Mê Linh) 500 ngàn đồng ; HTX dịch vụ VAC, xã Tráng Việt (Mê Linh) 1,25 triệu đồng, HTX xây dựng Quang Trung, xã Hợp Thịnh

* Phó Chủ tịch HĐND tỉnh Vĩnh Phúc

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 2001, tr 190

(Tam Dương) 20 triệu đồng ; HTX vận tải Yên Lạc, thị trấn Yên Lạc (Yên Lạc) 72 triệu đồng. Một số HTX liên kết với doanh nghiệp nhà nước tiêu thụ sản phẩm do nông dân sản xuất ra như HTX Thượng Trung (Vĩnh Tường)... đã góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển đa dạng.

Tuy nhiên, việc chuyển đổi HTX theo luật ở nhiều cơ sở còn mang tính hình thức, mới chỉ chuyển đổi về tổ chức, chưa có sự chuyển biến rõ rệt về nội dung và phương thức hoạt động. Thực tế cho thấy, một số vấn đề về tài sản, vốn quỹ, xã viên, phân phối trong HTX mới... chưa được xử lý và thực hiện theo luật. Theo đánh giá của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Vĩnh Phúc, đến hết năm 2000, những HTX đã chuyển đổi và thành lập mới theo luật, có 48,6% hoạt động khá ; 37,1% trung bình ; 14,3% yếu. Hoạt động của các HTX nông nghiệp chủ yếu là dịch vụ đầu vào cho quá trình sản xuất của nông dân. Nhiều nơi xã viên tham gia HTX, nhất là HTX nông nghiệp theo phong trào, chủ yếu để giữ đất, giữ quyền lợi gắn với tài sản, vốn quỹ của HTX cũ, nay chuyển giao cho HTX mới ; có nơi do yếu tố tâm lý xã hội cộng đồng. Phần lớn các HTX (trên 80%) không chia lãi cho xã viên theo luật hoặc chỉ chia tượng trưng. Nhìn chung, tiền công của cán bộ quản lý HTX còn thấp, chưa gắn với kết quả hoạt động (chủ nhiệm có thu nhập thấp nhất 100 ngàn đồng, cao nhất 250 ngàn đồng/tháng). Tình trạng HTX bao cấp cho các hoạt động của chính quyền, đoàn thể vẫn còn nhiều. Điều đáng chú ý là, vốn lưu động của các HTX đã chuyển đổi theo luật chủ yếu bị nợ đọng không thu được (bình quân 124 triệu đồng/HTX) nên thiếu vốn hoạt động. Trong khi đó, ở hầu hết các HTX, xã viên không góp vốn mới hoặc chỉ góp tượng trưng từ 10 đến 50 ngàn đồng/xã viên. Có thể thấy, các HTX hoạt động theo luật chưa được chỉ đạo, hướng dẫn rõ ràng, thiếu cụ thể, không

đồng bộ ; thiếu vốn hoạt động ; năng lực tổ chức quản lý của cán bộ còn yếu ... Những yếu kém trên đã làm cho các hoạt động của HTX sau chuyển đổi chưa hiệu quả, chưa rõ nét là hợp tác xã kiểu mới, để lại dư âm "bình mới rượu cũ".

Để các HTX đã chuyển đổi, hoặc thành lập mới hoạt động theo luật, cần quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng là : *"Nhà nước thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tập thể"*. Hoàn thành quá trình chuyển đổi các hợp tác xã cũ, đồng thời nghiên cứu bổ sung Luật Hợp tác xã cho phù hợp với tình hình mới⁽²⁾. Mặt khác, cần hoàn thiện cơ chế quản lý và mở rộng nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ và kinh doanh nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của xã viên, khuyến khích các hợp tác xã chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, phát triển thành các hợp tác xã sản xuất, kinh doanh dịch vụ tổng hợp. Muốn vậy, cần tập trung vào những giải pháp sau đây :

Một là, đối với những hợp tác xã đã được cấp giấy đăng ký kinh doanh theo Nghị định 15/CP của Chính phủ, nhưng không có điều kiện bảo đảm thế chấp khi vay vốn thì cho phép HTX được vay vốn ngân hàng theo cơ chế vay vốn qua quỹ bảo lãnh tín dụng. Do vậy, các bộ, các ngành chức năng trung ương sớm xây dựng, hướng dẫn lập và sử dụng quỹ bảo lãnh tín dụng để HTX được vay vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phát triển thị trường vốn và tiền tệ với các hình thức đa dạng thích hợp nhằm đáp ứng cho phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Hai là, sớm có chủ trương, chính sách và hướng dẫn cụ thể các HTX, nhất là HTX nông nghiệp giải quyết và thanh toán các khoản nợ tồn đọng từ nhiều năm, bao gồm các khoản nợ của HTX với ngân hàng (đã được khoanh nợ)

(2) Văn kiện đã dẫn, tr 320

và nợ các doanh nghiệp nhà nước, hoặc giữa HTX với xã viên, ... Các bộ, ngành chức năng trung ương (Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ...) phối hợp với ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng đề án và hướng dẫn việc xóa nợ đối với HTX, tạo dựng cơ chế mới phù hợp giúp các HTX được vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh.

Ba là, sớm thực hiện miễn giảm thuế tiền thuê đất đối với các HTX đã được cấp giấy đăng ký kinh doanh có nhu cầu xây dựng cơ sở chế biến nông sản ; sản xuất tiểu thủ công nghiệp ; hoặc làm trụ sở. Miễn thuế cho HTX làm dịch vụ phục vụ kinh tế hộ gia đình.

Bốn là, coi trọng bồi dưỡng, đào tạo cán bộ cho HTX đang là một trong các vấn đề cấp thiết hiện nay. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng chỉ rõ : "Có chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho hợp tác xã"(3). Bộ Tài chính phối hợp với các bộ, ngành có liên quan (Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ; Bộ Giáo dục - Đào tạo ; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ...), sớm ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 15/CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích bồi dưỡng, đào tạo cán bộ HTX.

Năm là, thực tế cho thấy, nhiều HTX (trừ HTX tín dụng) đã tổ chức hoạt động tín dụng nội bộ có kết quả tốt, nhưng chưa chính thức được công nhận, không có sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước. Vì vậy, cần quy định HTX được phép hoạt động dịch vụ tín dụng nội bộ ; Ngân hàng nhà nước Việt Nam phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có thông tư liên bộ để quy định và hướng dẫn hoạt động tín dụng trong nội bộ HTX cho thích hợp.

Sáu là, để tạo điều kiện cho các HTX nâng cao hiệu quả hoạt động, các bộ, ngành trung ương, trong phạm vi quản lý của mình cần chỉ đạo doanh nghiệp nhà nước mở rộng liên kết

với HTX, tạo điều kiện để trở thành đại lý, ủy thác hay ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm lâu dài. Nên phân cấp cho HTX nông nghiệp quản lý các công trình thủy lợi nhỏ. Các trung tâm khuyến nông, chi cục bảo vệ thực vật, thú y, công ty thủy nông ở cấp tỉnh cần giúp đỡ bồi dưỡng, đào tạo cán bộ kỹ thuật, lấy HTX nông nghiệp làm cơ sở để tổ chức chuyển giao kỹ thuật, dịch vụ có hiệu quả cho nông dân. Ngược lại, HTX phải cố gắng trở thành cầu nối giữa kinh tế hộ và kinh tế nhà nước và thị trường, phục vụ tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế hộ gia đình trên cơ sở tự nguyện các bên cùng có lợi với vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Thực hiện tốt việc "Ứng dụng nhanh khoa học và công nghệ vào sản xuất, nhất là ứng dụng công nghệ sinh học ; gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến ; gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ ; hình thành sự liên kết nông - công nghiệp - dịch vụ ngay trên địa bàn nông thôn"(4).

Chuyển đổi và xây dựng hợp tác xã kiểu mới hoạt động theo Luật Hợp tác xã là công việc phức tạp, có nhiều khó khăn, đòi hỏi các cấp ủy, chính quyền của các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương phải thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ để HTX vươn lên làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Không dừng lại ở một số dịch vụ chuyên khâu, các HTX cần mở rộng kinh doanh tổng hợp, kết hợp các dịch vụ đầu vào với chế biến, tiêu thụ sản phẩm và phát triển ngành nghề ở nông thôn để trở thành điểm tựa vững vàng giúp nông dân, xã viên phát triển sản xuất hàng hóa có hiệu quả. Quá trình chuyển đổi và xây dựng HTX kiểu mới, hoạt động theo luật là nhằm xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. □

(3) Văn kiện đã dẫn, tr 320

(4) Văn kiện đã dẫn, tr 276

Một mô hình hợp tác xã nông nghiệp trong cơ chế mới ở Đồng Tháp

LÊ HOÀNG TAM *

NHIỀU năm qua, Đồng Tháp được đánh giá là một trong những tỉnh đi đầu trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp của đồng bằng sông Cửu Long. Lấp Vò lại là huyện tiêu biểu trong số 11 huyện, thị của toàn tỉnh về lĩnh vực nông nghiệp nói chung và phong trào hợp tác xã nông nghiệp nói riêng. Toàn huyện hiện đã có 14 hợp tác xã với 3 721 hộ xã viên, đang canh tác trên diện tích 3 059,6 ha đất nông nghiệp với tổng vốn điều lệ 1 813 triệu đồng. Hầu hết số hợp tác xã này đều đang góp phần khẳng định tính ưu việt của cách làm ăn theo mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới. Điển hình trong số đó có thể kể đến hợp tác xã Bình Thành (xã Bình Thành). So với các hợp tác xã toàn huyện, hợp tác xã Bình Thành chiếm tới 39,8% đất nông nghiệp, 55,7% số hộ xã viên và 58,4% vốn điều lệ.

Bình Thành là một xã thuần nông. Điểm đáng lưu ý ở đây là đất hẹp, dân đông, bình quân 719 người/km². Diện tích sản xuất của xã chiếm 65,24% đất tự nhiên. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, cơ sở hạ tầng của xã rất yếu kém, chủ yếu dựa vào thiên nhiên, năng suất thấp, phần lớn nông dân bị đói vào lúc giáp hạt. Diện tích hoang hóa chiếm 30,87%, diện tích lúa 1 vụ chiếm 57,47%, lúa 2 vụ chỉ chiếm 11,66%.

Năm 1977, xã Bình Thành cũng như nhiều địa phương của tỉnh Đồng Tháp bắt tay vào việc sắp xếp lại sản xuất, đưa nông dân vào

con đường làm ăn tập thể. Xã đã xây dựng 24 tổ đoàn kết sản xuất. Đến vụ đông xuân năm 1979, xã xây dựng 1 tập đoàn sản xuất thí điểm. Lúc đầu chỉ có 9/32 hộ dân tham gia, số còn lại không chịu ra đồng vì chưa tán thành với cách ăn chia theo điểm. Chi bộ xã Bình Thành nghiêm túc đánh giá tình hình và nêu quyết tâm xây dựng một tập đoàn làm ăn có hiệu quả để thuyết phục nhân dân. Xã đã huy động hàng ngàn ngày công lao động giúp dân nạo vét kênh mương, giúp tập đoàn xuống giống và chăm sóc đến khi cây lúa phát triển tốt giao lại cho tập đoàn. Kết quả là, vụ sản xuất đầu tiên theo mô hình tập đoàn sản xuất, mỗi hộ nông dân thu hoạch từ 2 - 3 tấn thóc, tăng 1,5% so với lúc chưa làm ăn tập thể. Đây là động lực to lớn thúc đẩy nông dân đến với tập đoàn và đến năm 1981 toàn xã Bình Thành đã có 6 tập đoàn sản xuất với hình thức ghi công chăm điểm để chia sản phẩm thu hoạch. Tuy nhiên, do khuyết tật chung của mô hình này đã không kích thích được sức sản xuất và phát huy tính chủ động sáng tạo của nông dân lên hoạt động của tập đoàn vẫn trong tình trạng trì trệ.

Ngày 13-1-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị 100 "khoán sản phẩm đến khóm và người lao động", nhằm khuyến khích lợi ích chính đáng của người lao động và động viên mọi người tham gia các khâu

* Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

trong quá trình sản xuất và quản lý hợp tác xã, thật sự gắn bó với sản phẩm cuối cùng. Sau học tập và quán triệt, nông dân xã Bình Thành đã hưởng ứng một cách mạnh mẽ và trở thành một phong trào rộng khắp trong xã, từ đây người nông dân thật sự làm chủ về tư liệu sản xuất, tự quản lý quá trình sản xuất và được hưởng phần vượt khoán mà mình làm ra.

Đến cuối năm 1982, toàn xã đã có 24 tập đoàn sản xuất, chiếm 100% diện tích đất nông nghiệp, nhưng thu nhập của người dân chỉ chiếm từ 15 - 20% sản phẩm mà họ làm ra sau khi trừ thuế, công gián tiếp, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và giữ tái sản xuất. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thu nhập thấp, chủ yếu là do năng suất thấp (đạt 4 - 4,5 tấn/ha); bộ máy ban quản lý tập đoàn công kênh. Thấy rõ những nguyên nhân yếu kém, năm 1983 chi bộ xã Bình Thành đã quyết định sáp nhập 24 tập đoàn sản xuất thành 3 liên tập đoàn sản xuất; giảm 21 cán bộ quản lý; tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng cho liên tập đoàn như nạo vét kênh mương; làm giao thông; mua sắm thiết bị như máy bơm, máy cày, máy xay xát... từ đó chủ động hơn trong việc canh tác; đất đai đã được cải tạo cơ bản, không còn hoang hóa; hầu hết chuyển lên 2 vụ, năng suất bình quân 5,5 - 6 tấn/năm, tăng 33%, mức nộp sản phẩm của tập đoàn viên cho tập đoàn giảm 17,7%, đời sống của nông dân đã được cải thiện rõ rệt.

Tuy nhiên, hiệu quả mang lại vẫn chưa cao, còn nhiều ràng buộc, nông dân chưa thật sự làm chủ đối với sản phẩm của mình làm ra, năng suất chưa thể hiện đúng tiềm năng của địa phương. Giữa lúc Bình Thành đang trầm trở tìm hướng đi, ngày 5-4-1988 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 10 về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp. Đây chính là đòn bẩy giải phóng sức sản xuất cho nông dân. Người nông dân được giao quyền sử dụng đất lâu dài, hộ nông dân trở thành đơn vị kinh tế tự chủ, được quyền quản lý toàn bộ

quá trình sản xuất, tham gia quá trình phân phối, đã kích thích mạnh mẽ tính sáng tạo của người lao động, họ yên tâm và mạnh dạn đầu tư trên thửa ruộng của mình.

Nhận thức được tầm quan trọng của Nghị quyết 10 Bộ Chính trị, ngày 30-10-1990, Bình Thành tiến hành đại hội thành lập hợp tác xã trên cơ sở 24 tập đoàn sản xuất đã được xây dựng từ những năm 1981-1982.

Với số vốn ban đầu 1 000 tấn lúa, 123 triệu đồng tiền mặt từ nguồn tích lũy nội bộ của các tập đoàn sản xuất để lại, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Bình Thành, sự giúp đỡ của các ngành hữu quan cấp huyện, hợp tác xã Bình Thành bắt tay ngay vào công việc và ưu tiên hàng đầu cho việc sản xuất. Hợp tác xã từng bước vận động nhân dân đóng góp và trích lợi nhuận từ năm 1998 đến nay trên 9,3 tỉ đồng, trong đó, nhân dân đóng góp 47%, hợp tác xã 29% và 24% do ngân sách huyện và tỉnh hỗ trợ để thực hiện các công trình sau: kéo điện nông thôn 19%; thủy lợi 17%; xây trường học 29%; cầu đường nông thôn 27%; các công trình khác 0,8%.

Với chủ trương đầu tư mạnh mẽ để xây dựng cơ sở hạ tầng, đến năm 1995, tổng vốn đầu tư lên 1 728 546 227 đ, toàn hợp tác xã hoàn chỉnh 45 km bờ bao, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông nông thôn, đồng thời bảo vệ 1 218 ha đất nông nghiệp; bảo vệ nhân dân sống an toàn với lũ lụt, từng bước xây dựng 19,8 km đường dây trung, hạ thế; lắp đặt 124 giàn bơm điện 20 HP, 15 cống sập bê tông, 59 cống ngầm phục vụ cho việc tưới tiêu, giúp nông dân chủ động việc xuống giống. Hợp tác xã chủ động liên kết, liên doanh với Công ty Thuốc sát trùng miền Nam cung cấp vật tư cho nông dân một cách kịp thời, ngay từ đầu vụ, với giá thấp hơn thị trường từ 10 - 15% và đến khi thu hoạch nông dân mới thanh toán tiền vật tư cho hợp tác xã.

Do hợp tác xã dồn sức cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng và tranh thủ các nguồn lực từ

bên ngoài mở rộng các dịch vụ, nông dân chủ động trong sản xuất đã làm cho năng suất không ngừng tăng lên. Nếu như năm 1977, năng suất chỉ đạt 5 tấn/ha/năm, đến năm 2001 đã nâng đến 16,2 tấn/ha/năm, thu nhập của xã viên đạt từ 15 - 20% trên sản phẩm làm ra.

Ngoài khoản thu nhập từ canh tác ruộng lúa từ năm 1999 đến nay, xã viên còn được chia lợi nhuận từ các dịch vụ thủy nông ; tín dụng... bình quân mỗi cổ phần được lãi 337 đ/1000 đ (toàn hợp tác xã có 1 060 923 036 đ vốn điều lệ, 2 076 cổ phần 2 076 hộ xã viên). Trong dịch vụ tín dụng, hàng năm đã cho 137 hộ vay với số vốn 345 800 000 đ/năm để phát triển ngành nghề tiểu - thủ công nghiệp như chiếu, nón,... góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống và xóa đói giảm nghèo địa phương.

Bên cạnh những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế hợp tác, ổn định và cải thiện đời sống của nhân dân, hợp tác xã Bình Thành rất quan tâm đến xây dựng nông thôn mới. Từ năm 1987 đến nay, đã xây dựng 19 cầu bê tông cốt thép và gỗ cao cấp, nhựa hóa 2 076 mét đường nông thôn, phần còn lại đã trải cát núi ; đã xây dựng 56 phòng học kiên cố, xóa hẳn tình trạng học 3 ca/ngày, không còn phòng học tạm bợ. Bình Thành là một trong những xã đầu tiên của huyện đạt chuẩn quốc gia về phổ cập tiểu học và xóa mù chữ (năm 1997).

Đạt được những kết quả trên là do :

1- Đảng bộ Bình Thành xây dựng được hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện, trong đó vai trò của chi bộ đảng mang yếu tố quyết định. Mọi suy nghĩ, hành động đều đặt lợi ích nhân dân lao động lên trên hết. Nội bộ đảng luôn đoàn kết, đặc biệt trong những khó khăn biết dồn sức tháo gỡ khó khăn.

2- Đảng bộ và nhân dân xã Bình Thành trong điều kiện khó khăn đã biết động viên nhau và thực hiện tốt phương châm "lấy ngắn nuôi dài" ; mạnh dạn liên kết liên doanh với

các đơn vị bạn, tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài để phát huy nội lực ; biết tận dụng sức mình và lựa chọn những khâu then chốt để đột phá như đầu tư giao thông, thủy lợi, điện năng...

3- Ngoài việc tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, Đảng bộ Bình Thành còn đầu tư vào phát triển con người. Đây chính là động lực nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của hợp tác xã.

Tuy nhiên, hợp tác xã Bình Thành vẫn còn nhiều khó khăn trong quá trình phát triển. Trước hết, sản xuất của hợp tác xã vẫn thuần nông, chưa thật sự thoát khỏi độc canh cây lúa, trong khi đó lũ lụt hàng năm luôn ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân ; việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế vẫn chậm, chưa đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi ; hiệu quả kinh tế trên một đơn vị sản xuất chưa cao, liên kết liên doanh với các đơn vị trong và ngoài huyện chưa nhiều ; việc ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất chưa phổ biến. Môi trường tự nhiên có nguy cơ ô nhiễm do việc gia tăng sử dụng ngày càng nhiều phân bón vô cơ và thuốc trừ sâu... Đất đai bình quân trên đầu người ở Bình Thành còn thấp (1200 m²/người) và đang có xu hướng giảm dần. Đây là những áp lực lớn đối với xã Bình Thành nói riêng và huyện Lấp Vò nói chung.

Để khắc phục khó khăn và tồn tại đó, huyện Lấp Vò chỉ đạo hợp tác xã Bình Thành tổng kết thực tiễn rút ra những bài học kinh nghiệm để tiếp tục phát huy nội lực, khai thác tốt tiềm năng lao động, đất đai, tăng thu nhập cho xã viên ; tích lũy vốn, tăng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt ở một số lĩnh vực mũi nhọn ; đẩy mạnh cơ giới hóa, hiện đại hóa nhằm tăng năng suất lao động, chủ động liên kết với đơn vị bạn để ứng dụng công nghệ tiên tiến phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương.

(Xem tiếp trang 57)

XIN ĐỪNG GỌI CON NHƯ THẾ

TIỆN HẢI

KHI đi công tác ở tỉnh B, tôi có đến nghiên cứu và tìm hiểu thực tế tại một doanh nghiệp tư nhân. Doanh nghiệp này chuyên sản xuất những mặt hàng đồ gỗ mỹ nghệ cao cấp để xuất khẩu; được các bạn hàng ở Đài Loan, Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc, Cộng hòa Liên bang Đức rất ưa chuộng. Chủ doanh nghiệp còn trẻ lắm (mới gần 40 tuổi). Anh tiếp tôi rất lịch sự nhưng cũng rất thân mật, thoải mái, không hề mang tính xã giao hoặc có sự e ngại nào vì những khác biệt về tuổi tác và nghề nghiệp. Anh cứ một mực gọi tôi là *bố xưng con*, vì thế tôi cũng gọi anh là *cháu xưng chú*. Dưới đây là vài ba đoạn đối thoại giữa tôi và anh:

+ Cháu nghĩ như thế nào khi quyết định thành lập một doanh nghiệp tư nhân ?!

- *Thứ nhất*, đây là nghề cha truyền con nối; ông bà, cha mẹ con trước đây đều làm nghề này và bây giờ đến lượt con. *Thứ hai*, những mặt hàng mà con đang sản xuất được thị trường trong nước và quốc tế ưa chuộng, vì thế lợi nhuận cao. *Thứ ba*, tạo thêm được công ăn, việc làm cho người lao động, trước hết là những lao động trong cùng làng xã, vì

thế tạo ra được bầu không khí thân mật, tin cậy, tôn trọng lẫn nhau.

+ Doanh nghiệp của cháu có bao nhiêu công nhân ?

- Kể cả hợp đồng dài hạn và thời vụ thì tổng cộng khoảng gần 100 người.

+ Cháu có thể cho biết những số liệu thật về doanh thu, nộp ngân sách, lợi nhuận và mức lương của người lao động/tháng ?

- Có gì mà phải giấu bố chuyện đó vì bọn con làm ăn chính đáng, theo đúng pháp luật hiện hành và được người lao động đồng tình, ủng hộ. Sau khi khẳng định những vấn đề có *tính nguyên tắc* như vậy, anh nói tiếp: doanh thu khoảng 10 tỉ đồng; nộp ngân sách nhà nước xấp xỉ 400 triệu đồng; lợi nhuận khoảng 80 triệu đồng; thu nhập bình quân của người lao động xấp xỉ một triệu đồng.

+ Cháu có mặc cảm về khái niệm "ông chủ" và khái niệm "bóc lột" hay không ?!

- Bố già đúng chỗ ngựa của con rồi đấy. Con cũng đang muốn tranh luận với bố về chuyện này. Không hiểu vì sao cho đến tận bây giờ - thời buổi mà Đảng và Nhà nước ta đang tiến hành công cuộc đổi mới,

chủ động hội nhập kinh tế quốc tế khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển và cạnh tranh một cách lành mạnh - mà vẫn còn nhiều người cho rằng: "Đã thuê mướn nhân công thì dứt khoát là ông chủ. Và, đã là ông chủ thì dứt khoát có bóc lột". Hiểu như thế có phần giản đơn và sơ cứng quá. Về mặt lý luận thì chắc chắn là con thua bố; song cũng xin tiết lộ để bố biết là con đã tốt nghiệp đại học kinh tế, vì vậy lý luận Mác-Lê-nin cũng không đến nỗi dốt lắm đâu. Gần đây con có đọc một bài báo trên Tạp chí Cộng sản. Tác giả của bài báo đó thì con quên mất rồi, nhưng nội dung của bài báo có một ý mà con rất tâm đắc. Bài báo nói rằng chính Mác, Ăng-ghen và Lê-nin vẫn thường khẳng định: "Học thuyết của chúng tôi không phải là cái gì nhất thành bất biến". Nói như thế tức là các cụ đề nghị học thuyết của các cụ phải luôn được điều chỉnh, bổ sung và phát triển cho nó ngày càng được hoàn thiện và phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng. Suy rộng ra thì con hiểu rằng khái niệm "bóc lột" mà các cụ dùng trước đây, ngày nay cũng cần được hiểu một cách mềm dẻo hơn, linh hoạt hơn. Có phải thế không bố. Con mở doanh nghiệp tư nhân nhưng theo đúng pháp luật của Nhà nước. Con thuê người lao động trên cơ sở thỏa thuận giữa đôi bên. Con tôn trọng họ, trả lương cho họ xứng đáng với những gì mà họ cống hiến. Ngoài ra con còn mua bảo hiểm xã hội cho họ,

có quy định về thưởng, phạt rất rõ ràng. Bản thân con cũng là người lao động thật sự (kể cả lao động quản lý và lao động chân tay). Như thế làm sao có thể nói người lao động bị bóc lột và con là kẻ bóc lột được.

+ Cháu vừa nói đến chuyện thưởng, phạt ; thế thì cái quy định cụ thể đó ra sao ?

- Gần giống như của Nhà nước, cuối mỗi năm người lao động tự bình bầu theo các danh hiệu thi đua. Cao nhất là chiến sỹ thi đua, sau đó đến lao động xuất sắc, lao động giỏi, lao động bình thường và cuối cùng là lao động kém. Việc công nhận các danh hiệu đó cũng do tập thể gồm giám đốc, đại diện tổ chức công đoàn, chi đoàn thanh niên, chi hội phụ nữ quyết định, thành ra

không có chuyện cảm tình hay thành kiến gì cả. Còn về chế độ đãi ngộ thì : chiến sỹ thi đua được thưởng thêm một tháng lương và một chuyến du lịch xuyên Việt miễn phí, lao động xuất sắc được thưởng thêm 1/2 tháng lương, lao động giỏi được thưởng thêm 1/4 tháng lương và lao động kém thì bị phạt 1/4 tháng lương. Nói là bị phạt, song trên thực tế chưa ai bị phạt mà chỉ bị nhắc nhở. Tất nhiên tình trạng lười lao động kéo dài thì sẽ bị phạt nặng, thậm chí phải cho thôi việc.

+ Cậu làm như thế thì cũng chẳng khác gì một doanh nghiệp nhà nước.

- Nghịch lý là ở chỗ đó. Cùng xử lý công việc như nhau nhưng ông giám đốc doanh nghiệp nhà nước thì được coi là

"vi người lao động" còn anh giám đốc doanh nghiệp tư nhân thì bị coi là "kẻ bóc lột". Chính vì vậy con chỉ đề nghị "xin đừng gọi con như thế" (tức không gọi là kẻ bóc lột - TH).

*
* *

Những mẫu đối thoại (thực chất là những tâm sự) của anh chủ doanh nghiệp tư nhân trẻ nói trên gợi cho tôi khá nhiều điều đáng suy nghĩ. Thí dụ : "Thế nào là bóc lột ?". Tất nhiên vấn đề này còn phải tranh luận, bàn bạc nhiều cả về lý luận và thực tiễn thì mới có thể đi tới một kết luận thỏa đáng. Song những suy nghĩ và việc làm của nhà doanh nghiệp trẻ đã thật sự thuyết phục được tôi. Vì thế tôi chẳng bao giờ nghĩ anh là kẻ bóc lột. □

MỘT MÔ HÌNH...

(Tiếp theo trang 55)

Để thực hiện tốt những mục tiêu này, chúng tôi xin kiến nghị mấy vấn đề cụ thể sau :

1- Nhà nước nên xem hợp tác xã như là các doanh nghiệp khác và chịu thuế thu nhập 15% (hiện nay hợp tác xã chịu thuế thu nhập 32%) để khuyến khích hợp tác xã mở rộng sản xuất, kinh doanh ; đồng thời tăng thu nhập cho xã viên, tăng tích lũy cho hợp tác xã nhằm đầu tư vào cơ sở hạ tầng và phục vụ cho các loại phúc lợi xã hội khác.

2- Nhà nước nghiên cứu, có chính sách cấp quyền sử dụng cho hợp tác xã đối với thủy lợi, đê bao... tạo điều kiện cho hợp tác xã khai thác tốt tài nguyên, đồng thời là tài sản thế chấp để hợp tác xã vay vốn ngân hàng phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

3- Ngân hàng cho nông dân vay vốn theo dự án sản xuất (không nên cho vay theo đầu công) nhằm tạo điều kiện cho xã viên chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

4- Nhà nước hỗ trợ hợp tác xã tổ chức đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật. Có chính sách khuyến khích cán bộ khoa học - kỹ thuật về công tác vùng nông thôn, vùng sâu.

Trên cơ sở kinh nghiệm và những bài học của 20 năm xây dựng, dưới ánh sáng Nghị quyết của Đảng, nhân dân xã Bình Thành nói chung, hợp tác xã Bình Thành nói riêng sẽ phát huy hơn nữa thành tựu đã đạt được, góp phần phát triển lực lượng sản xuất ; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. □

**TRUNG ĐÔNG :****CON TÀU HÒA BÌNH CHƯA TÌM RA BẾN ĐẬU****NGUYỄN HOÀNG * THÁI VĂN LONG ****

LIÊN tiếp trong một năm rưỡi qua, kể từ khi nổ ra cuộc nổi dậy của người Pa-le-xtin chống lại I-xra-en vào cuối tháng 9-2000, tình hình Trung Đông diễn biến hết sức phức tạp, luôn chao đảo trước nguy cơ của một cuộc chiến tranh mới tại khu vực. Càng về những ngày gần đây, sự leo thang của làn sóng xung đột bạo lực và khủng bố đẫm máu chẳng những gây tổn thất nặng nề về người và của cho cả hai bên, mà còn đe dọa tước bỏ những thành quả đã đạt được trong tiến trình hòa bình đầy gian khó chín năm qua, phủ một bóng đen hoài nghi lên những nỗ lực mới nhằm kiếm tìm một bến đậu lâu dài cho con tàu hòa bình Trung Đông.

Từ trong lịch sử, với vị thế địa - chiến lược quan trọng và rất nhạy cảm, lại tiềm ẩn những mâu thuẫn sắc tộc hòa quyền với tôn giáo, Trung Đông luôn vằn vức trong những biến cố nóng bỏng của các cuộc giành giật quyền lực quyết liệt giữa các thế lực ở bên trong và bên ngoài khu vực. Bước vào thời hiện đại, cùng với những mâu thuẫn mang tính lịch sử, nguồn tài nguyên dầu lửa khổng lồ của khu vực với trữ lượng ước khoảng 90 tỉ tấn (tổng trữ lượng dầu lửa của toàn thế giới là 136 tỉ tấn) không chỉ một lần trở thành vũ khí lợi hại của các nước A-rập ở đây trong quan hệ quốc tế, mà còn đồng thời đưa Trung Đông vào tâm điểm của không ít những toan tính chiến lược địa - chính trị của các thế lực

nước lớn tham vọng giành quyền lực toàn cầu. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản nhất làm bùng lên 5 cuộc chiến tranh khu vực thời kỳ chiến tranh lạnh, giữa một bên là các nước A-rập và bên kia là I-xra-en, sau khi nhà nước Do Thái được thành lập vào tháng 5-1948 theo Nghị quyết 181 (11-1947) của Liên hợp quốc (LHQ)

Thực chất và cốt lõi nhất của cuộc xung đột giữa các nước A-rập và I-xra-en là vấn đề Pa-le-xtin cùng những tranh chấp lãnh thổ giữa hai bên. Cuộc xung đột khu vực kéo dài do nhiều mâu thuẫn đan xen đã biến Trung Đông trở thành điểm nóng gay gắt khó tháo gỡ, vượt tầm khu vực, khiến cả cộng đồng quốc tế phải quan tâm và lo ngại. Được sự hậu thuẫn, dung túng của Mỹ, nên dù bị cô lập giữa thế giới A-rập rộng lớn, đông dân, nhiều tiền của, nhưng I-xra-en vẫn luôn ở thế lấn lướt, thường sử dụng vũ lực gây hấn chiếm thêm đất đai của người Pa-le-xtin và của các nước A-rập láng giềng. Tính cố kết lỏng lẻo và sự hạn chế của khối đoàn kết A-rập cũng phần nào làm gia tăng hành động hiếu chiến của một số thế lực điều hâu cực hữu I-xra-en. Tuy nhiên, khi chiến tranh lạnh kết thúc, cuộc đối đầu toàn cầu Mỹ - Xô bị triệt tiêu, thì cũng là lúc cực diện

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

** Th.S, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Trung Đông thay đổi sâu sắc, cơ bản. Mỹ điều chỉnh chính sách đối với khu vực nhằm phục vụ chiến lược toàn cầu của họ sau chiến tranh lạnh. Thay vì chỉ chú trọng I-xra-en, Mỹ cải thiện quan hệ với thế giới A-rập, hòa hoãn mâu thuẫn giữa các nước A-rập với I-xra-en, tìm kiếm giải pháp cho cuộc xung đột Trung Đông theo kịch bản của Mỹ. Mặt khác, các nước A-rập cũng muốn cải thiện quan hệ với Mỹ xuất phát từ tính toán riêng của mỗi nước. I-xra-en cũng không thể thờ ơ với việc củng cố quan hệ với Mỹ, khi vị trí của I-xra-en là đồng minh chiến lược duy nhất của Mỹ tại khu vực đang bị lung lay. Trong khung cảnh ấy, xuất hiện những tiền đề thực tế cho việc văn hồi hòa bình Trung Đông sau gần nửa thế kỷ liên miên xung đột. Tuy nhiên những mâu thuẫn, bất đồng sâu sắc trong quá trình thực hiện các thỏa thuận, khiến hồ sơ Trung Đông vẫn nổi cộm và bế tắc trên nhiều vấn đề, như biên giới - lãnh thổ, các vùng "đất Thánh", các khu định cư của người Do Thái, quy chế sử dụng Giê-ru-xa-lem, hồi hương người tị nạn và nhà nước Pa-le-xtin...

Nhậm chức Thủ tướng thứ 11 của I-xra-en ngày 7-3-2001, A. Sa-rôn chủ trương dùng chính sách cứng rắn, dựa trên sức mạnh đối với Pa-le-xtin để bảo đảm an ninh cho người Do Thái. Bởi vậy, một năm cầm quyền của A. Sa-rôn cũng là một năm gia tăng bạo lực và đổ máu, cướp đi sinh mạng hơn 1 200 con người của hai bên, đẩy xung đột Trung Đông đến điểm cực phát. Nỗi ám ảnh về nguy cơ của một cuộc chiến tranh tổng lực mới đang làm tổn hao hy vọng của những người vốn được coi là lạc quan nhất về triển vọng của một nền hòa bình cho khu vực đầy biến cố này.

Cùng lúc, chính quyền của Tổng thống G.W. Bu-sơ ở nước Mỹ - nước đóng vai trò bảo trợ chính cho tiến trình hòa bình (TTHB) Trung Đông - cũng tỏ ra lạnh nhạt, không

dành cho cuộc xung đột khu vực mức độ ưu tiên như chính quyền WJ. Clin-ton đã làm. Trái ngược hẳn với chính sách can dự của người tiền nhiệm, quan điểm của G.W. Bu-sơ là : nước Mỹ chỉ hành động khi lợi ích của Mỹ bị đe dọa trực tiếp. Thế nhưng, cuộc tấn công khủng bố vào nước Mỹ ngày 11-9-2001 đã làm đảo lộn mọi thứ tự ưu tiên mới trong chính sách đối ngoại của chính quyền G.W. Bu-sơ. Mỹ hầu như chỉ tập trung cho một ưu tiên bao trùm là chống khủng bố. Để tập hợp được lực lượng của liên minh chống khủng bố, nhất là giành được sự ủng hộ của thế giới A-rập, Mỹ thay đổi lập trường đối với vấn đề Pa-le-xtin. Mỹ gây áp lực buộc A. Sa-rôn chấp thuận đề ngoại trưởng S. Pê-rét gặp Tổng thống Y. A-ra-phát (26-9-2001) và hai bên đạt được thỏa thuận ngừng bắn ba giai đoạn gần giống như thỏa thuận mà Giám đốc Cục tình báo trung ương Mỹ (CIA) G. Tê-nét phác thảo hồi tháng 6-2001. Đích thân Tổng thống G.W. Bu-sơ sau cuộc họp với các nhà lãnh đạo Quốc hội Mỹ, đã khẳng định trước giới báo chí : "Ý tưởng về một nhà nước Pa-le-xtin luôn là một phần trong cách nhìn nhận của Mỹ đối với Trung Đông, cũng như quyền tồn tại của I-xra-en phải được tôn trọng".

Đối với Mỹ, việc chấm dứt cuộc xung đột giữa I-xra-en và Pa-le-xtin đang ngày một leo thang nguy hiểm đã trở thành một trong những ưu tiên hàng đầu, bởi Mỹ cần sự ủng hộ của các nước Hồi giáo để tiến hành cuộc chiến chống khủng bố với mũi nhọn đột phá nhằm vào Áp-ga-ni-xtan. Mỹ đẩy mạnh các hoạt động "ngoại giao con thoi" của đặc phái viên về Trung Đông A. Din-ni nhằm thực hiện kế hoạch Tê-nét và khuyến nghị của Ủy ban do Thượng nghị sỹ Mỹ Mít-chen-lơ đứng đầu. Theo đó, một lệnh ngừng bắn sẽ dẫn đến việc I-xra-en rút quân khỏi các vị trí đã chiếm trước khi các cuộc nổi dậy

In-ti-pha-đa (9-2000) của người Pa-le-xtin nổ ra. Trong khi đó, Pa-le-xtin sẽ hành động để kiềm chế các phần tử quá khích, bảo đảm một thời kỳ yên tĩnh sau những biện pháp xây dựng lòng tin. Những biện pháp này bao gồm ngừng xây dựng các khu định cư của người Do Thái trên đất Pa-le-xtin mà I-xra-en chiếm đóng từ 1967. Cuối cùng là nói lại các cuộc đàm phán để bàn về một thỏa thuận hòa bình lâu dài ở Trung Đông.

Tuy nhiên, xét về thực chất, Mỹ vẫn giữ lập trường thiên vị, dung túng đối với I-xra-en. Một biểu hiện rõ nét là lần thứ hai kể từ tháng 3-2001 đến nay, Mỹ phủ quyết một nghị quyết của Hội đồng bảo an LHQ yêu cầu I-xra-en chấm dứt hành động leo thang bạo lực. Lợi dụng tình hình này, nhằm trả đũa các cuộc tấn công cảm tử của lực lượng Ha-mát và Di-hát trong PLO, A. Sa-rôn nêu chiêu bài "chống khủng bố", tăng cường hoạt động quân sự, đưa máy bay, xe tăng hạng nặng tấn công xâm nhập vào hàng loạt vị trí của người Pa-le-xtin ở dải Ga-da và khu Bờ Tây, bắn phá trụ sở cơ quan an ninh Pa-le-xtin và lực lượng cảnh vệ của Tổng thống Y. A-ra-phát.

Ngang ngược hơn khi I-xra-en áp đặt "lệnh cấm di chuyển" đối với Tổng thống Y. A-ra-phát, thiết lập một hàng rào xe tăng vây chặt xung quanh văn phòng của ông ở Ra-ma-la từ đầu tháng 12-2001. Đây thực chất là hành động giam lỏng nhà lãnh đạo Pa-le-xtin nhằm cô lập và hạ thấp uy tín ông. Bất chấp sự phản đối của dư luận quốc tế và việc phía Pa-le-xtin đã đáp ứng gần như hoàn toàn yêu sách của I-xra-en bắt giữ và trừng phạt các phần tử liên quan đến vụ ám sát Bộ trưởng du lịch I-xra-en, nhưng hạ tuần tháng 2-2002 vừa qua, I-xra-en vẫn quyết định không hủy bỏ "lệnh cấm di chuyển" nêu trên, mà chỉ "nới lỏng" phong tỏa Y.A-ra-phát.

Hành động quân sự của I-xra-en nhằm bảo đảm an ninh cho người Do Thái, trên

thực tế đã không đạt được như mong muốn của A. Sa-rôn và các thế lực cánh hữu trong đảng Li-kut, trái lại chỉ làm cho người dân Do Thái luôn phải sống trong nỗi sợ hãi vì những vụ đánh bom liều chết từ phía Pa-le-xtin. Biện pháp này, một mặt đã bị cộng đồng quốc tế chỉ trích gay gắt ; mặt khác, nó khoét sâu nỗi thù hận đối với I-xra-en của những phong trào Hồi giáo cực đoan. Cũng bởi vậy, Thủ tướng A. Sa-rôn hiện đang ở thời điểm bế tắc nhất sau một năm cầm quyền, khi mà hầu như mọi chính sách của ông đưa ra đều thất bại. Một cuộc thăm dò dư luận mới đây nhất ở I-xra-en cho thấy 52% những người được hỏi đã tỏ ý không ủng hộ chính sách của Thủ tướng, đây là mức thấp nhất trong vòng một năm cầm quyền đầu tiên của A. Sa-rôn.

Sự leo thang của làn sóng bạo lực ngày càng khốc liệt thời gian qua, đang đe dọa làm sụp đổ hoàn toàn TTHB Trung Đông, đã hối thúc cộng đồng quốc tế, nhất là các nước lớn, LHQ và một số chính khách trong khu vực tích cực tìm kiếm sáng kiến nhằm cứu vãn tiến trình này.

Trước hết, phải kể đến sự sốt sắng của Liên minh châu Âu (EU) trong những nỗ lực thúc đẩy cả hai bên Pa-le-xtin và I-xra-en tiến tới bàn đàm phán tìm giải pháp thương lượng. Những ngày cuối tháng 2-2002, ông H. Sô-la-na, đặc trách các vấn đề đối ngoại của EU đã sang Trung Đông tiếp xúc với giới lãnh đạo cao nhất của hai bên xung đột ; còn Ngoại trưởng Tây Ban Nha, ông J. Pic-kê, Chủ tịch đương nhiệm của EU cũng đã tới Mỹ để trao đổi quan điểm về vấn đề Trung Đông. Dưới tác động của các hoạt động này, Thủ tướng I-xra-en đã nói lỏng lệnh phong tỏa đối với Tổng thống Y. A-ra-phát. Cùng nhằm tạo ra những chuyển biến tích cực cho TTHB Trung Đông, nhiều nước EU, đi đầu là Pháp đã hỗ trợ mạnh mẽ chủ trương do H. Sô-la-na đưa ra. Pháp còn nêu đề xuất

hướng giải quyết tập trung vào những vấn đề cốt lõi như : Thành lập nhà nước độc lập của người Pa-le-xtin, thế giới công nhận nhà nước đó ; tiến hành bầu cử cơ cấu lãnh đạo Pa-le-xtin, tiếp tục các cuộc đàm phán giữa I-xra-en và Pa-le-xtin để thảo luận vấn đề phân chia lãnh thổ, các khu định cư của người Do Thái, quản lý Giê-ru-xa-lem, hồi hương người tị nạn Pa-le-xtin. Ngoại trưởng Pháp cho rằng : "chìa khóa giải quyết vấn đề Trung Đông là thành lập nhà nước của người Pa-le-xtin, một nguyên tắc được nêu rõ trong Hiệp định Ô-xlô năm 1993".

Trong khi đó, Mỹ cũng đang trong quá trình hoàn tất sáng kiến với tham vọng "giải quyết vĩnh viễn" cuộc xung đột giữa I-xra-en và Pa-le-xtin. Nội dung chủ yếu của sáng kiến này bao gồm : I-xra-en rút khỏi toàn bộ dải Ga-da và 96% lãnh thổ Bờ Tây, 4% lãnh thổ còn lại là nơi tập trung các khu định cư của người Do Thái. Pa-le-xtin sẽ được nhận phần đất bên trong lãnh thổ I-xra-en đúng bằng diện tích 4% ở bờ Tây mà họ đồng ý để lại cho I-xra-en. Về thánh địa Giê-ru-xa-lem, các khu phố Ai-cập sẽ thuộc về Pa-le-xtin và sẽ là thủ đô của Pa-le-xtin trong tương lai. Các khu phố Do Thái sẽ thuộc về I-xra-en...

Bên cạnh những sáng kiến đề xuất nêu trên của các nước EU và Mỹ, hiện tại cộng đồng quốc tế cũng đang hướng sự chú ý đặc biệt tới đề nghị hòa bình do Thái tử A-rập Xê-út Áp-đu-la đưa ra ngày 17-2-2002. Văn dựa trên nguyên tắc "đổi đất lấy hòa bình" mà cả khu vực đang theo đuổi, nội dung chính của sáng kiến này là : tất cả các nước A-rập sẽ thiết lập quan hệ ngoại giao bình thường với I-xra-en để đổi lấy việc nhà nước Do Thái phải rút quân ra khỏi tất cả các vùng lãnh thổ A-rập mà họ chiếm đóng trái phép trong cuộc chiến tranh Trung Đông năm 1967. Đó là cao nguyên Gô-lan, dải Ga-da, khu vực Bờ Tây và Đông Giê-ru-xa-lem. Thái tử Áp-đu-la dự định sẽ đưa đề nghị này

ra thảo luận tại Hội nghị thượng đỉnh Liên đoàn A-rập vào 28-3-2002 tới tại Li-băng.

Sáng kiến hòa bình của Thái tử Áp-đu-la được xem như là một lối thoát cho tiến trình hòa bình đang bế tắc. Có nhiều lý do để sáng kiến này trở nên hấp dẫn và được tất cả các bên quan tâm, hưởng ứng. Trước hết, phải kể đến tính kịp thời của nó bởi đây là sáng kiến hòa bình chính thức đầu tiên được đưa ra sau 17 tháng xung đột đẫm máu tại Trung Đông. Thứ hai, nó được đề xuất bởi A-rập Xê-út, một nước có vai trò quan trọng trong khu vực, đặc biệt là trong thế giới A-rập. Thứ ba, nội dung của sáng kiến này đã phần nào phản ánh các mục tiêu mà I-xra-en và Pa-le-xtin, hai chủ thể chính của TTHB đang hết sức quan tâm.

Trong bối cảnh căng thẳng và phức tạp hiện nay ở Trung Đông, sáng kiến hòa bình của Áp-đu-la được đánh giá cao từ nhiều phía. Tổng thống Ai-cập H. Mu-ba-rắc và Tổng thống Xy-ri B. E-la-sat đã nhất trí kêu gọi I-xra-en hưởng ứng tích cực sáng kiến của Thái tử Áp-đu-la. Cả hai phía I-xra-en và Pa-le-xtin đều quan tâm đến sáng kiến này. Đối với I-xra-en, đây là lần đầu tiên một quốc gia có vị thế trong thế giới A-rập đặt vấn đề chính thức công nhận nhà nước Do Thái - một mục tiêu mà I-xra-en vẫn theo đuổi kể từ khi thành lập nước đến nay. Bởi vậy, chính bản thân Thủ tướng I-xra-en A.Sa-rôn cho biết sẵn sàng gặp các nhà lãnh đạo A-rập Xê-út để thảo luận cụ thể về sáng kiến mới này. Còn Tổng thống Y.A-ra-phát đã lên tiếng hoan nghênh và bày tỏ hy vọng về sáng kiến này sẽ góp phần văn hóa hòa bình Trung Đông. Sở dĩ vậy là vì, nếu sáng kiến được thực thi thì hình hài địa lý của nhà nước Pa-le-xtin trong tương lai sẽ được khẳng định, đồng thời nguồn gốc xung đột từ nhiều thập kỷ nay giữa hai bên sẽ được giải quyết. Sáng kiến hòa bình của Thái tử Áp-đu-la cũng lập tức nhận được sự

quan tâm, ủng hộ của cộng đồng quốc tế. Ngày 28-2-2002, Hội đồng bảo an LHQ đã thông qua sáng kiến này với đa số phiếu. Trước đây, tại Hội đồng bảo an, Mỹ thường sử dụng quyền phủ quyết để phong tỏa các kế hoạch hòa bình cho Trung Đông, nếu xét thấy không có lợi cho I-xra-en. Tuy nhiên, lần này sáng kiến hòa bình của A-rập Xê-út đã được cả Tổng thống G.W. Bu-sơ và Ngoại trưởng C. Pau-oen hoan nghênh, cho đây là một bước tiến của TTHB Trung Đông. Một số nước khác như Nga, Trung Quốc, các nước trong EU cũng bày tỏ sự ủng hộ và đều mong muốn một cuộc gặp gỡ trực tiếp giữa Tổng thống Pa-le-xtin và Thủ tướng I-xra-en sẽ mau chóng được tổ chức.

Mặc dù được cộng đồng quốc tế ủng hộ, nhưng sáng kiến hòa bình của Thái tử Áp-đu-la chỉ có giá trị và có thể được thực thi khi được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh Liên đoàn A-rập sắp tới. Sự thống nhất của thế giới A-rập về TTHB Trung Đông mở ra một trang mới trong quan hệ của họ với I-xra-en, như kinh nghiệm lịch sử đã cho thấy, là điều không dễ đạt được. Sáng kiến hòa bình do Thái tử Áp-đu-la đưa ra hiện nay có nguồn gốc từ một kế hoạch hòa bình đã được anh trai của ông đề xuất cách đây 21 năm. Theo kế hoạch đó, I-xra-en phải rút quân ra khỏi các vùng lãnh thổ của A-rập bị I-xra-en xâm chiếm năm 1967, dỡ bỏ các khu định cư Do Thái trên các vùng đất chiếm đóng, giải quyết vấn đề người tị nạn Pa-le-xtin; đổi lại, các nước A-rập công nhận nhà nước Do Thái. Tuy vậy, tại Hội nghị thượng đỉnh của Liên đoàn A-rập họp tại Ma-rốc năm 1981, kế hoạch nêu trên đã bị bác bỏ. Nhiều nước A-rập có đường lối cứng rắn đã coi việc công nhận nhà nước Do Thái, dù với điều kiện nào, cũng là phản bội thế giới A-rập.

Song, hiệu quả của sáng kiến mới nhằm văn hồi hòa bình cho Trung Đông của A-rập

Xê-út sẽ ra sao? Câu trả lời vẫn đang còn ở phía trước. Sáng kiến của A-rập Xê-út lần này cũng có thể sẽ chịu chung số phận đổ vỡ như nhiều sáng kiến hòa bình đã được đưa ra trước đây, nếu làn sóng bạo lực ở khu vực vẫn không được kiềm chế. Một điều khiến cộng đồng quốc tế hết sức lo ngại là song hành với những nỗ lực tạo dựng hòa bình, các hoạt động bạo lực và tấn công trả đũa giữa hai bên xung đột vẫn diễn ra hàng ngày với con số tổn thất ngày càng cao, nó có thể làm lụi tắt những tia hy vọng hòa bình vẫn còn mong manh đang được nhen nhóm lại. Ngày 1-3-2002, Tổng thư ký Liên đoàn A-rập, ông Mut-sa cho rằng mọi hy vọng đạt được tiến bộ trong TTHB đều rất ít, nếu nhà nước I-xra-en vẫn duy trì chính sách cứng rắn hiện nay với người Pa-le-xtin.

Đối với vùng đất Trung Đông đang chao đảo trong vòng xoáy bạo lực hiện nay, một giải pháp hòa bình khả thi, rõ ràng đang trở thành khát vọng cháy bỏng của hàng triệu người dân trong khu vực cũng như của cả cộng đồng quốc tế. Đương nhiên, ở một nơi đã trải qua bao thập niên chiến tranh xung đột triền miên với những mâu thuẫn chồng chất khó hòa giải, thì con đường đi tới hòa bình chắc chắn sẽ không dễ dàng và không ít gian truân. Chăm chú dõi theo những diễn biến phức tạp tại Trung Đông, dư luận yêu chuộng hòa bình trên thế giới, trong đó có nhân dân Việt Nam, vẫn hy vọng và trông đợi các bên xung đột hãy kiềm chế và chấm dứt ngay bạo lực, trở lại bàn đàm phán, tiếp tục TTHB, nhằm sớm đạt tới một nền hòa bình công bằng, bền vững, bảo đảm lợi ích chính đáng cho các bên liên quan. Bởi như lời của Tổng thư ký LHQ K. An-nan: "Chúng ta đang sống trong một thế giới đầy bất ổn, nhưng chúng ta không bao giờ được mất đi hy vọng và ước mơ. Điều quan trọng là cần phải xây dựng, bảo vệ và vun đắp niềm tin vững chắc trên con đường đi tới hòa bình". □

HỘI NGHỊ SƠ KẾT VIỆC THỰC HIỆN CHỈ THỊ 30-CT/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ (KHÓA VIII) VỀ XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

TRONG hai ngày 4 và 5-3-2002, tại Hà Nội, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã tổ chức Hội nghị sơ kết việc thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (QCDC). Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh; Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải đã đến dự và phát biểu ý kiến. Dự Hội nghị, có nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười và các đồng chí: Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Thường trực Ban Bí thư; Trương Quang Được, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Dân vận Trung ương, Trưởng ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của Trung ương; Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Trương Vĩnh Trọng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Nội chính Trung ương; Trung tướng Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; Tổng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng; Trương Mỹ Hoa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội; Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ; Phạm Thế Duyệt, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đại diện các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở trung ương và các lực lượng vũ trang; các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố là Trưởng ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở các tỉnh, thành phố và các Trưởng Ban Dân vận, Trưởng Ban Tổ chức chính quyền, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh, thành phố và gần 60 đại biểu các quận, huyện, xã, phường, thị trấn, doanh nghiệp thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. Các đồng chí Phan Diễn, Trương Quang Được, Phạm Thế Duyệt chủ trì Hội nghị

Sau lời khai mạc của đồng chí Phan Diễn, đồng chí Trương Quang Được đã trình bày Báo cáo sơ kết thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Sau khi nêu rõ những kết quả và hiệu quả xã hội do thực hiện tốt Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII), Báo cáo nhấn mạnh: "Việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở có tác dụng tích cực tới việc xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, xây dựng cộng đồng dân cư tự quản ở thôn, làng, bản, ấp, tổ dân phố". Báo cáo cũng thẳng thắn chỉ rõ những khuyết điểm, hạn chế trong quá trình thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Đồng thời, đi sâu phân tích nguyên nhân của những thành tựu và những khuyết điểm, hạn chế, trên cơ sở đó đã rút ra những bài học kinh nghiệm quan trọng trong quá trình xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Báo cáo đã nêu bật các nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở thành nền nếp: "Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo, sự phối hợp thực hiện của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ gắn với chức năng, nhiệm vụ từng tổ chức, từng mặt công tác và trách nhiệm cá nhân. Các chương trình, dự án, kế hoạch kinh tế - xã hội, Cuộc vận động xây dựng chính quyền Đảng, cải cách hành chính, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí phải gắn với việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cần phát huy vai trò chủ động vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện và giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Trước mắt, cần vận dụng Quy chế dân chủ ở cơ sở vào việc thực hiện thắng lợi cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI sắp tới và đưa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và các nghị quyết Trung ương vào cuộc sống; tiếp tục hoàn chỉnh các quy chế đã ban hành, nghiên cứu ban hành và hướng dẫn thực hiện Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở".

Phát biểu tại Hội nghị, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khẳng định : "Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, là mục tiêu và động lực phát triển kinh tế - xã hội đất nước được xác định rõ trong chủ trương, đường lối của Đảng ta trong hơn 72 năm qua. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là nhằm thực hiện các nghị quyết của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh, cụ thể hóa phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", là khâu đột phá trong toàn bộ quá trình phát huy dân chủ xã hội trong thời kỳ đổi mới đất nước. Cần nhận thức rõ bản chất nền dân chủ của chúng ta để thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế dân chủ ở cơ sở thời gian tới".

Trong bài phát biểu của mình, Thủ tướng Phan Văn Khải đã yêu cầu các bộ, ngành và các cấp chính quyền địa phương tập trung làm tốt bốn nhiệm vụ chủ yếu trong thời gian tới : "*Một là*, tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở. *Hai là*, phải quán triệt nội dung của Quy chế dân chủ ở cơ sở trong mọi hoạt động của chính quyền các cấp. *Ba là*, tiếp tục hoàn thiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, sửa đổi những quy định không phù hợp, bổ sung những quy định cần thiết, tiến tới nâng Quy chế dân chủ ở cơ sở từ nghị định thành pháp lệnh... *Bốn là*, xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở có đủ phẩm chất, năng lực tuyên truyền, vận động, tổ chức nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và triển khai thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở...".

Hội nghị đã nghe báo cáo, trao đổi của 26 đại biểu, đại diện cho các xã, phường, thị trấn, doanh nghiệp, các bộ, ngành, đoàn thể trung ương, các tỉnh, thành phố, nêu lên những bài học kinh nghiệm trong xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Các đại biểu cũng đã nêu lên một số vướng mắc trong quá trình thực hiện và kiến nghị các giải pháp để triển khai thực hiện tốt hơn nữa Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Phát biểu tổng kết Hội nghị, đồng chí Phan Diễn đã nêu lên các nhiệm vụ, giải pháp để việc tiếp tục xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trở thành nền nếp. Trong đó cần chú ý mở rộng việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đến mọi loại hình cơ sở, tạo bước chuyển biến tích cực để nâng cao chất lượng và hiệu quả, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, sự phối hợp thực hiện của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Tập trung tuyên truyền, giáo dục sâu rộng các quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ về những nội dung cơ bản của Quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về tầm quan trọng, tính cấp bách, tính lâu dài của việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Xây dựng và thực hiện Quy chế là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Đưa công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với chức năng, nhiệm vụ từng tổ chức, từng lĩnh vực công tác và trách nhiệm cá nhân. (...). Tổ chức đảng, các cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, giữ nghiêm kỷ luật đảng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân ; đưa việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở thành một tiêu chuẩn để xem xét tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, đảng viên đủ tư cách, đơn vị tiên tiến, xuất sắc...□

SỬA LẠI

Tạp chí Cộng sản số 8 (3-2002), trang 24, cột 1, dòng 15 (từ trên xuống), xin đọc lại là "... song vẫn phát triển *hình thức kinh tế tư bản*".

Thành thật xin lỗi bạn đọc.

TCCS



CÔNG TY CAO SU DẦU TIẾNG

DAU TIENG RUBBER CORPORATION



Giám đốc Công ty
LÊ VĂN KHOA

Địa chỉ : Thị trấn Dầu Tiếng - huyện Dầu Tiếng - tỉnh Bình Dương - Việt Nam
Điện thoại : (0650) 561487 - 561448 - 561648
Fax : 84.0650. 561488 - 84.0650. 561789
E-mail : dtrubber@hcm.vnn.vn



■ Lễ nhận chứng chỉ ISO 9002

■ Receiving ISO 9002 certificate

- Tổng diện tích vườn cây cao su của công ty hiện nay là **29.727** ha.
- * Trong đó Diện tích khai thác là **28.273** ha; DT-KTCB là **1.454** ha.
- Tổng sản lượng mủ khai thác năm 2001 = **46.000** tấn.
- * Đến năm 2005 ước tính đạt **53.000** tấn.
- * Công ty có 5 nhà máy chế biến với tổng công suất **46.000** tấn/năm. Trong đó :
 - Nhà máy Chế biến mủ Cối tại trung tâm công suất = 6.000 tấn.
 - Nhà máy Chế biến mủ Cối tại Long Hòa công suất = 12.000 tấn.
 - Nhà máy Chế biến mủ Cối tại Bến súc công suất = 12.000 tấn.
 - Nhà máy Chế biến mủ Cối tại Phú Bình công suất = 9.000 tấn.
 - Nhà máy Chế biến mủ Kem tại Bến Súc công suất = 7.000 tấn.

Sản phẩm :

- ❖ Cao su khối : SVRL, SVR 3L, SVR5, SVR10, SVR20.
- ❖ Cao su độ nhớt ổn định : SVRCV50, SVRCV60, SVR10CV, SVR20CV.
- ❖ Cao su ly tâm : HA, LA.

Các sản phẩm trên với chất lượng cao đã uy tín ở thị trường trong và ngoài nước nhiều năm. Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty đã được cơ quan BVQI (Anh) và cơ quan Quacert (Việt Nam) cấp giấy chứng nhận ISO 9002.

Thị trường :

Sản phẩm được xuất khẩu sang Tây Âu, Bắc Âu, Đông Âu, Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Nhật, Đài Loan, Mỹ, Nam Mỹ, Bắc Mỹ, Malaysia, Úc, New Zealand.

Công ty mong muốn phục vụ cho quý khách hàng những sản phẩm có chất lượng cao, sẵn lòng liên doanh với các đơn vị trong và ngoài nước để sản xuất những sản phẩm công nghệ và các mặt hàng tiêu dùng từ cao su.



■ Trụ sở làm việc Công Ty Cao su Dầu Tiếng

■ The Head office

BỘ XÂY DỰNG

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÔNG HỒNG

TRỤ SỞ CHÍNH

: 1596 Hùng Vương - Việt Trì - Phú Thọ ; ĐT : 0210. 846450 ; 843773 ; Fax : 0210. 846158 ; E.mail : songhong-shc@hn.vnn.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN : 164 Lò Đúc - Hai Bà Trưng - HN ; ĐT : 04.8213762 ; Fax : 04.9714545

Chào Năm Mới

*Chúc thành đạt
Hạnh phúc*



TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM **CÔNG TY XĂNG DẦU HẬU GIANG**

Địa chỉ : 21 Cách mạng Tháng Tám, TP. Cần Thơ
Điện thoại : (071) 821655 - 821656



*Hân hạnh được phục vụ
Quý khách*



CÔNG TY XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI BÌNH THANH

BÌNH THANH TRADE & CONSTRUCTION Co.

338 LÊ QUANG ĐỊNH QUẬN BÌNH THANH TP. HCM

ĐT : 8.414840 - 8.414850

FAX : (84.8) 8.940824

EMAIL : btcc @ hcm fpt.vn.



* Kinh doanh địa ốc :

- Có sẵn các lô đất xây dựng : biệt thự, nhà liên kế có vườn, nhà phố liên kế, chung cư cao tầng, hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh.

** Kinh doanh vật liệu xây dựng : Sỉ và lẻ.

- Cung cấp và lắp đặt ván sàn INOVAR. Hàng đảm bảo chất lượng. Đáp ứng ngay khi quý khách hàng yêu cầu.
- Gia công và sản xuất các mặt hàng gỗ xây dựng, gỗ gia dụng và văn phòng.

* Nhận thầu thi công xây dựng, sửa chữa cải tạo, thiết kế, trang trí nội thất các loại nhà dân dụng và công nghiệp.

- Xây dựng cầu đường, bến cảng. Sân quần vợt, sân cầu lông mặt sân thảm cao su.



Rất hân hạnh được đón tiếp và phục vụ tận tình quý khách hàng.

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU BẮC NINH

ĐỊA CHỈ : SỐ 16 ĐƯỜNG NGUYỄN DU - THỊ XÃ BẮC NINH

Điện thoại : 0241.822332 - 0241.822328 * Fax : 0241.822335 * Email : Bacninhxnk@hn.vnn.vn

* Với trên 40 năm kinh nghiệm hoạt động, hiện nay Công ty XNK Bắc Ninh đã có các chi nhánh ở Lạng Sơn, Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, có hai văn phòng đại diện tại CHLB Nga, có xí nghiệp may với trang thiết bị hiện đại, xí nghiệp chế biến nông sản xuất khẩu.

* Công ty XNK Bắc Ninh là đơn vị trực tiếp xuất nhập khẩu các mặt hàng : hàng nông sản, rau quả, dược liệu, hải sản, khoáng sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc, trang thiết bị máy móc, vật tư phục vụ sản xuất và các hóa chất bảo vệ thực vật, các phương tiện vận tải, vật liệu tiêu dùng khác.

* Công ty nhận liên doanh, liên kết với các đơn vị khác để sản xuất các mặt hàng xuất khẩu.



TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ CẦN GIỜ

- ĐC : 603 Bến Bình Đông - P.13 - Q.8 - TP HCM
- ĐT : 8.553.119 - 9.501.622 - 8.557.190 - Fax : (848) 8.553.555
- E-mail : CANGIO.RESCO@AZ.COM.VN
- Chi nhánh Cần Giờ : xã Cần Thạnh - huyện Cần Giờ - TP. HCM
- ĐT : 8.740.251 - 8.740.602 - Fax : (848) 8.740.252

Chuyên ngành

- ❖ QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ
- ❖ THIẾT KẾ VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT
- ❖ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VLXD
- ❖ THI CÔNG XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG, CÔNG NGHIỆP, GIAO THÔNG, THỦY LỢI
- ❖ DỊCH VỤ CHO THUÊ BẾN BÃI - KINH DOANH NHIÊN LIỆU
- ❖ THI CÔNG ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN TRUNG, HẠ THẾ DỀN 35 KW
- ❖ SAN LẤP MẶT BẰNG - KHAI THÁC CÁT
- ❖ KHOAN THẨM DÒ KHAI THÁC VÀ QUẢN LÝ GIẾNG NƯỚC CÔNG NGHIỆP PHỤC VỤ NƯỚC SINH HOẠT.

CÔNG TY THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG (KIGITRA CO)

ĐỊA CHỈ : 190 TRẦN PHÚ - TX RẠCH GIÁ.

ĐIỆN THOẠI : 077.862181 - 077. 862112 - 077. 863392 - FAX : 077. 866080

VPĐD TẠI TP HỒ CHÍ MINH 211/14 NGUYỄN TRÃI Q1

ĐIỆN THOẠI : 088.368767 - FAX : 088.396217

Giám đốc công ty : LIÊU VĂN LỒ

Đảng bộ Công ty Thương Mại Kiên Giang đặt nhiệm vụ lãnh đạo sản xuất kinh doanh lên hàng đầu trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng và thực hiện tốt vai trò chủ đạo của ngành thương mại Nhà nước, làm bình ổn giá cả thị trường. Trong công tác kinh doanh luôn luôn đổi mới phương thức mua bán hàng phục vụ nội địa, hàng xuất khẩu, phát huy tối đa các thương vụ bán buôn, giao hàng thẳng tới khách hàng không qua kho để tăng sức cạnh tranh và hiệu quả. Công ty đã phát triển các quầy hàng tự chọn, các siêu thị, bán hàng qua điện thoại, giao hàng tận nhà, tận các công trường, nhà máy, xí nghiệp... Ngoài việc mua bán lẻ, bán buôn, công ty còn có các chính sách khuyến mãi, hậu mãi với phương châm văn minh lịch sự - hiện đại tiên tiến hơn các thành phần kinh tế khác. Năm 2001 Đảng bộ Công ty có 7/7 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh. Là đơn vị được công nhận nhiều năm liền Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh. Công ty Thương Mại Kiên Giang được công nhận đơn vị *Văn minh thương nghiệp* năm 2001 và có thi đua của UBND tỉnh Kiên Giang, Liên đoàn Lao động tỉnh. Nhiều cá nhân được tặng bằng khen của Chính phủ, UBND tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, 44 cá nhân được tặng Huy chương vì sự nghiệp Thương mại.

BƯU ĐIỆN TỈNH BẮC NINH

ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG LÝ THÁI TỔ - THỊ XÃ BẮC NINH * TEL: (0241) 823.235 * FAX: (0241) 821.368

THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

- Huân chương Lao động hạng Nhì 1994-1998
- Bằng khen Chính phủ 1995-1997
- Cờ thi đua thời kỳ đổi mới UBND tỉnh 1994-2000
- Cờ thi đua UBND tỉnh 1999-2000-2001
- Cờ thi đua Tổng cục Bưu điện 1998-1999-2001
- Cờ thi đua Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam 1997-2000
- 100% số thôn có máy điện thoại
- 100% xã có điểm Bưu điện văn hóa xã
- 100% xã có báo Đảng đọc trong ngày
- Bán kính và số dân /1 điểm phục vụ là 1,3 km² và 5.500 người

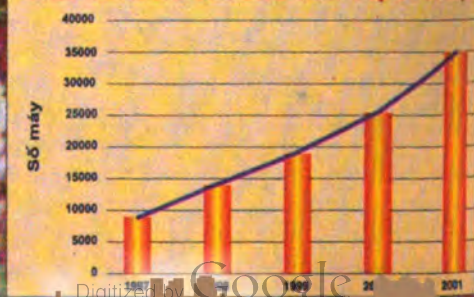
Bưu điện tỉnh Bắc Ninh luôn cùng các bạn hướng tới tương lai với các dịch vụ Bưu điện mới. Tiện lợi, nhanh chóng, hiệu quả và tiết kiệm.

- + Dịch vụ Internet 1260, 1268, 1269
- + Dịch vụ thư điện tử (E-mail)
- + Dịch vụ thông tin và ca nhạc 804108
- + Dịch vụ nhắn tin tự động hiển thị số 1570
- + Dịch vụ điện thoại dùng thẻ (Card Phone)
- + Dịch vụ khai gia.
- + Dịch vụ Bưu phẩm chuyển phát nhanh

EMS

- + Dịch vụ chuyển tiền nhanh, điện hoa.
- + Dịch vụ tiết kiệm Bưu điện.
- + Dịch vụ nhận chuyển phát quà tặng tại nhà chỉ cần bấm số 855555 hoặc tổng đài 108

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG MÁY ĐIỆN THOẠI





CÔNG TY 20

GATEXCO 20

Trụ sở: 35 Phan Đình Giót - Quận Thanh Xuân - Hà Nội
 Điện thoại: 8.641617 - 8.645077 - 8.643381 - Fax: (84.4)8.641208
 Website: www.gatexco20.com.vn - Email: gatexco20@fpt.vn
 Giám đốc: Cử nhân kinh tế - luật **TRẦN BANG**
 Director: BA. of Ec.-Law **TRAN BANG**

TÊN GIAO DỊCH CÔNG TY 20

Công ty thành lập năm 1957, được Nhà nước phong tặng hai lần danh hiệu "Đơn vị anh hùng lao động" năm 1989 và 2001. Là doanh nghiệp chuyên sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu hàng may mặc, hàng dệt kim, dệt vải và hàng may mặc phục vụ quân đội. Kinh doanh xuất nhập khẩu trang thiết bị ngành may - dệt - dệt kim. Sản xuất, kinh doanh hàng dệt nhuộm. Sản xuất, gia công cơ khí, đồ mộc. Kinh doanh vật tư thiết bị, nguyên liệu, hóa chất phục vụ ngành dệt - nhuộm.

SẢN PHẨM CHỦ YẾU:

- ◆ Các loại áo Jacket nam nữ - quần áo, somi nam nữ - váy thời trang - quần áo đua mô tô.
- ◆ Các sản phẩm dệt kim (Khăn mặt, T-shirt-Polo, shirt - tất).
- ◆ Vải các loại.
- ◆ Trang phục quân đội, đồng phục công chức.
- ◆ Các sản phẩm cơ khí: Huân huy chương, kỷ niệm chương

NĂNG LỰC SẢN XUẤT:

- ◆ May mặc: 5 triệu bộ sản phẩm/năm.
- ◆ Dệt kim: 3 triệu áo/năm - 3 triệu đôi tất/năm - 3 triệu khăn mặt/năm.
- ◆ Dệt vải: 19 triệu mét/năm
- ◆ Cơ khí: 1 triệu sản phẩm/năm

Công ty 20 có 14 đơn vị thành viên, với hơn 4 000 lao động và gần 3 800 thiết bị dệt may gồm:

- ◆ Xí nghiệp do may cao cấp 1.
- ◆ Xí nghiệp may 2
- ◆ Xí nghiệp may 3
- ◆ Xí nghiệp may 4
- ◆ Xí nghiệp may 5
- ◆ Xí nghiệp may 6
- ◆ Xí nghiệp dệt
- ◆ Xí nghiệp may 199.
- ◆ Xí nghiệp cơ khí 198
- ◆ Xưởng may Mỹ Đình
- ◆ Trung tâm thương mại
- ◆ Chi nhánh phía Nam
- ◆ Trung tâm đào tạo nghề may
- ◆ Trường mẫu giáo mầm non

Công ty có đội ngũ công nhân lành nghề, trang thiết bị hiện đại, đồng bộ của Mỹ - Nhật - Đức. Sản phẩm của công ty có mặt trên khắp thị trường trong nước và nhiều nước trên thế giới: SNG - Đức - Hà lan - Nhật Bản - Hồngkong - Hàn Quốc - Pháp - Thụy sỹ - Canada - Tâybannha... Các sản phẩm của công ty đã được tặng thưởng nhiều huy chương vàng tại các hội chợ quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam hàng năm và 6 năm liên tục đoạt Cúp chất lượng Quốc tế Châu Âu do hiệp hội Jaban Image Arte - Tây Ban Nha trao tặng năm 1997 và Giải thưởng quốc tế về chất lượng và uy tín thương mại do Hiệp hội Office và Trade leader Club - Tây Ban Nha trao tặng năm 1996, 1998, 1999, 2000 và 2001.

Hệ thống quản lý chất lượng của công ty được tổ chức BVQI (của Vương quốc Anh) cấp chứng nhận ISO 9001/2000 và Trung tâm chứng nhận chất lượng QUACERT của Việt Nam cấp chứng nhận ISO 9001/2000.

Công ty sẵn sàng hợp tác, đầu tư phát triển, liên doanh liên kết sản xuất kinh doanh với các doanh nghiệp trong & ngoài nước trên nguyên tắc hợp tác bình đẳng cùng có lợi.

THE BUSINESS NAME: Army producing trading garment - Textile Company 20 (GATEXCO 20).

The company was established in 1957, it was awarded The Labour Hero Unit in 1989 & 2001. Gatexco 20 specialises in producing trading import-export garment-fabric - knitting products & garment uniform for army. Trading import-export machines, equipment for sewing-weaving-knitting. Producing - trading weaving, dyeing products. Producing - manufacturing mechanic & wooden products. Trading materials, equipments & chemi - cals for weaving, dyeing.

MAIN PRODUCTS:

- ◆ Men's - Women's jackets, clothes - shirts for men & women, fashion skirts, moto racing uniform.
- ◆ Knitting products (Towel, T-shirt, polo-shirt, sock).
- ◆ All kinds of fabric.
- ◆ Garment uniform for army, Garment uniform for officer.
- ◆ Mechanic products: Medal, memorial medal.

PRODUCTION CAPACITY:

- ◆ Garment products: 5.000.000 uniforms/year.
- ◆ Knitting products: T-shirt & Polo-shirt: 3.000.000 units/year; Sock: 3.000.000 pairs/year; Towel: 3.000.000 units/year.
- ◆ Weaving products: 19.000.000 fabric m/year.
- ◆ Mechanic: 1.000.000 units/year

Gatexco 20 has 14 subsidiaries (with 4 000 employees & 3 800 equipments for sewing - weaving) as:

- ◆ High level garment factory 1.
- ◆ Garment factory 2.
- ◆ Garment factory 3.
- ◆ Garment factory 4.
- ◆ Garment factory 5.
- ◆ Garment factory 6.
- ◆ Weaving factory.
- ◆ Garment factory 199.
- ◆ Mechanic factory 198
- ◆ Garment factory Mỹ Đình
- ◆ Trade center
- ◆ Branche in the South of Vietnam
- ◆ Training garment center
- ◆ Children's school.

Gatexco 20 has skilled workers with advanced & synchronous equipment from USA - Japan - Germany. Gatexco 20's products have been on sale in the domestic & overseas market such as: SNG - Germany - Holland - Japan-S of Korea - France - Switzerland - Canada - Hongkong - Spain... Gatexco 20's products awarded several gold medal in Vietnam International Industrial Exhibition and The Arch of Europe Award for Excellence and Quality by the Jaban Image Arte Spain in 1997 and "The international Trophy for Quality and prestige in trading" by Association Office and the Trade leader club-Spain in 1996 - 1998 - 1999 - 2000 and 2001.

The company's qualification management system has been recognized by the BVQI (UK) of ISO 9001, it has been also endorsed by the center for qualification recognition of QUACERT in Vietnam for ISO 9001.

Gatexco 20 is ready to make deals with domestic & foreign partners in investment projects, producing & marketing cooperation based on equality & mutual benefits.





Do người tiêu dùng
bình chọn

*Chân thành cảm ơn quý khách hàng
đã ủng hộ và bình chọn
sản phẩm của công ty chúng tôi
là hàng Việt Nam chất lượng cao 2002*



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÌNH TÂY
BINH TAY FOOD COMPANY

Địa chỉ : 634 Bis phạm Văn Chí, Quận 6, TP HCM
ĐT : 9670222 - 9670611 Fax : 9670688

Digitized by Google

CÔNG TY KINH DOANH HÀNG XUẤT NHẬP KHẨU



ĐỊA CHỈ : 149 NIỆM NGHĨA - LÊ CHÂN - HẢI PHÒNG

ĐIỆN THOẠI : 031 - 782136 ; FAX : 031 - 856190

GIÁM ĐỐC : PHẠM QUỐC KHÁNH

* Thành lập : 20-1-1967

* **Ngành nghề kinh doanh :**

- Thu mua sản xuất chế biến kinh doanh hàng nông sản thực phẩm xuất khẩu.
- Kinh doanh hàng công nghiệp thực phẩm.
- Bán buôn, bán lẻ hàng công nghệ phẩm, phân bón, xăng dầu, vật liệu xây dựng.
- Thị trường xuất khẩu : Hồng Kông, Trung Quốc, Liên Bang Nga : 1.400 - 1.500 tấn/năm. Dự kiến 2002 : 2.000 - 2.500 tấn/năm.

Rất mong được sự hợp tác của các đơn vị trong và ngoài thành phố.

* Được công nhận là tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh xuất sắc năm 1995 - 2000.



NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM **CHI NHÁNH AN GIANG**

**BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM
AN GIANG BRANCH**

- Địa chỉ : 01 Hùng Vương - Thành phố Long Xuyên - An Giang.

- Điện thoại : (84-67) 843589 - 843590 - 842033 - 842034.

- Telex : 812166 VCBAG-VT.

- Fax : (84-76) 841591

- Ngân hàng Ngoại thương An Giang thực hiện các nghiệp vụ sau đây :

- + Huy động tiết kiệm đồng Việt Nam và ngoại tệ.
- + Huy động kỳ phiếu đồng Việt Nam và ngoại tệ.
- + Nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- + Nhận chuyển tiền trong và ngoài nước.
- + Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.



+ Cho vay tài trợ hàng xuất khẩu với lãi suất ưu đãi.

+ Kinh doanh ngoại tệ, thực hiện các nghiệp vụ thanh toán xuất nhập khẩu, dịch vụ Ngân hàng và chi trả kiều hối, thanh toán nhanh MONEY GRAM.

+ Đối sec du lịch.

+ Thanh toán thẻ tín dụng quốc tế như : VISA - MASTER - JCB AMERICAN - EXPRESS.

+ Bảo lãnh các khoản vay và thanh toán của các pháp nhân, thể nhân trong và ngoài nước.

+ Là Ngân hàng phục vụ công tác xuất nhập khẩu có uy tín lớn trên địa bàn Tỉnh An Giang, đã thiết lập đại lý trên 200 Ngân hàng nước ngoài trên thế giới.

VIETCOMBANK AN GIANG LUÔN MANG ĐẾN CHO BẠN SỰ THÀNH CÔNG

5730

CÔNG TY GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH



VINATRANS

INTERNATIONAL FREIGHT FORWARDERS



ISO 9002



ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG



- VẬN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG BIỂN (FCL, LCL)
- VẬN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG
- ĐẠI LÝ TÀU BIỂN
- LƯU KHO, VẬN TẢI BẰNG Ô TÔ
- KHAI THUÊ HẢI QUAN
- ĐÓNG GÓI, DI CHUYỂN HÀNG GIA ĐÌNH
- GIAO NHẬN VẬN CHUYỂN HÀNG TRIỂN LÃM, CÔNG TRÌNH
- PHÁT CHUYỂN NHANH CHỨNG TỪ HÀNG MẪU

Trụ sở chính : 406 Nguyễn Tất Thành - Q.4 - TP.Hồ Chí Minh
ĐT : 9404683 - Fax : 9404770
E.mail : vinatrans.mngt@vinatrans.com.vn

Chi nhánh :

VINATRANS HÀ NỘI	: 2 Bích Câu. Tel : (84.4) 7321090 (6 lines) ; Fax : (84.4) 7321083
VINATRANS HẢI PHÒNG	: 115 đường bao Trần Hưng Đạo, Đông Hải - An Hải - Hải Phòng Tel : (84.31) 765819 ; Fax : (84.31) 765821
VINATRANS ĐÀ NẴNG	: 182 Trần Phú, Tel : (84.511) 821240 ; Fax : (84.511) 821310
VINATRANS QUY NHƠN	: 8 Lê Thánh Tôn, Tel : (84.56) 828787 ; Fax : (84.56) 823800.

HX
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



10
4-2002

UNIV. OF MICH.

MAY 06 2002

CURRENT SERIALS

Digitized by Google



CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Địa chỉ: Số 10 Trần Nhân Tông - P. Nam Sơn - Q. Kiến An - TP. Hải Phòng
ĐT: 031.876957 - 031.878118 * Fax: 031.677049



Giám đốc: Trung Văn Thí



Huân chương
Lao Động hạng ba



Đại hội Đảng bộ Công ty

Là doanh nghiệp nhà nước hạng hai thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hải Phòng Công ty được quyền tư vấn hành nghề kinh doanh các lĩnh vực:

1. Khảo sát lập tài liệu địa hình, địa chất, thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý vật liệu xây dựng kiểm định chất lượng các công trình xây dựng.

2. Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình đến nhóm B và C thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn gồm:

- Lập dự án báo cáo khả thi.
- Lập thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán và các bản vẽ thi công.
- Tư vấn giám sát chất lượng các công trình.
- Xây dựng các công trình thực nghiệm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới.
- Thiết kế tư vấn, giám sát công trình cấp thoát nước, điện xây dựng giao thông loại vừa và nhỏ.
- Công ty có đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên lành nghề. Có trang thiết bị phục vụ sản xuất hiện tại.



Công trình Cống Cống Tiểu 3 (thuộc hệ tưới tiêu Đa Độ KT năm 2000) do Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thiết kế được cấp Bằng chứng nhận công trình đạt chất lượng cao



Trạm bơm Hải An 8 máy - Công suất 3.2.000 m³ nước/giờ (Xây dựng năm 1993)



Toàn cảnh Trụ sở Công ty



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 639

10

4-2002

BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9422061
Fax : (04) 8222846

Cơ quan thường trú tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3 Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8225768

Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

Email: bhbtccs@hn.vnn.vn

TỔNG BIÊN TẬP :

VŨ VĂN HIỀN



Bìa 1 : Dầu năm ở một bến cảng
Ảnh : TTXVN

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

TRẦN ĐỨC LƯƠNG - Đẩy mạnh cải cách tư pháp đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3
TRƯƠNG TẤN SANG - Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước	10

NHÂN KỶ NIỆM LẦN THỨ 95 NGÀY SINH ĐỒNG CHÍ LÊ DUẨN (7-4-1907 - 7-4-2002)

HOÀNG TÙNG - Lê Duẩn - nhà chiến lược của cách mạng nước ta	16
---	----

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

LÊ ĐỨC BÌNH - Tư tưởng cơ hội dưới mọi màu sắc và cuộc đấu tranh đẩy lùi nó	21
PHẠM THỊ NGỌC TRÂM - Một số thành tựu mới trong khoa học nghiên cứu con người và những vấn đề cấp bách đang đặt ra	26
NGUYỄN HÒA - Toàn cầu hóa từ góc nhìn văn hóa	31
NGUYỄN AN LƯƠNG - Cần có một chiến lược về an toàn và vệ sinh lao động trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa	36

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

TRIỆU VĂN BÉ - Tăng cường quản lý nhà nước về đất đai trong giai đoạn hiện nay	41
BÙI SĨ TIỂU - Quy chế dân chủ với việc ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Thái Bình	45
NGUYỄN HOÀI BẢO - Lâm Đồng 27 năm sau ngày giải phóng	50
NGUYỄN VĂN TUẤT - Thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với các hợp tác xã nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long	54

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NAM DŨNG - Chuyện của hai ông	58
-------------------------------	----

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGUYỄN CHÍ THUẬT - Bức tranh kinh tế - xã hội Ba Lan những năm gần đây	60
---	----

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

Hội nghị khoa giáo toàn quốc	64
------------------------------	----

СОДЕРЖАНИЕ

ЧАН ДЫК ЛЫОНГ: Углублять реформы правосудия, удовлетворяя требования к созданию правового социалистического государства Вьетнама. **ЧЫОНГ ТАН ШАНГ:** Продолжать налаживать, обновлять, развивать и повышать эффективность государственных предприятий. **ХОАНГ ТУНГ:** Ле Зуан – стратег в революции нашей страны. **ЛЕ ДЫК БИНЬ:** Оппортунистическая идеология всех цветов и борьба за её отодвижение назад. **ФАМ ТХИ НГОК ЧАМ:** Некоторые новые достижения в науке, изучающей человека и неотложные, выдвинутые в настоящее время проблемы. **НГУЕН ХОА:** Глобализация под углом зрения культуры. **НГУЕН АН ЛЫОНГ:** Нужна стратегия о трудовой безопасности и гигиене в периоде индустриализации, модернизации страны. **ЧИЭУ ВАН БЕ:** Усилить государственное управление землей на нынешнем этапе. **НГУЕН ЧИ ТХУАТ:** Социально-экономическая картина Польши в последние годы.

CONTENTS

TRẦN ĐỨC LƯƠNG: To speed up justice reforms, meeting the demand for the building of the law – governed socialist state of Vietnam. **TRƯƠNG TẤN SANG:** To continue arranging, renovating, promoting state enterprises and enhancing their efficiency. **HOÀNG TÙNG:** Lê Duan – a strategist of our country's revolution. **LÊ ĐỨC BÌNH:** Opportunistic ideology of all colours and the struggle to drive it back. **PHẠM THỊ NGỌC TRẮM:** Some new achievements of the science researching man and the now-advanced urgent problems. **NGUYỄN HÒA:** Globalisation from the perspective of culture. **NGUYỄN AN LƯƠNG:** There is needed a strategy of labour safety and hygiene in the period of industrialization and modernization of the country. **TRIỆU VĂN BÉ:** To strengthen the State's management of lands at the present stage. **NGUYỄN CHÍ THUẬT:** Socio-economic picture of Poland in the last years.

SOMMAIRE

TRẦN ĐỨC LƯƠNG: Accélérer la réforme judiciaire afin de répondre aux exigences de l'édification de l'Etat de droit socialiste du Viêt-nam. **TRƯƠNG TẤN SANG:** Continuer la réorganisation, le renouvellement, le développement et le rehaussement de l'efficacité des entreprises étatiques. **HOÀNG TÙNG:** Lê Duẩn - un stratagème de la révolution vietnamienne. **LÊ ĐỨC BÌNH:** L'opportunisme sous toutes les couleurs et la lutte contre cette attitude. **PHẠM THỊ NGỌC TRẮM:** Quelques nouveaux acquis dans les recherches sur l'homme et des problèmes urgents soulevés. **NGUYỄN HÒA:** La globalisation du point de vue culturel. **NGUYỄN AN LƯƠNG:** Il faut avoir une stratégie de la sécurité et l'hygiène de travail dans la période d'industrialisation et de modernisation du pays. **TRIỆU VĂN BÉ:** Renforcer la gestion foncière de l'Etat à l'étape actuelle. **NGUYỄN CHÍ THUẬT:** Le tableau socio-économique de la Pologne au cours de ces dernières années.

SUMARIO

TRẦN ĐỨC LƯƠNG: Intensificar la reforma judicial que responde las necesidades de la edificación de un estado jurídico socialista de Viêt-nam. **TRƯƠNG TẤN SANG:** continuar practicando la reorganización, la renovación, el desarrollo y la elevación de eficiencia de las empresas estatales. **HOÀNG TÙNG:** Lê Duẩn- el estratega de nuestra revolución. **LÊ ĐỨC BÌNH:** El pensamiento oportunista bajo cualquier color y la lucha contra él. **PHẠM THỊ NGỌC TRẮM:** Unos nuevos éxitos en la ciencia de investigación humana y las apremiantes cuestiones surgidas. **NGUYỄN HÒA:** La globalización vista bajo el ángulo cultural. **NGUYỄN AN LƯƠNG:** Hay que tener una estrategia de seguridad e higiene laboral en el tiempo de la industrialización y modernización nacional. **TRIỆU VĂN BÉ:** Aumentar la administración estatal de tierras en la actual etapa. **NGUYỄN CHÍ THUẬT:** El cuadro socio-económico de Polonia en los últimos años.

目录

• 陈德良：大力推动司法改革以满足建设越南社会主义法制国家的要求。• 张晋创：继续配置、革新、发展及提高国有企业的效益。• 黄松：黎笋——我国革命的战略家。• 黎德平：社会主义思想千变万化及对其的打击。• 范氏玉沉：人类研究科学的一些成就及其面临的迫切问题。• 阮和：从文化角度视全球化。• 阮安良：在国家现代化、工业化时期中必须策定有关劳动卫生、安全战略。• 赵文贝：在目前阶段增强国家对土地的管理。• 阮志术：经济蓝图——近年来波兰社会状况



CẢI MẠNH CẢI CÁCH TƯ PHÁP ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRẦN ĐỨC LUONG

Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam

SAU khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Một nền tư pháp kiểu mới - nền tư pháp nhân dân đã từng bước được thiết lập. Gần 60 năm qua, các cơ quan tư pháp đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, nỗ lực phấn đấu để hoàn thành trọng trách mà Đảng và nhân dân giao phó, đã đóng góp không nhỏ vào thắng lợi chung của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, yêu cầu khách quan đặt ra là phải tiến hành cải cách bộ máy nhà nước, điều chỉnh phạm vi nội dung và phương thức hoạt động của Nhà nước cho phù hợp. Nguyên tắc quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa phải được đề cao hơn bao giờ hết. Trong cải cách bộ máy nhà nước, cải cách tư pháp có vị trí rất quan trọng. Bởi vì, các cơ quan tư

pháp là công cụ quan trọng của Đảng và Nhà nước để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ nhân dân, các quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của người dân, bảo đảm kỷ cương xã hội. Từ khi công cuộc đổi mới bắt đầu, thực hiện chủ trương cải cách bộ máy nhà nước, các cơ quan tư pháp đã tham gia tích cực và chủ động vào việc soạn thảo văn bản pháp luật, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật, từng bước nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ và nhân dân. Trong những năm qua, các cơ quan tư pháp đã luôn luôn đứng ở tuyến đầu của nhiệm vụ bảo vệ pháp chế và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với tội phạm và các vi phạm pháp luật, giải quyết nhanh chóng, kịp thời và đúng pháp luật các tranh chấp nảy sinh trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần ổn định xã hội, phát triển kinh tế, phát huy tính chủ động, sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân trong quá trình đổi mới. Có thể nói, quyền lực tư pháp đã được thực hiện có hiệu quả với sự đóng góp lớn lao của toàn bộ hệ thống tư pháp.

Trong lĩnh vực hoạt động tư pháp, đường lối của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước ta luôn đề cao các nguyên tắc về tôn trọng và bảo vệ quyền con người, nguyên tắc bình đẳng, công bằng, công khai, minh bạch trong xây dựng và thực hiện pháp luật. Để hoạt động của các cơ quan tư pháp đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống, Đảng ta đã có nhiều nghị quyết về vấn đề này như : Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII), Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII). Có thể nói, các Nghị quyết nói trên của Đảng đã từng bước đi vào cuộc sống. Tuy kết quả bước đầu của cải cách tư pháp còn khiêm tốn, nhưng đó là những yếu tố có ý nghĩa quan trọng để tiến hành những bước cải cách tiếp theo. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã đề ra đường lối và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội những năm tới. Trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005, bên cạnh những nhiệm vụ kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ là nhiệm vụ “giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia”⁽¹⁾, vai trò của các cơ quan tư pháp cần được củng cố và tăng cường. Đại hội cũng đã đề ra nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Nói một cách khái quát, nhà nước pháp quyền là hệ thống các tư tưởng, quan điểm đề cao pháp luật, pháp chế trong tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước và trong đời sống xã hội. Nhà nước pháp quyền là nhà nước được tổ chức và quản lý theo pháp luật và đề cao các giá trị nhân văn, tôn trọng và bảo đảm quyền của con người, quyền công dân. Căn cứ vào những đặc trưng đó của Nhà nước pháp quyền, có

thể thấy nhiệm vụ cấp bách hàng đầu hiện nay là phải tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật và thực thi pháp luật nghiêm minh. Do đó yêu cầu “cải cách tổ chức, nâng cao chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp”⁽²⁾ là một trong những đòi hỏi bức xúc hiện nay, là một đòi hỏi tự thân của nền công lý và dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, ngày 2-1-2002, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 08/NQ-TU về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới. Theo Nghị quyết, công tác tư pháp cần được thực hiện trên những quan điểm cơ bản sau đây :

1. Công tác tư pháp phải thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, bám sát và phục vụ có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp ; phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế ; giữ vững bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

2. Công tác tư pháp phải ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm hình sự, đặc biệt là các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội tham nhũng và các loại tội phạm có tổ chức ; bảo vệ trật tự kỷ cương ; bảo đảm và tôn trọng quyền dân chủ, quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân.

(1), (2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2001, tr 90

3. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia vào công tác tư pháp. Các cơ quan tư pháp phải dựa vào nhân dân để hoạt động, đồng thời phải là chỗ dựa vững chắc của nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp.

4. Xây dựng các cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh và từng bước hiện đại, góp phần xây dựng, bảo vệ Đảng và Nhà nước.

Trên tinh thần những quan điểm chỉ đạo cơ bản đó, cần xác định bước đi và phương thức thực hiện cải cách tư pháp cho thích hợp. *Trước hết*, cải cách tư pháp phải được tiến hành tổng thể trong cải cách bộ máy nhà nước, trong sự liên hệ mật thiết với cải cách hành chính. Quá trình cải cách đó không thể tách rời việc đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. *Thứ hai*, cải cách tư pháp phải hướng tới việc thực hiện đầy đủ các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động tư pháp như : mỗi cơ quan thực hiện từng khâu của tiến trình tố tụng phải chịu trách nhiệm độc lập về kết luận của mình ; bảo đảm tính khách quan của việc xét xử hai cấp ; thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật khi xét xử ; mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật ; quyền bào chữa của bị can, bị cáo được bảo đảm ; nhân dân tham gia, kiểm tra và giám sát hoạt động tư pháp... *Thứ ba*, cải cách tư pháp là một nhiệm vụ bao quát nhiều lĩnh vực trên một phạm vi khá rộng. Thực hiện nhiệm vụ này phải tiến hành từng bước, nhanh chóng nhưng phải thận trọng và hiệu quả, cần lựa chọn những vấn đề cấp bách để triển khai trước. Không thể quan niệm rằng, cải cách

tư pháp chỉ cần điều chỉnh một đôi chỗ về thiết chế và thể chế là đủ. Chúng ta phải nghiên cứu, tiến hành cuộc cải cách này theo tinh thần mới, tinh thần tự phê phán. Cần thấy rõ những mặt được, chưa được, những bất cập của hệ thống tư pháp hiện nay để cuộc cải cách đi đúng hướng và có trọng tâm, trọng điểm. *Thứ tư*, trong việc tham khảo kinh nghiệm nước ngoài, cần khách quan, thận trọng bám sát thực tế nước ta.

Nói cải cách tư pháp là nói cải cách tổ chức và phương thức hoạt động của các cơ quan tư pháp bao gồm tòa án, viện kiểm sát, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án, các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp như công chứng, giám định tư pháp, hộ tịch, quốc tịch, lý lịch tư pháp, luật sư, tư vấn pháp luật...

Về phương pháp tiến hành, cần *chọn cải cách tòa án là khâu đột phá* trong cải cách tư pháp, bởi vì trong hệ thống các cơ quan tư pháp, tòa án có vai trò đặc biệt quan trọng. Phán quyết của tòa án thể hiện kết quả cuối cùng của tiến trình tố tụng : tuyên bố một công dân có tội hoặc không có tội, đúng hoặc sai. Vì lẽ đó, tòa án là nơi thể hiện sâu sắc nhất bản chất của nhà nước và nền công lý nước ta ; đồng thời thể hiện chất lượng hoạt động và uy tín của hệ thống tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Sứ mạng của tòa án được thể hiện ở chỗ nó là công cụ để bảo vệ công lý và sự công bằng xã hội. Cải cách tòa án là tạo ra các điều kiện và các phương tiện tố tụng tối ưu để giải quyết các vụ án đúng pháp luật, kịp thời và nghiêm minh. Vì vậy, cải cách tòa án cần nhằm đạt các mục tiêu sau :

Thứ nhất, tòa án bằng hoạt động của mình phải góp phần vào việc xây dựng từng bước và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực thuộc về nhân dân và bảo đảm các quyền dân chủ của công dân trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội mà Hiến pháp đã ghi nhận. Hoạt động của tòa án phải phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới, giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX.

Thứ hai, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật của xã hội, củng cố và tăng cường kỷ cương, kỷ luật. Một xã hội có kỷ cương, kỷ luật phải được xây dựng trên ý thức tuân thủ pháp luật ngày càng cao của mọi thành viên trong xã hội, giáo dục các thành viên và cộng đồng trong xã hội có thói quen và nếp sống tuân theo Hiến pháp và pháp luật. Tòa án phải cương quyết xử lý nghiêm minh, tuyên phạt công khai và minh bạch các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần tạo dựng một trật tự pháp lý, tạo lập một môi trường sống lành mạnh, an toàn, kiểm soát và giải quyết tốt các mối quan hệ trong hành lang pháp luật.

Thứ ba, thông qua thực tiễn xét xử, tiến hành tổng kết, phát hiện và kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật của Nhà nước.

Thứ tư, xây dựng một hệ thống tòa án gần dân, thuận lợi cho dân; đồng thời phải tiết kiệm cho ngân sách nhà nước.

Về đổi mới tổ chức và hoạt động của tòa án, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã chỉ rõ là phải sắp xếp lại hệ thống tòa án nhân dân, phân định hợp lý thẩm quyền của tòa án nhân dân các cấp. Tăng cường đội ngũ thẩm phán và hội thẩm nhân dân cả về

số lượng và chất lượng. Đây là nhiệm vụ vừa có tính cấp bách, vừa có tính lâu dài. Quốc hội khóa X trong kỳ họp thứ 11 sẽ thể chế hóa những vấn đề này trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi). Còn về lâu dài, cần tiếp tục nghiên cứu phân định lại thẩm quyền cho tòa án nhân dân theo hướng tăng thẩm quyền cho tòa án nhân dân cấp huyện trên cơ sở bảo đảm tổ chức tòa án theo nguyên tắc hai cấp xét xử. Thực hiện đổi mới Tòa án nhân dân tối cao để tập trung làm tốt nhiệm vụ giám đốc thẩm, tổng kết thực tiễn xét xử, hướng dẫn tòa án áp dụng pháp luật thống nhất và quản lý tòa án địa phương về tổ chức. Nghiên cứu để quy định và thực hiện các thủ tục tố tụng đa dạng nhưng thống nhất trong tố tụng hình sự. Riêng về Tòa Hành chính, cần nghiên cứu để mở rộng thẩm quyền cho tòa án trong việc giải quyết các khiếu kiện hành chính. Làm thế nào để mọi người dân đều thấy rằng, cuộc sống bình yên của họ, tính mạng, tài sản của họ, danh dự và nhân phẩm của họ luôn luôn được đặt dưới sự bảo vệ đáng tin cậy của pháp luật.

Đội ngũ thẩm phán theo đánh giá chung hiện nay vẫn còn thiếu và yếu. Rồi đây, các quan hệ kinh tế, dân sự, lao động... ngày càng đa dạng, phức tạp, nhất là những quan hệ có liên quan đến yếu tố nước ngoài. Việc giải quyết các tranh chấp phát sinh từ những quan hệ đó đòi hỏi thẩm phán phải có trình độ chính trị, chuyên môn và nghiệp vụ cao. Do vậy, ngay từ bây giờ phải chăm lo xây dựng đội ngũ thẩm phán ngày càng vững về chính trị, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình mới. Về đạo đức của cán bộ tòa án, nhân dân vẫn còn phàn nàn, nghi ngại về phẩm chất đạo đức của một số

cán bộ tư pháp, trong đó có các thẩm phán. Do vậy, cần kiên quyết hơn nữa trong việc rà soát lại đội ngũ thẩm phán, đấu tranh và xử lý kiên quyết với những hành vi phạm pháp của thẩm phán, làm cho đội ngũ cán bộ tòa án ngày càng trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là chỗ dựa tin cậy của nhân dân.

Đội ngũ Hội thẩm nhân dân là một lực lượng đông đảo đại diện của nhân dân tham gia xét xử. Hiện nay trong cả nước đã bầu được hơn 11 000 Hội thẩm nhân dân. Các cơ quan, đoàn thể như : Hội đồng nhân dân, Tòa án, Mặt trận Tổ quốc cần có những biện pháp thiết thực bồi dưỡng nghiệp vụ cho Hội thẩm nhân dân để họ tham gia có hiệu quả hơn vào công tác xét xử, tránh hình thức khi tham gia vào phiên tòa, gây tâm lý không bình thường cho bị cáo, các đương sự và công chúng. Một nền tư pháp nhân dân không thể thiếu đại diện của nhân dân tham gia xét xử, nhưng cũng không thể chấp nhận sự tham gia mang tính hình thức của những người đại diện đó. Vì vậy, chất lượng Hội thẩm nhân dân cần được quan tâm đúng mức hơn từ khâu giới thiệu người để bầu, đến khâu huấn luyện, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý đội ngũ Hội thẩm nhân dân. Đây là một trong những việc cần làm và làm càng sớm càng tốt.

Trong hệ thống tư pháp hình sự, điều tra và công tố luôn là mắt xích quan trọng, phục vụ đắc lực cho mục đích phát hiện chính xác, kịp thời, xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Luật pháp nước ta quy định mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa các khâu phát hiện tội phạm, điều tra và luận tội (công tố) nhằm

mục đích truy tố chính xác tội phạm và người phạm tội ra trước tòa án để tòa án xét xử.

Những thay đổi cơ bản trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước thời gian qua đặt ra trước cơ quan đảm nhiệm nhiệm vụ điều tra, công tố yêu cầu rất cao. Đó là, các cơ quan này, một mặt phải đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, nhưng mặt khác, không để xảy ra oan sai, làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân với bất cứ lý do gì. Ở đây không thể lấy mục đích biện hộ cho hành vi bất hợp pháp, lấy chỉ số các vụ án, các can phạm bị truy tố xét xử để biện hộ cho việc vi phạm các nguyên tắc của nền tư pháp xã hội chủ nghĩa ; bởi vì, điều đó chỉ làm giảm sút uy tín của cơ quan tư pháp và giảm lòng tin của nhân dân đối với pháp luật.

Trong tình hình hiện nay, cải cách các hoạt động điều tra, công tố ở nước ta cần đi theo hướng :

Một là, xác định tổ chức và hoạt động của cơ quan điều tra theo nguyên tắc gọn đầu mối, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất ; mỗi đơn vị, bộ phận cần được tổ chức chuyên sâu và quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm của từng chức danh ; kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động điều tra và trình sát. Có phương án đổi mới tổ chức, hoạt động của các cơ quan điều tra trong quân đội phù hợp với đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan điều tra của Nhà nước.

Hai là, bảo đảm cho Viện kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Thực chất là, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp theo tinh thần Hiến pháp năm 1992 vừa được sửa đổi. Những

khái niệm có tính chất nền tảng trong tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân như thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử, kiểm sát thi hành án... cần được làm rõ để tránh những vướng mắc không đáng có trong thực tiễn tư pháp. Tổ chức cơ quan điều tra tại Viện kiểm sát nhân dân tối cao để điều tra một số tội phạm hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp.

Ba là, kiện toàn một bước đội ngũ cán bộ điều tra và kiểm sát, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cho họ, làm cho pháp luật được thực thi thống nhất và nghiêm minh. Hết sức tránh hiện tượng hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế do sai lầm chủ quan của cán bộ tư pháp khi giải quyết các vụ việc phát sinh từ các giao dịch dân sự, kinh tế. Cán bộ điều tra, kiểm sát cũng như các cán bộ của các cơ quan bảo vệ pháp luật khác cần luôn luôn nhận thức rằng nhiệm vụ của mình không chỉ là đấu tranh trấn áp tội phạm, mà còn thúc đẩy, tạo điều kiện cho các giao dịch, các quan hệ kinh tế, dân sự, thương mại... phát triển bình thường và đúng pháp luật.

Thi hành án là một vấn đề phức tạp hiện nay. Do những điều kiện lịch sử nhất định, công tác thi hành án của nước ta chưa tập trung vào một đầu mối mà còn phân tán giữa thi hành án hình sự với thi hành án dân sự và các loại án khác. Tới đây, trước mắt cần giải quyết vấn đề án tồn đọng, đồng thời tiếp tục nghiên cứu đưa ra một mô hình quản lý thống nhất công tác thi hành án. Trong tác nghiệp thi hành án, cần kết hợp giữa hoạt động có tính chất chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan thi hành án với việc từng bước xã hội hóa một số công

việc trong thi hành án, nhất là thi hành án dân sự, giảm tải cho Nhà nước một số công việc mà lẽ ra lâu nay người dân phải làm và có thể làm được mà không cần đến sự can thiệp của cơ quan chính quyền. Đối với các vụ án hình sự có liên quan đến kinh tế (tài sản, tài chính), các vụ án hình sự khác có hình phạt bổ sung về tiền và tài sản các cơ quan tiến hành tố tụng cần chú trọng áp dụng đầy đủ các chế tài về kiểm kê, kiểm soát theo quy định của pháp luật ngay từ khi vụ án được khởi tố điều tra cho đến khi tuyên án. Có như vậy mới bảo đảm cho mọi bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh và đầy đủ.

Công chứng, luật sư và giám định tư pháp là những lĩnh vực hoạt động nhằm mục đích hỗ trợ đắc lực cho hệ thống tư pháp. Về phương diện nhà nước, hoạt động công chứng, luật sư và giám định tư pháp sẽ góp phần quan trọng làm cho các hoạt động của hệ thống tư pháp được khách quan, nhanh chóng và đúng pháp luật (đặc biệt là đối với hệ thống xét xử). Xét trên phương diện quyền công dân, hoạt động công chứng, luật sư và giám định tư pháp góp phần bảo vệ một cách hữu hiệu các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân thông qua tư vấn pháp luật, bào chữa ; hoặc đại diện trước tòa án hay trọng tài kinh tế để bênh vực quyền, lợi ích hợp pháp của công dân và tổ chức, cũng như tạo lập và cung cấp những chứng cứ không thể phản bác, bảo đảm an toàn cho công dân trong các quan hệ mà họ tham gia, đặc biệt là các quan hệ tài sản và kinh doanh. Ở Việt Nam, công chứng, luật sư và giám định tư pháp là các lĩnh vực hoạt động mới được phát triển mạnh trong thời gian gần đây. Tuy chưa

đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, song đã thể hiện tầm quan trọng đối với hệ thống tư pháp nói riêng và hoạt động quản lý nhà nước nói chung. Hoạt động công chứng trong thời gian tới cần theo hướng thuận tiện, nhanh chóng, chính xác. Các tổ chức luật sư cần được sớm kiện toàn theo Pháp lệnh luật sư năm 2001, làm thế nào để từ nay đến năm 2005, chúng ta có một đội ngũ luật sư đông về số lượng và giỏi về nghiệp vụ, ngang tầm với những yêu cầu của thời cuộc hiện nay. Các tổ chức giám định tư pháp cũng cần được tiếp tục hoàn thiện. Cần thành lập cơ quan giám định pháp y quốc gia và xây dựng một văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao về giám định tư pháp. Có thể khẳng định rằng, cải cách các cơ quan, tổ chức bổ trợ tư pháp là một bộ phận không thể tách rời của cải cách hệ thống tư pháp Việt Nam. Bộ Tư pháp là cơ quan giúp cho Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước đối với lĩnh vực nói trên cần đẩy mạnh hơn nữa đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức bổ trợ tư pháp, làm cho mỗi cơ quan, tổ chức này có được vị trí đích thực của mình trong hoạt động tư pháp, phục vụ cho mục tiêu chung của toàn bộ hệ thống tư pháp.

Thực tế đã và đang đòi hỏi phải thành lập lực lượng *cảnh sát tư pháp* để chuyên làm nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, dẫn giải bị can, bị cáo, bảo vệ trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, hỗ trợ trong công tác thi hành án và thực hiện một số nhiệm vụ khác, góp phần hiệu quả hơn nữa vào các hoạt động tư pháp. Việc triển khai tổ chức và hoạt động của lực lượng cảnh sát tư pháp trong điều kiện Việt Nam cần được nghiên cứu kỹ lưỡng trước khi tiến hành.

Một vấn đề có ý nghĩa rất lớn là tăng cường cơ sở vật chất và các phương tiện kỹ thuật hiện đại cho các cơ quan tư pháp để các cơ quan này đủ khả năng đấu tranh chống tội phạm. Ngân sách nhà nước hàng năm cần dành một khoản thích đáng để đầu tư cơ sở vật chất, trụ sở, phương tiện và các trang bị kỹ thuật hiện đại cho các cơ quan tư pháp.

Tiếp tục sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật về tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp cũng như các thủ tục tố tụng để tạo cơ sở pháp lý cần thiết cho hoạt động của các cơ quan này. Những quy định của pháp luật tố tụng tuy chỉ là những quy định về thủ tục và cách thức giải quyết các vụ án, nhưng chúng lại thể hiện rất rõ bản chất giai cấp của nền tư pháp. Một nền tư pháp dân chủ, mang đậm tính nhân dân sẽ không chấp nhận những thủ tục tư pháp rườm rà, nhiều tầng nấc, quan liêu và bất lợi cho các bên tham gia tố tụng. Các thủ tục này phụ thuộc nhiều vào mô hình tổ chức các cơ quan tư pháp. Mô hình tư pháp được tổ chức theo cách thức dân chủ như thế nào thì các thủ tục tố tụng sẽ bảo đảm dân chủ đến chừng ấy. Trong thời gian trước mắt, cần sớm sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự theo hướng bảo đảm để các thủ tục tố tụng dân chủ hơn, chặt chẽ hơn và hiệu quả hơn. Cần tăng cường vai trò của luật sư trong tố tụng hình sự để bảo đảm tranh tụng dân chủ trước phiên tòa. Bộ luật Tố tụng dân sự cũng cần sớm được ban hành để đáp ứng kịp thời việc giải quyết các tranh chấp dân sự, kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc xác định phạm vi và đối tượng điều chỉnh của

(Xem tiếp trang 15)

TIẾP TỤC SẮP XẾP, ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

TRƯƠNG TẤN SANG *

ĐỔI MỚI và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước (DNNN) luôn là mối quan tâm lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Trong hơn 10 năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp tích cực nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN; đã vừa triển khai vừa tìm tòi, rút kinh nghiệm, có sự đổi mới đúng hướng, với bước đi thích hợp.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã có Nghị quyết 05-NQ/TW “Về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”. Đây là lần đầu tiên Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra một Nghị quyết toàn diện về DNNN, tạo điều kiện thuận lợi để DNNN nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, góp phần quan trọng vào quá trình đẩy nhanh tốc độ phát triển, tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế, đáp ứng tốt các yêu cầu của quá trình hội nhập khu vực và thế giới, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Từ tổng kết thực tiễn, Hội nghị Trung ương đã nhận định: *Trong bối cảnh thế giới diễn biến phức tạp và nền kinh tế còn nhiều khó khăn gay gắt, doanh nghiệp nhà nước đã vượt qua nhiều thử thách, đứng vững và không ngừng phát triển, góp phần quan trọng vào thành tựu to lớn của sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước; đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa.* (**) Hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật đã được tạo dựng, những chuyển biến tích cực và vai trò hết sức quan trọng của DNNN đối với sự phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị, xã hội của đất nước, cần được thống nhất khẳng định và là một nguồn nội lực to lớn của đất nước ta.

Đạt được những kết quả đó, như Hội nghị Trung ương nhận định, là nhờ có

* Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Kinh tế Trung ương

(**) Những chữ in nghiêng là trích Nghị quyết 05-NQ/TW (24-9-2001)

đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng và Nhà nước ; sự chỉ đạo thực hiện kiên trì của Chính phủ và các cấp, các ngành ; sự cố gắng phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách để vươn lên của các doanh nghiệp nhà nước, của đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động trong cơ chế mới.

Đồng thời, Hội nghị Trung ương cũng chỉ rõ những mặt hạn chế, yếu kém, có mặt rất nghiêm trọng của DNNN, và doanh nghiệp nhà nước đang đứng trước thách thức gay gắt của yêu cầu đổi mới, phát triển và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Hiệu quả và sức cạnh tranh của DNNN vẫn còn thấp, chưa tương xứng với điều kiện và lợi thế có được, ảnh hưởng đến hiệu quả chung của toàn bộ nền kinh tế và vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Những khó khăn, cản trở sự phát triển của DNNN cần được tập trung tháo gỡ trong một thời gian nhất định, tạo điều kiện để DNNN có thể phát triển mạnh trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, định hướng XHCN là :

1 - Về cơ cấu kinh tế, DNNN chưa thực sự được cơ cấu lại, tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng, vẫn còn dàn trải trong hầu hết các ngành và lĩnh vực, với các loại quy mô từ rất nhỏ đến quy mô lớn ; nhiều DNNN yếu kém, thua lỗ triền miên, mất hết vốn vẫn chưa được xử lý. Do vậy, vốn đầu tư của Nhà nước cho khu vực DNNN vừa ít lại vừa bị phân tán, nên kém hiệu quả, hạn chế tác dụng của DNNN.

2 - Về lực lượng sản xuất của DNNN, đã kéo dài quá lâu tình trạng thiếu vốn nghiêm trọng và nợ nần khó trả rất nặng nề

ngày càng tăng ; số lao động dư thừa nhiều, biên chế còn cao hơn nhiều so với nhu cầu, lại thiếu lao động trẻ, có trình độ kỹ thuật tương ứng với những công nghệ mới ; phần lớn công nghệ quá cũ kỹ, lạc hậu, chậm được đổi mới. Đây là ba gánh nặng lớn nhất đối với DNNN, nhưng các chính sách hiện hành chưa đủ hữu hiệu để giải quyết ; nếu không sớm khắc phục thì DNNN không thể nâng được hiệu quả và sức cạnh tranh, kể cả ở thị trường trong và ngoài nước, trong khi lộ trình giảm thuế theo các cam kết với Khu vực Thương mại tự do AFTA, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đã rất gần.

3 - Về cơ chế, chính sách đối với DNNN, qua hơn 10 năm đổi mới tuy đã có nhiều tiến bộ, nhưng vẫn chưa thoát khỏi cơ chế cũ và chưa định hình được cơ chế mới ; vẫn xen lẫn vừa theo mệnh lệnh hành chính vừa theo cơ chế thị trường, vừa bao cấp vừa kinh doanh. Chính sách và luật pháp thường thay đổi luôn, lại thiếu nhất quán, làm môi trường kinh doanh không ổn định ; còn nhiều quy định không đồng bộ, chồng chéo, gây ách tắc, khó khăn cho doanh nghiệp. Phương thức thực hiện và chính sách thuế còn nhiều bất hợp lý, không ổn định, nhiều trường hợp trở thành những "xin - cho" cụ thể đối với từng doanh nghiệp.

4 - Về cơ chế vận hành, DNNN vẫn chưa thực sự hạch toán kinh doanh trong cơ chế thị trường ; còn bị nhiều trói buộc, kiểm tra, kiểm soát chồng chéo, chưa thực sự được tự chủ trong kinh doanh theo một cơ chế chung cho doanh nghiệp như mọi thành phần kinh tế, dẫn đến hạn chế sức cạnh tranh và sự đối phó nặng nề, kéo dài giữa các DNNN với các cơ quan quản lý

nhà nước ; cơ chế, chính sách về tiền lương, phân phối lợi nhuận để lại DNNN chưa thực sự tạo được động lực với cả công nhân và người quản lý. Với cơ chế vận hành như vậy, nếu không được tháo gỡ kịp thời một cách dứt khoát, đồng bộ và nhất quán thì DNNN khó có thể hoạt động bình thường và có sức cạnh tranh cao.

Từ thực tiễn, chúng ta ngày càng nhận thức đầy đủ và sáng rõ hơn về vai trò của DNNN. Hội nghị Trung ương đã khẳng định rõ về quan điểm : *Kinh tế nhà nước có vai trò quyết định trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Doanh nghiệp nhà nước (gồm doanh nghiệp nhà nước giữ 100% vốn và doanh nghiệp nhà nước giữ cổ phần chi phối) phải không ngừng được đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả, giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế, làm công cụ vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô, làm lực lượng nòng cốt, góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, là chủ lực trong hội nhập kinh tế quốc tế.* Đây là vấn đề có tính nguyên tắc, có ý nghĩa chi phối cả định hướng phát triển và cơ chế, chính sách đối với DNNN, phải phát huy nguồn lực của cả nhân dân và Nhà nước để đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của cả hệ thống DNNN, tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết 05-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 3, khóa IX, những vấn đề lớn cần tập trung giải quyết đến 2005 là :

1 - Hoàn thành cơ bản việc sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước hiện có ; đồng thời đầu tư phát triển

và thành lập mới doanh nghiệp nhà nước cần thiết và có đủ điều kiện.

Phải kiên quyết điều chỉnh cơ cấu để tập trung vào *những ngành, lĩnh vực then chốt, và địa bàn quan trọng*, khắc phục sự phân tán, dàn trải lực lượng như hiện nay. *Doanh nghiệp nhà nước phải chiếm thị phần đủ lớn đối với các sản phẩm và dịch vụ chủ yếu ; không nhất thiết phải giữ tỷ trọng lớn trong tất cả các ngành, lĩnh vực, sản phẩm của nền kinh tế.* Trong những ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng đó, *đại bộ phận doanh nghiệp nhà nước phải có quy mô vừa và lớn, công nghệ tiên tiến ; một bộ phận cần thiết có quy mô nhỏ để kinh doanh những sản phẩm, dịch vụ thiết yếu, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa ; một bộ phận giữ vốn nhà nước 100%, bộ phận còn lại phần lớn có cổ phần nhà nước chi phối.* Phải làm cho DNNN trong các ngành và lĩnh vực này nhanh chóng mạnh lên, thực sự có hiệu quả, làm đòn bẩy đẩy nhanh sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

Cổ phần hóa những doanh nghiệp nhà nước mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn, không phụ thuộc vào thực trạng kết quả sản xuất, kinh doanh, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX và Nghị quyết Trung ương 3, khóa IX là khâu quan trọng để tạo chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước ; trong đó, vấn đề cốt lõi là tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, có đông đảo người lao động tham gia, thu hút thêm vốn để hoạt động, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động, có hiệu quả, có cơ chế phân phối hợp lý, phát huy vai trò làm chủ của người lao động, của cổ đông và sự giám sát của xã hội. Số tiền thu

được từ bán cổ phần dùng để thực hiện chính sách đối với người lao động và để Nhà nước tái đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Đối với doanh nghiệp quy mô nhỏ có vốn nhà nước dưới 5 tỉ đồng, Nhà nước không cần nắm giữ và không cổ phần hóa được, cần sớm thực hiện việc giao, bán hoặc khoán kinh doanh, cho thuê, khuyến khích chuyển thành công ty cổ phần của người lao động, làm cho các doanh nghiệp này có khả năng sống động trong cơ chế thị trường, tiếp tục duy trì, giữ vững công ăn, việc làm cho công nhân của doanh nghiệp và tạo thêm việc làm mới cho xã hội. Đối với những DNNN hoạt động không có hiệu quả mà không thực hiện được các hình thức trên, tùy tình hình cụ thể tiến hành sáp nhập, giải thể hoặc phá sản.

Việc thành lập mới doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh chủ yếu sẽ thực hiện dưới hình thức công ty cổ phần (trừ những ngành và lĩnh vực mà Nhà nước cần giữ độc quyền, hoặc các thành phần kinh tế khác không muốn hay không có khả năng tham gia).

2 - Để tăng sức cạnh tranh của DNNN, trong vài ba năm tới cần thực hiện những giải pháp đồng bộ và kiên quyết làm lành mạnh hóa tài chính doanh nghiệp, giải quyết nợ nần không có khả năng thanh toán, lao động dôi dư và có giải pháp ngăn chặn các tình trạng trên tái phát.

Giải quyết dứt điểm các khoản nợ không có khả năng thanh toán được của doanh nghiệp đối với ngân sách nhà nước và ngân hàng. Trong đó có biện pháp thành lập công ty mua bán nợ ; có thể chuyển nợ còn khả năng thu hồi qua phát triển sản xuất, kinh doanh thành vốn góp cổ phần,

trước hết đối với những DNNN có quy mô lớn trong các ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng. Nhà nước có cơ chế để trong 5 năm 2001 - 2005 cơ bản tạo đủ vốn điều lệ cho doanh nghiệp.

Đối với số lao động dôi dư, cần có kế hoạch khẩn trương, chủ động và có cơ chế, chính sách phù hợp để trong vài ba năm, về cơ bản có thể chuyển số lao động này ra khỏi doanh nghiệp, sau đó tiếp tục giải quyết dần số dôi dư còn lại.

Đồng thời, đối với số doanh nghiệp mà Nhà nước có 100% vốn hoặc có cổ phần chi phối, cần có chương trình và cơ chế, chính sách phù hợp để đổi mới, hiện đại hóa công nghệ sản xuất và quản lý, nâng cao trình độ của công nhân và trình độ đội ngũ cán bộ quản lý tại doanh nghiệp, coi đây là vấn đề sống còn để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tăng sức cạnh tranh của DNNN.

3 - Thực hiện chế độ công ty đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước (công ty trách nhiệm hữu hạn một chủ sở hữu là Nhà nước và công ty cổ phần có vốn nhà nước nếu thuộc diện cổ phần hóa) ; đảm bảo quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh của DNNN.

Theo chế độ công ty : Nhà nước sẽ không giao vốn mà chuyển sang phương thức đầu tư vốn cho doanh nghiệp thông qua Công ty đầu tư tài chính nhà nước (làm thí điểm) ; đồng thời, doanh nghiệp tự bổ sung vốn thông qua thị trường vốn. Vốn và tài sản của DNNN được tính đúng với giá trị thực, Nhà nước chỉ quản lý giá trị đồng vốn đầu tư vào DNNN, không còn quản lý bằng hiện vật (trừ một số lĩnh vực Nhà nước phải nắm cả hiện vật để điều tiết vĩ mô như kinh doanh tiền tệ, xăng dầu,

lương thực...) ; công ty nhà nước là một pháp nhân kinh tế đầy đủ, có tài sản riêng, vốn riêng, có quyền tự chủ trong kinh doanh như doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác. Hội đồng quản trị công ty của Công ty đầu tư tài chính nhà nước và của các tổng công ty là đại diện chủ sở hữu trực tiếp vốn của Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trực tiếp, đầy đủ trong việc sử dụng cả các nguồn vốn khác tại doanh nghiệp trước pháp luật, có quyền định đoạt trong kinh doanh theo các quy định của *Luật về sử dụng vốn nhà nước trong kinh doanh* (nghiên cứu ban hành) và *Luật Doanh nghiệp*.

Bằng các quy định về cơ chế, chính sách, phải bảo đảm cho DNNN được tự chủ gắn liền với trách nhiệm trong tiếp cận và thu hút các nguồn vốn, xử lý các tài sản dư thừa, vật tư, hàng hóa ứ đọng ; phân phối và trích lập các quỹ từ lợi nhuận để lại ; tăng thêm quyền quyết định đầu tư trên cơ sở chiến lược, quy hoạch phát triển được phê duyệt ; cũng như trong tuyển chọn, sử dụng lao động, lựa chọn và bố trí cán bộ. Có chính sách tiền lương, tiền thưởng đủ sức khuyến khích, kèm theo có chế tài (thưởng, phạt) để tạo động lực mạnh đối với cả cán bộ hội đồng quản trị, cán bộ quản trị kinh doanh và người lao động trong các DNNN.

Đồng thời, cần *đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và của cơ quan chủ sở hữu đối với* doanh nghiệp nhà nước. Kiên quyết chấm dứt tình trạng cơ quan hành chính nhà nước can thiệp trực tiếp, cụ thể vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

4 - Đối với lĩnh vực hoạt động công ích, cần sắp xếp lại các tổ chức kinh tế hoạt

động công ích hiện nay ; đề ra cơ chế kiểm soát chặt chẽ việc thành lập và việc chuyển DNNN từ hoạt động kinh doanh sang tổ chức kinh tế hoạt động công ích.

Chấn chỉnh cơ chế giao nhiệm vụ và cơ chế tài chính đối với DNNN hoạt động công ích theo hướng chuyển sang *cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích* với những tiêu chuẩn và chính sách rõ ràng. Đối với một số hoạt động công ích, từng bước chuyển dần từ cơ chế Nhà nước là người duy nhất bao tiêu toàn bộ dịch vụ, sản phẩm của các tổ chức công ích sang cơ chế người trực tiếp sử dụng, trực tiếp hưởng dịch vụ, tiện ích công cộng phải trả chi phí một phần hoặc toàn bộ cho tổ chức kinh tế hoạt động công ích.

Các tổ chức kinh tế hoạt động công ích của Nhà nước làm nòng cốt, đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế khác tham gia hoạt động công ích (trừ lĩnh vực quốc phòng - an ninh và lĩnh vực độc quyền nhà nước).

5 - Khẩn trương củng cố, tập trung sức phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổng công ty để làm nòng cốt trong các ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng. Thí điểm, rút kinh nghiệm để nhân rộng việc thực hiện chuyển các tổng công ty sang hoạt động theo mô hình "công ty mẹ - công ty con", trong đó tổng công ty đầu tư vốn vào các doanh nghiệp thành viên. Sắp xếp lại một bước với những tổng công ty vốn quá nhỏ cần sáp nhập một cách hợp lý vào các tổng công ty khác. Trong vài ba năm tới, *hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh trên cơ sở các tổng công ty nhà nước, có sự tham gia của các thành phần kinh tế, có vị trí xứng đáng*

trong khu vực ASEAN (trước hết là lựa chọn trong các lĩnh vực dầu khí, viễn thông, điện lực, xây dựng...).

6 - Tăng cường và đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng tại DNNN, phù hợp với yêu cầu các DNNN phải thực sự cạnh tranh, nhanh nhạy trên thị trường và hội đồng quản trị thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp. Sớm xác định mô hình tổ chức đảng phù hợp với từng loại hình tổng công ty.

Việc tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả khu vực DNNN sắp tới tuy có một số thuận lợi, nhưng cũng đứng trước những thách thức rất lớn : đổi mới ngày càng đi vào chiều sâu, những khó khăn, tồn đọng từ nhiều năm của DNNN dồn tích lại cũng như những phát sinh và yêu cầu mới của hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi phải giải quyết có phần phức tạp và gay gắt hơn trước rất nhiều ; là một thử thách lớn đối với chúng ta. Trên cơ sở chủ trương, chính sách lần này được Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX xác định, các cấp, các ngành cần quán triệt sâu sắc, nhanh chóng thể chế hóa, tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ. Trong quá trình thực hiện, luôn coi trọng tổ chức thí điểm những vấn đề mới, kịp thời nhân rộng khi cuộc sống chấp nhận, tổng kết thực tiễn để bổ sung, sửa đổi kịp thời cơ chế, chính sách, luật pháp cần thiết, đảm bảo giữ vững mục tiêu đổi mới và phát triển có hiệu quả DNNN, làm cho khu vực DNNN ngày càng mạnh hơn, góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. □

ĐẨY NHANH CẢI CÁCH...

(Tiếp theo trang 9)

Bộ luật Tố tụng dân sự cần phải dựa vào những kết quả nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn thi hành Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự 1989 và Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế, hành chính ; Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động.

Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến các thủ tục tố tụng như Luật Thi hành án, Pháp lệnh về giám định tư pháp... cũng cần sớm được ban hành để tạo được sự đồng bộ và thống nhất của pháp luật tố tụng, bảo đảm việc giải quyết các vụ án một cách kịp thời, công minh và đúng pháp luật.

Toàn bộ tiến trình thực hiện cải cách tư pháp không thể tách rời sự lãnh đạo của Đảng. Nghị quyết 08-NQ/TU của Bộ Chính trị đã xác định : “Đảng lãnh đạo các cơ quan tư pháp chặt chẽ về chính trị, tổ chức và cán bộ, bảo đảm cho hoạt động tư pháp thực hiện đúng quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tiếp tục hoàn thiện nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp, khắc phục tình trạng cấp ủy buông lỏng lãnh đạo hoặc cấp ủy viên can thiệp không đúng vào hoạt động tư pháp”.

Việc thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TU của Bộ Chính trị không thể có kết quả nếu thiếu sự phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa các cơ quan tư pháp. Sự phối hợp đó là một trong những điều kiện quan trọng, bảo đảm cho Nghị quyết đi vào thực tiễn sống động của hoạt động tư pháp hiện nay. □

LÊ DUẨN -

nhà chiến lược của cách mạng nước ta

HOÀNG TÙNG

Lê Duẩn xuất thân từ một gia đình nhà nho tại thôn Bích La, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Học xong bậc tiểu học, ông vào làm viên chức Sở xe lửa ở nhà ga Đà Nẵng. Năm 1927, ở Đà Nẵng đã xuất hiện tổ chức đầu tiên của Hội thanh niên cách mạng đồng chí. Lê Duẩn tham gia tổ chức này và nhận nhiệm vụ truyền bá tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc trong các nhân viên trên tàu ra Bắc vào Nam. Khi ra Bắc, gặp lúc Đông Dương cộng sản Đảng ra đời, ông tình nguyện gia nhập Đảng rồi chuyển sang hoạt động cách mạng chuyên nghiệp, cùng Trường Chinh (cũng từ Hội thanh niên cách mạng đồng chí gia nhập Đảng) giúp Trịnh Đình Cửu làm công tác tuyên truyền.

Năm 1931, ông bị địch bắt, kết án tù và bị đày đi các nhà tù Sơn La, Côn Đảo. Năm 1936, được trả tự do, Lê Duẩn cùng Nguyễn Chí Diểu, Phan Đăng Lưu khôi phục tổ chức đảng ở Trung Kỳ, là ủy viên Thường vụ, sau đó thay Nguyễn Chí Diểu làm Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng do Hà Huy Tập đứng đầu, Xứ ủy Trung Kỳ kết hợp hoạt động bí mật với

hoạt động công khai, phát triển hệ thống tổ chức đảng và các đoàn thể cách mạng, tranh thủ các lực lượng yêu nước và dân chủ, mở rộng hoạt động hợp pháp ở Huế và các tỉnh.

Năm 1938, Lê Duẩn được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương do Nguyễn Văn Cừ đứng đầu và cùng với Phan Đăng Lưu là Ủy viên Thường vụ. Lúc đó, ở nước Pháp nói riêng, ở châu Âu nói chung, tình hình đang thay đổi phức tạp, chủ nghĩa phát xít Đức đang ráo riết chuẩn bị chiến tranh, nền chính trị nước Pháp đang nghiêng sang phía hữu. Ở châu Á, chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản mở rộng chiến tranh ở Trung Quốc và cùng với Đức, I-ta-li-a thành lập một liên minh quân sự. Việt Nam và Đông Dương đang đứng trước nguy cơ bị lôi kéo vào một cuộc chiến tranh đẫm máu.

Đứng trước tình hình nguy hiểm đó, Đảng ta đã nhanh chóng củng cố các lực lượng bí mật, đồng thời kêu gọi những người cầm quyền nước Pháp dựa vào nhân dân bản xứ, tổ chức công cuộc phòng thủ Đông Dương, sẵn sàng đối phó với phát xít Nhật. Vào thời điểm đó, giới cầm quyền ở Pháp, với bản chất

phản động của họ, thà đầu hàng phát xít Nhật chứ không chịu hợp tác với nhân dân Đông Dương. Để tập hợp nhân dân trong nước, Đảng ta chủ trương tạm gác lại vấn đề ruộng đất, thành lập Mặt trận phản đế để tập trung lực lượng vào nhiệm vụ chống đế quốc Pháp, Nhật.

Mùa hè năm 1940, đồng chí Lê Duẩn bị địch bắt, kết án tù lần thứ hai và bị đày đi Côn Đảo cho đến sau thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thì được Chính phủ cách mạng đón về đất liền cùng các đồng chí khác. Trở về với đồng chí, đồng bào trong khí thế sôi sục của phong trào cách mạng, đồng chí được bầu làm Ủy viên Thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ và sau đó là Bí thư Xứ ủy, đứng đầu cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ. Tại Đại hội lần thứ II của Đảng năm 1951, đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ra Việt Bắc làm nhiệm vụ một thời gian, mùa xuân năm 1954, đồng chí lại được Đảng cử vào Nam Bộ làm Bí thư Trung ương Cục miền Nam và ở lại lãnh đạo cách mạng miền Nam. Đến mùa thu năm 1957, trở ra Hà Nội, nhận nhiệm vụ Quyền Tổng Bí thư và tại Đại hội lần thứ III của Đảng (năm 1960), đồng chí được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương, đến năm 1976, tại Đại hội lần thứ IV của Đảng được bầu làm Tổng Bí thư và đảm đương chức vụ ấy cho đến khi qua đời vào mùa thu năm 1986.

*

* . *

Trên cương vị Tổng Bí thư lâu năm nhất, hoạt động cách mạng ở cả ba miền

Bắc, Trung, Nam lâu dài nhất, thời gian ở tù lâu nhất, đồng chí Lê Duẩn từng trải công tác thực tiễn và hiểu sâu sắc cuộc sống, phong tục, tập quán, phong cách của đồng bào ta ở cả ba miền. Đồng chí có quan hệ rộng với các đồng chí thuộc cả hai thế hệ trong những năm hoạt động bí mật, ở nhà tù, ở các chiến khu và ở miền Bắc giải phóng. Trước khi là lãnh đạo cao nhất của Đảng, đồng chí Lê Duẩn là một người sống và chiến đấu với đồng bào, đồng chí trong mấy chục năm ròng, trải qua mọi thử thách và lại là người hầu như lúc nào cũng suy nghĩ, tìm tòi cái mới và ham mê tranh luận. Đồng chí thường tâm sự : "Tôi là người hay cãi. Khi còn nhỏ, tôi hay hỏi vặn ba tôi những điều ông dạy mà tôi cho là còn có chỗ chưa hợp lý. Tại các cuộc thảo luận ở nhà tù, tôi là người thích tranh luận, nhiều khi đặt lại những luận cứ đã được nhiều người cho là chân lý bất di bất dịch, ...".

Lúc đầu gặp được Bác Hồ, đồng chí Lê Duẩn cũng nêu lên vấn đề quan hệ giữa liên minh công nông và đoàn kết dân tộc - cái nào là nền tảng ? Sau khi ta ký với Pháp Hiệp định sơ bộ (6-3-1946), đồng chí rất tán thành vì nó tạo cơ hội cho cách mạng miền Nam tập hợp lực lượng. Song, đồng chí cũng quả quyết rằng, chiến tranh nhất định sẽ nổ ra trong phạm vi cả nước. Bác Hồ cũng nghĩ như vậy, nhưng nhấn mạnh sự hòa hoãn là cần thiết để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài. Khi vào Nam chỉ đạo kháng chiến, đồng chí Lê Duẩn quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Trung ương, tranh thủ rộng rãi địa chủ, tư sản, các nhà trí thức, thủ lĩnh các

tôn giáo. Đồng chí gần gũi với đồng bào lao động, sống trong các gia đình nông dân, thích nhất khi được các bà má gọi mình là "thằng Ba". Đồng chí gần gũi, thân thiết, tin cậy các nhà trí thức tâm cỡ như : Phạm Văn Bạch (tiên sĩ luật), Trần Công Tường, Phạm Ngọc Thạch (bác sĩ), Phạm Ngọc Thuần (cử nhân luật) và vợ là luật sư Bùi Thị Cẩm. Đồng chí gần gũi cụu đốc phủ Phan Văn Chương, thủ lĩnh đạo Cao Đài là Cao Triều Phát. Muốn thuyết phục Bảy Viễn, đồng chí đi một mình, không mang súng vào sào huyệt Bình Xuyên. Đồng chí cũng ham mê đàm đạo với các nhà tu hành. Đồng chí biết rõ chủ nghĩa yêu nước là một động lực to lớn của cách mạng và tin rằng ai cũng có tinh thần yêu nước. Nhằm cải thiện đời sống của nông dân, đồng chí thuyết phục các địa chủ lớn hiến điền.

Sau khi ta ký Hiệp định Giơ-ne-vơ về lập lại hòa bình ở Việt Nam, đồng chí Lê Duẩn đã nhận định, thắng lợi của ta là rất to lớn, xóa bỏ được ách thống trị mà thực dân Pháp đã áp đặt trên toàn cõi Đông Dương. Song, sau khi Anh, Pháp rút khỏi châu Á, nhất là sau, thắng lợi của cách mạng Trung Quốc (năm 1949), Mỹ ắt nhảy vào lấp chỗ trống. Đồng chí chủ trương chỉ tập kết một phần cán bộ và bộ đội, còn thì chuyển cán bộ từ nơi này sang nơi khác, lập ra các chi bộ, cấp ủy mới, cất giấu vũ khí. Riêng đồng chí thì để râu, cải trang làm nông dân, ngư dân, sống lẫn trong đồng bào lao động. Khi còn phải hoạt động trong hoàn cảnh nguy hiểm, đồng chí vẫn tổ chức được những cuộc đi kiểm tra, chỉ đạo các tỉnh ủy, vào cả Sài Gòn và dự thảo Đề cương

cách mạng giải phóng miền Nam gửi ra Bắc Hồ và Trung ương Đảng.

Ra Hà Nội nhận nhiệm vụ mới, đồng chí Lê Duẩn phải cùng với Bác Hồ, Trường Chinh và các đồng chí lãnh đạo khác xử lý, đối phó với những vấn đề cực kỳ khó khăn ; chỉ đạo công cuộc xây dựng miền Bắc ; tổ chức cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng miền Nam ; tranh thủ sự đồng tình và giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc cùng các nước, các đảng anh em khác trong khi sự bất đồng đã xuất hiện công khai. Nhiều người lo ngại một cuộc chiến tranh mới lại nổ ra. Nước Mỹ sẽ phát động cuộc chiến tranh đó không chỉ chống lại nhân dân Việt Nam mà còn nhằm chống lại sự lớn mạnh của ba dòng thác cách mạng đang dâng cao trên phạm vi toàn thế giới. Họ đã sớm đánh hơi thấy sự chia rẽ giữa các lực lượng cách mạng, chuẩn bị khai thác sự bất hòa đó để lấn tới. Từ chiến tranh đơn phương, Mỹ công khai tuyên bố thể nghiệm cái gọi là "*Chiến tranh đặc biệt*" ở Việt Nam. Từ lâu, nhân dân ta theo đuổi chính sách hòa bình và hữu nghị, tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Giơ-ne-vơ, thực hiện thống nhất đất nước. Không ai có thể gán được cho ta là bên chủ chiến, vì sự can thiệp thô bạo của đế quốc Mỹ đã buộc nhân dân ta một lần nữa phải tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Muốn thắng Mỹ, nhân dân ta phải có căn cứ trung tâm ngày càng vững mạnh. Miền Bắc phải là căn cứ lớn. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là con đường của ta, đồng thời cũng là điều kiện để ta tranh thủ sự viện trợ quốc tế. Các nước xã hội chủ nghĩa thế giới cũng là hậu phương

của ta. Kháng chiến chống Mỹ như thế nào để nhất định thắng mà không để Mỹ thêm cơ mở rộng chiến tranh ra cả nước hoặc dẫn đến cuộc đụng đầu giữa các nước lớn ? Đó là một trong những vấn đề lý luận và thực tiễn mới mẻ và cực kỳ khó khăn, đòi hỏi phải được giải quyết thật đúng, nếu sai một ly sẽ "đi xa một dặm".

Đối với những vấn đề chiến lược trọng đại ấy, Bác Hồ và Bộ Chính trị phải thảo luận tập thể. Là người chuẩn bị các quyết sách, đồng chí Lê Duẩn phải suy nghĩ, phải dự thảo và chủ trì dự thảo nhiều văn kiện quan trọng. Đồng chí phải tập trung tinh lực cùng với một số người giúp việc thảo luận nhiều vấn đề về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Đồng chí cho rằng, chúng ta không thể bắt chước các mô hình đã có, vì nước ta đi lên từ một nền tiểu nông là chủ yếu, đất nước bị chia cắt lại phải đứng đầu một cuộc chiến tranh với một thế lực xâm lược khổng lồ. Vì vậy, chúng ta phải lấy việc phát triển sức sản xuất làm nhiệm vụ trung tâm, trước mắt bảo đảm đời sống của đồng bào miền Bắc và quan trọng hơn nữa là chi viện cho miền Nam kháng chiến. Phát động chiến tranh chống Mỹ như thế nào ? Quan điểm của đồng chí Lê Duẩn là phải nêu cao vai trò và trách nhiệm của đồng bào miền Nam, tổ chức nổi dậy, kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh cách mạng của quần chúng, đánh thắng từng bước, giành thắng lợi từng phần. Miền Bắc có nghĩa vụ chi viện cho miền Nam. Đế quốc Mỹ không thể dễ dàng mở rộng chiến tranh, cho nên phải leo thang từng bước, vấp phải hết thất bại này đến thất bại khác, chúng buộc phải

rút lui từng phần. Năm lần, chúng phải thay đổi chiến lược, ta cũng phải nhiều phen điều chỉnh. Đó là một cuộc chiến tranh lạ, chưa từng được một trường phái quân sự nào nói tới. Nhân dân ta đã có kinh nghiệm lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, gần nhất là cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 và cuộc chiến tranh chống Pháp. Và vì thế, chúng ta luôn luôn ở thế tiến công, kể cả trong những thời điểm khó khăn, phức tạp nhất.

Khi mâu thuẫn giữa các nước xã hội chủ nghĩa bộc lộ công khai, các bên đều tranh thủ ta đứng về phía này để chống lại phía kia. Ta cho rằng, làm như vậy chẳng những nguy hiểm đối với cách mạng nước ta mà còn cả đối với cách mạng thế giới. Có người thích hài hước, chế nhạo thái độ của ta như vậy khác nào :

"Ngoảnh mặt sang Tề, e Sở giận"

Quay đầu sang Sở, sợ Tề ghen"

Ta đáp lại rằng : "Chính vì Tề, Sở tranh hùng mà cuối cùng đều bị Tần diệt". Đó là tình huống vừa phức tạp vừa tế nhị mà cách mạng nước ta đã từng trải qua trong những năm 50, 60 của thế kỷ XX. Phải rất tinh táo và có bản lĩnh cao cường, Đảng ta mới xử lý thông minh, sáng tạo tình huống đặc biệt ấy. Đồng chí Lê Duẩn là một người cách mạng từng trải, nhà chiến lược có tầm cỡ, có bản lĩnh. Đó là những phẩm chất quý báu của người Việt Nam chúng ta. Khi xuất thân, đồng chí chỉ là một người bình thường như chúng ta. Qua cả cuộc đời hoạt động, chiến đấu, học tập, rèn luyện, được đặt đúng chỗ và được sự giúp đỡ tận tình của

đồng chí, đồng bào, đồng chí Lê Duẩn đã trở thành một người anh hùng cứu nước bên cạnh Bác Hồ và các vị anh hùng khác của dân tộc Việt Nam ta.

Lê Duẩn thường nói rằng, trong việc lãnh đạo cách mạng, đề ra tư tưởng chỉ đạo chiến lược, sách lược là điều quan trọng đầu tiên. Song việc chỉ đạo thực hiện, tìm ra những phương pháp thích hợp và qua thực tiễn hoạt động hoặc tình hình biến đổi phải kịp thời điều chỉnh, bổ sung, thậm chí loại bỏ những chủ trương không được thực tế chứng minh mới đóng vai trò quyết định sự thành bại. Tức là người lãnh đạo cần phải năng động, sáng tạo, nhạy bén, biết tạo ra những bước ngoặt hoặc chuẩn bị những cuộc đột phá.

Từ nhiều cuộc khởi nghĩa lẻ tẻ, đồng chí phát hiện con đường vận động của cách mạng miền Nam. Đồng chí phát động *cuộc đồng khởi*, kết hợp với chiến tranh du kích. Qua trận thắng ở Vạn Tường, đồng chí quả quyết rằng, quân ta có thể đánh thắng các sư đoàn Mỹ, sau đó ta bẻ gãy nhiều chiến dịch của quân Mỹ. Khi *cuộc đồng khởi* đã mở rộng, lực lượng vũ trang đã lớn mạnh, quân Mỹ tuy có đông nhưng lại bị căng ra ở nhiều nơi, đồng chí đã đề nghị với Bộ Chính trị phát động một cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa ở các trung tâm chính trị, quân sự của địch. Cuộc tập kích táo bạo này chỉ thành công một phần và phải chịu đựng tổn thất không nhỏ, song lại xoay chuyển được tình thế, buộc địch "xuống thang". Khi Mỹ thay đổi chiến lược, đồng chí đề xuất chiến lược đánh thắng

kế hoạch "*Việt Nam hóa chiến tranh*" và đã đập tan chiến dịch Lam Sơn của địch. Qua trận thắng Phước Long, đồng chí đề nghị chuẩn bị cuộc Tổng tiến công và qua mấy chiến dịch kế tiếp nhau, mùa Xuân năm 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ của ta toàn thắng.

Trong nhiều năm chỉ đạo chiến tranh, đồng chí miệt mài làm việc ngày đêm, thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với các tướng lĩnh, các nhà lãnh đạo địa phương, chuẩn bị rất tỉ mỉ việc tổ chức lực lượng, giáo dục cán bộ, chiến sĩ, sắp xếp, điều chỉnh cán bộ, kế hoạch tác chiến và các công tác khác. Đồng chí quan tâm giải quyết những vấn đề tưởng chừng quá tỉ mỉ, cụ thể. Từ khi ra Hà Nội phụ trách công tác của toàn Đảng, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và tập thể Bộ Chính trị, bên cạnh những nhiệm vụ cấp bách, đồng chí để nhiều tâm lực suy nghĩ về con đường phát triển lên chủ nghĩa xã hội, về chế độ kinh tế - xã hội của đất nước ta. Trong điều kiện Đảng Cộng sản lãnh đạo toàn diện đời sống kinh tế - xã hội, đồng chí suy nghĩ nhiều về một thể chế, bảo đảm được quyền làm chủ của nhân dân trong xã hội mới.

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp ấy. Vai trò lãnh tụ của Chủ tịch Hồ Chí Minh bao trùm tất cả và gắn với sự nghiệp vĩ đại của Người thì sự cống hiến của những lãnh tụ của Đảng như Trường Chinh, Lê Duẩn và nhiều đồng chí lãnh đạo khác cũng được đời đời ghi nhớ. □



TƯ TƯỞNG CƠ HỘI DƯỚI MỌI MÀU SẮC và cuộc đấu tranh đẩy lùi nó

LÊ ĐỨC BÌNH *

CUONG lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội VII của Đảng, phần về xây dựng Đảng đã nêu : “Thường xuyên phê bình và tự phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, *chủ nghĩa cơ hội* và mọi hành động chia rẽ, bè phái”. Tiếp đến Nghị quyết Đại hội IX của Đảng khi nói về nhiệm vụ công tác giáo dục tư tưởng chính trị đã chỉ rõ cần “*Chống tư tưởng cơ hội, thực dụng*”. (những chữ viết ngả là do tôi nhấn mạnh - LDB).

Vậy tư tưởng cơ hội (hoặc chủ nghĩa cơ hội) có những biểu hiện đặc trưng gì, nhất là trong điều kiện cụ thể của nước ta lúc này ? Nguồn gốc của nó ? Phải làm gì để khắc phục nó ? Đây là một vấn đề lớn đang được đặt ra cấp thiết trong công tác tư tưởng của Đảng hiện nay.

*

Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, được rèn luyện trong ngọn lửa đấu tranh cách mạng lâu dài, có đường lối chính trị đúng đắn sáng tạo, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, có đội ngũ cán bộ, đảng viên đông đảo với phẩm chất chính trị tốt đẹp đoàn kết phấn đấu hi sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là sức

mạnh cơ bản của Đảng, nhờ đó đã lãnh đạo cách mạng nước ta đi tới những thắng lợi vĩ đại ngày nay.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng phức tạp, lâu dài, ở vào những bước ngoặt lịch sử, thường xuất hiện tư tưởng cơ hội dưới nhiều màu sắc, hữu khuynh hoặc “tả” khuynh, ở những mức độ khác nhau ; như, trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, khi cuộc chiến đấu ở vào thời kỳ quyết liệt, đã có một ít người khiếp hải trước sức mạnh, tàn bạo của kẻ thù xâm lược, trước những hy sinh, gian khổ của cuộc kháng chiến đã dao động về chính trị, không kiên định đường lối đấu tranh giải phóng miền Nam, sợ tiến hành đấu tranh vũ trang, có ảo tưởng về con đường thỏa hiệp, chung sống hòa bình, thi đua hòa bình... Từ cơ hội về chính trị, một ít người đi tới hoạt động bè phái chống đối về tổ chức. Ban lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiên trì đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đấu tranh vạch trần tư tưởng cơ hội hữu khuynh, tăng cường đoàn kết thống nhất tư tưởng và tổ chức trong Đảng, lãnh đạo dân tộc ta

* Ủy viên Hội đồng lý luận Trung ương, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng các khóa V, VI, VII

hoàn thành vẻ vang sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đầu những năm 80 (thế kỷ XX), đất nước ta lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội sâu sắc, Đảng đã tự phê bình nghiêm túc và từ tổng kết thực tiễn cuộc sống đã khởi xướng công cuộc đổi mới, đưa đất nước dần thoát khỏi khủng hoảng và phát triển đi lên. Nhưng chính lúc đất nước chuyển vào thời kỳ mới với vô vàn khó khăn phức tạp, có một số người miệng hô hào đổi mới nhưng xa rời nguyên tắc, từ bỏ định hướng xã hội chủ nghĩa, kêu gọi phát triển nền kinh tế nhiều thành phần nhưng phủ nhận vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, đề cao vai trò điều tiết của cơ chế thị trường nhưng coi nhẹ chức năng quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cổ vũ cho tư nhân hóa, tự do hóa tư sản, tán dương chủ nghĩa xã hội - dân chủ... Đồng thời, như một sự phản ứng lại, ở phía khác xuất hiện những biểu hiện giáo điều, bám giữ những quan niệm về mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội, luyến tiếc cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp, có định kiến với nền kinh tế nhiều thành phần, dị ứng với cơ chế thị trường, coi nó đồng nghĩa với đi theo con đường tư bản chủ nghĩa...

Tư tưởng cơ hội với những quan điểm chính trị sai trái bộc lộ tương đối rõ nét chỉ có ở một số rất ít người nhưng tính chất của nó rất nguy hiểm; nếu không đấu tranh phê phán vạch trần sẽ có thể lây lan và lừa gạt số người thiếu kiên định về chính trị.

Bên cạnh tư tưởng cơ hội với những quan điểm chính trị sai trái như trên, ta còn thấy một sắc thái cơ hội nữa về chính trị. Đó là một số người không có quan điểm chính trị rõ ràng, phai nhạt lý tưởng cách mạng, ngả nghiêng, do dự, mơ hồ, không

vững vàng trên những vấn đề đường lối quan điểm của Đảng. Họ không hẳn chống lại nhưng thiếu niềm tin vào chủ nghĩa xã hội, hoài nghi vai trò lãnh đạo của Đảng... Nếu không được giáo dục nâng cao nhận thức chính trị thì họ dễ đi lầm đường, bị các thế lực thù địch lung lạc.

Đặc trưng cơ bản của tư tưởng cơ hội là sự dao động, ngả nghiêng về chính trị, không kiên định trên những vấn đề nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính trị của Đảng, khi cách mạng thuận lợi thì tỏ ra rất “cấp tiến”, khi cách mạng gặp khó khăn thì thoái lui, thỏa hiệp. Những người này thường ít bộc lộ quan điểm một cách thật rõ ràng, họ che giấu bộ mặt thật, vừa tỏ ra ủng hộ đường lối của Đảng, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, thổi phồng một phía trong đường lối hợp với quan điểm của họ, vừa dưới danh nghĩa đổi mới tư duy, bổ sung, cụ thể hóa đường lối của Đảng, thêm “chi tiết” này, “khía cạnh” nọ mà thực chất là sửa cái cốt lõi của đường lối. Thật sâu sắc biết bao những nhận xét của Lê-nin về bản chất của chủ nghĩa cơ hội: “Khi nói đến đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội thì không bao giờ được quên đặc điểm của tất cả chủ nghĩa cơ hội hiện đại trong mọi lĩnh vực là: Nó mang tính chất không rõ ràng, lơ mơ và không thể nào hiểu nổi. Do bản chất của mình, phái cơ hội chủ nghĩa bao giờ cũng tránh đặt vấn đề một cách rõ ràng và dứt khoát; bao giờ nó cũng tìm con đường trung dung, nó quanh co uốn khúc như con rắn nước giữa hai quan điểm đối chọi nhau, nó tìm cách “thỏa thuận” với cả quan điểm này lẫn quan điểm kia, nó quy những sự bất đồng ý kiến của mình lại thành những điều sửa đổi nhỏ nhặt, những sự

hoài nghi, những nguyện vọng thành tâm và vô hại v.v...⁽¹⁾

Nếu có thể nói thêm những nét riêng của tư tưởng cơ hội chính trị ở ta thì ở chỗ nó thường gắn liền với chủ nghĩa cá nhân, với động cơ bất mãn cá nhân, kiêu ngạo, không tôn trọng tổ chức, coi thường tập thể, đi tới bài xích đường lối của Đảng, và có trường hợp từ chống đối về tư tưởng đi tới hoạt động bè phái, chống đối tổ chức. Cũng có thể thấy rõ tư tưởng cơ hội chính trị ở nước ta không có gì là “sáng tạo”, chẳng qua chỉ là đi vay mượn của nước ngoài, một thứ chủ nghĩa giáo điều cũ hoặc mới. Trong chống Mỹ cứu nước thì vay mượn chủ nghĩa xét lại, muốn từ bỏ đấu tranh cách mạng, đi theo con đường chung sống hòa bình, thì đua hòa bình với kẻ thù xâm lược. Trong sự nghiệp đổi mới thì chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản và xã hội - dân chủ, sùng bái mô hình kinh tế tư bản chủ nghĩa, tin nghe lời rao giảng của các lý thuyết gia tư sản hơn là đi sâu vào điều kiện cụ thể Việt Nam, tổng kết thực tiễn sinh động của nhân dân ta.

Ở ta, bên cạnh tư tưởng cơ hội về chính trị như nói trên, còn có *những biểu hiện của tư tưởng cơ hội thuộc lĩnh vực đạo đức, lối sống*. Một số người tuy mang danh hiệu đảng viên cộng sản, chiến sĩ cách mạng nhưng sống không có lý tưởng, họ tính toán thực dụng, tìm kiếm cơ hội giành lấy chức nọ quyền kia không phải để phục vụ nhân dân, xây dựng đất nước mà vì danh vọng và quyền lợi cá nhân, cốt vinh thân phì gia. Ngoài miệng thì lời lẽ rất cách mạng, rất nhất trí với đường lối của Đảng, rất tin tưởng ở chủ nghĩa xã hội nhưng trong bụng thì nghĩ khác hẳn. Họ sống không trung thực, sẵn sàng uốn lượn lựa lời cho vừa lòng

và hợp với quan điểm của cấp trên, hòng tạo dựng tín nhiệm, kiểm soát lá phiếu trong các dịp bầu cử. Họ sống xu thời, gió chiều nào che chiều ấy, khi vui thì vỗ tay vào nhưng nếu cách mạng gặp khó khăn hoặc dục vọng cá nhân không được thỏa mãn thì họ sẵn sàng trở cò. Họ tranh thủ lấy lòng người này, lôi kéo người kia, đả kích những người trung thực, gây bè kéo cánh, phá hoại sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Lối sống cơ hội, thực dụng, không có nguyên tắc ấy với chủ nghĩa cá nhân về thực chất chỉ là một.

Tư tưởng cơ hội về chính trị và những biểu hiện cơ hội về đạo đức lối sống gắn bó khăng khít ảnh hưởng qua lại lẫn nhau. Như chúng ta thấy trong thực tế lịch sử của Đảng, có những phân tử cơ hội chủ nghĩa về chính trị đồng thời suy thoái về đạo đức, mang nặng chủ nghĩa cá nhân, kiêu ngạo, bất mãn về địa vị đi tới chống đối về chính trị. Ngược lại một khi suy thoái về đạo đức lối sống, quan liêu, xa rời nhân dân, nguội lạnh tình cảm cách mạng thì cũng dễ dàng tiếp thụ ảnh hưởng tư tưởng tư sản, thậm chí biến thành tay chân của các thế lực thù địch, phản bội Tổ quốc.

Xét về nguồn gốc của tư tưởng cơ hội, có nhiều yếu tố sâu xa, và tùy từng thời kỳ lịch sử, tùy từng trường hợp cụ thể mà nổi trội lên yếu tố này hay yếu tố kia.

Lịch sử phong trào cộng sản quốc tế cho thấy trong đấu tranh giai cấp quyết liệt giữa vô sản và tư bản, từng xuất hiện chủ nghĩa cơ hội với nhiều khuynh hướng, nhiều màu sắc khác nhau. Lê-nin trong nhiều tác phẩm đã phân tích nguồn gốc giai cấp của chủ

(1) Lê-nin : *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981, t 8, tr 476

nghĩa cơ hội là tính dao động tiểu tư sản cũng như khuynh hướng cải lương của tầng lớp công nhân quý tộc thâm nhập vào hàng ngũ phong trào vô sản. Đến thời đại ngày nay, xét trên bình diện quốc tế, như Nghị quyết Đại hội IX của Đảng nhận định : “Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra gay gắt”. Ở nước ta, đấu tranh giai cấp tiếp tục trong những điều kiện mới với nội dung chủ yếu là đấu tranh cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động sai trái cùng với đấu tranh làm thất bại âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch trên nhiều lĩnh vực kinh tế và chính trị, văn hóa, tư tưởng và tổ chức. Phản ánh trên lĩnh vực tư tưởng chính là cuộc đấu tranh giữa đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng với các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa về chính trị.

Sự sụp đổ của Liên Xô và phong trào cộng sản quốc tế lâm vào thoái trào đã tác động tiêu cực đến tư tưởng, tâm lý một số cán bộ, đảng viên ta trong những năm qua.

Đảng ta đã trở thành đảng cầm quyền, đất nước chuyển vào xây dựng hòa bình. Nếu trong thời kỳ hoạt động bí mật và kháng chiến cứu nước trước kia việc gia nhập Đảng, nhận chức vụ lãnh đạo là tự nguyện chấp nhận gian khổ hy sinh, kể cả hy sinh tính mạng và hạnh phúc gia đình vì lý tưởng cách mạng cao cả, thì ngày nay không phải ai ai cũng giữ được động cơ trong sáng ấy. Danh hiệu đảng viên cùng chức tước, quyền lực đối với một số người

đã trở thành phương tiện để làm giàu nhanh chóng với những thủ đoạn bất chính. Trong nền kinh tế thị trường mọi thứ đều có thể trở thành hàng hóa, có thể mang ra mua, bán, trao đổi, một số người đã mua quan bán tước và khi chức quyền đã ở trong tay lại quay vòng trở thành tiền vàng lớn hơn. Sự thoái hóa biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên bắt đầu từ đó.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường là vấn đề có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Cùng với đời sống chung của nhân dân dần dần được cải thiện, ta khuyến khích làm giàu chính đáng, chấp nhận sự phân cực giàu nghèo ở một mức độ hợp lý. Trong bối cảnh như thế, cơ cấu xã hội và giai cấp có những biến đổi, ngay cơ cấu bên trong giai cấp công nhân và giai cấp nông dân cũng không hoàn toàn như trước. Theo chủ nghĩa Mác, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội. Những biến đổi trong cơ cấu kinh tế cùng cơ cấu xã hội và giai cấp có những ảnh hưởng tích cực nhưng cũng không tránh khỏi những tác động tiêu cực đến ý thức tư tưởng, tâm lý xã hội.

Những điều kiện quốc tế và trong nước như vậy, sự xuất hiện tư tưởng cơ hội dưới nhiều biểu hiện khác nhau không phải là hiện tượng nhất thời, ngẫu nhiên.

*

Tư tưởng cơ hội gây nguy hại nghiêm trọng tới sự vững mạnh về chính trị và trong sạch về tổ chức của Đảng, tới vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, kể cả bản thân vận mệnh của Đảng. Vì vậy tăng cường cuộc đấu tranh đẩy lùi và khắc phục tư tưởng cơ hội với mọi biểu hiện của nó là vấn đề đang đặt ra cấp thiết.

Nghị quyết Hội nghị sáu (lần 2) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã phân tích tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị và tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên và đã quyết định mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Qua 3 năm tiến hành cuộc vận động đã thu được một số kết quả song chưa đạt yêu cầu đề ra, như Đại hội IX đã nhận định. Việc phê phán, đấu tranh khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị mà trước hết là các biểu hiện cơ hội về chính trị chưa được quan tâm đầy đủ. Ai cũng nhất trí với nhận định trong các nghị quyết của Đảng về tư tưởng cơ hội là trùng với thực trạng tình hình tư tưởng hiện nay, nhưng đi vào phê bình và tự phê bình thì hầu như chưa đảng viên nào và tổ chức đảng nào tự phê bình về tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, về các biểu hiện cơ hội của bản thân hoặc trong đảng bộ mình. Còn về khắc phục suy thoái về đạo đức, lối sống tuy có quan tâm phê phán tệ nạn tham nhũng, lãng phí, quan liêu nhưng chưa chú ý phân tích sâu và phê phán nghiêm khắc lối sống cơ hội, thực dụng. Vì vậy, trong cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đang được tiếp tục triển khai nên chú trọng hơn đến yêu cầu khắc phục suy thoái về tư tưởng chính trị và lối sống cơ hội thực dụng. Dù khéo che giấu, khéo ngụy trang, nhưng tư tưởng cơ hội vẫn lộ ra ở thái độ và hành động cụ thể trong công tác và cuộc sống hàng ngày. Nếu chúng ta quản lý đảng viên, quản lý cán bộ chặt chẽ, nghiêm túc thì chắc chắn có thể phát hiện, giáo dục, đấu tranh có kết quả.

Các tổ chức đảng cần thường xuyên tìm hiểu, nắm chắc diễn biến tư tưởng, nhận thức của đảng viên, thông qua sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy mà giúp nhau quán

triệt đường lối quan điểm của Đảng, uốn nắn những nhận thức sai lệch. Những người lãnh đạo và cơ quan tổ chức tăng cường công tác quản lý cán bộ, sâu sát cán bộ, không chỉ quan tâm đến năng lực chuyên môn nghiệp vụ mà cần hiểu rõ tư tưởng chính trị của cán bộ thể hiện trong công tác và sinh hoạt hằng ngày.

Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng một cách chủ động, kịp thời, sắc bén, có tính thuyết phục cao hơn nữa, củng cố khối đoàn kết thống nhất chính trị tư tưởng trên cơ sở đường lối quan điểm của Đảng. Đối với đông đảo đảng viên và các tầng lớp nhân dân, tiến hành tuyên truyền giáo dục rộng rãi với nội dung dễ hiểu về tư tưởng Hồ Chí Minh, về sự đúng đắn trong đường lối quan điểm của Đảng, luật pháp Nhà nước thể hiện rõ ràng ở những thành quả của sự nghiệp đổi mới, qua đó tăng thêm niềm tin của mọi người nhất là của thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng.

Kiên quyết đấu tranh đập tan các luận điệu thù địch xảo trá mưu xóa bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xuyên tạc chủ nghĩa xã hội và vai trò lãnh đạo của Đảng, cổ vũ “dân chủ, nhân quyền” tư sản. Không lúc nào buông lỏng cuộc đấu tranh vạch trần bản chất sai trái, nguy hại của chủ nghĩa cơ hội, xét lại, chủ nghĩa giáo điều cũ và mới, của mọi biểu hiện mơ hồ, dao động về chính trị cũng như lối sống cơ hội, thực dụng.

Từ nhiều năm nay, Đảng ta đã không ngừng hoàn chỉnh, bổ sung, cụ thể hóa đường lối, chính sách đổi mới trên các lĩnh vực, đưa công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa đi lên từng bước

(Xem tiếp trang 49)

Một số thành tựu mới trong khoa học nghiên cứu con người và những vấn đề cấp bách đang đặt ra

PHẠM THỊ NGỌC TRẨM *

Dã có nhiều thành tựu trong khoa học nghiên cứu con người, nhất là 10 năm cuối cùng của thế kỷ XX và trong năm 2001. Có thể kể ra một số thành tựu cơ bản đã và đang góp phần quan trọng vào việc nghiên cứu nguồn gốc, bản chất và những khía cạnh khác nhau của con người. Những thành tựu đó, một mặt, có tác động tích cực trong việc nâng cao thể chất cũng như tinh thần cho con người, giúp con người có thể sống khỏe mạnh hơn, hạnh phúc hơn, song đồng thời, nó cũng đặt ra nhiều vấn đề cấp bách, phức tạp và cả những thách thức khó lường.

1. Vấn đề xác định nguồn gốc, bản chất của con người.

Để có thể nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc về con người, trước hết phải hiểu nguồn gốc, bản chất của nó. Tuy có nhiều giả thuyết khác nhau, nhưng cho đến nay, khoa học đã có thể khẳng định được rằng con người có nguồn gốc từ động vật - trực tiếp là bộ Linh trưởng họ người (*Australopithecus afrensis*). Cho đến nay,

người ta cũng đã biết rằng con người đầu tiên đã xuất hiện ở châu Phi cách đây khoảng 2 - 3 triệu năm.

Ngoài nguồn gốc tự nhiên, con người còn có nguồn gốc xã hội. Điều này đã được Ph. Ăng-ghe-nh-trình bày một cách thuyết phục trong bài "Tác dụng của lao động trong quá trình chuyển biến vượn thành người" trong tác phẩm kinh điển nổi tiếng

của Người "Biện chứng của tự nhiên". Theo sự trình bày của Ph. Ăng-ghe-nh thì nguồn gốc xã hội của con người chính là lao động và cùng với lao động là ngôn ngữ. Nhờ có ngôn ngữ và lao động mà con người đã tách mình ra khỏi thế giới động vật để bước vào một quá trình tiến hóa mới : *tiến hóa văn hóa - xã hội*. Từ khi có con người và xã hội loài người, sự tiến hóa của thế giới vật chất diễn ra theo hai quá trình : tiến hóa tự nhiên và tiến hóa văn hóa - xã hội. Hai quá trình đó diễn ra song song và có thể gọi đó là sự *đồng tiến hóa*. Do vậy, về bản chất, con người cũng có hai bản chất : bản chất tự nhiên và bản chất văn hóa - xã hội. Bản chất tự nhiên và bản chất văn hóa - xã hội là *hai mặt không thể tách rời nhau* của một *bản chất Người* duy nhất.

Mặt sinh học và mặt xã hội cùng tồn tại và tác động lẫn nhau trong bản chất của con người. Trong mối quan hệ và tác động lẫn

* PGS, TS, Viện Triết học, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia

nhau đó, mặt sinh học là cơ chất hay là cái nền vật chất để trên đó hình thành nên mặt xã hội. Theo những nghiên cứu gần đây nhất thì có tới 99,99% bộ gien của mỗi người có cùng chung mã gien với tất cả những người khác. Sự khác biệt sinh học giữa các cá nhân chỉ nằm ở một phần nhỏ của 3 tỉ chữ cái trong mã gien người (2,1 triệu mã gien).

2. Nhân bản vô tính động vật và vấn đề nhân bản vô tính người.

Đây là cách sinh sản không cần tính dục - cái, nghĩa là một quy trình sinh sản động vật không theo phương thức tự nhiên. Bằng cách làm nhân bản vô tính, sau 277 lần thí nghiệm, ngày 27-2-1997, ông I-an Uyn-mốt - người Anh đã tạo ra được một con cừu con Đô-ly.

Thành tựu nhân bản vô tính động vật là bước đột phá trong sinh học và công nghệ sinh học. Tuy nhiên, thế giới đón nhận thành tựu này với những tâm trạng rất khác nhau : nửa mừng, nửa lo và rất có thể lo nhiều hơn mừng. Bởi vì, nếu chỉ dừng lại ở nhân bản vô tính động vật thì không có gì đáng lo lắng. Những động vật thu được bằng con đường nhân bản vô tính chắc chắn sẽ mang lại lợi ích cho con người. Trước hết, phương pháp nhân bản vô tính cho phép bảo vệ, giữ gìn được những nòi giống có giá trị cao về thể chất và sức đề kháng đối với bệnh tật ; có thể tạo ra được những động vật mới phù hợp với nhu cầu và mục đích sử dụng của con người. Ngày nay, đứng trước nguy cơ tuyệt chủng của nhiều loài động vật tự nhiên, phương pháp nhân bản vô tính có thể giúp con người bảo vệ được tính đa dạng sinh học của môi trường.

Tuy nhiên, từ nhân bản vô tính động vật sang nhân bản vô tính con người vẫn đề lại hoàn toàn khác. Khó khăn ở đây *không phải*

là vấn đề kỹ thuật, mà là vấn đề nhân đạo, đạo đức.

Nhân bản vô tính con người không còn đơn thuần là vấn đề khoa học và công nghệ, mà đây thực sự là vấn đề chính trị - xã hội, vấn đề sự sống của con người và sự tồn tại, phát triển của xã hội, là vấn đề vô cùng phức tạp và nan giải. Từ ngày ra đời của thành tựu nhân bản vô tính động vật (1997) cho đến nay, vấn đề này luôn được bàn luận gay gắt, và luôn có những ý kiến trái ngược nhau. Nhiều học giả, nhà chính trị trên thế giới đã công khai chống đối nhân bản vô tính con người. Một tờ báo có nhận xét rằng, nhân bản vô tính hoàn toàn giống với quan điểm của trùm phát xít Hít-le.

Nhiều nhà khoa học đã cảnh báo những hậu quả tiêu cực không lường trước được của nhân bản vô tính con người. Tháng 12-1998, Liên hợp quốc đã ra một văn bản coi việc nhân bản vô tính con người là trái với đạo đức và không phù hợp với nhân cách. Đầu năm 2001, Nghị viện châu Âu đã thông qua nghị định thư cấm nhân bản vô tính con người, có hơn 40 nước châu Âu đã tham gia ký kết vào Nghị định thư này. Tuy trước đó khá lâu, cựu Tổng thống Mỹ W.J Clin-ton là vị nguyên thủ quốc gia đầu tiên lên tiếng chống nhân bản vô tính con người, nhưng cho đến nay, Quốc hội Mỹ vẫn chưa thông qua được Nghị định thư cấm làm việc này, mà Mỹ là một trong những nước đang có tiềm lực lớn nhất trong lĩnh vực nhân bản vô tính.

3. Những thành tựu trong lĩnh vực nghiên cứu gien.⁽¹⁾

Năm 2000 là năm "bội thu" những thành tựu nghiên cứu về gien. Công trình mang

(1) Những tư liệu trong phần này được lấy từ *Tạp chí Khoa học-Công nghệ-Môi trường*, số 1, 2, 3-2001

tính chất đột phá đầu tiên trong lĩnh vực nghiên cứu gen là *công trình sắp xếp bộ gen người*. Bản phác thảo sơ bộ bộ gen người đã được các nhà khoa học Mỹ và I-xra-en công bố vào tháng 7-2000. Cho đến năm 2001, con người đã biết được cách sắp xếp bộ gen đơn bội của ruồi dấm và sắp xuất bản bản đồ của bộ gen người, và giải mã bộ gen đó.

Nhiều nhà sinh học đã dùng máy tính để giải mã ADN. Trên cơ sở so sánh ADN ở chuột với người, sâu bọ với ruồi dấm, và thậm chí giữa chuột với chuột, người ta khám phá ra không chỉ các gen, mà cả những phần quan trọng khác của vật liệu gen và từ đó cũng đã phát hiện ra cả những bí mật của tiến hóa. Nghiên cứu này đã cho chúng ta thấy rằng, chúng ta có nhiều điểm chung với các sinh vật có quan hệ rất xa đối với chúng ta.

Những kết quả đầu tiên của việc nghiên cứu bộ gen người cũng đã dẫn đến sự khẳng định một số luận điểm quan trọng. Việc tìm ra các dữ liệu gen đã *bác bỏ quan niệm sai lầm của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa Sô-vanh nước lớn ...* Bởi vì, *khái niệm về chủng tộc hoàn toàn không có cơ sở khoa học*. Từ những nghiên cứu về gen người chúng ta càng thấy, *nguồn gốc sinh học của loài người là người châu Phi*. Một trong những kết luận quan trọng nữa rút ra từ những kết quả nghiên cứu bộ gen người là *môi trường đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong quá trình phát triển của con người và xã hội loài người*.

Sự thành công trong việc nghiên cứu bộ gen người : từ sắp xếp gen, lập bản đồ gen đến giải mã bộ gen là một kỳ tích vĩ đại nhất của nhân loại từ trước đến nay. Như vậy, con người đã hiểu đến tầng sâu nhất của bản chất sinh học của con người. Và con

người vẫn đang tiếp tục những bước đi mới trong lĩnh vực nghiên cứu gen.

Việc nắm được cách xác định các gen trong bộ gen người, đặc biệt là các gen xấu sẽ giúp con người sớm phát hiện ra những bệnh tật hiểm nghèo, từ đó hy vọng sẽ tìm ra các phương pháp, liệu pháp chữa trị có hiệu quả. Người ta còn dự định, trên cơ sở lập và giải mã được bản đồ gen của mỗi người, sẽ cấp cho họ, đặc biệt là những đứa trẻ mới sinh một *tấm thẻ gen*. Tấm thẻ gen này là những chỉ báo quan trọng về tình trạng sức khỏe, tính cách ... của mỗi người, nghĩa là con người sẽ không còn những bí mật riêng tư nữa ! Một khi đã xác định được những gen nào tốt, gen nào xấu, người ta sẽ *tiến hành biến đổi gen và hy vọng rằng con người biến đổi gen có thể sống khỏe mạnh hơn*.

Một hướng nghiên cứu mới nữa cũng đang được tiến hành dựa trên cơ sở những hiểu biết mới về bộ gen người. Đó là cho sinh ra "những đứa trẻ có gen sửa đổi". Nhiều nhà khoa học đã khẳng định rằng, những con người có gen sửa đổi đầu tiên đã được sinh ra và hoàn toàn khỏe mạnh. Phương pháp làm như sau : lấy các *ty lập thể* (ADN của các *ty lập thể* được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác theo đường của người mẹ) có các gen (ADN) khỏe mạnh của tế bào trứng ở một người phụ nữ cho, rồi bơm vào tế bào trứng có các *ty lập thể* bị khiếm khuyết của một người phụ nữ nhận để tạo nên một tổ hợp biến đổi dòng phôi. Sau đó đem tổ hợp biến đổi dòng phôi này cho thụ tinh với một người bố bình thường. Kết quả là đã sinh ra một đứa trẻ có gen sửa đổi. Sau khi kiểm tra những đứa trẻ được sinh ra do kết quả của thí nghiệm này, các nhà khoa học đã khẳng định rằng, những tế bào của những đứa trẻ có gen sửa đổi có chứa

các *ty lap thể* và cũng là các *gien*, từ hai người đàn bà cùng với bố của chúng. Thí nghiệm này cũng là một sự can thiệp thô bạo vào tính di truyền tự nhiên của con người và vì vậy, nhiều nhà khoa học coi đây là việc làm bất hợp pháp, vô đạo đức. Ngay cả Chính phủ Hoa Kỳ cũng đã tuyên bố không cung cấp tài chính cho bất kỳ thí nghiệm nào vô tình hay hữu ý làm thay đổi các *gien* di truyền.

4. Vấn đề sinh sản con người bằng con đường nhân tạo : tạo con người trong ống nghiệm, mang thai giúp, con người lai giữa người và khỉ.

Về mặt kỹ thuật, vấn đề này đã khá phổ biến ở nhiều nước và họ cũng đã làm từ lâu. Ở Việt Nam, vấn đề này đã được thực hiện thành công tại Bệnh viện Sản khoa Từ Dũ TP Hồ Chí Minh cách đây không lâu. Hiện nay, một số bệnh viện sản khoa khác cũng đã thực hiện thành công nhiều ca sinh sản bằng con đường nhân tạo. Mong mỗi có một đứa con là nguyện vọng thiết tha và chính đáng của các cặp vợ chồng bị rơi vào hoàn cảnh không thể có con được bằng con đường sinh sản tự nhiên. Kỹ thuật sinh sản bằng con đường nhân tạo thật sự là một cứu cánh và là niềm hạnh phúc lớn lao đối với họ. Tuy nhiên, trong thời gian ngắn ngủi vừa qua, và chắc chắn trong tương lai gần, việc thực hiện kỹ thuật sinh sản bằng con đường nhân tạo vẫn còn gặp nhiều khó khăn như chi phí cho mỗi ca sinh sản này còn quá cao so với mức thu nhập và mức sống của những người bình dân trong xã hội. Hơn nữa, trong một số trường hợp, các cặp vợ chồng tuy phải chịu chi phí rất cao như vậy, nhưng lại không đạt được kết quả mong muốn. Ngược lại, có trường hợp, một ca sinh sản bằng con đường nhân tạo lại sinh ra tới 2 - 3 đứa con. Điều này gây khó khăn không nhỏ trong

việc nuôi dạy các cháu, nhất là trong điều kiện Việt Nam hiện nay.

Ở các nước phát triển, vấn đề sinh sản bằng con đường nhân tạo đã được thực hiện từ lâu, song họ lại có những khó khăn khác, như về pháp luật, đạo đức. Nhiều cặp vợ chồng không thể sinh con được hoặc không muốn sinh con bằng con đường tự nhiên, họ thuê người mang thai và đẻ con giúp. Hai bên thuê và nhận đẻ giúp đã ký kết thỏa thuận, nhưng đến khi sinh con ra, người nhận đẻ thuê lại không trả lại đứa trẻ cho cha mẹ chúng. Điều này không có gì là khó hiểu, bởi vì qua thời gian mang nặng đẻ đau, người mang thai giúp đã thực sự có tình cảm với "đứa con ruột rà" của mình. Đó là tình cảm con người ! Từ đây đã đẻ ra những vụ kiện cáo, tranh giành con cái,... vừa đụng chạm đến vấn đề pháp luật, vừa liên quan đến vấn đề đạo đức. Trong nhiều trường hợp rất khó phân xử.

Bằng con đường sinh sản nhân tạo người ta cũng đã tạo ra những con người từ ống nghiệm. Đây là một thành tựu của sinh học và y học. Tuy nhiên, về mặt xã hội, đứa trẻ không biết ai là cha, ai là mẹ, không biết gốc gác của mình như thế nào. Liệu một đứa trẻ như vậy có được hạnh phúc giữa xã hội hay không ? Con người không thể sống thiếu tình thương gia đình : cha, mẹ, ông bà, họ hàng. Rồi nhân cách, đạo đức của nó sẽ ra sao ? Hay đứa trẻ chỉ là một cái máy bằng xương bằng thịt, biết đi, biết nói, biết làm việc theo mệnh lệnh. Đây là một vấn đề nhân đạo !

Có phòng thí nghiệm trên thế giới còn tạo ra được con người lai giữa người và khỉ. Bằng con đường sinh sản nhân tạo, việc tạo ra con người - khỉ này không khó khăn lắm. Điều này về mặt khoa học có thể được coi là

một thành tựu và có giá trị nhất định trong việc chứng minh nguồn gốc của con người từ loài Linh trưởng. Song, việc làm này lại là vô nhân đạo về mặt xã hội : con người - khi này sẽ sống như thế nào ? Người ta sẽ đối xử với nó ra sao ? Nó có thể sống được trong xã hội như những người bình thường khác hay không ? Nó sẽ làm gì để sống ? v.v.. Hàng loạt vấn đề phức tạp, nan giải được đặt ra. Do vậy, những thành tựu sinh học về con người không thể nào tách rời với những vấn đề xã hội, bởi vì, bất luận thế nào cũng phải nhớ rằng con người vẫn luôn là một động vật - xã hội. Không thể tùy tiện can thiệp một cách thô bạo vào bản chất tự nhiên của nó.

5. Vấn đề cấy ghép các cơ quan, các phủ tạng ở người.

Y học và sinh học trong nhiều năm qua đã đạt được nhiều thành tựu trong lĩnh vực này, đã cấy ghép được các cơ quan và các phủ tạng ở con người từ mắt, tim đến thận ... Thành tựu này đã đem lại niềm vui và hạnh phúc cho bao cuộc đời. Nhiều người có bệnh nguy kịch ở một số cơ quan hoặc phủ tạng có thể thay thế được, đã được nhận sự cấy ghép phù hợp với nhu cầu, họ đã được cứu sống, thậm chí còn sống vui vẻ, khỏe mạnh hơn trước.

Tuy nhiên, vấn đề này cũng có những khó khăn, nan giải và còn bị lợi dụng một cách vô nhân đạo. Ở các nước phát triển, việc cấy ghép các cơ quan và phủ tạng đã được thực hiện từ lâu, nhưng thường phải chi phí rất cao cho mỗi ca thay ghép. Bởi vậy, thường những người giàu, người có thu nhập cao mới có đủ khả năng nhận sự cấy ghép. Ngược lại, những người nghèo để có thể cứu giúp gia đình, thường phải "bán bớt" các phủ tạng và cơ quan trong cơ thể mình,

chẳng hạn như một con mắt, một quả thận ... Ngoài ra, cũng có những kẻ lợi dụng việc làm nhân đạo này để tiến hành các hoạt động vô đạo đức, phi nhân tính và bất hợp pháp như tổ chức bắt cóc người khỏe mạnh rồi thông đồng bán họ cho một số bệnh viện hoặc cơ sở y tế để lấy các phủ tạng phục vụ cho việc cấy ghép. Thậm chí, chúng còn tổ chức những đường dây buôn người, đặc biệt là buôn trẻ em từ các nước kém phát triển sang các nước phát triển nhằm nhiều mục đích. Trong đó, không ngoại trừ mục đích lấy các cơ quan và phủ tạng để cấy ghép cho những người giàu có ở các nước phát triển. Từ một thành tựu khoa học giàu tính nhân văn sâu sắc, việc cấy ghép các cơ quan và phủ tạng người đã bị lợi dụng và biến thành một hoạt động xã hội vô nhân đạo của những kẻ hám lợi.

Còn nhiều và rất nhiều những thành tựu nghiên cứu về con người, đặc biệt là trong năm 2000 - năm bùng phát những thành tựu nghiên cứu về bộ gen người. Từ những thành tựu đó, nhiều hướng nghiên cứu mới đã được mở ra. Mục đích tối cao của khoa học là phải phục vụ sự sống của con người (làm cho con người sống khỏe mạnh hơn, hạnh phúc, vui vẻ hơn) vì sự tồn tại và phát triển bền vững của xã hội. Mỗi một thành tựu của khoa học, đặc biệt là những khoa học nghiên cứu trực tiếp cơ thể con người, bao giờ cũng có những mặt tích cực và tiêu cực, mà mặt tiêu cực thường hay bị lợi dụng vào những mục đích phi nhân đạo. Do vậy, các nhà khoa học ngày nay không thể chỉ là nhà sáng tạo khoa học - công nghệ thuần túy, mà phải thực sự là những nhà xã hội học, nhân bản học. Sáng tạo của họ phải được đặt trên nền tảng trách nhiệm và đạo đức : sáng tạo cho con người và vì con người. □

Toàn cầu hóa từ góc nhìn VĂN HÓA

NGUYỄN HÒA

1. Khi tiếng chuông ngân nga vang lên từ những tháp chuông nhà thờ, khi tiếng còi tàu lanh lảnh đồng vọng từ hàng nghìn bến cảng ven các đại dương và khi những loạt pháo hoa sáng lòa rực rỡ bùng nổ giữa náo nức của hàng tỉ con người chào đón thiên niên kỷ thứ ba, thì cũng là lúc lịch sử đã sang trang - một trang mới an bình hay bất trắc, chưa ai lường hết. Và có một sự thật là ở thời khắc ấy, khi đôi ánh mắt nhìn vào tương lai, loài người ấp ủ bao nhiêu hy vọng, tin rằng rồi đây, mọi đau khổ sẽ qua đi, thế giới này chỉ còn lại tiếng cười, chỉ còn lại niềm vui. Nhưng giữa bao nhiêu dự định tốt lành, người ra không thể lãng quên, không khỏi ngậm ngùi khi nhìn lại con đường đã qua, vì có thể nào chẳng nữa thì các vấn đề (dù hay hoặc dở) của thế kỷ trước vẫn cứ vắt qua hai thế kỷ, thế hệ đương đại dù muốn hay không vẫn cứ phải đối diện, phải giải quyết mọi vấn đề vốn khai sinh từ ngày hôm qua.

Năm 1890, chiếc động cơ đi-ê-den đầu tiên ra đời, không ai nghĩ sau một thời gian

ngắn nó sẽ giữ vị trí ưu thắng trước động cơ hơi nước - một trong những công cụ vật chất của nền công nghiệp thời sơ khởi, đồng thời là vũ khí lợi hại trong tay những kẻ thực dân. Khi đó, người lạc quan nhất cũng không thể hình dung nổi quãng trăm năm sau, động cơ đi-ê-den lại là một trong những thủ phạm gây nên nạn ô nhiễm môi trường và cũng sắp có số phận là vật trưng bày trong viện bảo tàng. Trên đôi hải vạn dặm của *trí* và *lực*, một thế kỷ loài người vật vờ đi lên, vừa phải tiếp tục khẳng định những "giá trị Người", vừa phải chống lại những xu hướng làm tha hóa chính bản thân con người. Bước tiến phi thường của thế kỷ XX đã biến không biết bao nhiêu điều trước đó chỉ là những mơ ước tưởng như viễn tưởng trở thành hiện thực. Vượt qua các ranh giới địa lý, một thế giới ràng buộc lẫn nhau, quy định lẫn nhau đã là một thực tế không thể bác bỏ. Trong bối cảnh ấy, những quan hệ mang ý nghĩa nhân loại về kinh tế, về văn hóa không còn là câu chuyện bị phụ thuộc vào ý muốn của riêng ai, nó trở thành xu thế tất yếu của mọi dân tộc muốn chấn hưng chính mình và góp phần chấn hưng nhân loại.

Thế nhưng, một thế kỷ qua đi, tham vọng thống trị loài người không phải đã bị triệt tiêu. Nó đã tìm ra một sự thích ứng mới trong những biến thái tinh vi. Điều này làm cho thế kỷ XX, tự nó phải mang trong mình những nghịch lý: giữa khát vọng hòa bình và các cuộc chiến tranh tàn khốc, giữa tiến bộ và phản tiến bộ, giữa thành tựu của khoa học - kỹ thuật và công nghệ với những hậu quả của nó khi không được điều chỉnh, giữa trình độ văn minh với sự sa sút

văn hóa, giữa giàu có với nghèo đói, giữa xu hướng toàn cầu hóa với xu hướng ly khai - những nghịch lý có khả năng làm cho các ước mơ nhân bản trở nên lạc lõng trước con mắt của một số người.

2. "Độc lập trong liên lập", khẩu hiệu ra đời vào các thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX mang một ý nghĩa hết sức tích cực. Nó cho phép nhìn nhận thế giới như một chỉnh thể thống nhất biện chứng giữa cái chung và cái riêng. Nó cho phép mỗi người, mỗi quốc gia - dân tộc tự nhận thức về mình, về đồng loại trong những mâu thuẫn chung của các giá trị Chân, Thiện, Mỹ để hoàn thiện chính mình và hoàn thiện mọi người. Nhưng với sự hỗ trợ đắc lực của các thành tựu khoa học và kinh tế, nhiều người không dễ dàng từ bỏ cái mà hàng trăm năm trước, khi chủ nghĩa tư bản ra đời, người ta đã áp ủ, và bằng hành động người ta cố gắng đạt tới mục tiêu nhất thể hóa về chính trị - kinh tế trên phạm vi toàn cầu bất chấp những khát vọng và niềm tin dân tộc. Và ngay như sách lược "chia để trị" trước đây, ngày nay người ta cũng đã làm cho nó biến hình dưới những chiêu thức mới của "độc kế" lợi dụng các vấn đề tôn giáo, sắc tộc.

Các thế kỷ trước, loài người chứng kiến sự lộ bịch của "chính sách ngoại giao pháo thuyền" và những đội quân viễn chinh. Thế kỷ XX, loài người tiếp tục chứng kiến thất bại thảm hại của chủ nghĩa thực dân dưới các hình thức cũ và mới. Song những tấm gương tày liếp ấy không đưa lại một sự thức tỉnh, trên một ý nghĩa nào đó, chúng lại làm cho người ta trở nên tỉnh vi hơn. Hôm nay, các công ty xuyên quốc gia và các thế lực tài chính, các lái súng và các trùm ma túy ... đang trong quá trình thâm nhập, lũng đoạn thế giới từ cấp vi mô đến

cấp vĩ mô. Khả năng sản xuất hàng hóa của văn minh công nghiệp đã thay thế cho tình trạng sản xuất đơn chiếc của văn minh nông nghiệp và tính chất "phi cá tính" của hàng hóa sản xuất hàng loạt từng bước thay thế cho sự mãn nguyện khi chế tạo một vật dụng mang dấu ấn cá nhân. Hàng hóa công nghiệp có mặt tràn lan từ xa mạc Xa-ha-ra đến hạ lưu sông A-ma-dôn, từ túp lều của người É-t-xki-mô tới bản làng heo hút trên dãy núi Hi-ma-lay-a. Và ở ngay nước ta, khi chiếc ra-đi-ô cat-xet phát ra điệu hát tỏ tình của chàng trai Mông trong phiên chợ Sa Pa, thay thế cho những giai điệu tình tứ cha ông họ ngàn năm xưa đã hát, thì cũng đã trực tiếp phát ra tín hiệu của một biến động văn hóa mới nằm ngoài dự kiến của những người bảo thủ. Rồi nữa, các chiến dịch quảng cáo rầm rộ trên phạm vi toàn cầu phóng chiếu những điều mà sức mạnh của đồng tiền đã tạo ra điều kiện giúp người ta len lỏi vào đời sống văn hóa loài người, tới tận hang cùng ngõ hẻm. Cách đây dăm năm, không ai hình dung được mỗi buổi sáng trước khi vào lớp, trẻ em lại ồn ào bàn tán về những Ri-van-đô và Đa-vít Bec-kham cùng những trận đấu của Rê-an Ma-đrit hoặc AC Mi-lan vừa được truyền hình tường thuật tại chỗ đêm qua. Và không ai có thể hình dung mỗi sáng thứ hai hằng tuần trẻ em nhấp nhòm trong lớp vì trong cặp chưa có Ha-ry Pot-ter, A-ni-mô-phờ tập mới. Điều đáng lưu tâm là chính những trẻ em đó lại áp ứng khi trả lời các câu hỏi về cha anh, về quá khứ của cộng đồng !.

Sân khấu Nô và Kinh Kịch, Ki-mô-nô và chiếc nón bài thơ ... đối với châu Á đôi khi chỉ còn là một hoài niệm về "cái ngày xưa ấy" của lớp người cao tuổi. Hình ảnh những đứa trẻ ngồi dán mắt vào màn hình

chơi trò chơi điện tử và các cửa hàng cho thuê đĩa hình có nguồn gốc Hô-li-út mọc lên như nấm không còn là chuyện lạ ở châu Á, châu Phi. Và không biết có phải là một sản phẩm của hiện đại hóa khi chiếc đàn tứ bốn dây được lắp bộ khuếch âm điện tử, và chiếc đàn tứ "bát" của dàn nhạc dân tộc cũng chỉ là cây Ghi-ta Bat cải biên. Rồi nữa, khi tranh thủy mặc (Trung Hoa), tranh Đông Hồ (Việt Nam) không còn là niềm yêu thích của người yêu tranh, khi các họa sĩ châu Á am hiểu trường phái ấn tượng, trù tượng hơn là những trường phái dân gian thì hội họa đương đại cũng không còn giữ nguyên những giá trị truyền thống. Lại nữa, âm nhạc châu Á cũng đứng trước những vấn đề không dễ vượt qua bởi niềm tự hào về âm nhạc truyền thống cũng đang bị thách thức trước "Rốc nặng, Rốc nhẹ" phương Tây, giới trẻ coi Mi-sen Giắc-son, Ma-đô-na như thần tượng, và đến các nghệ sĩ biểu diễn cũng học đòi phương Tây trong phong cách và trang phục biểu diễn... Thế là từ cái cửa mở kinh tế, người ta đã đi những bước từ từ nhưng tỏ ra có hiệu quả để đột phá vào văn hóa, ít nhất là ở cái vẻ bên ngoài

3. Phải thừa nhận rằng, những biến động về kinh tế ở tầm nhân loại đã làm thay đổi bộ mặt của nhiều quốc gia. Bước nhảy vọt về kinh tế kéo theo sự huy động ở mức cao nhất các nguồn lực của dân tộc, và văn hóa, trong sự vận động phát triển của nó cũng không tránh khỏi những biến động, dấu ý thức về các giá trị của chính mình không bị sao lãng. Câu hỏi liệu hiện trạng nói trên là hệ quả của quá trình hiện đại hóa hay là sản phẩm không thể tránh khỏi của toàn cầu hóa đang cần thiết phải được trả lời đối với những ai còn thiết tha với dân tộc, còn

muốn kiêu hãnh khẳng định : tôi là người thuộc về dân tộc tôi.

Hôm nay chúng ta nói đến toàn cầu hóa, và không ít người trong chúng ta tỏ ra kinh ngạc trước sự phổ cập toàn cầu của tiếng Anh. Con số hơn hai tỉ người trên hành tinh này đang sử dụng tiếng Anh đã làm cho nhiều người hình dung về một nhân loại tương lai sẽ chỉ dùng tiếng Anh ! Câu chuyện không đơn giản như vậy, lịch sử, trong những bước đi tưởng như ngẫu nhiên của nó, thực ra lại tuân thủ những nguyên tắc mà ý muốn chủ quan không thể làm thay đổi. Ví dụ trong vấn đề ngôn ngữ. Hơn hai nghìn năm trước, đế chế La Mã ra đời, nó kế thừa và phát triển những thành tựu của văn minh Hy Lạp, nó phát triển đến đỉnh cao và trở thành biểu tượng của văn minh trong những thế kỷ đầu của công nguyên. Vai trò tiên phong của văn minh Hy Lạp - La Mã đưa tới vai trò tiên phong của tiếng La-tinh, tiếng La-tinh trở thành mẫu tự tiêu biểu cho sự truyền bá văn minh phương Tây thời trung cổ. Nhưng tình trạng đó cũng chỉ kéo dài trong gần chục thế kỷ, cụ thể hơn, tiếng La-tinh đã dần dần giảm thiểu vai trò trước sự phát triển của văn hóa Pháp (tuy nhiên không phải tiếng La-tinh ngay lập tức biến mất vai trò, tới thế kỷ XVIII, XIX, tiếng La-tinh vẫn là một ngôn ngữ bắt buộc trong nhiều trường đại học ở phương Tây). Tiếng Pháp, mà khởi nguồn là một kiểu tiếng La-tinh nói theo "giọng bồi", đã đi cùng với sự phát triển của văn hóa Pháp để trở thành mẫu hình ngôn ngữ cho văn hóa phương Tây thời tiền tư bản. Những thành tựu tư tưởng, thành tựu văn học - nghệ thuật ... của nước Pháp trong các thế kỷ XVII, XVIII, XIX được người phương Tây tiếp thu, phát triển và trở thành một trong những động lực cho

các bước đi tiếp theo. Nhưng tiếng Pháp cũng chỉ giữ vị trí ưu thắng trong mấy trăm năm, khi mà tiếng Anh - ngôn ngữ của các thành tựu kinh tế do nước Mỹ đi đầu, dần dần trở nên phổ biến. Đến mức chỉ trong quãng một trăm năm, hầu như trong các giao tiếp nhân loại người ta chỉ dùng tiếng Anh. Như vậy, xem xét trong nhu cầu nội tại của sự phát triển nhân loại, sẽ thấy một thực tế trong vấn đề ngôn ngữ là không thể xuất hiện tình trạng thống trị vĩnh viễn trên toàn cầu của bất kỳ ngôn ngữ nào. Sự phổ biến có tính lịch sử trên phạm vi toàn cầu của một ngôn ngữ phụ thuộc vào nhu cầu của nhân loại, khi trong quá trình vận động phát triển của mình, nhân loại nảy sinh nhu cầu cần thiết phải phát triển một lĩnh vực nào đó của đời sống thì loại ngôn ngữ có khả năng chuyển tải những giá trị của lĩnh vực đó sẽ trở nên phổ biến. Ở phương Tây đầu công nguyên, tiếng La-tinh phát triển bởi nó là ngôn ngữ tiêu biểu cho văn minh cổ đại. Giữa thiên niên kỷ II, tiếng Pháp phát triển bởi nó là ngôn ngữ tiêu biểu cho văn hóa thời cận đại. Còn hơn một thế kỷ nay, tiếng Anh phát triển bởi nó tiêu biểu cho văn minh công nghiệp, văn minh tin học, hay cụ thể hơn, thực chất hiện tượng tiếng Anh trở nên phổ biến vì đó là một ngôn ngữ có khả năng giao tiếp thương mại toàn cầu. Phân tích các hiện tượng trên đây để thấy rằng, tuyệt đối hóa một công cụ ngôn ngữ nào đó sẽ rất dễ đưa tới thái độ cực đoan, thậm chí rất dễ đưa tới những cực đoan khác ngoài ngôn ngữ. Tiếng Anh dù phát triển đến thế nào cũng không thể thay thế cho ngôn ngữ dân tộc. Ý nghĩa của xu hướng "độc lập trong liên lập" trong chừng mực nhất định thể hiện khá cụ thể trong lĩnh vực ngôn ngữ, và đây cũng là một nội dung không

kém quan trọng của vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

4. Một xã hội phát triển bền vững là một xã hội phát triển hài hòa, cân đối giữa tất cả các lĩnh vực của đời sống vật chất và tinh thần. Khi nhu cầu phát triển kinh tế đang trở nên bức xúc, khi tác động từ thực tế đầy cám dỗ của sự sung túc vật chất ở các quốc gia khác có thể đẩy tới một sự nóng vội, một sự phiến diện trong quan niệm về phát triển thì cần thiết phải thống nhất trong toàn xã hội, rằng kinh tế đâu rất quan trọng song nó không thể thay thế cho văn hóa. Phát triển kinh tế phải đi cùng với phát triển văn hóa, đó phải là nguyên tắc "bất biến" của chúng ta.

Toàn cầu hóa, trong những sắc thái đa dạng của nó, là logic của quá trình đi tới một thế giới phát triển chung. Khi thời đại đã vận động phát triển như ngày nay, không thể tồn tại một quốc gia nào đó "bế quan tỏa cảng", tự đặt mình ra bên lề nhân loại. Tuy nhiên, toàn cầu hóa không phải khi nào cũng đem lại một kết quả như ý muốn nếu mỗi quốc gia không có một chiến lược phát triển đồng bộ và bền vững. Thiếu đi sự tỉnh táo, sẽ rất dễ đánh mất mình, rất dễ rơi vào những bước hụt hẫng mà các quốc gia đi trước đã mắc phải. Ai cũng có thể nhận thức rằng muốn phát triển cần phải hiện đại hóa, muốn đi kịp với nhân loại cần phải tham gia vào toàn cầu hóa, tức là phải tạo ra những tiền đề cần thiết để vượt thoát ra khỏi sự trì trệ; nhưng không phải ai cũng có thể nhận ra những di hại mà toàn cầu hóa có khả năng đưa lại. Nhìn nhận một cách nghiêm túc, cần thừa nhận đây là một bài toán không dễ tìm ra lời giải đúng, có những hướng đi khác nhau, đưa tới những đáp số khác nhau.

Trong những năm tháng này, toàn cầu hóa diễn ra trong bối cảnh thế giới đang có sự chênh lệch rất lớn về trình độ phát triển giữa các quốc gia. Từ biên độ quá rộng của sự chênh lệch, rất dễ nảy sinh ước muốn nhanh chóng được đổi đời, dễ nảy sinh xu hướng phải "tăng tốc" bằng mọi giá, thậm chí sẵn sàng hy sinh tất cả để đạt tới mục đích, và kết quả là đẩy tới sự lệ thuộc, cay đắng hơn, đẩy tới tình trạng mất quyền tự chủ ngay trên chính Tổ quốc mình. Đối với châu Á, ngàn năm qua lối sống cộng đồng, lấy tình nghĩa và đạo lý làm thước đo nhân cách vốn là nền tảng tinh thần là một trong các giá trị làm nên niềm tự hào của những dân tộc đã khai sinh ra một nền văn hóa lâu đời. Lối sống ấy hiện đang bị thách thức bởi trong xã hội xuất hiện xu hướng đề cao lợi ích cá nhân cực đoan. Quan niệm lệch lạc về vai trò của đồng tiền đã tẩn công vào văn hóa, đưa tới sự xuất hiện hiện tượng đánh giá con người, đánh giá các quan hệ người trên cơ sở vật chất, trong một số trường hợp, các giá trị văn hóa bị xem xét, nhìn nhận từ góc độ của lợi ích cá nhân hơn là lợi ích cộng đồng. Chủ nghĩa tiêu thụ phương Tây trên một quy mô lớn, xâm nhập vào đời sống của nhiều quốc gia, làm thay đổi bộ mặt văn hóa, gây nên sự bùng nổ của "lối sống hiện đại", làm biến dạng "tính nhận diện văn hóa đặc thù" của một số nền văn hóa dân tộc. Cuộc đổ bộ của "văn hóa hiện đại" vào các quốc gia đang tìm đường phát triển không dừng lại ở những lon Cô-ca-cô-la, quần Jeans hay giày Nike mà sâu xa hơn nó làm cho sinh hoạt văn hóa bị lai tạp, vọng ngoại một cách lố lằng. Ngay tới nơi sâu kín nhất là tâm hồn con người, nó cũng có khả năng xâm thực, có khả năng làm biến dạng cả những giá trị tinh thần tưởng bất khả xâm

phạm. Mặt khác, tinh thần "dân chủ dành cho số ít" được che đậy dưới cái vẻ hào nhoáng của sự sung túc giả tạo, đôi khi lại tỏ ra có sức quyến rũ với những cặp mắt thiên cận, và hiển nhiên khi đã trúng "viên đạn bọc đường" thì khó bề gượng dậy.

5. Bài học từ một vài quốc gia không biết dựa trên nội lực của chính mình để phát triển chính là sự cảnh tỉnh thiết thực nhất cho những dân tộc đang cố gắng phấn đấu cho một tương lai tốt đẹp hơn. Phát triển trên nền tảng văn hóa, hội nhập với nhân loại mà không đánh mất quyền tự chủ, không xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đã lựa chọn phải trở thành nguyên tắc sống còn khi tham gia vào toàn cầu hóa. Chiến lược hội nhập với thế giới phải được hoạch định trên cơ sở một khảo sát đầy đủ, chính xác, đồng bộ về những điều kiện khách quan và chủ quan, đồng thời cần dự liệu những tình huống ngược chiều có thể xảy ra. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta còn nhiều cam go, nhiều thách thức mà chỉ bằng sự nỗ lực của chính mình, của khối đoàn kết toàn dân tộc chúng ta mới hội đủ những điều kiện cần thiết tạo dựng nên một bản lĩnh mới để cùng nhau vượt qua. Và bất luận trong trường hợp nào cũng không để xảy ra tình trạng sung túc về vật chất mà khô kiệt về tinh thần. Muốn vậy, một trong những yếu tố bảo đảm cho sự vững vàng trước toàn cầu hóa là phải giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa đã làm nên bản sắc dân tộc, sao cho văn hóa dân tộc từ quá khứ đến hiện tại và tương lai luôn là một dòng chảy liên tục, không ngừng được bồi đắp, để văn hóa xứng đáng với sứ mệnh là động lực tinh thần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta. □

TRONG hơn nửa thế kỷ qua, ngay từ sau ngày Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm chỉ đạo công tác bảo hộ lao động. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ

rõ : "Phải bảo đảm an toàn lao động, vì người lao động là vốn quý nhất"⁽¹⁾. Trong Sắc lệnh số 29/SL - Sắc lệnh đầu tiên về lao động - do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành năm 1947, đã có những điều về an toàn, vệ sinh lao động. Qua các kỳ Đại hội, trong các văn kiện của Đảng đều đề cập đến nhiệm vụ bảo đảm an toàn và vệ sinh lao động. Chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề này được thể chế hóa bằng toàn bộ Chương IX của Bộ luật Lao động, ban hành năm 1994. Gần đây nhất, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng lại một lần nữa nhấn mạnh : "Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn và vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho người lao động"⁽²⁾.

Mục tiêu của công tác bảo hộ lao động là thông qua các biện pháp về pháp luật, khoa học, kỹ thuật, kinh tế, xã hội, tổ chức và quản lý... để loại trừ các yếu tố nguy hiểm và có hại phát sinh trong sản xuất và công tác ; nâng cao sự hiểu biết và tính tự giác của người sử dụng lao động và người lao động, cùng thực hiện các biện pháp đồng bộ để tạo nên một điều kiện lao động

Cần có một chiến lược về an toàn và vệ sinh lao động trong thời kỳ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

NGUYỄN AN LUONG *

an toàn, tiện nghi, thuận lợi và không ngừng được cải thiện nhằm ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, trực tiếp góp phần bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người lao động, bảo vệ tài sản của nhà nước và của nhân dân. Trong những năm thực hiện đường lối đổi mới, công tác bảo hộ lao động đã có những chuyển biến tích cực, góp phần làm nên những thành tựu quan trọng của đất nước trên nhiều lĩnh vực. Đến nay, Nhà nước đã ban hành tương đối đủ, đồng bộ các văn bản pháp luật về bảo hộ lao động. Một hệ thống tổ chức quản lý, thanh tra của nhà nước về bảo hộ lao động đã được hình thành và đang hoạt động có hiệu quả. Hệ thống tổ chức của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam từ trung ương đến cơ sở đều có bộ phận chức năng, các tổ chức quần chúng, kiểm tra, giám sát công tác bảo hộ lao động. Nhờ đó,

* PGS, TS, Phó chủ tịch thường trực Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 9, tr 277

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 105

công tác quản lý nhà nước cũng như vai trò của quần chúng trong công tác bảo hộ lao động đã từng bước được nâng cao và mang lại hiệu quả thiết thực. Công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học, kỹ thuật bảo hộ lao động được thực hiện đã phục vụ tốt việc cải thiện điều kiện làm việc, phòng chống tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, góp phần bảo vệ sức khỏe người lao động. Hoạt động thông tin, khoa học, tuyên truyền, huấn luyện, đào tạo về bảo hộ lao động đã được tiến hành có nhiều kết quả. Phong trào quần chúng hoạt động bảo hộ lao động, mà nòng cốt là phong trào "Xanh, sạch, đẹp, bảo đảm an toàn và vệ sinh lao động" do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phát động trong nhiều năm qua đã được đông đảo người lao động và các cơ sở, địa phương, ngành trong cả nước hưởng ứng, mang lại hiệu quả thiết thực. Từ năm 1999 đến nay, Tuần lễ quốc gia về "An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ" đã được tổ chức có kết quả tốt hằng năm. Hoạt động hợp tác quốc tế về an toàn và vệ sinh lao động được tăng cường và mở rộng. Công tác bảo hộ lao động trực tiếp góp phần cải thiện điều kiện làm việc ở nhiều cơ sở, nhiều ngành sản xuất; tình hình tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp phần nào được ngăn chặn, hạn chế; các chế độ, chính sách về bảo hộ lao động được thực hiện tốt hơn.

Đất nước ta đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bên cạnh những đóng góp quan trọng, công tác bảo hộ lao động vẫn còn bộc lộ nhiều thiếu sót. Điều kiện lao động trong nhiều ngành sản xuất, nhất là trong các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ, trong các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, các làng nghề, các hộ sản xuất cá thể còn

rất xấu, thậm chí rất khắc nghiệt. Nhiều công trình, nhà xưởng, máy móc đã quá cũ kỹ, lạc hậu, hư hỏng không được sửa chữa, thay thế, có nhiều nguy cơ gây tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Lao động thủ công, nặng nhọc còn phổ biến trong nhiều ngành, có nơi còn chiếm tỉ lệ từ 60 đến 70%. Môi trường lao động ở nhiều cơ sở bị ô nhiễm nghiêm trọng, có nơi nồng độ các chất độc hại như bụi, hơi khí độc, tiếng ồn, bức xạ, nhiệt độ, v.v.. vượt giới hạn tiêu chuẩn hàng chục, thậm chí đến hàng trăm lần. Tại hầu hết các làng nghề, tình hình môi trường rất xấu. Kết quả khảo sát ở 5 loại làng nghề: chế biến gỗ (mộc và chạm khắc), làm giấy, chế biến thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng (gạch ngói, sành sứ), tái chế kim loại (sắt, thép, đồng, nhôm, chì...) tại các tỉnh, thành phố Bắc Ninh, Bắc Giang, Nam Định, Hà Tây, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Hưng Yên cho thấy tình trạng ô nhiễm môi trường đã đến mức báo động.

Qua khảo sát 114 cơ sở sản xuất trong 22 khu công nghiệp và khu chế xuất thuộc 8 tỉnh và thành phố, điều kiện và môi trường lao động tuy đã được cải thiện, tiện nghi và thuận lợi hơn, song đa số các cơ sở vẫn bị ô nhiễm với những yếu tố và mức độ khác nhau (68% bị ô nhiễm nhiệt; 58,3% bị ô nhiễm hơi khí độc và 55,7% bị ô nhiễm tiếng ồn). Tình hình tai nạn lao động, cháy, nổ, bệnh nghề nghiệp vẫn còn nghiêm trọng, thậm chí có nơi, có lúc còn có chiều hướng gia tăng...

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bệnh nghề nghiệp đã và đang trở thành nguy cơ tiềm tàng, đe dọa sức khỏe, tính mạng, tương lai, hạnh phúc của người lao động và gia đình

họ. Cho đến nay, nước ta đã có 21 bệnh nghề nghiệp đã được công nhận và có tên trong danh mục các bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm. Trong những năm qua đã có hơn 11 000 người được giám định và được công nhận là bị mắc bệnh nghề nghiệp và được hưởng chế độ bảo hiểm, trong đó bệnh bụi phổi chiếm trên 80%, tiếp đến là các bệnh dietic nghề nghiệp ; nhiễm độc hóa chất và các bệnh khác. Hiện nay, vẫn còn nhiều loại bệnh nghề nghiệp chưa được nghiên cứu để đưa vào danh mục các bệnh nghề nghiệp cần được bảo hiểm. Một số chế độ, chính sách về bảo hộ lao động hiện nay vẫn chưa được thực hiện đầy đủ, thậm chí còn bị vi phạm ở một số nơi. Tình trạng khá phổ biến là người sử dụng lao động không trang bị đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động hoặc có trang bị nhưng chất lượng không đảm bảo, số lượng không đủ. Chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cũng không được thực hiện đầy đủ hoặc chỉ được cấp bằng cách bù tiền vào lương. Cách làm này hoàn toàn không đúng với mục đích bồi dưỡng sức khỏe tại chỗ cho người lao động. Trong một số doanh nghiệp, nhất là trong một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở tư nhân, người lao động phải làm việc với thời gian kéo dài và cường độ, nhịp độ cao nhưng không được nghỉ giữa ca. Nhiều nơi, do yêu cầu đặc thù của ngành, nghề sản xuất, của nhu cầu thị trường, người lao động phải làm thêm giờ liên tục trong thời gian dài nhưng không được hưởng chế độ làm thêm giờ theo luật định ...

Điều 95 của Bộ luật Lao động quy định : phải xây dựng một *chương trình hành động quốc gia về an toàn và vệ sinh lao động*, nhưng đã 6 năm thực hiện Bộ luật

Lao động, chương trình hành động đó vẫn chưa xây dựng được. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản, làm ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển công tác bảo hộ lao động ở nước ta. Bởi vậy, trong thời gian tới, việc xây dựng Chiến lược quốc gia về an toàn và vệ sinh lao động là một trong những biện pháp đồng bộ nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Mục tiêu xuyên suốt của công tác bảo hộ lao động nước ta trong vòng 10 đến 15 năm tới là cải thiện rõ rệt điều kiện và môi trường lao động, người lao động được làm việc an toàn và tiện nghi, các yếu tố nguy hiểm và có hại tại nơi làm việc xuống đến giới hạn cho phép. Tình hình tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp được hạn chế, ngăn chặn, giảm xuống mức thấp nhất tiến tới mục tiêu "không có tai nạn, bệnh nghề nghiệp". Sức khỏe người lao động được chăm sóc, quản lý chu đáo. Trên cơ sở đó trực tiếp góp phần bảo vệ, nâng cao chất lượng lao động, bảo vệ sức khỏe và hạnh phúc người lao động góp phần bảo vệ môi trường nói chung. Qua từng giai đoạn 5 năm và hằng năm, cần đề ra các mức cụ thể cải thiện điều kiện làm việc ; nêu rõ chỉ tiêu giảm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp ; xác định rõ mức độ cơ khí hóa, tự động hóa ; trang bị các công trình kỹ thuật vệ sinh, kỹ thuật an toàn (chống nóng, chống bụi, chống ồn, chiếu sáng...), các loại phương tiện bảo vệ... ; nêu rõ số người được huấn luyện về bảo hộ lao động, số kinh phí được đầu tư cho bảo hộ lao động, v.v.

Trong khi xây dựng Chiến lược an toàn và vệ sinh lao động cần quán triệt các quan điểm cơ bản làm cơ sở đề ra phương hướng và nội dung đúng đắn. Một là, bảo hộ lao

động trực tiếp góp phần bảo vệ và phát triển nguồn nhân lực, phù hợp với chiến lược con người. *Hai là*, bảo hộ lao động luôn gắn liền với đặc điểm khí hậu, thiên nhiên và con người cũng như trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. *Ba là*, công tác bảo hộ lao động phải mang đầy đủ 3 tính chất : pháp lý, quần chúng và khoa học mới có kết quả tốt. *Bốn là*, bảo hộ lao động có tính xã hội rất cao, đòi hỏi mọi cấp, mọi ngành, mọi tổ chức và cá nhân trong xã hội, thấy rõ trách nhiệm của mình và phối hợp đồng bộ trong khi thực hiện mới có hiệu quả cao.

Từ những quan điểm cơ bản trên đây, xin đề cập đến một số nội dung chủ yếu của Chiến lược quốc gia về an toàn và vệ sinh lao động ở nước ta trong thời gian tới.

Thực tiễn của công tác bảo hộ lao động trong mấy chục năm qua cho thấy, ở đâu cấp ủy đảng, các cấp chính quyền, tổ chức công đoàn và người sử dụng lao động có nhận thức đúng, nêu cao trách nhiệm, coi bảo hộ lao động là một nhiệm vụ kinh tế - xã hội, luôn gắn bảo hộ lao động với nhiệm vụ sản xuất, công tác của đơn vị, có quan tâm thực sự đến người lao động thì ở đó điều kiện lao động được cải thiện, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp giảm, sức khỏe người lao động được bảo vệ tốt hơn. Vì vậy, trong các nghị quyết, chủ trương công tác của các cấp ủy đảng, cần đề cập đến vấn đề bảo hộ lao động một cách đúng mức. Các báo cáo hằng năm của Chính phủ trước Quốc hội cũng như của chính quyền các cấp trước hội đồng nhân dân, cần có đánh giá về công tác bảo hộ lao động thời gian đã qua và phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch thời gian sắp tới. Những người quản lý sản xuất, sử dụng lao động quán

triệt sâu sắc, nhận rõ trách nhiệm của mình trong công tác bảo hộ lao động, chấp hành nghiêm chỉnh những quy định của pháp luật về bảo hộ lao động. Người lao động được giáo dục ý thức tự giác chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, chế độ, qui định, tiêu chuẩn, nội quy an toàn và vệ sinh lao động. Tổ chức công đoàn phối hợp chặt chẽ với chính quyền và người sử dụng lao động, tham gia ngày càng có hiệu quả hơn vào công tác bảo hộ lao động, thiết thực bảo vệ quyền lợi của người lao động.

Cải tiến, xây dựng một hệ thống tổ chức, quản lý, thanh tra nhà nước về bảo hộ lao động có chất lượng và hiệu lực cao hơn. củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn các cấp trong công tác bảo hộ lao động. Hết sức coi trọng xây dựng, thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cấp chính quyền với tổ chức công đoàn và người sử dụng lao động ; giữa các cấp, các ngành để chỉ đạo công tác bảo hộ lao động. Trước mắt có thể thành lập Hội đồng bảo hộ lao động quốc gia để tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo công tác bảo hộ lao động và là cơ quan đầu mối cho sự phối hợp hành động chung trong công tác bảo hộ lao động. Sửa đổi, bổ sung pháp luật hiện có và xây dựng, ban hành mới một số văn bản pháp luật khác để xây dựng một cách hoàn chỉnh, đồng bộ các văn bản pháp luật, chế độ chính sách, quy định, hướng dẫn, tiêu chuẩn về bảo hộ lao động. Trước hết sửa đổi, bổ sung các chương và một số điều liên quan đến bảo hộ lao động của Bộ luật Lao động và ban hành các nghị định cần thiết về bảo hộ lao động. Coi trọng phổ biến và triển khai thực hiện các văn bản pháp luật, chế độ chính sách về bảo hộ

lao động. củng cố tổ chức và tăng cường hoạt động của hệ thống thanh tra bảo hộ lao động. Thực hiện tốt việc điều tra, thống kê, phân tích tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Trên cơ sở mạng thông tin quốc gia về an toàn và vệ sinh lao động hiện có, tăng cường, bổ sung, củng cố để đưa vào hoạt động có hiệu quả. Tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo, xây dựng các giáo trình, tài liệu huấn luyện mẫu, sử dụng các phương pháp và phương tiện có hiệu quả để huấn luyện về bảo hộ lao động. Đẩy mạnh đào tạo kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành ở trong nước và ở nước ngoài. Xây dựng và thực hiện các chương trình, đề tài khoa học các cấp, đưa nhanh các kết quả nghiên cứu khoa học - kỹ thuật bảo hộ lao động trong nước và nước ngoài vào sản xuất. Đẩy mạnh phong trào quần chúng phát huy sáng kiến, tự cải thiện điều kiện làm việc. Đưa vào sản xuất các loại thiết bị an toàn, các phương tiện bảo vệ cá nhân có chất lượng, phù hợp với điều kiện và con người Việt Nam. Duy trì, đẩy mạnh phong trào quần chúng thi đua làm tốt công tác bảo hộ lao động, đưa phong trào "Xanh, sạch, đẹp - bảo đảm an toàn và vệ sinh lao động" đi vào chiều sâu, có nội dung thiết thực và hiệu quả cao hơn. Hằng năm duy trì và tổ chức tốt Tuần lễ quốc gia về "An toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ". Củng cố, đẩy mạnh hoạt động mạng lưới an toàn vệ sinh viên ở cơ sở do tổ chức công đoàn quản lý và chỉ đạo. Chuẩn bị tiến tới thành lập Hội khoa học và kỹ thuật về an toàn và vệ sinh lao động Việt Nam (thành viên của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam). Quan tâm đầu tư thỏa đáng cho công tác bảo hộ lao động ; kiến

ngợi Nhà nước đưa kinh phí cho bảo hộ lao động thành một mục trong ngân sách nhà nước. Huy động sự đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức để thành lập Quỹ hỗ trợ tai nạn lao động. Các đơn vị dành phần kinh phí thỏa đáng để chi cho các hoạt động bảo hộ lao động, thực hiện các công trình cải thiện điều kiện làm việc của đơn vị mình. Củng cố hệ thống tổ chức và cán bộ công đoàn làm công tác bảo hộ lao động. Thành lập hệ thống kiểm tra bảo hộ lao động của tổ chức công đoàn. Tiến hành các đợt kiểm tra liên ngành (với sự phối hợp giữa công đoàn và chính quyền đồng cấp), các đợt kiểm tra của riêng hệ thống công đoàn. Thực hiện tốt việc động viên, khen thưởng kịp thời những đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác bảo hộ lao động. Kiến nghị xử lý kỷ luật, kể cả truy cứu trách nhiệm hình sự những trường hợp vi phạm pháp luật, quy định về bảo hộ lao động.

Mở rộng, đẩy mạnh hơn nữa hợp tác quốc tế về bảo hộ lao động. Tranh thủ sự giúp đỡ của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Tổ chức Y tế thế giới (WHO), các tổ chức quốc tế và các quốc gia đối với công tác bảo hộ lao động.

Xây dựng một hệ thống các biện pháp thực hiện các nội dung nêu trên. Trong 5 năm (2001-2005), xây dựng và thực hiện thành công chương trình hành động bao gồm các nhiệm vụ, mục tiêu cần đạt, nội dung cần thực hiện, kinh phí cần thiết để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ và phân công tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ. Trên cơ sở đó, các kế hoạch cụ thể hàng năm sẽ được xây dựng, phê duyệt và đưa vào thực hiện. □



TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TRIỆU VĂN BÉ *

ĐẢNG ta tiến hành công cuộc đổi mới xây dựng đất nước hơn 15 năm qua đã đạt được những thành công trên nhiều lĩnh vực, trong đó có đổi mới chính sách về đất đai một cách đúng đắn và sáng tạo, khiến cho người nông dân thực sự làm chủ trên mảnh đất được giao, tạo ra động lực quan trọng thúc đẩy sản xuất phát triển. Nhờ vậy, chỉ hơn 10 năm, chúng ta đã giải quyết được vấn đề lương thực từ một nước thiếu ăn, nay không những đủ ăn mà còn xuất khẩu ngày càng tăng, phát triển kinh tế và góp phần ổn định chính trị - xã hội. Song thực tiễn quản lý đất đai hơn 10 năm qua cho thấy, cùng với việc chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện chính sách giao đất ổn định lâu dài cho người sử dụng và được hưởng các quyền theo quy định của pháp luật còn có những mặt không bắt kịp tình hình, chậm được sửa đổi, bổ sung, do đó đang nảy sinh nhiều vấn đề cần nhanh chóng bổ sung, hoàn thiện để đáp ứng kịp nhiệm vụ quản lý nhà nước đang đòi hỏi.

Ở nước ta đất đai luôn luôn là vấn đề nhạy cảm cả về 3 mặt : kinh tế, chính trị, xã hội. Tình trạng khiếu nại, tố cáo về đất đai, ở nhiều vùng trong toàn quốc xảy ra khá

phức tạp đang là một vấn đề nhức nhối, chúng ta cần tập trung nghiên cứu, có biện pháp giải quyết kịp thời, một cách cơ bản, hướng tới ổn định lâu dài. Để tăng cường quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản có hiệu lực và hiệu quả, có nhiều việc chúng ta phải làm, trước mắt tập trung những vấn đề chủ yếu sau :

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật đất đai và thanh tra, kiểm sát việc thi hành. Xây dựng chính sách đất đai và tổ chức quản lý đất đai trong nền kinh tế thị trường là rất mới mẻ đối với nước ta. Hệ thống pháp luật về đất đai hiện nay còn thiên về xử lý những quan hệ ban đầu có tính hành chính ; chưa tiếp cận kịp thời những biến động có tính thị trường. Kinh tế - xã hội của đất nước chuyển động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; dẫn đến những biến động về quan hệ đất đai, về cơ cấu sử dụng đất và cơ chế quản lý đất đai làm xuất hiện nhiều vấn đề mới, Nhà nước phải đối mặt với nhiều vấn đề bất cập trong quản lý. Vì vậy, vấn đề tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật đất đai để tạo hành lang pháp lý là rất cần thiết và cấp bách. Nhưng

* Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính

để hoàn thiện chính sách pháp luật đất đai được đúng hướng, cần kiên định nguyên tắc cơ bản là tăng cường củng cố chế độ sở hữu toàn dân về đất đai và thống nhất quản lý của Nhà nước. Đồng thời ngày càng hoàn thiện cơ chế chính sách gắn trách nhiệm và quyền lợi hợp pháp của người sử dụng đất thông qua lợi ích kinh tế. Hai mặt này phải được gắn bó với nhau trong một thể thống nhất. Sở hữu toàn dân, Nhà nước thống nhất quản lý về đất đai được tăng cường có hiệu lực, làm cho việc sử dụng đất có hiệu quả tốt hơn. Điều đó làm cho chế độ sở hữu toàn dân càng được củng cố, và quản lý của Nhà nước ngày càng được tăng cường có hiệu lực, hiệu quả hơn. Đi đôi với việc tiếp tục hoàn thiện chính sách pháp luật đất đai, cần coi trọng đẩy mạnh chương trình truyền thông về pháp luật. Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm sát việc chấp hành pháp luật đất đai, của các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai đối với các đối tượng sử dụng đất, để đảm bảo giữ vững trật tự, kỷ cương trong thi hành pháp luật về đất đai.

Thứ hai, Hiến pháp của nước ta đã thể hiện đường lối "Nhà nước thống nhất quản lý đất đai theo quy hoạch và pháp luật, bảo đảm sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả". Như vậy, Nhà nước là người quản lý, người đại diện cho sở hữu toàn dân. Nhà nước giao quyền sử dụng đất cho các đối tượng sử dụng được quyền sử dụng ổn định lâu dài và được phát huy tối đa các quyền theo luật định. Nhưng Nhà nước cần nắm chắc trong tay quyền chi phối tuyệt đối là quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Ngay từ đầu không thể buông lỏng quản lý để tình trạng sử dụng đất đai một cách tùy tiện tự phát, để rồi theo đó sẽ là một sự trả giá khá đắt cho quản lý về sau. Đây cũng là lời

cảnh báo nghiêm khắc trong quản lý nhà nước về đất đai hiện nay.

Trong bối cảnh nền kinh tế hiện đại đang phát triển với nhịp độ cao, phương án quy hoạch sử dụng đất của mỗi quốc gia đều phản ánh rõ chiến lược về tương lai của quốc gia đó.

Quy hoạch sử dụng đất phải được xem là một giải pháp tổng thể định hướng cho quá trình phát triển và quyết định tương lai của nền kinh tế. Thông qua đó, Nhà nước can thiệp vào các quan hệ đất đai, khắc phục những nhược điểm do lịch sử để lại nhằm giải quyết những vấn đề mà quá trình phát triển đang đặt ra. Lấy quy hoạch sử dụng đất làm cơ sở cho hoạt động quản lý. Đồng thời phát huy dân chủ trong quản lý, quy hoạch, sử dụng đất.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất không dừng lại ở phân phối đất đai cho các chủ sử dụng theo quy hoạch kế hoạch. Để phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ đô thị hóa, công nghiệp hóa nông nghiệp, chúng ta không chỉ dựa vào các nguồn vốn khác đưa đến hoặc nguồn thu từ thuế đất mà còn khai thác nguồn vốn từ đất đem lại trong chênh lệch địa tô. Sinh lợi từ giá trị đất được tăng lên nhờ vào cơ sở hạ tầng được đầu tư đem lại cho các khu dân cư, các khu công nghiệp, dịch vụ, thương mại. Cũng như vùng sản xuất nông nghiệp tập trung chuyên canh đã được thủy lợi hóa, điện khí hóa, giao thông thuận tiện cho vận chuyển các sản phẩm từ nơi sản xuất đến thị trường. Để huy động tốt nguồn vốn đó cần vận dụng chính sách phân chia hài hòa lợi ích cùng đầu tư (cả chủ sử dụng đất) làm tăng thêm giá trị của đất, và phần lợi ích giữa Nhà nước và người được hưởng lợi tăng lên từ đầu tư của Nhà nước. Nhiều nước trên thế giới hiện nay đều gắn

quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phát triển đô thị và nông nghiệp, nông thôn với việc xây dựng cơ sở hạ tầng, sử dụng một phần quan trọng của nguồn vốn sinh lợi từ đất qua đầu tư cơ sở hạ tầng. Nhờ đó, phát triển đô thị, và kiến thiết lại đồng ruộng với tốc độ nhanh. Thực tiễn ở nước ta, việc chỉ đạo mở rộng hình thức đầu tư này còn chậm so với yêu cầu phát triển. Xã hội càng phát triển, yêu cầu về tiến độ và chất lượng của quy hoạch sử dụng đất càng nhanh, càng cao. Vì vậy, Nhà nước cần tăng cường xây dựng và nâng chất lượng quản lý triển khai thực hiện quy hoạch kế hoạch sử dụng đất và biến quy hoạch, kế hoạch đó trở thành công cụ để phục vụ quá trình phát triển về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng.

Thứ ba, gắn với đất đai là vấn đề bất động sản. Từ một dạng tài nguyên thiên nhiên, thông qua quá trình đầu tư, con người đã chuyển hóa đất đai thành tài sản bất động sản. Trong cơ chế kinh tế thị trường ở nước ta, khi người sử dụng đất được thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật đã biến nó thành loại "hàng hóa đặc biệt". Thị trường chuyển nhượng quyền sử dụng đất đai hình thành và phát triển cùng với thị trường vốn và thị trường lao động.

Trong nền kinh tế thị trường, việc tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường là rất cần thiết, bởi đó là một trong những bộ phận hợp thành có mối quan hệ gắn bó nhau của kinh tế thị trường. Thị trường bất động sản và thị trường vốn có nhiều mặt giống nhau. Một bên dùng cơ chế thị trường để phân phối lại vốn, còn bên kia dùng cơ chế thị trường để phân phối lại tài sản bất động sản. Cả hai đều cùng một mục đích là huy động tiềm lực để phát triển kinh tế và đều

có nhu cầu về sự quản lý của Nhà nước để bảo đảm ổn định và tăng khả năng khắc phục tối đa các nguyên nhân có thể dẫn đến rủi ro bằng cách cung cấp kịp thời và chính xác mọi thông tin có liên quan. Thông thường thị trường vốn được chú ý trước là do muốn ưu tiên thu hút vốn đầu tư của nước ngoài, và bị ảnh hưởng tác động chung của thị trường thế giới. Nhưng sự chậm trễ trong việc hình thành một thị trường bất động sản cũng sẽ cản trở đến việc khai thác các nguồn lực trong nước cho phát triển.

Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ "tổ chức và quản lý tốt thị trường bất động sản" mà Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã nêu, trong thời gian qua có nhiều mặt làm được, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều yếu kém. Có lĩnh vực chưa được khai thông hoặc quản lý không chặt, có thị trường "ngầm" hoạt động ngoài tầm kiểm soát của Nhà nước. Để chủ động tổ chức và quản lý tốt thị trường bất động sản, chúng ta tập trung thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau :

Một là, hiện nay chúng ta mới có Luật Đất đai, chưa có luật bất động sản. Vì vậy trước mắt, Nhà nước tập trung xây dựng pháp luật về đăng ký bất động sản, đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu về nhà ở, tập trung cơ quan đăng ký hoạt động có hiệu lực. Cơ quan chức năng giúp Nhà nước làm tốt các khâu điều tra cơ bản, nắm chắc quỹ đất đai, các đối tượng sử dụng đất cập nhật biến động, đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu để sớm hình thành hệ thống thông tin quản lý đất đai, quản lý bất động sản, đưa công tác quản lý đi vào nền nếp.

Hai là, tổ chức đăng ký bất động sản, cấp chứng chỉ và xác nhận mọi biến động

về chủ sở hữu là hoạt động thường xuyên vừa mang tính quản lý, vừa có tính giao dịch thị trường. Vì vậy, cần có cơ quan chuyên môn của Nhà nước phụ trách, hoạt động theo pháp luật và trở thành trung tâm giao dịch chính thống của thị trường bất động sản, làm cơ sở để phát triển các tổ chức theo hướng xã hội hóa về mặt này như các trung tâm giao dịch nhà đất, chợ địa ốc.

Nhịp độ phát triển về kinh tế - xã hội càng cao thì sự biến động bất động sản ngày càng lớn và khi thị trường đi vào thế ổn định thì biến động này trở nên thường xuyên. Thông qua việc quản lý những biến động này, Nhà nước triển khai nhanh các chính sách kinh tế - xã hội của mình như thu tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ, thực hiện chính sách đền bù đất đai giải phóng mặt bằng, tái định cư, giải quyết tranh chấp, thực hiện các quyết định về giao đất, thu hồi đất...

Ba là, định giá bất động sản cũng là một hoạt động quan trọng của một thị trường bất động sản có tổ chức. Bằng việc này, không chỉ để Nhà nước có thể tác động vào thị trường, mà còn là giải pháp bảo đảm cho thị trường ổn định và bảo vệ lợi ích chính đáng của người sử dụng đất.

Cần có một cơ quan định giá bất động sản vừa nắm chắc quy luật giá cả của thị trường, vừa am hiểu xu hướng phát triển kinh tế - xã hội để hình thành được giá bất động sản vừa là sản phẩm của thị trường, vừa là công cụ sắc bén để không chỉ điều tiết kinh tế mà còn tạo điều kiện thực hiện thuận lợi chính sách phát triển kinh tế và cải thiện các điều kiện xã hội.

Bốn là, để thực hiện những nhiệm vụ nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất

đai và thị trường bất động sản, phải đổi mới hệ thống tổ chức quản lý đất đai cùng với việc xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên ngành tương ứng là cần thiết, có vai trò quyết định.

Đổi mới tổ chức quản lý đất đai gắn với đổi mới hệ thống hành chính nhà nước. Tổ chức quản lý đất đai phải đồng bộ, toàn diện, thống nhất từ trung ương xuống địa phương đến cơ sở, bảo đảm cho việc sử dụng đất đai đạt hiệu quả cao, tránh phiền hà cho dân. Tổ chức quản lý tài nguyên đất đai phải chặt chẽ cũng như quản lý tài sản, tài chính nhà nước, không được để thất thoát. Tổ chức quản lý đất đai bảo đảm cho thị trường bất động sản vận hành lành mạnh và thông suốt. Ở đây cần phải chú ý ba mặt đồng bộ : thứ nhất, luật pháp phải hoàn thiện, đồng bộ, đặc biệt là phải nghiêm minh, nếu không hậu quả hết sức phức tạp và lâu dài. Thứ hai, phải có một đội ngũ cán bộ có đức, có tài, có nhiệt tình trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn phức tạp như hiện nay. Thứ ba, để vươn đến việc quản lý đất đai, bất động sản đạt trình độ hiện đại, nhanh chóng cải tiến lề lối, tác phong làm việc của cán bộ, mặt khác thực hiện tin học hóa càng nhanh càng tốt việc quản lý đất đai, bất động sản. Đây là khâu then chốt dẫn đến quản lý tốt đất đai và bất động sản. Để cơ quan quản lý nhà nước về đất đai đủ mạnh cần sớm chuyển chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn từ là cơ quan giúp việc sang cơ quan quản lý thực thụ, chịu trách nhiệm trước Nhà nước về quản lý tài nguyên đất đai. Phân công, phân cấp về trách nhiệm rành mạch, rõ ràng, vừa kiện toàn tổ chức đồng thời phải xây dựng một đội ngũ cán bộ ngang tầm với nhiệm vụ. □

QUY CHẾ DÂN CHỦ

với việc ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh THÁI BÌNH

Phỏng vấn Đồng chí **BÙI SĨ TIỂU**,

Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình

Hỏi : Thưa Đồng chí Bí thư, xin đồng chí cho biết một vài nét về bối cảnh của tỉnh Thái Bình khi có Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Trả lời : Trước khi có Quy chế dân chủ ở cơ sở, tỉnh Thái Bình đã xảy ra nhiều “điểm nóng”, hệ thống chính trị cơ sở nhiều nơi hầu như bị tê liệt, bị vô hiệu hóa dẫn đến tình trạng mất ổn định. Qua những vụ việc xảy ra ở Thái Bình cho thấy, việc để xảy ra mất ổn định ở nông thôn không phải chỉ có nguyên nhân kinh tế mà còn do hiện tượng mất dân chủ kéo dài, làm mất lòng tin, gây bất bình trong nhân dân. Tình trạng này, nếu không được khắc phục sẽ ảnh hưởng rất xấu đến sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Thái Bình đã có Nghị quyết 06/TU về “Những chủ trương, giải pháp ổn định tình hình”. Trong lúc Đảng bộ và nhân dân tỉnh Thái Bình đang thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy thì

Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) và các nghị định của Chính phủ về “Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở” được ban hành. Vì vậy, Chỉ thị của Bộ Chính trị và các nghị định này đã được Đảng bộ và nhân dân tỉnh Thái Bình tiếp nhận một cách hào hứng, phấn khởi, là cơ hội để Thái Bình sớm ổn định tình hình ở nông thôn. Đây là một chủ trương đúng đắn, kịp thời, hợp lòng dân, nên đã nhanh chóng đi vào cuộc sống. Tỉnh ủy và các cấp ủy, các cấp chính quyền ở Thái Bình đã lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc, thống nhất trong toàn tỉnh, coi đây là một trong những giải pháp hữu hiệu để tình hình trong tỉnh đi vào ổn định và phát triển.

Sau hơn 3 năm thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp chính quyền, sự phối hợp đồng bộ của các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, nên việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở giúp cho tình hình ở Thái Bình đã từng bước ổn định

và đến nay đạt được những kết quả đáng phấn khởi.

Hỏi : Xin Đồng chí cho biết rõ hơn về một số kết quả đó ?

Trả lời : Kết quả rõ nhất, nổi bật nhất của việc thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) và các nghị định của Chính phủ về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là đã làm chuyển biến một bước nhận thức của cán bộ, đảng viên về dân chủ xã hội chủ nghĩa và phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Thông qua việc thực hiện dân chủ một cách đúng đắn đã phát huy được các nguồn lực, trí tuệ của các tầng lớp nhân dân vào việc giải quyết tình hình mất ổn định ở nông thôn, đóng góp những giải pháp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở nông thôn. Trong mấy năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt trên 6%/năm ; lương thực đạt trên 600 kg/người/năm ; giá trị gieo trồng trên 1 ha đất canh tác đạt bình quân 28 triệu đồng/năm. Các cơ sở công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, văn hóa, giáo dục được đầu tư phát triển và bắt đầu phát huy hiệu quả trong đời sống xã hội. Cơ sở hạ tầng ở nông thôn theo hướng kiên cố hóa, khang trang, thiết thực, sạch đẹp, thuận tiện cho sinh hoạt của nhân dân được tiếp tục thực hiện có hiệu quả. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện. Tình làng nghĩa xóm, tình thân thương thân, tương ái trong cộng đồng dân cư được gắn kết. Niềm tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân được củng cố và bồi đắp.

Qua việc xử lý các "điểm nóng" và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã góp phần

đổi mới phong cách lãnh đạo, lề lối làm việc của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, cơ quan, đơn vị và tác phong công tác của đội ngũ công chức theo hướng khoa học, năng động, gần dân, gắn bó với cơ sở, nâng cao trách nhiệm cá nhân, hạn chế những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, quan liêu, cửa quyền, gây phiền hà cho nhân dân. Năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, quản lý của chính quyền, hoạt động của các đoàn thể được nâng lên một bước, ngày càng có chất lượng, hiệu quả thiết thực hơn. Qua thực hiện Quy chế dân chủ, nhận thức của nhân dân được nâng lên, hiểu thêm thế nào là dân chủ đi liền với giữ gìn kỷ cương, phép nước ; huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân ; ổn định tình hình ở nông thôn, củng cố và phát huy vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng. Nhân dân trong tỉnh đã tham gia tích cực vào việc thanh tra kinh tế ở 242/285 xã, phường, thị trấn ; giải quyết những tồn tại, sai phạm về sử dụng và quản lý đất đai, ngân sách xã, xây dựng cơ sở hạ tầng, thu hồi tài sản bị thất thoát cho Nhà nước, góp phần làm trong sạch đội ngũ cán bộ cơ sở.

Điều đáng chú ý là dân chủ được mở rộng đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giải quyết những vấn đề sau thanh tra ở nhiều nơi thu được những kết quả tích cực, vấn đề xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm đã bảo đảm đúng người, đúng tội. Trong khi tình hình mất ổn định xảy ra ở nhiều địa phương thì tại không ít cơ sở, do mở rộng dân chủ nên vẫn huy động được sự đóng góp tự nguyện của nhân dân (có nơi huy động được từ 400 triệu đến 1 tỉ đồng) để xây dựng cơ sở hạ tầng. Cũng nhờ phát huy dân chủ ở cơ sở mà đoàn kết trong Đảng được tăng cường ; cán bộ, đảng viên gần

dân hơn, khắc phục có hiệu quả nạn tham nhũng, quan liêu, mệnh lệnh, xa dân. Dân chủ trong Đảng được mở rộng, đảng viên nêu cao hơn ý thức trách nhiệm trong thảo luận, xây dựng nghị quyết của cấp ủy đảng, tham gia góp ý kiến với tổ chức đảng cấp trên, tiến hành tự phê bình và phê bình nghiêm túc hơn. Đa số đảng viên vừa thực hiện tốt quyền dân chủ, vừa chấp hành nghiêm túc kỷ luật của Đảng và Quy định những điều đảng viên không được làm. Không khí dân chủ đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân thẳng thắn, chân tình, định kỳ đóng góp ý kiến cho đảng viên và giám sát công tác ; đạo đức, lối sống của đảng viên, kể cả đảng viên đang công tác, tham gia sinh hoạt tại nơi cư trú. Việc xây dựng và thực hiện quy chế, quy định, quy ước trên từng lĩnh vực ở các cơ sở được các cấp ủy đảng, chính quyền rà soát, bổ sung, bảo đảm cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện khoa học, đạt chất lượng, hiệu quả. Quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện đầy đủ, cụ thể hơn ; vai trò trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể và cán bộ, đảng viên được nâng lên một bước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở vẫn còn những hạn chế, thiếu sót. Việc quán triệt Chỉ thị của Bộ Chính trị và các nghị định của Chính phủ ở một số nơi còn làm một cách hình thức, chưa chủ động tổ chức thực hiện. Một số cán bộ lãnh đạo còn ngại khó, sợ va chạm, nhất là tâm lý sợ mất quyền lực khi mở rộng dân chủ. Tại một số đơn vị, mặc dù đã xây dựng được quy chế, quy ước, nhưng kết quả thực hiện còn nhiều hạn chế. Công tác kiểm tra, đôn đốc của cấp ủy, chính quyền các cấp chưa thường xuyên.

Sự phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở chưa nhịp nhàng, ăn khớp và đồng bộ. Những thiếu sót trên đây đã ảnh hưởng không tốt đến việc thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ và quyền làm chủ của nhân dân.

Hỏi : Trong quá trình tổ chức xây dựng, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tỉnh nhà đã rút ra được những kinh nghiệm gì ?

Trả lời : Qua hơn 3 năm thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) và các nghị định của Chính phủ về xây dựng, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Thái Bình đã rút ra được một số kinh nghiệm sau đây :

Một là, công tác triển khai quán triệt Chỉ thị của Bộ Chính trị và các nghị định của Chính phủ, nhất là ở cơ sở, phải nghiêm túc, sâu rộng, làm cho các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân thông suốt về tư tưởng, chuyển biến nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa, vai trò, vị trí của dân chủ xã hội chủ nghĩa đối với việc huy động trí tuệ, sức mạnh toàn dân vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, giải quyết vướng mắc, đồng thời tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân tích cực tham gia thì Quy chế dân chủ ở cơ sở mới thực sự phát huy tác dụng.

Hai là, việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở phải là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, các ngành và của toàn dân. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, phải xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, có bước đi thích hợp, lựa chọn các nội dung trong Quy chế mà thực tiễn đang

đòi hỏi để thực hiện trước nhằm đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng, lợi ích chính đáng của nhân dân. Xây dựng các quy chế, quy định trên từng lĩnh vực cho phù hợp, có tính khả thi và phải tổ chức thực hiện nghiêm túc, tránh khoa trương, hình thức, tránh "đánh trống, bỏ dùi". Cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu thực hiện. Phải chỉ đạo làm điểm, rút kinh nghiệm để nhân ra diện rộng, chú trọng hoàn thiện, mở rộng nội dung thực hiện dân chủ cho phù hợp.

Ba là, công tác tuyên truyền phải liên tục, có chiều sâu thông qua đội ngũ báo cáo viên và các phương tiện thông tin đại chúng từ tỉnh đến cơ sở. Phải đúc kết kinh nghiệm, tuyên truyền, nêu gương các điển hình tiên tiến, đồng thời phê phán những địa phương, cơ quan, đơn vị không nghiêm chỉnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Bốn là, thực hiện Quy chế dân chủ phải gắn chặt với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh, gắn liền với cải cách nền hành chính nhà nước, giữ vững kỷ cương, kỷ luật và gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ sở.

Hỏi : Với kết quả và kinh nghiệm đã đạt được, theo đồng chí, để thực hiện tốt hơn Quy chế dân chủ ở cơ sở, trong thời gian tới Tỉnh ủy tập trung vào những vấn đề gì ?

Trả lời : Trước hết, cần nhận thức đúng đắn và đầy đủ việc tiếp tục xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là một việc cấp thiết và thường xuyên. Gắn vấn đề này với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XVI, cũng như các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; với vấn đề xây dựng, chỉnh

đốn Đảng và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở và cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống văn hóa mới ở khu dân cư. Ở những xã, phường chưa xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở hoặc là đã xây dựng được rồi nhưng tổ chức thực hiện chưa tốt, chưa có hiệu quả thì cần phải tập trung kiểm tra, tìm biện pháp tháo gỡ, tìm ra cách làm, phương thức thực hiện trên cơ sở rút kinh nghiệm từ các cơ sở khá trong huyện, trong tỉnh. Các cấp ủy đảng và các đồng chí đứng đầu cần có sự chuyển biến nhanh trong nhận thức về vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới, tạo động lực lôi cuốn và phát huy vai trò nòng cốt của đội ngũ cán bộ cơ sở. Đội ngũ cán bộ cơ sở phải không ngừng phấn đấu, học hỏi để có trình độ, năng lực quản lý điều hành, tổ chức thực hiện và có phẩm chất, đạo đức tốt, gương mẫu trước quần chúng và phải thật sự "vào việc", "nói đi đôi với làm" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhắc nhở.

Để Quy chế dân chủ ở cơ sở thực sự đi vào cuộc sống của nhân dân, dân hiểu được, làm được thì *một việc quan trọng* là phải xây dựng, hoàn thiện các bản quy chế dân chủ, quy ước, hương ước cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, dễ kiểm tra. Để làm tốt vấn đề này, cần phải mở rộng dân chủ hơn nữa, huy động trí tuệ và lòng nhiệt tình tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân. Cần mở rộng việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở tất cả các cơ quan, đơn vị, tổ dân phố, cụm dân cư, thôn, xóm... (kể cả các cơ quan đảng, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân) và coi đây là một tiêu chuẩn để đánh giá thi đua, thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị, nhằm tạo nên một sự thống nhất, đồng bộ trong quá trình tổ chức thực hiện.

Tỉnh ủy coi trọng việc củng cố, kiện toàn các ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở ở tất cả các cấp. Xác định rõ vai trò và sự phối hợp giữa các thành viên của hệ thống chính trị cơ sở trong việc tổ chức thực hiện. Các cấp ủy đảng, chính quyền cần chủ động nắm bắt tình hình cơ sở, tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, thực hiện nghiêm chỉnh việc tiếp dân, phát hiện và giải quyết có lý, có tình những bức xúc của dân, phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trước mắt, coi trọng việc giải quyết những đơn thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân và giải quyết dứt điểm những tồn đọng mà thanh tra đã kết luận trong thời gian vừa qua.

Để thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đúng đắn, có hiệu quả phải gắn chặt vấn đề phát huy dân chủ với việc bảo đảm kỷ cương, kỷ luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Vấn đề này đã được nhấn mạnh ngay từ đầu trong Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Song, trong thực tế vẫn có một số người lợi dụng dân chủ, cố tình vi phạm pháp luật, coi thường kỷ cương, phép nước gây nên những khó khăn cho địa phương, cơ sở. Việc tuyên truyền về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trong nhân dân cần phải được coi trọng. Những hành vi lợi dụng dân chủ để gây rối, những hoạt động tự do vô chính phủ cần phải được xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật. Cần huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị cơ sở vào việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Xin cảm ơn đồng chí ! □

TƯ TƯỞNG CƠ HỘI...

(Tiếp theo trang 25)

vững chắc. Tuy nhiên nhiều vấn đề mới mẻ đang đặt ra cả về lý luận và thực tiễn cần được tiếp tục làm sáng tỏ. Lúc này công tác lý luận có ý nghĩa rất quan trọng nhằm bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam ở thời đại ngày nay, làm sâu sắc và cụ thể hơn nữa lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta. Trong nghiên cứu lý luận, mở rộng dân chủ, phát huy tự do tư tưởng, động viên mọi tiềm năng trí tuệ sáng tạo, không mệnh lệnh, áp đặt, không quy kết chụp mũ tùy tiện. Đồng thời giữ vững kỷ luật, không phát ngôn vô tổ chức, không tán phát tài liệu, truyền bá những quan điểm trái với Cương lĩnh, đường lối của Đảng. Công tác lý luận gắn chặt với thực tiễn, xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn, trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo hành động thực tiễn của Đảng. Cơ quan lãnh đạo các cấp, các ngành coi trọng chỉ đạo công tác nghiên cứu lý luận, sử dụng các thành quả của công tác này vào việc hoạch định chiến lược, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Mới đây Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã ra nghị quyết chuyên đề “Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới”. Quán triệt và triển khai thực hiện tốt nghị quyết đó sẽ tạo một bước chuyển biến mới của công tác tư tưởng, lý luận, đẩy lùi các tư tưởng sai trái nói chung, tư tưởng cơ hội nói riêng. □

HAI mươi bảy năm - những chặng đường, những đổi thay.

Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa xuân 1975 được mở màn đầu tiên từ các tỉnh Tây Nguyên. Lâm Đồng là một trong những địa phương miền Nam sớm được giải phóng. Hai mươi bảy năm qua, vùng cao nguyên này đã chứng kiến những chặng đường, những bước đổi thay to lớn.

Tiếp thu một nền kinh tế - xã hội do chế độ cũ để lại mang nặng tính thực dân kiểu mới, lệ thuộc vào Mỹ, hàng vạn người không có việc làm. Song, chỉ trong một thời gian ngắn, tới cuối năm 1976, sản lượng lương thực đã tăng trên 64% ; tổng sản phẩm xã hội (GDP) tăng 91%, cơ cấu kinh tế và các thành phần kinh tế dần dần được điều chỉnh ; công cuộc hợp tác hóa được tiến hành đã bước đầu thu được những thắng lợi.

Sau gần 10 năm, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (cuối năm 1984) đã đưa ra những đánh giá : "... trong nông nghiệp đã thu hút 78% số hộ nông dân vào làm ăn tập thể. Các ngành công nghiệp, lâm nghiệp, giao thông vận tải, bưu điện, ngân hàng, thương nghiệp, cung ứng vật tư ... cũng được cải tạo và sắp xếp, tổ chức lại một bước ; vai trò kinh tế khu vực quốc doanh đã có bước trưởng thành. Đến năm 1980, giá trị tổng sản lượng khu vực quốc doanh chiếm 25% tổng sản phẩm xã hội... đã tiếp nhận 38 000 lao động từ các tỉnh đến và phân bổ lại trên 13 000 lao động tại chỗ ... ; tiến hành định canh, định cư 6 vạn đồng bào dân tộc ít người...".

Thời kỳ 1991-1995, tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm đạt 12,9% ; nông nghiệp (NN) : 9% ; công nghiệp (CN) - xây

LÂM ĐỒNG 27 NĂM

sau ngày giải phóng

NGUYỄN HOÀI BẢO *

dựng (XD) : 24% ; dịch vụ (DV) : 12,8%. Cơ cấu kinh tế đã có những bước chuyển dịch tích cực : Nông - lâm nghiệp : 48% ; CN, XD : 18,9% ; DV : 33,6%. GDP bình quân đầu người là 307 USD. Hàng năm giải quyết việc làm thường xuyên cho 20 000 - 25 000 lao động.

Trong 10 năm gần đây thực hiện công cuộc đổi mới, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã có những tiến bộ vượt bậc. Bình quân hàng năm, mức tăng trưởng GDP là 13% - 14% ; cơ cấu kinh tế tiếp tục được chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng CN, DV, giảm tỷ trọng NN.

Kinh tế *nông nghiệp* và nông thôn phát triển theo hướng mở rộng vùng chuyên canh, khai thác lợi thế của từng vùng sinh thái, kết hợp sản xuất nông - lâm với phát triển các ngành nghề dịch vụ ; đã xuất hiện nhiều mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao. Giá trị sản xuất NN tăng bình quân hàng năm 26,4%.

* Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng

Trong lĩnh vực công nghiệp, đã từng bước củng cố, sắp xếp lại các doanh nghiệp ; gắn xây dựng nhà máy với chế biến và phát triển vùng nguyên liệu. Tỷ trọng CN - XD trong GDP tăng từ 14,6% năm 1995 lên 19,2% năm 2000.

Để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân, tỉnh đã tập trung sức cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó ưu tiên trước hết là đường giao thông, đường điện và hệ thống thủy lợi. Vì vậy, cùng với sự tăng trưởng kinh tế, mạng lưới đô thị của tỉnh đã phát triển, mở rộng với 13 đô thị, chưa kể hàng loạt thị tứ được hình thành, có 1 thành phố loại II (Đà Lạt), 1 thị xã (Bảo Lộc) và 8 thị trấn. Kinh tế khu vực các đô thị có mức tăng trưởng khá, nguồn thu ngân sách từ khu vực này chiếm tỷ trọng khá lớn. Mức thu nhập tính theo đầu người tại các đô thị lớn khoảng 400 USD/năm. Đến năm 2000, Lâm Đồng có 577 000 người trong độ tuổi lao động (chiếm 56% dân số), trong đó lao động trẻ dưới 35 tuổi chiếm 38%. Điều đáng nói là lao động của tỉnh ngày càng có trình độ văn hóa khá cao, hằng năm còn được bổ sung thêm từ 1 000 đến 1 200 sinh viên tốt nghiệp các trường trung cấp, cao đẳng, đại học ở trong và ngoài tỉnh. Những con số trên nói lên nguồn lao động tại chỗ rất dồi dào, có khả năng tiếp thu kiến thức khoa học - kỹ thuật tham gia vào công cuộc công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HDH) đất nước và chương trình xuất khẩu lao động.

Nâng cao đời sống của các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ không chỉ là một nhiệm vụ chính trị mà còn là sự đền ơn đáp nghĩa đối với đồng bào, những người đã kiên cường, thủy chung trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Tỉnh đã tập trung đầu tư thực hiện các chương trình,

mục tiêu quốc gia và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào được nâng lên rõ rệt. Tỷ lệ đói nghèo lúc đầu chiếm 54%, hiện nay xuống còn 27% ; cơ bản đã xóa được nạn đói giáp hạt và nạn phá rừng làm rẫy.

Mạng lưới y tế Lâm Đồng được hình thành rộng khắp. Tổng số cán bộ, viên chức của ngành đến năm 2000 có khoảng 2 600 người và gần 1 000 nhân viên y tế cộng đồng (trong đó có khoảng trên 400 người có trình độ đại học và trên đại học). Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hiện là 1,95%. Theo số liệu thống kê năm 1999, toàn tỉnh có khoảng gần 124 000 người tập thể thao thường xuyên (chiếm tỷ lệ 12%). Cơ sở thể thao lớn nhất tỉnh hiện nay là sân vận động với sức chứa từ 10 nghìn đến 12 000 người. Năm 1992, sân Golf 18 lỗ đầu tiên của Đông - Nam Á (đã có từ thời Bảo Đại) được nâng cấp thành sân Golf hiện đại. Một nhà thi đấu hiện đại đang được thiết kế, sân vận động sẽ được xây dựng cùng với một khu liên hợp thể thao gồm nhà nghỉ cho vận động viên, bể bơi nước nóng, khu thi đấu đa môn...

Lâm Đồng là nơi có nhiều viện nghiên cứu của trung ương, có Trường đại học Đà Lạt đào tạo đa ngành, mở ra một lợi thế về hợp tác nghiên cứu và cung cấp nguồn nhân lực. Từ năm 1985 đến nay đã có trên 50 đề tài, dự án về nông nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải... được ứng dụng vào thực tiễn, đưa lại những kết quả cụ thể. Trên 30 công trình nghiên cứu thuộc các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn của tỉnh trong những năm qua được thực thi, vừa phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý, vừa góp phần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học và quản lý xã hội. Chuyển giao kỹ thuật thích hợp cho vùng

đồng bào có trình độ dân trí thấp, đời sống khó khăn là một trong những nhiệm vụ hàng đầu được đặc biệt quan tâm. Nhóm đề tài nghiên cứu về dân tộc và di sản văn hóa dân tộc ; về định canh, định cư, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng đời sống văn hóa... là căn cứ đề xuất các chủ trương, giải pháp cho Đảng và Nhà nước nhằm từng bước rút ngắn khoảng cách giữa người Kinh và người dân tộc thiểu số ; giữa nông thôn và thành thị.

Du lịch là ngành được Đại hội tỉnh Đảng bộ xác định là ngành kinh tế động lực. Hai mươi bảy năm qua, ngành *du lịch* Lâm Đồng đã đạt được những thành tựu đáng phần khởi. Số lượng khách du lịch trong nước và quốc tế đến Lâm Đồng ngày một tăng. Nếu năm 1976 mới chỉ đón gần 8 000 khách thì đến năm 2000 đã đón tiếp 700 000 khách. Doanh thu, thu nhập xã hội từ du lịch và nộp ngân sách nhà nước năm sau cao hơn năm trước. Cơ sở vật chất, kỹ thuật của ngành phát triển nhanh. Năm 1976, mới có 16 khách sạn, đến năm 2000 đã có 371 khách sạn (có 20 khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế từ 1 đến 5 sao), chưa kể trên 400 nhà nghỉ lưu động theo mùa vụ ; đội ngũ cán bộ, nhân viên với 2 665 người (70% được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ).

Toàn Đảng bộ hiện có 622 tổ chức cơ sở đảng. Nhìn chung, đa số các tổ chức đảng đều phát huy tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo, góp phần đáng kể vào việc vận động nhân dân thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Với đội ngũ trên 17 000 đảng viên, trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị khá cao (67% tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, 19,9% đại học và 0,5% trên đại học ; 20% có trình độ trung cấp, cử nhân chính trị) và ngày càng được trẻ hóa. Năm 2002 có

87,5% đảng viên đủ tư cách. Điểm nổi bật trong công tác tổ chức là đội ngũ cán bộ thường xuyên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng tại các trường, ở trung ương và địa phương. Từ năm 1996 đến nay, đã có gần 2 800 cán bộ được đào tạo từ trung học đến trên đại học. Đảng bộ đã điều động, bố trí, sắp xếp nhiều đồng chí vào các cương vị lãnh đạo, trong đó hết sức quan tâm đến các đối tượng là người dân tộc thiểu số, phụ nữ và cán bộ trẻ. Công tác phát triển đảng viên được quán triệt và coi trọng nhất là ở vùng sâu, vùng xa, địa bàn có đồng bào tôn giáo và những xã còn nhiều khó khăn.

Bên cạnh những thành tựu, cũng phải nói tới không ít mặt tồn tại. Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ VII đã nêu rõ :

- Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả chưa cao và sức cạnh tranh thấp. Nông nghiệp phát triển chủ yếu theo chiều rộng, còn nặng tính tự phát, chất lượng hàng hóa nhìn chung còn thấp nên khả năng cạnh tranh kém, thị trường tiêu thụ không ổn định. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chậm đổi mới kỹ thuật, tốc độ tăng trưởng không cao ; doanh nghiệp nhà nước chưa thể hiện vai trò chủ đạo, kinh tế hợp tác còn nhiều lúng túng. Thực hiện chủ trương xã hội hóa nghề rừng còn nhiều hạn chế ; hiệu quả giao khoán bảo vệ rừng nhìn chung còn thấp. Quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch thực hiện chậm, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển, sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, thiếu hấp dẫn.

- Công tác quản lý nhà nước về quy hoạch sử dụng đất chưa chặt chẽ, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Cơ chế chính sách chưa được thông thoáng để thu hút các thành phần kinh tế vào đầu tư phát triển.

- Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội còn nhiều bức xúc, nhất là vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tình trạng phân hóa giàu nghèo trong dân cư ngày càng tăng.

- Hiệu lực quản lý điều hành của bộ máy chính quyền các cấp còn yếu. Công tác cán bộ chưa được chú trọng đúng mức, việc đào tạo, bồi dưỡng, bố trí chưa theo quy hoạch. Vẫn còn tình trạng hẫng hụt cán bộ lãnh đạo, chuyên gia đầu ngành. Tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ trẻ còn ít so với yêu cầu.

Một số ít tổ chức cơ sở đảng còn ở mức yếu, kém, có nơi nội bộ mất đoàn kết, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả xây dựng và chỉnh đốn đảng ở địa phương. Số đảng viên đủ tư cách nhưng hạn chế từng mặt chiếm 19,8% ; số vi phạm kỷ luật khoảng 1,5% và không đủ tư cách là 0,1%. Đây là điều mà tỉnh Đảng bộ, các cơ quan hữu quan phải nhanh chóng khắc phục.

Về trình độ tay nghề, hiện chỉ có 12% người lao động được đào tạo qua trường lớp, trong đó mới có 4,2% là công nhân kỹ thuật các loại và trình độ bậc thợ trong các xí nghiệp nhà nước mới chỉ đạt bình quân bậc 2,65/7. Trong khi đó, toàn tỉnh chỉ có 18 cơ sở dạy nghề (phần lớn là cơ sở nhỏ đào tạo không quá 20 nghề, thu hút khoảng 1 800 người học hằng năm). Thực tế đó là một khó khăn lớn cho việc tham gia vào thị trường xuất khẩu và giải quyết việc làm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH.

Trên tinh thần đổi mới về cách nghĩ, cách làm, Lâm Đồng tập trung mọi nguồn lực phát triển kinh tế, xóa bỏ những rào cản làm chậm quá trình phát triển, khai thác một cách hợp lý tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản để phát triển bền vững.

Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001-2005.

Tập trung các nguồn lực và phát huy nội lực, tăng cường đoàn kết nhất trí, giữ vững ổn định chính trị kết hợp với giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân. Phần đầu đạt các chỉ tiêu : tốc độ tăng GDP bình quân hằng năm từ 11% đến 12% ; GDP bình quân đầu người đạt từ 5,5 đến 6 triệu đồng. Tăng nhịp độ giá trị sản xuất bình quân hằng năm của các ngành : nông - lâm - thủy sản : 10% - 11% ; DV : 13% - 14% ; CN-XD : 16% - 17% ; tổng kim ngạch xuất khẩu : 13%.

Cơ bản xóa hộ đói, thu hẹp hộ nghèo xuống còn 8% ; vùng đồng bào dân tộc thiểu số xuống dưới 13% theo tiêu chí mới. Tạo việc làm mới hằng năm cho 16 000 đến 18 000 lao động. Phần đầu đến 2005 có 50% đến 55% số hộ gia đình đạt gia đình văn hóa ; 55-60% thôn, buôn, khu phố, cơ quan đạt đơn vị văn hóa. Phần đầu hầu hết các xã có trường trung học cơ sở, mẫu giáo ; 30% số học sinh tiểu học học hai buổi. Xây dựng và củng cố đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học. Đào tạo nghề cho hơn 20% số người lao động. Giảm tỷ lệ sinh hằng năm 0,5% - 0,6%. Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi từ 34,4% xuống dưới 25%.

Thành tựu của 27 năm xây dựng và phát triển có được là nhờ công sức, xương máu của các thế hệ cư dân sinh sống ở vùng đất cao nguyên này, nhờ sự cố vũ và giúp đỡ chí tình của đồng bào các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Nhân dân Lâm Đồng nguyện kế tục xứng đáng truyền thống cách mạng vẻ vang, khắc phục khó khăn, nỗ lực xây dựng quê hương ngày càng tươi đẹp và gìn giữ trọn vẹn những thành quả của cha anh, vững bước đi tới tương lai. □

NHỮNG năm gần đây, trong lĩnh vực nông nghiệp của các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã xuất hiện hàng vạn tổ kinh tế hợp tác giản đơn. Bên cạnh đó, có trên 350 hợp tác xã (HTX) được xây dựng, trong số đó, một số HTX được xây dựng theo mô hình cũ trước đây chuyển đổi sang mô hình HTX kiểu mới, còn phần lớn là HTX mới được thành lập sau khi Luật Hợp tác xã có hiệu lực (1-1-1997). Cụ thể như tỉnh Vĩnh Long có 14 HTX, tỉnh Long An có 12 HTX, tỉnh An Giang có 62 HTX, tỉnh Cần Thơ có 99 HTX v.v..

Qua khảo sát tại một số tỉnh : Long An, Vĩnh Long, Cần Thơ, Đồng Tháp cho thấy, các HTX nông nghiệp ở ĐBSCL có một số nét chung :

- Quy mô hợp tác xã phần lớn còn nhỏ, bình quân 50 - 60 hộ xã viên/HTX, dịch vụ cho khoảng 60 - 65 ha canh tác, vốn điều lệ từ 55 - 65 triệu đồng, giá trị một cổ phần từ 100 - 200 ngàn đồng (cao nhất 1,2 triệu đồng, thấp nhất 50 000 đồng).

- Hoạt động sản xuất - kinh doanh - dịch vụ của các HTX mới chỉ đảm đương được một hoặc hai khâu, trong đó chủ yếu là các hoạt động dịch vụ đầu vào cho sản xuất như : cung cấp giống, phân bón, thuốc trừ sâu, làm đất, tưới tiêu, tuốt lúa ... Số HTX hoạt động dịch vụ đầu ra còn ít, nếu có cũng chỉ làm đại lý thu mua lúa cho các công ty lương thực của tỉnh.

- Các HTX nông nghiệp ở ĐBSCL thường có 3 loại :

- + Loại HTX hoạt động kinh doanh dịch vụ chuyên môn cho một loại cây trồng hoặc

vật nuôi. Ví dụ HTX Kinh Tư A (Tân Hiệp, Kiên Giang), HTX Bình Thành (Lấp Vò, Đồng Tháp), HTX Hưng Thạnh (Phụng Hiệp, Cần Thơ) dịch vụ chuyên cho cây lúa ; HTX chăn nuôi bò sữa Đức Hòa chuyên dịch vụ đầu vào, đầu ra cho 65 hộ chăn nuôi bò sữa của huyện Đức Hòa (Long An).

Thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với các hợp tác xã nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long

NGUYỄN VĂN TUẤT *

- + Loại HTX kinh doanh dịch vụ chuyên một yếu tố đầu vào cho sản xuất nông nghiệp. Ví dụ HTX Thạnh Hưng (thị xã Vị Thanh, Cần Thơ) chuyên cung cấp phân bón cho sản xuất nông nghiệp. HTX này có 60 cửa hàng đại lý rải khắp các huyện, trong đó 70% tập trung ở thị xã Vị Thanh và huyện Vị Thủy. Thực chất loại HTX này đang kinh doanh như một công ty trách nhiệm hữu hạn.

- + Loại HTX kinh doanh dịch vụ tổng hợp. Loại này nhìn chung còn ít.

Phong trào HTX nông nghiệp của các tỉnh ĐBSCL đã có một số chuyển biến tích cực. Việc tổ chức, quản lý HTX bước đầu đem lại một số kết quả :

- HTX đã phát huy được sức mạnh của tập thể và của hộ xã viên để tập trung xây dựng một số cơ sở vật chất - kỹ thuật như : hệ thống

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Phân viện TP. Hồ Chí Minh

đê bao chống lũ, một số trạm bơm điện để chủ động bơm nước tưới tiêu đảm bảo gieo trồng đúng lịch thời vụ, giảm được chi phí so với bơm tưới tiêu riêng từng hộ.

- HTX ra đời đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động khuyến nông phát triển, nhất là việc tập huấn đưa các tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới vào sản xuất.

- Giá cả hoạt động dịch vụ của HTX cho sản xuất của hộ xã viên nhìn chung thấp hơn giá dịch vụ của hộ tư nhân bên ngoài từ 10 - 15%.

- Một số HTX đã xây dựng được quỹ tương trợ để giúp cho gia đình xã viên khi gặp khó khăn do thiên tai, bệnh tật ; qua đó tăng cường tình đoàn kết trong nông thôn.

- Trong quá trình xây dựng và phát triển ở ĐBSCL bước đầu đã xuất hiện một số HTX hoạt động có hiệu quả cao như HTX Kinh Tư A (Tân Hiệp, Kiên Giang), HTX Bình Thành (Lấp Vò, Đồng Tháp), HTX Hưng Thạnh, Thạnh Hưng, Vị Đông (Cần Thơ), HTX chăn nuôi Bò sữa (Đức Hòa, Long An), HTX Bình Tây (Gò Công Tây, Tiền Giang) v.v..

Tuy đã đạt một số kết quả, song nhìn chung việc xây dựng HTX trong nông nghiệp so với các lĩnh vực khác như tiểu, thủ công nghiệp ; xây dựng ; giao thông vận tải v.v... ở ĐBSCL còn nhiều khó khăn, lúng túng. Hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ của HTX nông nghiệp còn nhiều mặt hạn chế. Theo đánh giá chung của các tỉnh, số HTX hoạt động khá chiếm khoảng 20 - 25%, số còn lại chỉ là trung bình hoặc yếu kém.

Vì sao có tình hình như vậy ? Qua khảo sát chúng tôi thấy nổi lên mấy vấn đề chủ yếu cần được tiếp tục nghiên cứu để giải quyết như sau :

Một là, về nhận thức : nhìn chung đa số nông dân và một bộ phận cán bộ, đảng viên ở cơ sở không thấy được sự ra đời các hình thức

kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn là tất yếu khách quan của nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa. Do đó trong tư tưởng của họ còn có sự nghi ngờ, "dị ứng" với HTX. Thậm chí có người nghĩ rằng nếu tiếp tục xây dựng HTX là vẫn còn phạm phải khuyết điểm chủ quan duy ý chí. Sự nghi ngờ và "dị ứng" với HTX của bà con nông dân vùng ĐBSCL có nguyên nhân sâu xa là do ảnh hưởng của mô hình HTX kiểu cũ để lại cho đến nay vẫn chưa khắc phục được. Trong khi đó, các HTX mới thành lập hoạt động hiệu quả chưa cao, nên chưa hấp dẫn đối với họ.

Họ cũng chưa nhận thức được sự ra đời các hình thức kinh tế hợp tác (mà nòng cốt là HTX) trong nông nghiệp, nông thôn là một quá trình phát triển của lực lượng sản xuất và sự phân công lao động xã hội chứ không thể theo ý muốn chủ quan. Chính vì vậy, bên cạnh tư tưởng bảo thủ, thỏa mãn với kinh tế hộ và các tổ hợp tác giản đơn đã có, vẫn còn tư tưởng chủ quan duy ý chí, nóng vội muốn xây dựng nhanh, nhiều HTX khi chưa có điều kiện bảo đảm về kinh tế - kỹ thuật ; chưa có thực lực về vốn ; chưa có đội ngũ cán bộ ngang tầm v.v..., dẫn đến hệ quả là nhiều HTX ra đời nhưng hoạt động rất khó khăn. Đó là chưa kể có một số nơi, HTX tồn tại chỉ là hình thức. Tình hình này nếu không được khắc phục thì niềm tin của bà con nông dân vào HTX nông nghiệp vẫn còn hạn chế.

Hai là, mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các HTX nông nghiệp ở ĐBSCL nhìn chung vẫn chưa thoát khỏi ảnh hưởng của mô hình HTX cũ ; thể hiện qua các mặt sau đây :

+ HTX ra đời trên nền tảng kinh tế hộ, phục vụ cho kinh tế hộ, nhưng ở đó kinh tế hộ sản xuất hàng hóa lại chưa phát triển, sự phân công lao động xã hội còn ở trình độ thấp, cơ cấu kinh tế chưa có gì thay đổi.

+ Việc tổ chức hợp tác xã chưa xuất phát từ đặc điểm kinh tế, kỹ thuật của từng cây trồng, vật nuôi; từ các yếu tố đầu vào, đầu ra của sản xuất và cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có nên hiệu quả kinh doanh - dịch vụ rất hạn chế.

+ Phần lớn HTX không có mối liên kết hợp tác với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác có cùng nhiệm vụ kinh doanh phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, trước hết là các doanh nghiệp nhà nước, các viện nghiên cứu, các trường đại học đóng trên địa bàn ... Do đó, sự hoạt động của HTX thường đơn độc, lẻ loi, sức mạnh chưa thể hiện được một cách rõ ràng.

+ Phương thức hoạt động của các HTX vẫn còn ảnh hưởng sâu sắc của cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp; chưa thấy được đặc điểm của HTX hoạt động trong cơ chế thị trường là phải tuân thủ các quy luật khách quan, phải cạnh tranh gay gắt với nhiều chủ thể khác.

Thực tiễn ở ĐBSCL cho thấy, để các HTX dịch vụ nông nghiệp hoạt động có hiệu quả trong nền kinh tế thị trường nên tổ chức HTX theo mấy loại hình sau:

+ HTX dịch vụ đầu vào, đầu ra chuyên cho từng cây trồng, vật nuôi. Ví dụ: HTX chăn nuôi bò sữa, HTX nuôi cá, HTX làm vườn v.v.. Tùy theo điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật và trình độ quản lý mà tổ chức HTX dịch vụ từ một, hai đến nhiều khâu.

+ HTX dịch vụ chuyên cho từng yếu tố đầu vào, đầu ra của sản xuất. Ví dụ: HTX làm đất, HTX tưới tiêu, HTX cung cấp phân bón, HTX tiêu thụ sản phẩm ...

+ Vừa phát triển HTX cả chiều ngang vừa phát triển cả chiều dọc. Chẳng hạn các HTX chăn nuôi bò sữa có thể liên hiệp lại thành liên hiệp các hợp tác xã chăn nuôi bò sữa.

+ Quy mô HTX có nhiều cấp độ, tùy thuộc vào trình độ trang thiết bị máy móc và cơ sở

vật chất - kỹ thuật mà tổ chức cho phù hợp. HTX không bị ràng buộc theo địa giới hành chính. Một hộ nông dân có thể tham gia nhiều HTX khác nhau v.v.. Có như vậy, mô hình HTX nông nghiệp mới phong phú, đa dạng không đơn điệu theo một dạng như hiện nay.

Ba là, Luật Hợp tác xã có một số điều chưa hợp lý. Chẳng hạn, Điều 1 Luật Hợp tác xã ghi: *"HTX là tổ chức kinh tế tự chủ do người lao động có nhu cầu, lợi ích chung tự nguyện đóng vốn, góp sức lập và theo quy định của luật pháp để phát huy sức mạnh của tập thể và của xã viên nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả hơn hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cải thiện đời sống, góp phần phát triển kinh tế xã hội đất nước"*⁽¹⁾. Với quan niệm như trên, phải chăng Luật đã đặt HTX vào thể hoạt động biệt lập, bởi chỉ có "người lao động tự nguyện góp vốn" còn các chủ thể kinh tế khác muốn tham gia góp vốn để cùng HTX sản xuất kinh doanh thì Luật không cho phép (?). Trong khi đó, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác lại được liên doanh, liên kết, hợp tác với nhau để hình thành các doanh nghiệp hỗn hợp hay công ty cổ phần. Chính vì vậy, ở ĐBSCL hiện nay có rất nhiều HTX "lách luật" bằng cách để cho các doanh nghiệp dùng vốn của mình giao cho cán bộ "làm xã viên", góp vốn vào HTX. Ví dụ, HTX Long An (Long Hồ, Vĩnh Long) có 175 xã viên và vốn điều lệ là 100 triệu đồng, trong đó vốn cổ phần của xã viên đích thực chỉ có 50 triệu đồng, còn 50 triệu đồng là của Công ty Lương thực tỉnh giao cho hai cán bộ "làm xã viên" góp vốn mỗi người là 25 triệu đồng (dưới 30% vốn điều lệ theo luật quy định).

Trong nông nghiệp ĐBSCL hiện nay, gần như 100% HTX hoạt động dịch vụ, còn về

(1) Hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra HTX. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr 195

sản xuất - nếu có cũng chỉ sản xuất những sản phẩm phục vụ cho hoạt động dịch vụ như con giống, cây giống, hoặc sản xuất kinh doanh những sản phẩm ngoài nông nghiệp. Việc sản xuất những sản phẩm này đòi hỏi phải là những lao động có kỹ thuật, nghiệp vụ ; do đó trên thực tế, phần lớn xã viên góp vốn cổ phần vào HTX là hộ nông dân, chứ không phải "người lao động". Hộ xã viên vào HTX được nhận dịch vụ của HTX cho sản xuất của hộ mình theo hợp đồng, chứ họ không góp sức như luật định.

Bốn là, đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật, nghiệp vụ của HTX ở các tỉnh ĐBSCL hiện nay còn quá thiếu, quá yếu và phần lớn chưa qua đào tạo, bồi dưỡng. Vấn đề cấp bách đang đặt ra cho các cấp ủy đảng, chính quyền các ngành từ trung ương đến tỉnh, huyện ở đây là phải có biện pháp tích cực, hữu hiệu nhằm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật nghiệp vụ cho các HTX nông nghiệp.

Năm là, mối quan hệ liên kết hợp tác giữa các doanh nghiệp nhà nước và các trường đại học, các viện nghiên cứu với hợp tác xã còn rất hạn chế.

Qua khảo sát các HTX ở các tỉnh ĐBSCL cho thấy : ở các HTX hoạt động có hiệu quả, ngoài yếu tố nội lực, đều có sự liên doanh, liên kết với các cơ quan nghiên cứu triển khai khoa học - công nghệ và các doanh nghiệp nhà nước. Ví dụ các hợp tác xã nông nghiệp ở huyện Ô Môn, Thốt Nốt (Cần Thơ) có sự liên kết giúp đỡ của Trường đại học Cần Thơ, Viện lúa ĐBSCL, Nông trường Sông Hậu trên nhiều mặt như : chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, cung ứng vật tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, hướng dẫn nghiệp vụ v.v.. ; các HTX là vệ tinh tiếp nhận kỹ thuật, đầu mối thu mua gom sản phẩm cho doanh nghiệp nhà nước. Hoặc như HTX

chăn nuôi bò sữa Đức Hòa (Long An) có sự hỗ trợ, giúp đỡ của Viện Khoa học nông nghiệp miền Nam về con giống và kỹ thuật thông qua chương trình lai tạo đàn bò sữa Việt - Hà, có sự giúp đỡ của Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường của tỉnh. Thông qua đề tài nghiên cứu khoa học, HTX mua được một xe téc vận chuyển sữa tươi hằng ngày ; đồng thời có sự liên kết, hợp tác của Công ty sữa Vinamilk trong việc thu mua chế biến sữa, giải quyết đầu ra ổn định cho các hộ nông dân nuôi bò. Thực tiễn đó chứng minh rằng, mọi thành quả đạt được trong nông nghiệp, nông thôn nói chung và HTX nông nghiệp nói riêng đều có sự hợp tác, đóng góp của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý vĩ mô của Nhà nước.

Tuy nhiên, ở ĐBSCL hiện nay, mối liên kết, hợp tác như vậy còn bó hẹp trong một số đơn vị, chưa được nhân rộng một cách phổ biến. Hy vọng qua việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương năm (khóa IX), các cấp, các ngành từ trung ương đến tỉnh, huyện có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao hơn các vấn đề này. Mặt khác, các cơ quan nghiên cứu khoa học, các trường đào tạo, các doanh nghiệp nhà nước cần phát huy vai trò chủ đạo, chủ động liên kết, hợp tác chặt chẽ với HTX trên địa bàn thì các HTX nông nghiệp mới có điều kiện phát triển và hoạt động có hiệu quả.

Bên cạnh đó, Nhà nước cũng cần có những chính sách khuyến khích và hỗ trợ HTX nông nghiệp phát triển, trước hết là chính sách đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng (giao thông, thủy lợi, điện, mạng lưới thông tin liên lạc ...) ; chính sách về thuế, tín dụng ; bảo hiểm giá nông sản, thu mua chế biến nông - lâm - thủy sản v.v.. Đây là những vấn đề mà nông dân nói chung và các HTX nông nghiệp nói riêng ở ĐBSCL đang rất mong đợi. □



CHUYỆN CỦA HAI ÔNG

NAM DŨNG

ÔNG Ph. là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh G và là người thường đi truyền đạt nghị quyết. Với ông, quan trọng nhất của người lãnh đạo là phải giỏi lý sự, phải "làu thông thiên kinh vạn quyển", phải biết "thuật tâm công", truyền đạt sự hiểu biết đó cho thật hay, thật hấp dẫn. Theo ông, đó là cái "đạo" ở đời, mà người lãnh đạo tài ba cần biết nắm lấy ; và chỉ cần có cái "đạo" ấy thôi ắt là có tất cả. Còn những việc cụ thể, ông xem chỉ là chuyện đời thường, nhỏ nhặt ; và, việc giải quyết chúng, ấy thuộc về bốn phận của cấp dưới. Có lẽ vì thế, ông chẳng để tâm nhiều lắm đến sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh, đời sống của dân khó khăn đến đâu ông không quan tâm, thậm chí tên gọi của một số cán bộ chủ chốt cấp huyện, sở, ban, ngành ... ông cũng chỉ nhớ mang máng.

Một lần, ông có kế hoạch đi huyện K, một huyện nông nghiệp được xếp vào hạng khó khăn nhất tỉnh. Ông chuẩn bị bài giảng về Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX rất kỹ, tầm chương trích cú, ca dao hò vè, cả những câu ngạn ngữ của ta, của tây. Ông rất yên tâm với sự

chuẩn bị của mình và kéo theo một đoàn gần chục người cùng đi cho thêm phần "oai phong lẫm liệt". Thời gian chuyển đi của ông là hai ngày rưỡi và với một chương trình rất cụ thể. Nửa ngày thứ nhất, ông nghe lãnh đạo huyện báo cáo. Cả ngày hôm sau, ông sẽ triển khai nghị quyết cho hội nghị cán bộ chủ chốt của huyện và cán bộ chủ chốt các xã. Ngày thứ ba, ông đi thực tế một xã trong huyện.

Hai ngày đầu diễn ra rất "thông đồng bèn giọt", khiến ông hết sức đắc chí. Ngoài sự tán dương hết lời của đoàn tháp tùng, ông còn được nghe lãnh đạo huyện bày tỏ sự khâm phục về chất lượng bài giảng của ông. Đến ngày thứ ba, ông mang cái hào khí ấy xuống thăm và dự hội nghị rất trọng thể của xã H, có vài trăm người dự. Chủ tịch xã H, còn rất trẻ, báo cáo mạch lạc mọi công việc của địa phương với ông ; nêu những khó khăn như : có gần 300 hộ dân hiện nay đang ở diện nghèo, trong lúc xã chưa có cách nào giải quyết ; trường học thì dột nát, học sinh buổi học, buổi không ; trạm y tế xã thì không có thuốc, thiếu giường cho bệnh nhân ; cán bộ

xã thì một số người xin nghỉ vì chế độ quá thấp không bảo đảm cuộc sống ... Nghe xong, ông Ph phát biểu một cách hùng hồn : Tôi vừa nghe đồng chí chủ tịch báo cáo rất rõ tình hình khó khăn của xã ta. Tôi rất mừng là khó khăn như thế mà các đồng chí vẫn duy trì tốt tình hình, các đồng chí rất tốt, bà con xã ta đều rất tốt. Nếu các đồng chí chịu khó đọc nhiều sách báo, am hiểu nhiều vấn đề, học được nhiều kinh nghiệm thì nhất định chúng ta sẽ vượt qua khó khăn, chúng ta sẽ sung sướng ... Xin chúc xã ta giàu có nhất huyện, huyện ta hùng mạnh nhất tỉnh, tỉnh ta sẽ đứng đầu cả nước ... Ông nghĩ những lời động viên, khen ngợi ấy sẽ được mọi người đồng tình tán thưởng, nào ngờ cả hội trường lặng ngắt bởi người nghe thấy chỉ là những lời khen ngợi chung chung, thiếu thực tế. Rồi thừa thốt mấy tiếng vỗ tay lộp độp.

Sau lần đó, ông Ph nhận ra rằng bấy lâu nay ông chỉ biết nói suông, mà không nắm sâu sắc được gì ngoài những điều trong lý thuyết, sách vở... Rồi sau đó ông vẫn đi giảng, nhưng ít hơn và điều quan trọng là bài giảng của ông đã chưa đem được thêm cái chất mặn mòi của cuộc sống.

Còn tại tỉnh Z, vị thủ trưởng K. lại có quan niệm ngược hẳn với ông Ph. Ông K thường chỉ chú ý đến những kinh nghiệm

sẵn có. Ông bảo : Lý thuyết chỉ là màu xám, cây đời kia mới mãi mãi xanh tươi. Ông nói với cấp dưới rằng : Từ thực tiễn cuộc sống mới đẻ ra lý thuyết ; không phải lý luận nhiều, cứ làm rồi sẽ hiểu, sẽ biết, sẽ thành công. Đây mới thực là "đời". Có đời là có lý luận. Và, ông chúa ghét những anh hay lý sự.

Đùng một cái, ông K, được tổ chức cử đi học lớp lý luận chính trị ở Hà Nội chín tháng liền. Vẫn theo thói quen, lúc đầu ông đem những "sự đời" của mình ra và bày la liệt trong những bài tiểu luận, những bài thu hoạch. Và, tất nhiên, ông chẳng thể cất nghĩa nổi, vì sao nó lại thế. Rốt cuộc, ông nhận

được những đánh giá không lấy gì làm khả dĩ của thầy, của các đồng chí trong lớp học. Thì ra, lý luận là thứ được tổng kết từ những cái "rất đời", chẳng có gì quá cao siêu. Nó lại như những bản hướng dẫn để ta tránh được những điều mà cuộc đời thường vấp ngã. Càng nghĩ, ông càng thấm thía chuyện ông cho làm thử việc đổi mới bộ giống cây trồng ở tỉnh. Ông đã trực tiếp chỉ đạo, làm đi làm lại, tốn cả trăm triệu đồng mà vẫn thất bại. Ông rất ân hận việc ông kỷ luật đồng chí kỹ sư - Phó giám đốc Sở Nông nghiệp, chỉ bởi tội "trúng khôn hơn vịt", dám phê phán cách chỉ đạo lai tạo giống theo kinh nghiệm của ông và xin đưa ra

phương án khác. Ông thầm hứa với mình, nhất định sẽ sửa sai chuyện ấy. Kết thúc lớp học, ông K về tỉnh. Và trong một phiên họp bàn về chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, ông đã bày tỏ quan điểm của mình một cách chân thành rằng : Phương án đổi mới bộ giống cây trồng của Sở Nông nghiệp đã đề xuất là một phương án được nghiên cứu kỹ lưỡng, có cơ sở khoa học và đúng hướng, nhất định chúng ta sẽ thực hiện. Tất cả mọi người đều thấy ông nói đúng, và tin rằng, ông sẽ làm đúng như thế.

Ấy là chuyện của hai ông ở hai tỉnh mà tôi được biết, xin được ghi chép lại, mà không bình luận gì thêm.□

HỘP THƯ

Thời gian qua, Tạp chí Cộng sản đã nhận được bài, ảnh của các tác giả :

Hà Hữu Nết, Hồ Văn Mười, Đoàn Minh Châu, Dương Việt Thắng, Lê Hùng Lâm, Võ Tấn Hồng, Trịnh Hồng Sơn, Hồ Đắc Thắng, Trần Thùy Xuyên, Nguyễn Duy Cách, Hồ Minh Chiến, Lê Thanh Tịnh, Nguyễn Xuân Tuấn Anh, Mai Lịch, Phương Duyên, Đặng Kim Thành, Lưu Trần Hồng Hà, Phạm Anh Hùng, Hồ Bá Quỳnh, Nguyễn Huy Dương, Nguyễn Duy Nhất, Trần Anh Đài, Nguyễn Văn Khoan, Nguyễn Hữu Hoàng, Lê Đình Hương, Hải Đăng, Nguyễn Chiêm, Nguyễn Liên Châu, Nguyễn Văn Hùng, Cao Phi Yến, Tào Khắc Thắng, Đỗ Thanh Phương, Trần Hữu Phước, Vũ Vọng, Mai Ngọc Bảo, Thanh Nhân, Đỗ Hanh Thông, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Văn Giàu, Nguyễn Lương Ngọc, Khương Bá Tuấn, Nguyễn Thị Sinh, Nguyễn Danh Ký, Phạm Hoàng Bê, Nguyễn Thanh, Đoàn Văn Tiến, Hoàng Y Tuấn, Nguyễn Xuân Sinh, Lê Lương, Nguyễn Đức Mừng, Hoàng Bảo, Trần Minh Thông, Đinh Thị Tài, Trần Thanh Bình, Phạm Thanh Hà, Nguyễn Anh Liêm, Lê Nguyên Hồng, Nguyễn Thanh Sơn, Nguyễn Minh Tính, Lê Thị Thuỳên, Nguyễn Cảnh Hồ, Nguyễn Văn Thạch, Đào Văn Bằng, Nguyễn Tài Quang, Hồ Xuân Quang, Phạm Thanh Khiết, Nguyễn Tấn Hiệp, Quý Hoa, Phạm Xuân Tơ, Nguyễn Văn Mạnh, Dương Danh Dy, Nguyễn Mạnh Hưởng, Tô Công, Nguyễn Quốc Hùng, Nguyễn Đức Hiện, Nguyễn Minh Phong, Võ Văn Thắng, Đặng Khắc Tiến, Phạm Minh Hoát, Ngô Lam, Phan Văn Trình, Hoàng Minh Ước, Trần Phú Mừng, Sơn Kông Khôi, Phạm Văn Hùng, Mai Lâm, Phạm Duy Hậu, Đỗ Công Định, Nguyễn Ngọc Diệp, Phạm Cường, Cao Ngọc Quỳnh...



BỨC TRANH KINH TẾ - XÃ HỘI BA LAN NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

NGUYỄN CHÍ THUẬT *

SAU 5 năm tiến hành chuyển đổi kinh tế, vào giữa thập kỷ 90, Ba Lan đã đạt được những thành tựu kinh tế đáng thán phục. Vào năm 1996, trên khắp thế giới, người ta nói đến thành công của Ba Lan như một sự thần kỳ. Ba Lan được đem so sánh với 4 con rồng châu Á là Hồng Kông, Hàn Quốc, Xin-ga-po, Đài Loan (những nền kinh tế phát triển năng động nhất) và Ba Lan được tặng danh hiệu "Sự tử đổi mới".

Bộ mặt kinh tế Ba Lan thay đổi trong thập kỷ 90, đặc biệt nhờ quá trình hội nhập châu Âu từ năm 1994, gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) năm 1995, trở thành thành viên Tổ chức hợp tác kinh tế và phát triển (OECD) năm 1996. Ba Lan trở thành nền kinh tế phát triển năng động và đạt trình độ cao về cải cách hệ thống. Trong năm 1997, Ba Lan là quốc gia duy nhất ở khu vực Đông Âu có thu nhập tăng 12% so với năm 1989 - năm trước khi tiến hành cải cách. Điều quan trọng là cơ cấu GDP cũng đã thay đổi cơ bản trong nội bộ nền kinh tế.

Quan điểm phát triển Ba Lan từ năm 1993 cũng như phương hướng kinh tế tương lai đã được một nhóm chuyên gia dưới sự chủ trì của Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Tài chính lúc đó là G. Ko-lot-ko soạn thảo. Đó là *Chiến lược phát triển Ba Lan và Kế hoạch trọn gói 2000*. Hai bản phương hướng này đã chỉ ra đường lối chính sách kinh tế được Chính phủ và Quốc hội phê duyệt. Tài liệu thứ ba là *Châu Âu 2006* thể hiện cách hình dung Ba Lan trong tương lai với mong muốn gia nhập Liên minh châu Âu (EU) và Liên minh tiền tệ châu Âu. Tháng 2-1997,

Kế hoạch *Châu Âu 2006* đã được Ủy ban hội nhập châu Âu của Ba Lan thông qua. *Chiến lược phát triển Ba Lan* và *Kế hoạch trọn gói 2000* đều lưu ý đến việc đồng thời tạo ra nền tảng về thể chế hóa, vạch ra chính sách, cơ cấu cần thiết và phối hợp giữa các công cụ kinh tế mang tính số lượng cũng như chất lượng. Một thực tế không thể phủ nhận là Ba Lan không thể có thành tựu kinh tế nếu như không có bước chuyển cơ bản về chính sách kinh tế - từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung đã có cải cách đôi chút - sang kinh tế thị trường thật sự. Bước chuyển này được đánh dấu vào tháng 9-1989. Đây là điều kiện cần thiết, song không phải là đủ để giành những thành tựu đã được ghi nhận ở Ba Lan trong thời gian gần đây. Bốn năm tiếp theo, từ mùa thu năm 1993, là thời kỳ hiện thực hóa *Chiến lược phát triển Ba Lan*. Thời kỳ này, tiếp tục ứng dụng những giải pháp hệ thống đúng đắn của những cải cách thời kỳ đầu, có bổ sung các yếu tố mới về quá trình xây dựng thể chế thị trường, trước hết là thực hiện chương trình tiếp cận mới với chính sách kinh tế. Điều quan trọng nhất đạt được là nền kinh tế đã tăng trưởng nhanh và cân đối. Tốc độ tăng trưởng GDP trung bình trong các năm 1994 - 1997 vượt tỷ lệ 6%. Việc tăng nhanh đầu tư và xuất khẩu đã cho phép tiên đoán những điều tốt đẹp nhất trong tương lai. Không phải ngẫu nhiên mà trong nhiều hội nghị quốc tế, với sự tham dự của các nguyên thủ quốc gia, Ba Lan được gọi là "Đại bàng châu Âu đang

* TS, Trung tâm hợp tác nghiên cứu châu Âu (ESCC)

cất cánh". Trong thời kỳ này, thâm hụt ngân sách giữ ở mức dưới 3% GDP, thấp hơn tiêu chí được quy định tại Maastricht.

Cách chỉ đạo thành phần kinh tế nhà nước được đổi mới - giữ vững nguyên tắc hạn chế ngân sách nghiêm ngặt - đã giúp cho các doanh nghiệp nhà nước vượt qua thời kỳ sa sút để bước vào con đường tăng trưởng sản xuất. Với sự ủng hộ về thể chế đối với thành phần kinh tế tư nhân, trong đó có các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nền kinh tế Ba Lan đã có nhiều thay đổi về hiệu quả sản xuất, năng suất lao động, mức tăng trưởng; giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân và tăng mức đóng góp cho ngân sách.

Không có gì đáng ngạc nhiên là sau khi Ba Lan trở thành thành viên Tổ chức OECD thì cuối năm 1996, GDP thực tế đã tăng 20%. Những năm thực hiện *Chiến lược phát triển Ba Lan* đã chỉ ra rằng, chính sách đổi mới hệ thống và chính sách phát triển kinh tế - xã hội phải kết hợp hài hòa để bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau. Xây dựng các thể chế thị trường mới với thái độ mới, nhất quán và thực hiện từng bước chắc chắn. Đây là quá trình lâu dài, cần lưu ý các chính sách cân đối và cải cách tài chính công cộng để tạo sự ổn định trên con đường phát triển sản xuất, tăng đóng góp cho ngân sách; đồng thời, hạn chế quy mô phân phối lại thu nhập quốc dân.

Thành công của chính sách kinh tế Ba Lan những năm gần đây không chỉ gây ngạc nhiên đối với các nước láng giềng và khu vực, mà quan trọng hơn là đã biến Ba Lan thành một đối tác hấp dẫn, thu hút nhiều đầu tư nước ngoài. Những thành công cũng như thất bại của Ba Lan có thể tổng kết ngắn gọn: "Chìa khóa mở cửa vào thắng lợi trong lĩnh vực kinh tế nằm ngay trong chính sách kinh tế. Sự thất bại trước đây cũng như thắng lợi gần đây đều do chính sách kinh tế quyết định".

Trước hết, phải thừa nhận Ba Lan giải quyết hợp lý vai trò của nhà nước trong quá trình phát

triển kinh tế. Các nhà kinh tế Ba Lan đã thay cách tiếp cận mang tính dân chủ xã hội chủ nghĩa vào cách tiếp cận tự do (nền tảng của thời kỳ trước), thường được hiểu là sự can thiệp trực tiếp của nhà nước vào các hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp cụ thể. Bên cạnh đó, vấn đề đối xử bình đẳng giữa thành phần kinh tế cá thể và thành phần kinh tế nhà nước cũng được quan tâm thích đáng. Trong thời kỳ đầu cải cách kinh tế, thành phần kinh tế nhà nước được hưởng chế độ thuế bất hợp lý, không khuyến khích tăng năng suất lao động và tái đầu tư. Để bảo đảm sự đối xử công bằng giữa hai thành phần kinh tế này, *Chiến lược phát triển Ba Lan* đã đặt ra kế hoạch tiến hành cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước. Đối với các doanh nghiệp nhà nước không cổ phần hóa, điều quan trọng là phải củng cố và tạo mọi điều kiện để hoạt động có hiệu quả. Ba Lan cũng xác định dứt khoát là có những lĩnh vực mà các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được hưởng quyền ưu tiên, ưu đãi, chẳng hạn như ngành đường sắt hay khai mỏ. Một trong những bài học kinh nghiệm của Ba Lan là chương trình cải cách hành chính được áp dụng từ trên xuống dưới. Trong *Chiến lược phát triển Ba Lan*, điều được đặc biệt nhấn mạnh là sự cấp thiết phải tạo ra nền tảng thể chế của hệ thống kinh tế mới. Nội dung của cuộc cải cách cũng bao gồm cả sự sắp xếp lại các bộ, ngành theo hướng tăng hiệu quả hoạt động, tăng quyền hạn cho các cấp địa phương và thành lập Ủy ban hội nhập châu Âu để tiến hành đàm phán về việc Ba Lan gia nhập khối EU càng sớm càng tốt.

Đáng tiếc là thời kỳ tăng trưởng cao của kinh tế Ba Lan đã kết thúc vào năm 1997, khi tình hình quốc tế và khu vực, nhất là cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ tại châu Á cũng như quan hệ thương mại giữa Ba Lan và Tây Âu, Ba Lan và Nga đã không còn là yếu tố thuận lợi cho Ba Lan tăng kim ngạch xuất khẩu. Từ năm 1997 trở lại đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm dần. Đến năm 2000 chỉ còn 3%, năm 2001 dự kiến đạt 2%. Vậy là vào năm cuối cùng của

thế kỷ XX và năm đầu của thế kỷ XXI, không ai nhắc đến "hiện tượng Ba Lan" nữa.

Ngày 23-9-2001, kết quả cuộc bầu cử Quốc hội tại Ba Lan đã đưa Liên minh Dân chủ cánh tả trở lại nắm quyền lãnh đạo đất nước. Chính phủ liên hợp mà thành phần gồm người của ba đảng (Liên minh Dân chủ cánh tả SLD, Liên minh Lao động UP và Đảng Nông dân Ba Lan PSL) đã ra đời và đang phải đương đầu với những thách thức to lớn. Tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, tình hình chính trị trong nước có những thay đổi cơ bản, kinh tế Ba Lan phát triển với tốc độ chậm nhất trong vòng 10 năm trở lại đây, thâm hụt ngân sách lớn, nạn thất nghiệp tăng, thiếu nhà ở trầm trọng. Tất cả những điều đó giải thích tại sao kế hoạch kinh tế 4 năm của Thủ tướng Le-sêch Mi-lơ được gọi là kế hoạch cứu đất nước thoát khỏi nguy cơ phá sản. Bản kế hoạch đặc biệt nhấn mạnh việc tăng thuế, hợp lý hóa các khoản chi phúc lợi, giảm chi từ ngân sách nhà nước. Để đạt được mục tiêu nêu trên, Chính phủ đã cụ thể hóa những nhiệm vụ trước mắt, nhất là nhiệm vụ ổn định tài chính quốc gia, giảm chi phí cho bộ máy bằng cách cơ cấu lại từ trung ương đến địa phương sao cho gọn nhẹ, kinh tế, hoạt động hiệu quả. Nhà nước sẽ cố gắng không đưa ra những quyết định hạn chế tính độc lập của Hội đồng chính sách tiền tệ và Ngân hàng nhà nước, mà sẽ xác định mối quan hệ đúng đắn giữa hai cơ quan trên với nhà nước. Trong chính sách xã hội, chính phủ sẽ áp dụng những tiêu chí minh bạch đã được thử nghiệm để trợ giúp xã hội, đặc biệt là làm sao để mọi sự trợ giúp được chuyển đến đúng địa chỉ. Trong số những nhiệm vụ trước mắt của chính phủ có nhiệm vụ lập pháp cho năm 2002, trong đó đặc biệt quan tâm việc ban hành quy định nhằm tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, sửa đổi đạo luật về tài chính công cộng và thuế.

Về kế hoạch kinh tế - xã hội trong nhiệm kỳ 4 năm, Chính phủ mới đặc biệt ưu tiên chống nạn thất nghiệp, vấn đề được coi là có tính vật

chất, đạo đức, xã hội và chính trị. Phương châm của chính phủ là giải quyết vấn đề này trước khi chính sách kinh tế đem lại hiệu quả tăng trưởng. Ba Lan cũng chú trọng phát triển nông nghiệp theo mô hình hệ thống các nước EU, bởi có một thực tế là đời sống nông dân đang gặp khó khăn do thu nhập thấp, đội quân thất nghiệp mà thành phần là con em nông dân chiếm tỷ lệ cao. Cốt lõi của vấn đề là làm sao để bản thân người nông dân phải biết rõ mình sản xuất cái gì và có thể bán sản phẩm nào ra thị trường.

Trong các vấn đề xã hội, chính phủ của Thủ tướng Mi-lơ đặc biệt quan tâm đến chính sách y tế, bảo đảm an ninh cho công dân và tăng tính hiệu quả của hệ thống tư pháp. Ngoài ra, giáo dục và đào tạo cũng vẫn được đặt ở vị trí quan trọng với lý luận rằng số phận của quốc gia và của từng người Ba Lan sẽ như thế nào trong thế kỷ XXI, điều đó phụ thuộc rất nhiều vào trình độ văn hóa và phạm vi hiểu biết (Hiện nay, 8% công dân Ba Lan có trình độ từ đại học trở lên).

Ngoài việc quan tâm phát triển cơ sở hạ tầng và an ninh quốc phòng, Ba Lan đặt mục tiêu phấn đấu gia nhập khối EU vào năm 2004, coi đây là nhiệm vụ trọng yếu có tính quyết định. Bên cạnh đó, chính sách đối ngoại của Ba Lan xác định mục tiêu bảo vệ và quảng bá lợi ích của Ba Lan trong đời sống quốc tế. Ba Lan duy trì vai trò quan trọng của mình ở Đông Âu, tại khu vực biển Ban-tích, tăng cường quan hệ mọi mặt với Nga, với các nước Đông - Nam Á, các quốc gia châu Phi và Nam Mỹ.

Ba Lan là quốc gia có những tham vọng lớn. Vị trí địa lý của Ba Lan, trong quá khứ không thật thuận lợi, nay trở thành một cơ hội lớn. Ba Lan nằm ở trung tâm một lục địa có lịch sử lâu đời và giàu truyền thống, một lục địa mà quá trình thống nhất đang diễn ra, tuy lâu dài, theo từng giai đoạn, song mang tính tất yếu, không thể đảo ngược. Ở Ba Lan không có mâu thuẫn dân tộc, sắc tộc hay tôn giáo. Ba Lan thống nhất lợi ích quốc gia và lợi ích địa phương. Vì vậy, ít có nơi nào trên thế giới mà sự bình yên, an toàn

và thân thiện lại trở thành những nét nổi bật như ở Ba Lan. Tại Ba Lan và với Ba Lan, chuyện làm ăn là điều có thể nghĩ đến một cách dễ dàng, thuận lợi. Ba Lan còn là điểm giao lưu thương mại, thông tin, liên lạc quan trọng. Ba Lan cởi mở vì lợi ích quốc gia và quốc tế. Vì vậy, trong tương lai Ba Lan hoàn toàn có thể tin tưởng vào thắng lợi của mình.

Quan hệ Ba Lan - Việt Nam có một thời gian đã phát triển không được như mong muốn của hai nước và không tương xứng với truyền thống cũng như tiềm năng của hai dân tộc. Tuy vậy, giữa hai nước luôn tồn tại những điểm tương đồng và mong muốn hợp tác. Công cuộc cải cách kinh tế được tiến hành gần như đồng thời và cùng gặt hái những thành công đáng khích lệ tại Ba Lan và Việt Nam đã tạo cơ hội để hai nước học tập kinh nghiệm, bổ sung lẫn nhau. Song song với tất cả những điều đó, quan hệ chính trị, sau một thời gian tạm lắng, đã được thúc đẩy mạnh mẽ với bằng chứng là chuyến thăm hữu nghị chính thức Việt Nam của Tổng thống cộng hòa Ba Lan vào tháng 3-1999 và hàng loạt các đoàn trao đổi, hợp tác. Quan hệ hợp tác kinh tế - văn hóa cũng đã được cụ thể hóa bằng những hiệp định ký tại Hà Nội và Vác-sa-va. Đáng chú ý là hiệp định về việc Ba Lan cho Việt Nam vay 70 triệu USD để nâng cao năng lực ngành công nghiệp tàu thủy, Hiệp định hợp tác về khoa học - kỹ thuật, Hiệp định về việc Ba Lan viện trợ tài chính và giúp chuyên gia trùng tu di tích lịch sử văn hóa tại Việt Nam. Ngoài ra, Ba Lan vẫn tiếp tục giúp Việt Nam đào tạo cán bộ khoa học.

Trong các cuộc tiếp xúc trao đổi Ba Lan - Việt Nam, dù ở cấp nguyên thủ quốc gia hay giữa các nghị sĩ Quốc hội, hai bên đều đánh giá rất cao truyền thống hữu nghị, những nét tương đồng về lịch sử, văn hóa, tình cảm tự nhiên giữa hai dân tộc và coi đây là tài sản quý báu. Ngài Vie-xap Son, Đại sứ Ba Lan tại Việt Nam luôn nhấn mạnh một trong những tiềm năng quan

trọng để hai nước thúc đẩy quan hệ hợp tác có hiệu quả là hàng ngàn cán bộ, các ngành của Việt Nam đã từng được đào tạo tại Ba Lan và cộng đồng người Việt hiện đang làm ăn sinh sống khắp nơi trên đất nước Ba Lan. Giữa hai nước hiện đang tồn tại những khả năng hợp tác rất lớn cần được khai thác triệt để và hiệu quả hơn.

Nhắc đến quan hệ Ba Lan - Việt Nam, không thể không đề cập một chi tiết rất thú vị thể hiện tình cảm tự nhiên giữa hai dân tộc. Nhà thơ Tố Hữu viết tác phẩm *Em ơi ... Ba Lan* được đánh giá là bài thơ hay của ông về đề tài nước ngoài. Nhà văn Ba Lan Vôi-chếch Giu-crot-xki viết cuốn sách về Việt Nam với nhan đề *Ngôi nhà không tường*, một thời được các bạn trẻ Ba Lan coi là sách gối đầu giường. Ba Lan có số lượng lớn các nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ đến với Việt Nam để phản ánh hai cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Đáp lại tình cảm của các bạn Ba Lan, hàng loạt tác phẩm thơ văn của Ba Lan đã được dịch ra tiếng Việt, trong đó có các nhà văn, nhà thơ Ba Lan được tặng giải thưởng No-ben văn học. Tháng 10 - 2001, triển lãm *Thân thế, sự nghiệp Vla-dix-lap- Râymon*, nhà văn Ba Lan kiệt xuất, giải thưởng No-ben văn học 1924 đã được trưng bày tại Hà Nội trong khuôn khổ *Năm Râymon* do Bộ Văn hóa và Bộ Ngoại giao Ba Lan phối hợp tổ chức. Việt Nam được chọn là một trong 10 điểm đến của cuộc triển lãm lưu động này. Rõ ràng, đây là sự lựa chọn của tình cảm, của trái tim Ba Lan đối với Việt Nam.

Với quyết tâm của chính phủ và điều kiện quốc tế mới, những năm trước mắt, Ba Lan đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 4 - 5%. Hy vọng trở lại thời kỳ hoàng kim trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước này không phải là không có căn cứ. Và như vậy, cũng có nghĩa là quan hệ các mặt giữa Ba Lan và Việt Nam sẽ có cơ sở vững chắc cho bước phát triển mới mạnh mẽ hơn, hiệu quả hơn (1). □

(1) Tư liệu do Đại sứ quán Ba Lan tại Việt Nam cung cấp

TÌNH HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

HỘI NGHỊ KHOA GIÁO TOÀN QUỐC

Vừa qua, tại Hải Phòng, Ban Khoa giáo Trung ương đã tổ chức **Hội nghị tổng kết công tác khoa giáo năm 2001 và triển khai công tác năm 2002.**

Lãnh đạo các ban, ngành trung ương, lãnh đạo Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, lãnh đạo Tỉnh ủy và các Ban Tuyên giáo các tỉnh thành phố (khu vực phía Bắc) đã về dự hội nghị.

Đồng chí Nguyễn Khoa Điểm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng phụ trách công tác tư tưởng văn hóa, khoa giáo của Đảng đã dự và phát biểu ý kiến.

Hội nghị khẳng định: từ sau Đại hội IX của Đảng, nhận thức của xã hội về vị trí vai trò của công tác khoa giáo được nâng lên một bước rõ rệt; sự lãnh đạo, chỉ đạo khoa giáo của các cấp ủy đảng và chính quyền từ trung ương đến địa phương có những chuyển biến tích cực. Trên lĩnh vực khoa giáo đạt nhiều kết quả đáng khích lệ.

Công tác chỉ đạo điều hành trong quản lý giáo dục - đào tạo có nhiều chuyển biến: đã giải quyết dứt điểm một số mặt tiêu cực trong giáo dục. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng được hệ thống văn bản dưới luật và cơ chế, chính sách, quy chế điều lệ quản lý giáo dục và đào tạo. Đã xây dựng và được Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo giai đoạn 2001-2010.

Các công trình nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn, nghiên cứu khoa học - công nghệ tiếp tục cung cấp luận cứ cho việc hoạch định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đất nước; việc thẩm định công nghệ đã được đổi mới có hiệu quả góp phần khắc phục ngăn chặn đáng kể hiện tượng nhập các công nghệ lạc hậu. Nhà nước tập trung vào việc đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ.

Chủ trương xã hội hóa công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục được đẩy mạnh. Bảo hiểm y tế đã mở rộng theo hướng bảo hiểm y tế toàn dân. Ngành y tế thực hiện có kết quả cuộc vận động "tăng cường cán bộ y tế về cơ sở".

Trong năm 2001, Ủy ban quốc gia Dân số kế hoạch hóa gia đình đã phối hợp với Bộ Y tế quyết tâm tổ chức chiến dịch "Đưa dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình tới các vùng khó khăn" tại 52 tỉnh với gần 4 700 xã thuộc vùng sâu, vùng xa và đã đạt được kết quả tốt đẹp.

Nhân dân và cán bộ rất phấn khởi đón nhận Chỉ thị 55/CT-TW về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng cơ sở đối với công tác bảo vệ giáo dục và chăm sóc trẻ em, quyết định của Chính phủ về "ngày gia đình Việt Nam".

Ngành thể dục - thể thao đang tích cực triển khai các mặt công tác chuẩn bị cho SEA Games 22. Quá trình xã hội hóa và chuyên nghiệp hóa thể thao đang được đẩy mạnh.

Công tác vận động, tập hợp trí thức có bước tiến đáng kể. Đặc biệt thực hiện Chỉ thị 45/CT-TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) nhiều tổ chức Hội khoa học có những hoạt động nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

Hội nghị cũng đã chỉ ra những tồn tại cần sớm được khắc phục trong công tác khoa giáo như chất lượng và hiệu quả giáo dục đánh giá trong xã hội còn rất khác nhau; còn có tiêu cực trong thi đấu thể thao, trong thi cử, trong tuyển sinh và trong phục vụ người bệnh; môi trường sống ô nhiễm ...

Năm 2002, công tác khoa giáo tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, tham mưu giúp Trung ương và cấp ủy địa phương kiểm tra công tác triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX). Hoàn thành chất lượng cao Dự thảo các văn kiện sẽ trình Hội nghị Ban Chấp hành trung ương lần thứ 6, lần thứ 7 về công tác khoa giáo. Khẩn trương xác định rõ chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan, ban ngành, tổ chức trên lĩnh vực khoa giáo, hướng về cơ sở, tổng kết thực tiễn, phát hiện và xây dựng nhân tố mới, mô hình mới...

Phát biểu ý kiến chỉ đạo Hội nghị, đồng chí Nguyễn Khoa Điểm nhấn mạnh vai trò vị trí chức năng của công tác khoa giáo và chỉ ra nét mới trong hoạt động khoa giáo trong tình hình hiện nay. Đồng chí nêu nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới là làm thế nào nâng cao chất lượng chỉ đạo công tác khoa giáo và tổ chức tốt bộ máy cán bộ từ trung ương đến địa phương về khoa giáo.

Đồng chí lưu ý một số mặt: dân chủ hóa đời sống khoa học; làm tốt công tác tổng kết, thúc đẩy hoạt động xã hội hóa; phối hợp liên kết giữa các ngành; nghiên cứu lao động đặc thù của trí thức để tham mưu với Đảng và Nhà nước có chính sách đãi ngộ thỏa đáng; xây dựng quy trình quy phạm trong mọi hoạt động cho chặt chẽ; đào tạo và đãi ngộ thỏa đáng người tài; đào tạo cán bộ quản lý trên lĩnh vực khoa giáo... □



CÔNG TY

KÍNH ĐÁP CẦU

DAP CAU SHEET GLASS COMPANY



Công ty Kính Đáp Cầu thuộc Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng, được thành lập ngày 9.3.1990 theo Quyết định của Bộ Xây dựng.

Là cơ sở sản xuất và kinh doanh các mặt hàng: Kính tấm xây dựng, kính an toàn, kính phản quang, kính gương, kính mài, kính mờ... có uy tín lớn trên thị trường lâu nay. Sắp tới Công ty sẽ đầu tư, sản xuất các mặt hàng kính cán, kính dán và bông thủy tinh cao cấp, công suất từ 2000 - 4000 tấn/năm. Năm 2000, Công ty đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động và được Tổ chức BVQI (Vương quốc Anh) cấp Chứng chỉ Hệ thống quản lý đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002.

Công ty không ngừng mở rộng quan hệ với mọi thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài, thực hiện liên doanh, liên kết, đẩy mạnh sản xuất phát triển, đa dạng hóa mặt hàng, bảo đảm chất lượng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất nhằm thỏa mãn mọi nhu cầu và mong đợi của khách hàng.



Phòng Điều khiển máy kéo kính





CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG

INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT & INVESTMENT COMPANY

Địa chỉ : 15 Hoàng Hoa Thám, Phường 6, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Tel : (84.8) 8050198 - 5150286; Fax : (84.8) 8030579

E-mail : idi@tlnet.com.vn



Trụ sở Công ty

I/. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

• Thiết kế và xây dựng các công trình hạ tầng thuộc các lĩnh vực
giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp,
xây dựng các công trình chuyên ngành Điện lực.
• Khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng.
• Cung ứng thiết bị, vật tư chuyên ngành XDDB.

II/. CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

- XÍ NGHIỆP XÂY LẮP
- XÍ NGHIỆP THI CÔNG CƠ GIỚI
- NHÀ MÁY BÊ-TÔNG



Thị công khoa ngoại quan cảng Bà Rịa CERECÉ



Công trình Cầu máng Củ Chi, TP.HCM - Dài 1.060m.
Mang Bridge, Cu Chi, HCMC - Length 1.060m.

IDI sẵn sàng hợp tác liên doanh với các Nhà thầu trong và ngoài nước.
IDI is prepared to set up the cooperation and joint venture with home and foreign Contractors.



CÔNG TY TNHH VIỆT HƯNG

Địa chỉ: 2224 ĐẠI LỘ HÙNG VƯƠNG - TP VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

Điện thoại: 0210 844844 & 0210 840567 * Fax: 0210 847862

Chi nhánh tại Hải Phòng: 35 B Máy Tơ - Điện thoại: 031 551978



Trụ sở chính của Công ty

❖ Công ty TNHH Việt Hưng nhận phục vụ quý khách bằng xe buýt, xe ca các tuyến trong và ngoài tỉnh, với chất lượng phương tiện đảm bảo, đội ngũ lái xe nhiệt tình, trách nhiệm, có tay nghề cao.

❖ Làm đại lý bán hàng cho Xí nghiệp Liên doanh sản xuất ô tô Hòa Bình (VMC) với các loại xe du lịch từ 4 đến 12 chỗ ngồi, nhãn hiệu KIA, MAZDA, BMW...

❖ Đủ năng lực cung cấp các loại xe chở khách, xe vận tải sức chở từ 0,5 tấn trở lên; các loại xe chuyên dùng và thiết bị thi công công trình được sản xuất tại Nhật Bản, Hàn Quốc, CHLB Đức, CHLB Nga.

❖ Thực hiện các dịch vụ gia công cơ khí, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải; cung ứng các loại vật tư, phụ tùng thay thế chính hiệu với giá cả hợp lý.

Với tất cả các dịch vụ trên Công ty Việt Hưng luôn đảm bảo phục vụ khách hàng một cách nhiệt tình, linh hoạt và thuận tiện nhất.



Bãi tập kết xe - máy



Xưởng sửa chữa - bảo dưỡng xe



Đội máy móc chuyên dùng

*Kính chúc quý khách
an khang - thịnh vượng và hạnh phúc*



CÔNG TY XẾP DỠ KHÁNH HỘI

(SAI GON FORT)



Công ty xếp dỡ Khánh Hội - Cảng Sài Gòn

Công ty xếp dỡ Khánh Hội thuộc Cảng Sài Gòn là một trong những đơn vị luôn luôn đạt sản lượng bốc xếp hàng cao nhất trong những năm qua. Công ty được trang bị cơ sở phương tiện và thiết bị hiện đại, đáp ứng mọi nhu cầu xếp dỡ vận tải hàng hóa và các dịch vụ khác. Với hệ thống quản lý thông tin và phục vụ khách hàng được mở rộng, Công ty xếp dỡ Khánh Hội sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng nhanh chóng, thuận lợi, an toàn chu đáo, văn minh, lịch sự.

Cty Xếp dỡ Khánh Hội (Khanh Hoi Stevedoring Co.)
Add.: 157 Nguyen Tat Thanh St., Dist.4, HCMC

Tel: 9404224 (Operations), 9404122 (Director)
9401523 (Container Handling & Services)
Fax: 8259939 E-mail: khcontainer@hcm.vnn.vn

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN MINH

TRƯỜNG TRUNG HỌC HÀNG HẢI I

ĐỊA CHỈ : 2B VẠN MỸ - HẢI PHÒNG
ĐIỆN THOẠI : 031.766190 FAX : 031.766425



Hiệu trưởng -
Bí thư Đảng ủy
LÊ NGỌC CHINH



Đồng chí Phan Văn Tại (thứ 2 từ trái qua phải).
Hướng dẫn đoàn cán bộ cấp cao của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO)

Trường trung học Hàng hải I trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam - Bộ Giao thông Vận tải là một trong những đơn vị được nhà nước cấp phép đào tạo CNKT, Trung học chuyên nghiệp và huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cho thuyền viên, sĩ quan ngành Hàng hải.

Để hoàn thành những nhiệm vụ được giao, từ đầu năm học nhà trường đã đề ra các biện pháp chủ yếu để thực hiện. Năm học 2000 - 2001 nhà trường đã thực hiện và đạt được kết quả sau đây :

I - Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2000 - 2001 :

1.1 - Công tác tuyển sinh :

Năm học 2000 - 2001 nhà trường đã tuyển sinh :

Trung học : 270 học sinh.

Day nghề : 631 học sinh.

- Số lượng học sinh :

Số với năm học trước số học sinh tăng 70%.

1.2 - Chất lượng học tập :

- Trong năm học 2000 - 2001 : Điều kiện giảng dạy đã được tăng cường, nhà trường đã đưa vào sử dụng Trung tâm huấn luyện an toàn cơ bản, phòng học mô phỏng lái tàu biển để đào tạo học sinh và bồi túc nghiệp vụ cho thuyền viên.

Để phục vụ cho sản xuất và theo yêu cầu của các chủ tàu. Nhà trường đã mở rộng đào tạo đến các cơ sở là các doanh nghiệp vận tải, bổ túc nghề nghiệp cho 284 thuyền viên tại Hải Hậu (-Nam Định), Thủy Nguyên (- Hải Phòng) và Thái Bình.

- Chất lượng học tập đã được nâng cao, học sinh ra trường đã được cấp đủ những chứng chỉ cần thiết để hành nghề. Số học sinh được giới thiệu đi làm và tìm được việc làm ngày một tăng.

- Nhà trường đã liên kết với INLACO Sài Gòn tuyển dụng và đào tạo nâng cao ngoại ngữ chuyên ngành cho 40 học sinh để phục vụ xuất khẩu thuyền viên.

- Trung tâm xúc tiến việc làm của nhà trường tuy mới thành lập nhưng đã giới thiệu việc làm cho học sinh sau tốt nghiệp.

Năm học 2000 - 2001, nhà trường đã hoàn thành vượt mức những chỉ tiêu đã đặt ra từ đầu năm học :

- Hoàn thành vượt mức những chỉ tiêu đề ra của năm học.

- Thực hiện đúng kế hoạch và tiến độ giảng dạy năm học.

- Chất lượng đào tạo và huấn luyện đã được nâng cao.

- Hoàn thành việc biên soạn giáo trình và giáo án chuẩn trong năm học : Đã in và đưa vào sử dụng 3 giáo trình hệ trung học.

- Đưa vào khai thác Trung tâm huấn luyện cơ bản phục vụ cho huấn luyện thuyền viên.

- Phòng học chuyên môn máy tàu biển có ứng dụng phần mềm tin học đang được thi công theo đúng tiến độ. Dự kiến sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng phục vụ học tập vào cuối năm 2001.

- Khai thác tốt, có hiệu quả các phòng học chuyên môn.

- Công tác giáo dục và quản lý học sinh đã được thực hiện tốt. Số học sinh bị kỷ luật và vi phạm nội quy, quy chế giảm đáng kể.

- Công tác phòng chống ma túy : trong năm học, kết hợp với Đoàn TNCSHCM nhà trường đã mở các đợt sinh hoạt, tuyên truyền vận động không sử dụng ma túy, thực hiện nếp sống văn minh, lành mạnh.

Chào mừng 30 năm thành lập Trường trung học Hàng hải I

4/5/1972 - 4/5/2002

Digitized by Google

CÔNG TY VẬN TẢI THỦY BỘ KIÊN GIANG

SỐ 10 ĐƯỜNG MAI THỊ HỒNG HẠNH - THỊ XÃ RẠCH GIÁ - KIÊN GIANG

DIỆN THOẠI : 077 864370 - 077 910520 - 077 864230 - 077 911269

GIÁM ĐỐC : NGUYỄN VĂN HÙNG

Được thành lập từ năm 1978, Công ty Vận tải thủy bộ Kiên Giang luôn luôn vững vàng và ổn định, đủ sức cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác và không ngừng phát triển. Công ty Vận tải thủy bộ Kiên Giang 25 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Nhà nước giao cho, làm ăn có hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, đời sống cán bộ - công nhân viên ổn định ngày càng được nâng cao. Có kết quả như trên là nhờ sự lãnh đạo của Tỉnh ủy - UBND và các sở ban, ngành trong tỉnh Kiên Giang cộng với sự đoàn kết, thống nhất ý chí, gắn bó giữa Đảng bộ và lãnh đạo công ty cùng với các đoàn thể và tổ chức quần chúng. Công ty đã phát huy được sức mạnh tập thể, đúc kết kinh nghiệm, nâng cao vai trò lãnh đạo thực hiện tốt quy chế dân chủ, thực hiện tốt các chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước. **Công ty Vận tải thủy bộ Kiên Giang từ năm 1995 - 2000 đã được tặng thưởng : Ba Huân chương Lao động hạng ba cho cá nhân. Một Huân chương Chiến công hạng ba cho tập thể. Một Huân chương Lao động hạng nhì cho cá nhân. Một Huân chương Lao động hạng nhất cho tập thể và năm 2000 Công ty được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng ba và nhiều bằng khen của Chính phủ, UBND tỉnh, Liên đoàn Lao động Việt Nam và Bộ Giao thông-Vận tải, Bộ Công an tặng.**



NGÂN HÀNG TMCPNT CÁI SẮN - TỈNH CẦN THƠ

☐ Mạng lưới hoạt động Ngân hàng TMCPNT Cái Sắn - tỉnh Cần Thơ

+ Các chi nhánh :

- 1 - Chi nhánh Cần Thơ - số 110 Lý Tự Trọng - TP. Cần Thơ - ĐT : 071.832275, Fax : 071.832166
- 2 - Chi nhánh Vị Thanh - số 08 Châu Văn Liêm - T.Xã V.Thanh - ĐT : 071.877110, Fax : 071.876087
- 3 - Chi nhánh Long Mỹ - số 48 Trần Hưng Đạo huyện Long Mỹ - ĐT : 071.871533, Fax : 071.871101

+ Các phòng giao dịch :

- 1 - PGD số 1 Cần Thơ - số 61/2 Cách mạng Tháng Tám - TP. Cần Thơ - ĐT : 071.823120
- 2 - PGD số 2 Cần Thơ - số 71 Phan Đình Phùng - TP. Cần Thơ - ĐT : 071.829877
- 3 - PGD số 4 Ô Môn - Thị trấn Ô Môn - Huyện Ô Môn - ĐT : 071.861326
- 4 - PGD số 5 Thới Lai - Thị trấn Thới Lai - Huyện Ô Môn - ĐT : 071.689406
- 5 - PGD số 6 Vị Thủy - Thị trấn Nàng Mau - Huyện Vị Thủy - ĐT : 071.571757

☐ Ngân hàng TMCPNT Cái Sắn thực hiện các nghiệp vụ sau :

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam của tất cả các thành phần kinh tế trong và ngoài nước. Phát hành các kỳ phiếu có mục đích.
2. Tiếp nhận vốn vay, vốn tài trợ, vốn ủy thác đầu tư cho các tổ chức KT-XH và các tổ chức tín dụng tiền tệ trong và ngoài nước.
3. Cho vay theo ngày, tuần, ngắn hạn và dài hạn đối với mọi thành phần kinh tế và mọi tầng lớp dân cư.
4. Hùn vốn liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế.
5. Thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng.

Rất hân hạnh được đón tiếp quý khách lịch sự, nhanh chóng, uy tín, hiệu quả và an toàn.

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU TRẦN PHÚ

ĐC : 12 TRẦN PHÚ - HẢI PHÒNG ; ĐT: 031.826088



THÀNH TÍCH THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA (11 NĂM)

- 1/ 1990 - 1991 : Đạt 23 giải quốc gia
 - 2/ 1991 - 1992 : Đạt 19 giải quốc gia, 01 giải ba Toàn quốc tế
 - 3/ 1992 - 1993 : Đạt 23 giải quốc gia
 - 4/ 1993 - 1994 : Đạt 23 giải quốc gia
 - 5/ 1994 - 1995 : Đạt 40 giải quốc gia, 01 giải ba Olympic tiếng Nga
 - 6/ 1995 - 1996 : Đạt 45 giải quốc gia, 01 giải nhất Toàn quốc tế
 - 7/ 1996 - 1997 : Đạt 56 giải quốc gia, 01 giải nhì Toàn quốc tế
 - 8/ 1997 - 1998 : Đạt 69 giải quốc gia (1 giải nhất, 14 giải nhì, 36 giải ba, 18 giải khuyến khích), 01 giải nhất đồng đội Toàn Châu Á, đạt 02 giải nhì Toàn Châu Á và Châu Á-Thái Bình Dương, 01 giải nhì, 01 giải ba Olympic tiếng Nga tại Matxcova.
 - 9/ 1998 - 1999 : Đạt 56 giải Quốc gia (3 giải nhất, 21 giải nhì, 22 giải ba, 10 giải khuyến khích). 01 giải ba Toàn Châu Á-Thái Bình Dương.
 - 10/ 1999 - 2000 : Đạt 60 giải quốc gia (3 giải nhất, 13 giải nhì, 28 giải ba, 3 giải khuyến khích).
+ Đạt 03 giải quốc tế :
01 giải nhất môn Hòa quốc tế (tại Đan Mạch).
01 giải nhì môn Tin học quốc tế tại Bắc Kinh.
01 giải ba Toàn Châu Á-Thái Bình Dương.
 - 11/ 2000 - 2001 : Đạt 46 giải quốc gia (3 giải nhất, 10 giải nhì, 19 giải ba, 14 giải khuyến khích).
+ Đạt 03 giải quốc tế :
01 giải nhì Châu Á-Thái Bình Dương môn Toán
01 giải nhì môn Toán quốc tế tại Mỹ
01 giải nhì môn Tin học quốc tế tại Phần Lan
- Tổng cộng 11 năm từ 1990 - 2001. Trường đạt 460 giải quốc gia và 14 giải quốc tế.

CÔNG TY THAN MIỀN BẮC

CÔNG TY THAN BẮC NINH

TRỤ SỞ : KHU I - THỊ CẦU - BẮC NINH

ĐIỆN THOẠI : (0241) 821370 * FAX : (0241) 820473

GIÁM ĐỐC : THÂN VĂN MẪU



GIÁM ĐỐC CÔNG TY
THÂN VĂN MẪU

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

1. KINH DOANH THAN
2. KINH DOANH ĐÁ PHI QUẶNG
3. KINH DOANH VẬN TẢI THỦY BỘ
4. KINH DOANH THIẾT BỊ MÁY MÓC

*Công ty than Bắc Ninh rất hân hạnh được
hợp tác với bạn hàng gần xa !*

Siêu Thị **ĐỒNG THÁP**

Trực thuộc Công ty XNK Lương thực VTNN Đồng Tháp

Địa chỉ : Số 01, đường 30 tháng 04, phường I, TX Cao Lãnh, Đồng Tháp

Điện thoại : 067 855059 - 858269. Fax : 067 858259

E-mail : dongthapfood@hcm.vnn.vn

Siêu Thị đầu tiên được xây dựng trên diện tích 5.500 m² tại trung tâm thị xã Cao Lãnh. Gồm tầng trệt và tầng lầu.

- Với các trang thiết bị hiện đại, kang trang, thoáng mát.

- Hệ thống ánh sáng, điều hòa nhiệt độ, chống sét, phòng chống cháy nổ đầy đủ và an toàn.

- Cho thuê mặt bằng để kinh doanh hàng hóa, quảng cáo và dịch vụ khác.

- Khu tự chọn với hơn 25.000 mặt hàng, giá cả hợp lý, được niêm yết trên từng món hàng. Quý khách tự lựa chọn hàng hóa tùy ý, phương thức thanh toán nhanh gọn qua máy tính tiền tự động.

- Đội ngũ cán bộ công nhân viên lịch sự, sẵn sàng phục vụ quý khách hàng. Có đội ngũ bảo vệ 24/24 giờ.

Siêu Thị ĐỒNG THÁP hân hạnh phục vụ quý khách.



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5

CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 586

VĂN PHÒNG : 2 NGUYỄN THIÊN THUẬT - P.24 - Q. BÌNH THẠNH - TP. HCM

ĐT : 8411122 - 8433188 - 8414632 - FAX : (84) 8431056

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH :

- ⇒ Xây dựng các công trình giao thông, các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, thủy điện.
- ⇒ Xây dựng, kinh doanh cơ sở kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị.
- ⇒ Khai thác, chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí.
- ⇒ Sửa chữa phương tiện, xe máy, thiết bị thi công và phương tiện thiết bị giao thông vận tải.
- ⇒ Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị giao thông vận tải.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Đường Phan Đăng Lưu - Q. Kiến An - TP. Hải Phòng

ĐT: 031.876687 * Fax: 031.876893

Công tác xây dựng Đảng:

- Đảng bộ lãnh đạo thực hiện tốt đợt Bầu cử Đại biểu Quốc hội 5/2002.
- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc nghị quyết Đảng các cấp.
- Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng cho các Ban chi uỷ 3/2002.
- Làm tốt công tác phát triển Đảng, kết nạp lớp Đảng viên đợt 19/5.
- Bổ sung cán bộ để các Ban của Đảng uỷ, Văn phòng Đảng uỷ làm tốt công tác tham mưu trong quan hệ công tác với Đảng cấp trên và trong toàn Đảng bộ.

Sau hơn một năm thành lập, học kỳ I năm học của năm 2001 - Có thể xem là năm bản lề của trường Đại học Sư phạm Hải Phòng.

- Năm 2001 là năm Trường khẳng định sự ổn định toàn diện của trường ĐHSP Hải Phòng.
- Năm 2001 cũng là năm mà lãnh đạo Thành phố, Bộ GD & ĐT khẳng định chính thức xu hướng phát triển của nhà trường là Trường Đại học Hải Phòng đa ngành và của khu vực miền Duyên Hải. Thực chất trường đã làm được nhiều việc theo xu hướng trên.

Ngày từ năm học đầu tiên nhà trường đã mở được nhiều mã ngành đại học và tiến hành tuyển sinh ở các tỉnh phía Bắc. Xét về nhiệm vụ và cơ cấu đào tạo, thực chất Trường đã thực hiện nhiệm vụ của một trường đại học khu vực đa ngành.

Năm 2001, trên cơ sở quy hoạch của Bộ GD & ĐT và chế độ ưu đãi của UBND Thành phố, trường đã làm tốt việc xây dựng và phát triển đội ngũ cả về số lượng và chất lượng.

Năm 2001 là năm Trường làm được nhiều việc về xây dựng cơ sở vật chất của trường, đặc biệt được các cấp có thẩm quyền khẳng định, phê duyệt quy hoạch phát triển trường trên diện tích 32 ha và Dự án xây dựng cơ sở vật chất của trường giai đoạn 2001 - 2005 (nhóm B) trên cơ sở có ý kiến chỉ đạo của Chính phủ.



Thầy hiệu trưởng Ngô Đăng Duyên và sinh viên Đại Học Sư Phạm Hải Phòng

Các Phòng- Khoa của Trường

- | | |
|-----------------------------|---------------------------|
| Phòng Đào tạo NCKH & QHQT | Khoa Thể dục quân sự |
| Phòng Bồi dưỡng - Tại chức | Khoa Tiểu học |
| Phòng Chính trị - Tổng hợp | Khoa Mầm non |
| Phòng Tổ chức CB & QLSV | Khoa Công nghệ |
| Phòng Hành chính - Quản trị | Khoa Kinh tế & quản lý |
| Phòng Thiết bị Thư viện | Khoa Nông nghiệp |
| Phòng Tài chính kế toán | Trung tâm ngoại ngữ |
| Ban Quản lý KTX | Trung tâm ĐTBĐGV & CBQL |
| Khoa Tự nhiên | Tổ tâm lý giáo dục |
| Khoa Toán - Tin | Tổ Lý luận Mác - Lê Nin |
| Khoa Xã hội | Trường Thực hành THCS |
| Khoa Ngữ văn | Trường thực hành Tiểu học |
| Khoa Ngoại ngữ | Trường thực hành mầm non |



Lễ đón nhận quyết định của Thủ Tướng Chính Phủ thành lập Trường Đại Học Sư Phạm Hải Phòng



CÔNG TY SƠN - CHẮT DẸO

5130

258 Bến Chương Dương, Quận 1, TP.HCM
ĐT: (84-8) 8367791 - 8368700 Fax: 8367754

E-mail : ppcpaintplastico@ hcm.vnn.vn Website: www.ppc.com.vn

Với thiết bị và công nghệ tiên tiến, Công ty đã tạo ra nhiều sản phẩm với chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng được nhu cầu trong nước và xuất khẩu :

- Bao container tải trọng 500kg - 1500kg phục vụ cho nội địa và xuất khẩu (công dụng: chứa xi măng, phân bón, hóa chất, hàng nông sản...)
- Bao PP: đa dạng về chủng loại và kích thước (có trắng, có in, màu, có lồng túi PE...)
- Bao xi măng đa lớp PPP - giấy kraft có cán trắng.
- Thùng giấy carton với nhiều kiểu dáng khác nhau.



Máy dệt 6 thời và 8 thời



Máy may bao và bao container

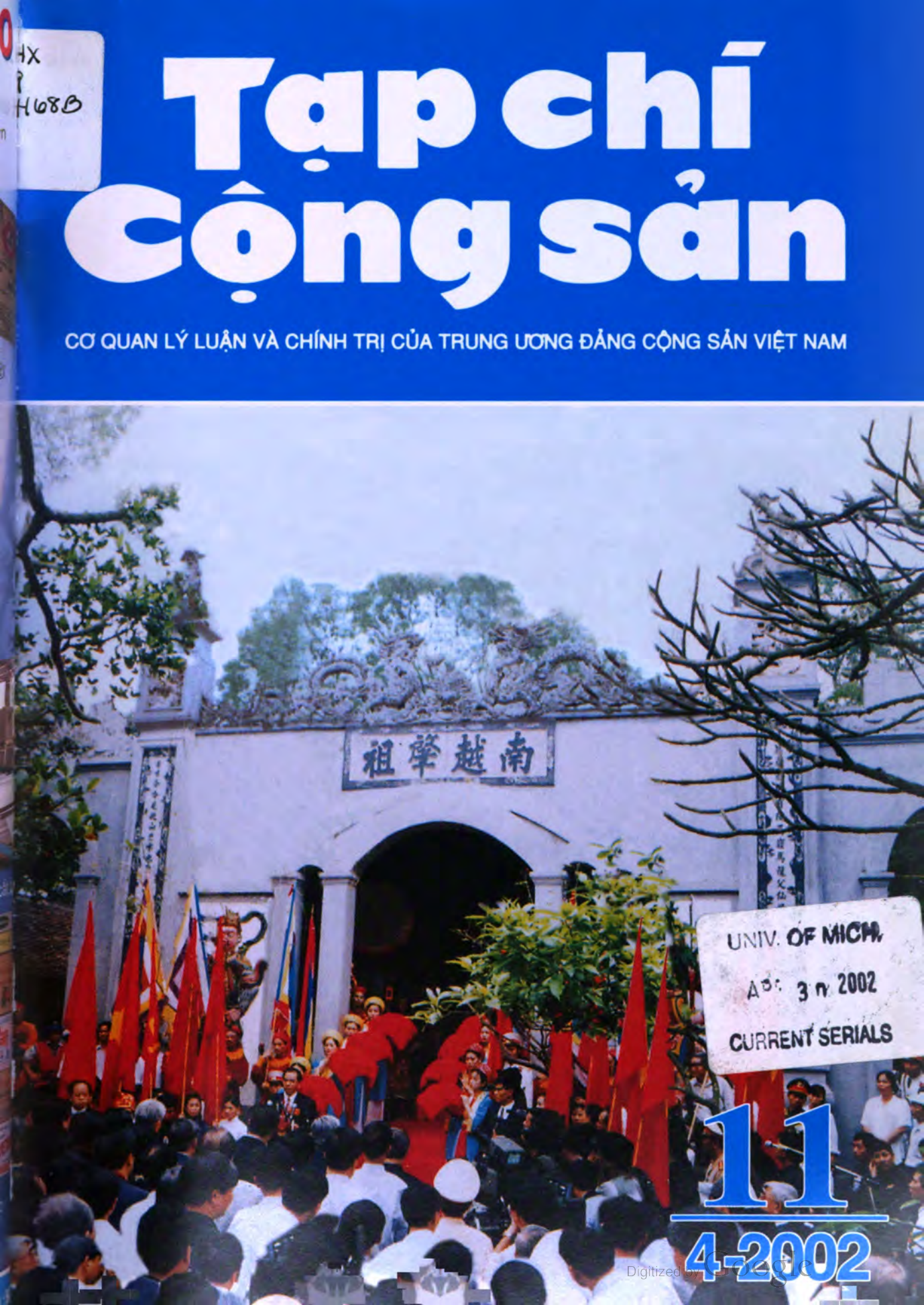


Máy cắt bao



Thùng giấy carton 3 - 5 lớp

Digitized by Google



4X
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

越南學祖

UNIV. OF MICH.

AB: 3 n 2002

CURRENT SERIALS

11

4-2002

TRƯỜNG ĐÀO TẠO NGHỀ GIAO THÔNG CÔNG CHÍNH HẢI PHÒNG

Đ/C : 272 - TRẦN NHÂN TÔNG - NAM SON - KIẾN AN - HẢI PHÒNG

ĐIỆN THOẠI : 031.877856

Thành lập theo quyết định số : 118/QĐ-TCCQ ngày 3/2/1996 của UBND TP Hải Phòng



HIỆU TRƯỞNG
Phạm Xuân Thống

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

- * Đào tạo và tổ chức thi lấy bằng lái xe các loại.
- * Đào tạo và đào tạo lại công nhân ngành GTCC.
- * Đào tạo thuyền máy trưởng tàu vận tải sông theo phân cấp của Bộ GT-VT.
- * Kết hợp với cơ quan có chức năng đào tạo tổ chức các lớp đào tạo và giới thiệu việc làm theo nhu cầu của xã hội (kể cả đào tạo lao động đi làm việc ở nước ngoài).



Năm 2001 là năm đầu tiên thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX Đại hội 12 của Đảng bộ thành phố và Đại hội đảng bộ nhà trường lần thứ 10. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng Đảng bộ nhà trường đã lãnh đạo và huy động toàn thể cán bộ đảng viên, công chức, giáo viên và học sinh phấn đấu hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ Nhà nước giao cho.

Thông qua việc học tập và công tác, toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng đều chung một quan điểm là : Đoàn kết nhất trí, từng bước xây dựng và củng cố nhà trường ngày càng lớn mạnh về mọi mặt, xứng đáng là trường dạy nghề Nhà nước với chất lượng đào tạo ngày càng cao hơn.

1. Về tuyển sinh mở lớp :

- Các lớp cơ khí đào tạo dài hạn (02 năm : Đã có 6 lớp = 290 học sinh)
- Các lớp lái xe ô tô đào tạo chính quy : Tổng số là 944 học sinh.
- Các lớp bồi dưỡng nâng bậc, nâng hạng bằng lái xe : 147 học sinh.
- Các lớp bồi dưỡng thi cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 = 15.620 học viên

2. Về chất lượng và kết quả đào tạo :

- * Về chất lượng : - Các lớp lái xe đạt ngày vòng đầu trên 90%
- Các lớp cơ khí đạt 98%.
- * Về kết quả thu ngân sách thông qua tiền học phí, lệ phí thi đạt xấp xỉ 3 tỉ đồng.



Toàn cảnh nhà trường





THÁNG RA 3 KỶ

SỐ 640

11

4-2002

• BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9422061
Fax : (04) 8222846

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3 Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8225768

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

Email: bttccs@hn.vnn.vn

• TỔNG BIÊN TẬP :

VŨ VĂN HIỀN



Bìa 1 : Giỗ Tổ Hùng Vương
Ảnh : Ngọc Kỳ

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới	3
NGUYỄN VĂN AN - Diễn văn Bế mạc kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa X	12
TRƯƠNG TẤN SANG - Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể	15

NHÂN KỶ NIỆM LẦN THỨ 132 NGÀY SINH V.I. LÊ-NIN (22-4-1870 - 22-4-2002)

NGUYỄN QUANG MINH - Tác phẩm "Thà ít mà tốt" của V.I. Lê-nin với công cuộc đổi mới bộ máy Nhà nước Việt Nam hiện nay	22
--	----

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

VŨ HIỀN - Nhật Bản mùa hoa Anh Đào	28
TRẦN VĂN NHUNG - TRẦN KHÁNH ĐỨC - Vấn đề phát triển nhân lực công nghệ thông tin	33

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

<i>Báo chí trong cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng ở nước ta hiện nay</i>	
TRẦN QUANG NHIẾP - Báo cáo đề dẫn	36
*** Tổng quan hội thảo	41

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN QUỐC CƯỜNG - Bắc Giang với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội	48
THƯỢNG TÙNG - Nhìn lại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc 10 năm qua	52

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

KỶ HOA - Nên khuyến khích	56
---------------------------	----

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

HÀ MỸ HƯƠNG - Trật tự nào cho thế giới ?	57
VÕ THỦ PHƯƠNG - Trung Đông khói lửa và những cách nhìn	61

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

Tỉnh ủy Hải Dương tổng kết công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh	64
---	----

СОДЕРЖАНИЕ

* Резолюция V^ю Пленума Центрального Комитета Компартии СРВ IX^ю созыва об основных задачах идеологической и теоретической работ при новой обстановке. НГУЕН ВАН АН: Заключительное слово XI^ю сессии Национального Собрания X^ю созыва. ЧЫОНГ ТАН ШАНГ: Продолжаются обновление и повышение эффективности коллективной экономики. НГУЕН КУАНГ МИНЬ: Работа "Лучше меньше, да лучше" В. И. Ленина с курсом обновления государственного аппарата во Вьетнаме в настоящее время. ВУ ХИЕН: Япония - сезон расцветающих вишней. ЧАН ВАН НЬУНГ - ЧАН КХАНЬ ДЫК: Проблема развития рабочей силы в информационно-технологической области. ЧАН КУАНГ НЬЕП: Вводный доклад к Научному семинару "Пресса в борьбе против бюрократизма и коррупции в нынешнее время" *** Обзор семинара. ХА МИ ХЫОНГ: Какой порядок может быть для мира? ВО ТХУ ФЫОНГ: Ближний Восток в огне войны и разные точки зрения.

CONTENTS

* Resolutions of the 5th Plenum of CPV Central Committee (IXth tenure) regarding the main tasks of ideological, theoretical works in the new situation. NGUYỄN VĂN AN: Closing speech of the 11th session of the National Assembly (Xth tenure). TRƯƠNG TẤN SANG: To continue renovating and enhancing efficiency of collective economy. NGUYỄN QUANG MINH: Lenin's work: "The lesser is better" and the cause of renovating the present-day state apparatus of Vietnam. VŨ HIỂN: Japan - the season of cherry blossoming. TRẦN VĂN NHUNG - TRẦN KHÁNH ĐỨC: The problem of promoting informatics workforce. TRẦN QUANG NHIẾP: Introductory report for the seminar: "The press in the struggle against bureaucracy and corruption in our country nowadays. *** Overview of the seminar. HÀ MỸ HƯƠNG: Which order for the World? VÕ THỦ PHƯƠNG: Smoky and fiery Middle East and different looks at her.

SOMMAIRE

* La Résolution du 5^e Plénum du Comité central du Parti (issu du IX^e Congrès): Sur la tâche principale du travail idéologique et théorique dans la nouvelle conjoncture. NGUYỄN VĂN AN: Allocution de clôture de la 11^e session de l'Assemblée nationale (X^e législature). TRƯƠNG TẤN SANG: Poursuivre le renouveau et améliorer l'efficacité de l'économie collective. NGUYỄN QUANG MINH: L'œuvre "Mieux vaut la qualité que la quantité" de V. I. Lénine et le travail de renouveau concernant l'appareil d'Etat du Vietnam à l'heure actuelle. VŨ HIỂN: Le Japon en la saison des fleurs de cerisier. TRẦN VĂN NHUNG - TRẦN KHÁNH ĐỨC: La question de développer la main-d'œuvre de la technologie informatique. TRẦN QUANG NHIẾP: Le rapport d'introduction du Colloque: "La presse dans la lutte contre la bureaucratie et la corruption au Vietnam à l'heure actuelle". *** Le panorama du Colloque. HÀ MỸ HƯƠNG: Quel ordre pour le monde? VÕ THỦ PHƯƠNG: Le Proche-Orient en feu et les points de vue.

SUMARIO

* Resolución de la V Pleno del Comité Central del Partido (IX Congreso) sobre la tarea principal del trabajo ideológico y teórico en la nueva situación. NGUYỄN VĂN AN: Alocución de clausura de la 11^{na} Sesión de la Asamblea Nacional (X Legislatura). TRƯƠNG TẤN SANG: Continuar la renovación y mejorar la eficiencia de la economía colectiva. NGUYỄN QUANG MINH: La obra "es preferible la calidad que la cantidad" de V.I.Lenin para con la renovación del aparato del Estado de Vietnam en la actualidad. VŨ HIỂN: El Japón en la estación de cerezo. TRẦN VĂN NHUNG - TRẦN KHÁNH ĐỨC: La cuestión de desarrollar la mano de obra de la tecnología informática. TRẦN QUANG NHIẾP: Informe de introducción de la conferencia: "La prensa en la lucha contra el burocratismo y la corrupción en vietnam en el día de hoy". *** El panorama de la Conferencia. HÀ MỸ HƯƠNG: ¿Cuál orden para el mundo? VÕ THỦ PHƯƠNG: El Oriente Próximo en fuego y los puntos de vista.

目录

* 党九大五中全会关于新形势下的思想、理论工作的主要任务的决议•阮文安：国会第十届十一次会议闭幕词•阮晋创：继续革新及提高集体经济的效益•阮光明：列宁的《宁肯少些，但要好些》与目前越南国家行政机构的革新•武贤：日本—樱桃季节•陈文绒 陈庆德：发展信息技术人力的问题•陈光摄：《新闻媒体在我国目前的反腐败、官僚斗争中的作用》研讨报告引言***研讨综观•何美香：何秩序用于世界？•武守芳：中东战火及一些看法。



**NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA IX)**

VỀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Lời BBT : Từ ngày 18 - 2 đến ngày 2-3-2002, tại Thủ đô Hà Nội đã diễn ra Hội nghị lần thứ năm BCHTW Đảng khóa IX. Hội nghị đã thảo luận, thông qua 5 nghị quyết quan trọng : “Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” ; “Về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân” ; “Về đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010” ; “Về đổi mới và nâng cao hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn” ; “Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới”. Sau đây, Tạp chí Cộng sản trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc toàn văn Nghị quyết : “Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng - lý luận trong tình hình mới”.

I - TÌNH HÌNH TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN VÀ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN

1 - Tình hình tư tưởng, lý luận

- Trong quá trình đổi mới, phần đông cán bộ, đảng viên kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng, ra sức phấn đấu thực hiện Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ; có nhận thức đúng hơn về chủ nghĩa xã

hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và những vấn đề cốt yếu của cách mạng, những vấn đề quan điểm có tính nguyên tắc. Sự nhất trí với đường lối của Đảng ngày càng tăng ; nhiều cán bộ, đảng viên có bước trưởng thành trong việc vận dụng lý luận vào thực tiễn, lãnh đạo, tổ chức quần chúng thực hiện nghị quyết ; tính năng động, chủ động, sáng tạo trong nhiều lĩnh vực hoạt động được nâng cao hơn.

Tuy nhiên, sự suy thoái về nhận thức, tư tưởng chính trị trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn. Hiện tượng phai nhạt lý tưởng cách mạng, sa sút phẩm chất đạo đức, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng có chiều hướng phát triển. Tính chiến đấu của nhiều tổ chức đảng và đảng viên sút kém. Tình trạng không coi trọng nguyên tắc đổi mới, dập khuôn mô hình nước ngoài, chạy theo lợi ích kinh tế đơn thuần... diễn ra ở nhiều lĩnh vực. Tệ mê tín có chiều hướng tăng lên.

- Tính tích cực, năng động, sáng tạo của các tầng lớp nhân dân được phát huy ngày càng rõ trên các lĩnh vực đời sống xã hội. Tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, lòng yêu nước, ý thức tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống cách mạng và lịch sử, bản sắc dân tộc được tiếp tục giữ gìn và phát huy. Tuy nhiên, những hạn chế, mờ hồ về tư tưởng, nhận thức và tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống cũng khá phổ biến. Nỗi bức xúc của nhân dân hiện nay là còn những bất công xã hội, sự làm giàu phi pháp, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa được ngăn chặn có hiệu quả.

Ở một số địa phương, có những kẻ lợi dụng vấn đề tôn giáo và dân tộc cố tình kích động các vụ việc mang tính chất chính trị hoặc tranh chấp dân sự để phá hoại chính sách đoàn kết tôn giáo, dân tộc của Đảng và Nhà nước ta.

Nhìn chung, tình hình tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân hiện nay là : *mặt tích cực và tiêu cực đan xen nhau, trong đó mặt tích cực là cơ bản, đã và đang quyết định chiều hướng phát triển của xã hội, là*

nhân tố quan trọng tạo nên thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước ; tuy vậy, mặt tiêu cực có lúc, có nơi cũng rất nghiêm trọng, thực sự là nguy cơ tiềm ẩn, liên quan đến sự mất còn của Đảng, của chế độ.

- Từ Đại hội lần thứ VI của Đảng đến nay, trình độ lý luận của Đảng ta đã có bước phát triển rõ rệt. Đảng đã không ngừng đổi mới phương pháp tư duy lý luận, kiên định và vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, khắc phục bệnh giáo điều, chủ quan, duy ý chí, mở ra bước chuyển biến quan trọng trong tư duy lý luận, từng bước xây dựng và hoàn chỉnh đường lối đổi mới toàn diện, làm cho nước ta có bước phát triển ngày càng mạnh mẽ ; giải đáp có căn cứ khoa học một số vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn ; nhận thức đầy đủ hơn nội dung, giá trị và tầm vóc của tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng.

Tuy nhiên, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mới dừng lại ở những nét khái quát chung, còn không ít vấn đề cụ thể đặt ra từ thực tiễn chưa có lời giải đáp hoặc giải đáp chưa đủ sức thuyết phục ; nhiều cán bộ, đảng viên nhận thức về Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh còn giản đơn ; hiểu biết về chủ nghĩa tư bản hiện đại chưa sâu sắc, có mặt còn lệch lạc ; phương pháp tư duy chưa vươn tới tầm biện chứng, còn dừng lại ở trình độ cảm tính, ở chủ nghĩa kinh nghiệm hoặc thực dụng.

2 - Công tác tư tưởng, lý luận

Công tác tư tưởng, lý luận của Đảng trong hơn 15 năm qua đã đạt được thành tựu quan trọng : những kết quả nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn đã cung cấp nhiều luận cứ khoa học cho việc xây dựng, bổ sung và phát triển đường lối đổi mới của Đảng ; góp phần tăng cường sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội. Chất lượng, hiệu quả của công tác tư tưởng, lý luận được nâng cao một bước. Các cấp ủy đảng đã coi trọng việc tuyên truyền, giáo dục ý thức nâng cao cảnh giác cách mạng, vạch trần các thủ đoạn phá hoại về tư tưởng, góp phần làm thất bại một bước chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Mặt yếu kém, bất cập của công tác tư tưởng là còn thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao, phương pháp chưa linh hoạt, chưa tạo được nhận thức thống nhất cao và thông suốt đối với một số vấn đề trong đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng. Chưa thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng ; chưa phê phán mạnh và đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, những quan điểm mơ hồ, sai trái, khuynh hướng "thương mại hóa", lai căng, chạy theo thị hiếu tầm thường trong hoạt động báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ. Công tác lý luận chưa theo kịp sự phát triển và yêu cầu của cách mạng. Công tác tư tưởng chưa gắn với công tác tổ chức, xây dựng cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Những yếu kém, bất cập nêu trên là do Đảng ta chưa đặt đúng mức việc chỉ đạo đổi mới nội dung, phương pháp công tác

tư tưởng, lý luận trong giai đoạn mới. Chưa xây dựng được quy chế bảo đảm dân chủ, phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động lý luận và công tác tư tưởng. Chậm tăng cường, đổi mới công tác xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, lý luận. Cơ sở vật chất kỹ thuật, điều kiện làm việc ở nhiều cơ quan, đơn vị làm công tác tư tưởng, lý luận còn thiếu thốn, lạc hậu.

II - PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ GIẢI PHÁP CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

A - Phương hướng chung của công tác tư tưởng, lý luận trong những năm sắp tới là

Kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo và các nguyên tắc hoạt động của Đảng ; quán triệt đường lối đổi mới, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân, từ Trung ương đến cơ sở. Đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương pháp công tác tư tưởng ; đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, góp phần làm rõ hơn nữa con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đồng thời triển khai liên tục và sâu rộng công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm phát huy chủ nghĩa yêu nước, phẩm chất đạo đức cách mạng, năng lực sáng tạo, ý chí tự lực tự cường đi đôi với đề cao tinh thần quốc tế chân chính ; khơi dậy và nâng cao ý chí cách mạng tiến công, tinh thần đại đoàn kết dân tộc, quyết tâm nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức; cổ vũ phong trào thi đua yêu nước, động viên khí thế và tinh thần chủ động sáng tạo trong lao động,

học tập và công tác, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

B - Nhiệm vụ chủ yếu

1 - Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm sáng tỏ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Coi trọng việc tổng kết thực tiễn trong nghiên cứu lý luận và trong hoạt động của các cấp ủy đảng ; coi tổng kết thực tiễn là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, các ngành ; gắn nghiên cứu thực tiễn Việt Nam với tiếp thu có chọn lọc những thành tựu khoa học của nhân loại.

Từ nay đến Đại hội X, cần tập trung nghiên cứu những vấn đề sau : kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta ; đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị ; xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong điều kiện mới ; phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực ; đặc điểm, nội dung của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại và sự phát triển của kinh tế tri thức ; những tác động nhiều mặt của quá trình toàn cầu hóa ; dự báo các xu thế phát triển chủ yếu của thế giới và khu vực ; những vấn đề lý luận phục vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại, đấu tranh làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Trước mắt, Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức nghiên cứu vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân và một số vấn đề mới về quốc tế liên quan đến công tác lý luận.

2 - Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, tạo sự thống nhất cao hơn nữa trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân

Cần đổi mới mạnh mẽ chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học lý luận, coi trọng chất lượng và tính hiệu quả. Tổ chức học tập một cách nghiêm túc, có hệ thống Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chủ nghĩa yêu nước và truyền thống cách mạng của dân tộc, của Đảng. Phát huy tính sáng tạo, chủ động của người học, dành nhiều thời gian cho việc tự học, tự đọc các tác phẩm lý luận và văn kiện của Đảng.

Mọi đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Kiên quyết xử lý những cán bộ, đảng viên nói và làm trái nguyên tắc Đảng, có những hoạt động chia rẽ, bè phái trong Đảng.

Đề cao và coi trọng giáo dục đạo đức công dân, đặc biệt là trong các trường học, trong thanh niên, thiếu niên.

3 - Công tác tư tưởng, lý luận phải góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc, chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, chặn đà suy thoái về đạo đức, lối sống

Công tác tư tưởng, lý luận phải bám sát và phục vụ nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, tích cực góp phần tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn, thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước, hoàn thành kế hoạch nhà nước 5 năm 2001 - 2005.

Đề cao trách nhiệm của mỗi tổ chức đảng và đảng viên đấu tranh loại trừ tham

những, lãng phí, quan liêu ở cơ quan, đơn vị, cơ sở mình. Đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, tự học tập, tự rèn luyện, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng và tình trạng thoái hóa, biến chất trong Đảng. Kiên quyết xử lý những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước.

Hướng mạnh về cơ sở, nắm chắc tình hình cơ sở, tăng cường củng cố trận địa tư tưởng ở cơ sở, tạo thế đứng chính trị vững chắc trên từng địa bàn. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng làm công tác tư tưởng, kết hợp các biện pháp tư tưởng, chính trị, tổ chức, kiểm tra, kinh tế, hành chính, kết hợp phong trào quần chúng với việc thi hành các chính sách hợp lý, hợp lòng dân để tập trung xử lý dứt điểm các "điểm nóng", chặn đứng sự suy thoái về đạo đức, lối sống và đẩy lùi các tệ nạn xã hội ở từng địa phương, khu vực.

4 - Chủ động tiến công, triển khai có hiệu quả cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận, làm thất bại chiến lược "diễn biến hòa bình", âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch

Các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội nắm chắc diễn biến tư tưởng ở từng địa bàn, đối tượng, có phương án kịp thời xử lý những tình huống phức tạp có thể xảy ra ; đề phòng nguy cơ "tự diễn biến" từ trong nội bộ.

Trên cơ sở kết hợp "xây" với "chống", trong đó lấy "xây" làm chính, cổ vũ mạnh mẽ các nhân tố tích cực, tạo ra môi trường, nếp sống, lối sống lành mạnh, có văn hóa ; lấy cái tích cực, cái tốt đẩy lùi cái tiêu cực, cái xấu.

Các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị, các cơ quan, đoàn thể, các phương tiện thông tin đại chúng, lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên cần thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục về đường lối, chính sách, pháp luật ; nâng cao cảnh giác cách mạng, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình", gây chia rẽ, nghi ngờ, mất đoàn kết nội bộ.

5 - Thực hiện nghiêm túc những chỉ thị, quy định của Đảng về bảo vệ Đảng ; xử lý kịp thời theo pháp luật và kỷ luật đảng mọi hoạt động tán phát tài liệu xấu, thông tin bịa đặt, các thư nặc danh, mạo danh có nội dung xấu

Các cấp ủy và tổ chức đảng, các đoàn thể thông qua sinh hoạt thường kỳ, quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chỉ thị, quy định về bảo vệ Đảng ; kiên quyết phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phối hợp với các cơ quan nghiên cứu biên tập các tài liệu cần thiết phục vụ các yêu cầu nói trên.

Xử lý nghiêm những hành động vi phạm kỷ luật phát ngôn, làm trái những quy định về bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước và những điều đảng viên không được làm. Nghiêm cấm việc xuất bản, lưu hành những sách, báo và những ấn phẩm có nội dung sai trái.

6 - Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền cổ động, báo chí - xuất bản, văn hóa - văn nghệ, thông tin đối ngoại

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thông tin cổ động.

Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 22 của Bộ Chính trị khóa VIII về "Tiếp tục đổi mới, tăng cường lãnh đạo và quản lý báo chí, xuất bản" để báo chí thật sự là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, đồng thời là diễn đàn của nhân dân, để nhân dân thông qua báo chí thực hiện quyền làm chủ của mình ; đa dạng hóa nội dung và hình thức thông tin, báo chí để các sản phẩm thông tin, báo chí đáp ứng sát hơn nhu cầu thông tin và đến được với đông đảo nhân dân thuộc các vùng, các dân tộc, các tầng lớp khác nhau ; khắc phục những tiêu cực trong hoạt động báo chí, xuất bản.

Phát huy vai trò và sức mạnh của văn hóa, văn nghệ trong công tác tư tưởng, trong việc xây dựng con người Việt Nam có đủ những đức tính đã được xác định trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, góp phần xây dựng một xã hội lành mạnh, văn minh.

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin đối ngoại làm cho thế giới hiểu rõ Việt Nam, mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế.

C - Những giải pháp lớn

1 - Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước

Từ Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đến các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn đều phải coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng, lý luận. Bí thư cấp ủy, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải có chương trình, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng, lý luận ; thực hiện chế độ giao ban tư tưởng định kỳ hoặc đột xuất của cấp ủy đảng. Coi trọng nắm bắt, phân tích, dự báo diễn biến tư tưởng và có biện pháp xử lý

kịp thời các tình huống tư tưởng, tăng cường kiểm tra các hoạt động tư tưởng của cấp dưới, gắn chặt với tổng kết thực hiện nhiệm vụ chính trị. Trước mắt, Ban Bí thư chỉ đạo việc rà soát lại công tác giáo dục lý luận chính trị, bảo đảm sự thống nhất, tránh trùng lặp, chồng chéo trong công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị trong các hệ thống trường đảng, trường nhà nước, đoàn thể, lực lượng vũ trang và trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Xây dựng cơ chế cụ thể thực hiện vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng đối với các hoạt động báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ.

Nhà nước xây dựng, bổ sung hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách quản lý các hoạt động liên quan tới lĩnh vực tư tưởng, lý luận ; xử lý kịp thời và nghiêm minh đối với những vi phạm pháp luật trên lĩnh vực này.

2 - Mở rộng dân chủ, phát huy tự do tư tưởng, khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận, đồng thời giữ nghiêm kỷ cương trong việc phổ biến kết quả nghiên cứu

Thực hiện chế độ tuyển chọn người nghiên cứu các đề tài khoa học, không theo cơ chế "xin - cho", để các nhà khoa học hoặc tập thể khoa học được dân chủ, bình đẳng, công khai tham gia.

Phát huy tự do tư tưởng, khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận, đồng thời giữ vững kỷ cương trong việc phổ biến kết quả nghiên cứu. Khẩn trương xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong nghiên cứu lý luận.

3 - Nêu cao vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên

Toàn Đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành kiên quyết thực hiện: **nói đi đôi với làm, nói và làm đúng đường lối, chính sách, pháp luật.**

Mỗi cán bộ, đảng viên và gia đình phải thực sự là tấm gương về mọi mặt cho quần chúng noi theo.

Nêu cao tinh thần tự học, tự rèn luyện trong mỗi cán bộ, đảng viên. Nâng cao chất lượng sinh hoạt tự phê bình và phê bình trong Đảng ; động viên và tổ chức để quần chúng góp ý xây dựng cán bộ, đảng viên.

4 - Tích cực đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tư tưởng, lý luận

Trên cơ sở quy hoạch, cần đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tư tưởng, lý luận đông đảo, có chất lượng cao ; chú ý lựa chọn những sinh viên ưu tú tốt nghiệp các trường đại học để đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị và công tác đảng. Sớm ban hành và thực hiện chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành công tác tư tưởng. Khẩn trương triển khai kế hoạch đào tạo cán bộ tư tưởng - văn hóa theo quyết định của Thường vụ Bộ Chính trị (khóa VIII) từ năm học 2002 - 2003.

Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan liên quan trong việc đào tạo cán bộ lý luận. Trong 5 năm tới, phấn đấu giải quyết một cách cơ bản tình trạng thiếu giảng viên lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học, cao đẳng.

5 - Kiện toàn tổ chức, bộ máy, tăng cường đầu tư cho công tác tư tưởng, lý luận

Rà soát, bổ sung và hoàn chỉnh chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn tổ chức, bộ

máy ; xây dựng mô hình thống nhất cơ quan công tác tư tưởng, văn hóa các cấp.

Kiện toàn hệ thống, định rõ chức năng, nhiệm vụ, phân công và phối hợp chặt chẽ và khắc phục tình trạng phân tán, trùng lặp, chồng chéo, kém hiệu quả của các cơ quan lý luận.

Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Học viện Hành chính quốc gia.

Rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của các trường chính trị tỉnh, thành phố, trường chính trị của các bộ, ngành ; các trung tâm bồi dưỡng chính trị, các khoa, tổ bộ môn Mác - Lê-nin trong các trường đoàn thể, lực lượng vũ trang và các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp...

Tăng dần mức đầu tư về cán bộ, kinh phí ; tạo động lực cho công tác tư tưởng, lý luận bằng các chính sách đãi ngộ hợp lý đối với đội ngũ cán bộ chuyên trách.

Từng bước hiện đại hóa điều kiện làm việc, trang thiết bị, hệ thống thông tin, tư liệu trong và ngoài nước.

6 - Phát huy sức mạnh tổng hợp để đẩy mạnh công tác tư tưởng

Thực hiện phương châm "toàn Đảng làm công tác tư tưởng", "lấy quần chúng giáo dục quần chúng", đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp công tác tư tưởng của các đoàn thể, tổ chức xã hội ở các địa bàn dân cư, sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền, giáo dục sinh động, thiết thực, sát với đối tượng.

Hết sức coi trọng việc cổ vũ, động viên từng người dân thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, chống các tệ nạn xã hội, các thói hư tật xấu, chống tư tưởng sai trái, thù địch.

7 - Đổi mới nội dung, phương pháp công tác tư tưởng, lý luận

Đổi mới nội dung công tác giáo dục lý luận chính trị theo hướng gắn với thực tiễn, phù hợp với từng đối tượng, hiệu quả thiết thực, giải đáp được những vấn đề đặt ra từ thực tiễn. Mở rộng sử dụng hình thức đối thoại trong hoạt động tuyên truyền giáo dục.

Mở rộng hình thức học tập lý luận chính trị trên các phương tiện thông tin đại chúng ; chấn chỉnh hình thức đào tạo tại chức ; nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập ; thực hiện nghiêm túc các quy định đánh giá kết quả học tập ; gắn việc đào tạo, bồi dưỡng với việc bố trí, sử dụng cán bộ.

Tổ chức lại hệ thống nghiên cứu dư luận xã hội, làm tốt công tác dự báo, đề xuất những giải pháp tiến hành công tác tư tưởng có hiệu quả trong từng thời kỳ.

Coi trọng tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, nhân tố mới tích cực.

III - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1 - Từng cấp ủy, căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết này và tình hình cụ thể của đảng bộ xác định ngay những vấn đề phải làm trong năm 2002, chỉ đạo làm chuyển biến một số mặt công tác còn yếu, nhất là ở cấp cơ sở. Kết hợp thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 về những nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình

mới với triển khai thực hiện Kết luận của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về tiếp tục thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), tạo ra chất lượng mới trong công tác xây dựng Đảng trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận.

2 - Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan lập kế hoạch hướng dẫn việc nghiên cứu và thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo công tác tuyên truyền sâu rộng và thiết thực các nội dung cơ bản của Nghị quyết trong các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể vào đầu quý II năm 2002. Xây dựng kế hoạch phát triển cuộc vận động thi đua yêu nước, học tập tư tưởng, đạo đức, lối sống của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân kỷ niệm 112 năm Ngày sinh của Bác (19-5-2002), phối hợp cùng Hội đồng Lý luận Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan liên quan chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị ; cùng Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch kiện toàn bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng, lý luận.

3 - Hội đồng Lý luận Trung ương có kế hoạch triển khai nghiên cứu các vấn đề lý luận và tổng kết thực tiễn nêu trong Nghị quyết này ; từng thời gian báo cáo Bộ Chính trị.

4 - Ban Khoa giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo... rà soát, bổ sung nội dung giáo dục đạo đức công dân, chủ nghĩa

Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong nhà trường ở từng cấp học.

5 - Ban Tổ chức Trung ương chủ trì cùng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và các cơ quan liên quan nghiên cứu sắp xếp, kiện toàn các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tư tưởng, lý luận, các cơ quan nghiên cứu lý luận ; rà soát, bổ sung hoặc kiến nghị bổ sung chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ cán bộ tư tưởng, lý luận, báo cáo viên, giảng viên...

6 - Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, các đoàn thể quần chúng có biện pháp cụ thể thực hiện Nghị quyết, coi trọng việc giáo dục nâng cao trách nhiệm công dân, tính chủ động, tích cực của hội viên, đoàn viên, góp sức củng cố và *phát triển sự nhất trí, đồng thuận* của toàn xã hội với mục tiêu, lý tưởng của Đảng ; làm tốt nhiệm vụ là chiếc cầu nối giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

7 - Ban cán sự đảng Ủy ban Dân tộc và Miền núi chủ trì phối hợp với Ban Dân vận Trung ương, Ban cán sự đảng Bộ Văn hóa - Thông tin và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch giáo dục nhân dân các dân tộc thiểu số phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, tương trợ phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các hoạt động tư tưởng - văn hóa ở miền núi, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng.

Ban cán sự đảng Bộ Văn hóa - Thông tin, Ban Tôn giáo Chính phủ cùng các ban, ngành liên quan có biện pháp đồng bộ giáo dục ý thức thực hiện tốt chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, đấu tranh bài trừ các hiện tượng mê

tín, ngăn chặn các hành vi lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật Nhà nước.

8 - Trong quý II năm 2002, Ban cán sự đảng Bộ Văn hóa - Thông tin xây dựng xong kế hoạch chấn chỉnh hoạt động xuất, nhập khẩu các ấn phẩm văn hóa, chỉ đạo các chương trình văn hóa - văn nghệ bảo đảm định hướng tư tưởng lành mạnh và bản sắc dân tộc ; phối hợp các cơ quan chức năng ngăn chặn những tác động tiêu cực từ các đài phát thanh bằng tiếng Việt của bọn phản động nước ngoài vào nước ta.

9 - Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, các Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan chức năng nghiên cứu giải quyết các nhu cầu cơ bản và cấp bách về cơ sở vật chất - kỹ thuật và kinh phí hoạt động của các cơ quan lý luận, tư tưởng và văn hóa của Đảng, Nhà nước, các ngành và các đoàn thể quần chúng. Sớm ban hành chế độ, chính sách đãi ngộ hợp lý đối với những người làm công tác tư tưởng, lý luận chuyên trách. Từ nay đến năm 2005, có kế hoạch đầu tư thích đáng để từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất - kỹ thuật, điều kiện làm việc của các cơ quan thuộc lĩnh vực tư tưởng - văn hóa ở trung ương và địa phương ; chú trọng hai trung tâm nghiên cứu lý luận lớn là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. □

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

DIỄN VĂN ĐỀ MẠC KỶ HỌP THỨ 11 QUỐC HỘI KHÓA X

NGUYỄN VĂN AN

Chủ tịch Quốc hội

*Kính thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng,
Nhà nước, Mặt trận,*

Thưa các vị khách quý,

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Sau hơn 2 tuần làm việc tích cực, khẩn trương, hôm nay, kỳ họp thứ 11 - kỳ họp cuối cùng của Quốc hội khóa X đã hoàn thành chương trình làm việc.

Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của kỳ họp này, Quốc hội đã xem xét các báo cáo công tác nhiệm kỳ 1997 - 2002 của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Với tinh thần nghiêm túc, thẳng thắn, Quốc hội nhận định rằng, trong 5 năm qua, kế thừa và phát huy những thành tựu và bài học kinh nghiệm của các khóa trước, Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII và bước đầu triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Trong những năm qua, nước ta tiếp tục giành được

những thành tựu quan trọng và toàn diện về phát triển kinh tế - xã hội ; đời sống của các tầng lớp nhân dân được cải thiện ; an ninh, chính trị và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững ; quan hệ đối ngoại được mở rộng, vị thế nước ta trên trường quốc tế được nâng cao. Trong mỗi thành tựu đạt được đó đều có phần đóng góp quan trọng của Quốc hội và các cơ quan trong bộ máy nhà nước.

Với tinh thần trách nhiệm cao trước nhân dân và đất nước, Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội trong nhiệm kỳ khóa X đã tiếp tục phát huy dân chủ, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động trên tất cả các lĩnh vực lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng và giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước, được cử tri và nhân dân quan tâm theo dõi và đồng tình ủng hộ. Các vị đại biểu Quốc hội đã thể hiện trách nhiệm của mình, đi sát thực tế, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân để tham gia thảo luận và quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước.

Chủ tịch nước và Chính phủ đã có nhiều cố gắng trong việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Hoạt động của Chủ tịch nước đã góp phần tích cực vào

công tác lập pháp, hành pháp, tư pháp, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ luôn được đổi mới, năng động, đi sát thực tiễn hơn, từng bước xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, vững mạnh. Hoạt động của Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân đã có những tiến bộ, chất lượng và hiệu quả công tác tiếp tục được nâng lên, từng bước thực hiện chủ trương, chính sách về cải cách tư pháp, góp phần giữ vững ổn định chính trị, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

Nhìn lại nhiệm kỳ đã qua, Quốc hội và các cơ quan trong bộ máy nhà nước đã cố gắng làm tròn trách nhiệm trước nhân dân và đất nước. Những kết quả đạt được trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp không tách rời với quá trình đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được như đã nêu trên, tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước vẫn còn những hạn chế mà trong các báo cáo công tác đã có sự kiểm điểm sâu sắc. Rút kinh nghiệm từ tổ chức và hoạt động của nhiệm kỳ Quốc hội khóa X và các khóa trước, mong rằng Quốc hội và các cơ quan trong bộ máy nhà nước nhiệm kỳ tới sẽ phấn đấu nhiều hơn nữa, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn mà Hiến pháp và pháp luật quy định, tiếp tục đổi mới, hoàn thiện, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đáp ứng lòng mong mỏi của nhân dân.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Thực hiện chương trình xây dựng pháp luật năm 2002, tại kỳ họp này, Quốc hội đã xem xét thông qua Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ; Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân ; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao động với tinh thần khẩn trương và tiếp tục cải tiến.

Việc sửa đổi Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân là một bước quan trọng thể chế hóa chủ trương cải cách tư pháp đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và cụ thể hóa các quy định đã được sửa đổi, bổ sung của Hiến pháp năm 1992, tạo cơ sở pháp lý để nâng cao chất lượng hoạt động của Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân. Nội dung sửa đổi, bổ sung lần này tập trung vào việc nâng cao trách nhiệm của Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, góp phần khắc phục việc bắt, giam, giữ, truy tố, xét xử oan sai ; bảo đảm để Viện Kiểm sát nhân dân tập trung thực hiện quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp ; cải cách một bước về tư pháp, từng bước đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Bộ Luật Lao động qua 7 năm thực hiện đã thể chế hóa được đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực lao động và việc làm, từng bước tạo cơ sở pháp lý đồng bộ trong việc điều chỉnh các quan hệ lao động, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ lao động ; tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về lao động. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển của quan hệ lao động, cần phải sửa đổi, bổ sung một số vấn đề

cho phù hợp với tình hình thực tế. Việc sửa đổi, bổ sung lần này đã tập trung vào một số vấn đề thật sự bức xúc, nhằm hoàn thiện một bước cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý bình đẳng, bảo vệ quyền, lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động, thúc đẩy thị trường lao động phát triển, đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực và thế giới.

Tại kỳ họp này, Quốc hội cũng đã dành thời gian thảo luận, cho ý kiến về dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi). Đây là những dự án luật quan trọng, cần thiết phải kịp thời sửa đổi, bổ sung, vì vậy các cơ quan soạn thảo cần phối hợp chặt chẽ với các Ủy ban hữu quan của Quốc hội, khẩn trương tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, chỉnh lý các dự án để trình Quốc hội khóa XI xem xét, thông qua trong thời gian sớm nhất.

Từ sau kỳ họp thứ 10 đến nay, Chính phủ và các ngành, các cấp đã tích cực triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về nhiệm vụ năm 2002. Tình hình kinh tế - xã hội những tháng đầu năm nay tiếp tục có bước chuyển biến. Sản xuất công nghiệp đạt nhịp độ tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước, nhiều sản phẩm tiêu thụ tốt; tình hình thị trường trong nước sôi động, sức mua của dân cư ở nhiều vùng tăng lên đáng kể, chỉ số giá hàng tiêu dùng và dịch vụ tăng so với một số năm gần đây; tiến độ thực hiện nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt khá. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp vẫn gặp khó khăn, giá một số mặt hàng nông sản vẫn thấp đã gây bất lợi cho nông dân; hạn hán kéo dài ở miền trung, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long; kim ngạch xuất khẩu, vốn

tín dụng nhà nước được huy động cho đầu tư phát triển đạt thấp; tệ quan liêu, tham nhũng chưa được ngăn chặn; tệ nạn xã hội còn xảy ra phức tạp, tai nạn giao thông gia tăng... Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, kế hoạch năm 2002, tạo tiền đề cho những năm sau và cho cả nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2001- 2005, Quốc hội đề nghị Chính phủ tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp tích cực triển khai thực hiện tốt các giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết của Quốc hội về nhiệm vụ năm 2002, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh và chuẩn bị báo cáo với Quốc hội khóa XI tại kỳ họp thứ nhất.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Kỳ họp thứ 11 này là kỳ họp cuối cùng của nhiệm kỳ Quốc hội khóa X. Theo Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội, nhiệm vụ của các vị đại biểu Quốc hội vẫn còn tiếp tục cho đến khi Quốc hội khóa mới họp kỳ thứ nhất. Trong thời gian tới, các cơ quan của Quốc hội, các vị đại biểu Quốc hội cùng với các cơ quan nhà nước hữu quan tiếp tục phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ của mình, trong đó cần khẩn trương chuẩn bị mọi điều kiện để tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI, tổ chức tốt kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa XI. Qua 5 năm hoạt động, mỗi vị đại biểu Quốc hội đều đã được rèn luyện, nâng cao thêm trình độ, năng lực, kinh nghiệm và bản lĩnh trong công tác. Sau nhiệm kỳ này, dù tiếp tục tham gia hoạt động Quốc hội hay làm công tác khác, trên cương vị mới, mỗi đại biểu chúng ta sẽ tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của người đại biểu nhân dân, mãi mãi không quên những kỷ niệm sâu sắc trong thời

(Xem tiếp trang 27)

Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể

TRƯƠNG TẤN SANG*

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ - NHU CẦU TẤT YẾU KHÁCH QUAN

Phát triển kinh tế tập thể là một nhiệm vụ quan trọng trong đường lối xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định: "kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt"; "kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân"⁽¹⁾. Vừa qua, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 (khóa IX) đã ra Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 18-3-2002 về *"Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể"*. Đây là lần đầu tiên Ban Chấp hành Trung ương ra một Nghị quyết chuyên đề toàn diện về kinh tế tập thể nhằm thống nhất nhận thức về các quan điểm, khẳng định sự cần thiết khách quan phát triển kinh tế tập thể ở nước ta, là bước cụ thể hóa đồng bộ đường lối kinh tế Đại hội IX của Đảng.

Xét cả về mặt lý luận và thực tiễn, kinh tế hợp tác và hợp tác xã là sản phẩm tất yếu của nền kinh tế hàng hóa. Sản xuất hàng hóa càng phát triển, cạnh tranh ngày càng gay gắt, thì những người lao động riêng lẻ, các hộ sản xuất cá thể, các doanh nghiệp nhỏ và

vừa càng có yêu cầu liên kết, hợp tác với nhau để tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường. Phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã còn là con đường để giải quyết mâu thuẫn giữa sản xuất nhỏ, manh mún, hiệu quả thấp với sản xuất hàng hóa lớn, đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Kinh tế hợp tác và hợp tác xã là hình thức tổ chức kinh tế mang tính chất xã hội hóa, là một nhân tố quan trọng để xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, góp phần giáo dục ý thức phát triển cộng đồng. Ở nước ta, kinh tế hợp tác và hợp tác xã là hình thức kinh tế quan trọng để người lao động, hộ xã viên tiếp nhận sự hỗ trợ của Nhà nước, liên kết với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, đặc biệt với doanh nghiệp nhà nước, thực hiện liên minh công nông. Phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã là phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế tập thể cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

* Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương

(1) Xem *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 96 - 98

Thực tiễn ở nước ta, nhất là trong nông nghiệp, nông thôn, với quá trình phát triển nền kinh tế hàng hóa, nông dân càng có nhu cầu phát triển các hình thức kinh tế hợp tác từ thấp đến cao, từ các tổ hợp tác đến hợp tác xã làm dịch vụ đầu vào, đầu ra phục vụ sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình và trang trại. Đặc biệt ở những nơi có các nhà máy chế biến nông sản, cả nông dân và nhà máy ngày càng có nhu cầu tổ chức hợp tác xã để tạo thuận lợi cho việc hợp đồng cung ứng nông sản cho doanh nghiệp và tiếp nhận sự hỗ trợ, giúp đỡ của doanh nghiệp về vốn và kỹ thuật cho hộ nông dân.

Đến nay, ngoài số hợp tác xã cũ chuyển đổi có hiệu quả, đã có hàng trăm ngàn tổ hợp tác với nhiều trình độ và nhiều tên gọi khác nhau và hàng ngàn hợp tác xã mới ra đời một cách tự nguyện ở trong tất cả các ngành, lĩnh vực và địa bàn. Điều đó cho thấy, nhu cầu phát triển các hình thức kinh tế hợp tác giản đơn đã thật sự phổ biến và bức xúc; nhu cầu và điều kiện để phát triển hợp tác xã cũng ngày càng chín muồi ở nhiều nơi.

Từ thực tiễn và kinh nghiệm phát triển các hình thức kinh tế hợp tác, có cơ sở để dự báo rằng cùng với đà phát triển nền kinh tế hàng hóa, công nghiệp hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, mức độ cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường sẽ ngày càng gay gắt hơn, nhu cầu phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã sẽ ngày càng trở nên bức xúc và cấp thiết đối với những hộ kinh doanh cá thể, các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nhận thức rõ và thấy trước nhu cầu tất yếu khách quan đó, chúng ta càng phải chủ động tạo điều kiện thuận lợi và giúp đỡ kinh tế hợp tác và hợp tác xã phát triển, vì sự phát triển của sức sản xuất.

Mặt khác cũng phải thấy rằng, thời gian qua những thành tựu trong đổi mới kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn có sự đóng góp to lớn của kinh tế hộ. Nhưng nếu thỏa mãn với những thành tựu của kinh tế hộ mà không thấy hết những khó khăn, mâu thuẫn mới, những hạn chế của kinh tế hộ trong bước đường đi lên, mà không kịp thời tạo điều kiện và giúp đỡ kinh tế hợp tác và hợp tác xã phát triển, chúng ta sẽ không đáp ứng được yêu cầu phát triển của nền kinh tế sản xuất hàng hóa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ

Triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về "Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể", cần củng cố số hợp tác xã hiện có, tiếp tục phát triển rộng rãi kinh tế hợp tác với nhiều hình thức, có quy mô, trình độ khác nhau trong tất cả các ngành, lĩnh vực, địa bàn ở những nơi có điều kiện và có hiệu quả. Phần đầu đến năm 2010, đưa kinh tế tập thể thoát khỏi những yếu kém hiện nay, đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn, tiến tới có tỷ trọng ngày càng lớn hơn trong GDP của nền kinh tế. Để đạt mục tiêu, định hướng trên, cần thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu sau đây :

1. Cần nắm vững các quan điểm về phát triển kinh tế tập thể đã được nêu trong Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX). Tư tưởng chỉ đạo của các quan điểm đó là :

Thứ nhất, khẳng định kinh tế tập thể thời gian tới phải phát triển đa dạng về hình thức, đa sở hữu, với nhiều trình độ khác nhau, từ tổ hợp tác đến hợp tác xã và lên đến trình độ

cao là liên hiệp hợp tác xã, với các đặc trưng cơ bản sau đây :

- Thành viên hợp tác xã bao gồm cả thể nhân và pháp nhân liên kết rộng rãi những người lao động, hộ sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các thành phần kinh tế, cả người có ít vốn và người có nhiều vốn, cùng góp vốn và góp sức trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi và quản lý dân chủ ; cán bộ công chức được tham gia hợp tác xã với tư cách là xã viên. Hợp tác xã không thủ tiêu tính tự chủ sản xuất kinh doanh của các thành viên, chỉ làm những gì mà mỗi thành viên riêng lẻ không làm được, hoặc làm không có hiệu quả để hỗ trợ cho các thành viên phát triển ;

- Sở hữu của hợp tác xã là sở hữu đan xen, "dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể", hợp tác xã không tập thể hóa mọi tư liệu sản xuất của các thành viên, mà tôn trọng sở hữu của thành viên ; sở hữu tập thể bao gồm các loại quỹ không chia, các tài sản hình thành do quá trình tích lũy của hợp tác xã tạo nên và tài sản trước đây được giao lại cho tập thể sử dụng làm tài sản không chia ;

- Tổ chức và hoạt động của hợp tác xã không bị giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn, trừ một số lĩnh vực có quy định riêng. Hợp tác xã hoàn toàn tự chủ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tự chịu trách nhiệm trong cơ chế thị trường, liên doanh liên kết với các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế ;

- Về mặt quản lý, có sự phân biệt rõ chức năng quản lý của ban quản trị và chức năng điều hành của chủ nhiệm. Thành viên ban quản trị nhất thiết phải là xã viên hợp tác xã, do đại hội xã viên hoặc đại hội đại biểu xã viên bầu. Chủ nhiệm hợp tác xã có thể là xã

viên hoặc người ngoài hợp tác xã do ban quản trị thuê, hoạt động như một giám đốc điều hành. Đây là điểm quan trọng tạo điều kiện để hợp tác xã có thể có đội ngũ cán bộ điều hành chuyên nghiệp, nhờ đó có thể nâng cao được hiệu quả quản lý của hợp tác xã trong tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình ;

- Hình thức phân phối trong hợp tác xã vừa theo lao động, vừa theo vốn góp cổ phần và theo mức độ tham gia dịch vụ ;

- Hợp tác xã là một tổ chức kinh tế, hoạt động lấy lợi ích kinh tế làm chính, bao gồm lợi ích các thành viên và lợi ích tập thể, đồng thời coi trọng lợi ích xã hội của các thành viên ;

- Mô hình hợp tác xã rất linh hoạt và đa dạng về hình thức, phù hợp với đặc điểm của từng vùng, từng ngành ; với nhiều trình độ phát triển, từ thấp đến cao, từ làm dịch vụ đầu vào, đầu ra phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành viên, đến mở mang ngành nghề, vươn lên sản xuất kinh doanh tổng hợp và hình thành được các doanh nghiệp của hợp tác xã; từ hợp tác xã phát triển thành các liên hiệp hợp tác xã ; ...

Với những đặc trưng trên, hợp tác xã kiểu mới hoàn toàn khác hợp tác xã kiểu cũ được xây dựng trong thời kỳ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp trước đây, có các đặc trưng là tập thể hóa toàn bộ tư liệu sản xuất, không thừa nhận vai trò của kinh tế hộ, phủ nhận vai trò kinh tế hàng hóa, tổ chức theo địa giới hành chính, sản xuất mang tính chất tập thể hóa, tập trung, phân phối theo ngày công lao động, thực hiện quá nhiều nghĩa vụ xã hội và mô hình được thực hiện đồng loạt trong cả nước, ít chú ý đến đặc điểm riêng của từng vùng, từng ngành ...

Hợp tác xã kiểu mới cũng khác với công ty cổ phần. Hợp tác xã được thành lập do các thành viên tự nguyện tập hợp, liên kết nhau lại để cùng kinh doanh hoặc hỗ trợ nhau kinh doanh ; mỗi thành viên, dù góp ít hay nhiều vốn đều bình đẳng với nhau trong quyết định các vấn đề chung của hợp tác xã, với nguyên tắc cơ bản là "mỗi người một lá phiếu" (nguyên tắc "đổi nhân"). Trong khi đó, công ty cổ phần do các nhà đầu tư đứng ra thành lập, tổ chức hoạt động lấy mục tiêu là lợi nhuận, các thành viên của công ty (các cổ đông) chỉ có quyền tham gia quyết định các vấn đề của công ty theo mức độ góp vốn (nguyên tắc "đổi vốn"). Phân phối trong các công ty cổ phần là theo tỷ lệ vốn góp ; còn hợp tác xã thì vừa phân phối theo vốn góp, vừa phân phối theo lao động và theo mức độ tham gia các dịch vụ.

Thứ hai, kinh tế tập thể phải là một tổ chức kinh tế kết hợp hài hòa giữa lợi ích kinh tế và lợi ích xã hội của các thành viên và lợi ích tập thể, thì mới phát triển vững bền theo đúng tính chất của nó. Coi trọng lợi ích kinh tế thì sẽ tạo được động lực để thu hút các thành viên tham gia ; ngược lại, coi trọng lợi ích xã hội của các thành viên và phát triển cộng đồng thì mới thực sự là tổ chức kinh tế làm chỗ dựa cho người lao động, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Do vậy, khi đánh giá hiệu quả kinh tế tập thể không thể chỉ dựa đơn thuần vào một mặt nào đó, mà phải có quan điểm toàn diện, cả kinh tế - chính trị - xã hội, cả hiệu quả của tập thể và hiệu quả của các thành viên.

Thứ ba, những năm tới trong nông nghiệp, nông thôn, kinh tế hộ tự chủ tiếp tục tồn tại lâu dài, phải có sự hợp tác lẫn nhau để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh

tranh, giúp hộ đứng vững được trong nền kinh tế thị trường. Kinh tế tập thể, nông cốt là hợp tác xã kiểu mới là hình thức tổ chức kinh tế phù hợp để thực hiện điều đó. Phát triển rộng rãi các hình thức kinh tế tập thể trong tất cả các ngành, lĩnh vực và địa bàn là cần thiết, trong đó phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn phải được xem là một trọng tâm, cần tập trung chỉ đạo nhằm tạo ra một thể chế kinh tế có thể đảm nhận vai trò hỗ trợ, nâng đỡ kinh tế hộ, trang trại phát triển, làm cầu nối để tiếp nhận sự hỗ trợ của Nhà nước cho kinh tế hộ, kinh tế trang trại. Kinh tế tập thể tuyệt nhiên không thay thế hoặc thủ tiêu kinh tế hộ, trang trại ; gắn phát triển kinh tế tập thể với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới ; thúc đẩy kinh tế tập thể không ngừng phát triển sức sản xuất, vươn lên cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ tư, kinh tế tập thể là tổ chức kinh tế ngoài chức năng kinh tế, còn có khả năng giải quyết được nhiều vấn đề xã hội, phát triển cộng đồng. Do vậy, sự quan tâm của Đảng và trợ giúp của Nhà nước là cần thiết và hợp lý, hoàn toàn không hàm nghĩa bao cấp. Mặt khác, phát triển kinh tế tập thể là một tất yếu khách quan trong quá trình xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta (như đã đề cập ở phần trên), là công việc rất quan trọng của Đảng và Nhà nước, không chỉ để xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa, mà còn là một trong những con đường quan trọng để thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất trong những năm tới có hiệu quả theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ năm, nhấn mạnh việc phát triển kinh tế tập thể thời gian tới phải theo

phương châm tích cực, chủ động, nhưng phải vững chắc, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, đi từ thấp đến cao, đa dạng về mô hình, vì hiệu quả thiết thực, trước hết là vì sự phát triển của sức sản xuất, triệt để tôn trọng nguyên tắc tự nguyện, nhất quyết không nóng vội, chủ quan duy ý chí, áp đặt. Nhưng cũng yêu cầu các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp cần khắc phục sự buông lỏng lãnh đạo, bị động ngồi chờ, để mặc sự phát triển tự phát của nền kinh tế, mà chậm trễ trong việc nắm bắt và đáp ứng những đòi hỏi của nhân dân về phát triển kinh tế tập thể.

2. Sửa đổi, ban hành hệ thống giải pháp chính sách đồng bộ để thúc đẩy kinh tế tập thể phát triển :

Thứ nhất, cần tạo môi trường thể chế thuận lợi cho kinh tế tập thể phát triển, bao gồm việc sửa đổi, bổ sung Luật hợp tác xã, kết hợp xem xét, xử lý một số quy định chưa thống nhất giữa các luật đã ban hành về những vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế tập thể ; đảm bảo tính phù hợp và thông thoáng của luật và hệ thống pháp lý, tạo được động lực cho kinh tế tập thể phát triển, thể hiện rõ quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của hợp tác xã trong lựa chọn ngành nghề kinh doanh mà pháp luật không cấm ; giảm tối đa thủ tục khi thành lập và đăng ký kinh doanh ; phân định rõ chức năng quản lý của Hội đồng quản trị và chức năng điều hành của chủ nhiệm ; chủ nhiệm có thể là xã viên, cũng có thể là người ngoài hợp tác xã do Hội đồng quản trị thuê. Đồng thời, ban hành đồng bộ các văn bản dưới luật : Nghị định, Quyết định, Thông tư phù hợp với đặc thù của hợp tác xã nông nghiệp và phi nông nghiệp ; sửa đổi, ban hành Điều lệ mẫu phù hợp với đặc thù của hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã phi nông nghiệp, tạo điều kiện

để các hợp tác xã dễ dàng vận dụng ; có văn bản hướng dẫn chứng thực về tổ chức và hoạt động của các tổ hợp tác theo Điều 120 Bộ Luật Dân sự hiện hành.

Bên cạnh đó, việc quan tâm xây dựng được một môi trường tâm lý xã hội lành mạnh, thuận lợi cho kinh tế tập thể phát triển là rất quan trọng, đòi hỏi cấp ủy đảng và chính quyền các cấp phải đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể. Các ngành, địa phương cần chú trọng công tác tổng kết và tuyên truyền nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể làm ăn có hiệu quả, làm cho mọi người hiểu rõ, hiểu đúng về bản chất của kinh tế tập thể kiểu mới, để có thái độ trân trọng, đối xử bình đẳng như các thành phần kinh tế khác ; đồng thời, có biện pháp, chính sách để khen thưởng các cá nhân và tổ chức kinh tế tập thể làm ăn giỏi.

Thứ hai, xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống chính sách đồng bộ, phù hợp là yêu cầu hết sức quan trọng để hỗ trợ và giúp đỡ cho kinh tế tập thể phát triển, bao gồm : chính sách cán bộ và đào tạo nguồn nhân lực, chính sách đất đai, chính sách tài chính - tín dụng, chính sách hỗ trợ về khoa học - công nghệ, chính sách tiếp thị và mở rộng thị trường, chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ; đặc biệt là một số chính sách sau :

- Chính sách cán bộ và đào tạo nguồn nhân lực là rất quan trọng, quyết định sự thành công của quá trình phát triển kinh tế tập thể. Thực tiễn đã chỉ rõ : ở đâu có cán bộ tốt, có trình độ, có tâm huyết, nhiệt tình và biết phát huy dân chủ, ở đó hợp tác xã ăn nên làm ra, xã viên phấn khởi gắn bó với hợp tác xã. Nhưng để có cán bộ tốt, cần phải đẩy mạnh công tác đào tạo ; việc này tự bản

thân hợp tác xã chưa thể làm được, đòi hỏi phải có sự hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng từ phía Nhà nước. Việc hỗ trợ công tác đào tạo cán bộ quản lý cho kinh tế tập thể phải xem như là một khoản đầu tư phát triển dài hạn của Nhà nước, hoàn toàn không nên xem đó là bao cấp, nhằm tạo dần đội ngũ cán bộ có đủ trình độ điều hành, quản lý khu vực kinh tế này.

Bên cạnh việc đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho khu vực kinh tế tập thể, việc xây dựng cơ chế thu hút và đưa cán bộ quản lý và khoa học, kỹ thuật về công tác tại hợp tác xã; thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội cho cán bộ, xã viên và người lao động; thực thi chính sách phân phối công bằng, hợp lý trong hợp tác xã là những nội dung quan trọng được đề cập trong chính sách cán bộ và đào tạo nguồn nhân lực.

- Chính sách đất đai cho kinh tế tập thể là một vấn đề quan trọng và cũng rất bức bách, sắp tới sẽ được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện theo hướng khuyến khích và tạo điều kiện để nông dân, xã viên "dồn điền, đổi thửa", tập trung ruộng đất cho sản xuất hàng hóa, mở mang ngành nghề theo các chính sách của Nhà nước. Nhà nước giao đất không thu tiền và miễn trừ cấp giấy, chứng nhận quyền sử dụng đất với hợp tác xã nông nghiệp để xây dựng trụ sở làm việc, làm cơ sở sản xuất kinh doanh, ... các hợp tác xã phi nông nghiệp được áp dụng chế độ thuê đất dài hạn, được giảm mức nộp tiền thuê đất trong một thời gian nhất định và khi mới thành lập được nộp tiền thuê đất nhiều lần; đối với đất do hợp tác xã đầu tư khai phá tôn tạo, khi chuyển sang chế độ cho thuê đất cần được trả lại các chi phí khai phá cho hợp tác xã.

- Chính sách tài chính - tín dụng cho khu vực kinh tế tập thể là rất quan trọng và bức xúc, Nghị quyết đã nhấn mạnh một số chính sách như chính sách miễn thuế sử dụng đất trong hạn điền cho hộ nông dân đến năm 2010, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong một thời gian nhất định đối với hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp mới chuyển đổi hoặc mới thành lập; chính sách hỗ trợ đầu vào, xử lý nợ tồn đọng cũ cho hợp tác xã, chính sách góp vốn, chính sách vay vốn, xây dựng các quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, quỹ bảo lãnh tín dụng nhằm tạo điều kiện thuận lợi về vốn cung ứng cho các hợp tác xã hoạt động ...

- Chính sách hỗ trợ tiếp thị và mở rộng thị trường là rất quan trọng để giúp kinh tế tập thể phát triển. Các ngành, các địa phương, các hiệp hội ngành nghề và liên minh hợp tác xã hỗ trợ xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin, tìm kiếm thị trường giúp đỡ các hộ, tổ hợp tác và hợp tác xã; tổ chức các hình thức giới thiệu sản phẩm ở trong và ngoài nước phù hợp với trình độ hiện tại và xu thế phát triển trong thời gian tới của kinh tế tập thể. Cần thực hiện rộng rãi việc ký kết hợp đồng trực tiếp giữa doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp với nông dân qua các hợp tác xã.

- Một số chính sách khác như chính sách hỗ trợ về khoa học - công nghệ, chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cũng rất quan trọng, là đòi hỏi không thể thiếu được để tạo điều kiện và giúp các hợp tác xã chuyển đổi cơ cấu sản xuất, phát triển thêm ngành nghề, nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành, đa dạng hóa sản phẩm, vươn lên cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ ba, tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với phát triển kinh tế tập thể là một nội dung rất quan trọng, cần được thúc đẩy sớm nhằm tạo điều kiện hỗ trợ, giúp đỡ kinh tế tập thể phát triển. Lần này Nghị quyết Trung ương đặt yêu cầu tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, chỉ rõ các bộ, ngành và các cấp chính quyền địa phương phải xây dựng chương trình phát triển kinh tế tập thể; tiến hành rà soát, bổ sung, xây dựng các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tập thể thuộc phạm vi quản lý của mình; hình thành bộ máy quản lý chuyên trách thích hợp để theo dõi, hướng dẫn thực hiện các chính sách, nghiệp vụ đối với khu vực kinh tế này; tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình làm ăn có hiệu quả; xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cán bộ cho kinh tế tập thể; hướng dẫn phát triển các hình thức kinh tế tập thể gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

Thứ tư, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với phát triển kinh tế tập thể. Các cấp ủy và tổ chức đảng có trách nhiệm quán triệt, tổ chức triển khai, có chương trình hành động đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống; tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tạo sự chuyển biến nhận thức về vị trí, vai trò kinh tế tập thể cho toàn Đảng, toàn dân; thường xuyên kiểm tra, tổng kết, nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể làm ăn có hiệu quả; hướng dẫn xây dựng cơ sở đảng và các đoàn thể trong các tổ chức kinh tế tập thể.

Thứ năm, để thực hiện thắng lợi những chủ trương chính sách vừa nêu trên, việc tiếp tục đổi mới và hoàn thiện công tác quản lý trong hợp tác xã, đảm bảo phát huy tối đa

các yếu tố sản xuất của kinh tế tập thể là vấn đề có tính then chốt.

Trước hết, phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện nội dung, phương pháp quản lý sản xuất kinh doanh trong các hợp tác xã; tăng cường năng lực quản trị kinh doanh cho đội ngũ cán bộ quản lý, năng lực xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, trình độ tổ chức điều hành và tiếp thị. Bên cạnh đó cần hoàn thiện dần công tác quản lý tài chính trong hợp tác xã, bảo đảm yêu cầu minh bạch, công khai, dân chủ, tiến tới thực hiện được những nguyên tắc cơ bản trong hạch toán sản xuất kinh doanh, dịch vụ; dần dần thực hiện chế độ kiểm toán bắt buộc đối với hoạt động kinh doanh của hợp tác xã, trước hết là đối với các hợp tác xã phi nông nghiệp.

*
* *

Phát triển kinh tế tập thể là một công việc hết sức quan trọng và cần thiết, vừa xuất phát từ những đòi hỏi khách quan của yêu cầu phát triển sức sản xuất, vừa đảm bảo thực hiện mục tiêu định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế. Các ngành, địa phương cần quan tâm chỉ đạo để đưa nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX về "Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể" vào cuộc sống. Xử lý tốt những vấn đề vừa nêu trên, nhất định chúng ta sẽ xây dựng kinh tế tập thể từng bước phát triển vững chắc, đáp ứng được những nhu cầu bức xúc của người lao động, hộ sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhất là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa. □

TÁC PHẨM "THÀ ÍT MÀ TỐT" CỦA V.I. LÊ-NIN VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN QUANG MINH *

TÁC phẩm "Thà ít mà tốt" ⁽¹⁾ được V.I. Lê-nin viết tháng 3-1923 và được công bố lần đầu tiên trên Báo "Sự thật", số 49, ngày 4-3-1923. Từ đó đến nay, gần 8 thập kỷ đã trôi qua nhưng những tư tưởng, quan điểm của V.I. Lê-nin về tổ chức bộ máy Nhà nước xã hội chủ nghĩa vẫn giữ nguyên giá trị. Trong điều kiện Đảng, Nhà nước ta đang tiến hành đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước theo yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, qua nghiên cứu tác phẩm này, chúng ta rút ra được những bài học vô cùng quý báu.

Thứ nhất, khi tiến hành đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, cần phân tích, đánh giá một cách khách quan tình hình để có quyết sách phù hợp

Khi đặt vấn đề về đổi mới tổ chức bộ máy Bộ Dân ủy thanh tra công nông, V. I. Lê-nin đã nêu và phân tích một cách thấu đáo bối cảnh cần đổi mới tổ chức bộ máy của cơ quan này. Người đã đi từ sự phân tích bối cảnh tình hình cách mạng ; đánh giá tình hình bộ máy nhà nước với

yêu cầu đổi mới ; nguyên nhân dẫn đến tình hình đó cũng như những điều kiện để tiến hành đổi mới.

Lê-nin không hề che dấu hay xuê xoa những yếu kém của bộ máy nhà nước xô-viết lúc đó, mặc dù trong bối cảnh các nước đế quốc đang tìm mọi cách bôi nhọ, xuyên tạc bản chất của Nhà nước xô viết - Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên và duy nhất trên thế giới tại thời điểm đó. Người thẳng thắn chỉ ra rằng : *"Tình hình bộ máy nhà nước của ta rất đáng buồn, nếu không muốn nói là rất tồi tệ, đến nỗi trước hết chúng ta phải suy nghĩ nghiêm chỉnh xem nên khắc phục những khuyết điểm của bộ máy ấy như thế nào"*. ⁽²⁾ Theo Lê-nin, bộ máy đó là kết quả của một quá trình cải tiến bộ máy không hiệu quả : *"Thế là đã năm năm, chúng ta ra sức cải tiến bộ máy nhà nước của ta. Nhưng đó chỉ là một hoạt động phí công, một hoạt động, qua năm năm, đã chỉ cho chúng ta thấy rõ rằng*

* Văn phòng Quốc hội

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 45, tr 442

(2) V.I. Lê-nin : *Sđd*, tr 442 - 443

hoạt động đó chỉ là vô hiệu, thậm chí còn vô ích, hay thậm chí còn có hại là khác. Nhìn hoạt động phí công ấy thì tưởng là chúng ta công tác, nhưng thực tế, hoạt động đó đã làm cho những cơ quan và đầu óc của chúng ta đóng cáu lại”⁽³⁾. Đây là một sự thừa nhận rất dũng cảm, rất cách mạng mà dường như ngay chính về lâu dài, ở nhiều lúc, nhiều nơi, những người cộng sản không hẳn đã có được. Vì lý do này, lý do khác, nhiều đảng cộng sản đã không dám nhìn thẳng vào những hạn chế trong tổ chức bộ máy đảng, bộ máy nhà nước và trong phương thức lãnh đạo, quản lý của mình, “tô hồng” chế độ để rồi, sau những biến cố dẫn đến sự sụp đổ nhanh chóng hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thực tế ở hàng loạt nước, nhìn nhận ra thì đã muộn. Cái giá phải trả cho bài học thiếu khách quan, thiếu dũng cảm trong việc nhìn nhận và sửa chữa những hạn chế của chính mình của một số đảng cộng sản, thời gian qua là quá “đắt”.

May mắn cho chúng ta, trong bối cảnh cực kỳ nguy nan đó, Đảng ta đã kịp thời đề ra chủ trương “*nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật*”, để rồi từ đó mà tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước được khởi xướng từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) của Đảng. Bài học về thái độ dũng cảm trong việc nhìn nhận và sửa chữa những hạn chế của chính mình mà Lê-nin để lại đã được Đảng ta quán triệt và vận dụng, đã góp phần mở ra một thời kỳ phát triển mới cho cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, cho đến nay, sau hơn 15 năm tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, thành tựu chúng ta đạt được cũng nhiều nhưng những hạn chế cũ còn lại và những khuyết điểm mới phát sinh cũng

không phải ít. Bộ máy nhà nước của chúng ta vẫn cồng kềnh, hoạt động kém hiệu quả và hiệu lực; tình trạng tham nhũng, quan liêu, xa rời dân vẫn chưa khắc phục được. Vì vậy hiện nay, những người đảng viên chân chính vẫn cần phải tiếp tục trau dồi bài học của Lê-nin, thực hành tiếp bài học của Người để chỉnh đốn lại đội ngũ và tổ chức bộ máy đảng, bộ máy chính quyền của mình để có thể tiếp tục giữ vững, giương cao ngọn cờ cách mạng.

Thứ hai, đổi mới bộ máy nhà nước phải tiến hành một cách kiên quyết, nhưng vững chắc từng bước, không được nóng vội

Để tiến hành việc đổi mới một cách có hiệu quả bộ máy nhà nước, Lê-nin yêu cầu “*Phải tuân theo quy tắc này : thà ít mà tốt. Phải tuân theo quy tắc này : thà mất hai năm hay thậm chí ba năm, còn hơn là hấp tấp vội vàng mà không có chút hy vọng nào*”⁽⁴⁾. Như vậy, một bộ máy, một tổ chức mạnh không phải do số lượng, do quy mô mà chủ yếu là ở chất lượng của nó. Cho nên, đòi hỏi bộ máy nhà nước và nhân viên của nó phải có chất lượng cao và thật sự gương mẫu - “*thà ít mà tốt*”.

Lê-nin cũng dự liệu trước những khó khăn trong việc thực hiện đổi mới bộ máy nhà nước : “*Tôi biết rằng giữ vững quy tắc ấy và vận dụng được nó vào tình hình thực tế của chúng ta là khó khăn. Tôi biết là quy tắc ngược lại thế sẽ tự mở cho nó một con đường bằng muôn nghìn ngõ ngách. Tôi biết rằng sẽ phải kháng cự lại một cách mãnh liệt, sẽ phải tỏ ra kiên trì phi thường ; rằng công tác ấy, ít nhất là trong*

(3), (4) V.I. Lê-nin : *Sdd*, tr 445

những năm đầu, sẽ vô cùng ít hiệu quả” ⁽⁵⁾. Như vậy, Lê-nin đã nhìn thẳng vào những khó khăn trong chặng đường tới mà hành động, không chủ quan, xem thường nhưng cũng không một chút bi quan, nao núng. Tư tưởng cách mạng đã vượt lên trên mọi khó khăn, thách thức.

Thứ ba, phải biết chọn khâu đột phá trong tổ chức bộ máy nhà nước để tiến hành đổi mới

Việc đổi mới một cách toàn diện và triệt để bộ máy nhà nước, nhất là trong hoàn cảnh phức tạp của nước Nga xô-viết lúc đó là một việc không đơn giản. Thiên tài của Lê-nin ở đây thể hiện qua việc Người đã biết chọn khâu đột phá để qua đó, tác động tới toàn thể bộ máy nhà nước. Đó chính là bộ máy cơ quan Bộ Dân ủy thanh tra công nông, mà trong tác phẩm này, Người đánh giá rằng : đây chính là “*công cụ để cải tiến bộ máy (nhà nước) của ta*” ; tương tự như trong một tác phẩm khác, Người đã coi cơ quan này là “*trung tâm của hệ thần kinh*” mà nếu tác động đến nó sẽ làm rung chuyển toàn bộ bộ máy nhà nước.

Ở nước ta, khi bắt đầu tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng, Nhà nước ta đã kế thừa và phát triển bài học của Lê-nin về việc biết lựa chọn khâu đột phá để đổi mới, đó chính là lĩnh vực kinh tế. Qua đổi mới kinh tế, chúng ta từng bước thúc đẩy các lĩnh vực khác cũng phát triển ; vừa phát triển kinh tế ; nâng cao đời sống nhân dân ; vừa giữ vững được định hướng chính trị ; ổn định xã hội... Tuy nhiên, trong lĩnh vực đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nói chung cũng như trong lĩnh vực đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước nói

riêng trong những năm qua vẫn còn hạn chế. Đảng đã có nhiều nghị quyết về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước , như : Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII), Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII), các Nghị quyết của đại hội Đảng các khóa, mới đây là Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Vừa qua, Bộ Chính trị mới ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02-01-2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, trong đó có đề cập đến vấn đề cải cách hệ thống các cơ quan tư pháp. Chúng ta cũng hy vọng rằng, với việc xác định đúng “*trọng tâm công tác tư pháp*” cần đổi mới, nền tư pháp của chúng ta sẽ sớm được cải cách một cách triệt để, có hiệu quả cao.

Thứ tư, phát huy tối đa nội lực ; trong đó, coi con người là yếu tố quyết định thành công của việc đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước.

Khi đề cập đến việc đổi mới Bộ dân ủy thanh tra công nông, với quan điểm chung là “*tất cả cái gì thật sự là ưu tú trong chế độ xã hội của chúng ta phải được đem sử dụng một cách hết sức thận trọng, có suy nghĩ và với một sự am hiểu cặn kẽ*” ⁽⁶⁾, Lê-nin thực sự đã đề cao việc phát huy nội lực trong việc đổi mới bộ máy nhà nước.

Như trên đã trình bày, trong các yếu tố nội lực mà Lê-nin cho rằng có thể sử dụng để đổi mới bộ máy nhà nước thì ở nước Nga lúc đó chỉ có “*những công nhân hăng hái đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội... Hai là : những yếu tố kiến thức, học thức, giáo dục*”. “*Hai*” nhưng thực chất là một.

(5) V.I. Lê-nin : *Sđđ*, tr 445

(6) V.I. Lê-nin : *Sđđ*, tr 444

Đó là những con người có phẩm chất cách mạng và tri thức tốt. Như vậy, yếu tố con người - theo Lê-nin là yếu tố tiên quyết quyết định hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, của việc đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước. Đây cũng là một bài học có ý nghĩa to lớn mà Đảng, Nhà nước ta đã và đang vận dụng trong công cuộc đổi mới hiện nay. Để phát huy được yếu tố này, Lê-nin cũng chỉ ra những biện pháp cần thực hiện, như :

- *"Nên quan tâm chính đốn bộ máy đó một cách thật đặc biệt chu đáo, quan tâm tập trung cho Bộ Dân ủy thanh tra công nông một số nhân viên có phẩm chất cao, nghĩa là không kém gì những nhân viên kiểu mẫu giỏi nhất ở Tây Âu"* ;⁽⁷⁾

- *"Phải lựa chọn đặc biệt cẩn thận những cán bộ của Bộ Dân ủy thanh tra công nông, căn cứ vào một sự kiểm tra nghiêm ngặt nhất, chứ không khác được"* ;⁽⁸⁾

- *"Những công nhân mà chúng ta chỉ định là ủy viên Ban Kiểm tra Trung ương phải là những người cộng sản không thể chê trách được"*.

Lê-nin chỉ ra những biện pháp rất cụ thể để thực hiện như :

- *"Mở ngay một cuộc thi soạn hai cuốn sách giáo khoa, hoặc nhiều hơn nữa, viết về tổ chức công tác nói chung, và đặc biệt là về công tác quản lý"*.⁽⁹⁾

- *"Cử một vài người có năng lực và tận tâm sang Đức hay sang Anh để sưu tầm tài liệu và nghiên cứu vấn đề"* ⁽¹⁰⁾ ;

- *"Cử một tiểu ban chịu trách nhiệm thảo chương trình sơ bộ cho những kỳ thi tuyển người muốn vào làm việc ở Bộ Dân ủy thanh tra công nông ; cũng như cho*

những người định tuyển vào chức vụ "ủy viên Ban Kiểm tra Trung ương" ⁽¹¹⁾ ;

- *"Đồng thời phải cử ra một tiểu ban trừ bị có trách nhiệm tìm những người để tuyển vào chức vụ ủy viên Ban Kiểm tra Trung ương"*.⁽¹²⁾

Trong những biện pháp mà Lê-nin nêu lên, ta thấy Người vẫn đặc biệt coi trọng và nhấn mạnh các biện pháp liên quan đến công tác cán bộ. Đồng thời, qua các biện pháp mà Lê-nin nêu lên, có một điểm mà chúng ta cũng cần học tập, đó là quan điểm rộng mở, sẵn sàng học tập, tiếp thu tri thức nhân loại.

Thứ năm, phải gắn giữa tri thức, lý luận với hoạt động thực tiễn

Trong tác phẩm, Lê-nin cho rằng, *"Muốn đổi mới bộ máy nhà nước của chúng ta, phải cố hết sức tự đặt cho mình nhiệm vụ sau đây : một là học tập, hai là học tập, ba là học tập mãi, và sau nữa, phải làm sao cho học thức ở nước ta không nằm trên giấy hoặc là một lời nói theo một nữa (điều này phải thú thực là thường hay xảy ra ở nước ta), phải làm sao cho học thức thật sự ăn sâu vào trí não, hoàn toàn và thực tế trở thành một bộ phận không thể thiếu của cuộc sống của chúng ta"* ⁽¹³⁾. Một lần nữa Lê-nin khẳng định vai trò của tri thức trong công cuộc đổi mới bộ máy nhà nước, đồng thời với việc nhấn mạnh trách nhiệm của mỗi đảng viên cộng sản là phải không ngừng học tập, nâng cao tri thức, lý luận. Nhưng điều quan trọng hơn,

(7) V.I. Lê-nin : *Sdd*, tr 442

(8) V.I. Lê-nin : *Sdd*, tr 446

(9), (10), (11), (12) V.I. Lê-nin : *Sdd*, tr 449

(13) V.I. Lê-nin : *Sdd*, tr 444

theo Người là phải đưa tri thức, lý luận đó vào cuộc sống, phát huy tác dụng trong cuộc sống chứ không phải là những tri thức vô hồn “trên giấy”.

Thời gian qua, ở nước ta, Đảng, Nhà nước cũng thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo và bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức. Tuy nhiên, trong thực tiễn tổ chức cũng đang có nhiều vấn đề đặt ra, nhất là về tính hiệu quả và chất lượng thực còn rất thấp của công tác này. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng còn chưa sát với từng loại đối tượng, còn chồng chéo, lạc hậu ; gây lãng phí rất nhiều. Ngoài ra, công luận cũng nói nhiều về sự xa rời giữa nghiên cứu lý luận và thực tiễn áp dụng trong mọi lĩnh vực, kể cả trong lĩnh vực tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Những điều này yêu cầu Đảng, Nhà nước cần quan tâm, có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

Thứ sáu, coi trọng công tác thanh tra, kiểm tra trong hoạt động của bộ máy nhà nước

Lê-nin cho rằng, phải đi từ công tác kiểm tra để tác động tới bộ máy nhà nước, coi đây là điểm xuất phát và khâu trung tâm của cải cách bộ máy nhà nước. Người cho rằng, “*Phải nghĩ đến chuyện kiểm tra lại những chủ trương mà chúng ta tuyên bố hàng giờ, quyết định hàng phút, rồi từng giây chứng minh tính chất không vững chắc, không kiên định và khó hiểu của những chủ trương đó*”⁽¹⁴⁾. Như vậy, theo Lê-nin, chúng ta không được chủ quan, thỏa mãn với các quyết định, chủ trương của mình mà từng phút, từng giây luôn phải nghĩ đến việc kiểm tra tính đúng đắn của các chủ trương, quyết định đó.

Đồng thời, theo Lê-nin, thông qua công tác kiểm tra, thanh tra mà phát hiện, sáng tạo ra cái mới, cái tốt hơn. Người viết : “*không quên kiểm tra đi kiểm tra lại nhiều lần, mà sáng tạo ra một cái gì thực sự không chê trách được, một cái gì có thể làm cho tất cả và từng người phải tôn trọng*”⁽¹⁵⁾. Như vậy, trong công tác quản lý nhà nước, nội dung thanh tra, kiểm tra phải luôn được quan tâm, đề cao và coi đây là một trong những nội dung cơ bản nhất của công tác quản lý nhà nước.

Thứ bảy, trong quá trình đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, cần kết hợp giữa tổ chức bộ máy cơ quan nhà nước với cơ quan đảng tương ứng

Trong tác phẩm, Lê-nin đặt câu hỏi : “*Làm thế nào có thể kết hợp được một cơ quan đảng với một cơ quan chính quyền xô-viết ?*”⁽¹⁶⁾ và Người tự trả lời : “*Thật vậy, tại sao lại không kết hợp hai loại cơ quan đó lại khi lợi ích của công việc đòi hỏi phải làm như thế ? Phải chăng chưa bao giờ có ai nhận xét chẳng hạn rằng trong bộ dân ủy như Bộ dân ủy ngoại giao, việc kết hợp như thế thật là vô cùng có ích và đã được thực hiện ngay từ khi bộ đó mới thành lập ?... Phải chăng sự kết hợp linh hoạt của yếu tố chính quyền với yếu tố đảng lại không phải là một nguồn sức mạnh phi thường trong chính sách của chúng ta ? Tôi tin rằng điều gì đã được chứng thực là đúng, đã đứng vững chắc trong chính sách đối ngoại của ta và đã ăn sâu vào trong phong tục tập quán*

(14) V.I. Lê-nin : *Sdd*, tr 443

(15) V.I. Lê-nin : *Sdd*, tr 447

(16) V.I. Lê-nin : *Sdd*, tr 452

đến mức không còn gây ra một chút hoài nghi nào về phương diện ấy nữa, thì ít ra cũng sẽ thích hợp như thế (và tôi nghĩ rằng sẽ thích hợp nhiều hơn) với toàn thể bộ máy nhà nước của ta ⁽¹⁷⁾. Từ bài học về sự kết hợp giữa Bộ Dân ủy ngoại giao với cơ quan đối ngoại của Đảng trên thực tế, Lê-nin liên hệ tới các cơ quan kiểm tra của đảng và của chính quyền, đặt ra câu hỏi : “tại sao, đối với cơ quan ấy lại không thừa nhận là có thể hợp nhất một cách độc đáo bộ máy kiểm tra của đảng với bộ máy kiểm tra của chính quyền ?”. “Về phần tôi, tôi thấy là làm như vậy không có trở ngại gì cả. Hơn nữa, tôi tin rằng sự hợp nhất ấy là điều đảm bảo duy nhất cho một hoạt động có kết quả. Tôi nghĩ rằng tất cả mọi hoài nghi đối với điểm đó đều phát ra từ những xó xỉnh bụi bặm nhất của bộ máy nhà nước của chúng ta, và những hoài nghi ấy chỉ đáng có một điều là : đem ra mà chế giễu” ⁽¹⁸⁾.

Yêu cầu đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong điều kiện một đảng cầm quyền ở nước ta hiện nay càng đòi hỏi chúng ta phải quán triệt lại quan điểm này của Lê-nin để làm sao cho hệ thống chính trị của chúng ta tinh, gọn, thống nhất, hoạt động nhịp nhàng và có hiệu quả. □

(17) V.I. Lê-nin : *Sđd*, tr 452

(18) V.I. Lê-nin : *Sđd*, tr 453

DIỄN VĂN BẾ MẠC...

(Tiếp theo trang 14)

gian hoạt động Quốc hội. Tôi mong rằng các vị đại biểu Quốc hội sẽ tiếp tục phấn đấu, rèn luyện và công tác với tinh thần của người đại biểu của nhân dân, dù “ở trong Quốc hội hay ở ngoài Quốc hội, mình cũng cứ ra sức giúp ích nước nhà” như lời Bác Hồ đã dạy.

Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa X đã kết thúc tốt đẹp. Nhân dịp này, Quốc hội nhiệt liệt hoan nghênh và cảm ơn sự cộng tác, ủng hộ và đóng góp tích cực của cử tri và nhân dân cả nước, của Chính phủ, các ngành, các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các vị lão thành cách mạng, các cơ quan thông tấn, báo chí và các cơ quan phục vụ đã góp phần quan trọng vào thành công của nhiệm kỳ Quốc hội khóa X. Xin cảm ơn các vị đại diện đoàn ngoại giao, các vị đại diện các tổ chức quốc tế, các cơ quan thông tấn nước ngoài đã quan tâm theo dõi hoạt động của Quốc hội.

Quốc hội kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài hãy phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đại đoàn kết, nỗ lực phấn đấu khai thác mọi nguồn lực để đầu tư phát triển, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, kế hoạch năm 2002 ; trước mắt chuẩn bị và tổ chức thắng lợi cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI - sự kiện chính trị quan trọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Thay mặt Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tôi xin chúc các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các vị lão thành cách mạng, các vị khách quý và các vị đại biểu Quốc hội mạnh khỏe, hạnh phúc.

Tôi xin tuyên bố bế mạc kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa X. □



NHẬT BẢN *MÙA HOA ANH ĐÀO*

VŨ HIỀN

CHÚNG tôi thật may mắn tới Nhật Bản đúng thời điểm hoa Anh Đào nở rộ. Đáng được nhận sự yêu mến, quý trọng của người Nhật, hoa Anh Đào thật quyến rũ và tinh khiết, cao sang mà dung dị, bùng nổ hết mình khắp đầu ngọn, cuối cành, trắng sáng và tỏa sáng các nẻo đường, tô đẹp thêm cho những nơi đẹp nhất của nước Nhật.

Đoàn 10 người chúng tôi đến Nhật Bản lần này để thăm và nghiên cứu tình hình. Dẫn đầu Đoàn cán bộ cao cấp của Đảng thực hiện chuyến đi này là phó giáo sư, tiến sĩ Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Do có sự chuẩn bị chương trình, kế hoạch làm việc của Đoàn một cách chu đáo, cùng với sự am hiểu và tài gợi mở của đồng chí Trưởng đoàn, chỉ một tuần ở Nhật Bản, thăm và làm việc ở 4 thành phố, có 14 buổi tiếp xúc, trao đổi với các chính giới khác nhau; qua mắt thấy, tai nghe, chúng tôi cảm nhận và hiểu thêm được nhiều điều.

Mười năm đánh mất.

Nhật Bản đã có một thời oanh liệt, phát triển như một kỳ tích, là biểu tượng của ý chí và năng lực sáng tạo. Nếu từ năm 1968 trở thành nền kinh tế lớn thứ hai của thế giới, vào những năm 80 của thế kỷ XX đã có niềm kiêu hãnh "Nước Nhật mua cả thế giới", thì hiện nay tình hình của Nhật Bản đã khác, nhiều

người Nhật đánh giá là nước Nhật 10 năm qua tự đánh mất mình. Trong thời gian gần đây, các công ty Mỹ và Tây Âu đang tìm cách mua các cơ sở sản xuất cả nhỏ lẫn lớn của Nhật. Công ty Rơ-nô (RENAULT) của Pháp đã mua Công ty Ni-san (NISSAN) của Nhật, một số công ty khác cũng đang chấp nhận việc cho người Mỹ và Tây Âu chi phối.

Biểu hiện rõ nhất của khủng hoảng và suy thoái ở Nhật Bản là vị thế của các công ty xuyên quốc gia danh tiếng đang bị suy yếu, nền kinh tế tăng trưởng thấp, trì trệ, năng suất lao động giảm đi rõ rệt, thất nghiệp gia tăng. Trao đổi với chúng tôi, giáo sư kinh tế Ô-đa-nô cung cấp những con số rất sống động và xác thực: trước đây 10 năm, các ngân hàng Nhật Bản được xếp là lớn nhất thế giới, thì nay Nhật Bản không có tên trong 10 ngân hàng lớn nhất thế giới. Năm 1990, trong 1000 xí nghiệp lớn của thế giới thì Nhật Bản có 333, Mỹ có 329; đến năm 1998, Nhật Bản chỉ còn 116, Mỹ tăng lên 480. Về tỷ lệ lãi trên số vốn bỏ ra: từ năm 1990 trở lại đây, lãi của các doanh nghiệp Nhật có tỷ lệ thấp nhất, chỉ đạt trên dưới 10% trong khi các doanh nghiệp của Anh là 30% - 40% và của Mỹ là 20%. Trong cả thời gian dài trước năm 1990, tỷ lệ thất nghiệp của Nhật chỉ trên dưới 2%, nay tỷ lệ đó đã lên tới 5,5% là tỷ lệ cao nhất từ trước tới nay. Thất nghiệp tăng làm tăng thêm số học sinh đã tốt nghiệp đại học mà không tìm được việc làm. Cho tới năm 1998, số sinh viên

tốt nghiệp đại học còn có 5 nghề để chọn, thì nay tới 80% số người này không tìm được nơi làm việc. Hậu quả khó tránh của 10 năm khủng hoảng và trì trệ là khả năng cạnh tranh của hàng hóa Nhật Bản bị sút giảm ; thị trường bên ngoài bị thu hẹp, thị trường trong nước bị nước khác chen vào.

Tìm kiếm nguyên nhân.

Đồng chí Vũ Dũng, Đại sứ Việt Nam tại Nhật Bản đã khéo thu xếp để chúng tôi tiếp xúc, trao đổi với nhiều chính giới. Đó là một số chính trị gia và chính khách, một số nhà doanh nghiệp lớn, những nhà nghiên cứu của Viện nghiên cứu tổng hợp kinh tế Phủ Nội các, Viện nghiên cứu chính sách tổng hợp của Bộ Tài chính, Viện khoa học Tô-si-ba ; một số giáo sư Trường đại học Oa-sê-đa, Trường đại học Cô-bê. Không khí chung ở các cuộc gặp là sự cởi mở, thẳng thắn. Tuy cách đánh giá, nhìn nhận tình hình cũng như phân tích về nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng ở Nhật Bản có khác nhau, nhưng tựu trung lại, chúng tôi thấy có những nguyên nhân chính như sau.

Thứ nhất, do khủng hoảng về mô hình phát triển.

Trước đây Nhật Bản phát triển theo mô hình của phương Tây, phần đầu như phương Tây, thì nay đã đuối kíp và có phần vượt nhiều nước phương Tây, Nhật Bản sẽ phát triển như thế nào ? Đây là vấn đề không dễ xử lý bởi dù phát triển theo mô hình kinh tế nào thì một mâu thuẫn cốt lõi dẫn tới khủng hoảng vẫn là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Mâu thuẫn này tất cả các nước tư bản chủ nghĩa không thể giải quyết được triệt để mà chỉ có thể khắc phục, chống đỡ, điều tiết cho đỡ gay gắt mà thôi.

Thứ hai, có nguyên nhân về cơ cấu kinh tế.

Cơ cấu kinh tế Nhật Bản có một thời kỳ tỏ ra có hiệu quả nhưng nay đã bộc lộ nhiều nhược điểm, nổi bật là 3 vấn đề :

- Nền kinh tế bị "rỗng ruột". Do chạy theo lợi nhuận, các công ty xuyên quốc gia của Nhật Bản đầu tư phần lớn ra bên ngoài để tận dụng giá nhân công rẻ hơn nhiều so với ở trong nước, lại có thể xuất khẩu tại chỗ. Bởi vậy sản xuất vật chất trong nước bị giảm đi khiến nền kinh tế bên trong bị trống rỗng.

- Kinh tế "bong bóng" : Khi sản xuất đang có đà, kinh tế phát triển, thu nhập của người dân cao lên đi cùng với giá cả tăng vọt. Giá đất ở Tô-ki-ô có lúc đắt gấp 10 - 20 lần giá đất ở các thủ đô của Anh, Pháp, Mỹ ... đến nỗi, có người tính rằng khi đó, nếu bán đất của nước Nhật đi có thể mua được vài nước Mỹ. Khi kinh tế đình đốn, giá đất hạ thấp gấp vài chục lần và "bong bóng" bị vỡ ra làm cho hàng loạt công ty bị phá sản.

- Đầu tư vào cơ sở hạ tầng và các công trình công cộng nhiều, mỗi năm bình quân khoảng 50 000 tỉ yên (trên 380 tỉ USD). Chi tiêu quá tốn kém như thế nhưng hiệu quả sử dụng thấp, vượt quá nhu cầu của xã hội. Các khoản chi tiêu vào cơ sở hạ tầng vô cùng lớn đó chỉ có lợi cho các đại công ty.

Thứ ba, sự hoạt động kém hiệu quả của hệ thống tài chính, ngân hàng, nợ xấu quá lớn.

Trong 10 năm qua, tài chính của Chính phủ Nhật Bản liên tục thâm thủng, thiếu hụt nghiêm trọng. Từ tháng 3 - 2001, các ngân hàng Nhật Bản thực hiện lãi suất 0% và để thực hiện lãi suất này, ngân hàng phải bơm thường xuyên tiền vào kênh lưu thông tiền tệ. Cần phải giảm lãi suất để kích thích đầu tư nhưng lãi suất đã hết đường lùi mà các xí nghiệp vẫn không muốn vay thêm, còn các ngân hàng tư nhân lại muốn bảo đảm an toàn bằng cách không cho vay nên tình hình cứ luẩn quẩn không có lối thoát ra.

Vấn đề đặc biệt nghiêm trọng ở Nhật Bản hiện nay là nợ xấu, không có khả năng đòi được. Hiện tại, tổng số nợ xấu ở Nhật Bản lên tới 660 000 tỉ yên (hơn 5 000 tỉ USD).

Chính phủ đã vay dân như vậy, vượt cả tổng GDP là 4 500 tỉ USD thì rất khó trả được. Đó được coi là “quả bom nổ chậm” dễ gây ra hậu họa.

Thứ tư, một số chính sách đã không còn phù hợp, nhất là chính sách lương, chính sách thuế.

Ở Nhật, các công ty thực hiện “chế độ tuyển dụng suốt đời”. Suốt quá trình lao động người lao động thường gắn bó với một nơi làm việc, cứ tuần tự “sống lâu lên lão làng”. Lương được tính theo thâm niên, làm nhiều năm thì được hưởng mức lương cao và tiền lương luôn luôn tăng lên ngay cả khi nền kinh tế tăng trưởng âm. Chính sách như thế hạn chế khả năng cống hiến và năng lực sáng tạo của người lao động, nhất là lao động trẻ có kỹ thuật và thích nghiên cứu, sáng kiến. Để thực hiện sự phân phối lại, hạn chế sự chênh lệch về thu nhập nên thuế thu nhập được đánh lũy tiến, mức thuế cao nhất tới 50% thu nhập. Rồi nữa, thuế tài sản thừa kế ở Nhật mức cao nhất là 80% nên tài sản của nhiều gia đình chỉ tới đời cháu là cạn kiệt.

Thứ năm, một số vấn đề xã hội nổi cộm.

Cách tổ chức sản xuất theo lối truyền thống của các công ty Nhật là gia đình khép kín. Khi còn khó khăn cần phải đoàn kết nhất trí để vượt lên thì đây là keo dính tạo ra động lực cho tăng trưởng, nhưng khi làm ăn đã phát đạt thì nảy sinh tâm lý nhàn nhai, không vội vã, không cố gắng. Cũng do tính chất gia đình, họ mặc trong công ty nên kéo theo sự nể nang, quá nhiều nhân viên mà không thể nào tinh giảm được; công ty phải trả lương cho mọi thể hệ đã về hưu nên thành một gánh nặng quá sức. Một vấn đề khác là tuổi thọ bình quân của người Nhật hiện nay rất cao, gần 80 tuổi, dân số Nhật ngày càng già hơn, ít lao động. Có một nghịch lý là tuyệt đại bộ phận số tiền nhàn rỗi trong xã hội lại do người nhiều tuổi nắm giữ mà các bậc cao niên ở Nhật thì lo đủ

thứ : lo động đất, lo thất nghiệp, lo tự nuôi thân lúc tuổi già sức yếu ..., trong khi đó, lớp trẻ lại rất thích có nhiều tiền, sẵn sàng làm ăn kể cả mạo hiểm, thì lại không có tiền. Và nữa, cùng với sự cứng nhắc, thiếu năng động, công thức, rườm rà, mất rất nhiều thời gian, thì tư tưởng thỏa mãn với những gì đã làm được cũng làm tăng sự trì trệ xã hội.

Ngoài những nguyên nhân trên, nhiều nhà nghiên cứu ở Nhật Bản còn nhắc tới một số nguyên nhân khác. Chẳng hạn, việc tranh giành quyền lực giữa các đảng phái chính trị diễn ra gay gắt và có lúc rất quyết liệt làm cho các chính khách mất nhiều thời gian và công sức vào đó nên nó vừa là nguyên nhân, lại vừa là hậu quả của khủng hoảng kinh tế - xã hội. Một khía cạnh khác cũng được đề cập tới là sự “xấu chơi” của Mỹ thể hiện trong nhiều chính sách chèn ép, kiềm chế Nhật Bản. Một nguyên nhân nữa là sức cạnh tranh của Trung Quốc. Với ưu thế về giá rẻ (lương công nhân Trung Quốc chỉ bằng 1/10 lương công nhân Nhật), chất lượng bảo đảm, mẫu mã không ngừng thay đổi, hàng hóa của Trung Quốc đang ngày càng thắng thế hàng hoá Nhật Bản trên nhiều thị trường, trong đó có cả thị trường nội địa Nhật Bản.

Những chuyển động mới.

Trên bức tường trước cửa trụ sở của Đảng Dân chủ Tự do, có treo nhiều bức ảnh chụp Thủ tướng Côi-du-mi đang xắn tay áo, thể hiện rằng Chính phủ Nhật Bản sẽ quyết tâm hành động để đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng. Thực ra đây là vấn đề hết sức khó khăn, không thể giải quyết ngay được. Qua tìm hiểu, chúng tôi thấy những định hướng và chính sách chủ yếu mà Nhật Bản đang tính toán và thực hiện :

Một là, cải cách và điều chỉnh cơ cấu kinh tế.

Nhật Bản đã trải qua 2 lần điều chỉnh cơ cấu kinh tế. Lần thứ nhất là từ khi bắt đầu hồi

phục sau chiến tranh, kinh tế Nhật Bản hướng mạnh vào sản xuất công nghiệp mà chủ yếu là công nghiệp nặng. Lần thứ hai chuyển từ công nghiệp nặng sang sản xuất những mặt hàng cao cấp như ô tô, hàng điện tử, người máy, dụng cụ gia đình. Hai lần chuyển đổi cơ cấu kinh tế đó đã thực sự hiệu quả, đưa Nhật Bản vượt lên với tốc độ thần kỳ, nhiều mặt hàng đã chiếm lĩnh thị trường quốc tế và được cả thế giới đánh giá cao về chất lượng, nhiều nhãn hiệu hàng hóa trở thành biểu tượng của Nhật Bản và trở nên thân thuộc với người tiêu dùng ở nhiều nước. Lần này Nhật Bản sẽ chuyển đổi kinh tế theo hướng đi vào lĩnh vực sinh học, sản xuất những sản phẩm đặc chủng với kỹ thuật mới siêu bền, siêu nhỏ, siêu dẫn. Riêng vật liệu siêu nhỏ, Nhật có thể sản xuất máy vi tính đưa vào đồng hồ đeo tay ; có thể có những chiếc kính đeo trên mắt mà chỉ cần điều chỉnh công tắc sẽ hiện lên một màn hình đủ rộng, rất rõ nét.

Hai là, chú ý đi vào nghiên cứu khoa học cơ bản, đầu tư để có những phát minh mới.

Ở Nhật Bản có khẩu hiệu : "Khoa học - kỹ thuật lập quốc" để đẩy nhanh sự phát triển của cách mạng khoa học - kỹ thuật. Trước đây Nhật Bản thường mua kỹ thuật từ bên ngoài và chú trọng phát triển khoa học - kỹ thuật ứng dụng. Nay tình hình đã khác, nước Nhật không còn đi sau và không thể mua được kỹ thuật, công nghệ như trước, nên phải đầu tư mạnh cho nghiên cứu cơ bản. Ngân sách mỗi năm dành khoảng 150 tỉ USD để nghiên cứu kỹ thuật, công nghệ mới. Các xí nghiệp tư nhân cũng đưa ra những số tiền khổng lồ để tìm kiếm kỹ thuật và công nghệ mới.

Chúng tôi đến thăm Viện nghiên cứu Tô-si-ba và được xem một số phát minh mới đã và đang chuẩn bị đưa vào sản xuất. Đó là : năng lượng điện mới sinh ra từ hydro và oxy để dùng chạy xe ô tô và các loại vật dụng gia đình ; kỹ thuật điều khiển vô tuyến

(không dây) trong công nghiệp và trong đời sống hàng ngày ; chất siêu dẫn ở nhiệt độ cực thấp ; kỹ thuật đệm không khí v.v. chúng tôi đã tận mắt chứng kiến Bóng điện lớn nhất thế giới với công suất 50 000 W và bóng điện nhỏ nhất thế giới với công suất chỉ có 0,01 W.

Ba là, cải cách hệ thống tài chính - ngân hàng.

Các nhà nghiên cứu cho rằng, mỗi chính sách tài chính, tiền tệ chỉ có thể bảo đảm cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở một thời kỳ nhất định. Để thoát khỏi khủng hoảng, Nhật Bản tìm mọi cách để làm lành mạnh hóa hệ thống tài chính - ngân hàng, giải quyết từng bước hậu quả của nợ xấu, ngăn chặn những khả năng phát sinh nợ xấu mới. Giải quyết những vướng mắc của tài chính - ngân hàng có liên quan trực tiếp đến sản xuất. Phải phát triển kinh tế nói chung, sản xuất sao cho có hiệu quả thì mới có khả năng và điều kiện để khắc phục những yếu kém của nền tài chính - ngân hàng. Một số giải pháp mạnh mẽ và cần thiết khác là giảm bớt can thiệp từ bên ngoài, quốc tế hóa đồng yên, cải cách hệ thống thuế để tạo ra động lực thúc đẩy sản xuất.

Bốn là, cải cách hệ thống chính sách xã hội và phúc lợi xã hội.

Những yếu tố tỏ ra không hợp lý về chế độ bảo hiểm, chế độ lương, giải quyết công ăn việc làm, giải quyết vấn đề thất nghiệp là những trọng điểm mà các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách của Nhật Bản đang hết sức quan tâm. Một số công trình công cộng ít hiệu quả đang được xem xét, rút kinh nghiệm để tránh đầu tư ồ ạt trong những năm tới. Rút bớt ngân sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình công cộng để giải quyết các vấn đề xã hội cũng là một giải pháp sẽ được thực hiện.

Chúng tôi cho rằng, một số giải pháp đặt ra như trên dù đã có phần theo sát tình hình và nếu thực hiện tốt có thể tháo gỡ được một số

khó khăn, vướng mắc, giảm bớt phần gay gắt của cuộc khủng hoảng, suy thoái này nhưng không thể giải quyết được mâu thuẫn cơ bản thuộc về bản chất của chủ nghĩa tư bản.

Đôi điều suy ngẫm.

Cổ nhân có dạy : "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn". Đi bảy ngày trên đất Nhật Bản, cái khôn chưa biết đã thêm được mấy, nhưng suy ngẫm và đúc rút chúng tôi cũng thấy đôi điều.

1. Toàn cầu hóa kinh tế tác động theo chiều thuận và theo chiều nghịch, đưa tới cơ hội và thách thức đối với không chỉ các nước đang phát triển mà cả các nước phát triển bậc cao như Nhật Bản. Quá trình toàn cầu hóa đã khiến Nhật Bản cũng phải trả giá và đã buộc nước này không thể cứ làm như trước. Chính vì thế Nhật Bản phải thực hiện cuộc cải cách kinh tế và mở cửa lần thứ ba, trong đó có trọng tâm là hướng về châu Á.

2. Một trong những nguyên nhân trực tiếp của khủng hoảng kinh tế là nền kinh tế bong bóng mà tín hiệu rõ nhất là giá cả bất động sản. Thái Lan đã bị khủng hoảng từ lĩnh vực này, Nhật Bản cũng đã như thế, nên chúng ta cần đề tâm đến giá ảo của bất động sản ở Hà Nội và các thành phố lớn hiện nay. Ở Hà Nội có nơi giá đất cứ được thổi lên tới 30 - 40 cây vàng/1m² nhưng thực ra chẳng thấy ai mua và càng không có người bán được theo giá ấy. Điều nguy hiểm đặc biệt là khi giá đất lên quá cao thì người chủ sử dụng nó lại cứ thế chấp vay mượn theo giá đó, kể cả sinh hoạt theo giá đó. Đến khi giá đất hạ xuống, bong bóng xì phồng sẽ vỡ ra, khủng hoảng và suy thoái là điều khó tránh khỏi.

3. Không nên quá hài lòng, quá tự tin, quá yên tâm với những điều gì đã đạt được, mà ngay trong lúc đang thành công cũng phải tính tới các yếu tố có thể dẫn tới không thành công. Một vấn đề nữa cần thấy là tính hai mặt của các chính sách kinh tế - xã hội. Thấy mặt được

cũng phải biết mặt hạn chế của nó. Ngay cả những chính sách có hiệu quả rất tốt cũng chỉ phát huy tác dụng trong thời gian nhất định. Phải biết tính trước để có sự điều chỉnh hợp lý phù hợp với từng giai đoạn .

4. Trong phát triển kinh tế, cần đặc biệt chú ý đến phát triển khu trung tâm, phát triển khu động lực, phải biết kết hợp nhuần nhuyễn giữa kinh tế vĩ mô với kinh tế vi mô ; xây dựng cơ cấu kinh tế cần nghĩ đến nhiệm vụ trước mắt và nhiệm vụ lâu dài, mỗi thời điểm phải tìm thấy mặt mạnh, mặt yếu và hướng chỉ đạo. Tài chính - tiền tệ là một trong những lĩnh vực trọng yếu nhất và nhạy cảm nhất của nền kinh tế phải được tập trung chú ý đúng mức.

5. Trong khi thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại của Đảng, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, chúng ta cần thúc đẩy mạnh hơn quan hệ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản. Tuy đang gặp khó khăn, Nhật Bản vẫn là một nước có tiềm lực kinh tế mạnh của thế giới với GDP là 4 500 tỉ USD, dự trữ ngoại tệ quốc gia trên 4 000 tỉ USD, số tiền trong dân 12 000 tỉ USD. Nhật Bản hiện vẫn là chủ nợ lớn nhất thế giới, nhà tài trợ ODA lớn nhất thế giới. Đối với Việt Nam, Nhật Bản là đối tác quan trọng : 40% ODA tài trợ cho Việt Nam ; là bạn hàng thương mại lớn nhất, khoảng 5 tỉ USD ; là nhà đầu tư hiệu quả nhất ; du lịch tăng khoảng 40% trong những năm gần đây. Các mối quan hệ khác như văn hóa, giáo dục giữa Việt Nam và Nhật Bản cũng phát triển tốt.

Qua trao đổi, tiếp xúc có thể thấy rõ, trong nội bộ, chính giới Nhật Bản có những bất đồng với nhau nhưng lại thống nhất về phương hướng tăng cường và đẩy mạnh quan hệ hợp tác với Việt Nam. Các bạn Nhật Bản mong muốn Việt Nam ổn định và phát triển. □

PHÁT triển công nghệ thông tin (CNTT) là lĩnh vực được ưu tiên trong chiến lược phát triển khoa học - công nghệ ở nước ta thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định : "Phát triển mạnh các ngành công

tăng trí lực của con người (nhờ máy tính điện tử). Thiếu thiết bị thì không có công nghệ, nhưng cũng sẽ rất lầm lẫn khi đồng nhất công nghệ với thiết bị.

b) *Phần con người (Humanware)* : Bao gồm đội ngũ nhân lực để vận hành, điều khiển và

Vấn đề phát triển

NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TRẦN VĂN NHUNG* - TRẦN KHÁNH ĐỨC**

nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, viễn thông, điện tử, tự động hóa. Chú trọng phát triển công nghiệp phần mềm tin học thành ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng vượt trội". Chỉ thị 58/CT-TW ngày 17-10-2000 của Bộ Chính trị đã xác định rõ "Phát triển nguồn nhân lực cho CNTT là yếu tố then chốt có ý nghĩa quyết định đối với việc sử dụng và phát triển CNTT".

Để thực hiện mục tiêu đó, vấn đề phát triển nhân lực CNTT trở thành một khâu then chốt, một nhiệm vụ mang tính chiến lược và là một lĩnh vực ưu tiên trong chiến lược phát triển nhân lực khoa học - công nghệ của nước ta hiện nay.

1. Công nghệ và cơ cấu nhân lực công nghệ thông tin.

Công nghệ được hiểu tổng quát là sự áp dụng của khoa học vào các hoạt động thực tiễn của con người trong đời sống xã hội. Theo định nghĩa của Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ ở châu Á - Thái Bình Dương APCTT (Asean Pacific Center for Technology Tranfer) công nghệ bao gồm 4 thành phần :

a) *Phần thiết bị (Technoware)* : Bao gồm máy móc, dụng cụ, kết cấu xây dựng, nhà xưởng. Đây là "phần cứng" của công nghệ, giúp tăng năng lực cơ bắp (nhờ máy cơ - điện) hoặc

quản lý dây chuyền thiết bị. Phần này phụ thuộc rất nhiều vào trình độ chuyên môn, tay nghề của đội ngũ, kể cả kỹ năng, kỹ xảo và kinh nghiệm. Ở đây bao gồm cả những khía cạnh thành thạo, khéo léo, cần cù, trực cảm, tài nghệ, sáng tạo v.v...

c) *Phần thông tin (Infnoware)* : Bao gồm tư liệu, dữ kiện, bản thuyết minh, mô tả sáng chế, bí quyết, catalô, tài liệu chỉ dẫn, đặc tính kỹ thuật... Phần này có thể được trao đổi một cách công khai, đơn giản trong dạng mô tả kỹ thuật hoặc được cung cấp có điều kiện trong dạng bí quyết (know how) theo luật của bản quyền sở hữu công nghiệp.

d) *Phần quản lý - tổ chức (Orgaware)* : bao gồm các hoạt động, các liên hệ về phân bổ nguồn lực, tạo lập mạng lưới sản xuất, tuyển dụng nhân lực, trả lương, chế độ phúc lợi, chính sách khích lệ, kiểm tra ... Với phần này công nghệ được hiện thân trong thể chế và khoa học quản lý đã trở thành nguồn lực.

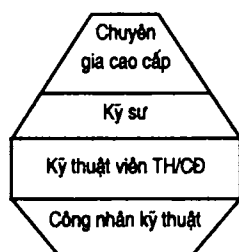
* GS, TSKH Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

** TS. Viện nghiên cứu phát triển giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo

Theo cách hiểu chung nhất nhân lực khoa học - công nghệ là một bộ phận của lực lượng lao động xã hội được đào tạo ở những trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhất định và tham gia trực tiếp (hay gián tiếp) vào các hoạt động khoa học - công nghệ từ nghiên cứu - triển khai đến đào tạo, quản lý và vận hành các hệ thống công nghệ. Đội ngũ nhân lực khoa học - công nghệ có nhiều mức trình độ đào tạo cơ bản khác nhau từ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ, kỹ thuật viên trung cấp đến đội ngũ kỹ sư, chuyên gia có trình độ đại học và sau đại học. Tùy thuộc vào trình độ công nghệ mà cơ cấu nhân lực có các đặc trưng khác nhau (xem hình 1 và 2).



Hình 1. Cơ cấu nhân lực của các ngành công nghiệp cơ khí hóa



Hình 2. Cơ cấu nhân lực trong các ngành công nghiệp công nghệ cao

Về cơ cấu loại hình, nhân lực trong CNTT bao gồm các loại hình cơ bản sau :

1. Nhân lực khoa học cơ bản : Bao gồm đội ngũ chuyên gia có trình độ cao trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ cơ bản có liên quan trực tiếp đến quá trình phát triển CNTT như toán, vật lý, hóa học, sinh học, khoa học vật liệu, tự động hóa v.v..

2. Nhân lực chuyên ngành CNTT : Bao gồm nhân lực phần mềm (lập trình) và nhân lực phần cứng (công nghiệp thiết kế chế tạo, lắp ráp, bảo trì trang thiết bị sản phẩm CNTT).

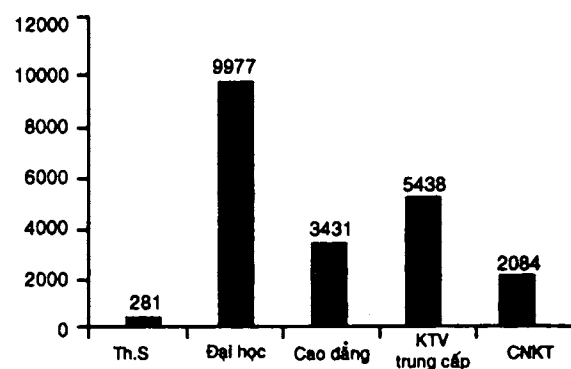
3. Nhân lực quản lý công nghệ và công nghiệp thông tin : Bao gồm các chuyên gia quản lý, quản trị các cơ quan quản lý ngành, các cơ sở sản xuất - dịch vụ thông tin.

4. Nhân lực triển khai ứng dụng CNTT ở các ngành kinh tế - xã hội : Bao gồm các chuyên gia, các nhà khoa học, các cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật sử dụng các trang thiết bị CNTT (máy tính, hệ thống thiết bị thông tin v.v..) như là công cụ tác nghiệp.

Phát triển nhân lực khoa học - công nghệ trong lĩnh vực CNTT đòi hỏi phải chú trọng phát triển đồng bộ các loại hình nhân lực khoa học - công nghệ trong các lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là nhân lực chuyên ngành về CNTT và đội ngũ đông đảo nhân lực khoa học - công nghệ ở các ngành kinh tế - xã hội sử dụng CNTT như là một công cụ tác nghiệp.

2. Thực trạng nhân lực khoa học - công nghệ trong lĩnh vực CNTT.

CNTT là một lĩnh vực công nghệ mới, được phát triển mạnh ở nước ta trong những năm gần đây, nhưng hiện nay, ta chưa có một sự phân loại chuẩn quốc gia về cơ cấu ngành nghề (trong lực lượng lao động và trong danh mục đào tạo ở các trường đại học, cao đẳng) cũng như chưa có một hệ thống thống kê quốc gia về thực trạng đội ngũ nhân lực CNTT trong các cơ quan quản lý, các ngành sản xuất - dịch vụ trên phạm vi toàn quốc và trong từng bộ, ngành. Theo kết quả điều tra lao động việc làm năm 2000, số lượng nhân lực CNTT chuyên ngành máy tính ở nước ta còn rất hạn chế (xem hình 3).



Hình 3 : Số lượng nhân lực KH-CN chuyên ngành máy tính (computer).

Nguồn : Điều tra lao động - việc làm 2000 - Nxb Lao động - Xã hội 2001.

Theo số liệu của Niên giám thống kê CNTT năm 1998, mặc dù trong những năm gần đây công nghệ thông tin nước ta phát triển mạnh nhưng so với nhiều nước trên thế giới chỉ tiêu trong lĩnh vực công nghệ thông tin còn thấp từ 1,35 USD/ đầu người năm 1996 lên 4 USD/ đầu người 1998. Đội ngũ nhân lực nước ta có khoảng 25 000 người trong đó có thể chia thành 4 nhóm lớn :

- Nhóm làm việc trong các phòng máy tính thuộc các cơ quan nhà nước, đơn vị kinh doanh sản xuất, v.v.. Số này ước chừng 20 000 người. Trong đó khoảng 2 000 có bằng cử nhân, kỹ sư về tin học, số còn lại có học thêm về tin học sau khi có bằng đại học thuộc ngành khác.

- Nhóm làm công tác giảng dạy CNTT trong các trường đại học, cao đẳng. Số này có khoảng 600 người.

- Nhóm làm trong các đơn vị CNTT chuyên nghiệp như các công ty CNTT, các viện nghiên cứu về CNTT. Số này ước chừng 4 000 người, trong đó khoảng 2 000 người có bằng cử nhân, kỹ sư hoặc cao hơn về CNTT.

- Lực lượng rất đông đảo (hàng trăm ngàn) người dùng máy tính trong công việc chuyên môn. Lực lượng này không thuộc vào nhóm nhân lực chuyên ngành CNTT.

Về phân bố trên vùng lãnh thổ, nhân lực CNTT tập trung nhiều nhất ở Thủ đô Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Đây là những nơi tập trung các cơ quan quản lý nhà nước và các viện nghiên cứu khoa học - công nghệ trong lĩnh vực CNTT, các khoa CNTT ở các trường đại học lớn như Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, các cơ sở sản xuất - kinh doanh lớn về công nghệ điện tử - tin học - viễn thông, v.v.. thuộc mọi thành phần kinh tế.

Đội ngũ nhân lực CNTT ở nước ta đã và đang phát triển mạnh cả về số lượng và cơ cấu

trình độ. Theo kết quả điều tra tháng 3-1999 Tổng công ty Bưu chính Viễn thông có khoảng 11 000 lao động chuyên môn kỹ thuật theo các chuyên ngành tin học, điện tử, vô tuyến viễn thông v.v.. Trong đó có khoảng 6 000 (60%) lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên. Kết quả điều tra tháng 9-1999 của Viện Nghiên cứu phát triển giáo dục ở một số cơ sở nghiên cứu, đào tạo và sản xuất - dịch vụ của một số bộ, ngành cho thấy : phần lớn nhân lực CNTT là nam giới (chiếm 85%) với tuổi đời còn khá trẻ : từ 25 - 35 tuổi chiếm 35,4% ; 36-55 tuổi chiếm khoảng 60%. Về trình độ đào tạo, phần lớn có bằng cử nhân (66%). Số có trình độ sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ, TSKH) còn rất ít. Đặc biệt có một bộ phận đáng kể được đào tạo từ các ngành khoa học có liên quan trực tiếp như toán, vật lý, cơ hoặc các lĩnh vực công nghệ điện rộng như cơ khí, điện, tự động hóa... chuyển sang lĩnh vực CNTT. Số được đào tạo chuyên ngành CNTT còn rất ít.

3. Kết luận và kiến nghị.

1. Những năm gần đây, nguồn nhân lực CNTT ở nước ta mới phát triển về số lượng là chủ yếu nên có nhiều hạn chế về chất lượng chuyên môn và trình độ đào tạo. Do đó trong thời gian tới các cấp, các ngành và cơ quan chủ quản cần quan tâm đặc biệt đến yêu cầu đảm bảo chất lượng trong công tác đào tạo nhân lực CNTT theo các chuẩn mực quốc tế.

2. Việc phát triển nguồn nhân lực CNTT cần có những hoạch định ở tầm vĩ mô để đảm bảo cơ cấu trên các lĩnh vực chuyên ngành và các bậc trình độ. Chú trọng đào tạo để đáp ứng được yêu cầu nhân lực CNTT trong các lĩnh vực sản xuất - dịch vụ. Nghiên cứu triển khai, đào tạo và quản lý nhân lực phần mềm và phần cứng trong CNTT để đảm bảo phát triển nhanh và bền vững

(Xem tiếp trang 47)

BẢO CHÍ TRONG CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG QUAN LIÊU, THAM NHŨNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Lời BBT : Ngày 26-3-2002, tại Hà Nội, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản phối hợp với Tạp chí Kinh tế và Phát triển tổ chức Hội thảo khoa học - thực tiễn về đề tài : “Bảo chí trong cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng ở nước ta hiện nay”.

Tham dự Hội thảo có gần 100 đại biểu gồm các đồng chí lãnh đạo quản lý, các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, các nhà khoa học, nhà báo... công tác ở các cơ quan Trung ương và Hà Nội. Có 27 bản tham luận gửi tới Ban tổ chức và 12 ý kiến trình bày tại Hội thảo. Hội thảo đã diễn ra trong bầu không khí khoa học, sôi nổi với tinh thần xây dựng và ý thức trách nhiệm cao. Tạp chí Cộng sản giới thiệu với bạn đọc bản Báo cáo đề dẫn và Báo cáo tổng quan Hội thảo khoa học nói trên.

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

PGS. TS TRẦN QUANG NHIẾP

BÁO cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII trình trước Đại hội IX của Đảng nhấn mạnh : *“Tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân”.*

Đảng ta đã thấy rõ thực chất tình trạng quan liêu, tham nhũng và những nguy hại của nó ; đồng thời đã có nhiều chủ trương,

biện pháp đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn này trong nhiều năm. Bên cạnh những kết quả không nhỏ đã đạt được trong những năm qua, tình trạng quan liêu, tham nhũng rõ ràng vẫn đang tồn tại như một tệ nạn nguy hiểm, là một nguy cơ đối với đất nước.

Trong sự nghiệp cách mạng lớn lao của đất nước, cùng với việc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng, mở rộng quan hệ đối ngoại, là đấu tranh làm mất đi những tiêu cực và tệ nạn xã hội, xây dựng lên một xã hội dân

giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

Thực hiện điều đó là cả một quá trình gay go, quyết liệt, vừa cấp bách, vừa cơ bản, lâu dài ; đòi hỏi không chỉ có nhận thức đúng mà phải có hành động đúng.

Cán bộ, đảng viên và nhân dân ta rất bất bình trước những hiện tượng quan liêu, tham nhũng ngày càng gia tăng mà khả năng đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi chúng xem ra có lúc, có nơi chưa đủ mạnh, chưa có hiệu quả.

Vì vậy, trong nhân dân vừa có tâm lý bất bình phản nộ, sốt ruột, đòi hỏi phải đấu tranh dập tắt ngay tệ quan liêu, tham nhũng, vừa phẫn phất, pha trộn tâm trạng mệt mỏi, thiếu tin tưởng vào khả năng thành công của cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng. Có người đặt vấn đề phải đánh tan bọn tham nhũng ngay trong một thời gian ngắn bằng mọi quyền lực và sức mạnh của Đảng và Nhà nước ta. Lại có người cho rằng tham nhũng là một thuộc tính vốn có của mọi loại hình nhà nước, do đó nhà nước còn thì tham nhũng còn, chẳng cần phải đấu tranh và có đấu tranh cũng không ngăn chặn được v.v... Vậy đâu là thái độ đúng đắn để vừa chống được tham nhũng, vừa giữ vững được xã hội ổn định và không ngừng phát triển.

Chúng ta thấy rằng tham nhũng là một hiện tượng xã hội phức tạp, là hành vi của người có chức, có quyền, lợi dụng chức quyền để tham ô của cải, tài chính, những nhiều dân để vụ lợi cho bản thân và gia đình. Điều đó được nói rõ trong Pháp lệnh chống tham nhũng của nước ta : *Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn, đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để tham ô, hối lộ hoặc cố ý làm trái pháp luật vì động cơ vụ lợi, gây thiệt hại tài sản của Nhà nước, tập thể và cá nhân.*

Như vậy quan liêu, tham nhũng gắn liền với quyền lực của người có chức vụ, quyền

hạn trong bộ máy của hệ thống chính trị, trong nhiều tổ chức kinh tế. Điều đó hoàn toàn trái với bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta, của chế độ ta là Nhà nước của dân, do dân, vì dân ; cán bộ phải là "công bộc" của nhân dân. Cho nên việc lựa chọn, sử dụng, quản lý, giám sát cán bộ trong các tổ chức của bộ máy hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế là vấn đề có tính quyết định để ngăn ngừa, chống quan liêu, tham nhũng.

Quan liêu, tham nhũng là biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, của tính ích kỷ, tham lam, ham hố làm giàu, thu lợi bất chính của những người đã bị tha hóa, biến chất. Đảng ta nói rõ quan liêu, tham nhũng gắn liền với sự *"suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên"*. Từ sự suy thoái, biến chất về chính trị, tư tưởng dẫn đến sự suy thoái về đạo đức, lối sống hay ngược lại. Sự suy thoái đó làm mất đi phẩm chất, ý thức trách nhiệm, lương tâm của người cán bộ, đảng viên. Họ tìm mọi thủ đoạn hòng xoay sở, bòn rút được nhiều tiền, của, để sống phè phỡn, xa hoa, lãng phí, làm giàu bất chính trên mồ hôi, sức lực của người lao động. Cho nên quan liêu, tham nhũng không chỉ là phạm trù kinh tế mà còn là phạm trù đạo đức. Không những thế, những người quan liêu, tham nhũng lại nằm trong bộ máy các cơ quan của hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế, hành vi tham nhũng của họ đã làm cho nhân dân thiếu tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, khả năng quản lý của Nhà nước. Hằng ngày, hằng giờ họ như con sâu mọt đục khoét nền kinh tế, phá hoại hệ thống chính trị, làm suy yếu và mất đi khả năng của cơ quan lãnh đạo, quản lý, làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Cho nên quan liêu, tham nhũng không chỉ trong phạm vi kinh tế, phạm vi đạo đức, mà còn liên quan đến

sự vững mạnh và ổn định chính trị của đất nước. Kẻ thù luôn lợi dụng triệt để những hiện tượng tiêu cực, tệ nạn quan liêu, tham nhũng để lôi kéo, chuyển hóa, làm hư hỏng một bộ phận cán bộ ; mặt khác chúng "bơm to", "thổi phồng" để bôi đen chế độ, nói xấu cán bộ, xuyên tạc bản chất tốt đẹp của xã hội ta.

Nhận rõ tính chất nguy hại của tệ quan liêu, tham nhũng, Đảng ta chủ trương : "Tăng cường tổ chức và cơ chế, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở. Gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính"⁽¹⁾. Quan liêu tạo ra những kẻ hở trong quản lý, lãnh đạo để kẻ xấu lợi dụng mà tham nhũng. Quan liêu dẫn đến xa rời thực tế, lãng phí, làm thất thoát tài sản, tài chính của nhân dân. Chẳng hạn chỉ cần một dự án bị kẻ xấu lợi dụng lập luận chứng sai lệch, không có tính khả thi mà được phê duyệt sẽ ném vào túi kẻ cơ hội tham nhũng, ném xuống sông, xuống biển hàng chục tỉ, hàng trăm tỉ đồng.

Từ tình hình trên, đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề cần quan tâm đi sâu nghiên cứu để làm rõ như :

- Quan liêu, tham nhũng với bản chất kinh tế, xã hội sâu xa của nó là gì ?

- Bằng cách nào để nhận rõ các loại hình quan liêu, tham nhũng ở nước ta hiện nay ?

- Mối quan hệ giữa quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay ?

- Đây là nguyên nhân, nguồn gốc của tình trạng quan liêu, tham nhũng ở nước ta ?

- Vì sao chống quan liêu, tham nhũng là lĩnh vực được nhiều người quan tâm, nhiều người đồng tình nhưng kết quả lại rất hạn chế ? Vậy đâu là khó khăn, trở lực của quá trình chống quan liêu, tham nhũng ?

- Mối quan hệ giữa phòng ngừa và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng ?

- Làm gì để có được những biện pháp hữu hiệu đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng ở nước ta hiện nay ?

- Vai trò, trách nhiệm của báo chí trong chống quan liêu, tham nhũng ở chỗ nào ?

- Đây là thế mạnh và khả năng tích cực của báo chí trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng ?

- Báo chí ở nước ta làm gì và bằng cách nào để tham gia đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng có hiệu quả ?

- Những hạn chế cần khắc phục để báo chí phát huy vai trò của mình trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng hiện nay ?

- V.v ..

Những vấn đề đặt ra có thể còn rất nhiều và làm rõ những vấn đề như vậy thật không dễ dàng, đơn giản nên cần có sự phối hợp chặt chẽ đồng bộ của nhiều người thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong phạm vi của đề tài, bước đầu chúng ta có thể tập trung vào những vấn đề chính sau :

Một là, phát huy vai trò của báo chí trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng.

Báo chí là phương tiện thông tin đại chúng có nhiều lợi thế trong việc công khai, phanh phui những vụ việc, những

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 135 - 136

hiện tượng quan liêu, tham nhũng trước dư luận quần chúng rộng rãi. Những người quan liêu, tham nhũng lại rất ngại ngừng khi bị báo chí đưa lên mặt báo tên tuổi, địa chỉ, hành vi quan liêu, tham nhũng và hình thức phạm tội của mình. Báo chí tạo dư luận từ phía xã hội, tuyên truyền cổ động, hướng dẫn, trang bị kiến thức, cung cấp thông tin cho nhân dân để nhân dân đấu tranh với những hành vi quan liêu, tham nhũng. Báo chí ngoài việc tạo diễn đàn rộng rãi cả nước còn góp phần giúp cho các cơ quan chức năng phát hiện người quan liêu, tham nhũng ; cung cấp các tư liệu, tài liệu, sự kiện để điều tra nghiên cứu, xác minh, kết luận nhanh chóng, kịp thời, chính xác. Báo chí cũng tham gia phân tích, lý giải các hành vi, các loại hình quan liêu, tham nhũng. Nhiều vụ tham nhũng lớn, báo chí đã đóng góp quan trọng trong việc làm sáng tỏ vấn đề, được quần chúng hoan nghênh, đồng tình, ủng hộ. Rõ ràng báo chí đã không chỉ phát hiện, thông tin mà còn trực tiếp tham gia đấu tranh chống tham nhũng một cách tích cực, có hiệu quả với tinh thần chiến đấu cao.

Hai là, giữ đúng những nguyên tắc của hoạt động báo chí khi tham gia chống quan liêu, tham nhũng.

Chống quan liêu, tham nhũng cũng như các hoạt động trên các lĩnh vực khác, báo chí phải thực sự trung thực, thẳng thắn, tôn trọng sự thật, khách quan. Tuyệt đối không được vội vã đưa tin khi chưa có đầy đủ thông tin, chưa nắm chắc bản chất sự vật, hiện tượng. Những thông tin nêu lên phải đủ căn cứ, đủ bằng chứng, đã được thẩm định, xác minh chính xác, có ý kiến kết luận của cơ quan chức năng có liên quan. Không thể chủ quan đưa ra những thông tin một phía, thiên lệch, thậm chí sai sự thật

gây phản tác dụng. Thông tin báo chí phải chuẩn xác, có tác dụng phát hiện vụ việc, cung cấp thông tin, định hướng dư luận trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng. Mọi biểu hiện của việc đưa tin cầu thả, thiếu thận trọng, thiếu trung thực, thiếu khách quan, thiếu trách nhiệm đều gây ra hậu quả khó lường và phản tác dụng đối với chống quan liêu, tham nhũng.

Việc đưa tin phải cân nhắc, chọn lọc, không sơ hở để kẻ xấu lợi dụng chống đối lại ta, gây hoang mang, nghi ngờ, làm mất niềm tin của nhân dân.

Gần đây có một vài hiện tượng "con sâu làm rầu nồi canh" của một vài phóng viên ở một vài tờ báo đến cơ sở hạch sách, hù dọa, vòi tiền, đưa tin sai sự thật, gây bất bình trong nhân dân. Do vậy, nhiều ý kiến cho rằng báo chí muốn tham gia chống quan liêu, tham nhũng, trước hết phải chống quan liêu, tham nhũng ngay ở những người làm báo.

Ba là, chọn những hình thức thích hợp của các thể loại báo chí để tham gia chống quan liêu, tham nhũng có hiệu quả.

Báo chí có nhiều thể loại, tùy từng vụ việc, từng điều kiện, hoàn cảnh để chọn những thể loại thích hợp khi phản ánh. Ví dụ, phóng sự điều tra đăng ở nhiều số, nhiều kỳ là thể loại cần thiết phản ánh kết quả quá trình nghiên cứu, theo dõi, phát hiện, phanh phui vụ việc một cách hệ thống, cung cấp những thông tin cho các cơ quan chức năng vào cuộc ; hướng và thu hút dư luận xã hội cùng tham gia đấu tranh. Thể loại tin, bài phản ánh có tác dụng cập nhật, nêu những vụ việc trọng tâm, cô đọng ; hướng dư luận, hướng sự quan tâm chú ý của nhân dân, của cơ quan chức năng

vào những vấn đề cần làm rõ một cách kịp thời. Thể loại bình luận, chuyên luận giúp người đọc hiểu sâu bản chất vụ việc, thấy rõ tác hại, rút ra nguyên nhân và những bài học kinh nghiệm qua những vụ chống quan liêu, tham nhũng. Phát thanh, truyền hình càng tăng tính phổ cập, gây ấn tượng mạnh, trực tiếp giúp người xem, người nghe hiểu biết vấn đề kịp thời và quần chúng tham gia đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng đông đảo tích cực hơn.

Mỗi thể loại, hình thức biểu hiện của báo chí đều có thể mạnh riêng, khiến chúng ta đặc biệt quan tâm khai thác để khi tham gia đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng có hiệu quả cao. Điều quan trọng là cần có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan báo chí để tạo nên tiếng nói chung, ý kiến thống nhất để tránh tình trạng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược" trước cùng một vụ việc.

Bốn là, Đảng, Nhà nước có cơ chế bảo đảm cho báo chí tham gia chống quan liêu, tham nhũng một cách chủ động, tích cực.

Trong Pháp lệnh chống tham nhũng cần quy định cụ thể, rõ ràng vai trò, phạm vi hoạt động của báo chí. Mức độ, quyền hạn, trách nhiệm của báo chí tham gia chống quan liêu, tham nhũng cần được xác định cụ thể, rõ ràng. Như vậy sẽ giúp cho báo chí thấy rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình để chủ động tham gia đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng có hiệu quả hơn. Tránh tình trạng đứng ngoài cuộc hoặc vượt quá phạm vi quyền hạn của báo chí, can thiệp quá sâu vào vụ việc, làm rối thêm tình hình, gây khó khăn cho cơ quan điều tra, xét xử. Đồng thời có những quy định rõ ràng để bảo vệ phóng viên báo chí khi phát hiện phanh phui sự việc đúng, cũng như xử lý nghiêm đối với những

người lợi dụng báo chí vi phạm pháp luật, vu cáo, bịa đặt, nói sai sự thật.

Năm là, xây dựng đội ngũ phóng viên có phẩm chất chính trị, đạo đức trong sáng, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt, tận tụy, say mê, trung thực, có bản lĩnh khi tham gia đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng.

Để báo chí tham gia đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng có hiệu quả, vấn đề quyết định là nhân tố con người mà trực tiếp là đội ngũ phóng viên.

Những phẩm chất năng lực của người phóng viên để tham gia đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng không phải tự nhiên có, mà là kết quả của quá trình đào tạo, bồi dưỡng và tự rèn luyện công phu ở mỗi người. Trước hết phóng viên phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thực, khách quan, kiên nhẫn; có tác phong nghiêm túc, lối làm việc khoa học, cụ thể, chính xác. Điều quan trọng hơn là phải nắm vững đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; đi sâu đi sát thực tế, tai nghe mắt thấy, biết sàng lọc tìm cái đúng khi nghe ý kiến của quần chúng. Người làm báo cần có khả năng độc lập, sáng tạo nhưng lại rất nghiêm túc, có ý thức tổ chức kỷ luật cao. Mọi thái độ tự do, tùy tiện, ngẫu hứng, thiếu khách quan, thiên lệch, chạy theo lợi ích cá nhân, bị những tiêu cực của mặt trái cơ chế thị trường chi phối đều không được phép tồn tại.

Chúng ta đều khẳng định quan liêu, tham nhũng là quốc nạn nên cần phải có nhiều biện pháp, nhiều lực lượng đồng lòng nhất trí mới có thể chống quan liêu tham nhũng thành công. Báo chí là một lực lượng quan trọng, có nhiều lợi thế cần được phát huy. Cuộc Hội thảo của chúng ta sẽ tìm ra những biện pháp để báo chí tham gia đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng ở nước ta hiện nay có hiệu quả hơn. □

TỔNG QUAN HỘI THẢO

TRONG bài phát biểu khai mạc cuộc Hội thảo của **GS, TSKH. Lương Xuân Quỳ** (Tổng biên tập Tạp chí Kinh tế & Phát triển) và bài phát biểu đề dẫn của **PGS, TS. Trần Quang Nhiếp** (Phó Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản) đã nói rõ : Quan liêu, tham nhũng ở nước ta là vấn đề hết sức nhức nhối, là một trong bốn nguy cơ đe dọa sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta kiên quyết đấu tranh đẩy lùi quan liêu, tham nhũng để xây dựng đất nước ngày càng vững mạnh, thực hiện mục tiêu : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Thời gian vừa qua có rất nhiều lực lượng tham gia vào cuộc đấu tranh này. Mỗi một lực lượng có một thế mạnh riêng, có vai trò vị trí riêng, bổ sung cho nhau tạo nên sức mạnh tổng lực của cả nước. Báo chí cũng tham gia với thế mạnh riêng của mình và đã đóng góp rất lớn công sức vào cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, được nhân dân đánh giá cao.

Để góp phần làm cho báo chí phát huy vai trò hơn nữa trong cuộc đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, Tạp chí Cộng sản phối hợp với Tạp chí Kinh tế & Phát triển đã tổ chức thành công cuộc Hội thảo : **Báo chí trong cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng ở nước ta hiện nay**. Cuộc hội thảo đã tập hợp nhiều nhà khoa học, các giáo sư, tiến sĩ, những nhà lãnh đạo và hoạt động thực tiễn cùng đồng đạo các cộng tác viên của hai tạp chí, thảo luận sâu sắc trên một số nội dung quan trọng sau.

1 - Quan liêu, tham nhũng và cách phòng chống chúng.

Nhiều báo cáo đề cập thế nào là quan liêu, tham nhũng ? **PGS, TS. Trần Quang Nhiếp** đã viện dẫn Pháp lệnh chống tham nhũng của Nhà nước ta : Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn, đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để tham ô, hối lộ hoặc cố ý làm trái pháp luật vì động cơ vụ lợi gây thiệt hại tài sản của Nhà nước, tập thể và cá nhân. Phần lớn các ý kiến trong Hội thảo đều thống nhất với nhận định này. Có ý kiến bổ sung : không phải tham nhũng chỉ là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn mà có cả ở những người không có chức, có quyền như những nhân viên, những cán bộ thường. Thực tế cách hiểu này cũng rất đúng vì những nhân viên, những cán bộ thường như nhân viên cảnh sát, nhân viên quản lý thị trường, nhân viên y tế hay một giáo viên thường đều là những người có chức danh, có quyền hạn nhất định trong phạm vi công tác của mình. Những cán bộ này có thể lợi dụng những chức danh và quyền hạn đó để tham nhũng dưới nhiều hình thức vừa tinh vi, vừa trắng trợn. Do đó, cần mở rộng khái niệm chức, quyền, không nên chỉ bó hẹp nội dung chức, quyền trong phạm vi bầu cử, bổ nhiệm.

TS. Đỗ Nhật Tân (Phó Ban Chính trị Triết học, Tạp chí Cộng sản) cho rằng : câu hỏi thế nào là quan liêu, tham nhũng đã được nhiều thế hệ trả lời, nhiều người trả lời, không chỉ ở nước ta mà ở khắp cả hành tinh này. Để có một khái niệm chính xác cần được tiếp tục nghiên cứu, bổ sung.

Tuy vậy, đến nay khi nói đến quan liêu, tham nhũng, người ta dễ dàng nhận diện chúng trong đời sống xã hội, và cũng dễ thống nhất với nhau về khái niệm trên những nét cơ bản. Chẳng hạn như, quan liêu là cách thức làm việc, cách thức quản lý không sát thực tế, nặng về tính chủ quan, kinh nghiệm, giấy tờ, báo cáo, không có kiểm tra, kiểm soát. Còn, tham nhũng là hành vi lợi dụng chức quyền để tham ô của cải, tài chính, hạch sách những nhiều dân để vụ lợi cho cá nhân và gia đình mình. Quan liêu và tham nhũng gắn liền với nhau, cặp đôi với nhau tạo tiền đề cho nhau phát triển. Quan liêu sẽ buông lỏng quản lý, tạo môi trường cho tham nhũng phát triển; ngược lại, tham nhũng sẽ làm giảm hiệu lực của bộ máy quản lý, làm cho bộ máy quản lý ngày càng quan liêu.

Đa số ý kiến ủng hộ quan điểm của **PGS, TS. Trần Quang Nhiếp** cho rằng, quan liêu, tham nhũng là một hiện tượng xã hội phức tạp, có thể xét nó dưới nhiều góc độ và nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh tế; đạo đức, lối sống; an ninh, chính trị; nhà nước và pháp luật. Tuy nhiên, có những ý kiến lại thiên về một mặt hoặc nhấn mạnh một mặt nào đó.

TS. Bùi Thế Vinh và ThS. Nguyễn Đức Mạnh (Học viện Hành chính quốc gia) nhìn quan liêu, tham nhũng từ khía cạnh đạo đức. Đó là hành động vô đạo đức, hành động phi nhân tính, hành động bất nghĩa. Hai nhà khoa học đã đưa ra nhận xét khái quát: tham nhũng ở dưới bất cứ mức độ nào, và dưới bất cứ hình thức nào cũng là vô đạo, phi nhân, bất nghĩa, trái với những nguyên tắc đạo đức của con người và của xã hội.

PGS, TS. Lê Văn Cương (Viện trưởng Viện nghiên cứu Chiến lược và Khoa học công an) nhấn mạnh quan liêu, tham nhũng từ góc độ an ninh, chính trị: Ma túy và mại dâm sẽ hủy hoại nội giống, suy đồi đạo đức xã hội, còn tham nhũng sẽ là nguy cơ có

thể dẫn đến sụp đổ cả cơ đồ, sự nghiệp cách mạng, "là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta". Đồng chí viện dẫn câu nói của Bác: "chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận. Đây là mặt trận tư tưởng, chính trị"⁽¹⁾.

PGS, TS. Lê Văn Tâm (Hiệu trưởng Trường đại học Luật Hà Nội), **Phạm Văn Khanh** (Tổng biên tập Tạp chí Thanh tra) và **GS, TS. Đào Trí Úc** (Viện trưởng Viện Nhà nước và Pháp luật) phân tích sâu sắc quan liêu, tham nhũng dưới khía cạnh nhà nước, pháp luật. Các đồng chí cho rằng, quan liêu, tham nhũng gắn bó chặt chẽ hữu cơ với sự tồn tại và phát triển của bộ máy nhà nước. Về mặt lý luận, không thể có tệ tham nhũng ngoài nhà nước, tách khỏi bộ máy quản lý, cai trị. Quan liêu và tham nhũng là căn bệnh đồng hành đặc trưng của mọi nhà nước. Nó là khuyết tật bẩm sinh của quyền lực, là biểu hiện của sự "tha hóa quyền lực của nhà nước", là căn bệnh hầu như không thể tránh khỏi của các chế độ. Theo các đồng chí, trước kia, Mông-téc-ki-ơ đã chỉ rõ: mọi người có quyền lực đều có xu hướng lạm dụng quyền lực đó. Hình thức, tính chất, mức độ và phương thức tham nhũng thay đổi tùy thuộc vào bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội, phụ thuộc vào mối quan hệ giữa sự quan tâm của xã hội đối với vấn đề tham nhũng, đặc biệt trong mối quan hệ với nền dân chủ.

ThS. Nguyễn Thị Vy (cán bộ biên tập, Tạp chí Cộng sản), trong khi phân tích về chống tham nhũng ở Việt Nam đã nhấn mạnh tham nhũng từ khía cạnh kinh tế. Theo đồng chí, quan chức tham nhũng thường sử dụng quyền lực của mình để lái hoạt động kinh doanh vào các lĩnh vực mà việc gạt hái tiền hối lộ dễ dàng và khó bị

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 6, tr 490

phát giác. Nếu chỉ dùng các biện pháp hành chính, giáo dục đạo đức, hay mở rộng dân chủ, thì khó có thể chống tham nhũng một cách có hiệu quả. Những phân tích về thị trường tham nhũng là gợi ý một số giải pháp kinh tế có tính khả thi hơn.

Dù xét quan liêu, tham nhũng dưới góc độ nào đi nữa thì các đại biểu cũng đều thống nhất rằng : quan liêu, tham nhũng gây ra những hậu quả hết sức tai hại về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, làm giảm hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước, làm xói mòn đạo đức, phẩm giá con người, gây tổn thất tài sản, công quỹ của nhà nước và nhân dân, làm suy yếu đất nước, cản trở quá trình đi lên của xã hội. Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII và thứ IX đã xác định quan liêu, tham nhũng là một trong bốn nguy cơ cản trở công cuộc đổi mới và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta. Do đó, chống quan liêu, tham nhũng là một trong những mặt trận nóng bỏng, đòi hỏi cao ở sự cố gắng và quyết tâm của mọi người, mọi cấp, mọi ngành.

Liên quan đến đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, là vấn đề xem xét quan liêu, tham nhũng có phải là thuộc tính của nhà nước không ? có phải là căn bệnh cố hữu, không tránh khỏi của nhà nước không ?

PGS, TS. Lê Trọng (Viện trưởng Viện phát triển quốc tế học và Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Kinh tế và Xã hội) cho rằng, không nên nói "thời nào cũng có tham nhũng, nước nào cũng có tham nhũng chứ không riêng gì ở nước ta". Nói như thế là bao hàm hai ý : một là để xoa dịu tình hình, để tránh né đấu tranh chống tham nhũng ; hai là, coi đó là chuyện tất yếu, bình thường không có gì phải lo ngại, từ đó không có biện pháp đủ mạnh để phòng chống quan liêu, tham nhũng. Đồng chí **Quách Lê Thanh** (Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban

Nội chính Trung ương) cho rằng, quan liêu, tham nhũng là những hiện tượng gắn liền với sự hình thành xã hội có giai cấp và sự ra đời, phát triển của bộ máy nhà nước. Chúng là căn bệnh đồng hành, đặc trưng của mọi nhà nước ; chúng diễn ra ở tất cả các quốc gia, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội, không kể quốc gia đồ giàu hay nghèo, đang ở trình độ phát triển kinh tế thấp hay cao. Tuy nhiên, hình thức, tính chất và mức độ quan liêu tham nhũng không mang tính cố định, mà thay đổi tùy thuộc vào bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội và trình độ dân trí, khả năng quản lý xã hội của nhà nước. **TS. Đỗ Nhật Tân** lý giải thêm, quan liêu, tham nhũng là những thuộc tính xấu của nhà nước. Thuộc tính đó biểu hiện đậm nhạt khác nhau ở mỗi kiểu nhà nước, ở mỗi một nhà nước cụ thể, cũng như ở mỗi một thời kỳ khác nhau của một nhà nước. Mức độ phát triển của quan liêu, tham nhũng tùy thuộc vào sức đề kháng của nhà nước. Giống như vi trùng lao luôn luôn có ở trong cơ thể con người ; nó sẽ nằm im khi cơ thể con người cường tráng, khỏe mạnh và nó sẽ hoành hành gây bệnh khi cơ thể con người suy yếu, thiếu sức đề kháng. Vì vậy, nhà nước nào non kém, có nhiều tiêu cực, quản lý xã hội yếu thì quan liêu, tham nhũng càng có dịp phát triển.

Để làm rõ quan liêu, tham nhũng là hiện tượng phổ biến của mọi quốc gia trên thế giới, **TS. Nguyễn Thường Lạng** (Đại học Kinh tế quốc dân) đã trình bày tình trạng quan liêu, tham nhũng ở một số nước Mỹ La-tinh ; **TS. Hoàng Xuân Hòa** (Trung tâm Hợp tác nghiên cứu châu Âu) đã trình bày tình trạng quan liêu, tham nhũng ở Châu Âu ; **TS. Hoàng Hải** (Phó trưởng Ban Kinh tế, Tạp chí Cộng sản) trình bày báo chí với vấn đề chống tham nhũng ở châu Á ; đồng chí **Hà Đăng** (Trợ lý Tổng Bí thư) đã đưa ra một bảng số liệu tham khảo có giá trị của tổ chức "Quốc tế minh bạch" về xếp hạng mức độ tham nhũng của 90 nước trên thế giới trong

năm 2000 thì Việt Nam đứng vào hàng thứ 76 theo thang bậc từ trên xuống, biểu hiện mức độ tham nhũng từ nhẹ nhất xuống nặng nhất. **PGS, TS. Vũ Văn Hiền** (Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản) trong bài báo cáo về "thế giới chống tham nhũng", phản ánh Hội nghị quốc tế chống tham nhũng lần thứ 10 tổ chức tại Pra-ha vào tháng 10-2001 vừa qua với sự tham gia của hơn 1 200 đại biểu ở 130 nước. Tất cả những minh chứng của các đại biểu đều có chung nhận định : quan liêu, tham nhũng là thuộc tính, là căn bệnh khó tránh khỏi của các nhà nước.

Nói quan liêu, tham nhũng là thuộc tính, là căn bệnh khó tránh của mọi nhà nước không phải là để xoa dịu tình hình, né tránh đấu tranh, mà là để thấy được tính chất dai dẳng, quyết liệt của cuộc đấu tranh, từ đó cần có chiến lược, sách lược đấu tranh cho phù hợp. Chống quan liêu, tham nhũng không phải chống quyết liệt một lượt là xong. Chống phải đi đôi với phòng, phải biết xây dựng những nếp sống đẹp, nhân rộng những gương người tốt việc tốt, phát huy tính tự giác, tinh thần làm chủ của mỗi người để trước hết tự mình đấu tranh, gạt bỏ tệ quan liêu tham nhũng. Đồng chí **Hà Đăng** nhấn mạnh : phòng và chống quan liêu, tham nhũng phải đi đôi với nhau, xét về mặt hiệu quả thì phòng có tác dụng to lớn hơn, ít tốn kém hơn. Nhưng hiện nay căn bệnh quan liêu, tham nhũng đã trầm trọng, đã trở thành quốc nạn thì cần coi trọng, đẩy mạnh khâu chống. Trong khi sử dụng các biện pháp chống, cần chú ý sử dụng các biện pháp tuyên truyền một cách có hiệu quả.

2 - Vai trò của báo chí trong phòng, chống quan liêu, tham nhũng.

Hầu hết các báo cáo đều đánh giá cao vai trò phòng, chống quan liêu, tham nhũng của báo chí.

TS. Phạm Tất Thắng (Ủy viên Ban Biên tập, Trưởng Ban Kinh tế, Tạp chí

Cộng sản) cho rằng, đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng là nhiệm vụ chung của toàn xã hội. Nhưng, với vai trò là người tuyên truyền tập thể, cổ động tập thể và tổ chức tập thể, thời gian vừa qua đông đảo hơn 1 vạn nhà báo ở 486 cơ quan báo chí trong cả nước đã hoạt động tích cực, làm cho báo chí của ta đã trở thành một lực lượng xung kích trên mặt trận tư tưởng nói chung, trên mặt trận phòng, chống quan liêu tham nhũng nói riêng. **PGS, TS. Lê Văn Cương** khẳng định thời gian vừa qua đa số các vụ việc tiêu cực, tham nhũng đều do các nhà báo phát hiện và đưa ra ánh sáng công luận. Sở dĩ báo chí có vai trò to lớn và cực kỳ quan trọng trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng như vậy vì những người tham nhũng rất sợ báo chí, vì chỉ trong một thời gian rất ngắn, báo chí đã có thể chuyển tin đến cho quảng đại quần chúng, từ đó tạo ra dư luận và áp lực tâm lý xã hội rất mạnh. **TS. Chu Thái Thành** (Phó trưởng Ban Văn xã, Tạp chí Cộng sản) cho rằng, thời gian vừa qua, báo chí của chúng ta đã đi đầu trong cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng. Báo chí đã góp phần quan trọng làm trong sạch bộ máy Đảng và Nhà nước, ổn định chính trị xã hội, thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Theo **TS. Nguyễn Đình Tập** (Phó viện trưởng Viện nghiên cứu Chiến lược và Khoa học công an), muốn xác định được vai trò của báo chí trong cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng thì phải xác định xem nó nằm ở thế đội nào trong cuộc đấu tranh. Theo đồng chí, báo chí có mặt ở khắp mọi nơi, kể cả tiền quân, trung quân và hậu quân. Đồng chí **Quách Lê Thanh** khái quát vai trò to lớn của báo chí trong đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng trên ba mặt : *Thứ nhất*, báo chí đã thực hiện tốt chức năng thông tin, tuyên truyền, cổ động. *Thứ hai*, báo chí đã góp phần xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách và pháp luật về phòng, chống quan liêu tham nhũng. *Thứ ba*, báo

chí đã đề cao tính chiến đấu, dũng cảm đấu tranh trực diện với tệ quan liêu, tham nhũng.

Các ý kiến thống nhất với quan điểm là, báo chí đã tham gia vào cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng bằng nhiều thể loại thích hợp, mang lại hiệu quả cao. Ví dụ phóng sự điều tra đăng ở nhiều số, nhiều kỳ đã phản ánh được kết quả nghiên cứu, theo dõi, phát hiện, phanh phui vụ việc một cách hệ thống, cung cấp những thông tin bổ ích cho các cơ quan chức năng "vào cuộc" và hướng dẫn dư luận một cách đúng đắn. Thể loại tin, bài phản ánh có tác dụng cập nhật, nêu những vụ việc trọng tâm, cô đọng; hướng dư luận và sự quan tâm của nhân dân, của các cơ quan chức năng vào những vấn đề cần làm rõ một cách kịp thời. Thể loại bình luận, chuyên luận giúp người đọc hiểu sâu bản chất vụ việc, thấy rõ tác hại, rút ra nguyên nhân và những bài học kinh nghiệm qua những vụ việc quan liêu, tham nhũng. Phát thanh, truyền hình càng tăng tính phổ cập, gây ấn tượng mạnh, trực tiếp giúp người xem, người nghe hiểu biết vấn đề kịp thời và động viên quần chúng tham gia đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng có hiệu quả hơn.

Đồng chí **Nguyễn Xuân Hải** (Trưởng Ban Công nghệ Thông tin - Tư liệu, Tạp chí Cộng sản) đi sâu đánh giá vai trò của thể loại bài phóng sự điều tra trong cuộc đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng và kết luận: phóng sự điều tra có sức mạnh riêng của nó. Nó thực sự là công cụ đắc lực để báo chí tiến công vào mặt trận chống quan liêu, tham nhũng, bảo vệ và đề cao quyền dân chủ của nhân dân, bảo vệ kỷ cương và pháp luật của Nhà nước, nâng cao uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước.

Nhìn chung những ý kiến tham luận trong hội thảo đều đánh giá cao vai trò của báo chí trong đấu tranh phòng, chống quan

liêu, tham nhũng, cũng như ca ngợi những thành công của nó. Tuy vậy, các bản tham luận đã không ngần ngại nêu ra những hạn chế, những thiếu sót và những yếu kém của báo chí trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng. Đồng chí **Quách Lê Thanh** lưu ý sự tham gia của báo chí vào đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng còn có những hạn chế nhất định. Đó là tình trạng né tránh, né nang của một bộ phận người làm báo. Thậm chí, ở nơi này, nơi khác có nhà báo còn bao che, dung túng kẻ có hành vi quan liêu, tham nhũng, cố ý bẻ cong ngòi bút, phản ánh sai sự thật, vi phạm đạo đức nghề làm báo. Một số phóng viên, nhà báo còn hạn chế ở ý thức pháp luật, văn hóa pháp lý nói chung và hạn chế ở sự thông hiểu pháp luật về chống quan liêu, tham nhũng nói riêng, nên ảnh hưởng rất xấu đến kết quả của cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng. **TS. Phạm Tất Thắng** nêu rõ một số sai trái trong hoạt động nghề nghiệp đã gây tác hại không nhỏ đến uy tín của báo chí. Đó là xu hướng thương mại hóa như giật gân, kích thích thị hiếu, gây tò mò; vấn đề nhỏ bơm lên to, đăng tải kéo dài thành nhiều kỳ. Đó là xa rời tôn chỉ mục đích của báo chí, thờ ơ trước các sự kiện chính trị, xã hội quan trọng, không quan tâm đúng mức đến tuyên truyền biểu dương các điển hình người tốt việc tốt. Đó là trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng còn có những sai sót do thiếu hiểu biết, thiếu điều tra nghiên cứu, thiếu khách quan trung thực và thiếu cả đạo đức nghề nghiệp. Đó là việc chưa nghiêm túc phê bình và tự phê bình để sửa chữa thiếu sót, coi thường dư luận, cửa quyền, dùng báo chí để trù dập, xúc phạm những cá nhân, tập thể không đáp ứng được lợi ích của mình.

3 - Làm thế nào để báo chí tiếp tục đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng có hiệu quả.

Đây là một trong những vấn đề trọng tâm của hội thảo, được nhiều đại biểu quan

tâm phát biểu ý kiến. Từ các góc độ khác nhau của lý luận và thực tiễn cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng của báo chí, các đại biểu đã phát biểu những ý kiến sắc sảo, đóng góp những biện pháp hay và đề xuất những kiến nghị xác đáng đối với Đảng, và Nhà nước nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng. Các ý kiến tập trung vào hai loại vấn đề : Một loại tập trung nâng cao hiệu quả của hoạt động báo chí ; loại khác, tạo cơ chế và những điều kiện thuận lợi cho báo chí.

Loại vấn đề thứ nhất, PGS, TS. Lê Văn Cương yêu cầu các nhà báo phải có dũng khí, có gan đảm bảo vệ cái đúng, cái tốt, đấu tranh không khoan nhượng đối với cái sai, cái xấu, cái ác. Người cầm bút phải có máu hiệp sĩ "giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha". Cũng ở khía cạnh ấy, **TS. Bùi Thế Đức** (Phó vụ trưởng Vụ Tuyên truyền, Ban Tư tưởng, Văn hóa Trung ương) yêu cầu các nhà báo phải phát huy tính xung kích, phát hiện kịp thời các vụ tham nhũng ; biểu dương kịp thời những nhân tố điển hình ; tăng cường tuyên truyền giáo dục để góp phần ngăn chặn, răn đe, cảnh tỉnh, thực hiện tốt phương châm xây kết hợp với chống.

Nhà báo không sợ hiểm nguy, có chí tiến công quan liêu, tham nhũng là điều cần thiết, nhưng không vì thái quá mà mất đi tính trung thực của báo chí. Đồng chí **Quách Lê Thanh** nhắc nhở đến trách nhiệm của người làm báo là tôn trọng sự trung thực, khách quan trong việc đưa tin, viết bài. **TS. Chu Thái Thành** quả quyết : muốn viết bài chống quan liêu, tham nhũng có hiệu quả, cần xác định trọng tâm và mục tiêu, viết với động cơ trong sáng và thái độ trung thực, có trách nhiệm, đúng mức, không nói tràn lan, nêu vụ việc tiêu cực phải rõ địa chỉ, tránh thổi phồng, nói chung chung hoặc "vơ đũa cả nắm", gây mơ hồ lẫn lộn. Bổ sung vào ý của **TS. Chu Thái Thành**, đồng chí

Phạm Văn Minh (Phó vụ trưởng Vụ I, Văn phòng Chính phủ) cho rằng, chống tham nhũng cần phải có trọng tâm, trọng điểm mới đạt hiệu quả cao. Chống tham nhũng trước hết phải chống hối lộ dưới mọi hình thức. Không chống được hối lộ thì không thể chống được tham nhũng. Hiện nay nạn hối lộ rất phổ biến mà phát hiện hối lộ lại rất khó, vì thông thường hối lộ chỉ có hai người : người hối lộ và người nhận hối lộ. Do đó, báo chí cần tìm ra phương cách tốt nhất để phòng chống tệ nạn hối lộ này. **TS. Phạm Tất Thắng** và **TS Nguyễn Đình Tập** đồng tình với những ý kiến trên, nhưng còn đặc biệt lưu ý và nhấn mạnh thêm : Trước hết báo chí phải chống quan liêu tham nhũng ngay trong đội ngũ của mình, vì thực tế có không ít nhà báo đã lợi dụng chức danh báo chí, lợi dụng diễn đàn báo chí đưa tin sai sự thật, thổi phồng hoặc che giấu sự thật vì bị mua chuộc, bị o bế. Đồng chí **Nguyễn Xuân Hải** trong khi phân tích làm thế nào để viết bài điều tra, phóng sự có tác dụng tốt trong phòng, chống quan liêu, tham nhũng đã quay trở lại vấn đề cơ bản, đó là cần đề cao hơn nữa đạo đức của người làm báo, thi hành nghiêm chỉnh luật báo chí Việt Nam. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, người làm báo phải luôn luôn tỉnh táo viết và phản ánh đúng sự thật. **TS. Lê Xuân Đình** (Phó trưởng Ban Kinh tế, Tạp chí Cộng sản) đề nghị phải giữ nghiêm kỷ cương trong lĩnh vực báo chí, đề cao đạo đức báo chí, không chấp nhận bất kỳ một biểu hiện hay một hành vi nào chạy theo đồng tiền mà đưa tin thất thiệt, làm tổn hại đến thanh danh của nền báo chí cách mạng nước ta.

Loại vấn đề thứ hai, PGS, TS. Lê Văn Cương đề nghị Đảng, Nhà nước kiên quyết đấu tranh, đẩy lùi tệ nạn quan liêu, tham nhũng - tệ nạn của mọi tệ nạn hiện nay. Đó là tạo môi trường, tạo điều kiện tốt nhất cho báo chí phát huy vai trò to lớn của mình trong đấu tranh phòng, chống

quan liêu, tham nhũng. Đồng chí cho rằng, hiện nay không thiếu gì biện pháp có hiệu quả để phòng, chống quan liêu, tham nhũng nhưng ta chưa sử dụng, hoặc sử dụng chưa mạnh, chưa triệt để vì còn thiếu quyết tâm. Cần phê phán thái độ sợ va chạm, sợ liên lụy hoặc đưa ra những lý lẽ nguy hiểm là đấu tranh mạnh sẽ làm mất ổn định chính trị nội bộ và các thế lực thù địch sẽ lợi dụng để tác động, khoét sâu, phá hoại ta từ bên trong. **TS. Bùi Thế Đức** đề nghị, phòng chống quan liêu, tham nhũng một cách toàn diện, không bỏ sót nơi nào, như Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc Giang Trạch Dân nói : "dưới soát tận đáy, trên không bịt trần".

Rất nhiều bản báo cáo đề nghị Đảng, Nhà nước ta có cơ chế phù hợp để tạo điều kiện cho báo chí "vào cuộc" phòng, chống quan liêu, tham nhũng, cũng như có cơ chế bảo vệ các nhà báo chân chính khi đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng không bị trù dập, không bị trả thù.

Một số ý kiến khác nhấn mạnh đến việc bảo đảm đời sống hơn nữa cho những người làm công tác báo chí để họ sống không đến nỗi thiếu thốn lắm. Hiện nay thang lương báo chí còn thấp và có nhiều bất hợp lý. Làm thế nào để cán bộ, phóng viên báo chí nói riêng cũng như cán bộ công nhân viên chức nói chung có thể sống ung dung được bằng đồng lương của mình, để "không cần tham nhũng" và "không thèm tham nhũng". Bên cạnh đó các phương tiện làm việc, phục vụ làm việc của phóng viên báo chí cũng mau chóng được cải thiện, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của nhiệm vụ cách mạng, trong đó có việc phòng, chống quan liêu, tham nhũng. □

NHẬT TÂN
tổng thuật

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN...

(Tiếp theo trang 35)

công nghệ và công nghiệp thông tin ở nước ta trong những năm tới.

3. CNTT phát triển nhanh mang tính chất bùng nổ trong những thập kỷ qua và hiện nay. Tuy nhiên, theo các nhà nghiên cứu chuyên môn thì trong khoảng 5-10 năm tới CNTT dần dần đi vào quỹ đạo phát triển ổn định. Vì vậy, chúng ta cần có những dự báo thích hợp về phát triển CNTT trên quy mô quốc gia và ở các ngành kinh tế then chốt, tạo cơ sở dự báo và quy hoạch phát triển và đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học thông tin ở nước ta trong các năm sắp đến, tạo ra thế phát triển ổn định và bền vững.

4. Trong công tác đào tạo cần đa dạng hóa và xã hội hóa các phương thức đào tạo - bồi dưỡng đội ngũ nhân lực CNTT. Cùng với việc chú trọng các hình thức đào tạo chính quy theo các chuyên ngành CNTT cần coi trọng các hình thức đào tạo không chính quy, bồi dưỡng cập nhật nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ trong lĩnh vực CNTT, kể cả trong các dự án hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ, đào tạo tại doanh nghiệp... Ưu tiên gửi sinh viên giỏi và chuyên gia đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài về CNTT.

5. Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực đào tạo của các khoa CNTT tại các trường đại học trọng điểm về khoa học tự nhiên và công nghệ. Kết hợp chặt chẽ giữa các viện nghiên cứu quốc gia, các trường đại học và các doanh nghiệp lớn về CNTT trong công tác đào tạo nhân lực khoa học - công nghệ có trình độ cao. Phát triển các khu công nghệ cao như Hòa Lạc (Hà Nội), Quang Trung (TP Hồ Chí Minh) tạo môi trường thuận lợi để phát triển nhân lực CNTT. □



BẮC GIANG

với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội

NGUYỄN QUỐC CƯỜNG*

Để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng và biến Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV thành hiện thực, đồng thời thực hiện chương trình củng cố, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, Tỉnh ủy Bắc Giang đã đề ra 6 chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2001-2005. Khi lựa chọn đề ra 6 chương trình này, Tỉnh ủy Bắc Giang quán triệt sâu sắc phương châm : thà ít nhưng có tính khả thi, thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm.

I - Chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa.

Bắc Giang là tỉnh nông nghiệp, miền núi. Trong những năm trước mắt, nông nghiệp vẫn đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh. Giai đoạn 1997-2000, nông nghiệp chiếm 51,1% trong cơ cấu GDP, tạo việc làm và thu nhập cho trên 90% dân cư nông thôn. Nhịp độ tăng bình quân hàng năm trong nông nghiệp là 7,2%, cao hơn mức tăng bình quân chung về GDP của tỉnh (6,9%). Nổi bật là sản lượng lương thực bình quân hàng năm tăng 5% ; đã hình thành và phát triển vùng cây ăn quả tập trung có quy mô lớn, tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế cao.

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp trong những năm qua còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế chủ yếu như : cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn chuyển dịch chậm ; giá trị ngành trồng trọt chiếm tỷ lệ cao (67%), chăn nuôi, dịch vụ phát triển chậm chưa tương xứng với tiềm năng. Sản phẩm nông nghiệp tuy đa dạng, phong phú nhưng chưa có nhiều hàng hóa có chất lượng cao. Việc chỉ đạo và thực hiện sản xuất hàng hóa còn phân tán, manh mún. Bên cạnh đó, chính sách và biện pháp để xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung còn nhiều hạn chế, chưa phù hợp. Trình độ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp của người dân còn thấp. Việc đưa các giống cây, con mới có năng suất cao, chất lượng tốt, các biện pháp canh tác, nuôi dưỡng tiên tiến và các biện pháp phòng trừ dịch bệnh còn hạn chế. Việc bảo quản và chế biến nông - lâm sản phát triển chậm. Tổ chức tiêu thụ nông sản hàng hóa còn nhiều lúng túng và bị động, thị trường không ổn định và hạn hẹp ; sản phẩm làm ra khả năng cạnh tranh thấp, khó tiêu thụ, chủ yếu bán dưới dạng nguyên liệu thô, giá trị kinh tế thấp.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Giang

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế, yếu kém trên đây, trong chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo những lĩnh vực chủ yếu sau :

- Phát triển cây ăn quả có giá trị hàng hóa cao như vải thiều, dưa, hồng, na, cam sành, trên cơ sở tập trung chỉ đạo và có chính sách để hình thành các vùng tập trung chuyên canh. Tăng cả về diện tích, sản lượng và chất lượng cây công nghiệp (lạc, đậu tương, cây thuốc lá). Tiếp tục phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây chè, phát triển nghề nuôi tằm.

- Về lâm nghiệp, phấn đấu đến năm 2005, trồng được 20 000 ha rừng tập trung (trong đó rừng phòng hộ là 10 000 ha, rừng kinh tế là 10 000 ha).

- Sản xuất cây lương thực được bố trí cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống hợp lý, sử dụng các giống lúa mới có năng suất cao, chất lượng tốt theo hướng đầu tư thâm canh các giống lúa ngắn ngày có năng suất cao, tăng hệ số quay vòng của đất. Phát triển chăn nuôi để đến năm 2005 chiếm 30% giá trị sản xuất nông nghiệp.

- Chú trọng việc áp dụng công nghệ bảo quản sau thu hoạch và sơ chế sản phẩm cho công nghiệp chế biến tập trung, chủ yếu là đối với lĩnh vực chế biến hoa quả và bột giấy, trên cơ sở đó tìm kiếm đối tác, hợp tác liên doanh để thu hút vốn và công nghệ, đồng thời tìm cơ hội mở rộng thị trường.

II- Chương trình phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Ở Bắc Giang, sản xuất công nghiệp còn nhỏ bé, chiếm tỷ trọng thấp (năm 2000, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng cơ bản chỉ chiếm 14,3% trong GDP). Định hướng về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN) trong giai đoạn 2001-2005 mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV

đã đề ra là : "Tập trung sức khai thác tiềm năng, nội lực, có cơ chế, chính sách khuyến khích, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, tập trung đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn".

Mục tiêu của chương trình này là : Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản và công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia vào lĩnh vực này. Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để các bộ, ngành ở trung ương và các đơn vị liên quan đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp trên địa bàn. Phấn đấu đến năm 2005, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 1 190 tỉ đồng ; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GDP là 20%.

Từ định hướng và mục tiêu nêu trên, chương trình tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu sau đây :

- Đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước để nâng cao năng lực, hiệu quả sản xuất, kinh doanh và sức cạnh tranh trên thị trường.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các loại hình doanh nghiệp của tỉnh và của trung ương đóng trên địa bàn đầu tư tăng năng lực sản xuất, triển khai các dự án đã được duyệt, đang được đầu tư hoặc đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư như : dự án đầu tư Nhà máy chế biến rau quả Bắc Giang công suất 40 000 tấn nguyên liệu/năm ; dự án cải tạo kỹ thuật Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc nâng công suất lên 150 000 tấn/năm ; dự án xây dựng mới Nhà máy Phân đạm công suất 500 000 tấn/năm ; dự án Nhà máy sản xuất sản phẩm Inốc 1,5 triệu sản phẩm/năm ... Đẩy mạnh tiến độ đầu tư các khu công nghiệp của tỉnh, xây dựng quy hoạch và đầu tư các cụm CN-TTCN ở các huyện, thị xã để thu hút, đón bắt đầu tư khi có điều kiện.

- Phát triển TTCN, các làng nghề theo hướng kết hợp hài hòa giữa công nghệ tiên tiến với công nghệ cổ truyền, giải quyết thêm việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, gắn với mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn và phục vụ đời sống nông dân.

III- Chương trình phát triển cơ sở hạ tầng.

Xuất phát từ tình hình thực tế và khả năng huy động các nguồn lực, chương trình này tập trung vào 3 nội dung chính : giao thông đường bộ, thủy lợi và hạ tầng đô thị thị xã Bắc Giang. Ở mỗi nội dung, tỉnh tập trung vào một số mục tiêu, nhiệm vụ trọng yếu, với những điều kiện, biện pháp bảo đảm thực hiện được, khi có điều kiện sẽ cho phép phấn đấu vươn lên. Cụ thể là :

- Tích cực huy động mọi nguồn vốn đầu tư phát triển từ các bộ, ngành ở trung ương, của tỉnh và của nước ngoài, nguồn vốn trong nhân dân và các tổ chức kinh tế, xã hội để làm đường giao thông và kiên cố hóa kênh mương. Phấn đấu từ năm 2002 trở đi, mỗi năm tăng ít nhất 10% nguồn vốn đầu tư.

- Thực hiện cơ chế ưu đãi đầu tư vào tỉnh theo cơ chế một đầu mối, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào các cụm công nghiệp, công viên và khu vui chơi, giải trí. Ưu đãi trong việc đào tạo tay nghề, thu hút lao động nông nghiệp vào các khu, cụm công nghiệp, bảo đảm các yêu cầu về kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật và vệ sinh môi trường.

- Tập trung phát triển CN-TTCN và dịch vụ đối với thị xã Bắc Giang. Phấn đấu đến năm 2005, thị xã Bắc Giang trở thành đô thị loại 3.

IV- Chương trình phát triển giáo dục - đào tạo.

Để đưa sự nghiệp giáo dục - đào tạo của tỉnh phát triển lên một bước mới, cân đối, hợp lý về quy mô, loại hình trường, lớp, đáp ứng

nhu cầu học tập ngày càng cao của nhân dân, trong thời gian tới, tỉnh tập trung vào thực hiện đồng thời 3 mục tiêu *nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài* với các nội dung sau : tiếp tục thực hiện nhiệm vụ giáo dục toàn diện ở tất cả các ngành học, bậc học. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể từ nay đến 2005 là giáo dục mầm non có 21% số cháu trong độ tuổi ra nhà trẻ (mỗi năm tăng khoảng 1%), 67% số cháu ra lớp mẫu giáo ; giáo dục tiểu học đạt chuẩn phổ cập đúng độ tuổi vào năm học 2003-2004 ; 100% xã, phường, thị trấn trong tỉnh có trường mầm non ; tái lập trung tâm hướng nghiệp - dạy nghề cấp tỉnh. Hằng năm đào tạo lại, bổ túc và nâng cao tay nghề cho từ 2 600 đến 3 000 người, đào tạo nghề ngắn hạn cho trên 9 000 người, đào tạo nghề dài hạn cho từ 1 600 đến 2 000 người ; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn đào tạo, cơ bản ổn định theo vùng lãnh thổ. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng trong ngành giáo dục - đào tạo, phấn đấu nâng tỷ lệ đảng viên lên 30% vào năm 2005 ; 100% các trường có chi, đảng bộ. Tăng cường cơ sở vật chất, trang, thiết bị dạy, học, bảo đảm mỗi năm đạt 60 tỉ đồng cho giáo dục. Ngành lao động - thương binh và xã hội hoàn chỉnh quy hoạch đào tạo nghề, phấn đấu đến năm 2005 đạt tỷ lệ trên 20% người lao động được qua đào tạo nghề.

V- Chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi gắn với việc xóa đói, giảm nghèo.

Do tình hình kinh tế - xã hội miền núi của tỉnh Bắc Giang còn rất nhiều khó khăn, cho nên tỉnh tập trung vào 44 xã khu vực III đặc biệt khó khăn (gọi tắt là vùng cao).

Phương hướng, nhiệm vụ để phấn đấu là, tăng cường đầu tư, khai thác tiềm năng, lợi thế,

đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội vùng cao. Tập trung đầu tư xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, mức sống của cộng đồng, đẩy nhanh tốc độ xóa đói giảm nghèo. Nâng cao dân trí, phúc lợi xã hội, giáo dục, văn hóa, thông tin, giữ gìn và bảo vệ môi trường sinh thái, từng bước đưa cộng đồng các dân tộc vùng cao hòa nhập với đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh và cả nước. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2005 : giá trị tổng sản phẩm đạt 457 000 triệu đồng, trong đó nông lâm nghiệp chiếm 87% ; CN-TTCN chiếm 6% ; thương mại dịch vụ chiếm 7% ; tổng sản lượng lương thực đạt 49 000 tấn, lương thực bình quân đầu người 250 kg ; thu nhập bình quân 1,4 triệu đồng/người/ năm ; tỷ lệ hộ nghèo còn 20% ; tỷ lệ phát triển dân số còn 1,33% ; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi xuống còn 35% ; 100% số xã phổ cập tiểu học đúng độ tuổi ; 100% số xã có điện, trong đó 80% số hộ được sử dụng điện ; số dân dùng nước sạch hợp vệ sinh đạt 70%...

Các lĩnh vực ưu tiên đầu tư là : phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp ; xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, tập trung vào lĩnh vực giao thông, thủy lợi ; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

VI - Chương trình cải cách hành chính, xây dựng và nâng cao hiệu lực của bộ máy quản lý nhà nước.

Trong 5 năm (2001-2005), tỉnh sẽ triển khai thực hiện đồng bộ 5 nội dung cơ bản của chương trình cải cách hành chính là : cải cách thể chế và thủ tục hành chính ; sắp xếp tổ chức và tinh giản biên chế ; xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức ; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ cơ sở ; chấn chỉnh công tác quản lý và sử dụng tài chính công.

Để thực hiện có kết quả nội dung nêu trên, tỉnh tập trung xây dựng và triển khai thực hiện một số đề án cụ thể sau:

- Sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII). Việc triển khai được thực hiện ở tất cả các cơ quan, sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thị xã và các cơ quan, ban đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân từ tỉnh đến cấp huyện, thị xã. Nâng cao năng lực và tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức bằng cách thi tuyển công chức, thi nâng ngạch công chức, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại công chức lãnh đạo, công chức quản lý, thanh tra tổ chức, công chức ; khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức.

- Đề án đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giải quyết những bức xúc hiện nay, tập trung vào một số nội dung chủ yếu như : quản lý đất đai ; đăng ký kinh doanh, cấp ưu đãi đầu tư, thẩm định các dự án đầu tư trên địa bàn và lĩnh vực hợp tác kinh tế đối ngoại ; đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ cơ sở và chấn chỉnh, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng nguồn tài chính công.

Để các chương trình kinh tế - xã hội trên đây trở thành hiện thực, xây dựng tỉnh ngày càng giàu đẹp, ngoài sự cố gắng, nỗ lực của toàn thể cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc trong tỉnh, Bắc Giang mong muốn sự chỉ đạo của Trung ương, sự giúp đỡ, tạo điều kiện, hỗ trợ, hợp tác của các ban, ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. □

NHỮNG năm qua, nhất là từ thời kỳ đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại, an ninh - quốc phòng. Hiện nay, các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", chống lại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo, phá hoại chính sách đại đoàn kết toàn dân của chúng ta. Bên cạnh đó, tình trạng tội phạm, tệ nạn xã

dân xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc". Đây là bước cụ thể hóa đường lối đổi mới của Đảng, đáp ứng kịp thời yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trong tình hình mới, phù hợp với ý nguyện của các tầng lớp nhân dân.

Sau khi tiếp nhận Nghị quyết liên tịch, đã có 47/53 địa phương (thời điểm năm 1991) được tỉnh ủy, ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh có văn bản chỉ đạo thực hiện ; 50 địa phương

Nhìn lại phong trào

TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC 10 NĂM QUA

THƯỢNG TÙNG

hội, nhất là tệ nạn ma túy chưa giảm... Trước tình hình trên, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, biện pháp về công tác an ninh, trật tự. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ : Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thể trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thể trận an ninh nhân dân.

Ngày 11-2-1991, Ban Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (nay là Ban Thường trực Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) và Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) đã ký Nghị quyết liên tịch về phối hợp "**Vận động toàn**

tổ chức hội nghị triển khai ở cấp tỉnh, trong đó có 16 địa phương do thường trực tỉnh ủy hoặc chủ tịch UBND tỉnh chủ trì hội nghị. Có 50 tỉnh, thành phố và hầu hết ở cấp quận, huyện, phường, xã trong toàn quốc đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện. Trong năm đầu, đã triển khai quán triệt Nghị quyết liên tịch đến cán bộ chủ chốt của hơn 90% số phường, khoảng 50% số xã trong toàn quốc. Nhiều địa phương đã kết hợp với việc lựa chọn những vấn đề nổi cộm, bức xúc về an ninh trật tự đưa ra bàn bạc trong các đơn vị dân cư hoặc kết hợp với mở các đợt cao điểm tấn công tội phạm. Công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân tham gia, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng mô hình tiên tiến... được đặc biệt quan tâm. Ý thức cảnh giác cách mạng và trách nhiệm của nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh Tổ quốc

được nâng cao ; đã xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến, nhiều tập thể, cá nhân dũng cảm, mưu trí, sáng tạo trong đấu tranh phòng chống tội phạm ; tình đoàn kết dân tộc, tôn giáo, quân dân, tình làng, nghĩa xóm ngày càng được thắt chặt và không ngừng củng cố.

Năm 1998, Bộ Công an có Chỉ thị 03 về *Đẩy mạnh công tác xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới*. Nhiều nơi, Mặt trận Tổ quốc và công an phối hợp với ngành văn hóa - thông tin đề xuất việc gắn kết phong trào "Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc", với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư", "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" thành phong trào "An toàn, đoàn kết, văn hóa" và thành lập Ban chỉ đạo thống nhất do phó bí thư cấp ủy hoặc chủ tịch, phó chủ tịch UBND làm trưởng ban. Từ quá trình thực hiện, đã tìm chọn được những điểm sáng, những mô hình tiên tiến để nhân rộng như mô hình "Toàn dân tham gia tố giác tội phạm" khơi dậy từ phường Ngô Thì Nhậm (Hà Nội) ; "Toàn dân tham gia cảm hóa, giáo dục người phạm tội tại phường, xã" của Thanh Hóa ; "Toàn dân phòng chống ma túy", "Tự thú, tự báo" của các địa phương khác v.v... Các hình thức sinh hoạt mang tính quần chúng rộng rãi như : câu lạc bộ thi tìm hiểu, liên hoan phim ... được phát huy và mang lại những kết quả đáng khích lệ.

Những điểm sáng tiêu biểu của cả nước trong việc thực hiện có hiệu quả phong trào là các địa phương :

Tỉnh biên giới vùng cao *Hà Giang* với các cuộc vận động "Xây dựng điểm sáng, xóa điểm nóng" ; cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" đã góp phần giải quyết tốt các vấn đề an ninh biên giới, tạo điều kiện nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội cho người dân.

Hiện tỉnh *Quảng Ninh* có 131 đơn vị công an xã ; 404 ban bảo vệ dân phố ; 101 hội đồng tự quản an ninh trật tự. Chỉ qua 2 năm thực hiện cuộc vận động "Công an tỉnh Quảng Ninh vì nhân dân phục vụ", đã có 707 công trình, việc làm tình nghĩa giúp dân ; 157 gương người tốt, việc tốt. Lãnh đạo công an tỉnh đã nhận được 189 bức thư cảm ơn của quần chúng. Nhiều năm liền, lực lượng công an và Mặt trận Tổ quốc tỉnh được Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Công an tặng cờ và bằng khen.

Phát huy truyền thống văn hóa giàu bản sắc của vùng Kinh bắc, tỉnh *Bắc Ninh* đã lựa chọn hình thức "sân khấu hóa" nhằm tuyên truyền nội dung các nghị quyết và nhân rộng điển hình tiên tiến với chủ đề "Một trái tim nhân hậu, một tấm lòng hướng thiện" ; các nội dung phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự an ninh chuyển thể thành lời ca, điệu hát dễ đi vào lòng người và trở thành những cuộc thi giữa các làng quan họ. Các câu lạc bộ hướng thiện, câu lạc bộ tình thương và trách nhiệm, câu lạc bộ Hội người cao tuổi... được thành lập ở các khu dân cư, góp phần tích cực vào việc giữ gìn tình làng, nghĩa xóm, hạnh phúc gia đình, trật tự xã hội.

Các mô hình tự quản về an ninh trật tự đã phát triển ở 2 320 cụm dân cư, 1 072 thôn bản, khối phố của tỉnh biên giới miền trung *Quảng Trị*. Đã có 1 210 cụm dân cư đạt loại khá (chiếm 47%), 540 đơn vị đạt tiêu chuẩn "Làng văn hóa" và hơn 19 nghìn hộ gia đình đạt tiêu chuẩn "Gia đình văn hóa". 38 già làng, trưởng bản tiêu biểu trong toàn tỉnh và 15 đơn vị đã được chọn làm đại biểu về thăm và báo công trước lăng Bác Hồ, được gặp mặt với lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc và Bộ Công an.

Là một địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng ở vùng nam Tây Nguyên, ba vấn đề lớn

đòi hỏi sự quan tâm chú ý của các cấp lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng là dân tộc, tôn giáo và trật tự xã hội. Hiện toàn tỉnh có 88 186 tổ chức quần chúng làm công tác bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở (158 ban bảo vệ dân phố, 373 đội dân phòng, 5 974 tổ an ninh nhân dân, 1 681 tổ hòa giải). Công tác vận động quần chúng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đồng bào có đạo đã thu được những kết quả rất khả quan.

Thành phố Hồ Chí Minh - một trong những trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, du lịch, đồng thời là thành phố đông dân nhất nước. Bên cạnh rất nhiều điều kiện để phát triển thành phố, cũng có không ít những khó khăn đặt ra trong lĩnh vực an ninh quốc phòng và trật tự đô thị. Thành phố là nơi đã sản sinh ra các phong trào quần chúng : "Xóa đói giảm nghèo" ; "Xây dựng nhà tình thương, nhà tình nghĩa"... Các mô hình quần chúng tham gia phong trào bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở được quan tâm xây dựng. Từ năm 1990 đến nay, đã tổ chức vận động gần 520 000 lượt người tham gia quản lý, giúp đỡ, cảm hóa cho gần 46 000 người lầm lỗi ở cộng đồng dân cư ; hơn 38 000 thanh thiếu niên hư ; tổ chức cai nghiện cho gần 11 000 người. Từ năm 1995 đến năm 2000 đã có hơn 1 144 000 lượt hộ gia đình được công nhận là gia đình văn hóa.

Tỉnh Trà Vinh, một tỉnh được xếp vào loại nghèo nhất của đồng bằng sông Cửu Long, tỉnh có số dân Khơ me đông nhất (chiếm gần 30% dân số). Mặc dù còn nhiều khó khăn về kinh tế, văn hóa - xã hội, tỉnh đã xây dựng được 4 mô hình làm công tác bảo vệ an ninh trật tự ; 94 hội đồng, 724 ban bảo vệ trật tự an toàn xã hội, 5 323 tổ tự quản và hơn một nghìn tổ hòa giải. Đã có 310 ấp, khóm văn hóa ; 325 cơ quan văn minh ; hơn 139 nghìn hộ gia đình văn hóa. Sự sãi và các chùa Khơ

me cũng là những thành viên tích cực, đóng góp nhiều thành tích cho phong trào.

Những bài học rút ra từ thực tiễn.

Mặt tích cực : Trong 10 năm qua, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Công an đã thường xuyên tiến hành các hội nghị sơ kết, tổng kết để nắm tình hình thực hiện triển khai phong trào này : Hội nghị sơ kết 1 năm triển khai thực hiện Nghị quyết liên tịch ở hai khu vực Bắc và Nam ; tổng kết phong trào 5 năm (1991 - 1995) ; Hội nghị điển hình tiên tiến thời kỳ đổi mới (1986 - 2000). Qua đánh giá tổng kết, những kết quả đạt được đều khẳng định, phong trào đã góp phần tích cực vào việc giữ gìn an ninh, trật tự ; thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, phục vụ sự nghiệp đổi mới của Đảng. Tham mưu được những chủ trương đúng đắn, kịp thời trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự ; phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, nhất là cấp cơ sở. Nâng cao được nhận thức tư tưởng và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, đoàn viên và hội viên, các đoàn thể quần chúng, tổ chức xã hội, các ngành, các cấp về công tác giữ gìn an ninh trật tự trong tình hình mới. Đã tổ chức vận động nhân dân tham gia 9 đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm trong toàn quốc ; tổ chức thực hiện các nghị định, nghị quyết của Chính phủ. Theo báo cáo của 59 địa phương trong toàn quốc, các xóm, ấp, bản, khu phố, khu dân cư đều thành lập được các tổ hòa giải. Trung bình hằng năm tiến hành hòa giải khoảng 150 474 vụ, trong đó có 120 974 vụ thành công. Hằng năm, nhân dân đã cung cấp cho lực lượng công an gần 900 000 nguồn tin, trong đó có hơn 5 200 nguồn tin có giá trị ; giúp công an điều tra khám phá gần 200 000 vụ, bắt hơn 230 000 đối tượng ; quản lý giáo dục gần 260 000 người phạm tội ; vận động hơn

25 000 người bỏ nhiệm... Hằng năm có khoảng 77% gia đình ; 84% phường, xã đăng ký tập thể, gia đình "An toàn - đoàn kết - văn hóa" ; 178 tập thể được tặng bằng khen và 701 cá nhân được tặng huy chương bảo vệ an ninh Tổ quốc. Hằng trăm tập thể và cá nhân thuộc lực lượng công an nhân dân được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ; 63 đồng chí đã hy sinh anh dũng và 353 đồng chí phải mang thương tật trên người để đảm bảo an ninh cho đất nước, cuộc sống bình yên và hạnh phúc cho nhân dân.

Song, cũng cần phải thẳng thắn nhìn nhận những thiếu sót, tồn tại làm hạn chế hiệu quả của phong trào. Đó là :

Sự chỉ đạo thực hiện chưa kịp thời, chưa có những biện pháp áp dụng phù hợp với tình hình của từng địa phương, thiếu sự phối hợp chặt chẽ thường xuyên của các địa phương và các cơ quan chức năng.

Mặt trận Tổ quốc và công an các cấp chưa thật sự làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy đảng đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động thực hiện.

Chưa gắn chặt chủ trương, nghị quyết của Đảng với việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

Công tác thông tin hai chiều giữa hai lực lượng chưa được duy trì thường xuyên, nề nếp nên khi tình hình diễn biến phức tạp còn thiếu chủ động trong phối hợp và cùng nhau tìm cách tháo gỡ ; tham mưu chưa kịp thời, chính xác.

Các mô hình điển hình, tiên tiến chưa được rút kinh nghiệm và có hình thức động viên kịp thời, chỉ đạo thành phong trào thi đua "học tập, đua kịp và vượt điển hình tiên tiến".

Phương hướng hoạt động trong thời gian tới.

Ngày 4-12-2001, Ban Thường trực Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên và Bộ Công an đã thống nhất ban hành *Nghị quyết liên tịch số 01/2001/NQ-LT* nhằm nâng tầm liên kết, đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp phối hợp vận động toàn dân xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, đáp ứng yêu cầu tình hình mới, phục vụ đắc lực cho công cuộc đổi mới và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phát huy những thành quả đạt được trong 10 năm qua, khẩn trương xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình phối hợp chỉ đạo thực hiện Nghị quyết liên tịch trên phù hợp với tình hình, nhiệm vụ của địa phương. Phấn đấu đến giữa năm 2002 triển khai đến tận phường, xã, cụm dân cư với các nội dung :

- Bám sát nhiệm vụ chính trị của đất nước, yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự của từng thời kỳ, từng địa phương, từng lĩnh vực.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, đoàn thể, khu vực ... để thực hiện tốt các cuộc vận động lớn.

- Chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng của trung ương và địa phương để tuyên truyền, hướng dẫn triển khai thực hiện.

- Thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện những vấn đề nảy sinh, hướng dẫn tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết, đổi mới công tác thi đua, khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến, nhất là các nhân tố mới.

Thành tựu của 10 năm phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đã và đang khẳng định sự lớn mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, góp phần thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ và sứ mệnh của công cuộc xây dựng Tổ quốc Việt Nam ngày càng vững mạnh, phồn vinh.□



Nên khuyến khích

KỶ HOA

VÀO những năm cuối triều Lý, các vua quan ăn chơi rất sa đọa ; nền kinh tế đất nước suy thoái ; thiên tai, mất mùa, đói kém liên tiếp xảy ra ; các thế lực phong kiến địa phương nổi lên chống lại triều đình, đánh giết lẫn nhau, cướp bóc bừa bãi ; nhân dân thật sự lâm vào cảnh khốn cùng. Lợi dụng tình thế đó, ngoài biên ải, đế quốc Nguyên Mông ráo riết chuẩn bị đại binh để xâm lược nước ta. Giữa lúc ấy vua Lý Huệ Tông lại truyền ngôi cho con gái là Lý Chiêu Hoàng mới 8 tuổi, bỏ việc nhiếp chính rồi đi tu ở chùa Chân Giáo.

Trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc", Trần Thủ Độ (một đại thần dưới triều Lý) đã khéo thu xếp cho Lý Chiêu Hoàng lấy cháu mình là Trần Cảnh rồi để Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng. Quyền bính từ nhà Lý chuyển sang nhà Trần.

Trần Cảnh (tức Trần Thái Tông) được làm vua là do

công lao của Trần Thủ Độ. Để trả cái công ấy, Trần Thái Tông phong cho Trần Thủ Độ làm Thái sư. Từ đó Trần Thủ Độ nắm giữ mọi binh quyền, vua cũng không dám trái ý, còn các quan trong triều thì *"chỉ dám đưa mắt nhìn nhau mà không dám tâm sự với nhau nửa lời"*.

Một lần, có viên quan trong triều nhân lúc vào chầu vua Trần Thái Tông bèn úa nước mắt tâu rằng : "Bệ hạ tuổi còn trẻ mà Thái sư Trần Thủ Độ thì quyền nghiêng chân chúa, không biết rồi tiền đồ xã tắc sẽ ra sao, các quần thần trong triều đều rất lo lắng". Chẳng những không giữ kín mà vua còn nói ngay với Trần Thủ Độ : "Trẫm biết Thượng phụ chỉ có tấm lòng son vì nước chứ không có bụng riêng nào. Vậy mà kẻ kia dám ngờ vực xằng tâu với trẫm là Thượng phụ độc đoán, chuyên quyền có thể không hay cho xã tắc. Đó là lời nói hại đến nghĩa vua tôi và tình cảm giữa

Thượng phụ với trẫm". Suy nghĩ một lát rồi Trần Thủ Độ tâu : "Thưa Bệ hạ, quả thật là thần có thói độc đoán, chuyên quyền. Thế mới biết trăm người lúc nào cũng vâng dạ không quý bằng một người dám nói thẳng, nói thật. Trong đám quan lại chỉ duy nhất có người này ngay thẳng, bạo dạn, *dám nói những điều mà người khác chỉ dám nghĩ*. Một minh quân, một triều thịnh **nên khuyến khích** người nói thẳng, nói thật". Nói xong, Trần Thủ Độ xin phép vua lấy vài tấm lụa và mấy trăm quan tiền thưởng cho viên quan nọ.

Sau sự kiện nêu trên, bản thân Trần Thủ Độ cũng rất cầu thị. Ông nhanh chóng "tự điều chỉnh" mình. Ông vẫn rất quyết đoán, nhưng thói độc đoán, chuyên quyền thì giảm hẳn. Các quan văn, võ trong triều bắt đầu nhìn Thái sư Trần Thủ Độ với con mắt khác : tin yêu và khâm phục hơn. Dư luận cho rằng Trần Thủ Độ chỉ là một *"quyền thần vô học"* không còn nữa. *Sự khảng tằng* trong đám quan lại cũng được thay thế bằng sự *đồng tâm, hiệp lực* với mong muốn làm cho triều Trần thịnh vượng. □



TRẬT TỰ NÀO CHO THẾ GIỚI ?

HÀ MỸ HƯƠNG *

THẾ kỷ XX đã khép lại cùng với vô vàn những biến động dữ dội và phức tạp, phản ánh những thăng trầm, biến thiên của lịch sử thế giới và trong quan hệ giữa các quốc gia - dân tộc trên hành tinh này. Sau khi "chiến tranh lạnh" kết thúc, biết bao người đã từng hy vọng vào một thế giới tương lai hòa bình, ổn định, an ninh và dân chủ hơn. Thực tế cũng đã và đang tồn tại những tiền đề khách quan cho những hy vọng đó. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ tiếp tục có những bước phát triển vượt bậc với những thành tựu kỳ diệu. Các tổ chức liên kết quốc tế mở rộng địa bàn và lĩnh vực hoạt động, thu hút hầu hết các nước lớn nhỏ tham gia. Sự kết thúc chiến tranh lạnh và trật tự thế giới đối đầu hai cực cũng góp phần nhất định trong việc làm cho xu thế hợp tác để phát triển trở thành xu thế lớn của thế giới ngày nay. Toàn cầu hóa trở thành xu thế vận động khách quan của thời đại, làm gia tăng rõ rệt tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước trong cộng đồng thế giới. Nhìn chung, các nước đều điều chỉnh quan hệ đối ngoại theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa nhằm giành cơ hội thuận lợi để phát triển đất nước và xác lập vị trí tốt nhất trong trật tự thế giới mới đang hình thành.

Tuy nhiên, tình hình thế giới sau "chiến tranh lạnh" vẫn diễn biến rất phức tạp. Hệ thống các quan hệ quốc tế (QHQT) có những đảo lộn, biến chuyển sâu sắc. Một học giả Mỹ nhận xét: "Điều hiển nhiên là "chiến tranh lạnh" đã kết thúc, song chúng ta đứng trước không phải là "một trật tự thế giới mới", mà là một hành tinh đầy nhiều

nhường và tan tác" ⁽¹⁾. Hơn 10 năm sau khi "chiến tranh lạnh" kết thúc, nhận xét này tỏ ra vẫn đúng ở nhiều khu vực, đặc biệt ở Trung Đông và Tây - Nam Á. Các nước tư bản phát triển do Mỹ cầm đầu, không những đang ra sức tận dụng những biến đổi của trật tự thế giới và những lợi thế của mình để củng cố vị thế của họ trong tương quan lực lượng trên bàn cờ chính trị - kinh tế - an ninh thế giới, mà còn muốn áp đặt ý chí, luật lệ và giá trị của mình lên các nước khác. Trật tự nào cho thế giới sau cục diện đối đầu hai cực tan rã vẫn là câu hỏi khó lý giải. Nhìn lại những tranh luận giữa các lý luận gia QHQT cũng như thực tiễn đời sống QHQT trong suốt thập niên cuối cùng của thế kỷ qua và cho đến hôm nay, có thể thấy ít nhất hai loại quan điểm, hai cách nhìn nhận khác nhau xung quanh vấn đề này: quan điểm về trật tự thế giới đa cực và quan điểm về trật tự thế giới đơn cực.

Trật tự thế giới đa cực là gì ?

Trật tự thế giới đa cực, theo các nhà nghiên cứu phương Tây, là một hệ thống trong đó có một số nước, một số trung tâm sức mạnh hoạt động tương tác, khuếch trương, khuếch tán ảnh hưởng và cùng quản lý, cùng giải quyết các công việc quốc tế. Rất nhiều nhà nghiên cứu, chính trị, hoạt động quốc gia trên thế giới ủng hộ việc thiết lập trật tự thế giới đa cực, đa trung tâm thay cho

* TS. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Pôn Ken-nơ-di, *Chuẩn bị cho thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị quốc gia, 1995, tr 500

trật tự hai cực đã tan rã và đưa ra nhiều phương án, nhiều sơ đồ khác nhau về "cấu trúc hình học" của hệ thống các QHQT trong tương lai (gần hoặc xa). Xin nêu ra một số sơ đồ "có đường nét" trong số đó :

Sơ đồ thế giới 6 cực được H. Kit-xinh-giơ (cựu Bộ trưởng Ngoại giao, cựu Cố vấn an ninh quốc gia Mỹ) trình bày trong Chương I "Trật tự thế giới mới" ở cuốn "Nền ngoại giao" xuất bản năm 1994 như sau : "Hệ thống các QHQT thế kỷ XXI sẽ bao gồm ít nhất 6 thành viên quan trọng nhất là Mỹ, châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ, trong đó cực châu Âu bao gồm một số nước. Ngoài ra một số nước vừa và nhỏ khác cũng có thể trở thành các cực của hệ thống QHQT tương lai đó" ⁽²⁾. Song, H. Kit-xinh-giơ cũng cho rằng hiện nay không có nước lớn nào trên thế giới - những nước sẽ phải xây dựng trật tự thế giới mới - có được một chút kinh nghiệm nhỏ cho việc tồn tại trong hệ thống đa cực, đa quốc gia rất đặc thù cả về tính chất và quy mô như hệ thống đang được hình thành sau chiến tranh lạnh.

Thế giới 7 nền văn minh xung đột với nhau là quan điểm của S. Hãn-tinh-ton được thể hiện trong cuốn "Sự xung đột của các nền văn minh" xuất bản năm 1996. Bảy nền văn minh đó là : Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, đạo Hồi, đạo Chính thống, Mỹ La-tinh và châu Phi. S. Hãn-tinh-ton nhìn thấy ở đó nguồn gốc của các xung đột trong QHQT tương lai, cũng như những tiền đề thực tế để hình thành các trung tâm sức mạnh, các cực ảnh hưởng mới trên trường quốc tế, và chúng tất yếu xung khắc, đối chọi với nhau. Còn khi nói về hệ thống QHQT "sau Liên Xô", thì trong một bài báo đăng trên tờ "Foreign Affairs" tháng 3-4-1999, S. Hãn-tinh-ton cho rằng đó là một hệ thống lai tạp giữa tính một cực và tính đa cực, nghĩa là một trật tự thế giới chưa rõ hình thù.

Mô hình thế giới 3 cực do Ch. Cáp-san, giáo sư Trường đại học Tổng hợp Gioéc-giơ-tao (Mỹ)

đưa ra. Ba cực đó là : Bắc Mỹ do Mỹ đứng đầu, châu Âu với các nước dẫn đầu là Đức và Pháp, Đông Á do Trung Quốc và Nhật Bản đứng đầu. Ch. Cáp-san xác định mô hình này là mô hình "tính một cực khu vực". Ông cho rằng trong khuôn khổ một cực khu vực, tất cả các thành viên của nó, kể cả nước dẫn đầu sẽ phải phối hợp chính sách đối ngoại với nhau, và điều này sẽ không cho phép bất cứ nước nào trong số những nước dẫn đầu khu vực trở thành nước bá quyền, phá hoại sự đồng thuận chính trị và thi hành chính sách không ai kiểm soát được. Như vậy, Ch. Cáp-san đã sử dụng ý tưởng xây dựng một số cực sức mạnh thay vì một cực, song vẫn duy trì cả ý tưởng cần củng cố khối NATO lẫn ý tưởng Mỹ kiểm soát các quá trình đang diễn ra trên thế giới và ý tưởng trung lập hóa nước Nga ngay cả ở cấp khu vực.

Thế giới của các vòng tròn đồng tâm là quan điểm của các nhà lý luận thuộc Viện Nghiên cứu chiến lược quốc gia Mỹ. Theo họ, các QHQT tương lai sẽ được xây dựng theo cấu trúc như sau :

Vòng tròn ở tâm, *hạt nhân* của hệ thống các QHQT hiện đại là "các quốc gia nòng cốt", những quốc gia đại diện cho "các xã hội dân chủ phát triển cao", "các nền dân chủ thịnh vượng" mà Mỹ là nước đứng đầu, hay là "hạt nhân của hạt nhân". Đó là các nước EU và Nhật Bản, những nước chỉ chiếm 1/5 dân số thế giới, nhưng chiếm tới 4/5 tiềm lực kinh tế thế giới, là những nước có thể chia sẻ với Mỹ gánh nặng của việc củng cố và mở rộng "khu vực nòng cốt".

Vành khuyên thứ nhất tiếp giáp với "hạt nhân" là các nước được gọi là "các quốc gia chuyển đổi". Đó là các nước Đông Âu, Mỹ La-tinh và Đông - Nam Á. Tuy ở Trung Quốc, Nga và Ấn Độ cũng đang diễn ra "quá trình chuyển đổi", nhưng các nước này chưa được xếp vào vị trí "các quốc gia chuyển đổi".

(2) Dẫn theo bản dịch của tạp chí Mỹ - *Kinh tế, chính trị, tư tưởng*, số 6-1997, tr 106 (tiếng Nga)

Vành khuyên thứ hai là các nước bị coi như "các quốc gia nổi loạn", tức là "những nước phủ nhận vai trò chủ đạo của các nước nòng cốt, và khi có phương tiện và khả năng là sẵn sàng xâm hại lợi ích của Mỹ và các quốc gia nòng cốt" ⁽³⁾ I-rắc, I-ran, Li-bi, Nam Tư, Bắc Triều Tiên, Cu-ba là những nước như vậy.

Vành khuyên ngoài cùng của mô hình trên thuộc về những nước được gọi là "các nước thất bại", những nước mà giới cầm quyền ở đó không có khả năng thiết lập trên lãnh thổ của đất nước mình dù chỉ một cái gì đó na ná như trật tự xã hội cũng như không thể bảo đảm những nhu cầu sơ đẳng nhất cho công dân của mình. Xô-ma-li, Ru-an-đa, Li-bê-ri-a, Xi-ê-ra Lê-ôn và một loạt nước khác (không chỉ ở châu Phi) thuộc vào hàng "các nước thất bại" đó.

Một số mô hình "trật tự thế giới đa cực" trên đây tuy có những điểm khác nhau cả về hình thức lẫn nội dung, đều xuất phát từ việc thừa nhận khả năng xuất hiện các cực hay các trung tâm sức mạnh, trung tâm ảnh hưởng trên trường quốc tế, trong đó có những cực có thể thực hiện chính sách không phụ thuộc vào Mỹ và các đồng minh thuộc "nền văn minh phương Tây" của Mỹ. Nhìn chung, những mô hình trật tự đa cực này có không ít khiếm khuyết, ít nhiều mang tính chất chủ quan và chịu ảnh hưởng của thế giới quan phương Tây. Họ đặt trọng tâm của hệ thống vào Mỹ, vào các nước tư bản chủ nghĩa phát triển hay các nước lớn. Vị trí của các nước vừa và nhỏ, các nước đang phát triển chưa được xác định hoặc xác định không đúng chỗ trong các trật tự đa cực nêu trên, trong khi tỷ trọng và vai trò của những nước này đã tăng lên đáng kể trong cục diện thế giới sau chiến tranh lạnh. Đặc biệt, các chủ thể QHQT như các nước xã hội chủ nghĩa hay các tổ chức phi chính phủ, các công ty xuyên quốc gia,... chẳng hề được đề cập tới trong các mô hình trật tự đa cực nêu trên, trong khi đời sống chính trị thế giới đã, đang và sẽ còn chịu ảnh hưởng rất lớn của các chủ thể này. Ngoài ra, các tác giả của

những mô hình đa cực nói trên chưa đưa ra những điều kiện hay biện pháp khả thi để thiết lập các mô hình đó trên thực tế. Đó là chưa nói đến những mô hình đa cực song thực chất chỉ là biến thể của mô hình đơn cực mà thôi, mà mô hình do Viện Nghiên cứu chiến lược quốc gia Mỹ đưa ra là một ví dụ điển hình.

"Thế giới các vòng tròn đồng tâm", hay "Trật tự thế giới đơn cực" ?

Mô hình các QHQT tương lai "Thế giới các vòng tròn đồng tâm" về thực chất chẳng khác mấy mô hình trật tự thế giới đơn cực hay trật tự thế giới đa trung tâm mà Mỹ luôn luôn ở đỉnh chóp, là trật tự mà giới cầm quyền Mỹ và các chính trị gia đồng quan điểm đã và đang ra sức cổ xúy và cố gắng thực hiện. Họ đưa ra nhiều lập luận, nhiều lý lẽ để chứng minh rằng thế giới sau chiến tranh lạnh đang vận hành dưới sự điều khiển, "lãnh đạo" của Mỹ. Z. Brê-din-xki sau khi nhận định rằng Mỹ đang ở "vị trí tối cao" trên bốn lĩnh vực quyền lực thế giới (quân sự, kinh tế, công nghệ, văn hóa), đã khẳng định rằng : "Quyền lực toàn cầu của Mỹ được thực hiện thông qua hệ thống toàn cầu của mô hình đặc biệt kiểu Mỹ, phản ánh kinh nghiệm trong nước của Mỹ"⁽⁴⁾. Ông ta rất tán thưởng lời khẳng định của Hân-tinh-ton : "Một thế giới không có Mỹ đứng đầu sẽ là một thế giới đầy bạo động và lộn xộn, ít dân chủ và ít tăng trưởng kinh tế hơn là một thế giới mà ở đó Mỹ tiếp tục có nhiều ảnh hưởng hơn bất kỳ nước nào khác trong việc định hình công việc thế giới. Giữ vững quyền đứng đầu thế giới của Mỹ là chính yếu đối với phúc lợi và an ninh của Mỹ và tương lai của tự do, dân chủ kinh tế mở cửa và trật tự quốc tế trên thế giới này" ⁽⁵⁾.

(3) Khô-din G. Toàn cầu hóa các QHQT : Xu thế khách quan hay là chiến lược của Mỹ. Tạp chí Mỹ và Ca-na-đa - Kinh tế, chính trị, văn hóa, số 1-2000, tr 74 (tiếng Nga)

(4) Z. Brê-din-xki : *Bàn cờ lớn*, Nxb Chính trị quốc gia, H. 1999, tr 30

(5) Z. Brê-din-xki : *Sdd*, tr 38 - 39

Nhưng những tài liệu đáng chú ý nhất, thể hiện quan điểm chính thống và công khai về vai trò lãnh đạo thế giới của Mỹ là các bản "Chiến lược an ninh quốc gia" được Tổng thống Mỹ công bố, điều chỉnh hàng năm. Mục tiêu xuyên suốt, không thay đổi trong tất cả các chiến lược toàn cầu sau chiến tranh lạnh của Mỹ là duy trì, củng cố vị thế siêu cường thế giới duy nhất và vai trò lãnh đạo, bá chủ thế giới của mình. Giới cầm quyền Mỹ và các lý luận gia đồng quan điểm luôn khẳng định rằng Mỹ có quyền và có khả năng thực hiện vai trò lãnh đạo thế giới. Chiến lược an ninh quốc gia công bố năm 1998 ghi : "Địa vị lãnh đạo của Mỹ là nhân tố quyết định trong việc ký kết một loạt hiệp định làm cho thế giới trở nên ổn định và an ninh hơn... Không có được địa vị lãnh đạo và sự tham gia của chúng ta thì nguy cơ sẽ nhân lên, còn khả năng của chúng ta sẽ giảm đi. Sức mạnh của các tư tưởng và giá trị tự do là cơ sở cho địa vị lãnh đạo thế giới của Mỹ" ⁽⁶⁾. Còn "Chiến lược an ninh quốc gia cho thế kỷ mới" công bố tháng 12-1999 kết luận : "Kỷ nguyên đương đại đã được định hình do sự lãnh đạo kiên định của Mỹ hơn nửa thế kỷ qua - bằng các nỗ lực như kế hoạch Mac-san, NATO, các quan hệ an ninh ở châu Á, Liên hợp quốc, Quỹ tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới... Suy cho cùng, sự lãnh đạo quốc tế của chúng ta được xác lập dựa trên sức mạnh của các lý tưởng và giá trị dân chủ" ⁽⁷⁾ v.v..

Khi phô trương tính không thể thay thế của Mỹ trong nền chính trị- an ninh thế giới, chính giới Mỹ cũng như các lý luận gia đồng quan điểm hướng tới mục tiêu củng cố vị thế siêu cường thế giới, đặc biệt là mục tiêu đáp ứng tối đa lợi ích quốc gia của Mỹ. Cũng cần nói thêm là những năm gần đây, họ nói nhiều hơn về "một trật tự thế giới công bằng" trong tương lai, về bước chuyển của cộng đồng quốc tế sang mô hình phát triển bền vững, về sự cần thiết phải tôn trọng quyền con người ở khắp nơi trên trái đất này, v.v.. Đặc biệt, sau sự kiện 11-9, động thái đối ngoại của Mỹ có những điều chỉnh theo hướng có vẻ mềm

dẻo hơn. Vậy phải chăng chính giới Mỹ đã thay đổi quan điểm, thật sự mong muốn cùng cộng đồng quốc tế xây dựng một trật tự thế giới công bằng, bình đẳng, hợp lý, tạo điều kiện và cơ hội cho mọi người, mọi quốc gia - dân tộc lớn nhỏ, mạnh yếu, khác biệt trong đa dạng bản sắc văn hóa dân tộc và ngôn ngữ, cùng phát triển ?

Có thể dễ dàng đưa ra những bằng chứng cho câu trả lời phủ định. Trong hoạt động đối ngoại của các chính quyền Mỹ sau chiến tranh lạnh, có quá nhiều những biểu hiện của chính sách cường quyền, bá quyền, chính sách dùng vũ lực để thiết lập "Pax Americana" (Hòa bình kiểu Mỹ), để áp đặt luật lệ, chuẩn tắc, giá trị Mỹ lên các nước khác. Thái độ ngạo mạn của Mỹ thể hiện trong nhiều công việc quốc tế, như rút khỏi Nghị định thư Ky-ô-tô, Hiệp ước về hệ thống phòng thủ chống tên lửa đạn đạo (ABM) ; không phê chuẩn Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện (CTBT), thậm chí mới đây còn công khai tuyên bố sẽ nối lại các vụ thử hạt nhân, v.v.. Chính sách đối ngoại cường quyền của Mỹ không chỉ thể hiện trong quan hệ với những nước mà Mỹ cho là "Nhà nước cứng đầu" như I-rắc, Nam Tư, mà còn với cả những nước lớn trong cộng đồng quốc tế. Có thể nói chưa bao giờ vai trò "sen đầm quốc tế" của Mỹ thể hiện rõ nét như thời kỳ từ sau khi Liên Xô tan rã. Dường như các nhà tư tưởng, nhà chính trị thực tiễn Mỹ chẳng mấy bận tâm đến phản ứng của cộng đồng quốc tế trước nhiều hành động ngang ngược của Mỹ trên trường quốc tế. Người ta những tưởng sau sự kiện 11-9, giới cầm quyền Mỹ sẽ phải xem xét lại một cách nghiêm túc chính sách đối ngoại gây quá nhiều bất bình cho cộng đồng quốc tế. Nhưng đã nhiều tháng sau sự kiện này, thực tế không có thay đổi cơ bản nào trong chính sách đối ngoại của Mỹ,

(Xem tiếp trang 63)

(6) Thông tấn xã Việt Nam : *Tài liệu tham khảo*, số 4-1999, tr 9

(7) Văn phòng Nhà trắng : *Chiến lược an ninh quốc gia cho thế kỷ mới*, Nhà trắng, tháng 12-1999, tr 34

NGÀY 29-3, để trả đũa các vụ đánh bom liều chết của những phần tử quá khích thuộc các nhóm vũ trang Pa-le-xtin, quân đội I-xra-en đã tràn quân vào thành phố Ra-ma-la thuộc khu vực Bờ Tây, 200 xe tăng cùng hàng nghìn lính thiện chiến đã chiếm toàn bộ thành phố và bao vây trụ sở của Tổng thống A-ra-phát.

Cuối ngày 31-3, sau phiên họp nội các, Thủ tướng I-xra-en, ông A. Sa-rôn đã chính thức tuyên bố I-xra-en đang trong tình trạng chiến tranh và gọi đây là cuộc "chiến tranh chống khủng bố".

Rạng sáng ngày 1-4, chiến tranh đã thực sự nổ ra, quân đội I-xra-en ồ ạt tiến công các vùng lãnh thổ của Pa-le-xtin. Khoảng 60 xe tăng và xe bọc thép của I-xra-en đã tiến vào chiếm thành phố Ca-ki-li-a, thành phố Bet-lê-hem, và thành phố Tu-ca-rem ngay gần đó cũng bị đánh chiếm. Theo người phát ngôn của quân đội I-xra-en thì chiến dịch "Bức tường tự vệ" mà họ đang tiến hành, nhằm mục tiêu hạn chế đến mức tối đa sự xâm nhập của các phần tử quá khích Pa-le-xtin, đồng thời "phá hủy cơ sở của bọn khủng bố".

Trung Đông qua cách nhìn của chính quyền I-xra-en.

Thủ tướng Sa-rôn phát biểu trên truyền hình "Đất nước I-xra-en đang trong tình trạng chiến tranh, đây là một cuộc chiến tranh chống khủng bố. Chúng ta phải chiến đấu chống bọn khủng bố này trong một cuộc chiến không khoan nhượng nhằm triệt tận gốc những hành động dã man tàn bạo, phá hủy các cơ sở hạ tầng của chúng, bởi vì chúng ta không thể thỏa hiệp với những kẻ khủng bố". Ông Sa-rôn coi A-ra-phát là người "đã phát động, phối hợp và chỉ huy" chiến dịch chống I-xra-en. Và Thủ tướng Sa-rôn khẳng định rằng chiến dịch này sẽ kéo

dài ít nhất trong nhiều tuần và I-xra-en sẽ chiến thắng.

Văn phòng báo chí của Chính phủ I-xra-en đã ban bố lệnh đặt thành phố Ra-ma-la -trung tâm chính trị và kinh tế của Pa-le-xtin là "Khu quân sự khép kín" và ra lệnh người nước ngoài, giới báo chí rời khỏi khu vực này (!). Sáng ngày 31-3, ông Ghi-đê-ôn May, người phát ngôn của Chính phủ I-xra-en nói với hãng CNN rằng "Chính phủ I-xra-en chỉ có một mục tiêu và đó là cô lập A-ra-phát".

Dưới con mắt của ông Sa-rôn, Tổng thống A-ra-phát là "kẻ thù" và là "người lãnh đạo liên minh khủng bố" - một địch thủ mà ông ta muốn đẩy ra lề trong nhiều năm trước đây, nhưng không thành.

TRUNG ĐÔNG KHỎI LỬA VÀ NHỮNG CÁCH NHÌN

VÔ THỦ PHƯƠNG

Trung Đông nhìn từ phía Ban lãnh đạo Pa-le-xtin.

Mặc dù bị bao vây vòng trong, vòng ngoài, bị cắt hết nguồn cung cấp nước uống, lương thực, điện và điện thoại, trong một cuộc phỏng vấn dưới ánh nến tại trụ sở của mình, ngày 30-3, Tổng thống A-ra-phát vẫn tuyên bố mạnh mẽ, rằng sẽ chẳng bao giờ đầu hàng, rằng ông sẽ chiến đấu đến cùng và sẵn sàng trở thành "một chiến binh tử vì đạo". Ông kêu gọi thế giới ngăn chặn ngay cuộc tấn công của I-xra-en vào nhân dân Pa-le-xtin. Ngay trước khi nổ ra chiến tranh, trong một cuộc trả lời phỏng vấn báo "Đất nước" (Tây Ban Nha), ông A-ra-phát nói "Hiện nay dân tộc chúng tôi là dân tộc duy nhất trên thế giới còn nằm dưới sự chiếm đóng của nước ngoài. Điều này liệu thế

giới có chấp nhận được hay không ?" Và ông khẳng định "Ý chí đoàn kết của nhân dân Pa-le-xtin nhằm giành cho được những quyền lợi của mình là không gì có thể bẻ gãy nổi".

Ngày 30-3, phong trào Pha-ta của Pa-le-xtin, đã kêu gọi "mọi tổ chức Hồi giáo hãy tấn công và tăng cường tấn công chống lại các lực lượng chiếm đóng và những người định cư". Nhóm này cảnh báo Ten A-víp rằng "nếu có điều gì (không hay) xảy ra cho ông A-ra-phát thì sự cân bằng trong toàn vùng sẽ bị phá vỡ". Bộ trưởng Quốc phòng Pa-le-xtin, ông A-bet Ra-bu vạch rõ rằng nước cờ của Thủ tướng Sa-rôn hòng hãm hại Tổng thống A-ra-phát là cực kỳ hung hiểm trong một kế hoạch nguy hiểm.

Cái nhìn từ phía quốc tế và Liên hợp quốc.

Ngay trước khi I-xra-en tuyên bố phát động chiến tranh, các nhà lãnh đạo của nhiều nước trên thế giới đã gia tăng sức ép buộc I-xra-en chấm dứt chiến dịch quân sự và hành động bao vây Tổng thống A-ra-phát. Nhiều cuộc biểu tình hàng ngàn, hàng vạn người đã diễn ra tại nhiều nước phản đối cuộc chiến tranh tàn bạo của I-xra-en. Ngày 31-3, trong thư gửi ông Cô-phi A-nan, Tổng thư ký Liên hợp quốc, Chủ tịch Trần Đức Lương nêu rõ : "Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam cực lực lên án hành động xâm lược này và đòi I-xra-en phải rút ngay quân khỏi thành phố Ra-ma-la và các vùng lãnh thổ khác của Pa-le-xtin, chấm dứt ngay việc phong tỏa trụ sở làm việc của Tổng thống Y. A-ra-phát, phải bảo đảm an toàn tính mạng cho Tổng thống A-ra-phát và những người cộng sự của ông". Trung Quốc, Thụy Điển, Thổ Nhĩ Kỳ, I-ta-li-a, Nam Phi, Đức và các nước A Rập ... đã ra tuyên bố lên án chiến dịch quân sự của I-xra-en và khẳng định đó là hành động "không thể chấp nhận được". Bộ trưởng Ngoại giao Nga I. I-va-nốp bày tỏ sự lo ngại sâu sắc về tình hình Trung Đông và phản đối chính sách của I-xra-en cô lập Tổng thống A-ra-phát. Đại sứ I-xra-en đã được triệu đến Bộ Ngoại giao Pháp và phía Pháp đã

yêu cầu I-xra-en tuân thủ Nghị quyết 1402 của Liên hợp quốc thông qua ngày 30-3, cũng như đòi I-xra-en rút quân khỏi khu vực trụ sở của ông A-ra-phát tại Ra-ma-la.

Tổng thư ký Liên hợp quốc, ông Cô-phi A-nan, trong phiên họp Hội đồng bảo an ngày 29-3 vừa qua, đã phân tích các cuộc tấn công liều chết của các phần tử quá khích vào một số nơi công cộng ở I-xra-en như sau : "Mục tiêu của các cuộc tấn công này là phá hoại mọi giải pháp hòa bình". Thật vậy, các tổ chức Hồi giáo cực đoan như Ha-mat, Hec-bô-la và Ghi-hat luôn có những hoạt động ngăn cản tiến trình hòa bình Trung Đông. Kể từ năm 1993, thời điểm Hiệp định hòa bình Ô-xlô được ký kết, mỗi khi hai phía Pa-le-xtin và I-xra-en tiến gần đến một thỏa thuận tích cực là lại vang lên tiếng bom hay tên lửa của các nhóm vũ trang này. Nhà nước của ông A-ra-phát đã từng bắt giữ các phần tử của nhóm này, tuy nhiên cũng phải thấy rằng ông A-ra-phát không đủ lực lượng để giải quyết vấn đề này một cách triệt để. Và, phía I-xra-en lại có cơ để lấn tới... Hiểu rõ bối cảnh Trung Đông, hiểu rõ rằng việc I-xra-en đổ trách nhiệm về các vụ tấn công của các nhóm vũ trang quá khích lên đầu ông A-ra-phát là không có lý, ông Cô-phi A-nan đã khẳng định trong phiên họp 29-3 rằng "I-xra-en phải chấm dứt cuộc tấn công. Hủy diệt cơ quan quyền lực của Pa-le-xtin sẽ không đưa I-xra-en đến gần với hòa bình".

Cái nhìn từ nước Mỹ.

Trong khi cả thế giới lên án cuộc leo thang quân sự của I-xra-en thì Mỹ lại có thái độ rất mập mờ nhưng thực ra là đứng về phía I-xra-en. Tổng thống G. Bu-sơ ủng hộ quyền tự vệ (hay xâm lược ?) của I-xra-en chống lại các cuộc tấn công của người Pa-le-xtin, và cho rằng ông A-ra-phát phải "làm nhiều hơn nữa" để chặn đứng các cuộc tấn công như vậy. Trong bài phát biểu tại bang Têch-dát, ông G. Bu-sơ nói : "A-ra-phát phải chứng minh rõ rằng chính quyền Pa-le-xtin không ủng hộ, và phải sử dụng lực lượng an ninh của mình để ngăn chặn những hành động khủng bố này".

Ông cũng nói "hoàn toàn hiểu nhu cầu tự vệ" của I-xra-en nhưng thúc giục họ phải bảo đảm rằng không cản trở "con đường dẫn tới hòa bình". Dưới sức ép của cộng đồng quốc tế, ngày 5-4 vừa qua, Tổng thống G.Bu-sơ đã cử đặc phái viên An-tô-ni Din-ni và tiếp theo đó là cử Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ C.Pao-oen đến Trung Đông để tìm kiếm những giải pháp nhằm đi tới ngừng bắn dựa trên những kế hoạch của Mỹ. Tuy nhiên, ngay cả những động thái đó cũng vì lợi ích của Mỹ và của I-xra-en, ít vì lợi ích của nhân dân Pa-le-xtin.

Một số chính khách và quan chức Mỹ cho rằng Tổng thống G. Bu-sơ đang lúng túng. Ông Z. Brê-din-xki, Cố vấn an ninh của cựu Tổng thống J. Ca-tơ, nói với CNN : "qua những gì chúng ta đang nghe, có thể thấy là Mỹ đang thiếu định hướng". Thượng nghị sỹ J. Li-be-man khẳng định : "tôi phải nói rằng trong hai tuần qua, chính sách của chính quyền G. Bu-sơ đang thiếu nhất quán"... Cũng có thể ông G. Bu-sơ lúng túng, nhưng cũng có thể đây là sự lúng túng cố ý !

Trung Đông trong con mắt những người dân I-xra-en và Pa-le-xtin.

Trong vòng 18 tháng qua, tại Trung Đông đã có hơn 1 640 người thiệt mạng. Trong khi người dân Pa-le-xtin đang khốn đốn trong vòng vây của binh lính I-xra-en, thì người I-xra-en cũng đang sống trong nỗi lo sợ. Những vụ đánh bom liều chết vẫn không ngừng xảy ra. Những cuộc thăm dò ý kiến gần đây cho thấy 75% số người được hỏi không đồng ý với cách thức giải quyết vấn đề an ninh hiện nay của Thủ tướng Sa-rôn. Chính những quan điểm hiếu chiến của chính quyền I-xra-en hiện nay đã đẩy nhân dân cả hai nước đến tình trạng là nỗi lo sợ bao trùm. Dân thường sẽ được gì trong cuộc chiến vô nghĩa này ? Chết chóc, mất mát, ly tán, và bất hạnh là những điều luôn rình rập họ. Vậy nên, trong con mắt nhân dân Pa-le-xtin và I-xra-en thì cuộc chiến tranh này chỉ mang đến cho họ những điều tồi tệ nhất. □

TRẬT TỰ NÀO...

(Tiếp theo trang 60)

nó chỉ được điều chỉnh theo hướng thực dụng hơn, tinh vi hơn. Vẫn như trước đây, giới cầm quyền Mỹ luôn sử dụng sức mạnh của Mỹ, lợi thế của Mỹ làm biến dạng các QHQT, thiết lập trật tự thế giới phục vụ cho lợi ích của Mỹ, của một số lượng nhỏ các quốc gia đồng minh thân cận đang được hưởng những điều kiện thuận lợi. Do vậy, chiến lược toàn cầu sau chiến tranh lạnh của Mỹ chẳng những không làm cho thế giới trở nên ổn định, an ninh và dân chủ hơn, mà còn làm cho tình hình thế giới phức tạp hơn, căng thẳng hơn, làm trầm trọng thêm các nguy cơ bùng phát xung đột và chạy đua vũ trang ở các nước, các khu vực khác nhau.

Nhiều nước phản đối trật tự thế giới bá quyền của Mỹ, song chưa hẳn đã đồng tình, ủng hộ các mô hình trật tự đa cực được nêu ở trên. Không riêng gì Việt Nam, mà nhiều nước lớn nhỏ khác trong cộng đồng quốc tế không thể chấp nhận trật tự thế giới do một nước hoặc một nhóm nước thao túng phục vụ cho lợi ích của họ, bất chấp lợi ích chính đáng của các nước khác, hơn thế nữa, còn bất thể giới quy phục họ, tuân theo quy tắc hành xử của họ. Chúng ta cũng không thể chấp nhận cách nhìn nhận về các nước đang phát triển như của nhóm tác giả "Thế giới các vòng tròn đồng tâm" bởi thái độ kẻ cả, trịch thượng của kẻ mạnh biểu hiện trong đó, nhất là bởi cung cách đối xử với những nước này trong thực tiễn quan hệ đối ngoại của "các nền văn minh có trọng trách". Chúng ta hợp tác và đấu tranh cho một trật tự thế giới công bằng, dân chủ, tạo điều kiện và cơ hội cho mọi quốc gia - dân tộc lớn nhỏ, mạnh yếu cùng phát triển, cùng được tôn trọng. Song do tác động của các nhân tố chủ quan và khách quan hiện nay trên trường quốc tế, một trật tự đa cực như vậy chưa thể sớm được xác lập. Nó đòi hỏi một quá trình hợp tác và đấu tranh lâu dài, gian khổ của tất cả các nước, trước hết là các nước đang phát triển. □

TỈNH ỦY HẢI DƯƠNG TỔNG KẾT CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

Vừa qua, tại thành phố Hải Dương, Tỉnh ủy Hải Dương đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng và biểu dương các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh năm 2001. Dự Hội nghị có đồng chí Nguyễn Văn Chiển, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương; các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đại diện các Ban Xây dựng Đảng và một số cơ quan của trung ương, hơn 140 đại biểu, đại diện cho 800 tổ chức cơ sở đảng trong tỉnh Hải Dương.

Đánh giá về công tác xây dựng Đảng, nhất là công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nêu rõ: Năm 2001, tỉnh Hải Dương có 800 (100%) tổ chức cơ sở đảng, 14/16 (87,5%) đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy đăng ký xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Cùng với việc lãnh đạo tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng đảng đã được thực hiện nghiêm túc, tạo ra những chuyển biến rõ nét và đã đạt được những kết quả thiết thực:

- Các cấp ủy đảng, các tổ chức cơ sở đảng đã triển khai tốt việc quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, đảm bảo chất lượng, thời gian, tỷ lệ đảng viên tham gia; đã xây dựng chương trình hành động, sát thực với tình hình nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị trên tất cả các lĩnh vực: phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII, tổ chức tổng kết, đánh giá những kết quả đã đạt được trong 2 năm, rút ra những tồn tại, yếu kém và kinh nghiệm, đưa công tác tự phê bình và phê bình trong Đảng trở thành sinh hoạt thường xuyên trong các tổ chức đảng.

- Đã bổ sung hoàn chỉnh và thực hiện tốt các quy chế về công tác cán bộ, thực hiện nền nếp quy trình đánh giá, bổ nhiệm, đề bạt, miễn nhiệm cán bộ, chú trọng đến công tác quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Tỉnh ủy đã tiến hành tổng kết 4 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Công tác quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ cho đảng viên, phát triển đảng viên mới, từng bước nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng đã được các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở quan tâm và tìm giải pháp thực hiện để đạt kết quả cao. Trong 140 tổ chức cơ sở đảng có thành tích tiêu biểu trong phong trào xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh được tặng bằng khen, Tỉnh ủy Hải Dương đã tặng cờ cho 6 đơn vị giữ vững danh hiệu "Tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh" trong 5 năm liên tục.

Sau khi thảo luận, Hội nghị đã nhất trí lựa chọn một số khâu trọng điểm để tập trung giải quyết tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương trong thời gian tới là:

- Đảm bảo việc rà soát, kiểm toàn, củng cố tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh gọn nhẹ, khoa học, nâng cao hiệu lực quản lý, hiệu quả hoạt động, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, từng bước thực hiện "một cửa" trên tất cả các lĩnh vực, trước hết sẽ làm thí điểm đối với một số ngành và một số lĩnh vực như: cấp phát ngân sách, xây dựng cơ bản, nhà đất, cấp giấy phép kinh doanh.

- Thực hiện đề án "Xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới". Đây là đề án tiếp tục cụ thể hóa và thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về Chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt là triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về đổi mới nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị cơ sở. Điểm mới của đề án là xây dựng kế hoạch và đẩy mạnh thực hiện việc luân chuyển cán bộ trong toàn tỉnh trong thời gian tới ở các cấp, các ngành, đoàn thể.

- Tiếp tục tìm biện pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt của tổ chức đảng, trước hết là các chi bộ, chú trọng đến chi bộ các cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp. Thực hiện tốt công tác phân công nhiệm vụ cụ thể cho đảng viên, quản lý và đánh giá, phân tích chất lượng đảng viên. Tăng cường hơn nữa công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên, nâng cao nhận thức và bản lĩnh chính trị, ý thức cảnh giác cách mạng, thực hiện thường xuyên việc tự phê bình và phê bình trong Đảng. Mặt khác phải tập trung xử lý, giải quyết, củng cố các cơ sở đảng yếu kém, nhất là giải quyết dứt điểm việc khiếu kiện kéo dài và vấn đề nổi cộm ở một số xã.

Thời gian tới, tiếp tục coi công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt trong mọi hoạt động của tổ chức đảng trên tất cả các lĩnh vực: phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng, củng cố đảng, chính quyền và đoàn thể của cơ quan, đơn vị. □



BƯU ĐIỆN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

ĐỊA CHỈ: SỐ 5 NGUYỄN TRI PHƯƠNG - HẢI PHÒNG

ĐT: 031.530788 * FAX: 031.822678

GIÁM ĐỐC: TRỊNH QUANG TẮC



Đặc biệt, các chỉ tiêu chủ yếu trong sản xuất kinh doanh và phục vụ có hiệu quả đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch, với tỷ lệ cao so với kế hoạch giao và về đích sớm trước thời gian 40 ngày.

Năm 2001 Đảng bộ Bưu Điện Hải Phòng đã kết nạp được 36 Đảng viên mới; 100% các chỉ bộ Đảng được công nhận trong sạch vững mạnh. Các chỉ bộ Bưu điện Quận, Huyện được Thành Ủy Hải Phòng quyết định về sinh hoạt theo doanh nghiệp trực thuộc Đảng bộ Bưu Điện Hải Phòng, sau 2 năm các chỉ bộ Bưu điện Quận, Huyện vẫn duy trì quan hệ và phối hợp với các Quận Ủy, Huyện Ủy để phục vụ thông tin tốt trên địa bàn.

Năm 2002, Bưu Điện Thành phố Hải Phòng phấn đấu đạt tổng doanh thu 360 tỷ đồng tăng 12% so với doanh thu thực hiện 2001. Phát triển 39.000 máy, trong đó có 14.000 máy di động trả trước, 22.000 máy điện thoại cố định 500 thuê bao Internet, phấn đấu đến cuối năm 2002 đạt mật độ bình quân trong toàn thành phố từ 9-10 máy/100 dân. Phát hành trên 10 triệu tờ báo, 335 loại ấn phẩm PHBC tăng 3,5%, cùng với các dịch vụ Bưu chính - Viễn thông, phấn đấu tăng từ 2% đến 12% so với năm 2001.

Ngày trong quý I/2002 Bưu Điện Thành phố Hải Phòng đã hoàn thành doanh thu đạt 80 tỷ đồng bằng 113,8% so với cùng kỳ năm 2001 và phát triển 9.000 máy điện thoại tăng 107,14% so với quý I/2001. Vào ngày thành lập Đảng 3/2/2002 Đảng bộ đã kết nạp được 13 Đảng viên mới. Với khí thế hào hứng và sự khởi đầu thành công đó, Đảng bộ và toàn thể CBCNV ngành Bưu Điện Hải Phòng sẽ thi đua phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao.

Năm 2001 - năm mở đầu thiên niên kỷ mới vừa khép lại với những dấu ấn và mốc son quan trọng, ghi nhận sự cố gắng quyết tâm cao của cán bộ, đảng viên, CNVC trong toàn Bưu điện Thành phố Hải Phòng đã vượt qua khó khăn thách thức và đã giành được những thành tích nổi bật, có nghĩa rất quan trọng trong công tác xây dựng Đảng và phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao. Những kết quả và thành tích rất đáng khích lệ và phấn khởi đó là:

- Tổng doanh thu đạt 311,5 tỷ/275 tỷ = 114%, tăng 20% so với năm 2000 và vượt 14% kế hoạch giao.

Trong đó:

+ Chỉ tiêu nộp điều tiết toàn ngành đạt 100 tỷ, tăng 4 lần so với năm 2000.

+ Chỉ tiêu nộp ngân sách Trung ương đạt 23,5 tỷ, bằng 100% KH.

+ Chỉ tiêu nộp ngân sách Thành phố đạt 12,5 tỷ, tăng 4 tỷ so với năm 2000.

+ Năng suất lao động bình quân đạt 265 triệu đồng, vượt 37 triệu đồng/người/năm.

+ Năm 2001, phát triển mới đạt 35.945 máy điện thoại vượt kế hoạch giao 23% và tăng 70% so với năm 2000, nâng tổng số máy trên toàn mạng lên 125.762 máy, đạt mật độ bình quân 7,4 máy/100 dân, vượt 0,9 máy/100 dân so với mục tiêu kế hoạch 2001 đề ra.

Năm 2001 - là năm Đảng bộ và Bưu điện Thành phố được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Thành ủy, của Ban Cán sự Đảng Tổng cục Bưu điện và được sự quan tâm đầu tư và giúp đỡ có hiệu quả của lãnh đạo ngành Bưu điện Việt Nam và lãnh đạo Thành phố, các ban, ngành địa phương, lãnh đạo các quận, huyện, thị trong toàn thành phố Hải Phòng.

Qua một năm thực hiện Nghị Quyết Đại hội Đảng các cấp, Đảng bộ Bưu Điện đã lãnh đạo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao.

CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ BẮC NINH

ĐỊA CHỈ: KHU BÁCH HOÁ - P. TIẾN AN - TX. BẮC NINH * ĐT: (0241) 820205 - 822927

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

1. Quản lý và kinh doanh nhà
2. Xây dựng nhà ở
3. Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng
4. San lấp mặt bằng, xây dựng kỹ thuật hạ tầng
5. Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng
6. Làm đường và xây lắp các công trình thủy lợi



GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐỨC HÌNH



Digitized by Google

CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ SỬA CHỮA ĐƯỜNG ĐỘ 2/0

ĐỊA CHỈ: XÃ DƯƠNG XÁ - GIA LÂM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI: 8276023 - FAX: 8276303

Là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích. Nhiệm vụ của Công ty được giao là quản lý, sửa chữa và tổ chức thu phí giao thông trên hai tuyến Quốc lộ 5 và Quốc lộ 183. Đây là hai tuyến giao thông quan trọng nằm trong vùng tam giác Kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh vừa được Nhà nước đầu tư, nâng cấp hoàn chỉnh. Đặc biệt tuyến đường 5 là Quốc lộ đầu tiên của cả nước đạt tiêu chuẩn cấp I đồng bằng.

Với chức năng và nhiệm vụ được giao công ty luôn phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch hàng năm. Đời sống cán bộ CNV ngày được nâng cao. Công ty rất mong được sự quan tâm của Bộ và sự giúp đỡ của các cấp chính quyền địa phương như: Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, để công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

CÔNG TY ĐƯỜNG QUẢNG BÌNH

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐẠI TRẠCH - HUYỆN BỐ TRẠCH - TỈNH QUẢNG BÌNH

ĐIỆN THOẠI: 052.862 575 - FAX: 052.862 585

Công ty Đường Quảng Bình được thành lập theo Quyết định số 170-BNN/TCCB của Bộ Nông nghiệp và PTNT ký ngày 08 tháng 01 năm 1998. Là doanh nghiệp nhà nước, thành viên của Tổng công ty Mía Đường I. Với mức vốn là: 141.087.000.000 đồng, với dây truyền sản xuất đường mía, công nghệ hiện đại có công suất 1.500 tấn mía cây/ ngày, đã sản xuất đường kính trắng loại 1 theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Công ty đang tiếp tục mở rộng các sản phẩm mới như phân bón vi sinh, gỗ ván dăm được sản xuất từ bùn, bã mía.

Công ty ưu tiên và quan tâm phục vụ thị trường kinh doanh là các tỉnh miền Trung và phương châm chất lượng sản phẩm cao, phục vụ thuận tiện theo mọi yêu cầu của khách hàng.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY
ĐỖ NGỌC QUỲNH

RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH HÀNG

CÔNG TY CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG I HÀ NỘI

HA NOI TRANSPORT CONSTRUCTION COMPANY NOI

ĐỊA CHỈ : SỐ 3 HÒA MÃ - HAI BÀ TRUNG - HÀ NỘI
DIỆN THOẠI : (04) 9.713443 - 9.712608 ; FAX : (84-4) 9.713669

Giám đốc : KS. Phạm Quang Hạnh
Phó giám đốc : KS. Lê Thiện Hòa - Nguyễn Thị Nhã - Nguyễn Mạnh Quỳnh



Đường vào Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam



Phố Nguyễn Chí Thanh do công ty thi công



Dây chuyền thi công cơ giới rải thảm bê tông nhựa nóng



Thi công cống

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHỦ YẾU :

- Quản lý duy tu cơ sở hạ tầng giao thông đô thị.
- San lấp mặt bằng, sửa chữa xây dựng các công trình giao thông, thoát nước, công trình công nghiệp, dân dụng phục vụ nhu cầu xã hội.
- Khảo sát thiết kế công trình giao thông, thoát nước.
- Sản xuất cấu kiện bê tông.
- Khai thác kinh doanh vật tư xây dựng.
- Sửa chữa thiết bị và phương tiện vận tải.
- Vận tải vật tư chuyên ngành.
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống.
- Nhập khẩu trực tiếp thiết bị vật tư chuyên ngành.

CÁC XÍ NGHIỆP TRỰC THUỘC :

♦ XÍ NGHIỆP KHẢO SÁT THIẾT KẾ

Trụ sở : Số 3 Hòa Mã - Hai Bà Trưng - Hà Nội.
 Điện thoại : (04) 9.712623

♦ XÍ NGHIỆP THI CÔNG CƠ GIỚI

Trụ sở : 279 Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội.
 Điện thoại : (04) 8.341135

♦ XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 1

Trụ sở : 279 Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội.
 Điện thoại : (04) 8.341135

♦ XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 3

Trụ sở : Phường Bạch Đằng - Hai Bà Trưng - Hà Nội.
 Điện thoại : (04) 8.210525

♦ XÍ NGHIỆP DUY TRÌ CẦU ĐƯỜNG GIA LÂM

Trụ sở : Thị trấn Sài Đồng - Gia Lâm - Hà Nội.
 Điện thoại : (04) 8.276071

♦ XÍ NGHIỆP DUY TRÌ CẦU ĐƯỜNG ĐÔNG ANH

Trụ sở : Đông Hội - Đông Anh - Hà Nội.
 Điện thoại : (04) 8.832947

♦ XÍ NGHIỆP DUY TRÌ CẦU ĐƯỜNG SÓC SƠN

Trụ sở : Thị trấn Phú Lỗ - Sóc Sơn - Hà Nội.
 Điện thoại : (04) 8.843230

Digitized by Google



TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1

Địa chỉ : Xã Trung Văn - Từ Liêm - Hà Nội

ĐT : 04.854206

Fax : 84 - 4 - 5530553



Hiệu trưởng
TẠ THANH VÂN

Trường cao đẳng xây dựng số 1 được thành lập theo quyết định số 128/1999/QĐ-TTg ngày 28-5-1999 của Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở tiền thân là Trường trung học xây dựng số 1 (thành lập năm 1958)

CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ :

- * Đào tạo cán bộ bậc cao đẳng với các chuyên ngành :
 - Xây dựng dân dụng và công nghiệp
 - Cấp thoát nước và môi trường
 - Kinh tế xây dựng
 - Vật liệu và cấu kiện xây dựng
- * Đào tạo cán bộ trung học kỹ thuật với các chuyên ngành
 - Kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp
 - Thiết kế thi công cấp thoát nước
 - Kế toán

* Đào tạo công nhân bậc 3/7 với các nghề : Nề, mộc, bê tông, lắp đặt điện nước, hàn, sản xuất xi măng, trắc địa, khoan thăm dò...

* Liên kết với các cơ sở sản xuất địa phương, ngành, quân đội... Đào tạo tại chức (đào tạo theo địa chỉ) với các chuyên ngành của trường.

Qua 44 năm phấn đấu xây dựng và trưởng thành, tập thể giáo viên, cán bộ công nhân viên nhà trường đã được Chính phủ tặng : ba Huân chương Lao động hạng 3 trong các năm : 1961, 1976 và 1979, một Huân chương Lao động hạng 2 năm 1998 và nhiều bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ.

Đến nay, nhà trường đã đào tạo được :

30.000 cán bộ trung học kỹ thuật nhiều chuyên ngành.

3.000 công nhân kỹ thuật nhiều ngành nghề.

Hơn 500 cử nhân kinh tế và kỹ sư xây dựng.

Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý xây dựng cho 300 cán bộ các địa phương và quân đội.

CÔNG TY XÂY LẮP ĐIỆN LỰC THANH HÓA

ĐỊA CHỈ : 232 TRƯỜNG THI - THÀNH PHỐ THANH HÓA.

ĐIỆN THOẠI : 037.852393 - 0913293128 ; FAX : 037.853427

Mừng Đảng mừng Xuân Nhâm Ngọ 2002 Công ty Xây lắp Điện lực Thanh Hóa gửi lời cảm ơn các đơn vị Trung ương, địa phương Quý khách hàng đã giúp đỡ đơn vị hoàn thành thắng lợi năm 2001 và rất mong tiếp tục nhận được sự giúp đỡ nhiều hơn nữa trong thời gian tới.

Công ty Xây lắp Điện lực Thanh Hóa là DNNN có đội ngũ cán bộ, kỹ sư giàu kinh nghiệm, có năng lực chuyên môn tốt, công nhân tay nghề cao, được trang bị đầy đủ phương tiện thi công chuyên ngành, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng.

Đã từng thi công các công trình đường dây tải điện đến 220kV, từng phần đường dây 500kV, các trạm biến áp 10/0.4kV ; 35/0.4kV ; 35/10kV kể cả trong và ngoài tỉnh, đảm bảo tiến độ, chất lượng. Năm 2000 được Bộ Xây dựng, Công đoàn Xây dựng Việt Nam tặng huy chương vàng chất lượng cao.

Tư vấn KSTK điện, xây dựng các công trình dân dụng, thủy lợi, giao thông. Nhận hợp đồng mạ nhúng kẽm nóng, gia công lắp đặt các phụ kiện, thiết bị điện phục vụ xây lắp đường dây và trạm biến áp.

Sản xuất các loại cột điện bê tông ly tâm cao hạ thế từ 7,5m + 20m đã được công nhận đạt chất lượng tiêu chuẩn Việt Nam.



Giám đốc
Kỹ sư Nguyễn Đức Đô

Rất mong kính chúc quý khách An khang thịnh vượng



CÔNG TY NÔNG SẢN SẢN XUẤT NHẬP KHẨU CẦN THƠ

CANTHO AGRICULTURAL & ANIMAL PRODUCTS IMEX COMPANY

Trụ sở chính : Số 08 Ngô Hữu Hạnh, Tp Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ

ĐT : 071.821.455 - 071.820.069 - 071.826722 - Fax : 071.820285

E-mail: pkccataco@hcm.vnn.vn



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- ✧ Chăn nuôi gia súc, gia cầm.
- ✧ Chế biến thức ăn gia súc.
- ✧ Chế biến nông sản, thực phẩm.
- ✧ Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, dịch vụ du lịch.
- ✧ Sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh địa ốc.
- ✧ Xây dựng dân dụng và công nghiệp, xây dựng cầu đường, khai thác cát, san lấp mặt bằng.
- ✧ Xuất khẩu nông sản, thủy hải sản chế biến.
- ✧ Nhập khẩu vật tư nông nghiệp, thuốc thú y, phương tiện vận tải, nguyên liệu công nghiệp, hàng tiêu dùng.

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÔNG TY :

1. Xí nghiệp Chế biến thực phẩm xuất khẩu

- Địa chỉ : Khu công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ
- Điện thoại : 071.841289 - 071.841819
- Fax : 071.841116

2. Xí nghiệp Xây dựng và khai thác cát

- Địa chỉ : 148 Đường 3/2, TP Cần Thơ
- Điện thoại : 071.838754
- Fax : 071.840707

3. Xí nghiệp Chăn nuôi Miền Tây

- Địa chỉ : huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ
- Điện thoại : 071.861902

4. XN dịch vụ thương mại và cung ứng hàng XK

- Địa chỉ : 09 đường Trần Hưng Đạo, TP Cần Thơ
- Điện thoại : 071.831660 - 071.831458

5. Khách sạn Cửu Long

- Địa chỉ : 52 Quang Trung, TP Cần Thơ
- Điện thoại : 071.822669 - 071.820300
- Fax : 071.826157

6. Khách sạn Hòa Bình

- Địa chỉ : 05 đại lộ Hòa Bình, TP Cần Thơ
- Điện thoại : 071.820.059 - 071.810221
- Fax : 071.810217

7. Cơ sở sản xuất Phước Thới

- Địa chỉ : Xã Phước Thới, Ô Môn, tỉnh Cần Thơ
- Điện thoại : 071.862221

8. Xí nghiệp Thức ăn chăn nuôi

- Địa chỉ : Khu công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ
- Điện thoại : 071.842491
- Fax: 071.842660

9. Xí nghiệp chế biến thực phẩm Duyên Hải

- Địa chỉ : Khu Cảng cá Láng Chim, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
- Điện thoại : 074.836359
- Fax : 074.836369



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ : 41 LÊ DUẨN - ĐÀ NẴNG

Điện thoại : 0511.822 041 - Fax : 0511. 823 683

Email : relint@dng.vnn.vn



PGS. TSKH

Phan Quang Xương

Giám đốc

Đại học Đà Nẵng

Ra đời ngày 04.4.1994 theo Nghị định số 32/CP của Chính phủ, Đại học Đà Nẵng là một đại học khu vực đa lĩnh vực và có nhiều cấp đào tạo của Việt Nam. Kế thừa những thành quả đạt được trong hơn 20 năm qua của các Trường hợp thành, Đại học Đà Nẵng đang ngày càng phát triển với quy mô lớn hơn phù hợp với những yêu cầu mới của nền kinh tế đất nước.

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG GỒM CÓ 04 TRƯỜNG THÀNH VIÊN :

● TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT

Đào tạo kỹ sư các chuyên ngành : Cơ khí Chế tạo, Cơ khí Động lực, Tự động hóa, Điện Kỹ thuật, Nhiệt - Điện lạnh, Cơ - Điện tử, Tin học, Điện tử Viễn thông, Công nghệ Hóa thực phẩm, Công nghệ Hóa Silicat, Công nghệ Hóa dầu, Công nghệ Điện hóa và Ăn mòn, Công nghệ Sinh học, Công nghệ Môi trường, Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp, Xây dựng Cầu Đường, Xây dựng Thủy lợi và Thủy điện, Kiến trúc, Kinh tế Xây dựng, Sư phạm Kỹ thuật.

Đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ thuộc các lĩnh vực : Động cơ Nhiệt, Kỹ thuật Nhiệt và Máy lạnh, Mạng và Hệ thống điện, Công nghệ Chế tạo máy, Công nghệ Hóa thực phẩm, Thủy lợi - Thủy điện, Súc bền Vật liệu, Công nghệ thông tin.

● TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đào tạo cử nhân đại học các chuyên ngành : Kinh doanh Ngoại thương, Kinh doanh Thương mại, Kinh doanh Du lịch, Kinh doanh Marketing, Quản trị Kinh doanh, Kinh tế Phát triển, Kinh tế Lao động, Kinh tế Công cộng, Kinh tế Chính trị, Thống kê - Tin học, Kế toán, Tài chính - Tín dụng.

Đào tạo cử nhân cao đẳng các chuyên ngành : Kinh doanh Ngoại thương, tin học Quản lí, Kế toán, Ngân hàng, Marketing

Đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ thuộc các lĩnh vực : Kinh tế Nông nghiệp, Kinh tế Công nghiệp, Quản trị Kinh doanh, Kế toán và Phân tích hệ thống.

● TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Đào tạo cử nhân sư phạm các chuyên ngành : Toán - Tin, Vật lý, Hóa học, Sinh - Môi trường, Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Giáo dục Chính trị.

Đào tạo cử nhân khoa học các chuyên ngành : Toán - Tin, Sinh - Môi trường, Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung.

Đào tạo cử nhân cao đẳng các chuyên ngành : Toán - Tin, Lý - Kỹ thuật công nghiệp, Hóa - Kỹ thuật phổ thông, Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp, Thể dục - Sinh, Văn - Giáo dục công dân, Sử - Địa, Địa - Sử, Tiếng Anh, Nhạc - Đoàn Đội, Cao đẳng Tiểu học, Cao đẳng Mầm non.

Đào tạo thạc sĩ các lĩnh vực : Tiếng Anh, Hóa học hữu cơ, Quản lý giáo dục.

● TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ

Đào tạo hệ Cao đẳng các chuyên ngành kỹ thuật : Cơ khí Chế tạo, Cơ khí Động lực, Nhiệt - Máy lạnh, Điện kỹ thuật, Điện tử, Tin học ứng dụng, Xây dựng Dân dụng - Công nghiệp, Xây dựng Cầu Đường, Công nghệ Hóa học.

Đào tạo hệ Trung học Chuyên nghiệp các ngành : Cơ khí Chế tạo, Cơ khí Động lực, Điện kỹ thuật, Điện tử và Tin học ứng dụng.

Đào tạo Công nhân Lành nghề các ngành : Cơ khí chế tạo, Cơ khí Động lực, Nhiệt - Máy lạnh, Điện kỹ thuật, Điện tử, Kỹ thuật Sắt.

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG CÒN CÓ 15 TRUNG TÂM ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ :

TT Giáo dục Thể chất, TT Thông tin Tư liệu, TT Đào tạo Thường xuyên, TT Phát triển Phần mềm, TT Khoa học Xã hội & Nhân văn, TT Quản lí kĩ thuật, TT Đánh giá Chất lượng Đào tạo, TT Nghiên cứu Bảo vệ Môi trường, TT Nghiên cứu Thiết bị áp lực và Năng lượng mới, TT Nghiên cứu Điện - Điện tử, TT Nghiên cứu Khoa học Công nghệ và Tư vấn Đầu tư, TT Nghiên cứu và Ứng dụng Thiết bị Cơ khí, TT Nghiên cứu và Triển khai Thiết bị Năng Chuyển, TT Thí nghiệm Tổng hợp, TT Nghiên cứu Phát triển Quản trị và Tư vấn doanh nghiệp.

Là một trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học lớn của khu vực miền Trung - Tây Nguyên, bằng nội lực của mình cùng với sự quan tâm đầu tư của Nhà nước, sự hợp tác giúp đỡ của bạn bè quốc tế, Đại học Đà Nẵng đang không ngừng phát triển, vững bước thế kỷ XXI.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

❖ **Tên giao dịch tiếng Anh :** Thu Duc Trading and Import Export Joint Stock Company

❖ **Tên viết tắt :** TIMEXCO

❖ **Trụ sở chính :** 191 đường Quang Trung, phường Hiệp Phú, quận 9
Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 8.966.819 - 8.973.136 - 8.967.772

Fax : 8.963.210

Email : timexcothuduc@hcm.vnn.vn

❖ **Ngành nghề kinh doanh :**

- Sản xuất, kinh doanh hàng xuất nhập khẩu Lâm sản chế biến, nông thủy hải sản, thực phẩm, bao bì, hàng thủ công mỹ nghệ, kim khí điện máy, vật tư nguyên liệu, nhiên liệu, phụ tùng, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải dịch vụ xuất nhập khẩu và thương mại.
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi :

❖ **Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc :** Ông Ma Đức Tú

CÔNG TY THIẾT BỊ PHỤ TÙNG ĐÀ NẴNG

Trụ sở văn phòng : 53 Trần Phú, Đà Nẵng, là Doanh nghiệp Thương mại thuộc Tổng Công ty Máy và Phụ tùng - Bộ Thương Mại ;

Điện thoại : (84) 511-821695 - 823487 ; Fax : (84) 511-823590 ; Email : daesco@dng.vnn.vn

* CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC :

- 1- Trung tâm bán và bảo hành ô tô Miền Trung tại 276/2 Núi Thành - Đà Nẵng * ĐT : 511-623438
- 2- Trung tâm Thương mại - Khách sạn thiết bị phụ tùng tại 155 Trần Phú - Đà Nẵng * ĐT : 511-826845
- 3- Xí nghiệp kinh doanh và sửa chữa ô tô tại 62 Trần Hưng Đạo - Đà Nẵng * ĐT : 511-821699
- 4- Xí nghiệp Dịch vụ Kinh doanh thiết bị phụ tùng tại 449/100 Ngô Quyền - Đà Nẵng * ĐT : 511-831149
- 5- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - 225 Hồ Văn Huê, quận Phú Nhuận * ĐT : 8.8457414
- 6- Chi nhánh tại Hà Nội - 73/218 đường Tây Sơn, quận Đống Đa * ĐT : 4.8722098

* NGÀNH NGHỀ CHỦ YẾU :

- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại :
- + Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, thi công khai khoáng xây dựng, thiết bị máy móc cho các ngành nghề, các loại phụ tùng xăm lốp, bình điện, vòng bi. Là đại lý chính thức của Hãng xe KAMAZ tại Việt Nam.
- + Vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất : Sắt thép, phôi thép, que hàn, hóa chất, dụng cụ điện cầm tay v.v...
- Chế biến và kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy hải sản.
- Cho thuê văn phòng đại diện, văn phòng giao dịch và kinh doanh khách sạn (3 sao).
- Dịch vụ tiếp nhận vận chuyển hàng hóa.



Với gần 30 năm thành lập và phát triển, Công ty có đội ngũ cán bộ kỹ thuật, kỹ sư và công nhân lành nghề, có bề dày kinh nghiệm, cùng với các trang thiết bị hiện đại sẽ đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

Công ty Thiết bị phụ tùng Đà Nẵng rất hân hạnh được đón tiếp các quý khách

TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VIỆT NAM
**CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
QUẢNG NGÃI**

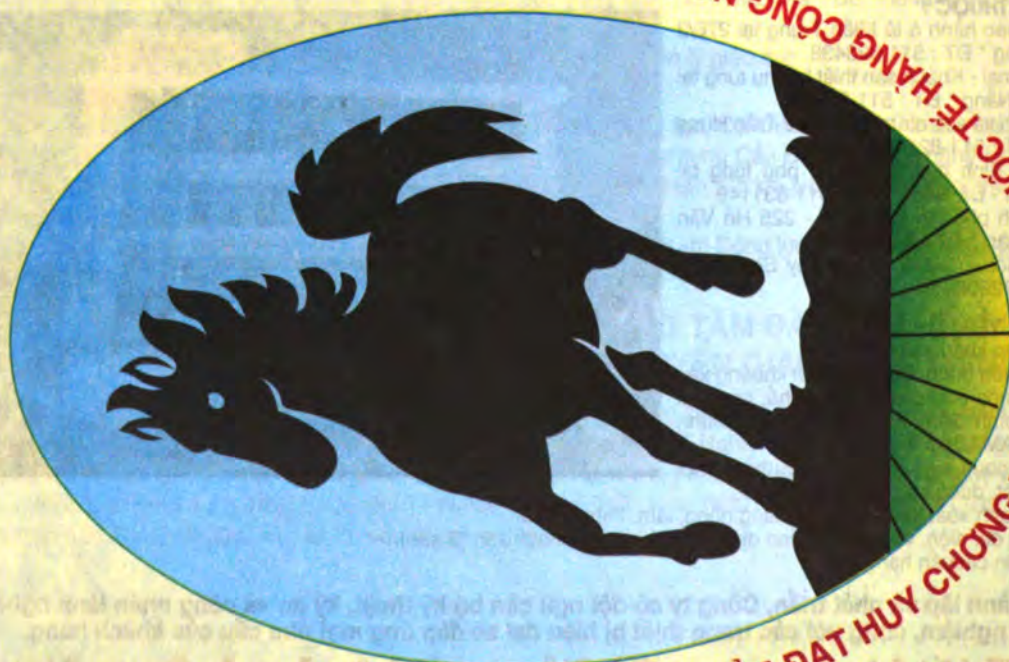
THỊ TRẤN SÔNG VỆ - QUẢNG NGÃI - ĐT: 055.848243 - FAX: 055.848279

PHÂN BÓN

NPK

HIỆU CON NGỰA

HIỆU QUẢ NHẤT - KINH TẾ NHẤT



SẢN PHẨM ĐẠT HUY CHONG VÀNG HỘI CHỢ QUỐC TẾ HÀNG CÔNG NGHIỆP

LÀ TRỢ THỦ ĐẶC LỤC LUÔN MANG ĐẾN SỰ THÀNH ĐẠT CHO CÁC BẠN!

Kính chúc bà con nông dân năm mới AN KHANG - THỊNH VƯỢNG!

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN HẢI PHÒNG

Đ/c : Số 2 Mê Linh - phường Mê Linh - Q. Lê Chân - Hải Phòng

Điện thoại : 031.631342 - 031.630003

Hiệu trưởng : NGUYỄN ĐÌNH MINH

Trường PTTH Ngô Quyền ngày nay, tiền thân là trường trung học Bonnal dưới thời Pháp thuộc. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trường đổi tên thành Trường Trung học Bình Chuẩn và từ năm 1948 đến nay, trường mang tên vị Anh hùng dân tộc Ngô Quyền.

Là một trong số những trường được thành lập sớm nhất ở Hải Phòng, hơn 80 năm qua, các thế hệ thầy và trò trường Bonnal - Bình Chuẩn xưa và PTTH Ngô Quyền hôm nay, đã tạo dựng, gìn giữ và phát huy cao độ truyền thống yêu nước, cách mạng và truyền thống dạy tốt - học tốt thật đáng tự hào của trường.

Tự hào với bề dày truyền thống rực rỡ, vẻ vang của nhà trường hơn 80 năm qua, tập thể CBCNV, giáo viên và học sinh Trường PTTH Ngô Quyền hôm nay quyết tâm phấn đấu đưa trường vươn lên tầm cao mới trong sự nghiệp giáo dục - đào tạo của thành phố, đất nước, xứng đáng với niềm tin yêu của Đảng và nhân dân.



Nét thân thương của mái trường PTTH Ngô Quyền

XÍ NGHIỆP SỬA CHỮA VÀ ĐÓNG MỚI TÀU CÁ

Đ/c : Ngõ 103 đường Ngô Quyền - Hải Phòng * ĐT : 031.837239



Giám đốc : HOÀNG VĂN LẬP

Những loại sản phẩm xí nghiệp có ưu thế đạt năng suất cao gồm có :

- Đóng mới tàu cá xa bờ vỏ gỗ.
- Đóng mới tàu vận tải cỡ từ 500 đến 1000 CV.
- Cải hoán và sửa chữa các loại tàu chở dầu.

Ưu thế của xí nghiệp là có đội ngũ cán bộ quản lý kỹ thuật và công nhân lành nghề nhiều năm có kinh nghiệm trong ngành đóng tàu.



Cải hoán tàu vận tải biển



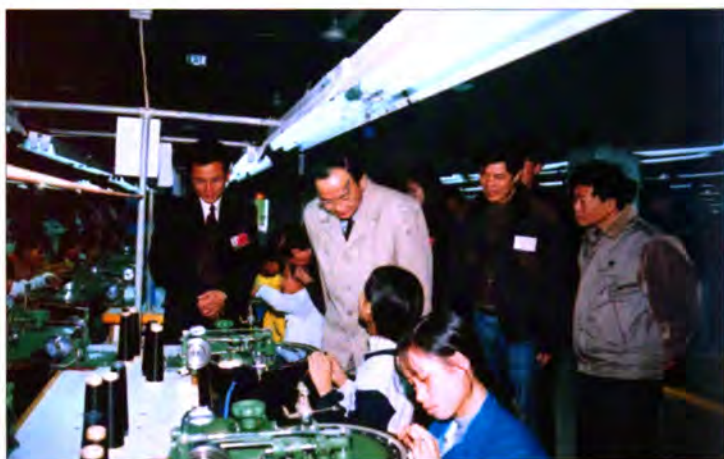
Đóng mới tàu cá 300 mã lực



Công ty cổ phần DỆT MAY XUẤT KHẨU HẢI PHÒNG



Giám đốc :
HOÀNG VĂN KHÁNH



Lãnh đạo Thành phố Hải Phòng thăm Công ty

Công ty cổ phần dệt may xuất khẩu Hải Phòng là một đơn vị thuộc Ban Tài chính - Kinh tế Thành ủy Hải Phòng với ngành nghề sản xuất kinh doanh chính là hàng dệt may các loại. Hiện nay Công ty đang thực hiện hợp đồng hàng xuất khẩu với công ty DINTEAM HONG KONG. Đây là một tập đoàn dệt may lớn nhất HONG KONG chuyên sản xuất hàng dệt kim chất lượng cao.

Nhà máy dệt may số 1 của Công ty nằm ở phía đông nam thành phố (quần thể khu công nghiệp đường 14 Đồ Sơn, Hải Phòng) với tổng diện tích hơn 20.000m². Trong đó diện tích nhà xưởng gần 7.000m² với hệ thống máy móc thiết bị hiện đại bao gồm máy dệt kim, máy may chuyên dùng, máy giặt, sấy, vắt tự động và đặc biệt là hệ thống dây chuyền là và cấp hơi tự động hiện đại nhất hiện nay.

Nhà máy trong giai đoạn đầu đã thu hút 930 lao động. Trong đó khối văn phòng chiếm 1,86% hầu hết là cán bộ quản lý trẻ, các kỹ sư chuyên ngành. Với hệ thống thiết bị hiện đại, đội ngũ cán bộ có trình độ có thể đưa năng suất tối đa của nhà máy lên 108.000 sản phẩm/tháng.



Lễ ký kết hợp đồng liên doanh sản xuất chỉ thun xuất khẩu Texgarco HP và Pelcol Italy...



Trụ sở điều hành Công ty

Tên giao dịch :

TEXGARCO HAI PHONG

Trụ sở : Số 6 Minh Khai, Hải Phòng

Điện thoại : 8431.822546

Fax : 8431.822547

Nhà máy dệt may số 1 : Km 16,
đường 14 Đồ Sơn - Hải Phòng

Điện thoại : 84.31860063

Fax : 84.31860251

Digitized by Google

HX
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



12
4-2002

UNIV. OF MICH.

MAY 16 2002

CURRENT SERIALS

Digitized by Google



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG

CÔNG TY THIẾT BỊ VÀ XÂY LẮP

ĐỊA CHỈ: KM 5 - QUỐC LỘ 5 - PHƯỜNG HÙNG VƯƠNG - QUẬN HỒNG BÀNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

DIỆN THOẠI: 031 850500 - FAX: 031 749712

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN THẬU



Đúc cầu kiện và cọc bê tông, xử lý móng công trình

Xây dựng nhà máy chế biến thủy sản - Côn Đảo

Công ty Thiết bị và Xây lắp là Doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng - Bộ Xây dựng.

1. Công ty là đơn vị có đầy đủ các thiết bị phục vụ thi công cho xây dựng các công trình kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, công nghiệp, giao thông vận tải, nông nghiệp - thủy lợi, năng lượng, thủy sản, quốc phòng

- Các thiết bị thi công xử lý nền móng cọc có khả năng xử lý đạt độ sâu đến 80 m, đường kính cọc và kích thước tới 2000 mm, sức chịu tải của cọc đến 1.500 tấn/cọc.

- Các thiết bị cầu chuyển có khả năng: Nâng chuyển vật nặng đến 100 tấn; lên cao tới 130 m; tầm với xa được 60 m và di chuyển tùy theo yêu cầu của công trình.

- Các thiết bị sản xuất bê tông được sản xuất từ Nhật Bản, Liên Bang Đức, Liên Bang Nga, Trung Quốc, có khả năng cung cấp bê tông đến 1000 m³/ngày; có khả năng bơm bê tông lên cao tới 100 m.

- Có thiết bị thi công đồng bộ để phục vụ cho công tác thi công, chủ động thi công các công trình đủ mọi tầm cỡ.

- Đáp ứng cho các đơn vị thi công khác về nhu cầu thuê thiết bị thi công với giá hợp lý.

2. Công ty có đội ngũ cán bộ trẻ, năng động trong công việc, có sự hiểu biết cao đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và Quốc tế.

3. Công ty đã từng thi công hầu hết các nhà máy xi măng như: Hoàng Thạch, Bút Sơn, Chinh Phong, Sao Mai, Nghi Sơn, Hoàng Mai; Các công trình như: Cầu Trại Xá, Cầu Lạch Tray, Cầu An Dương II, Cầu Niệm; Các công trình cảng như: Cảng Điện Công, Cảng Hoàng Thạch, Cảng Côn Đảo, Cảng xuất Chinh Phong, Cảng Chùa Vẽ, Nhà máy đúc gang VJE, Cấp điện LG - VINA, Sàng tuyển than Uông Thượng, Hi - Lex, ASTY NOMURA, PROCONCO Đình Vũ; Các tuyến đường Quốc lộ 5, Quốc lộ 10, Quốc lộ 18 và một số tuyến đường nội thành Hải Phòng, đường Khu công nghiệp

4. Công ty mong có sự hỗ trợ, hợp tác của các đối tác, các bạn đồng nghiệp, các đơn vị cung cấp các vật tư, điều kiện kỹ thuật để Công ty ngày càng trưởng thành hơn đáp ứng nhu cầu thị trường



Thiết bị cầu - chuyển thi công Nhà máy Xi măng Sao Mai - Hà Tiên



Đóng cọc, xử lý nền móng cầu quốc lộ 18 Bắc Ninh



THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 641

12

4-2002

BỘ BIÊN TẬP :

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9422061
Fax : (04) 8222846

**Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3 Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8225768

Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

Email: bbttccs@hn.vnn.vn

Tổng biên tập :

VŨ VĂN HIỀN



**Ảnh 1 : Hiện đại hóa ngành dệt may
nh : TTXVN**

Tạp chí Cộng sản

**CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

Chỉ thị số 11-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX	3
TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC - Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở	6
QUÁCH LÊ THANH - Vai trò của báo chí trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng	12
NGUYỄN THỊ DOAN - Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng góp phần ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng	17

NHÂN KỶ NIỆM 27 NĂM NGÀY TOÀN THẮNG CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (30-4-1975 - 30-4-2002)

LÊ XUÂN LỰU - Mấy bài học kinh nghiệm về công tác tư tưởng trong quân đội qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ	21
HẢI NINH - Nhớ lại Sài Gòn ngày giải phóng	26

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

LƯU BÍCH HỒ - Một số định hướng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn ở nước ta	30
HOÀNG THỌ XUÂN - ĐOÀN CÔNG KHÁNH - Thương mại và thị trường miền núi qua những năm đổi mới	35
ĐÀM VIẾT CƯƠNG - CHU THÁI THÀNH - Tìm lời giải cho bài toán công bằng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân	40

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

TRẦN VĂN TUẤN - Lãnh đạo công tác quốc phòng ở Nam Định	45
TIẾN HẢI - Vĩnh Phúc : nỗi buồn đã vơi, niềm vui nhân đôi	48
TRẦN QUANG HẢI - Công ty SADICO Cần Thơ khẳng định vai trò của doanh nghiệp nhà nước	53

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

QUÝ HOA - "Hạt mẩy, hạt lép"	57
------------------------------	----

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGUYỄN THỊ HOA - Quan hệ Việt - Trung trong thời kỳ mới	58
CAO SĨ KIỂM - Cảm nghĩ về "hòn đảo tự do" sau hai lần trở lại	62

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

- Kỳ họp thứ hai Hội đồng Lý luận Trung ương	64
--	----

СОДЕРЖАНИЕ

* Инструкция №11- СТ/ТУ Секретариата Центрального Комитета КПВ IX^{го} созыва. ЧЫОНГ КУАНГ ДЫОК: Продолжается усиление работы по строительству и выполнению Статуса о демократии в первичных организациях. КУАН ЛЕ ТХАНЬ: Роль прессы в борьбе против бюрократизма и коррупции. НГУЕН ТХИ ЗОАН: Усиление контрольной работы Партии вносит вклад в предотвращение и отсечение коррупции. ЛЕ СУАН ЛЫУ: Некоторые опытные уроки об идеологической работе в Армии из двоих войн против французских и американских агрессоров. ХАЙ НИНЬ: Воспоминание о Сайгоне в день его освобождения. ЛЫУ БИК ХО: Некоторые ориентации на индустриализацию и модернизацию сельского хозяйства и села в нашей стране. ХОАНГ ТХО СУАН – ЗОАН КОНГ КХАНЬ: Торговля и рынок горных районов после годов обновления. ДАМ ВЬЕТ КЫОНГ – ТЬУ ТХАЙ ТХАНЬ: Найти ответ на вопрос о справедливости в работе по здравоохранению народа. НГУЕН ТХИ ХОА: Отношение между Вьетнамом и Китаем на новом этапе. КАО ШИ КИЕМ: Раздумья об “Острове свободы” после двух раз возвращения на него.

CONTENTS

* The 11 – CT/TU Instruction by CPV Central Committee's secretariat. TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC: To speed up the formation and fulfillment of the Democracy Status at the grassroots levels. QUÁCH LÊ THANH: Role of the press in struggling against bureaucratism and corruption. NGUYỄN THỊ DOAN: To strengthen the Party's inspection, contributing to corruption prevention and check. LÊ XUÂN LỰU: Some experience lessons regarding ideological work in the Army through the Two Resistances against France and the USA. HẢI NINH: Recalling the day of Sài Gòn liberation. LƯU BÍCH HỒ: Some industrialisation, modernisation orientations of our country's agriculture and countryside. HOÀNG THỌ XUÂN – ĐOÀN CÔNG KHÁNH: Mountainous trade and market following the years of renovation. ĐÀM VIỆT CƯƠNG – CHU THÁI THÀNH: Seeking a solution to the problem of equality in People's health care. NGUYỄN THỊ HOA: Vietnam – China relationship in the new period. CAO SĨ KIỂM: Impressions and feelings about “The island of liberty” after two times of returning to her.

SOMMAIRE

* Directive No11-CT/TU du Secrétariat du Comité central du PCV (issu du IX^e Congrès). TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC: Continuer à accélérer l'élaboration et la réalisation des réglementations de démocratie au niveau local. QUÁCH LÊ THANH: Le rôle de la presse dans la lutte contre la bureaucratie et la corruption. NGUYỄN THỊ DOAN: Intensifier le travail de contrôle du Parti pour empêcher et repousser la corruption. LÊ XUÂN LỰU: Quelques leçons d'expérience sur le travail idéologique dans l'Armée tirées des deux résistances anti-française et anti-américaine. HẢI NINH: Souvenir de Saigon, le jour de sa libération. LƯU BÍCH HỒ: Quelques orientations de l'industrialisation et de la modernisation agricole et rurale au Vietnam. HOÀNG THỌ XUÂN - ĐOÀN CÔNG KHANH: Le commerce et le marché dans la région montagneuse après les années de renouveau. ĐÀM VIỆT CƯƠNG - CHU THÁI THÀNH: Sur la recherche d'une solution pour le problème de l'égalité dans le soin sanitaire. NGUYỄN THỊ HOA: Les relations sino-vietnamiennes dans la nouvelle étape. CAO SĨ KIỂM: Impressions de “l'île libre” après deux visites.

SUMARIO

* La Directiva No11 - CT/TU de la Secretaria del Comité Central del Partido (IX Congreso). TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC: Continuar acelerando la edificación y la realización de la Reglamentación de la democracia en las bases. QUÁCH LÊ THANH: El papel de la prensa en la lucha contra el burocratismo y la corrupción. NGUYỄN THỊ DOAN: Intensificar el trabajo de inspección del Partido para impedir y retroceder la corrupción. LÊ XUÂN LỰU: Algunas elecciones de experiencia sobre el trabajo ideológico en el Ejército durante las dos resistencias anti-francesa y anti-norteamericana. HẢI NINH: Recuerdo de Saigón en el día de liberación. LƯU BÍCH HỒ: Algunas orientaciones sobre la industrialización, modernización agrícola y rural en Vietnam. HOÀNG THỌ XUÂN - ĐOÀN CÔNG KHANH: El comercio y el mercado en la zona montañosa después de los años de renovación. ĐÀM VIỆT CƯƠNG - CHU THÁI THÀNH: Búsqueda de la respuesta matemática para la igualdad en el mantenimiento de la salud del pueblo. NGUYỄN THỊ HOA: Las relaciones vietnamo-chinas en el nuevo periodo. CAO SĨ KIỂM: Algunas impresiones sobre la “Isla libre” después de las dos visitas.

目录

* 越共第九届中央书记处第11-CT/TU 字号指示 • 张光得：继续大力推动建设及落实基层民主规制 • 郭黎青：新闻媒体在打击官僚腐败斗争中的作用 • 阮氏端：加强党的检查工作，阻止和击退官僚腐败现象 • 李春榴：抗法及抗美两次抗战中有关军队思想工作取得的一些经验 • 海宁：回顾解放西贡之日 • 刘碧胡：有关我国工业化、农村及农业现代化的一些定向 • 黄寿春、尹公庆：革新几年来的山区贸易及市场 • 谭日岗、周太成：在关心人民体质问题中寻求解决公平问题的答案 • 阮氏花：新时期的越-中关系 • 高士兼：两次重返 << 自由之岛 >> 后的感想



CHỈ THỊ SỐ 11-CT/TW CỦA BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Lời BBT: Ngày 8-4, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 11-CT/TW về việc nghiên cứu, quán triệt và thực hiện các nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX. Tạp chí Cộng sản xin trân trọng giới thiệu toàn văn bản Chỉ thị.

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) đã thảo luận và ra 5 nghị quyết : “Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” ; “Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân” ; “Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn thời kỳ 2001 - 2010” ; “Đổi mới và nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn”, “Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới”.

Các nghị quyết này đều rất quan trọng, cần phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc.

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU :

1 - Thông qua việc nghiên cứu quán triệt các nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 làm cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân nắm vững và nhất trí cao với các quan điểm chỉ đạo, phương hướng, nhiệm vụ, các giải pháp về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân ; đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ; đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn ; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới ; khắc phục những nhận thức mơ hồ, lệch lạc, sai trái trong những lĩnh vực trên.

2 - Đổi mới mạnh mẽ việc tổ chức học tập quán triệt các nghị quyết Trung ương 5 theo hướng đúng đối tượng, thiết thực, hiệu quả. Cán bộ chủ chốt các cấp, cán bộ các cơ quan nghiên cứu, chỉ đạo vĩ mô, cán bộ tư tưởng - văn hóa, đội ngũ báo cáo viên các cấp phải nghiên cứu sâu cả 5 nghị quyết, đối với các đối tượng khác có thể nghiên cứu khái quát cả 5 nghị quyết nhưng dành thời gian đi sâu một số nghị quyết có liên quan. Đối với đảng viên cơ sở, cần thông báo để nắm những vấn đề chung, đồng thời giới thiệu những chủ trương, giải pháp cụ thể trong một số nghị quyết.

Hướng dẫn đảng viên và nhân dân tìm hiểu các nghị quyết qua các phương tiện thông tin đại chúng. Nội dung tài liệu phục vụ nghiên cứu quán triệt nghị quyết do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương biên soạn cần sát đối tượng. Tài liệu dùng cho đảng viên cơ sở và nhân dân phải ngắn gọn, dễ hiểu. Cấp ủy các cấp cần chuẩn bị đội ngũ báo cáo viên có chất lượng cao. Bố trí thời gian cần thiết để thảo luận nội dung nghị quyết và chương trình hành động, đề cao tinh thần tự phê bình, phát huy tự do tư tưởng trong thảo luận.

3 - Lãnh đạo các cấp, các ngành, các đoàn thể, các địa phương, đơn vị cần chủ động xây dựng dự thảo chương trình hành động cụ thể thực hiện các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 5 gắn với chương trình hành động thực hiện các nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, 4, xác định rõ những việc phải làm ngay, các mục tiêu

cần đạt, thời gian hoàn thành, các giải pháp thực hiện và phân công trách nhiệm, nêu rõ người chịu trách nhiệm chính để đưa ra cán bộ, đảng viên thảo luận góp ý kiến ngay khi nghiên cứu học tập các nghị quyết Trung ương. Trong quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết phải chú ý chỉ đạo sơ kết, tổng kết, coi trọng làm thí điểm, xác định các mô hình, xây dựng chính sách phát huy các nhân tố mới và tăng cường công tác kiểm tra. Đối với việc thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến tổ chức, bộ máy, cán bộ cần được chỉ đạo chặt chẽ, có bước đi vững chắc, bảo đảm đoàn kết, ổn định, không ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2002.

II - TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU QUÁN TRIỆT CÁC NGHỊ QUYẾT :

1 - Không tổ chức hội nghị cán bộ toàn quốc quán triệt các nghị quyết Hội nghị Trung ương 5. Các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy khối, cơ quan Trung ương, đảng đoàn, ban cán sự đảng các ngành, đoàn thể chính trị cần tổ chức thật tốt việc học tập cho đội ngũ cán bộ chủ chốt trong ngành, đoàn thể, địa phương mình.

2 - Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện chỉ thị này ; tổ chức các lớp nghiên cứu quán triệt các nghị quyết cho cán bộ lãnh đạo ban tuyên giáo và đội ngũ báo cáo viên các tỉnh, thành ủy, đảng ủy khối cơ quan Trung ương, các đoàn thể chính trị - xã hội, cán bộ chủ chốt các hội văn học nghệ thuật, khoa học kỹ thuật,

báo chí, xuất bản; chỉ đạo các phương tiện báo chí, xuất bản, các hoạt động văn hóa, văn nghệ tuyên truyền sâu rộng nội dung các nghị quyết.

3 - Các ban Trung ương Đảng phối hợp với các đảng ủy khối cơ quan Trung ương tổ chức tốt đợt học tập, nghiên cứu cho cán bộ tham mưu của các ban, ngành Trung ương.

4 - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính quốc gia, các trường chính trị tỉnh, thành phố, các trường đại học, cao đẳng, các trường đoàn thể, các trường thuộc lực lượng vũ trang đưa nội dung các nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 vào chương trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học ; phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc thực hiện những nhiệm vụ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nông thôn, cán bộ cơ sở xã, phường, hợp tác xã đã được nêu trong các nghị quyết Trung ương. Các cơ quan nghiên cứu lý luận (Hội đồng Lý luận Trung ương, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia, Tạp chí Cộng sản, các viện nghiên cứu của các bộ, ngành...) có chương trình nghiên cứu khoa học thiết thực phục vụ việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5.

5 - Các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 5 quy định những nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa cấp bách, có những việc phải làm trong nhiều năm, có những việc phải làm ngay trong năm 2002. Do đó, các cấp ủy cần tập trung làm tốt những việc sau :

a - Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh có

liên quan (Luật hợp tác xã, Luật đất đai, Luật xuất bản, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Pháp lệnh cán bộ, công chức...) để thể chế hóa các nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 ; có chương trình giám sát việc thực hiện các luật và pháp lệnh nói trên.

b - Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung và ban hành một số cơ chế, chính sách và xây dựng các chương trình hành động của Chính phủ và các bộ, ngành thực hiện các nghị quyết Hội nghị Trung ương 5.

c - Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cần chủ động nghiên cứu, đề xuất với Đảng và Nhà nước các cơ chế, chính sách cần thiết nhằm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và ban hành các quy định trong nội bộ tổ chức của mình để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 5.

d - Ban thường vụ cấp ủy các cấp và đồng chí lãnh đạo chủ chốt trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng chương trình hành động và đợt nghiên cứu quán triệt nghị quyết ; tổ chức làm thí điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5.

e - Các ban Đảng ở Trung ương theo chức năng của mình xây dựng chương trình hành động thực hiện các đề án liên quan đến các nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 và giúp Ban Bí thư chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện.

Cuối tháng 6-2002, các tỉnh ủy, thành ủy, các tổ chức đảng trực thuộc Trung ương báo cáo Ban Bí thư kết quả bước đầu việc tổ chức thực hiện Chỉ thị này. □

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH VIỆC XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC *

BAN Bí thư Trung ương Đảng vừa ra Chỉ thị số 10-CT/TW, (khóa IX) Về *tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở*, trong đó đã đánh giá kết quả và nguyên nhân của những khuyết điểm, hạn chế qua hơn ba năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII), Nghị quyết của Ban Thường vụ Quốc hội (khóa X), các nghị định số 29, 71, 07 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Để thực hiện tốt Chỉ thị nói trên của Ban Bí thư, một việc rất quan trọng là các cấp ủy đảng, trên cơ sở sơ kết việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở đơn vị, địa phương mình, kịp thời đúc rút bài học kinh nghiệm để đề ra những giải pháp phù hợp, hiệu quả, đưa việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (dưới đây gọi tắt là Quy chế) trở thành nền nếp.

Qua hơn ba năm thực hiện Quy chế, chúng ta đã có được nhiều cách làm phong phú, những kinh nghiệm hay, dân chủ ngày càng được mở rộng và phát huy tác dụng trong đời sống nhân dân. Để triển khai thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị, các nghị định của Chính phủ, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đã có chỉ thị, thông tri chỉ đạo việc triển khai và thực hiện Quy chế ở cơ sở, phân công trách

nhiệm cụ thể cho từng ủy viên Ban thường vụ, ủy viên Ban chấp hành, trực tiếp chỉ đạo việc triển khai thực hiện ở đơn vị, ban, ngành, địa phương, đoàn thể do mình phụ trách. Các tỉnh ủy, thành ủy đã phân công các đồng chí Bí thư, Phó bí thư, Chủ tịch ủy ban nhân dân làm trưởng ban chỉ đạo. Các cấp ủy đảng coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, để tạo ra sự thống nhất về nhận thức và hành động trong hệ thống chính trị và xã hội. Nhiều địa phương đã tập trung giải quyết dứt điểm những vấn đề nổi cộm, bức xúc, chăm lo nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở, gắn việc triển khai, xây dựng, thực hiện Quy chế với Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII và thực hiện các nghị quyết của Đảng, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Các ban chỉ đạo thực hiện Quy chế từ trung ương đến địa phương đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chỉ đạo ở 1 183 cơ sở để rút kinh nghiệm, triển khai ra

* Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Dân vận Trung ương, Trưởng ban chỉ đạo của Trung ương về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

diện rộng ; chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị rà soát lại những văn bản đã ban hành, hủy bỏ các văn bản chồng chéo, trái pháp luật. Công tác thông tin, tuyên truyền được quan tâm với nhiều hình thức phong phú, đưa chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng và thực hiện Quy chế tới cán bộ, đảng viên và nhân dân ; đưa nội dung Chỉ thị 30-CT/TW vào chương trình bồi dưỡng cán bộ, đảng viên ở các trường chính trị tỉnh, thành phố và trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện.

Một số nơi có cách làm hay như tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, thi sáng tác, biểu diễn ca nhạc, kịch về Quy chế dân chủ cơ sở. Ở những tỉnh có đông đồng bào các dân tộc thiểu số, Quy chế đã được dịch ra tiếng dân tộc và kết hợp với bộ đội biên phòng đưa Quy chế đến với nhân dân ở biên giới, vùng sâu, vùng xa (Đắc Lắc, Kon Tum, Trà Vinh, Hà Giang, Cao Bằng, v.v.). Có địa phương đã in và phổ biến hàng nghìn tài liệu hỏi đáp, hàng vạn tài liệu tuyên truyền về Quy chế (như ở tỉnh Long An). Các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long như Cà Mau, Bạc Liêu, An Giang... tổ chức các thuyền lưu động vào các vùng sâu, vùng xa tuyên truyền về Quy chế, tổ chức các xuồng đón dân đi họp. Có nơi bố trí ấp thành nhiều tổ dân cư để tổ chức học tập (như ở tỉnh Kiên Giang). Nhiều địa phương kết hợp tuyên truyền Quy chế trong các cuộc tiếp xúc cử tri của các đại biểu Hội đồng nhân dân.

Đến nay, hơn 90% số xã, phường, thị trấn đã triển khai, xây dựng và thực hiện Quy chế. Nhìn chung ở xã, phường, thị trấn đã thực hiện được từ 60 đến 70% nội dung ; 90% trưởng các thôn, bản, ấp, tổ dân phố v.v.. được nhân dân bầu trực tiếp. Việc công khai các thủ tục hành chính, các khoản đóng góp của dân, phí, lệ phí, cũng

như việc tổ chức cho toàn dân bàn bạc, quyết định công việc của cộng đồng dân cư được thực hiện ở nhiều nơi. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo được đẩy mạnh, hàng chục nghìn tổ hòa giải được thành lập và hoạt động. Nhờ đó, đơn, thư khiếu nại, tố cáo, nhất là đơn thư vượt cấp ở nhiều nơi giảm hẳn.

Hơn 80% số cơ quan hành chính triển khai thực hiện Quy chế. Phần lớn số cơ quan thuộc Công đoàn viên chức Việt Nam và các bộ, ngành ở trung ương, sở, ban, ngành ở địa phương, đã đối chiếu với Pháp lệnh công chức để cải tiến lề lối làm việc, xây dựng các quy chế, quy định cụ thể về quản lý cơ quan, bổ sung các quy chế, quy trình quản lý hành chính (cấp đất, cho thuê đất, cấp giấy phép xây dựng, giấy phép kinh doanh, v.v..). Trong năm 2000 và 2001, hơn 67% số cơ quan đã tổ chức được hội nghị cán bộ, công nhân, viên chức. Một số cơ quan trong nhiều năm không tiến hành được hội nghị cán bộ, công nhân viên chức, tình trạng mất đoàn kết, mất dân chủ kéo dài, sau khi tiến hành hội nghị, nội bộ cơ quan đoàn kết, quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới gắn bó hơn. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo được nhiều cơ quan chú ý như bố trí lịch, địa điểm và người có trách nhiệm tiếp dân, tiếp cán bộ, công chức.

Từ năm 1998 đến nay, đã có hơn 80% doanh nghiệp nhà nước xây dựng và thực hiện Quy chế ở cơ sở. Trên tinh thần phát huy dân chủ, các doanh nghiệp đã rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy chế, quy định cụ thể về tiền lương, tiền thưởng ; về quản lý tài chính, văn bản, tài sản công ; về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao tay nghề, đề bạt cán bộ, xây dựng thỏa ước lao động, quy chế về

hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban thanh tra nhân dân ; về mối quan hệ giữa giám đốc với đảng ủy, công đoàn. Cùng với Quy chế dân chủ ở cơ sở, các đơn vị còn xây dựng nhiều quy chế, quy định khác nhằm tạo thành một hệ thống quản lý trong đơn vị (Tổng Công ty Điện lực Việt Nam đã xây dựng và đưa vào thực hiện 40 loại quy chế, quy định). Đại hội, hội nghị công nhân, viên chức ở các doanh nghiệp là hình thức dân chủ trực tiếp tiêu biểu. Đến nay, đã có từ 60 đến 80% doanh nghiệp tiến hành đại hội hoặc hội nghị công nhân, viên chức.

Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là một chủ trương đúng đắn, kịp thời, hợp ý Đảng, lòng dân, cho nên chỉ trong một thời gian ngắn đã triển khai ra diện rộng ở cả ba loại hình cơ sở, đã có tác động tích cực tới nhiều mặt của đời sống xã hội. Qua việc xây dựng và thực hiện Quy chế, nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, của cán bộ, đảng viên và của các tầng lớp nhân dân về dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được nâng cao thêm một bước. Cán bộ, đảng viên, các cấp ủy đảng, chính quyền ý thức rõ hơn về những quan điểm cơ bản của Đảng ta về dân chủ trong điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của nước ta, đồng thời thấy rõ trách nhiệm phục vụ nhân dân, thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Các tầng lớp nhân dân phấn khởi, đồng tình ủng hộ và mong muốn thực hiện tốt hơn đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Việc thực hiện Quy chế đã tạo động lực mới, thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng ở địa phương, đơn vị, tạo nên bầu không khí dân chủ công

khai ở cơ sở. Ý thức làm chủ, tinh thần trách nhiệm của mỗi người dân được khơi dậy và nâng cao, từ đó đã thực sự tạo nên động lực mới thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, nhất là trên lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển văn hóa, xã hội ở các địa bàn, đơn vị trong cả nước

Một nét nổi bật là nhờ thực hiện Quy chế trên tinh thần "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", nhân dân nhiều nơi đã bàn bạc, quyết định, tự nguyện đóng góp hàng nghìn tỉ đồng để xây dựng ; giám sát hàng nghìn công trình, phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở văn hóa, giáo dục, y tế, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm và giảm bớt tiêu cực. Ở những nơi thực hiện tốt Quy chế, nhân dân có ý thức tự giác hơn trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình như đóng thuế, thực hiện nghĩa vụ quân sự, lao động công ích, v.v.. Việc đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuyển đổi hợp tác xã, "dồn điền, đổi thửa", kiên cố hóa kênh mương, làm đường giao thông ... được thực hiện thuận lợi và có chất lượng hơn. Ở nhiều doanh nghiệp nhà nước, nhờ thực hiện tốt Quy chế đã đạt hiệu quả kinh doanh cao hơn trước. Thực tiễn ở nhiều địa phương và một số bộ, ngành đã cho thấy, nơi nào tổ chức thực hiện Quy chế càng cụ thể, nghiêm túc thì ở đó việc điều hành của giám đốc thuận lợi hơn, người lao động phát huy quyền và trách nhiệm làm chủ, có nhiều sáng kiến cải tiến, yên tâm sản xuất, kinh doanh ; đơn, thư khiếu nại, tố cáo giảm, sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Việc xây dựng và thực hiện Quy chế có tác động tích cực đối với công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, xây dựng và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Ý thức phục vụ

nhân dân, tác phong làm việc gần dân của cán bộ đảng, chính quyền các cấp đã có một số tiến bộ. Phương thức lãnh đạo của nhiều cấp ủy đảng, phương thức điều hành của một số cấp chính quyền đã có những chuyển biến tích cực. Việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân trước khi ban hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng được coi trọng. Việc tổ chức để nhân dân đóng góp ý kiến xây dựng văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng và đại hội đảng bộ của nhiều đơn vị, địa phương; đóng góp ý kiến vào Dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 đã trở thành những đợt sinh hoạt chính trị lớn của đất nước. Với không khí dân chủ và tinh thần xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, đồng bào ở nhiều nơi đã tích cực, tham gia giới thiệu những đảng viên có phẩm chất, năng lực vào các cơ quan lãnh đạo của đảng và chính quyền, phát hiện, tố cáo những cán bộ, đảng viên yếu kém, thoái hóa, biến chất để Đảng xem xét, xử lý. Nơi nào thực hiện tốt Quy chế thì ở đó đại hội đảng bộ có chất lượng, nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng được thực hiện nghiêm túc hơn, vai trò, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên được thể hiện rõ nét hơn. Việc xét chọn các tổ chức đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, đảng viên đủ tư cách, phấn đấu tốt, chất lượng tăng hơn so với trước... Thông qua việc thực hiện Quy chế, các cấp chính quyền, cơ quan, doanh nghiệp nhà nước có chuyển biến khá rõ về tinh thần phục vụ nhân dân và tác phong lễ lối làm việc gần dân, giảm bớt quan liêu, hách dịch. Mỗi quan hệ hợp tác giữa Mặt trận Tổ quốc với các đoàn thể nhân dân chặt chẽ, cụ thể hơn. Qua đó góp phần tăng cường đoàn kết, xây dựng, củng cố cộng đồng dân cư tự quản ở

thôn, làng, bản, ấp, tổ dân phố, tạo môi trường văn hóa, xã hội lành mạnh.

Tuy nhiên, việc xây dựng và thực hiện Quy chế còn bộc lộ những khuyết điểm, hạn chế. Một số cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, xã, phường, thị trấn chưa triển khai xây dựng và thực hiện Quy chế. Những cơ sở đã xây dựng được Quy chế thì tỷ lệ thực hiện còn thấp. Việc thực hiện Quy chế ở các khu vực, địa bàn có sự chênh lệch khá lớn. Khu vực xã, phường, thị trấn làm tốt hơn khu vực doanh nghiệp nhà nước và cơ quan. Trong khu vực cơ quan thì một số cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở cả trung ương và địa phương chưa triển khai thực hiện hoặc triển khai một cách hình thức. Chất lượng thực hiện các nội dung Quy chế còn thấp. Số thực hiện tốt chỉ chiếm khoảng 18%, trung bình 59%, yếu kém 23%. Trong các khâu của nội dung Quy chế thì việc tổ chức để nhân dân thực hiện giám sát, kiểm tra là yếu nhất. Mặc dù các ban thanh tra nhân dân được thành lập ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, song hoạt động yếu, chưa có cơ chế cụ thể để bảo đảm "dân kiểm tra".

Nhận thức về dân chủ còn nhiều mặt hạn chế. Không ít cán bộ, đảng viên còn cho đây là "vấn đề cũ", "nói mãi rồi", không thấy hết ý nghĩa sâu sắc, tính cấp bách cũng như tính lâu dài của vấn đề trong tình hình hiện nay. Do đó, một số cán bộ, đảng viên còn biểu hiện thiếu trách nhiệm lãnh đạo và vai trò tiên phong gương mẫu trong xây dựng, thực hiện Quy chế, thậm chí còn hành vi mất dân chủ, thiếu tôn trọng dân. Một bộ phận công nhân, viên chức còn thờ ơ hoặc chỉ quan tâm đến những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của bản thân mà coi nhẹ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình

đối với xã hội. Một số người lợi dụng dân chủ, gây rối trật tự, coi thường kỷ cương pháp nước. Ở một số nơi, việc thực hiện Quy chế chưa gắn chặt chẽ với việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, với Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tăng cường đội ngũ cán bộ, củng cố chính quyền, đoàn thể và cải cách nền hành chính. Dân chủ trong kinh tế chưa được quan tâm đầy đủ, nhất là trong việc triển khai các chương trình, dự án, việc đền bù giải phóng mặt bằng ...

Qua thực tiễn xây dựng, thực hiện Quy chế ở ba loại hình cơ sở đã cho chúng ta những bài học và kinh nghiệm bước đầu là :

- Dân chủ là một nhu cầu lớn của nhân dân, một động lực to lớn của cách mạng. Lãnh đạo, chỉ đạo quá trình dân chủ phải quán triệt quan điểm đồng bộ, hệ thống. Đồng bộ từ chủ trương của Đảng đến thể chế hóa các văn bản của nhà nước ; đồng bộ giữa chủ trương và chỉ đạo thực hiện ; đồng bộ cả ở cơ sở và cả cấp trên cơ sở, trong cả hệ thống chính trị, cả dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, giữa phát huy dân chủ và giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương ; đồng bộ ở cả ba mặt : dân chủ - dân sinh - dân trí. Phải gắn chặt với chức năng, nhiệm vụ từng tổ chức, từng mặt công tác và trách nhiệm của từng cá nhân, nhất là người đứng đầu. Thực hiện Quy chế đã tỏ rõ sức sống của nó. Ở những nơi chỉ đạo tốt, Quy chế đã tạo ra động lực mới để cải thiện tình hình, giải quyết được nhiều khó khăn, thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế, xã hội.

- Mở rộng hơn nữa chế độ tự quản của các cộng đồng dân cư, phát huy mạnh mẽ vai trò của đoàn thể nhân dân tham gia quản lý. Thực hiện Quy chế phải đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, sự chỉ đạo của chính quyền và sự phối hợp giữa Mặt trận

Tổ quốc và các đoàn thể, coi trọng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu. Địa phương, đơn vị nào, người đứng đầu tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhận thức đầy đủ, sâu sắc những quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị, đề ra và thực hiện đúng quy trình, lãnh đạo, chỉ đạo một cách đồng bộ, cụ thể và chủ động thì ở đó Quy chế được triển khai thực hiện có kết quả. Phải thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế mạnh và ổn định, có quy chế làm việc và chương trình thực hiện hợp lý, có bộ phận giúp việc am hiểu pháp luật, nghiệp vụ, nắm chắc tình hình địa phương, đơn vị và yêu cầu, nguyện vọng bức xúc của nhân dân ; tổ chức thực hiện nghiêm túc chủ trương của cấp ủy đảng và chính quyền. Quá trình xây dựng và thực hiện Quy chế phải tạo ra được những điều kiện cần thiết để mỗi cơ sở tự xử lý những vấn đề bức xúc của địa phương, đơn vị : củng cố các ban thanh tra nhân dân, ban giám sát các công trình, tăng cường công tác hòa giải, tích cực giải quyết đơn, thư tố cáo, khiếu nại vượt cấp, khiếu kiện đông người.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục phải thường xuyên, liên tục với nhiều hình thức phong phú để đưa chủ trương xây dựng và thực hiện Quy chế đến mọi người dân ở mọi miền của đất nước. Chăm lo bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở về pháp luật, về Quy chế dân chủ và giải quyết khiếu kiện của nhân dân. Đưa việc thực hiện Quy chế thành một tiêu chuẩn để xem xét chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh, đảng viên đủ tư cách, bình xét thi đua những đơn vị, những người tích cực và xử lý những người vi phạm.

*

* *

Thực hiện Quy chế, phát huy quyền làm chủ của nhân dân là một khâu quan trọng

và cấp thiết của quá trình hoàn thiện dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5 (khóa IX) đã chỉ rõ : "Hoàn thiện Quy chế dân chủ ở cơ sở ; gắn chặt việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí". Trong thời gian tới, để tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế theo Chỉ thị của Ban Bí thư và nghị quyết, chỉ thị của Đảng, đưa phong trào thành nền nếp trong đời sống hằng ngày của xã hội ta, các cấp ủy đảng, chính quyền cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực thi tốt một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau :

- Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo, sự phối hợp thực hiện của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế.

- Tiếp tục tuyên truyền giáo dục sâu rộng những quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) và những nội dung cơ bản của Quy chế ở cả ba loại hình cơ sở là nhiệm vụ quan trọng, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở và của toàn dân. Những địa phương, đơn vị chưa triển khai, hoặc triển khai chưa tốt cần tiếp tục làm tốt hơn.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân có chương trình, kế hoạch tiếp tục xây dựng và thực hiện Quy chế, đưa công tác chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện Quy chế vào nền nếp ; gắn việc thực hiện Quy chế với chức năng, nhiệm vụ từng tổ chức, từng mặt công tác với trách nhiệm cá nhân, với

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, cải cách hành chính, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí ; coi việc xây dựng và thực hiện Quy chế là một giải pháp hữu hiệu không thể thiếu khi thực hiện các nhiệm vụ khác.

- Tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể và từng cán bộ, đảng viên gương mẫu thực hiện dân chủ, giữ nghiêm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Trong các tiêu chuẩn thi đua cần đưa việc thực hiện Quy chế thành một tiêu chuẩn để xem xét chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh, đảng viên đủ tư cách, đơn vị tiên tiến, xuất sắc.

- Tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị trong các Tổng công ty 90, 91. Hoàn chỉnh các quy chế đã ban hành, đồng thời nghiên cứu ban hành và hướng dẫn thực hiện Quy chế ở các loại hình cơ sở khác. Tích cực chuẩn bị để nâng Quy chế thành Pháp lệnh hoặc Luật ; đưa một số nội dung của Quy chế đã được thực tế khẳng định là tốt vào các văn bản pháp luật sắp ban hành.

- Có những chuyên đề nghiên cứu, giải quyết từng mặt của các khâu "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" ở từng loại hình cơ sở. Xây dựng những mô hình tổ chức thực hiện ở từng loại hình cơ sở, tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm và nhân rộng mô hình, đảm bảo Quy chế được thực hiện thường xuyên và trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống của xã hội ta. Củng cố và tăng cường đội ngũ cán bộ cũng như hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế từ trung ương đến các địa phương, đơn vị. □

Vai trò của báo chí **TRONG ĐẤU TRANH** **CHỐNG QUAN LIÊU, THAM NHŨNG**

QUÁCH LÊ THANH *

Lý luận và thực tiễn đã khẳng định : Quan liêu, tham nhũng là những hiện tượng xã hội gắn liền với sự hình thành xã hội có giai cấp và sự ra đời, phát triển của bộ máy nhà nước. Chúng là những căn bệnh đồng hành, đặc trưng của mọi nhà nước, là khuyết tật bẩm sinh của quyền lực, là biểu hiện của sự “tha hóa quyền lực nhà nước”. Tệ nạn tham nhũng, quan liêu diễn ra ở tất cả các quốc gia, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội, không kể quốc gia đó giàu hay nghèo, đang ở trình độ phát triển kinh tế thấp hay cao. Chúng len lỏi vào mọi mặt của đời sống xã hội, gây ra những hậu quả hết sức tai hại về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ; làm giảm hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước, làm xói mòn đạo đức, phẩm giá con người, gây cản trở sự đi lên và phát triển của xã hội. Tuy nhiên, hình thức, tính chất và mức độ quan liêu, tham nhũng không mang tính cố định, bất biến mà thay đổi tùy thuộc vào bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội và trình độ dân trí, khả năng quản lý xã hội của Nhà nước.

Từ trước đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn đặc biệt quan tâm đến công tác đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhấn mạnh : *“Nếu không kiên quyết chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh, lãng phí, tham ô, thì nó sẽ cản trở, phá hoại ta tiến lên chủ nghĩa xã hội”*. ⁽¹⁾ Người cũng chỉ rõ : Muốn chống được lãng phí, tham ô thì phải tìm ra nguyên nhân của nó vì đâu và trách nhiệm về ai ? Lãng phí, tham ô là kết quả mà nguyên nhân là bệnh quan liêu mệnh lệnh, do đó *“phải chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh”*. ⁽²⁾ Như vậy, theo Bác Hồ, tham nhũng và quan liêu là hai hiện tượng có mối liên hệ hữu cơ, gắn bó chặt chẽ với nhau ; trong đó, quan liêu là nguyên nhân làm nảy sinh tham nhũng, nên muốn chống tham nhũng thì phải chống bệnh quan liêu.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Nội chính Trung ương

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 10, tr 81

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, tr 81

Trung thành và nhất quán với tư tưởng đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, đặc biệt là các nghị quyết Đại hội lần thứ VIII, thứ IX vừa qua đã xác định quan liêu, tham nhũng là một trong bốn nguy cơ cản trở công cuộc đổi mới và con đường đi lên CNXH của đất nước ta ; đồng thời đề ra nhiều chủ trương, biện pháp kiên quyết để đấu tranh có hiệu quả với tệ nạn này. Nhà nước cũng đã tiến hành sửa đổi, bổ sung Bộ Luật hình sự, ban hành Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh cán bộ, công chức, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và ra các chương trình cải cách hành chính, cải cách tư pháp nhằm tạo ra khuôn khổ pháp lý vững chắc cho việc đẩy mạnh công tác đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng trong thời kỳ mới.

Với tư tưởng chỉ đạo kiên quyết đó, thời gian qua, công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng đã đạt được những kết quả bước đầu rất đáng khích lệ ; nhận thức của cán bộ, công chức và nhân dân về đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng đã có những chuyển biến tích cực. Các cấp, các ngành đã chú trọng hơn việc giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, công chức ; đề ra những quy định cụ thể như : Kê khai tài sản nhà đất, cơ sở sản xuất kinh doanh, nguồn tài trợ cho vợ, con đi học và du lịch nước ngoài ; nghiêm cấm dùng ngân sách nhà nước, tập thể làm quà biếu, quà tặng ; xử lý trách nhiệm cán bộ lãnh đạo cơ quan đã để cơ quan mình, ngành mình xảy ra những vụ tham nhũng lớn..., nhằm công khai để hạn chế các điều kiện dễ nảy sinh tham nhũng, tránh sự phiền hà, quan liêu, tăng cường quản lý nội bộ trong từng cơ quan, đơn vị. Bên cạnh đó, cũng đã bước

đầu thực hiện kê khai nhà đất và tài sản có giá trị đối với cán bộ từ cấp trưởng phòng của huyện trở lên ; nghiêm cấm tích tụ ruộng đất, phát canh thu tô ; quy định cấm vợ (hoặc chồng), con cái kinh doanh các ngành nghề mà người đó trực tiếp quản lý. Các biện pháp này có ý nghĩa nhất định nhằm đề cao tính tự giác, thực hiện kỷ luật trong đảng viên, cán bộ, công chức, là cơ sở cho cấp ủy và chính quyền quản lý, xem xét, đánh giá, bố trí, bổ nhiệm cán bộ. Các ngành, các cấp cũng đã cố gắng chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo gắn với công tác đấu tranh chống tham nhũng, tập trung vào những lĩnh vực trọng điểm dễ phát sinh tham nhũng và lãng phí, như : quản lý, sử dụng đất đai ; xây dựng cơ bản ; tài chính, tín dụng ; các chương trình, dự án đầu tư. Do đó đã phát hiện và thu hồi về cho nhà nước hàng nghìn tỉ đồng, hàng ngàn héc-ta đất, cùng nhiều tài sản có giá trị khác ; xử lý hàng chục nghìn cán bộ, công chức sai phạm. Ngoài ra, việc phát hiện và đưa ra xử lý theo kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước những vụ tham nhũng lớn như : EPCO - Minh Phụng, Tân Trường Sanh, Nhà máy dệt Nam Định... ; gần đây đang tiếp tục làm rõ các vụ án lớn như : Công ty thương mại Đồng Tháp, Công ty lương thực An Giang, Công ty xuất nhập khẩu Cà Mau, vụ Năm Cam... cũng đã có tác dụng phòng ngừa, răn đe và giáo dục mọi người trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

Qua tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) cho thấy : chưa hề ai tự giác khai nhận mình là tham nhũng. Các vụ án lớn ta đưa ra xét xử được, phần lớn là do sự tố giác của nhân dân, do kiểm tra, thanh tra mà ra.

Nhiều vụ án lớn xảy ra có trách nhiệm của người lãnh đạo do làm ngơ, bao che, hoặc khi phát hiện không kiên quyết xử lý. Nhiều vụ án được phát hiện từ báo chí và việc xử lý cũng phải căn cứ vào dư luận xã hội mà báo chí đã nêu.

Những kết quả đạt được trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng nêu trên có thể nói có sự đóng góp không nhỏ của báo chí với tư cách là cơ quan của Đảng, Nhà nước, của các tổ chức xã hội, là diễn đàn của nhân dân. Có thể khái quát vai trò quan trọng của báo chí trong đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu trên các mặt sau :

Thứ nhất, báo chí đã thực hiện tốt chức năng thông tin, tuyên truyền, cổ động, góp phần đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng. Bằng việc đăng tải kịp thời, thường xuyên và có hệ thống các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như các bài viết, bài nói có tính chất chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước về công tác đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, báo chí đã thực sự giúp các cấp, các ngành và quần chúng nhân dân có điều kiện nắm vững chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước để triển khai, thực hiện có kết quả trong thực tế. Thông qua báo chí, cán bộ, công chức còn được trang bị thêm nhiều kiến thức cơ bản và mới cả về lý luận và thực tiễn đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng. Những vấn đề lý luận, khoa học, những bài học kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn trong nước cũng như trên thế giới đã trở thành những nguồn tư liệu thông tin quan trọng cho các cán bộ

chuyên môn và lãnh đạo tham khảo, vận dụng trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng. Không chỉ cung cấp một cách có hệ thống các tri thức hữu ích có tính hướng dẫn, định hướng công tác, báo chí còn có ảnh hưởng nhất định đối với việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng. Báo chí với các thể loại phong phú, đa dạng của mình đã phản ánh, phân tích, lý giải sâu sắc các khía cạnh của thực trạng quan liêu, tham nhũng và đấu tranh chống chúng ở nhiều phạm vi khác nhau ; đồng thời chỉ ra những tồn tại, hạn chế của công tác đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng cùng những nguyên nhân, lý do của nó để từ đó giúp các cơ quan chức năng đưa ra giải pháp khắc phục kịp thời.

Thứ hai, báo chí đã góp phần trong việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách và pháp luật về phòng chống quan liêu, tham nhũng. Thời gian qua, công tác đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng tuy đã đạt được những kết quả tích cực, song cũng còn không ít khó khăn, tồn tại, nhất là về xây dựng thể chế chống quan liêu, tham nhũng. Vì vậy, việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách và thể chế pháp luật về chống tham nhũng, quan liêu luôn được quan tâm chú ý và đặt ra một cách thường xuyên. Trên phương diện này, báo chí cũng đã có những đóng góp đáng kể và đã phát huy tương đối tốt vai trò phòng ngừa, ngăn chặn trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng. Những bài viết đầy tính chiến đấu với phương pháp tiếp cận khác nhau cùng những kinh nghiệm hay, những mô hình tốt đã làm sáng tỏ, phong phú thêm các vấn đề lý luận và thực tiễn trong công tác đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng ở nước ta.

Với những nội dung đó, báo chí đã trở thành diễn đàn rộng rãi để các độc giả, khán giả, cán bộ và nhân dân, các nhà khoa học, các chuyên gia quản lý trao đổi và đóng góp ý kiến ; đồng thời, báo chí cũng trở thành kênh thông tin, nguồn tài liệu quan trọng, hữu ích cho các cấp lãnh đạo, các nhà làm luật, các chuyên gia hoạch định chính sách trong quá trình xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách và pháp luật về chống quan liêu, tham nhũng.

Thứ ba, trong vai trò là một thiết chế giám sát mang tính chất xã hội, báo chí đã đề cao tính chiến đấu, dũng cảm đấu tranh “trực diện” với tệ nạn quan liêu, tham nhũng. Với những tác phẩm mang tính thời sự, bám sát cuộc sống, thông qua những hình thức thể hiện, thể bài báo chí khác nhau, bằng tinh thần không khoan nhượng, báo chí đã tấn công vào tệ nạn tham nhũng, quan liêu trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội từ sự phê phán hiện tượng tham nhũng, tiêu cực, tình trạng quan liêu, cửa quyền nói chung cho đến việc “phanh phui”, vạch ra sự thật của một đối tượng, vụ việc cụ thể. Do đó, ngoài ý nghĩa tuyên truyền, trong nhiều trường hợp, sự phản ánh, phát hiện của báo chí đã trở thành nguồn cứ liệu ban đầu để các cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra, thanh tra, điều tra và xử lý vụ việc tham nhũng cũng như hành vi quan liêu, cửa quyền của cán bộ, công chức. Những vụ án tham nhũng lớn được phát hiện và xử lý trong thời gian qua như vụ Tân Trường Sanh, vụ Mừng Tề (Lai Châu), vụ Thủy cung Thăng Long chính là những minh chứng cụ thể cho thái độ đấu tranh mạnh mẽ, quyết liệt và không khoan nhượng của báo chí đối với tệ tham nhũng, quan liêu.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, cũng phải thấy rằng sự tham gia của báo chí vào công tác đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng còn có những hạn chế nhất định. Đó là tình trạng né tránh, nể nang, trong đấu tranh của một bộ phận người làm báo. Thậm chí nơi này, nơi khác, một số nhà báo không trung thực, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, “bẻ cong ngòi bút” để bao che, dung túng kẻ có hành vi quan liêu, tham nhũng. Một số phóng viên, nhà báo ý thức pháp luật, văn hóa pháp lý nói chung và sự thông hiểu pháp luật về chống quan liêu, tham nhũng nói riêng chưa cao, dẫn đến việc tuyên truyền cho công tác này có lúc còn chưa mang tính thuyết phục và đạt được hiệu quả mong muốn. Cá biệt có những nhà báo lợi dụng nghề nghiệp để hù dọa, nhằm mục đích vụ lợi.

Hiện nay công tác đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu tuy đã đạt được một số kết quả bước đầu song hiệu quả vẫn còn hạn chế. Tệ quan liêu, tham nhũng vẫn chưa được ngăn chặn và bị đẩy lùi ; thậm chí có lúc, có nơi còn diễn biến phức tạp, nghiêm trọng hơn. Do đó, để thực hiện tốt chủ trương đẩy mạnh chống quan liêu, tham nhũng của Đảng và Nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của mặt công tác này, thời gian tới, cần tăng cường giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ những người làm báo, kết hợp với việc đổi mới, cải tiến nội dung và hình thức để báo chí tập trung làm tốt các công việc sau :

- Tiếp tục theo sát thực tiễn, phản ánh nhiều hơn những điển hình tiên tiến, những tấm gương “người tốt, việc tốt” trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng để động viên, biểu dương kịp thời, cũng như phát huy, nhân rộng mặt tích cực của công tác này.

- Phát huy vai trò giám sát đối với bộ máy nhà nước và cán bộ, công chức, đề cao tính chiến đấu, tích cực đấu tranh, phê phán hiện tượng quan liêu, tham nhũng cùng mọi hình thức biểu hiện của nó.

- Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, khoa học, tăng cường tổng kết kinh nghiệm thực tiễn về đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng nhằm làm phong phú thêm lý luận, nghiệp vụ về đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng. Từ đó hình thành cứ liệu cho việc xây dựng và hoàn thiện chủ trương, chính sách và pháp luật về chống quan liêu, tham nhũng.

- Lãnh đạo các cơ quan báo chí tạo điều kiện cho các phóng viên bám sát cuộc sống, đi vào những lĩnh vực tham nhũng nóng bỏng, kịp thời nắm bắt thông tin để đưa lên báo hoặc có thể chỉ gửi đến cơ quan trách nhiệm xem xét, xử lý.

Tóm lại, là phương tiện thông tin đại chúng, báo chí trong thời gian tới “cần tích cực tham gia vào việc phát hiện vi phạm, tội phạm, biểu dương những cán bộ tư pháp dũng cảm đấu tranh chống tội phạm, bảo vệ công lý, phê phán hành vi tiêu cực, tham nhũng, vô trách nhiệm; khi đưa tin về hoạt động của các cơ quan tư pháp phải bảo đảm tính khách quan, trung thực và phải chịu trách nhiệm về việc đưa tin và bình luận” ⁽³⁾ □

(3) *Nghị quyết 08-NQ/TW* ngày 02-01-2002 của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp

NHỚ LẠI SÀI GÒN...

(Tiếp theo trang 29)

mọi hình tích, trông thật trơ trẽn. Đây là chưa kể đường hầm bí mật đặt ngầm dưới tòa nhà để khi cần thoát thân cho nhanh.

Ống kính của chúng tôi đã ghi tất cả những thứ đó, khi những hình ảnh ấy được ghép lại sẽ cho mọi người hình dung được phần nào tính cách của một nhân vật đã đi ngược lại dòng lịch sử, phản bội lại dân tộc mình. Tất cả những điều đó đã được ghi lại trong bộ phim “Thành phố lúc rạng đông” sau này.

*

Chúng tôi rời khỏi “Phủ đầu rồng”, có cảm giác như vừa qua một đêm dài tăm tối. Trong khi bên ngoài mọi người đang đón chào buổi rạng đông của thành phố. Những dòng người vô tận như những dòng thác lũ, với những băng cờ rực rỡ cuộn trôi trên các đường phố Sài Gòn. Xe chúng tôi như đang bị trôi đi giữa những dòng thác lũ của ngày hội dân tộc ấy.

Sân bay Tân Sơn Nhất cũng rợp bóng cờ bay chờ đón Chủ tịch Tôn Đức Thắng. Tất cả phóng viên báo chí, đặc biệt là các phóng viên quay phim đều hướng ống kính vào chiếc chuyên cơ từ Thủ đô Hà Nội vừa hạ cánh xuống sân bay để đón chào một con người trở về - từ một người thợ Ba Son, người tù Côn Đảo, người kéo cờ phản chiến trên “biển đen”, người chiến sĩ cách mạng, và bây giờ là Chủ tịch nước Việt Nam độc lập và thống nhất. Con người ấy đã đi qua cả một đêm trường nô lệ gần một trăm năm để hôm nay nhìn thấy đất nước quê hương mình được giải phóng, thống nhất, với một nụ cười rạng rỡ. □

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA ĐẢNG góp phần ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng

NGUYỄN THỊ DOAN*

BẢY mươi hai năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn là ngọn cờ tập hợp lực lượng và trí tuệ của toàn dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đưa dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Những thành tựu vĩ đại mà dân tộc ta đã đạt được trong thế kỷ XX là đã phá tan cùm nô lệ, xóa bỏ ách thực dân, thống nhất đất nước và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền dân tộc. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, nền kinh tế từ nghèo nàn lạc hậu đang vươn lên để trở thành một nước công nghiệp. Những tiền đề vững chắc góp phần đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập có hiệu quả vào nền kinh tế thế giới đang được tạo ra. Con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội đang ngày càng được bồi đắp cả về lý luận lẫn thực tiễn... Đó là sự kết tinh từ truyền thống yêu nước nồng nàn của nhân dân ta, từ sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo đúng đắn và tài tình của Đảng.

Bên cạnh sự phát triển về kinh tế, vững mạnh về chính trị - tư tưởng và tổ chức để tập hợp lực lượng, làm tròn sứ mệnh lịch sử của một đảng cầm quyền, chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua bao khó khăn thử thách trong từng giai đoạn lịch sử, thì cũng phải thừa nhận rằng trong thời kỳ

xây dựng hòa bình, đặc biệt là trong thời kỳ tiến hành công cuộc đổi mới kinh tế : chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, hiện vật sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta vẫn còn có mặt hạn chế, nhất là về công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị đã đề ra.

Từ Đại hội VII, Đảng cũng đã thẳng thắn kiểm điểm và nêu rõ một trong bốn nguy cơ chính hiện nay, xuất phát từ nội tại mỗi con người, mỗi đảng viên, đó là tệ nạn quan liêu và tham nhũng. Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX khẳng định : "Điều cần nhấn mạnh là : tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân..."⁽¹⁾. Cho nên, Đảng chủ trương "Tăng cường tổ chức và cơ chế, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở"⁽²⁾.

* PGS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 67

(2) Văn kiện đd, tr 135

Phải nói rằng ngay từ những ngày đầu của chính quyền công nông đầu tiên ở Đông - Nam Á, trong bài nói chuyện nhân dịp có phong trào sản xuất và tiết kiệm (năm 1952) Bác Hồ đã nhìn thấy nguy cơ của một nhà nước non trẻ. Bác nói : "*Tham ô là trộm cướp*. Lãng phí tuy không lấy của công dứt túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ. Có khi tai hại hơn nạn tham ô. Mà có nạn tham ô và lãng phí là vì **bệnh quan liêu...**". "*Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, dù cố ý hay không, cũng là **bạn đồng minh** của thực dân và phong kiến*" nên "chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận"(3).

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đã coi quan liêu, tham nhũng như là một quá trình "diễn biến hòa bình từ nội bộ Đảng ta"(4).

Trong thời gian qua, mặc dù Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã có nhiều nghị quyết về chống tham nhũng, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh chống tham nhũng, nhưng do khâu chỉ đạo thực hiện yếu, thiếu biện pháp cụ thể và kiên quyết nên hiệu quả thu được trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng còn rất hạn chế ; thậm chí nạn quan liêu, tham nhũng còn có nguy cơ gia tăng ở không ít địa phương, cơ sở. Điều đó đã phần nào làm nản chí nhiều chiến sĩ kiên trung trong cuộc đấu tranh này, có lúc có nơi đã có hiện tượng giảm lòng tin của nhân dân vào Đảng, vào chế độ.

Xét về đại thể, tham nhũng xuất phát từ nhiều nguyên nhân, có cả chủ quan và khách quan, cả trực tiếp và gián tiếp. Song, dù nguyên nhân nào, thì tham nhũng cũng gắn liền với quyền lực nhà nước và các hình thức quyền lực chính trị khác. Vì vậy, hành vi tham nhũng xuất phát từ một số người có

chức có quyền do thoái hóa, biến chất, tự mình không thắng nổi chủ nghĩa cá nhân, tự làm mất chí khí cách mạng, sa vào cơ hội chủ nghĩa. Do đó, ở đâu có quan liêu là ở đó có mầm mống tham nhũng, và ở đâu có tham nhũng là ở đó có quan liêu, có cán bộ tự coi mình trên dân, coi thường pháp luật, coi thường kỷ luật Đảng.

Hiện nay, ở nước ta, hầu hết số cán bộ có chức có quyền đều là đảng viên, và phải chịu sự kiểm tra của Đảng. Bởi vậy, trên thực tế, ở đâu tình trạng trên còn chưa được khắc phục, thì ở đó một phần lớn là do sức chiến đấu của không ít các tổ chức đảng giảm sút, có lúc, có nơi mất ý chí chiến đấu trong Đảng. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra của Đảng chưa được tăng cường và phát huy một cách thật đầy đủ.

Thời gian qua, công tác kiểm tra của Đảng đã đóng góp tích cực vào công tác xây dựng Đảng thực sự trong sạch và vững mạnh. Tuy nhiên, trước tình hình và bối cảnh mới, công tác kiểm tra của Đảng vẫn bộc lộ nhiều mặt hạn chế, kể cả về nội dung, phương thức và cách thức tiến hành kiểm tra.

Đối với nạn tham nhũng, suy thoái đạo đức, Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã chỉ rõ : "Cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp cùng với các cơ quan thanh tra, điều tra, kiểm sát, tòa án phải nắm chắc tình hình và khẩn trương kiểm tra, kết luận, xử lý kịp thời đúng pháp luật những đơn tố cáo về đạo đức, lối sống tiêu cực của cấp ủy viên và người đứng đầu các cơ quan, trước hết đối với Ủy viên Trung ương, trưởng ban, bộ trưởng, bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh,

(3) Xem Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t 6, tr 484 - 502

(4) *Tạp chí Cộng sản*, số 10, 1999, tr 5

thành phố trực thuộc trung ương và cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị"⁽⁵⁾. Tư tưởng xuyên suốt của những nội dung trên là phải kiểm tra triệt để từ trên xuống, từ các tổ chức đảng và một số đảng viên có chức có quyền quan liêu, có dấu hiệu tham nhũng ở tất cả các cấp, các ngành, các lĩnh vực là biện pháp thiết thực làm cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng thêm kết quả.

Bên cạnh một số kết quả bước đầu đã đạt được, chúng ta cũng phải thừa nhận rằng, trong đấu tranh chống tham nhũng, việc chỉ đạo vẫn còn thiếu kiên quyết, có phần nể nang, sợ động chạm nên cuộc đấu tranh chống tham nhũng chưa thực sự mang lại hiệu quả như mong muốn. Tại Đại hội IX, Báo cáo Chính trị một lần nữa nhấn mạnh: "Tăng cường công tác kiểm tra của các cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, tập trung vào các nội dung chủ yếu: thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; củng cố đoàn kết nội bộ, giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên"⁽⁶⁾.

Tất nhiên, đấu tranh phòng và chống tham nhũng đòi hỏi phải có các giải pháp đầy đủ và đồng bộ về chính trị, kinh tế và văn hóa, giáo dục; thậm chí phải có sự phối hợp, hợp tác giữa các chính phủ với nhau trên quy mô quốc tế... Đối với nước ta, khác với nhiều nước khác là có sự lãnh đạo của một đảng duy nhất, trong quá trình ấy công tác kiểm tra vừa là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng, đồng thời cũng vừa là một trong những nội dung của công tác xây dựng Đảng. Nếu biết phát huy tốt, thì công tác kiểm tra trong Đảng sẽ có vị trí, vai trò then chốt trong cuộc đấu tranh phòng, chống nạn tham nhũng và tệ quan liêu.

Nội dung cơ bản của công tác kiểm tra của Đảng là kiểm tra việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cấp trên và của cấp ủy cấp mình; các nguyên tắc tổ chức của Đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; giữ gìn đoàn kết nội bộ, giáo dục rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của đảng viên; chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trong giai đoạn hiện nay, để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác kiểm tra Đảng góp phần ngăn ngừa và chống tham nhũng, cần tập trung làm tốt một số công việc sau:

Thứ nhất, chỉ đạo và tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng về vấn đề chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Trước mắt tập trung kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Quyết định 19-QĐ/TW, ngày 03-01-2002 của Bộ Chính trị quy định về những điều đảng viên không được làm; lãnh đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng trong bộ máy quản lý hành chính nhà nước để thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Pháp lệnh chống tham nhũng; kiểm tra việc thực hiện các dự án, việc sử dụng các nguồn vốn trong xây dựng cơ bản, từ đó đề ra các chương trình hành động chống tham nhũng cụ thể với từng bước đi thích hợp.

Thứ hai, kiểm tra việc thực hiện và công khai kết quả kê khai nhà, đất, tài sản theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng là: "Cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước kê khai tài sản cá nhân và gia đình mình

(5) Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr 29 - 30

(6) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 146

(nhà đất, cơ sở sản xuất, kinh doanh, cổ phiếu...). Kịp thời kiểm tra và kết luận, có biện pháp xử lý những cán bộ, công chức có tài sản bất minh⁽⁷⁾. Cần quy định rõ các đối tượng phải kê khai tài sản và việc kê khai tài sản phải được công khai trong các chi bộ và cơ quan quản lý cán bộ. Công khai bản kê khai tài sản thì mới phát huy được "tai, mắt" của đông đảo quần chúng trong việc theo dõi, giám sát cán bộ, đảng viên; đồng thời, có tác dụng ngăn ngừa tham nhũng, còn kê khai được coi như "bí mật" quốc gia thì việc kê khai chỉ là hình thức.

Thứ ba, công tác kiểm tra của Đảng phải luôn luôn đi liền với khen thưởng và kỷ luật. Khen thưởng và kỷ luật là hai mặt đối lập của một quá trình vận động, cho nên thưởng, phạt đều phải công minh. Những người có công phải biểu dương, khen thưởng kịp thời bằng những hình thức thiết thực, xứng đáng với thành tích của họ để khuyến khích, động viên họ phấn đấu rèn luyện tốt hơn. Ngược lại, người vi phạm kỷ luật phải bị xử lý công minh, kịp thời, chính xác nhằm ngăn ngừa và để họ biết cách sửa chữa các sai phạm. Khen thưởng và kỷ luật đều nhằm mục đích cao nhất là giáo dục nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng người đảng viên cộng sản. Song, nếu hình thức kỷ luật không đúng mức sẽ không có tác dụng răn đe. Đối với một bộ phận đảng viên thoái hóa, biến chất, tham nhũng, ngoài hình thức kỷ luật về đảng, cần xử lý về hành chính theo pháp luật.

Trong lịch sử nước nhà, cha ông ta cũng đã từng xử phạt tội tham nhũng, hối lộ rất cụ thể và kiên quyết. Chẳng hạn, ngay từ thế kỷ XV, dưới triều Lê Thánh Tông, tại Điều 138 của Bộ Quốc triều Hình luật đã ghi: "Quan ty làm trái pháp luật mà ăn hối lộ từ 1 đến 9 quan thì xử tội chém. Những bậc công thần, quý thần cùng những người có tài được giữ vào hàng bát nghị mà ăn hối lộ từ 1 đến 9 quan thì phạt 50 quan; từ 10

đến 19 quan thì phạt từ 60 đến 100 quan; từ 20 quan trở lên thì xử tội đồ và những tiền ăn hối lộ xử phạt gấp đôi nộp vào kho"⁽⁸⁾. Có thể nói, đây là một bài học lịch sử đáng quý mà chúng ta cần phải suy ngẫm.

Cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng là cuộc đấu tranh lâu dài, đầy cam go và phức tạp, vì đây là trận địa không có chiến tuyến rõ ràng giữa ta với địch. Do đó, đòi hỏi người làm công tác kiểm tra, ngoài việc phải có phẩm chất đạo đức, chính trị trong sáng, công tâm, cũng cần có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, phải được trang bị những phương pháp, biện pháp có cơ sở khoa học để tiến hành một cách kiên quyết, thận trọng, vừa có lý, vừa có tình. Sự lãnh đạo, chỉ đạo chống tham nhũng cần có quan điểm chính trị đúng đắn, có kế hoạch từng bước cụ thể và phù hợp để những phần tử cơ hội không thể lợi dụng làm mất đoàn kết nội bộ, dẫn đến mất ổn định chính trị. Bởi vì, nếu để mất ổn định chính trị - xã hội, thì đấu tranh chống tham nhũng không còn ý nghĩa của nó, như người đời thường nói không thể chỉ vì bắt "con chuột nhắt" mà làm vỡ bình ngọc quý.

Tóm lại, một đảng chân chính là dám công khai thừa nhận các khuyết điểm của mình, tìm ra nguyên nhân để từ đó có biện pháp khắc phục có hiệu quả nhất để không ngừng tiến bộ, đáp ứng đầy đủ nhất những yêu cầu do thực tiễn đặt ra trong giai đoạn cách mạng mới. Đảng ta đã công khai thừa nhận nạn tham nhũng là một trong những nguy cơ có thể trực tiếp uy hiếp đến sự tồn vong của chế độ, nhất định sẽ có các giải pháp và biện pháp cụ thể ngăn ngừa và đẩy lùi được tham nhũng, củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng. □

(7) Văn kiện đd, tr 137

(8) Quốc triều Hình luật, Luật Triều Lê, Luật Hồng Đức, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr 74 - 75

Mấy bài học kinh nghiệm VỀ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG TRONG QUÂN ĐỘI qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ

LÊ XUÂN LỰU *

CÁCH mạng muốn thành công phải có đường lối đúng và lực lượng cách mạng có trình độ giác ngộ cao. Công tác tư tưởng có vai trò cực kỳ to lớn trong việc đáp ứng hai yêu cầu đó.

Công tác tư tưởng trong quân đội là một bộ phận của công tác tư tưởng của Đảng và cùng với công tác tổ chức hợp thành công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội. Công tác tư tưởng động viên cán bộ và chiến sĩ nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao trên mọi lĩnh vực hoạt động của quân đội : chính trị, quân sự, hậu cần, kỹ thuật và mọi nhiệm vụ : xây dựng, chiến đấu và nghĩa vụ quốc tế.

Kinh nghiệm công tác tư tưởng trong quân đội trong hai cuộc kháng chiến vô cùng phong phú. Ở đây chỉ xin đề cập đến một số bài học chủ yếu sau :

1- Nhận thức đúng đắn nội hàm của khái niệm công tác tư tưởng là yếu tố đầu tiên để làm tốt công tác tư tưởng.

Trong hai cuộc kháng chiến trước đây, công tác tư tưởng đã có những thành công to lớn. Điều đó trước hết bắt nguồn từ

sự nhận thức đúng đắn khái niệm công tác tư tưởng.

Chúng ta đã hiểu công tác tư tưởng là hoạt động tác động vào ý thức xã hội của con người. Ý thức đó bao gồm các hình thức : chính trị, đạo đức, pháp quyền, thẩm mỹ, tôn giáo ... ; trong đó ý thức chính trị là quyết định.

Chức năng của công tác tư tưởng là xây dựng thế giới quan cách mạng và phương pháp luận khoa học ; xây dựng mục tiêu lý tưởng, lập trường chiến đấu ; xây dựng bản chất cách mạng cho quân đội, định hướng chính trị cho mọi hoạt động của cán bộ và chiến sĩ hoàn thành xuất sắc và không ngừng động viên cổ vũ họ tích cực hành động cách mạng, nhận thức nhiệm vụ được giao.

Các hoạt động của công tác tư tưởng bao gồm : huấn luyện, tuyên truyền, cổ động, văn hóa. Thông qua các hoạt động này mà giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cho nó trở thành hệ

* Trung tướng, giáo sư

tư tưởng thống trị trong quân đội, quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng cho cán bộ và chiến sĩ, hướng dẫn họ hành động để biến đường lối, chủ trương, chính sách thành hiện thực trong cuộc sống.

Nhờ vậy, công tác tư tưởng đã có đóng góp to lớn trong công cuộc xây dựng một quân đội từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, mang bản chất giai cấp công nhân, có phẩm chất cách mạng cao đẹp và năng lực chiến đấu giỏi và đã cùng toàn dân đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, viết nên trang sử vẻ vang của dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên dương : "quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Tuy vậy, trong quá trình lịch sử, nhận thức của chúng ta về công tác tư tưởng không phải không có những hạn chế. Có lúc chúng ta đã đồng nhất công tác tư tưởng với công tác giáo dục chính trị, công tác tuyên huấn. Đây là những khái niệm cùng loại nhưng không hoàn toàn đồng nhất với nhau và có nội hàm rộng hẹp khác nhau.

Công tác tư tưởng không phải chỉ là những hoạt động tác động vào ý thức xã hội của con người để xây dựng con người, không phải chỉ là hoạt động trong nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận, mà còn là hoạt động phát huy cao độ vai trò sáng tạo của ý thức xã hội của con người để đáp ứng yêu cầu của cách mạng, vì cách mạng là sáng tạo. Thiếu những hoạt động này thì công tác tư tưởng sẽ thiếu sức thuyết phục và không đóng góp được gì vào xây dựng đường lối chính sách của Đảng.

Mọi người đều hiểu rằng trong hai cuộc kháng chiến trước đây ; việc nghiên cứu vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn cách mạng và chiến tranh cách mạng Việt Nam đã có những thành công to lớn, chẳng những đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, mà còn có những cống hiến xuất sắc vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nhưng việc làm đó chủ yếu là của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, chứ chưa phải là hoạt động rộng rãi của công tác tư tưởng. Trong hai cuộc kháng chiến, công tác rút kinh nghiệm được tiến hành thường xuyên, công tác tổng kết thực tiễn có làm nhưng chưa được nhiều, mà chủ yếu là làm sau hòa bình được lập lại ở miền Bắc và sau khi cả nước được giải phóng.

Tư tưởng và văn hóa gắn bó chặt chẽ với nhau. Trong mọi lĩnh vực của đời sống con người, của đời sống xã hội, không có lĩnh vực nào không có khía cạnh văn hóa của nó. Ví như : văn hóa chính trị, văn hóa đạo đức, văn hóa pháp luật, văn hóa môi trường v.v..

Nhận thức về sự gắn bó này chưa thật đầy đủ nên trong công tác tư tưởng chỉ chú trọng về kiến thức khoa học mà chưa thật chú ý đến khía cạnh văn hóa và chưa dựa vào văn học nghệ thuật để giáo dục khía cạnh tình cảm chính trị, tinh thần, đạo đức của người quân nhân.

Nhận thức là một quá trình, lại thêm hoàn cảnh khó khăn của chiến tranh nên khó có thể nhận thức đầy đủ ngay và làm tốt mọi việc về công tác tư tưởng. Nhưng, dù sao đó cũng là những hạn chế của công tác tư tưởng trong hai cuộc kháng chiến vừa qua.

2- Xác định đúng đắn phương hướng nội dung là yếu tố cơ bản quyết định sự thành công của công tác tư tưởng.

Chính trị của quân đội ta là chính trị thuộc hệ tư tưởng của giai cấp công nhân. Hệ tư tưởng đó thể hiện tập trung ở chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; ở tư tưởng Hồ Chí Minh ; ở đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

Trên nền tảng của hệ tư tưởng đó, công tác tư tưởng đã tập trung vào quán triệt đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lấy nó làm phương hướng trung tâm và điểm xuất phát cho mọi hoạt động của mình. Từ đường lối đó mà tập trung vào giải quyết sâu sắc hai vấn đề cơ bản : dân tộc và giai cấp. Hai vấn đề này gắn bó chặt chẽ với nhau vì một khi đất nước bị xâm lược thì không có một lợi ích giai cấp nào khác ngoài lợi ích dân tộc và nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc là nhiệm vụ trước tiên của cả dân tộc ta. Mặt khác, trong thời đại ngày nay, muốn có độc lập dân tộc thực sự thì phải tiến lên chủ nghĩa xã hội và chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đưa lại ấm no và hạnh phúc cho nhân dân ta.

Từ đường lối đó, công tác tư tưởng đã chăm lo xây dựng bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân, tính dân tộc cho quân đội, xây dựng mục tiêu lý tưởng chiến đấu, xây dựng lòng yêu nước nồng nàn, lòng căm thù giặc sâu sắc ; xây dựng quyết tâm chiến đấu và giải quyết đúng đắn mối quan hệ với kẻ thù, với Đảng và Nhà nước, mối quan hệ nội bộ, quan hệ với nhân dân, với bạn bè quốc tế ...

Với kẻ thù, công tác tư tưởng đã tập trung làm rõ bản chất xâm lược, âm mưu, thủ đoạn của chúng và trên cơ sở đó mà xây dựng lòng căm thù sâu sắc, không mơ hồ

ảo tưởng, luôn luôn cảnh giác và xây dựng quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược.

Với Đảng, công tác tư tưởng đã chăm lo giáo dục cho bộ đội nhận rõ Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân và của dân tộc, là lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và xây dựng cho bộ đội lòng tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và lòng trung thành vô hạn với sự lãnh đạo đó.

Với nhà nước, công tác tư tưởng đã giáo dục cho bộ đội quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân và vì dân ; nhà nước là cơ quan quản lý đất nước và do Đảng lãnh đạo. Quân đội là công cụ bạo lực của nhà nước, phải tuyệt đối chấp hành mệnh lệnh và pháp luật của nhà nước vì nó thể hiện ý chí của nhân dân.

Với nội bộ, công tác tư tưởng đã chăm lo giáo dục cho bộ đội đoàn kết là yếu tố nhân hòa, là nguồn gốc của sức mạnh. Tinh đoàn kết đó được xây dựng trên cơ sở sự thống nhất giữa các thành viên về mục tiêu lý tưởng chiến đấu, về đường lối nhiệm vụ cách mạng do Đảng đề ra và thực hiện dân chủ rộng rãi, kỷ luật nghiêm trong đơn vị. Đó là cơ sở để xây dựng mối quan hệ đồng đội, bình đẳng về chính trị, tình thương yêu lẫn nhau, đoàn kết giúp nhau hoàn thành nhiệm vụ.

Đối với nhân dân, công tác tư tưởng đã chăm lo giáo dục cho bộ đội thấy rõ quân đội ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu. Nhân dân là nguồn gốc sức mạnh của quân đội, là tường đồng vách sắt, là chỗ dựa vững chắc để quân đội tồn tại và cùng nhân dân đánh giặc. Quân đội phải gắn bó máu thịt với nhân dân, kính trọng

nhân dân, bảo vệ nhân dân, giúp đỡ nhân dân, biết học tập nhân dân, biết vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước.

Với bạn bè quốc tế, công tác tư tưởng đã giáo dục cho bộ đội tinh thần quốc tế trong sáng. Nhờ vậy, quân đội ta đã tranh thủ được sự giúp đỡ của nhân dân và quân đội các nước anh em cùng nhân dân tiến bộ trên thế giới cũng như đã làm trọn nghĩa vụ quốc tế với cách mạng Lào và Cam-pu-chia.

Công tác tư tưởng đã chăm lo giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống quân sự của dân tộc, giáo dục đường lối trong nhân dân của Đảng mà hạt nhân của nó là phát huy sức mạnh tổng hợp để chỉ đạo cho hành động của cán bộ và chiến sĩ, làm cơ sở cho sự sáng tạo của họ trong hoạt động quân sự.

Nhờ có sự lựa chọn đúng đắn phương hướng nội dung cơ bản trên đây, công tác tư tưởng đã góp phần tạo ra cả phẩm chất và năng lực làm cho quân đội ta chẳng những có tinh thần dám đánh và quyết đánh mà còn biết đánh thắng kẻ thù. Đặc biệt là đã góp phần xây dựng nên những truyền thống vẻ vang của quân đội. Đó là : tính trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân ; tinh thần quyết chiến quyết thắng, tự lực tự cường, mưu trí, sáng tạo, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, đoàn kết nội bộ, dân chủ rộng rãi kỷ luật nghiêm ; đoàn kết quân dân, đoàn kết quốc tế.

3- Thực hiện đúng đắn các nguyên tắc là yếu tố quan trọng để công tác tư tưởng đạt tới chất lượng và hiệu quả cao.

Nguyên tắc là điều hướng dẫn cho phương thức tiến hành công tác tư tưởng.

Nguyên tắc được hình thành là do nhận thức được quy luật khách quan. Việc thực hiện các nguyên tắc không phải dễ. Nó đòi hỏi phải có cả một hệ thống kiến thức khoa học, nhất là phương pháp luận mác xít để nghiên cứu đối tượng và hoàn cảnh, nghiên cứu quy luật của quá trình nhận thức và quy luật của sự biến đổi "chất liệu" người, của những biến đổi của quá trình cách mạng thì mới nắm được bản chất của nguyên tắc và thực hiện được tốt nguyên tắc.

Qua thực tiễn hoạt động của công tác tư tưởng, chúng ta đã rút ra những nguyên tắc như : tính đảng, tính khoa học, gắn với thực tiễn, phát huy sức mạnh tổng hợp, kết hợp xây và chống. Đặc biệt, đã rút ra những phương hướng chủ yếu mà nguyên tắc đòi hỏi phải thực hiện để đạt tới chất lượng và hiệu quả của công tác tư tưởng.

- Nguyên tắc tính đảng :

Công tác tư tưởng phải đứng trên lập trường giai cấp công nhân, xuất phát từ thế giới quan mác xít, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng để lý giải các vấn đề của đất nước trong cuộc đấu tranh chống xâm lược.

Nội dung của các vấn đề huấn luyện, tuyên truyền phải có phương hướng chính trị, giai cấp rõ ràng, không để lọt vào đó những gì gây ra mơ hồ, ảo tưởng làm ảnh hưởng đến nhận thức của cán bộ và chiến sĩ. Phải đấu tranh không khoan nhượng chống lại mọi tư tưởng thù địch với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối, chủ trương chính sách của Đảng.

- Nguyên tắc tính khoa học :

Công tác tư tưởng phải nắm vững phương pháp duy vật biện chứng để xem xét các hiện tượng, các sự kiện một cách cụ

thể và theo quan điểm toàn diện, phát triển để nắm được bản chất, tìm ra quy luật vận động của hiện tượng, sự kiện để tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn hành động cho bộ đội.

Công tác tư tưởng phải bảo đảm tính khách quan, chân thật, dám nhìn thẳng vào sự thật và đánh giá đúng sự thật, nói rõ cả thuận lợi và khó khăn, không "tô hồng", không "bôi đen", không che dấu khuyết điểm, không cường điệu thành tích. Chỉ có như vậy cán bộ và chiến sĩ mới có căn cứ thực sự chính xác, khoa học về ưu khuyết điểm và nguyên nhân để tìm cách phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm có hiệu quả.

- Nguyên tắc gắn lý luận với thực tiễn :

Phải bám vào thực tiễn cách mạng, thực tiễn xây dựng và chiến đấu của quân đội kịp thời giải đáp những vấn đề do thực tiễn đặt ra, giúp cán bộ, chiến sĩ xác định phương hướng và cách thức hành động nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của họ.

Ngoài nhiệm vụ hướng dẫn cho hoạt động của cán bộ, chiến sĩ còn giúp họ xây dựng bản thân. Vì vậy, công tác tư tưởng cần liên hệ với thực tiễn của bản thân cán bộ và chiến sĩ, giúp họ sau khi tiếp thu quan điểm lý luận có thể kiểm tra nhận thức, tư tưởng và hành vi của họ, phân biệt đúng sai, phát huy cái đúng, gạt bỏ cái sai để tạo ra sự biến đổi ở bản thân họ.

- Nguyên tắc phát huy sức mạnh tổng hợp :

Công tác tư tưởng biết tác động một cách toàn diện vào các hình thái ý thức thì mới tạo ra bộ mặt chính trị, tinh thần, đạo đức hoàn chỉnh cho người quân nhân.

Kết hợp chặt chẽ các tác động của công tác giáo dục, kết hợp công tác tư tưởng với

công tác tổ chức, chính sách ; kết hợp giáo dục của quân đội với giáo dục của hệ thống chính trị của nhà nước, giáo dục của nhân dân.

Sử dụng tối ưu các hình thức, biện pháp giáo dục như : tổ chức học tập chính trị thường xuyên, kết hợp huấn luyện giáo dục với tuyên truyền cổ động, công tác văn hóa, văn nghệ, phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng ; kết hợp giáo dục của lãnh đạo, chỉ huy, của tập thể, của môi trường với tự giáo dục, tự rèn luyện của cán bộ, chiến sĩ, nhất là sử dụng có hiệu quả sinh hoạt phê bình và tự phê bình.

- Nguyên tắc kết hợp xây và chống :

Công tác tư tưởng phải thường xuyên chống lại những tàn dư của quá khứ, những ảnh hưởng tiêu cực của môi trường và nhất là phải chống lại mọi luận điệu thù địch của kẻ thù mới có thể xây dựng lập trường, tư tưởng đạo đức cách mạng cho người quân nhân. Vì rằng, mỗi người quân nhân ít nhiều đều chịu sự tác động của những tàn dư quá khứ, của những tiêu cực từ môi trường kinh tế thị trường và nhất là những luận điệu xuyên tạc của kẻ thù.

Trong mối quan hệ giữa xây và chống phải lấy xây làm chính, có xây mới chống được và chống cũng chỉ để xây v.v..

Ba bài học kinh nghiệm cơ bản và chủ yếu của công tác tư tưởng trong quân đội trong hai cuộc kháng chiến trước đây vẫn giữ nguyên giá trị trong giai đoạn cách mạng mới. Ngày nay, nhân dân ta đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược : xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong bối cảnh lịch sử có nhiều thuận lợi, nhưng cũng có nhiều thách thức. Sự phát triển của nhiệm vụ cách mạng và quân đội đang đòi hỏi công tác tư tưởng phải có nhiều sáng tạo và phát triển mới. □

NHỚ LẠI

Sài Gòn

NGÀY GIẢI PHÓNG

HẢI NINH *

NHIỆM vụ trao cho đoàn quay phim chúng tôi là bám theo mặt trận phía tây nam Sài Gòn, xuyên thẳng vào tận hang ổ cuối cùng của Mỹ - ngụy là dinh tổng thống ngụy quyền, ghi cho được những giờ phút lịch sử, những giây phút chiến thắng vinh quang của cuộc chiến tranh giải phóng và thống nhất vĩ đại nhất của dân tộc từ trước đến nay.

Đoàn quay phim mặt trận chúng tôi có sáu người : Hải Ninh, Hoàng Tích Chỉ, Nguyễn Khánh Dư, Trần Trung Nhân, Đặng Đình Hùng, Trần Thúy Lan đã lên đường tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh với tốc độ cơ giới, hy vọng sẽ đuổi kịp cuộc hành quân thần tốc của các binh chủng quân đội đang tiến về Sài Gòn. Nhưng chúng tôi đến được nơi này thì quân dân ta đã giải phóng đất đai, tiêu diệt giặc từ hôm trước. Tình thế mặt trận diễn biến từng giờ, thay đổi từng ngày, không thể nào nắm bắt được. Các khu tập trung chiến lược, căn cứ quân sự, kho tàng, bến cảng, cho tới các thành phố bị chiếm đóng lâu nay nhanh chóng bị tan rã, sụp đổ. Các vùng quê trải dài từ đồng bằng lên cao nguyên, từ miền núi xuống vùng biển, cờ giải phóng, cờ đỏ sao vàng tung

bay rợp trời trong niềm vui chiến thắng của nhân dân vùng giải phóng.

Cho đến sáng ngày 30-4-1975, chúng tôi tiếp cận được phòng tuyến ngoại vi Sài Gòn từ hướng tây nam. Trước ống kính của chúng tôi lúc này là các binh chủng xe tăng, xe bọc thép, các đoàn quân giải phóng đang rầm rập tiến về Sài Gòn. Khoảng cách cuối cùng của một cuộc chiến tranh đang diễn ra với tốc độ khủng khiếp.

Phòng tuyến bảo vệ đô thành phía tây nam của địch bị phá vỡ từng mảng. Từng cụm xe tăng đề kháng của giặc ở cầu Bông bị đập nát, lổn nhổn lăn lóc dưới chân cầu. Từng đoàn ô tô nhà binh nối đuôi nhau chông chắt tắc nghẽn, nằm chết hai bên đường quốc lộ. Ngay ngoại vi phi trường Tân Sơn Nhất, một máy bay trực thăng chạy trốn không thoát mắc kẹt giữa các vòng dây điện chằng chịt trên gác thượng một ngôi nhà. Ngược lại với các mũi tiến công như vũ bão của quân giải phóng là đám sĩ quan, binh lính ngụy tháo chạy, vừa chạy vừa vứt vũ khí xuống đường, vừa trút các bộ quần áo lính loang lổ, bê bết máu me, cát bụi chiến trường. Hàng chục cây số đường vào thành phố mặt đường ngập ngựa áo quần, mũ măng, lon cò, giày dép của lính ngụy, giống như một con rắn độc vừa quần quai chạy trốn, vừa trút bỏ bộ da loang lổ tội ác của mình.

Cảnh tượng ấy còn kỳ lạ hơn, khi không thấy một anh lính giải phóng nào đuổi bắt, ngăn chặn, tra xét bọn tàn quân đang lũ lượt chạy trốn. Chúng chạy trong nỗi khiếp sợ và kinh hoàng trước các cuộc hành quân thần tốc, trước sức mạnh bão táp của quân

* Nghệ sĩ nhân dân

giải phóng. Chúng chạy trong cơn hoảng loạn đến cực độ với bộ mặt sấm hối cuộc đời làm tay sai cho Mỹ ; nhưng lại le lói trong cặp mắt của chúng một niềm tin khoan dung, độ lượng của nhân dân, của những người chiến sĩ giải phóng và tự "lột xác" mình để được tha thứ. Có lẽ chưa có một cuộc chiến tranh nào trong lịch sử dân tộc diễn ra những cảnh tượng lạ kỳ đến như vậy. Bên cạnh sức mạnh về ý chí chiến đấu, về vũ khí hiện đại của quân dân ta trong trận quyết chiến cuối cùng, còn có một sức mạnh thần kỳ tiềm ẩn sâu trong lòng một dân tộc là biết lấy "đại nghĩa thắng hung tàn".

Vào khoảng 10 giờ sáng ngày 30-4-1975, bám theo mũi tiến quân đầu tiên tiến vào thành phố, chúng tôi đã lọt vào cửa ngõ phía tây Sài Gòn, trước bệnh viện "Vi dân". Máy quay của chúng tôi đang nhô cao để lấy cho được hình ảnh các đoàn quân giải phóng thì bất ngờ vấp phải đạn hóa học do các ổ đề kháng của địch trên các nhà tầng cao bắn xuống. Chỉ sau ít phút mọi người đã thấy choáng váng, đứng không vững trên xe. Đôi tay cầm máy của anh Khánh Dư đã bắt đầu run lên. Không thể để mất hình ảnh lịch sử ngàn năm mới có một lần, anh em trong đoàn đã nhanh chóng quan hệ với dân chúng bên đường phố lấy khăn ướt bảo vệ cho mọi người trong đoàn. Mặc cho tiếng súng kẻ thù vẫn nổ, song sáu anh em vẫn bình tĩnh đứng vững trên chiếc xe của mình để ghi trọn vẹn vào ống kính quay phim những giây phút lịch sử vô cùng quý giá.

Xe chúng tôi tiếp tục bám theo đoàn xe tăng đang tiến về dinh Tổng thống ngụy quyền. Để có được hình ảnh lịch sử quan trọng nhất như nhiệm vụ được giao, chúng tôi cho xe tăng tốc vượt lên đầu đoàn xe tăng. Lúc này tôi và anh Khánh Dư phải ra ngồi trên mũi xe để không bị vướng, quay cho rõ, cho đẹp. Chiếc xe đã đuổi kịp đoàn

xe tăng. Mặt đường chấn động dữ dội vì tốc độ tấn công của cả một đoàn xe tăng. Chiếc xe con của chúng tôi cũng bị rung lên. Để vượt lên phía trước, anh Trần Thúy Lan phải vận dụng hết tài năng và lòng dũng cảm để luồn lách qua các dòng xe chạy loạn trên đường, có lúc xe bị ép lại giữa đoàn xe tăng và hàng dãy xe dài nằm chết bên đường. Khi chiếc xe sắp vượt lên đầu đoàn xe tăng thì bỗng nhiên hai chúng tôi bị tung bổng lên không trung rồi rơi trên mặt đường, nằm kề gang tấc bên những vòng xích xe tăng. Một sự cố bất ngờ xảy ra trên đường phố, chiếc xe phải phanh lại đột ngột để tránh một tai nạn chết người cho dân. Tuy bị thương nhưng tôi còn đủ tỉnh táo đưa mắt tìm kiếm anh Khánh Dư trong đám bụi mù của vòng xích xe tăng, và ứa nước mắt... Chuyện gì đã xảy ra... lẽ nào giữa những giây phút lịch sử thiêng liêng nhất chúng tôi lại chia tay nhau... Nếu số phận của anh và chiếc máy quay không còn nữa thì chúng tôi mất tất cả, không còn "vũ khí" để chiến đấu. Lo lắng về nhiệm vụ, nao lòng vì tình đồng đội, lại bị thương ở chân, người tôi như bị lên cơn sốt ác tính khi được đưa vào nhà dân để cứu chữa.

Tôi sung sướng biết bao khi thấy anh Hoàng Tích Chỉ trở lại đón tôi với gương mặt rạng rỡ, tôi hiểu ngay đã không có chuyện buồn xảy ra.

Chúng tôi đã hoàn thành những cảnh quay một cách trọn vẹn. Song điều đáng tiếc nhất là không lấy được cảnh chiếc xe tăng của quân giải phóng húc đổ cái cổng sắt trước dinh lũy cuối cùng ngụy quyền Sài Gòn.

Tối hôm đó, khi nằm đau ê ẩm trong phòng chiếu của một xưởng làm phim tâm lý chiến Mỹ - ngụy ở số 7 Thi Sách, anh Khánh Dư vừa hút thuốc lá vừa kể một cách khoái chí về cái thân hình gầy gò xương

nhưng đầy tự hào của mình. Cho đến lúc ấy anh vẫn không giải thích được, khi anh bị chiếc xe hất tung ra hàng chục thước, mười phần chết chín, không bị xích xe tăng nghiền thì cũng nát xương, nhưng anh lại thoát hiểm, không chết. Và cũng không hiểu bằng cách nào chiếc máy quay vẫn được bảo vệ trong vòng tay của anh, toàn thân cuộn tròn lăn lông lốc trên đường phố mà chiếc máy quay không bị hỏng. Cho đến nay chuyện ấy vẫn còn nằm trong vòng bí ẩn. Chúng tôi tự giải thích với nhau có lẽ đó là khí thiêng của trời đất, tổ tiên, của cả dân tộc đã phù hộ, che chở cho chúng tôi để hoàn thành nhiệm vụ.

*

Đoàn quay phim mặt trận chúng tôi đã có mặt ở dinh "Độc lập" vào trưa ngày 30-4-1975, đúng như lệnh chiến dịch ban ra từ Hà Nội. Lá cờ đỏ sao vàng đã ngạo nghễ tung bay trên nóc nhà dinh Tổng thống ngụy quyền Sài Gòn.

Đồng chí Phó chính ủy quân đoàn chiến thắng đánh chiếm dinh Tổng thống ngụy quyền cho chúng tôi biết trên lầu có mặt đủ các nhân vật từ Tổng thống, Thủ tướng, Phó thủ tướng ngụy quyền, cho tới các "vị dân biểu". Chúng tôi sẵn sàng trong tư thế bấm máy ghi một cách bất thần những trạng thái, diện mạo chân thật nhất của đối phương. Vừa bước chân lên khỏi bậc thang cuối cùng của tầng trệt, tiếng máy quay trên tay anh Khánh Dư đã kêu sè sè. Trước ống kính là một đám người phờ phạc, đứng ngồi lổn nhổn. Khi phát hiện thân hình to lớn của tướng Dương Văn Minh đang cúi đầu đi lại quanh quần trên hành lang một cách đơn độc và trầm lặng, máy chúng tôi đã bám sát ghi trọn trạng thái khủng hoảng, bế tắc của vị "Tổng thống" cuối cùng của chính quyền Sài Gòn.

Khi biết chúng tôi là ai, khó khăn lắm Dương Văn Minh mới lấy lại được tư thế. Bàn tay của vị "Tổng thống" phác vào không khí nhiều lần mới cất lên được tiếng nói : "... kính vỡ... uống quá... loại kính này đắt tiền lắm... uống quá...".

Chúng tôi nhìn nhau khó hiểu, như đang đứng trước một người mê sảng. Có lẽ đó là sự nuối tiếc một cuộc sống vàng son trên chiếc "ngai vàng" đầy quyền uy và giàu có đã sập đổ tan tành.

Máy quay của chúng tôi lướt qua từng gian phòng đang chứa đầy áp các "vị dân biểu" nằm ngồi ngổn ngang. Có "vị" đánh trần, quạt phành phạch bằng tờ báo. Kể ra dưới cái nóng tháng tư của Sài Gòn mà không có điều hòa nhiệt độ thì cực thật. Có lẽ là lần đầu tiên trong đời phải chịu khổ của những kẻ quen sống trên bơ sữa này. Sự xuất hiện bất ngờ của các phóng viên quay phim quân giải phóng đã gây những phản xạ náo loạn trong các gian phòng. Ông kính đã ghi lại một cách tự nhiên các "vị dân biểu" vội chỉnh lại tư thế, có người đang cời trần vội xỏ vào chiếc áo, người nào không kịp sửa sang lại quần áo thì vội xoay mặt đi, dấu mặt sau lưng người khác. Nhưng hầu hết các cặp mắt đều trở lên nhìn như không hiểu gì cả. Một cái gì đã sập đổ quá nhanh đã làm cho họ choáng váng, bàng hoàng, và cam chịu sự phán xét của lịch sử.

Người có dáng điệu bình tĩnh hơn cả là Nguyễn Văn Hảo - Phó thủ tướng chính quyền Sài Gòn. Hảo biết tự trấn an cho mình và cố giữ thể diện của một "chính khách" lúc thất thế bằng một câu nói khá kiểu cách : "Chúng tôi chờ đợi các ông vào thương thuyết, không ngờ các ông vào với sức mạnh". Nếu Hảo thông minh và tỉnh táo hơn một chút thì sẽ không nói như vậy, vì chỗ đứng của ông ta lúc này là một tù binh. Nhưng để làm sáng tỏ một sự thật, tôi đã nói với Hảo.

- Nếu ông không tự dối mình thì điều ông vừa nói là một sự xuyên tạc sự thật. Cứ giả thử như các ông có ý định đó, như vậy các ông sẽ giải thích thế nào những hành động tử thủ chống đối cách mạng một cách ngoan cố ở Xuân Lộc, Đồng Xoài, Biên Hòa, Bà Rịa, cầu Tân Cảng (Sài Gòn) ... Ngay tại đây nhìn qua khe cửa, các ông có thể thấy rõ những ổ đề kháng bằng xe tăng, xe bọc thép, súng ống hạng nặng của các ông đặt xung quanh dinh lũy cuối cùng này, không chứng minh cho những điều ông vừa nói.

Hảo đầu dụ, tỏ vẻ biết điều hơn.

- Các ông chiến thắng là phải, vì các ông có tổ chức.

- Ông mới nói đúng một phần, điều quan trọng hơn là chúng tôi có chính nghĩa, chúng tôi chiến đấu vì nhân dân, chiến đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước. Ông giải thích thế nào về hành động của Nguyễn Văn Thiệu đã bỏ các ông trong cơn binh lửa để chạy thoát thân với 4 tấn vàng ? Đúng lúc ấy một dáng người béo lùn mà sau này tôi biết là Vũ Văn Mẫu - Thủ tướng chính quyền Sài Gòn - vội chạy đến thanh minh.

- Thưa quý ông, tôi lấy danh dự bảo đảm với quý ông là ông Hảo đã có công ngăn cản ông Thiệu (tức Nguyễn Văn Thiệu, nguyên Tổng thống chính quyền Sài Gòn) giữ lại 4 tấn vàng. Trong lúc đối thoại anh Đặng Đình Hùng đã bật máy ghi âm, Nguyễn Văn Hảo đã phản ứng.

- Tôi đề nghị các ông không được ghi âm, nếu không chúng tôi cũng ghi âm.

Sự kìm nén cũng có giới hạn, tôi nghiêm mặt nhắc lại lần thứ hai về vị trí của Hảo lúc này.

- Ông không còn cái quyền đó nữa rồi !

*

Chúng tôi đảo một lượt quanh "Phủ đầu rồng", đã một thời không biết bao nhiêu báo

chí phương Tây đã nói về nó như một dinh lũy chống cộng khét tiếng, được miêu tả như một pháo đài kiên cố, mà mấy quả bom phản chiến của Nguyễn Thành Trung ném trúng chính giữa ngôi nhà chỉ khoét được một cái lỗ to bằng cái nông.

Trong phòng làm việc của Thiệu còn giữ nguyên trạng 6 chiếc ghế bọc gấm hoa cho Tổng thống và các "đại thần". Chiếc ghế của Tổng thống to hơn một chút. Đặc biệt có một nút điện báo động đặt rất kín đáo dưới tay ngay chiếc ghế.

Trên tường treo một bức tranh sơn dầu vẽ vùng biển quê hương miền trung của Thiệu.

Ông kính của chúng tôi đặc biệt chú ý tới tấm bản đồ Việt Nam bọc nylon cẩn thận treo trên tường phòng họp các tướng lĩnh của Thiệu. Các mũi tiến công của quân cách mạng tràn xuống phía nam như nước vỡ bờ được ghi trên bản đồ một cách chân thật, không chút dấu điểm.

Len lỏi qua các dãy đầu thú dữ nhồi do các tướng tá đem về tặng "người hùng" từ các chiến trường rừng núi Tây Nguyên, chúng tôi lên tận lầu trên cùng. Đây là tầng lầu bí mật của Tổng thống, được canh gác cẩn mật "nội bất xuất, ngoại bất nhập". Ở đây Thiệu cho đặt một máy tiềm vọng kích, ngày đêm nhìn ngó ra xung quanh thành phố. Tình hình biến động trong thành phố có thể xem xét qua chiếc ống nhòm ma quái này. Tinh võ biền mà lại nhút nhát như Thiệu được bộc lộ rất rõ ở hai vật thể đặt cạnh nhau - chiếc tiềm vọng kính là nỗi lo âu ám ảnh hàng ngày của Thiệu được đặt bên hai con hổ nhồi nhe nanh vuốt dọa dẫm, huỳnh hoang. Trước kia mọi thứ được giấu kín, bây giờ được phơi bày ra ánh sáng, lộ

(Xem tiếp trang 16)



Một số định hướng VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN NƯỚC TA

LƯU BÍCH HỒ *

1- Hiện đại hóa nền nông nghiệp.

Nông nghiệp nước ta đến nay về cơ bản vẫn là một nền nông nghiệp kém phát triển, tỷ suất hàng hóa chưa cao (khoảng 30%), kỹ thuật sản xuất ở trình độ thấp, nhiều nơi còn lạc hậu, nhất là ở miền núi. Sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, thế giới còn thấp. Những mặt hàng xuất khẩu chủ lực hàng đầu chưa nhiều (gạo, cà phê, cao su, thủy sản, hạt điều, hạt tiêu...), và vẫn chỉ là sản phẩm nguyên liệu thô, trình độ chế biến thấp. Mặc dù, trong những năm gần đây có nhiều tiến bộ, nhưng với sự cạnh tranh trong quá trình hội nhập ngày càng gia tăng và khắc nghiệt hơn, xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp đang đứng trước thách thức và nguy cơ chững lại hoặc bị đẩy lùi, trong đó nổi lên là giá cả thấp và ế thừa sản phẩm.

Giải pháp cơ bản là phải đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái của từng vùng và từng loại sản phẩm. Hiện nay, năng suất của một số cây trồng đã ở mức khá (lúa : 4,25 tấn/ha, cà phê : 1,35 tấn/ha, cao su : 1,1 - 1,2 tấn/ha, chè : 0,7 tấn/ha, hạt tiêu : 1,5 - 1,7 tấn/ha, hạt điều : 0,5 - 0,7 tấn/ha,...) ; tuy nhiên, so với thế giới và các nước xung

quanh thì vẫn ở mức rất thấp. Trên một héc-ta đất canh tác, chúng ta mới tạo được khoảng 570 USD giá trị gia tăng và khoảng 925 USD giá trị sản xuất ; trong khi đó, nhiều nước đã đạt mức cao hơn gấp 5 - 10 lần. Vì vậy, tăng năng suất sản phẩm gắn với tăng năng suất lao động trên một đơn vị diện tích canh tác là chủ trương đúng đắn và còn nhiều tiềm năng để khai thác. Chỉ có đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, mới đưa lao động ra khỏi khu vực nông nghiệp mà vẫn đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng trong nước và tăng xuất khẩu.

2- Phát triển công nghiệp ở nông thôn.

Hình thức chủ yếu để phát triển công nghiệp ở nông thôn nước ta đã bắt đầu và có triển vọng là xây dựng các đô thị nhỏ được gọi là thị tứ và lớn hơn là thị trấn ; những trung tâm của xã, liên xã hoặc huyện. Nơi đây, hạ tầng kỹ thuật khá ; đường sá tốt để mở rộng giao lưu ; có nhiều điều kiện để phát triển các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống dân cư, kể cả trường học, cơ sở y tế, thông tin, văn hóa... Có thể xây dựng những

* TS, Viện trưởng Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

cơ sở công nghiệp nhỏ và vừa, tạo thành những điểm công nghiệp để sử dụng kết cấu hạ tầng của đô thị, thu hút lao động của nông thôn ; quy hoạch các điểm dân cư gắn với công nghiệp và đô thị... Các cơ sở công nghiệp này trở thành vệ tinh cho các khu công nghiệp tập trung và công nghiệp ở các đô thị lớn. Hiện nay, những mô hình như vậy đã xuất hiện rải rác ở nhiều nơi, song công nghiệp trong đó còn nhỏ bé, thưa thớt. Yếu tố quan trọng là nguồn vốn ban đầu để xây dựng hạ tầng, chủ yếu của Nhà nước hoặc vốn vay nước ngoài. Đồng thời, cần có chính sách khuyến khích đủ mạnh để nhân dân tự bỏ vốn thành lập doanh nghiệp ; thu hút các doanh nghiệp ở thành phố mở rộng phạm vi hoạt động về nông thôn ; thu hút đầu tư nước ngoài, kể cả người Việt Nam ở nước ngoài ; mở rộng tín dụng của nhà nước, của tập thể, của tư nhân nước ngoài. Yếu tố tiếp theo là nguồn nguyên liệu, cần xây dựng các vùng sản xuất nguyên liệu nông sản tập trung ; đẩy mạnh tìm kiếm và mở rộng thị trường, tiếp thị, chuyển giao công nghệ ; đào tạo bồi dưỡng nguồn lao động có kỹ thuật và trình độ quản lý phù hợp. Vừa qua, Chính phủ đã ban hành một loạt chính sách và văn bản pháp quy về khuyến khích phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa (CNH), đặc biệt ở khu vực nông thôn. Vấn đề là ở chỗ tổ chức triển khai thực hiện như thế nào cho có hiệu quả.

3- Giảm bớt tỷ trọng lao động làm nông nghiệp.

Có thể xem đây là một tiêu chí quan trọng bậc nhất để thực hiện và đánh giá kết quả quá trình CNH ở nông thôn. Hiện nay, số lao động làm nông nghiệp còn chiếm trên 62% lao động toàn xã hội. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động trong 10 năm qua đã có một bước tiến đáng kể (từ khoảng 72% xuống trên 62%).

Chương trình chiến lược kinh tế - xã hội đất nước đã đề ra mục tiêu : đến năm 2005 giảm lao động nông nghiệp còn khoảng 57%, năm 2010 còn khoảng 50%, năm 2020 còn khoảng 25 - 30%. Những chỉ tiêu này được tính toán theo cách tiếp cận về sức chứa của việc làm nông nghiệp đối với lao động gắn với yêu cầu tăng năng suất lao động ; về yêu cầu nâng cao mức thu nhập của người lao động và dân cư làm nông nghiệp tiến tới không thấp hơn mức trung bình của cả nước và có độ chênh lệch không quá lớn với thu nhập của người lao động ở đô thị (có thể vào khoảng 3 - 4 lần) ; về khả năng có thể mở rộng khu vực công nghiệp, dịch vụ để thu hút lao động ; về khả năng đào tạo kỹ năng cho người lao động chuyển từ nông nghiệp sang các ngành, nghề phi nông nghiệp ; về quá trình đô thị hóa nông thôn... Tuy nhiên, sự thách thức rất lớn vẫn còn ở phía trước mà những mục tiêu cần đạt tới còn chứa đựng những yếu tố không chắc chắn. Rõ ràng, để đạt những mục tiêu đó, phải tạo thêm nhiều việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn, đô thị vừa và nhỏ trên khắp các vùng. Có thể thấy, quá trình phát triển các đô thị này là một quá trình ken dày dần mạng lưới đô thị trên cả nước.

4- Nông nghiệp Việt Nam tham gia hội nhập quốc tế.

Theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010, khu vực nông nghiệp của Việt Nam sẽ chỉ còn khoảng 16 - 17% GDP, đến năm 2020 dự báo còn khoảng 10 - 12% GDP. Những tính toán này có thể cơ giải, bởi vì tốc độ tăng trưởng của khu vực nông nghiệp chỉ có thể ở mức 3 - 5%/năm trong tầm trung hạn và dài hạn, trong khi các khu vực khác đều có nhịp độ tăng cao hơn (công nghiệp khoảng 10 - 12%, dịch vụ khoảng 8 - 9%). Lao động cũng phải chuyển dịch theo xu thế trên. Vậy, Việt Nam có thể là

một "trung tâm" lớn về nông nghiệp ở Đông-Nam Á, trong ASEAN hay không ? Xét về khối lượng nông sản hàng hóa sản xuất ra để đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu thu ngoại tệ góp vào tăng trưởng kinh tế và tạo nguồn vốn cho phát triển tự thân nông nghiệp, thì đây là một khu vực không nhỏ (xuất khẩu nông, lâm, thủy sản vào năm 2010 ước tính chiếm khoảng 17% (9 tỉ USD) tổng giá trị xuất khẩu, đến khoảng 2020 sẽ đạt khoảng 10%). Nhưng xét về mặt giá trị, nông nghiệp chỉ có thể được xem là có khả năng tự nuôi sống mình và có một phần tích lũy không thật lớn cho nền kinh tế. Như vậy, nước ta không thể dựa vào nông nghiệp để trở thành phần vinh, hiện đại ; càng không phải là một "hậu phương" nông nghiệp rộng lớn bên cạnh các nước trong vùng có trình độ CNH và phát triển công nghiệp ở mức cao. Rõ ràng, không thể có một sự phân công lao động theo kiểu Việt Nam tập trung làm nông nghiệp và các nước xung quanh làm công nghiệp.

Do đó, việc hội nhập của nền nông nghiệp Việt Nam vào nền kinh tế khu vực và thế giới sẽ được diễn ra chủ yếu là thông qua việc xuất khẩu một số nông sản chủ lực như gạo (không quá 4 triệu tấn/năm), cà phê (không quá 80 vạn tấn), cao su (không quá 60 vạn tấn), thủy sản (không quá 3 tỉ USD) - những mặt hàng tương đối chắc chắn sẽ có thị trường tiêu thụ ổn định ; ngoài ra có thể có cả một khối lượng đáng kể rau quả, sản phẩm thịt chế biến được xuất khẩu với bước đi chậm hơn. Như vậy, một phần nông sản quan trọng tính theo cả hiện vật và giá trị vẫn là để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân Việt Nam và những người nước ngoài đến làm việc và du lịch ở Việt Nam. Theo hướng này, nông nghiệp nước ta có thể hiện đại hóa nhanh hơn, bền vững hơn.

5- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn nhìn theo giác độ vùng.

Nước ta có diện tích trải dài trên gần 15 vĩ tuyến (từ 8°41' đến 23°23' Bắc bán cầu), với địa hình phân dị phức tạp và các hệ sinh thái rất đa dạng. Sự tồn tại, phát triển nông nghiệp và nông thôn trên các vùng có nhiều nét rất khác nhau ; bởi vậy, bước đi, cách làm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng không giống nhau.

a) Các vùng đồng bằng :

Nước ta có 2 vùng nông thôn đồng bằng lớn là đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) và đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Đây là những địa bàn chủ yếu tạo ra các sản phẩm nông nghiệp quan trọng của cả nước, đặc biệt là lương thực, thực phẩm. Hai vùng này có lực lượng lao động dồi dào nhưng kỹ năng còn thấp ; do đó, thực hiện CNH nổi lên vấn đề chuyển dịch cơ cấu sản xuất và cơ cấu lao động.

- Đồng bằng sông Hồng đất ít, người đông, bình quân đầu người chỉ được 434 m² đất nông nghiệp. Hiện nay, nông sản chủ yếu vẫn là lúa, chăn nuôi và trồng cây thực phẩm. Phương hướng phát triển trung hạn và dài hạn ở đây ngoài việc tiếp tục gia tăng lúa gạo mà yêu cầu về mặt chất lượng phải được nâng cao nhanh để đáp ứng yêu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, là phải chuyển đổi mạnh cơ cấu cây trồng vật nuôi cho giá trị kinh tế cao như các cây thực phẩm, cây ăn quả, hoa tươi, lợn nhiều nạc và gia cầm, thủy sản nước ngọt. Phát triển mạnh các làng nghề thủ công nghiệp, nhất là thủ công nghiệp truyền thống và mở rộng nhiều điểm công nghiệp chế biến nông sản. Lao động nông nghiệp phải chuyển sang phi nông nghiệp khoảng 20% trong 5 năm tới và một bộ phận quan trọng cần

được chuyển ra ngoài vùng, kể cả xuất khẩu ra nước ngoài. Tổ chức sản xuất theo kinh tế hộ cần có sự tích tụ, tập trung ruộng đất và liên kết các hộ theo các hình thức hợp tác thích hợp để tạo điều kiện cho sản xuất hàng hóa quy mô lớn và kỹ thuật hiện đại. Cơ giới hóa đối với sản xuất lúa nước còn là một yêu cầu lớn nhưng chưa có mô hình tốt. Điện khí hóa sẽ được giải quyết dễ dàng hơn vì mạng điện đã phủ hầu hết vùng nông thôn. Thủy lợi hóa phải tập trung vào nâng cao mức độ chủ động về tưới và giải quyết khâu tiêu úng khi có bão lũ. Toàn bộ hệ thống hạ tầng gắn với các điểm đô thị và dân cư tuy đã được quy hoạch về cơ bản, song cần cụ thể hóa hơn trong thực tế với bước đi hợp lý, phù hợp với khả năng nguồn vốn cho phép.

- Đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa số 1 của cả nước (chiếm 48% sản lượng lương thực toàn quốc), cũng là vùng có số lượng nông sản, thủy sản xuất khẩu lớn nhất. Ở đây nổi lên 2 vấn đề lớn là sống chung với lũ định kỳ 3 - 4 tháng mỗi năm trên một địa bàn rộng lớn (khoảng 1/3 diện tích) và mạng lưới bảo quản, công nghiệp chế biến nông sản còn quá thưa thớt. Chất lượng nông sản ở đây còn thấp trong khi yêu cầu về đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm lại đang rất bức xúc. Lao động không dư thừa nhiều như ở ĐBSH, song vẫn cần khẩn trương tạo thêm việc làm nông nghiệp và phi nông nghiệp, đặc biệt là bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng lao động, đối với cả bộ phận lao động từ các vùng khác chuyển đến. Do địa hình sông ngòi chằng chịt và có mùa ngập lũ, việc phát triển kết cấu hạ tầng phải được xử lý hợp lý để vừa khai thác mặt thuận về giao thông đường thủy vừa khắc phục khó khăn hạn chế về đường bộ, cấp thoát nước, đặc biệt là cung cấp nước sạch cho dân cư.... Vấn đề phát triển văn hóa, nâng cao dân trí, nhất là cho một số địa bàn vùng sâu, vùng xa, đang

thực sự là vấn đề vừa thời sự bức xúc, vừa cơ bản lâu dài.

b) Các vùng trung du, miền núi :

Đặc trưng cơ bản của các vùng trung du miền núi là có quỹ đất nông nghiệp và lâm nghiệp khá lớn để phát triển các loại cây công nghiệp cả dài ngày và ngắn ngày, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc có sừng, trồng rừng làm nguyên liệu công nghiệp và bảo vệ môi trường. Dân cư và lao động ở các vùng này thưa thớt, nhiều nơi mật độ thấp, thiếu dân, thiếu lao động để khai thác đất đai. Trình độ phát triển nông nghiệp cũng như kinh tế nói chung còn hạn chế, nhất là ở miền núi. Nhiều vấn đề gai góc đặt ra cho sự phát triển và CNH không thể giải quyết một cách nhanh chóng.

- *Vùng trung du, miền núi phía Bắc :* Tuy đất đai không ít (bình quân đầu người đất nông, lâm nghiệp là 4 624 m², trong đó đất nông nghiệp là 1 267 m²), nhưng đất ở đây có chất lượng thấp, nhiều nơi bạc màu, thoái hóa ; đất miền núi càng kém hơn. Hệ sinh thái ở các vùng này thuận lợi cho phát triển cây lương thực có hạt (ngô), có củ (khoai, sắn), các cây ngắn ngày (lạc, đậu ...), cây dài ngày như chè, cây ăn quả, cây rừng, nguyên liệu giấy, gỗ trụ mỏ, rừng phòng hộ đầu nguồn. Yêu cầu đặt ra trong thập kỷ tới là phải ổn định và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp hàng hóa, phấn đấu nâng cao thu nhập của tất cả nông dân, xóa đói giảm nghèo ở những địa bàn còn nhiều khó khăn (có 1 100 xã đặc biệt khó khăn). Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản ; khai thác và chế biến khoáng sản với quy mô thích hợp. Tập trung cho xây dựng cơ sở hạ tầng như giao thông, cấp nước, thủy lợi, mạng lưới điện, mạng bưu điện - viễn thông ; các cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa. Cộng đồng người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ đáng kể đặt ra nhiều vấn đề về phát triển kinh

tế để nâng cao mức sống, về thực hiện các chính sách để nâng cao dân trí, đoàn kết dân tộc, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- *Tây Nguyên* : Đất đai Tây Nguyên rộng lớn và tốt hơn miền núi phía Bắc (bình quân đầu người đất nông, lâm nghiệp là 9 950 m²), trong đó đất nông nghiệp là 2 904 m². Đây là vùng có điều kiện thuận lợi để phát triển các cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày như cà phê, cao su, chè, bông, dâu tằm, cây rừng làm nguyên liệu giấy... Hướng đi tới là tiếp tục phát triển sản xuất hàng hóa với chất lượng và năng suất cao hơn để tạo nguồn hàng xuất khẩu có giá trị lớn hơn, gắn với chế biến sâu và đa dạng nguồn nông sản. Vấn đề phân bố lao động và dân cư đang và sẽ nổi lên với yêu cầu tăng thêm nguồn lao động có kỹ năng tốt ; bố trí dân cư hợp lý ; kết hợp làm nông nghiệp với các ngành nghề khác ; đoàn kết chặt chẽ đồng bào các dân tộc trên địa bàn (tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm 34%, có 43 dân tộc). Dân trí còn bị hạn chế nhiều đặt ra yêu cầu phải chú trọng phát triển giáo dục - đào tạo, văn hóa - thông tin, y tế và các dịch vụ xã hội cơ bản khác. Vấn đề di dân từ vùng khác đến đã diễn ra khá mạnh, thời gian tới cần được quy hoạch và tổ chức tốt để chủ động đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết tốt vấn đề đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Việc phát triển kết cấu hạ tầng không quá khó khăn phức tạp về địa hình cũng như sự phân bố đồng đều, nhưng có nhiều yêu cầu bức xúc, nhất là cần nguồn vốn đầu tư lớn.

c) Các vùng nông thôn ven biển :

Nước ta có dải ven biển dài trên 3 260 km với những đặc thù về khí hậu, hệ sinh thái khác nhau rõ rệt. Mặt thuận là có điều kiện mở rộng khai thác và nuôi trồng thủy sản, phát triển một số ngành nghề thủ công ; mặt

khó là thiên tai ác liệt thường xuyên, vấn đề môi trường nổi cộm, nhiều khu vực còn rất nghèo...

- Vùng ven biển Bắc Bộ (từ Quảng Ninh đến Ninh Bình) : ở đây nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy sản tuy có lâu đời, song phát triển ở mức trung bình hoặc yếu, chiếm khoảng 8% sản lượng của cả nước (do ngư trường ngoài biển có trữ lượng hải sản thấp). Nông nghiệp ven biển phát triển gắn nhiều với ĐBSH ; có nhiều tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ ven biển và trên vịnh gần bờ (Hạ Long, Bái Tử Long).

- Vùng ven biển miền Trung (từ Thanh Hóa đến Bình Thuận).

Cả vùng ven biển này có điều kiện phát triển các khu công nghiệp, các cảng biển, các đô thị cũ và mới, do đó quá trình CNH sẽ thu hút nhiều lao động vào các khu vực đó.

- Vùng ven biển Nam Bộ cả phía Đông Nam và phía Tây Nam (từ Bà Rịa - Vũng Tàu đến Kiên Giang).

Đây là dải đất có nhiều cửa sông, khí hậu ôn hòa, nhưng lại chịu nhiều tác động của nước lũ trong mùa lũ và nước mặn trong mùa kiệt, do đó, sản xuất nông nghiệp gắn với ĐBSCL, đánh bắt và nuôi thủy sản có nhiều điều kiện phát triển mạnh (hiện nay đã chiếm khoảng 57% sản lượng cả nước), nổi bật là nuôi tôm trên vùng có rừng cây ven biển. Vì vậy, ngoài những vấn đề đã nêu ở vùng ĐBSCL, việc phát triển ngành thủy sản phải được quy hoạch cân bằng giữa thủy sản và cây trồng, giữa lúa và tôm, coi trọng việc bảo đảm cân bằng sinh thái vùng rừng ngập mặn. Trong tương lai dài hạn, việc chuyển cơ cấu sang phi nông nghiệp và phi ngư nghiệp ở ĐBSCL còn là một bài toán khó chưa rõ mô hình.□

Thương mại và thị trường miền núi QUA NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI

HOÀNG THỌ XUÂN* - DOÀN CÔNG KHÁNH**

Kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra.

Những năm vừa qua, nhờ có chính sách cải cách, mở cửa và hội nhập, cộng với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự cố gắng, nỗ lực của các tỉnh, kinh tế - xã hội nói chung và thương mại, thị trường miền núi đã có nhiều khởi sắc, giao lưu hàng hóa ngày một phát triển. Thế mạnh của đất rừng, tài nguyên rừng đang từng bước đưa miền núi trở thành nền kinh tế hàng hóa gắn với thị trường cả nước và khu vực. Các loại hình dịch vụ gắn liền với lưu thông hàng hóa cũng dần dần phát triển. Hàng hóa phong phú, đa dạng về chủng loại đã đáp ứng được cơ bản nhu cầu của sản xuất, đời sống và góp phần ổn định giá cả thị trường. Thương nghiệp nhà nước đã thực hiện có kết quả việc cung ứng các mặt hàng chính sách với đồng bào miền núi, dân tộc thiểu số. Với hơn 70% cụm xã có điểm bán hàng của thương nghiệp nhà nước (kể cả đại lý), tăng gấp đôi so với năm 1996, trong 6 năm qua (1994 - 1999) một số mặt hàng thiết yếu được Nhà nước trợ giá, trợ cước đã góp phần quan trọng bình ổn thị trường, cải thiện đời sống

đồng bào các dân tộc thiểu số. Thương nghiệp dân doanh phát triển nhanh và ngày càng chiếm tỉ trọng cao trong bán lẻ, góp phần làm phong phú, sống động thị trường. Số liệu thống kê cho thấy năm 1999 có 185,4 nghìn người kinh doanh thương nghiệp, ăn uống, dịch vụ, hoạt động ở

19 tỉnh miền núi, vùng cao. Tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội của 19 tỉnh vùng cao, miền núi trong 5 năm 1995 - 1999 đạt hơn 82 000 tỉ đồng (tăng bình quân 16,35% năm).

Trong tổng số 1 500 doanh nghiệp thương mại, dịch vụ đang hoạt động trên địa bàn miền núi, vùng cao, số doanh nghiệp nhà nước là 294, chiếm 19,6 % (trung ương quản lý 43 doanh nghiệp, địa phương quản lý 251 doanh nghiệp), các doanh nghiệp ngoài quốc doanh là 1 206 (chiếm 80,4%).

Những năm gần đây, hoạt động xuất nhập khẩu của các tỉnh miền núi, vùng cao, nhất là các tỉnh có chung biên giới với Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia, được gia tăng mạnh cả về hình thức kim ngạch và mặt hàng.

Trong tổng số 43 cửa khẩu của cả nước (có 8 cửa khẩu quốc tế, 19 cửa khẩu quốc gia và 16 lối mòn cửa khẩu tiểu ngạch) có hơn 80% cửa khẩu nằm ở các tỉnh miền núi, với 7/8 cửa khẩu quốc tế và 7/19 cửa khẩu quốc gia được áp dụng chính sách ưu đãi.

* TS, Vụ trưởng, Bộ Thương mại

** Chuyên viên kinh tế, Bộ Thương mại

Kim ngạch xuất khẩu.

Đơn vị : triệu USD.

Năm	1998	1999	2000	2001
Cả nước	9.360	11.540	14.608	15.100
Vùng cao	391,9	403,8	525,9	528,5
Tỷ trọng (%)	4,3	3,4	3,6	3,5
Miền núi	417,5	476,1	584,3	476,1
Tỷ trọng (%)	4,5	4,1	4,0	4,2
Vùng có miền núi	843,5	971,0	1183,2	1238,2
Tỷ trọng (%)	9,0	8,4	8,1	8,2

Hàng xuất khẩu có trên 100 mặt hàng, chủ yếu là nguyên liệu thô (chiếm 40%), nông - hải sản - lâm sản 30%, hàng công nghiệp 30%. Hàng nhập khẩu gần 200 mặt hàng, trong đó nguyên liệu và thiết bị công nghiệp chiếm 35%, hàng tiêu dùng 65%. Bên cạnh các loại hình thương nghiệp, chợ được xem là bộ phận cấu thành quan trọng của mạng lưới thương nghiệp xã hội ở mỗi vùng, địa phương, nhất là ở các tỉnh miền núi, vùng cao.

Mặc dù hơn 50% số cụm xã đã có chợ, song nhìn chung ở các tỉnh miền núi, nhất là vùng cao, mạng lưới chợ còn rất thưa thớt, qui mô nhỏ, cơ sở vật chất còn nghèo nàn. Ở các tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, bình quân 10 km² chỉ có từ 0,1 đến 0,2 chợ. Số chợ kiên cố ở miền núi, vùng cao chỉ chiếm 2,2% so với cả nước, chợ bán kiên cố là 4,3%, còn lại phần lớn là chợ lều quán, lán trại.

Mạng lưới chợ phân theo vùng

	Tổng số chợ	Số chợ / 1000 dân	Số chợ / 10 km ²	Số chợ / xã phường
Cả nước	8.213	1,07	0,2	0,8
Toàn địa bàn	5.459	1,16	0,19	1,26
Vùng cao	687	0,92	0,06	0,44
Tỷ trọng (%)	8,4			
Miền núi	926	1,19	0,19	0,65
Tỷ trọng (%)	11,3			
Vùng có miền núi	3.846	1,22	0,33	2,82
Tỷ trọng (%)	46,8			

Những kết quả hoạt động thương mại và thị trường miền núi đạt được trong thời kỳ đổi mới, mở cửa mới chủ yếu ở những thị trấn, huyện lỵ, thị tứ, vùng có cây công nghiệp tập trung, cụm xã, chợ, gần đường giao thông... Vùng sâu, vùng xa, vẫn còn nhiều khó khăn, những thành tựu bước đầu chưa thể khỏa lấp được chênh lệch giữa miền xuôi và miền ngược.

Nhìn chung thương nghiệp quốc doanh mới đảm nhiệm được chủ yếu các mặt hàng chính sách (muối iốt, dầu hỏa, giấy viết, giống, phân bón). Các mặt hàng khác cơ bản do dân doanh tổ chức. Khó khăn chung của thương nghiệp quốc doanh là thiếu vốn. Hợp tác xã mua bán hầu hết đều tan rã. Mức lưu chuyển bình quân đầu người ở các tỉnh miền núi chỉ bằng 22 - 28% bình quân chung của cả nước, ở vùng xa, vùng sâu lại chỉ bằng 38 - 45% mức bình quân chung của tỉnh. Sản vật do bà con các dân tộc thiểu số sản xuất ra chủ yếu tự cung tự cấp, tỷ suất hàng hóa nhiều nơi chỉ đạt 15 - 20%. Xuất khẩu còn bấp bênh, phân tán, bình quân đầu người chỉ đạt 15 - 22% mức chung của cả nước. Số dự án đầu tư nước ngoài cũng giảm dần theo năm tháng. Nông - lâm sản vẫn khó tìm được "đầu ra". Chính sách triển khai thường chậm và chưa kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc. Hơn 20 năm mới có được một nghị định của Chính phủ về phát triển thương mại miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, song 4 năm qua vẫn chưa thực sự "đi vào" cuộc sống. Thị trường miền núi - vùng cao - nơi tập trung sự yếu kém sơ khai của nền thương nghiệp nhỏ đang trong giai đoạn quá độ đi lên sản xuất hàng hóa và vẫn được xem là bộ phận kém phát triển nhất của thị trường cả nước.

Một số giải pháp và khuyến nghị.

Phát triển thương mại và thị trường miền núi, vùng cao ở nước ta đang đứng trước những thách thức to lớn. Thách thức này lại được nhân lên gấp bội khi toàn vùng còn có nhiều xã chưa có đường cho xe cơ giới vào; nhiều xã chưa có điện; 52,8% số cán bộ quản lý kinh tế (QLKT) được đào tạo từ trước năm 1989. Cán bộ QLKT là người dân tộc thiểu số chiếm tỷ trọng rất thấp, có từ 40 - 49% chưa qua đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ.

Vấn đề đầu tiên được coi là một trong số những động lực chính thúc đẩy kinh tế phát triển là việc khuyến khích sản xuất hàng hóa và tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy trước mắt cần triển khai thực hiện nhanh chóng và đầy đủ Nghị định số 20/1998/NĐ-CP của Chính phủ về *phát triển thương mại miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc* vào thực tiễn cuộc sống. Ở đây cần lưu ý thêm một điểm: ngoài việc miễn, giảm tiền thuế đất, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập, giảm lãi suất tín dụng, cần xem xét cả việc miễn giảm thuế tài nguyên, thuế nông nghiệp đối với một số sản vật hàng hóa. Việc trợ cước hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm hàng hóa được sản xuất tại miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số là rất thiết thực song phải rất cụ thể, tính đến những đặc điểm của mỗi loại hàng hóa, không nên "cào bằng".

Cùng với quá trình phân loại, sắp xếp, tổ chức lại các doanh nghiệp thương nghiệp quốc doanh đang hoạt động trên địa bàn, cần phát triển mạnh các hình thức kinh tế hợp tác trong hoạt động thương mại dịch vụ. Trước hết là chỉ đạo thí điểm thành lập các hợp tác xã thương mại, dịch vụ theo Luật Hợp tác xã và theo Điều lệ mẫu về hợp tác xã thương mại, dịch vụ, làm đại lý cho thương nghiệp quốc doanh trong việc bán, mua hàng hóa.

Một mức thuế hợp lý trên cơ sở mở rộng diện thu và nuôi dưỡng nguồn thu phải được xem là tư tưởng chỉ đạo khi xây dựng và quy định mức thuế cho các loại hàng hóa. Nhà nước quy định khung tính thuế, địa phương được phân cấp quyết định giá để tính thuế và mức thuế xuất nhập những mặt hàng thường xuyên không ổn định trong khung Nhà nước cho phép, để việc thu thuế được linh hoạt, kịp thời cần được nghiên cứu xem xét.

Kinh doanh hàng "tạm nhập, tái xuất" đã và đang đưa lại những hiệu quả kinh tế to lớn, nhưng đang gặp phải khá nhiều trở trở, nhất là quy định về thời hạn tái xuất khẩu. Nhà nước cần có quy định riêng với loại hình kinh doanh đặc biệt này (thực chất là dịch vụ chuyển khẩu hàng hóa) được hưởng quy chế như đối với hàng vận chuyển quá cảnh hoặc mượn đường biên giới Việt Nam.

Để thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh miền núi (trừ các dự án khai thác khoáng sản), ngoài những ưu đãi về tiền thuê đất, quyền chuyển nhượng..., có thể xem xét miễn thuế thu nhập, thí điểm một số khu đặc nhượng lâm nghiệp, tại đó sẽ áp dụng phần lớn các chính sách như đầu tư vào khu chế xuất.

Đi đôi với việc xây dựng, ban hành quy chế hoạt động tiền tệ trên biên giới, các ngân hàng thương mại tiếp tục mở rộng quan hệ đại lý với các ngân hàng thương mại Trung Quốc. Cho phép các thành phần kinh tế được tham gia vào hoạt động đổi tiền, song phải có giấy phép và chịu sự quản lý của Ngân hàng Nhà nước.

Thực tế những năm vừa qua cho thấy các tỉnh biên giới rất cần có một tổ chức chỉ đạo, điều hành các hoạt động buôn bán biên mậu để khắc phục những yếu kém và những vướng mắc nảy sinh nhằm góp phần thúc đẩy

giao lưu kinh tế. Tổ chức này có nhiệm vụ : điều tra, nắm bắt và dự báo các thông tin, tổ chức chỉ đạo các lực lượng kinh doanh trên địa bàn. Căn cứ vào chính sách chung của Nhà nước và tình hình cụ thể của khu vực biên giới giúp tỉnh xây dựng các đối sách thích ứng kịp thời, xây dựng mối quan hệ hợp tác kinh doanh với bạn, thực hiện liên kết giữa các đơn vị kinh tế trên địa bàn, kiến nghị với tỉnh xây dựng chiến lược và chính sách giao lưu kinh tế, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách đó.

Tổ chức này là cơ quan phối hợp liên ngành, do một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm trước tỉnh về việc giám sát và quản lý các hoạt động kinh doanh trên biên giới.

Hai năm thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về áp dụng thí điểm một số chính sách tại một khu vực cửa khẩu biên giới cho thấy chính sách phát triển kinh tế khu vực cửa khẩu là cần thiết, phù hợp với thực tế và mang lại hiệu quả thiết thực. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép tiếp tục được thực hiện chính sách ưu đãi và để lại 100% nguồn thu trong khu vực kinh tế cửa khẩu. Chính sách này cần được áp dụng lâu dài, không áp dụng thí điểm như hiện nay để tạo tâm lý ổn định cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước yên tâm đầu tư trực tiếp và đẩy mạnh hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, du lịch dịch vụ tại khu kinh tế cửa khẩu.

Căn cứ vào cơ chế và mức vốn được Chính phủ để lại đầu tư cho khu vực kinh tế cửa khẩu, đề nghị Chính phủ giao cho tỉnh được quyền quyết định đầu tư các danh mục công trình hạ tầng nhóm B, C khu vực cửa khẩu, sau đó báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (không phải xin văn bản thỏa thuận trước đối với các danh mục đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm như hiện nay).

Cửa khẩu là cửa ngõ của giao lưu kinh tế trên biên giới. Vì vậy phải có sự đầu tư thích đáng. Cần rà soát lại hệ thống các cửa khẩu và phân loại để xác lập vị trí, có kế hoạch đầu tư nâng cấp, xây dựng lại đối với từng cửa khẩu quốc tế và quốc gia có vị trí quan trọng cần xây dựng ngay hệ thống nhà ở, nhà làm việc, trang bị các phương tiện kỹ thuật tiên tiến để thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát hàng hóa, người qua lại một cách nhanh chóng, thuận tiện và chính xác, đặc biệt phương tiện kiểm dịch cần được chú trọng để tránh bệnh dịch và ô nhiễm môi trường.

Hệ thống kho tàng bến bãi và các dịch vụ khác trên cửa khẩu cần được xây dựng đủ diện tích và bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, vận chuyển, giao nhận, bảo quản hàng hóa, phương tiện vận tải và bảo đảm kiểm tra kiểm soát, trật tự an toàn. Hệ thống điện, nước, thông tin cần được đầy đủ thuận tiện cho các hoạt động cửa khẩu. Chế độ thu phí cần quy định cụ thể, rõ ràng, công khai.

Các cửa khẩu phụ, cũng cần được quy hoạch để nâng cấp cải tạo bảo đảm được trật tự an ninh, an toàn xã hội và các phương tiện cho công tác quản lý.

Chương trình xây dựng trung tâm cụm xã là giải pháp tổng thể, tối ưu, xây dựng cơ sở hạ tầng cho vùng cao, là quyết tâm lớn của Đảng và Nhà nước ta đối với miền núi - vùng chiến lược trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó cũng là cơ may để phát triển thương mại miền núi. Nhưng đây là chương trình dài hạn, kinh phí được cấp từng năm. Để xây dựng dần các trung tâm cụm xã cần sửa đổi, bổ sung, đổi mới chính sách cơ chế hiện hành để hỗ trợ cho thương mại miền núi vươn lên, tập trung trước hết vào các vấn đề sau :

Một là, về chính sách đất đai : Thương nhân ở khu vực I được miễn tiền thuê đất

trong 5 năm đầu và được giảm tiền thuê đất trong 5 năm tiếp theo. Thương nhân ở khu vực II và III được miễn tiền thuê đất để xây dựng, mở rộng cơ sở kinh doanh.

Hai là, về chính sách miễn, giảm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập và thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài : Tồn tại chính là quy định miễn giảm thuế doanh nghiệp theo Nghị định 20 chỉ được thực hiện trong năm 1998. Từ năm 1999, Luật thuế giá trị gia tăng có hiệu lực, các quy định đó không được bảo lưu. Bộ Tài chính cho rằng nếu giảm thuế giá trị gia tăng cho kinh doanh thương mại ở miền núi, sẽ gây ra một mặt hàng có 2 tỷ suất thuế là trái với nguyên lý thuế giá trị gia tăng. Theo chúng tôi, việc giảm thuế giá trị gia tăng cho kinh doanh thương mại ở miền núi là cần thiết. Biện pháp là cấp lại cho doanh nghiệp số thuế được giảm, như vậy sẽ không ảnh hưởng đến tỷ suất thuế.

Ba là, về chính sách tín dụng, tập trung vào hai điểm :

+ Về giảm lãi suất tín dụng : Vương mắc chính là quy định về trụ sở của doanh nghiệp phải đặt tại địa bàn khu vực II, III mới được giảm lãi suất vay, vì vậy quy định này làm cho hầu hết các doanh nghiệp không được hưởng chính sách. Biện pháp xử lý là giảm lãi suất vay cho số vốn vay để thực hiện kinh doanh ở địa bàn khu vực II, III.

+ Bổ sung vốn lưu động cho doanh nghiệp thương nghiệp nhà nước. Hiện nay quy định về cấp đủ 50% vốn lưu động cho doanh nghiệp thương nghiệp nhà nước trong Nghị định 20 chưa được thực hiện. Nguyên nhân chủ yếu do khó khăn về nguồn ngân sách, nhưng cũng có phần do sự thiếu quan tâm đến khu vực này, vì doanh nghiệp thương nghiệp

nhà nước ở miền núi đều có quy mô nhỏ, hiệu quả thấp. Cần thực hiện việc bổ sung vốn lưu động cho doanh nghiệp nhà nước trong 5 năm 2001 - 2005. Loại hình doanh nghiệp cần được ưu tiên là doanh nghiệp kinh doanh tổng hợp, phục vụ chính sách gắn với địa bàn.

Bốn là, về chính sách đào tạo đội ngũ thương nhân : Nhà nước cần dành riêng một khoản kinh phí từ ngân sách hằng năm cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kinh doanh cho thương nhân thuộc mọi thành phần. Sở thương mại là cơ quan chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch đào tạo, phối hợp cùng các trường đại học, viện nghiên cứu... tiến hành đào tạo và đào tạo lại.

Năm là, về điều chỉnh chính sách phát triển hạ tầng cơ sở kinh doanh : Trong điều kiện ngân sách của Nhà nước còn hạn hẹp, cần kết hợp giữa đầu tư có trọng điểm của Nhà nước với việc mở ra một cơ chế thông thoáng để thu hút đầu tư trong dân và của các chủ đầu tư nước ngoài.

Sáu là, về chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm : Vấn đề lựa chọn danh mục sản phẩm được trợ cước hiện đang là vấn đề đang gây ra nhiều tranh cãi. Các cơ quan trung ương có những ý kiến khác nhau trước một danh sách tới mấy chục loại sản phẩm do các địa phương đề xuất ra nhằm lựa chọn một số mặt hàng để tiến hành trợ cước.

Phát triển thương mại, thị trường, thúc đẩy giao lưu hàng hóa miền núi, vùng cao biên giới là nhiệm vụ quan trọng của những năm đầu thế kỷ XXI này, nhằm góp phần từng bước thu hẹp và giảm dần sự giãn cách, chênh lệch giữa miền núi với miền xuôi. Đây là sự nghiệp chung của cả nước, là trách nhiệm, nghĩa vụ, và là tình cảm cách mạng của mỗi người. □

NHỮNG năm gần đây, nhờ có chính sách bảo hiểm y tế và thu một phần viện phí, nguồn ngân sách từ phía người dân đổ vào khu vực chăm sóc, bảo vệ sức khỏe ngày càng nhiều hơn theo từng bước tăng trưởng kinh tế ; chất lượng của nhiều phương tiện khám, chữa bệnh và chất lượng dịch vụ sức khỏe tại nhiều bệnh viện đã tăng lên đáng kể. Nhiều người nghèo dù không có tiền đóng viện phí vẫn được khám, chữa bệnh bằng những phương tiện và kỹ thuật hiện đại hơn trước. Rất nhiều người có khả năng chi trả viện phí đã được đáp ứng bằng những dịch vụ khám, chữa bệnh và chăm sóc y tế theo yêu cầu của cá nhân. Đời sống của thầy thuốc và nhân viên y tế cũng được cải thiện khá rõ rệt.

Tuy nhiên, điều đáng trăn trở là ở chỗ, trên thực tế đã có những người dân trở nên nghèo đi vì phải chi một khoản khá lớn cho dịch vụ y tế, vượt khả năng tài chính của họ. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa hiện tượng đó là không chấp nhận được. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ : "Thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe ; đổi mới cơ chế và chính sách viện phí ; có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân"⁽¹⁾. Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng ngày 22-1-2002 cũng nhấn mạnh : *bảo đảm cho mọi người dân được chăm sóc sức khỏe cơ bản với chi phí thấp, góp phần thực hiện công bằng xã hội ... tạo niềm tin của nhân dân với chế độ xã hội chủ nghĩa.*

Để tìm được biện pháp nhằm từng bước khắc phục sự mất công bằng trong chăm sóc

Tìm lời giải cho bài toán công bằng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân

DÀM VIẾT CUONG* - CHU THÁI THÀNH

sức khỏe toàn dân, cần phải xác định đúng bản chất của vấn đề. Có mấy điểm sau đây cần được chú trọng :

1. "Nghèo" là một khái niệm có tính tương đối về nội hàm. Không thể so sánh người nghèo ở Việt Nam với người nghèo ở Nhật Bản hay ở Hoa Kỳ. Đã có thời kỳ ở Việt Nam, trong phân loại giàu nghèo, người ta xếp những người có thu nhập quy ra gạo dưới 15 kg/tháng hoặc mức ăn dưới 1 500 kcal/ngày là nghèo. Với mức nghèo như thế, họ không có khả năng chi cho những khoản như may sắm quần áo, mua dụng cụ học tập cho con, xem một buổi nghệ thuật có bán vé, v.v... Theo chuẩn nghèo mới (1-11-2000), hiện nay ở Việt Nam có ít nhất 14 - 15 triệu người nghèo ở mức độ không thể bỏ tiền túi để mua

* TS, Vụ trưởng Vụ Y tế - Thể dục - Thể thao - Ban Khoa giáo Trung ương

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 107

bảo hiểm y tế, và cũng không thể trả bất cứ khoản chi nào cho khám, chữa bệnh. Cho nên, không bao giờ có thể đặt vấn đề viện phí đối với họ. Nguy cơ lớn nhất đối với nhóm đối tượng này là họ sẽ không đi khám, chữa bệnh dù bị mắc bệnh. Vấn đề đặt ra là cần có sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng để họ được khám, chữa bệnh khi ốm đau.

2. Thực hiện từng bước công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, *phải giải quyết tận gốc vấn đề nghèo đói và sự cách biệt giữa các vùng, miền*. Với người nghèo, tiền chi trả trực tiếp cho khám bệnh, mua thuốc chữa bệnh, trả tiền cho dịch vụ điều trị là vấn đề làm họ lo lắng. Tuy nhiên, khoản tiền chi cho đi lại do giao thông cách trở từ nơi cư trú đến cơ sở y tế có đủ tiện nghi và kỹ thuật để chữa đúng căn bệnh mắc phải, cũng như chi phí cho người thân đi theo để trông nom chăm sóc bệnh nhân, nhiều khi còn đáng lo ngại hơn. Có những người nghèo ở vùng sâu, vùng xa đành nằm ở nhà khi lâm bệnh, bởi không thể dùng cách cáng lên bệnh viện mất vài ba ngày đường đầy hiểm trở và rủi ro. Thực ra, với khoảng cách núi đồi và sông suối ấy, nếu có trục thẳng thì chỉ mất dăm ba chục phút đồng hồ. Vì thế, ngoài cái nghèo của mỗi con người còn phải tính đến cái nghèo của xã hội, của cộng đồng. Hai cái nghèo đó cộng lại là một bất hạnh lớn cho người bệnh sống ở những vùng cao, vùng sâu, vùng xa thiếu giao thông, liên lạc, cách biệt với những nơi có dịch vụ sức khỏe. Sự phân hóa giàu - nghèo giữa từng con người cụ thể là một trong những điều kiện dẫn đến sự thiếu công bằng xã hội. Song sự phân hóa các điều kiện sống giữa các khu vực, các vùng lãnh thổ cũng tạo ra mất công bằng xã hội, và có khi sự không

công bằng đó rất đáng quan ngại. Vì vậy, y tế công có vai trò đặc biệt quan trọng bảo đảm cho người nghèo có khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và khám, chữa bệnh.

3. *Khắc phục tâm lý ỷ lại vào sự bao cấp* trong lĩnh vực khám, chữa bệnh và học tập mà trong nhiều năm qua đã trở thành nếp nghĩ của nhiều người. Tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc hiện nay thực chất là một chính sách ưu đãi đối với một số đối tượng, nhưng nhiều người vẫn cảm thấy miễn cưỡng, chưa quen với việc chi trả cho chăm sóc sức khỏe. Cái tâm lý ỷ lại là nguyên nhân dẫn đến những cuộc tranh luận về sự công bằng xã hội. *Xóa bao cấp là hoàn toàn đúng* và cần tiếp tục làm cho người dân có ý thức chủ động chăm sóc sức khỏe của bản thân và sẵn sàng đóng góp để phát triển các dịch vụ y tế. Tuy nhiên, không phải là viện phí trực tiếp mà các hình thức *chi trả trước* dựa vào thuế và bảo hiểm y tế sẽ dần dần chiếm ưu thế trong các nguồn tài chính y tế ở nước ta. Mặt khác, có chính sách hỗ trợ đối với người nghèo thì mới giảm bớt được sự mất công bằng trong tiếp cận các dịch vụ y tế.

4. Cho tới thời điểm này, chính sách thu một phần viện phí còn quá nhiều điều phải xem xét lại một cách nghiêm túc để có định hướng đổi mới cho thời gian sắp tới. Trong khi góp phần không nhỏ cung cấp tài chính cho bệnh viện (chủ yếu là các bệnh viện lớn), viện phí lại đặt gánh nặng chi trả lên người ốm. Người nghèo lại thường ốm đau và có nhu cầu khám chữa bệnh nhiều hơn, do đó làm giảm khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế và tăng nguy cơ nghèo đói. Trên thực tế, chính sách thu viện phí như hiện nay đang tạo ra tình trạng *"bao cấp ngược"* -

người giàu được hưởng trợ cấp ngân sách qua viện phí nhiều hơn, người nghèo không có khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế chất lượng cao. Một bài toán chưa có cách giải hợp lý và chính xác vẫn đang đặt ở trên bàn những người đã định ra chính sách viện phí. Trong đó có hàng loạt vấn đề, như xác định mục đích thu viện phí, các mức thu và hình thức miễn giảm; các đối tượng được miễn giảm; phương thức thu, quản lý, sử dụng viện phí.

5. Cũng ở thời điểm này, bảo hiểm y tế vẫn chưa đạt được mục tiêu mong muốn. Với những gì đang có, thì bảo hiểm y tế chưa đem lại nhiều lợi ích cho người nghèo, vùng nghèo. 70 - 80% dân số sống dựa vào nông nghiệp ở các vùng nông thôn vẫn chưa có bảo hiểm y tế. Chúng ta muốn thông qua số đông người khỏe mạnh đóng bảo hiểm y tế để hỗ trợ cho những người rủi ro bị bệnh, nhưng thực tế hiện nay chỉ người có bệnh là quan tâm hơn với bảo hiểm y tế. Hình thức bảo hiểm y tế tự nguyện được thực hiện trong học sinh và sinh viên thực chất có yếu tố bắt buộc và nếu không được xử lý thích hợp thì gánh nặng chủ yếu lại rơi vào người nghèo, phần đông là nông dân (phụ huynh học sinh). Có thể nói, nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế kể trên là do diện bao phủ của bảo hiểm y tế còn hẹp (chỉ chiếm khoảng 15% dân số), mức phí bảo hiểm vừa thấp, vừa còn dấu ấn bao cấp. Vì vậy, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân phải được coi là giải pháp chiến lược.

6. *Những khoản chi ngoài viện phí là vấn đề rắc rối nhất.* Nhiều khi người bệnh phải đóng những khoản tiền lớn hơn nhiều vào những khoản gián tiếp cho dịch vụ khám chữa bệnh, và biết chắc chắn rằng, khoản chi

này không chút nào bù lại cho Nhà nước để làm bớt gánh nặng cho kho thuốc hay cho khấu hao thiết bị y tế. Cả người giàu và người nghèo đều phản ứng với cách đóng góp, chi trả không có giới hạn xác định, không có biểu giá công khai và tường minh. Nhiều người dân đã tỏ thái độ bất bình về những khoản chi không được xác định trước và rõ ràng. Điều đáng lo ngại nhất là việc biếu quà và nhận quà với động cơ vụ lợi dường như là một hành vi vi phạm đạo đức vô ý thức của cả thầy thuốc và bệnh nhân, có thể dần dần trở thành *một tập tục xấu* khó xóa bỏ. Vì vậy, *trong khi còn thu viện phí*, thì công khai hóa giá dịch vụ y tế và cách chi trả "trộn gói" là một vấn đề trọng yếu cần được nghiên cứu áp dụng tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

7. Trả lương không hợp lý cho thầy thuốc và nhân viên y tế (và cho người lao động làm công ăn lương) là sự không công bằng trong phân phối. Người ta dùng một phần viện phí để bù lại chỗ thiếu hụt trong thu nhập của thầy thuốc và nhân viên y tế cũng lại là một việc làm thiếu công bằng. Vì sao lại bắt người bệnh phải có "trách nhiệm" đối với khoản lương không đủ sống của người làm dịch vụ y tế và phải chịu khoản viện phí dành cho việc cải thiện đời sống cho cán bộ y tế? Nguyên nhân sâu xa của ảnh hưởng không công bằng từ viện phí lại chính là bắt đầu từ lương và những phụ cấp theo lương. Sự không công bằng này sẽ để ra sự không công bằng kia. Đó là một hiện tượng cần được xem xét, giải quyết.

8. Sự đầu tư của Nhà nước cho y học và y tế là một vấn đề lớn liên quan đến thực hiện công bằng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Sự đầu tư ít ỏi các nguồn lực cho lĩnh vực chăm sóc sức khỏe như hiện nay là

không hợp lý⁽²⁾. Quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta là con người phải thực sự trở thành mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Với mong muốn ấy, Nhà nước cần phải có sự đầu tư lớn hơn nữa cho lĩnh vực y học và y tế, sao cho đông đảo nhân dân được bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, được khám, chữa bệnh ngày càng thuận lợi hơn.

Để thực hiện thắng lợi năm quan điểm và bốn mục tiêu lớn của Đảng và Nhà nước đối với công tác y tế, vấn đề mấu chốt là phải xác định đặc trưng cơ bản của mô hình y tế Việt Nam và khẳng định nền y tế Việt Nam phải lấy y tế công (y tế nhà nước) và nguồn ngân sách nhà nước làm chủ đạo. Chỉ có ngân sách nhà nước là nguồn kinh phí ổn định nhất, dễ điều hòa nhất để thực hiện công bằng trong chăm sóc sức khỏe và đảm bảo được tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong công tác chăm sóc sức khỏe. Chúng ta không coi nhẹ các nguồn kinh phí như viện phí, viện trợ và vốn vay, nhưng trong hoàn cảnh Việt Nam, để đảm bảo được một nền y tế công bằng, ổn định theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì phải lấy ngân sách nhà nước làm nguồn chủ yếu. Như vậy mới chủ động điều chỉnh kinh phí cho vùng nghèo, các đối tượng nghèo và đối tượng được hưởng chính sách (những người có công với cách mạng, với nước) để thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe, mới tập trung được nhân lực, tài lực giải quyết những sự việc bức xúc, cấp thiết của các vụ dịch hoặc những hậu quả do thiên tai, thảm họa gây ra. Thực hiện nền y tế công và ngân sách nhà nước làm chủ đạo mới vạch ra được sự phát triển có kế hoạch của kỹ thuật y tế.

Định hướng cơ bản của chúng ta là phải *tiến tới thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân*: mọi người đều có trách nhiệm chia sẻ rủi ro với người khác, ai cũng được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, không có sự phân biệt địa vị xã hội, nghề nghiệp, thành phần dân tộc, giới tính, tuổi tác, địa bàn cư trú... Tuy nhiên, bài học về sự "cào bằng" trước đây sẽ buộc ta phải tính toán lại trong việc thực thi chế độ bảo hiểm y tế. Phải chăng, bảo hiểm y tế sẽ có nhiều mệnh giá khác nhau cho những lớp người có thu nhập khác nhau, nhưng con người phải được chăm sóc sức khỏe với thái độ phục vụ như nhau, với mức hưởng thụ các phương tiện chẩn đoán, điều trị và thuốc men dựa trên nhu cầu của bệnh trạng và phù hợp với khả năng của hệ thống y tế.

Tiến hành *xã hội hóa công tác y tế và chăm sóc, bảo vệ sức khỏe* là giải pháp chiến lược quan trọng. Thực hiện xã hội hóa, một mặt phải xác định đúng trách nhiệm và vai trò chủ đạo của Nhà nước, mặt khác phải tăng cường trách nhiệm của xã hội, cộng đồng, huy động mọi nguồn lực từ cộng đồng để giải quyết những khó khăn mà không một cá nhân, không một ngành riêng lẻ nào có thể giải quyết được. Xã hội hóa công tác y tế và chăm sóc sức khỏe là công việc có sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp chính quyền, sự phối hợp của các ngành và sự tham gia của các đoàn thể, các tổ chức xã hội, của cộng đồng dân cư ... Thu viện phí còn là giải pháp xã hội hóa nữa hay không cũng là vấn đề cần

(2) Theo báo cáo y tế thế giới năm 2000 của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) thì Việt Nam xếp thứ 187/191 nước thành viên của Tổ chức Y tế thế giới về tính công trong chi tiêu cho y tế (chi tiêu công cho y tế chỉ chiếm khoảng 20% tổng chi cho y tế, trong khi chi tiêu tư chiếm tới 80%)

xem xét cả về quy mô, mức độ và hình thức thực hiện.

Viện phí có mặt tích cực và tiêu cực của nó. Chính sách viện phí hiện nay chỉ là giải pháp trung gian, thiếu nó lúc này sẽ khó khăn trong sự phát triển hệ thống y tế, nhưng duy trì đến cùng thì lại không phải là mô hình lý tưởng. Viện phí chỉ được thực hiện ở người không có bảo hiểm y tế, người có tiền và có nhu cầu cao. Những người không đủ khả năng trả viện phí sẽ phải nhờ đến sự giúp đỡ dưới các hình thức khác nhau của cộng đồng thông qua chủ trương xã hội hóa. Hơn nữa, viện phí cần được áp dụng như một công cụ quản lý.

Tổ chức thực hiện tốt việc *đổi mới cơ chế, chính sách viện phí*. Cần nhấn mạnh mục đích cuối cùng của việc đổi mới chính sách viện phí là đảm bảo công bằng và hiệu quả. Việc đưa ra các phương án đổi mới chính sách viện phí phải có cơ sở điều tra, nghiên cứu cụ thể, có bước đi thích hợp, không được làm vội vã, tùy tiện theo ý muốn chủ quan của bất cứ ai. Phải tính đến các đối tượng cần được hưởng những chính sách cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội.

Cần đặc biệt lưu tâm đến sức khỏe của người dân ở những *vùng khó khăn*, nhất là ở trên 2 200 xã quá nghèo. Phải có những chính sách đủ mạnh để bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho những người ở diện nghèo và đói. Chương trình chăm sóc, bảo vệ sức khỏe được lồng ghép với chương trình xóa đói giảm nghèo, chương trình việc làm, phòng chống lũ lụt, bảo vệ môi trường ... Sự tách rời từng chương trình sẽ dẫn đến phân tán nguồn lực, chạy theo mục tiêu bộ phận, lãng quên mục tiêu ưu tiên.

Phải coi việc xây dựng mạng lưới y tế thôn bản và nâng cao chất lượng *y tế cơ sở*

là một biện pháp quan trọng hàng đầu trong các chương trình y tế để người dân ở những địa bàn xa xôi, hẻo lánh nhất vẫn có cơ hội khám, chữa bệnh chu đáo. Tuy nhiên, không vì thế mà bỏ mục tiêu hiện đại hóa nền y học, xây dựng các trung tâm y tế chuyên sâu. Phải có chính sách để những người nghèo khổ nhất vẫn được hưởng thụ thành quả của y tế chuyên sâu, ưu tiên lựa chọn những công nghệ mới, hiện đại có thể phục vụ được đông đảo nhân dân.

Nông dân chiếm một tỷ lệ lớn nhất trong dân số Việt Nam, là tầng lớp nghèo nhất trong cộng đồng Việt Nam. Trong nông dân, bộ phận nghèo nhất thuộc về những dân tộc thiểu số. Cần tìm đến một số giải pháp hữu hiệu để nông dân có khả năng tham gia bảo hiểm y tế theo các hình thức thích hợp. Ví dụ : Sử dụng một phần quỹ xóa đói giảm nghèo ; dành một khoản ngân sách Nhà nước của cả trung ương và địa phương ; vận động tài trợ quốc tế... để hỗ trợ nông dân nghèo mua bảo hiểm y tế. *Hệ thống y tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo*, thực hiện được sự công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. *Nhà nước* cần tăng đầu tư ngân sách cho y tế. *Đổi mới chính sách phân bổ ngân sách theo hướng tăng tỷ trọng đầu tư cho các lĩnh vực phòng bệnh, phòng dịch, chăm sóc sức khỏe ban đầu và y tế cơ sở.*

Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, mở rộng bảo hiểm y tế là một trong những phương hướng cơ bản nhằm xây dựng một nền y tế định hướng công bằng và hiệu quả. Cần khắc phục những mặt hạn chế, làm cho mạng lưới y tế cơ sở và bảo hiểm y tế trở thành phổ biến, ngày càng đem lại lợi ích nhiều hơn cho người nghèo, vùng nghèo. □



LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG Ở NAM ĐỊNH

TRẦN VĂN TUẤN *

NAM Định là tỉnh nằm phía Nam đồng bằng Bắc Bộ, có diện tích tự nhiên là 1 671 km², dân số gần 2 triệu người, có 20,8% dân số theo đạo Thiên chúa. Tỉnh có vị trí quan trọng về kinh tế, quốc phòng - an ninh đối với vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng và cả nước.

Quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng mới, nhiều năm qua, nhất là từ khi tái lập tỉnh (1-1997) đến nay, cùng với lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở địa phương. Kết quả nổi bật trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác quốc phòng của tỉnh là đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả công tác quản lý nhà nước về quốc phòng. Các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đều quán triệt và chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết, nghị định, pháp lệnh và chỉ thị của Đảng, Nhà nước về công tác quốc phòng, từng bước đưa công tác quản lý nhà nước về quốc phòng đi vào hoạt động có nền nếp. Trên cơ sở quán triệt sâu sắc những quan

điểm, tư tưởng, đường lối quốc phòng toàn dân của Đảng, hằng năm Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng trong toàn tỉnh có nghị quyết chuyên đề, chính quyền có chỉ thị, cơ quan quân sự các cấp có kế hoạch, hướng dẫn tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Quá trình tổ chức thực hiện công tác quốc phòng, tỉnh đã chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức và tri thức quốc phòng cho cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ bằng nhiều hình thức phong phú, nhằm xây dựng cho mỗi người ngày càng có tình cảm, lòng yêu nước, gắn bó với truyền thống cách mạng của quê hương, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm và khả năng hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc cho mỗi công dân. Cùng với việc tổ chức có nền nếp công tác giáo dục quốc phòng cho học sinh, sinh viên các trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, dạy nghề và hệ thống trường chính trị, tỉnh đã sớm triển khai thực hiện Nghị định 15/CP ngày 1-5-2001 của Chính phủ về giáo dục quốc phòng. Từ năm 1997 đến nay, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đã tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Nam Định

15 lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho 781 lượt bí thư đảng ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể của huyện, thành phố; 8 lớp tập huấn cho 472 đồng chí xã, phường, đội trưởng, trưởng tự vệ cơ quan, doanh nghiệp tại Trường quân sự tỉnh và bố trí cho 43 lượt cán bộ chủ chốt các huyện, thành phố, sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh đi dự các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng tại Trường quân sự Quân khu 3. Công tác giáo dục quốc phòng còn được đẩy mạnh thông qua tuyên truyền các hoạt động của lực lượng vũ trang địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong những đợt giáo dục truyền thống nhân dịp những ngày kỷ niệm trọng đại của Đảng, của dân tộc, của quân đội và của địa phương. Thông qua các hoạt động đó, công tác giáo dục quốc phòng trong những năm qua đã đem lại kết quả to lớn, không chỉ bồi dưỡng, phát huy lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, củng cố niềm tin của nhân dân và lực lượng vũ trang đối với Đảng, Nhà nước và chế độ, mà còn nâng cao nhận thức cho cán bộ, góp phần đấu tranh với các quan điểm sai trái, phê phán mọi biểu hiện chủ quan, lơ là, mất cảnh giác và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội...

Trước yêu cầu mới của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, tỉnh thường xuyên chăm lo xây dựng tỉnh, huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc. Hệ thống công trình quốc phòng được phân cấp quản lý và giao cho cơ sở bảo vệ tốt. Từ năm 1997 đến nay, tỉnh đã xây dựng nhiều trận địa trực chiến phòng không gắn với lao động sản xuất và thường xuyên duy trì lực lượng thường trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định của Quân khu. Các văn kiện tác chiến phòng thủ được

xây dựng, bổ sung và phê duyệt theo phân cấp. Các cuộc diễn tập thực nghiệm phương án A2, A4 tại các huyện Mỹ Lộc, Nam Trực, Xuân Trường, diễn tập cứu nạn, cứu hộ, diễn tập động viên phương tiện ngành giao thông - vận tải đảm bảo năm đầu chiến tranh đã được hoàn thành tốt. Qua đó rút được nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo củng cố quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm lực lượng nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương luôn được các cấp quan tâm. Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng theo hướng "**vững mạnh, rộng khắp**", số lượng, cơ cấu, quy mô tổ chức theo đúng quy định của pháp lệnh, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, điều kiện sản xuất và tổ chức hành chính ở cơ sở, vừa có lực lượng tại chỗ, vừa có lực lượng cơ động, các xã ven biển có lực lượng hoạt động trên bờ và lực lượng dân quân trên biển. Đội ngũ cán bộ quân sự xã, phường, thị trấn được kiện toàn bảo đảm chất lượng. Lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý, sắp xếp vào các đơn vị theo kế hoạch của cấp trên. Tỉnh Nam Định được Bộ Quốc phòng đánh giá là một trong những địa phương thực hiện tốt Pháp lệnh về dân quân tự vệ và Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên, được Quân khu 3 tặng cờ trong dịp sơ kết 5 năm thực hiện hai pháp lệnh trên.

Trong công tác huấn luyện hằng năm, 100% đầu mỗi đơn vị lực lượng vũ trang của tỉnh hoàn thành chương trình huấn luyện theo quy định, chất lượng huấn luyện được nâng lên, thực hiện đúng phương châm "**cơ bản, thiết thực, vững chắc**".

Năm 2001, lực lượng vũ trang của tỉnh tham gia hội thao, hội thi cấp trên tổ chức nhiều nội dung đạt thứ hạng cao, tiêu biểu là lực lượng dân quân tự vệ của tỉnh tham gia hội thao lực lượng phòng không ba thứ quân, giành giải nhất Quân khu 3, giải nhì toàn quân.

Công tác tuyển quân hằng năm được tiến hành có nền nếp, các địa phương trong tỉnh đều hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao, bảo đảm chất lượng.

Nhờ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nên chất lượng công tác quân sự, quốc phòng địa phương, phong trào thi đua quyết thắng trong lực lượng vũ trang của tỉnh được nâng lên và đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, củng cố quốc phòng 5 năm (1996-2000), và được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng nhất.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng của tỉnh cũng còn có mặt hạn chế. Điều đó đòi hỏi phải tiếp tục giải quyết trong thời gian tới để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, xây dựng Nam Định thành tỉnh giàu về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng, an ninh. Nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ và nhân dân Nam Định là phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ 6 chương trình công tác trọng tâm do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI quyết định. Đó là : Phát triển nông - lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới ; phát triển kinh tế biển ; đẩy mạnh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo và phòng chống tệ nạn ma túy ; đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ; một số vấn đề trọng tâm

trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Đi đôi với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, một yêu cầu đặt ra đối với các cấp, các ngành, các địa phương và lực lượng vũ trang trong tỉnh là phải chăm lo xây dựng, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh. Thường xuyên điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế phù hợp với kế hoạch phòng thủ, bảo vệ địa phương, phát triển kinh tế phải đi đôi với củng cố quốc phòng, an ninh. Tập trung nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang. Xây dựng và củng cố cơ quan quân sự các cấp vững mạnh toàn diện để tham mưu đắc lực cho cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác quốc phòng và chỉ huy lực lượng vũ trang. Cùng với xây dựng, nâng cao bản lĩnh chính trị phải tổ chức huấn luyện quân sự bảo đảm thành thạo về kỹ thuật, chiến thuật. Làm tốt công tác bảo vệ trật tự trị an, công tác vận động quần chúng, tham gia xây dựng cơ sở chính trị, xóa đói giảm nghèo, xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân, thực hiện chính sách hậu phương quân đội ; giải quyết có hiệu quả tồn đọng chính sách sau chiến tranh.

Phát huy truyền thống 55 năm xây dựng và trưởng thành, lực lượng vũ trang Nam Định nỗ lực vươn lên, quyết tâm phấn đấu xứng đáng là lực lượng nòng cốt trong công tác quân sự, quốc phòng địa phương, góp phần cùng Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh xây dựng Nam Định thành tỉnh vững về chính trị, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng an ninh, cùng cả nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. □

VĨNH PHÚC : nỗi buồn đã vơi, niềm vui nhân đôi

TIỆN HẢI

PHẢI nói ngay rằng Vĩnh Phúc là một tỉnh nhỏ (diện tích tự nhiên 1 370 km² ; dân số 1,12 triệu người). Nó nhỏ nhưng có *vị trí quan trọng và rất nhiều lợi thế, tiềm năng*. Vĩnh Phúc có cả ba vùng sinh thái (đồng bằng, trung du và miền núi), gần Thủ đô Hà Nội, sân bay quốc tế Nội Bài, giao thông thủy, bộ đều rất thuận tiện, là cửa ngõ của sáu tỉnh phía Bắc, nằm tiếp giáp với đỉnh tam giác kinh tế rất lớn là Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Vĩnh Phúc lại có truyền thống cách mạng, có nguồn lao động dồi dào, nhân dân cần cù, sáng tạo, thích ứng nhanh với cơ chế thị trường...

Những tiềm năng, lợi thế ấy nếu được khai thác tốt, Vĩnh Phúc sẽ dễ dàng thu hút các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào địa bàn, tạo ra bước nhảy vọt về nhịp độ phát triển kinh tế. Khi kinh tế - xã hội phát triển tốt, an ninh quốc phòng được giữ vững thì Vĩnh Phúc sẽ là vành đai quan trọng cung cấp lương thực,

thực phẩm và các dịch vụ khác cho Thành phố Hà Nội ; đồng thời là phen đậu vững chắc của Thủ đô.

Vĩnh Phúc nhỏ nhoi và khiêm nhường nhưng được cả nước biết đến. Người ta biết nhiều về Vĩnh Phúc vì nó có sức hút rất lớn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, kinh tế có những bước nhảy đột biến. Người ta biết về Vĩnh Phúc còn vì thời gian gần đây nó có những "trục trặc" không nhỏ trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh và một vài huyện, thị.

Nếu tính từ ngày được tái lập (1997), đến nay Vĩnh Phúc đã đi trọn một quãng thời gian 5 năm. Năm năm ấy Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Phúc có biết bao niềm vui và nỗi buồn đan xen. Để hiểu đầy đủ và đúng thực chất của vấn đề này cần đặt Vĩnh Phúc vào ba thời điểm khác nhau để xem xét. Đó là : Thời điểm mới được tái lập (1997). Thời điểm trước khi tiến hành Đại hội XIII của Đảng bộ tỉnh và Đại hội IX của Đảng. Thời điểm triển khai việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng (đầu năm 2001 đến nay).

- Khi mới được tái lập (1997), Vĩnh Phúc có điểm xuất phát rất thấp : Là một tỉnh thuần nông, kinh tế kém phát triển, GDP bình quân tính theo đầu người chỉ bằng 48% mức bình quân chung của cả nước, hạ tầng kinh tế chưa đáng kể, thu ngân sách mới đạt xấp xỉ 100 tỉ đồng. Thị xã Vĩnh Yên (thủ phủ của tỉnh) không hơn gì một thị trấn vùng sơn cước với những đặc điểm nổi bật là nhà không số,

phổ không tên, điện nước sinh hoạt thiếu, quang cảnh thật buồn tẻ, đìu hiu. Đời sống của người dân (kể cả đời sống vật chất và đời sống tinh thần) còn thấp.

● Sau bốn năm tái lập (1997 - 2000) gần như có một "cú hích" làm cho Vĩnh Phúc đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng trên *những mặt* của đời sống xã hội. Nói một cách khái quát thì : Tổng sản phẩm xã hội đạt mức tăng trưởng cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng ; từ cơ cấu trong đó nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn đã chuyển dần sang cơ cấu *công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ*. Nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt và vượt mục tiêu do Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra. Cơ sở hạ tầng được tăng cường. Văn hóa - xã hội có nhiều mặt tiến bộ. Đời sống nhân dân ổn định và từng bước được cải thiện. Bộ mặt của cả đô thị và nông thôn đã có nhiều khởi sắc. Công tác quốc phòng được tăng cường, an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định. Hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cơ sở được củng cố từng bước, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị được giao... Những nhận định, đánh giá nêu trên được biểu đạt bằng các con số cụ thể. Thí dụ, chỉ tính riêng về mặt kinh tế thì tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng 18,6%/năm (cao hơn mức tăng bình quân của cả nước). Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 78,3%/năm (mức của cả nước là 13,5%). Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp tăng 6,5%/năm (mức bình quân của cả nước là 4,5%). Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng 13,7%/năm (cũng cao hơn mức bình quân của cả nước). Kim ngạch xuất khẩu tăng 26,5%/năm. Đặc biệt, thu ngân sách trên địa bàn tăng rất nhanh, mức

tăng khoảng 125%/năm. Tóm lại, nếu lấy năm 2000 để so với năm 1997 thì mức tăng trưởng của tất cả các mặt nêu trên thấp nhất cũng gấp hai lần và cao nhất là 5 lần.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, trong bốn năm của nhiệm kỳ 1997 - 2000 ; đặc biệt từ cuối năm 1999 đến cuối năm 2000, Vĩnh Phúc đã nảy sinh một số việc **nổi cộm**. Xin nêu vài, ba việc nổi cộm mang tính điển hình : *Thứ nhất*, vi phạm khá nghiêm trọng Nghị định 43/CP của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản. Có 64 công trình chỉ định thầu sai quy định, gây dư luận không tốt trong nhân dân, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và chính quyền. *Thứ hai*, việc giải quyết các đơn thư khiếu kiện của nhân dân tiến hành chậm, không dứt điểm và chưa thỏa đáng. Vì thế ở không ít cơ sở có tình trạng khiếu kiện kéo dài, vượt cấp. *Thứ ba*, chưa quan tâm đúng mức đến việc rèn luyện, giữ gìn đạo đức, lối sống trong sạch, lành mạnh cho cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt của tỉnh. Khi tỉnh mới được tái lập, cán bộ các ban, ngành, đoàn thể có nhu cầu xây dựng nhà ở là chính đáng. Song, điều đáng nói là một số cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh làm nhà vượt quá khả năng kinh tế của bản thân và gia đình, khiến cho nhân dân trong tỉnh nghi ngờ, thắc mắc, làm ảnh hưởng đến uy tín chung của đội ngũ cán bộ. *Thứ tư*, có biểu hiện mất đoàn kết nội bộ, gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Có thể nói quãng thời gian từ cuối năm 1999 đến cuối năm 2000 là quãng thời

gian đáng buồn nhất của tỉnh Vĩnh Phúc. Không ít người đã đặt vấn đề : Vĩnh Phúc có nhiều việc nổi cộm như vậy sao kinh tế vẫn phát triển (thậm chí phát triển với tốc độ nhanh), xã hội vẫn ổn định, đời sống nhân dân vẫn được cải thiện... Phải chăng tốc độ phát triển kinh tế với sự trong sạch, vững mạnh của đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể không có quan hệ gì với nhau ?! Theo tôi, các vấn đề nêu trên có mối quan hệ biện chứng với nhau. Chúng là hai đại lượng phát triển theo tỷ lệ thuận chứ không phải là tỷ lệ nghịch. Song, tại sao ở Vĩnh Phúc lại có tình trạng tưởng như là nghịch lý ấy ? Bởi vì : *Một là*, thời gian nảy sinh các sự việc nổi cộm không dài (từ cuối năm 1999 đến cuối năm 2000) vì thế nó chưa có ảnh hưởng sâu sắc tới phát triển kinh tế. *Hai là*, được sự quan tâm chỉ đạo rất kịp thời và rất kiên quyết của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị (khóa VIII) và sự hỗ trợ, giúp đỡ tích cực của các ban, ngành trung ương nên Vĩnh Phúc có điều kiện thuận lợi trong việc khắc phục những khuyết điểm, tồn tại. *Ba là*, các cấp ủy đảng ở Vĩnh Phúc (trước hết là Ban Thường vụ Tỉnh ủy) và đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt (trước hết cũng là các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy) đã thật sự cầu thị, nghiêm túc tự phê bình, nhận rõ những sai lầm, khuyết điểm của mình và có ý thức quyết tâm sửa chữa. Nếu không có các yếu tố ấy, chắc chắn những sự việc nổi cộm càng nhiều lên, càng kéo dài và càng nghiêm trọng hơn ; khi đó tất yếu sẽ gây ảnh hưởng rất xấu tới nhịp độ phát triển kinh tế nói riêng và việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương nói chung.

● Từ sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII (tháng 3-2001) và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001) đến nay, Vĩnh Phúc đã thật sự đi vào thế *ổn định* và có những bước *khởi sắc mới*. Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ, mục tiêu của các đại hội nêu trên, Vĩnh Phúc đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và các giải pháp thực hiện đến năm 2005 một cách khá cụ thể và mang tính khả thi.

- Về *mục tiêu tổng quát*, Vĩnh Phúc xác định phải "Phát huy và khai thác cao độ tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tận dụng mọi nguồn lực, tranh thủ sự giúp đỡ của trung ương, thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, chuyển mạnh nền kinh tế từ cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ sang cơ cấu công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Từng bước thực hiện phân công lại lao động xã hội. Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh. Ngăn chặn và đẩy lùi mọi hiện tượng tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh ở tất cả các cấp từ tỉnh, huyện đến cơ sở. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, sớm vượt qua nghèo đói, từng bước tiến tới giàu có, phồn thịnh".

- Về *mục tiêu cụ thể*, trong 5 năm (2001 - 2005) Vĩnh Phúc phấn đấu đạt cho được các chỉ tiêu chủ yếu sau đây : GDP tăng bình quân 10%/năm. Thu nhập bình quân tính theo đầu người đạt 350 USD/năm. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 5%/năm. Giá trị các ngành dịch vụ tăng bình quân

9%/năm. Sản lượng lương thực bình quân đạt từ 40 đến 50 vạn tấn/năm. Kim ngạch xuất khẩu đạt 40 - 45 triệu USD. Thu ngân sách trên địa bàn đạt mức trên 1000 tỉ đồng. Số lao động được giải quyết việc làm 15 - 16 nghìn người/năm...

- Về các giải pháp, Vĩnh Phúc xây dựng 10 chương trình về kinh tế, xã hội và xây dựng Đảng. Nội dung các chương trình đó khá phong phú, đa dạng. Các chương trình đều có mối quan hệ biện chứng với nhau; thực hiện tốt chương trình này sẽ tạo tiền đề cho việc thực hiện tốt các chương trình khác và ngược lại. Thí dụ: "**Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp**" xác định phải chuyển mạnh nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa, phát triển các loại cây trồng và con vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phấn đấu đạt giá trị thu nhập trên một ha canh tác từ 26 triệu đồng trở lên. "**Chương trình trồng 6 000 ha rừng và bảo vệ rừng hiện có**" ghi rõ phải trồng mới cho được 6 000 ha rừng, bình quân mỗi năm trồng 1 200 ha rừng tập trung, nâng độ che phủ của rừng từ 19% lên 24%, đảm bảo khả năng phòng hộ đầu nguồn, bảo vệ môi trường sinh thái. "**Chương trình phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp**" tập trung vào nhiệm vụ xây dựng các khu công nghiệp và các cụm công nghiệp; có cơ chế khuyến khích thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước; phát triển công nghiệp chế biến; khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống. "**Chương trình xây dựng đô thị và nông thôn mới**" ưu tiên việc xây dựng kết cấu hạ tầng ở các thị xã và thị trấn lớn như Vĩnh Yên, Phúc Yên, Xuân Hòa, Đại Lải,

Tam Đảo đủ sức đáp ứng yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội; kiên cố hóa mặt đường giao thông nông thôn. "**Chương trình phát triển các khu du lịch tập trung**" nhằm nhanh chóng tạo chuyển biến và nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về vị trí, vai trò của hoạt động du lịch; bảo vệ, khai thác, sử dụng tốt các tài nguyên du lịch; đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. "**Chương trình dân số, việc làm và xóa đói giảm nghèo**" giữ vững sự ổn định về phát triển dân số; hằng năm tạo việc làm mới cho 15 - 16 nghìn người; phấn đấu mỗi năm giảm 1% hộ nghèo (theo tiêu chí mới). "**Chương trình phát triển khoa học công nghệ và môi trường**" góp phần thúc đẩy khoa học - công nghệ phát triển để tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội; cung cấp các luận cứ khoa học, lựa chọn các tiến bộ kỹ thuật, các công nghệ mới phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương; nâng cao trình độ công nghệ khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, ngăn ngừa ô nhiễm, cải thiện môi trường. "**Chương trình giáo dục, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, nâng cao tay nghề cho người lao động**" nhằm thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở; đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ vững về chính trị, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ; có chính sách, cơ chế hợp lý cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nâng cao tay nghề cho người lao động. "**Chương trình phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và đại dịch HIV/AIDS**". Nội dung chủ yếu của chương trình này là phòng chống

tội phạm, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đặc biệt là ma túy, mại dâm ; tăng cường kiểm soát và xử lý nghiêm việc vận chuyển, tàng trữ ma túy. **"Chương trình kiện toàn tổ chức, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị"** nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền và hiệu quả hoạt động của các tổ chức thành viên khác trong hệ thống chính trị theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII).

Trên đây là những phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và các giải pháp thực hiện của cả nhiệm kỳ 2001 - 2005. Đến nay, cũng như các tỉnh, thành phố khác, Vĩnh Phúc triển khai việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ địa phương mới được một năm. Nhìn lại một năm ấy (2001) và đem nó so sánh với năm 2000 ta thấy Vĩnh Phúc có những bước tiến bộ rõ rệt. Trước hết, việc mất đoàn kết trong đội ngũ cán bộ cấp cao của tỉnh và một số huyện, thị về cơ bản đã được giải quyết và bắt đầu xuất hiện những dấu hiệu rất đáng mừng. Đó là tinh thần hợp tác, hỗ trợ nhau và tin cậy lẫn nhau. Còn về mặt kinh tế thì năm 2001, Vĩnh Phúc vẫn tiếp tục theo đà tăng trưởng nhanh và bền vững. Xin lấy một vài số liệu của năm 2001 để so sánh với năm 2000 : Tổng sản phẩm nội tỉnh (GDP) tăng 11,36%. Thu ngân sách trên địa bàn tăng gần 30%. Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tăng 9,3%. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14,7%. Số lượng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng gấp hai lần. Giá trị sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 65,8%. Năm 2001 mặc dù có thiên tai, lũ lụt nhưng giá trị toàn

ngành sản xuất nông nghiệp trên địa bàn vẫn tăng 3,91% v.v...

*

* *

Vĩnh Phúc hôm qua, hôm nay là như thế. Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Phúc đã biết phát huy những tiềm năng, khơi dậy những lợi thế của mình để phát triển. Đồng thời cũng biết tự kiểm chế, thật sự cầu thị, thấy rõ những mặt yếu kém và khuyết điểm của mình để sửa chữa, khắc phục và vươn lên. Tất nhiên Vĩnh Phúc có được như hôm nay phải kể tới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và sự giúp đỡ tận tình của các ban ngành ở trung ương và các địa phương bạn. Đảng bộ và nhân dân Vĩnh Phúc không quên điều đó.

Giờ đây những sóng gió đã qua, những niềm vui đang tới, mỗi cán bộ, đảng viên của Vĩnh Phúc lại càng thấm thía những lời dạy bảo của Bác Hồ khi Người về thăm và nói chuyện với Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III (16-3-1963). Người ân cần chỉ rõ : "Đại hội cần bàn bạc, nêu những vấn đề thiết thực, những biện pháp thiết thực. Làm được những việc ấy là Đại hội thành công. Không phải cứ nghị quyết cho nhiều, khẩu hiệu cho dài là tốt". Đối với đảng viên, Người căn dặn : "Mỗi đảng viên phải gương mẫu. Người nào chưa gương mẫu phải cố gắng trở thành người gương mẫu cho xứng đáng là đảng viên". Cuối cùng Người chúc : "Đảng bộ Vĩnh Phúc trở thành một trong những đảng bộ khá nhất miền Bắc".

Người viết bài này rất mong những điều Bác Hồ dặn trở thành hiện thực. □

NHỮNG năm gần đây, trên địa bàn Cần Thơ đã xuất hiện khá nhiều doanh nghiệp nhà nước (DNNN) làm ăn có hiệu quả. Trong số đó, có thể coi Công ty sản xuất - kinh doanh Vật liệu xây dựng Cần Thơ (tên giao dịch là SADICO) là một doanh nghiệp tiêu biểu về sự năng động, sáng tạo trong sản xuất - kinh doanh, đang thực sự phát huy vị trí, vai trò của một DNNN trên địa bàn.

NHỮNG BƯỚC ĐI VỮNG CHẮC

SADICO, tiền thân là Công ty sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng Hậu Giang, được thành lập tháng 3-1988. Sau khi tách thành 2 tỉnh Sóc Trăng và Cần Thơ, SADICO được thành lập lại vào ngày 2-12-1992, trực thuộc UBND tỉnh Cần Thơ. Sau nhiều năm vừa từng bước khắc phục khó khăn để ổn định sản xuất - kinh doanh, vừa sắp xếp lại bộ máy, đến nay, với 7 đơn vị thành viên (trong đó có 2 nhà máy sản xuất bao bì, 1 xí nghiệp, 1 liên doanh sản xuất xi măng và 3 cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng), SADICO được tổ chức theo mô hình Tổng công ty, với tổng số cán bộ công nhân viên (CBCNV) là 637 người. Từ chỗ gần như tay trắng, SADICO đã không ngừng phấn đấu, để chỉ sau hơn 10 năm đã trở thành một DNNN mạnh toàn diện trong khối DNNN của tỉnh Cần Thơ.

Trở lại ngày đầu thành lập (tháng 3-1988), SADICO phải tiếp nhận một xí nghiệp xi măng của huyện Thốt Nốt, có công suất 5 000 tấn/năm, được ra đời do cải tạo lại xí nghiệp phân vôi (thuộc Sở Nông nghiệp cũ) làm ăn kém hiệu quả. Bước sang cơ chế thị trường, nắm bắt được chủ trương mới của tỉnh là phá thế bị động từ sản xuất xi măng theo chỉ

tiêu kế hoạch hàng năm chuyển sang tự sản xuất và tiêu thụ, SADICO đã mạnh dạn áp dụng cơ chế quản lý mới theo hướng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từng bước khắc phục những trở ngại, từng bước ổn định và phát triển sản xuất, SADICO dần dần "khóa" lỗ và có tích lũy. Nhờ vậy, cùng với xí nghiệp xi măng hiện có, SADICO đã đầu tư xây dựng mới 1 xí nghiệp xi măng ở huyện

CÔNG TY SADICO CẦN THƠ
*khẳng định vai trò
của doanh nghiệp nhà nước*

TRẦN QUANG HẢI

Ô Môn có công suất 25 000 tấn/năm. Ba năm "vật lộn" với thương trường, cũng là ngần ấy thời gian SADICO miệt mài tích lũy kinh nghiệm. Bằng sự nhạy bén trong tiếp cận thị trường và xử lý thông tin có hiệu quả, SADICO nhanh chóng hoàn thành đề án "Phát triển ngành vật liệu xây dựng chủ yếu, giai đoạn 1999-2000", được UBND tỉnh Cần Thơ phê chuẩn. Mục tiêu của đề án là mở rộng sản xuất nhằm đa dạng hóa sản phẩm, tạo công ăn việc làm, tăng thu ngân sách và góp phần ổn định thị trường vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Cần Thơ. Thực hiện đề án trên, đầu 1990, SADICO đã hợp tác với Tổng công ty Xi măng Việt Nam và Công ty Xi măng Hà Tiên xây dựng nhà máy bao bì PP tại Cần Thơ, có tổng vốn đầu tư 71 tỉ đồng, công suất 14 triệu vỏ bao/năm. Tháng 7-1991, nhà máy bao bì PP đi

vào hoạt động. Sản phẩm sản xuất đến đâu được tiêu thụ hết đến đó. Ngoài việc rút ngắn thời gian thu hồi vốn vay so với kế hoạch, nhà máy này đã giải quyết được việc làm cho 222 lao động. Đến nay, nhà máy đã nâng công suất lên 16 triệu vỏ bao/năm, được tiêu thụ ổn định và dự án đã hoàn trả dứt điểm vốn vay ngân hàng.

Vào giữa những năm 90, trước tình hình kinh tế đất nước ngày càng phát triển, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam ngày càng nhiều, SADICO nhận định : nhu cầu về vật liệu xây dựng, nhất là xi măng sẽ tăng mạnh. Từ nhận định đó, năm 1996, SADICO liên doanh với Công ty xi măng Hà Tiên II đầu tư xây dựng Nhà máy liên doanh xi măng Hà Tiên II - Cần Thơ, công suất 200 000 tấn/năm. Sau hơn 3 năm hoạt động, kết quả sản xuất - kinh doanh của liên doanh đã chứng minh sự đầu tư này là đúng hướng. Đến nay, liên doanh đã sản xuất được 208 546 tấn xi măng, sản phẩm được tiêu thụ 100%, đạt tổng doanh thu 160 tỉ đồng ; sau khi thanh toán dứt điểm nợ với ngân hàng, liên doanh đã thu về 11,380 tỉ đồng lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước 13,7 tỉ đồng, 182 CBCNV được đảm bảo việc làm với thu nhập bình quân năm 2001 là 2 540 000 đồng/người/tháng. Thành tích của SADICO được ghi nhận bởi con số đầy thuyết phục : trong hơn 10 năm xây dựng và phát triển, SADICO không chỉ bảo tồn mà còn phát huy được nguồn vốn : từ 7,5 tỉ (năm 1990) đã tăng lên 335 tỉ đồng (năm 2001). Sự lớn mạnh của SADICO cho phép khẳng định rằng : từ một xí nghiệp có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, con người thiếu và yếu..., nếu có chủ trương đúng, đồng sức đồng lòng, biết trọng dụng nhân tài, bám sát và cụ thể hóa, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, có thể phát triển thành một doanh nghiệp lớn với nhiều xí nghiệp, có trang thiết bị và công nghệ hiện đại, cùng với đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật, công nhân giỏi, đủ sức làm

chủ sản xuất, tạo ra được những sản phẩm đa dạng, chất lượng cao, được thị trường tín nhiệm.

KHẲNG ĐỊNH VAI TRÒ CỦA DNNN TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

SADICO là một bằng chứng về phát huy vai trò của DNNN trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều đó được thể hiện qua các mặt sau đây.

Một là, vai trò của SADICO được khẳng định ở sự năng động sáng tạo trong sản xuất - kinh doanh. Ngay trong khó khăn buổi đầu, SADICO đã xác định và lựa chọn được một hướng đi đúng đắn và phù hợp. Đó là bám sát tình hình thực tiễn, nghiên cứu thị trường một cách nghiêm túc để lựa chọn loại sản phẩm nào sẽ sản xuất, đi đôi với không ngừng mở rộng sản xuất bằng việc mạnh dạn đầu tư có trọng điểm nguồn vốn ; áp dụng các hình thức liên doanh, liên kết, coi trọng công tác thông tin - tiếp thị để nâng cao số lượng và chất lượng sản phẩm. Nắm vững và vận dụng có hiệu quả đường lối đổi mới của Đảng, cơ chế chính sách của Nhà nước về quản lý doanh nghiệp.

Hai là, SADICO xây dựng được một đội ngũ cán bộ công nhân giỏi, đi kịp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh. Trong suốt quá trình xây dựng và trưởng thành, SADICO luôn chú trọng đến việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người. Nhân tố này được biểu hiện qua các mặt cụ thể như : tuyển dụng, đào tạo ; việc làm và đời sống.

- *Về tuyển dụng và đào tạo* : Đối với cán bộ, công nhân tuyển dụng mới, SADICO xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn cụ thể cho từng lĩnh vực sản xuất - kinh doanh và đối với từng cá nhân. Chẳng hạn, các tiêu chuẩn chung cho người được tuyển dụng là : có năng lực chuyên môn (được thể hiện qua bằng cấp và thử việc) ; có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe và tâm huyết với công việc. Đối với cán bộ, công nhân đã được tuyển dụng từ trước, SADICO sắp xếp

lại bộ máy, thực hiện phương châm tùy người xếp việc. SADICO thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo với hình thức đa dạng : đào tạo dài và ngắn hạn, đào tạo trong nước và gửi đi đào tạo ở nước ngoài ; đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý, đồng thời đào tạo công nhân lành nghề. Nếu năm 1990, trong tổng số 222 CBCNV, SADICO chỉ có 15 cán bộ tốt nghiệp đại học, 24 cao đẳng và trung cấp, thì đến năm 2001, trong tổng số 637 cán bộ công nhân đã có 1 cán bộ có trình độ cao học, 66 cán bộ có trình độ đại học, 83 cán bộ có trình độ cao đẳng và trung cấp, cùng trên 500 công nhân lành nghề. Toàn bộ kinh phí đào tạo được trích từ quỹ phúc lợi của công ty. Trong đội ngũ đó, hiện SADICO đã có nhiều cán bộ quản lý giỏi, nhiều cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm thực tiễn về xi măng, hóa pôlime, cơ khí, điện tử, tin học..., cùng đội ngũ công nhân có tay nghề cao, có thể tự nghiên cứu, thiết kế và lắp đặt được những thiết bị hiện đại về sản xuất xi măng và bao bì PP, thay vì phải nhập khẩu thiết bị và thuê chuyên gia nước ngoài. Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được phát động rộng rãi trong công ty nhằm tiết kiệm tiền vốn và thời gian, nâng cao chất lượng sản phẩm. Ở SADICO, mọi sáng kiến dù là nhỏ của cán bộ, công nhân đều được trân trọng và khen thưởng kịp thời. Ví dụ : Nếu xây dựng nhà máy xi măng mới ở huyện Ô Môn với công suất 100 000 tấn/năm và có cùng công nghệ phải mất thời gian xây dựng là 2 năm và tổng chi phí đầu tư là 20 tỉ đồng, nhưng bằng hình thức thông qua đối tác trực tiếp nhập thiết bị, sử dụng đội ngũ cán bộ kỹ thuật hiện có, nhà máy này được xây dựng và lắp đặt chỉ sau 5 tháng, rút ngắn thời gian 19 tháng, tổng chi phí không quá 7 tỉ đồng, làm lợi cho nhà nước 13 tỉ đồng. Nhà máy bao bì PP1 được SADICO chọn dây chuyền công nghệ hiện đại và tự động gần 90%. Nhờ đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý giỏi, công nhân tay nghề cao, nhà máy đã được cải tiến một phần kỹ

thuật, đổi mới mẫu mã và đa dạng hóa sản phẩm, hạ giá thành, đủ sức vươn rộng ra thị trường vùng đồng bằng sông Cửu Long và một số tỉnh miền Trung. Chỉ sau 8 năm sản xuất, nhà máy đã hoàn thành khấu hao cơ bản, (thay vì 12 năm), tạo việc làm cho hàng trăm lao động tại chỗ. Nhà máy bao bì PP2 có công suất 64 triệu vỏ bao/năm cũng được đầu tư thiết bị công nghệ hiện đại để sản xuất các sản phẩm nhựa cao cấp như PK, KP, KPK phù hợp xu hướng chung của thị trường khu vực và thế giới. Nếu phải nhập khẩu hoàn toàn thiết bị thì tổng kinh phí xây dựng nhà máy này sẽ từ 145-150 tỉ đồng, nhưng SADICO chỉ phải đầu tư 107 tỉ đồng. Cùng với lựa chọn thiết bị và công nghệ phù hợp, SADICO chủ trương chỉ nhập những gì trong nước chưa sản xuất được, những thiết bị đã có thì mua tại chỗ nhưng phải đảm bảo được công suất, độ bền thiết bị và chất lượng sản phẩm.

- Về việc làm và đời sống : Một điểm nổi bật khác của SADICO là có sự phối hợp chặt chẽ giữa lãnh đạo với đảng ủy và công đoàn trong việc triển khai các mục tiêu chăm lo việc làm và đời sống cho CBCNV. Cứ đúng định kỳ 6 tháng, SADICO lại tổ chức kiểm điểm và ký kết thỏa ước lao động tập thể giữa lãnh đạo công đoàn với công ty và từng xí nghiệp. Mọi chính sách, chế độ đối với người lao động như tiền lương, tiền thưởng, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tham quan, khám sức khỏe định kỳ v.v.. được công ty chăm lo chu đáo. Ngoài tiền lương, tiền thưởng, các xí nghiệp còn tổ chức bữa ăn giữa ca miễn phí cho công nhân. Những gia đình cán bộ, công nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, công ty và xí nghiệp hỗ trợ vốn để làm kinh tế hộ, làm nhà ở (đã xây dựng 32 căn hộ tập thể). Công tác thi đua khen thưởng, các hoạt động văn hóa - văn nghệ - thể thao cũng được duy trì với hình thức phong phú, nội dung thiết thực, nhằm động viên CBCNV phấn khởi, hăng hái thi đua sản xuất. Các chế độ khen thưởng được thực hiện

một cách nghiêm túc nên bình quân mỗi năm, toàn công ty có trên 80% CBCNV đạt danh hiệu lao động giỏi ; hầu hết các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên năm nào cũng được công nhận là đơn vị trong sạch - vững mạnh. "Ăn nên, làm ra", SADICO càng có điều kiện để chăm lo đời sống cho người lao động và còn đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội tại địa phương. Bằng quỹ phúc lợi, đến nay SADICO đã tặng các đôi tượng chính sách 10 căn nhà tình nghĩa, 2 phòng học cho vùng sâu, nhận phụng dưỡng 5 mẹ Việt Nam anh hùng, 2 mẹ liệt sỹ ; đóng góp xây dựng khu căn cứ tỉnh, di tích chiến thắng Tầm Vu, giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, xây dựng cầu, đường nông thôn, lập các quỹ tình nghĩa đồng nghiệp, hỗ trợ học sinh nghèo v.v.. với số tiền gần 1,5 tỉ đồng.

Ba là, SADICO đã phát huy được những thuận lợi để tiến dần đến ổn định và phát triển. Thuận lợi trước hết của SADICO là được sự quan tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan. Bằng các quyết định kịp thời và được xem xét một cách nghiêm túc, lãnh đạo tỉnh cũng như các ban, ngành đã giúp SADICO mạnh dạn đầu tư mở rộng sản xuất, tháo gỡ các khó khăn trong công tác xây dựng cơ bản, nâng cao năng lực thiết bị và công suất sản xuất, đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Về yếu tố chủ quan, SADICO đã biết phát huy nội lực, nhạy bén, năng động trong nắm bắt diễn biến của thị trường, thực hiện đa dạng hóa sản phẩm, đa năng hóa thiết bị và sản xuất những mặt hàng có chất lượng, đang có sức tiêu thụ lớn ; từng bước thực hiện quản lý chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế (SADICO đang chuẩn bị các điều kiện để tham gia sản phẩm của mình tại các nước trong khu vực trong năm 2002). Phát huy tinh thần tự lực, tự cường, dám nghĩ, dám làm, SADICO đã năng động trong việc tổ chức lại sản xuất - kinh doanh, lựa chọn quy mô thích hợp theo phương châm : đi từ ít đến nhiều, từ

thấp đến cao ; thiết lập một hệ thống tiêu thụ bền vững ; mạnh dạn tham gia cạnh tranh để trưởng thành. Từ công ty đến các xí nghiệp thành viên có sự phối hợp chặt chẽ giữa đảng bộ, các chi bộ với chính quyền và các tổ chức đoàn thể, tạo được một không khí đoàn kết, nhất trí, cùng với đội ngũ cán bộ vững vàng về năng lực, kiên định về lập trường, nhuần nhuyễn cả về lý luận và thực tiễn, tạo nên sức mạnh tổng hợp, giúp SADICO không ngừng lớn mạnh về mọi mặt.

Với những nỗ lực và thành quả đó, SADICO đã 7 lần được đón nhận Huân chương Lao động (6 Hạng ba, 1 Hạng hai), 1 Huân chương Độc lập Hạng ba ; 15 cờ thi đua của tỉnh và công an tỉnh về thành tích liên tục hoàn thành kế hoạch năm và tham gia tích cực phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tổng kết 10 năm đổi mới, SADICO đang được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh đề nghị Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lao động. Trong khi đón đợi niềm vinh dự này, SADICO đã kịp tạo cho mình một danh hiệu khác. Đó là bằng thực lực của mình, SADICO đã góp phần khẳng định vai trò của DNNN trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiềm lực và sức vươn tới của SADICO đang là niềm mong đợi và là mục tiêu của nhiều DNNN thuộc mọi thành phần kinh tế đang có khát vọng làm giàu chính đáng ở Cần Thơ hôm nay.

Trên một địa bàn có những khó khăn đặc thù (thời tiết diễn biến phức tạp, lũ lụt thường xuyên) cùng những khó khăn khách quan như xuất hiện sự cạnh tranh về giá bán sản phẩm, giá mua nguyên liệu không ngừng tăng cao (do biến động của thị trường thế giới)... nhưng SADICO đã góp một tiếng nói khẳng định chủ trương và đường lối kinh tế của Đảng và Nhà nước về "xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo" là hết sức đúng đắn. □



"Hạt mảy, Hạt lép"

QUÝ HOA

BÁC Trần K vốn là một quân nhân về hưu, một cán bộ tiền khởi nghĩa, năm nay đã 83 tuổi, trên 50 tuổi đảng. Tuổi cao, sức yếu, bác ở diện miễn sinh hoạt đảng. Song hằng tháng bác vẫn đến sinh hoạt với chi bộ rất đều đặn, trừ những kỳ bị bệnh, quá yếu mệt. Bác coi việc họp chi bộ là quyền lợi, trách nhiệm của người đảng viên, đồng thời được gặp gỡ với các đồng chí là niềm vui, sự ấm áp đối với bác. Trước những đợt đi chơi xa với con cháu, hoặc chữa bệnh dài ngày là bác lại chống gậy tự mình đi nộp đảng phí, báo cáo lý do vắng mặt với cấp ủy. Những ngày kỷ niệm lớn, ngày sơ kết, tổng kết công tác của đảng bộ, đại hội chi bộ v.v..., bao giờ bác cũng cố gắng thu xếp về dự họp. Bác luôn quan tâm đến công tác của Đảng, cũng như sự đoàn kết nội bộ, sự phát triển của địa phương. Mọi người trong đảng bộ, quần chúng ở địa phương nơi bác Trần K sinh hoạt (khi đã về hưu), đều thấy rõ phẩm chất cao đẹp, ý thức tổ chức kỷ luật đảng, lý tưởng của người cộng sản luôn tỏa sáng ở người đảng viên trung kiên này.

Những ngày giáp tết vừa qua, khi đến chúc tết và chuyển quà của thị ủy, tỉnh ủy tới bác, đồng chí bí thư chi bộ thông báo tình hình họp chi bộ sắp tới và nói : "Thời tiết xấu, mưa rét nhiều, bác không được khỏe, nên kỳ sinh hoạt chi bộ tháng này bác nghỉ một buổi cũng được". Nhưng không ngờ, sắp tới giờ sinh hoạt thì bác Trần K đã từ trên xích lô bước xuống. Đồng chí bí thư rất xúc động, nắm chặt tay bác và mời bác vào phòng họp. Các đồng chí trong chi bộ gặp bác, ai cũng kính trọng. Bất giác tôi nhớ vào năm 1984, tại cuộc họp các nữ đảng viên ưu tú, tiêu biểu cho đảng bộ huyện Y, đồng chí B - một nữ nông dân rất bình dị, từng là một nữ du kích thời kháng chiến chống Pháp đã phát biểu tại hội nghị : "... Dân ta còn vất vả, đời sống khổ lắm các đồng chí ạ. Đảng ta phải làm thế nào cho dân đỡ khổ, ngày một sung sướng hơn". Câu nói đầy tâm huyết của đồng chí B thật xúc động lòng người. Đảng đâu xa, Đảng ta chính là những người cộng sản chân chính ấy mà lý tưởng cao cả, thiêng liêng đã ăn sâu vào tâm thức. Năm 2001, tôi trở lại huyện Y, đời sống

bà con nơi đây đã khác nhiều lắm : Xóm làng trù phú, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày một no đủ văn minh. Đồng chí B giờ đây đã trở về với "thế giới người hiền". Nếu còn sống đến ngày nay, hẳn đồng chí sẽ rất vui, vui đi những trần trở.

Khi tôi tới thăm một người bạn ở tỉnh khác, cũng là một đảng viên. Bạn tôi nói với tôi : "Bên cạnh những đồng chí đảng viên tâm huyết, trung kiên, một lòng một dạ vì dân, vì Đảng, suốt đời không xa rời mục đích lý tưởng trong sáng, thì tiếc rằng vẫn còn một bộ phận đảng viên rất đáng chê trách. Ở tỉnh tôi có những đồng chí từng là thị ủy viên, huyện ủy viên v.v..., đã từng giữ chức vụ trọng trách trong cơ quan đảng, chính quyền, nhưng khi về hưu mặc dù còn sung sức đã không tham gia công tác xã hội, không đóng góp với phong trào ở địa phương, thậm chí hằng tháng còn không sinh hoạt đảng. Nhân dân nhìn vào những người ấy, họ không khỏi so sánh, bàn tán với nhau : Sao cùng là đảng viên, mà lại có "hạt mảy, hạt lép" như thóc chưa sàng vậy.

Nhận xét của người dân thật cụ thể, nhưng cũng thật thấm thía làm cho tôi càng thêm trân trọng các lão đồng chí quê tôi. □



QUAN HỆ VIỆT - TRUNG trong thời kỳ mới

NGUYỄN THỊ HOA

Trong những ngày đầu Xuân vừa qua, Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam vui mừng đón Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Giang Trạch Dân sang thăm hữu nghị chính thức nước ta từ ngày 27-2 đến ngày 1-3-2002. Đây là chuyến thăm tiếp nối chuyến thăm Trung Quốc của đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh cuối tháng 11, đầu tháng 12 năm 2001. Chuyến thăm của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch Giang Trạch Dân thêm một lần nữa đánh dấu bước phát triển sâu sắc của quan hệ giữa hai Đảng và hai nước.

Kể từ khi hai nước Việt - Trung bình thường hóa quan hệ (11-1991), quan hệ hữu nghị giữa hai nước được khôi phục toàn diện, ngày càng phát triển và đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Thành tựu lớn nhất đạt được trong hơn 10 năm qua là hai nước đã khép lại quá khứ, dần từng bước xây dựng quan hệ hữu nghị và tin cậy lẫn nhau. Đây là nền tảng quan trọng để hai nước tiếp tục có sự hợp tác sâu rộng hơn. Niềm tin ấy ngày càng được củng cố, thể hiện qua những sự nhất trí về các

quan điểm, sự hiểu biết, nhận thức chung rộng rãi và ủng hộ lẫn nhau thể hiện qua các chuyến thăm hữu nghị, các cuộc hội đàm cấp cao giữa hai nước. Từ năm 1991 đến nay, hai nước đã ký kết bốn *Thông cáo chung* (năm 1991, 1992, 1994 và 1995) và ba *Tuyên bố chung* (năm 1999, 2000 và 2001), xác định phương châm và nguyên tắc cơ bản cho quan hệ hai nước. Trong chuyến thăm Trung Quốc của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tháng 2-1999, hai bên đã xác định khuôn khổ mới cho quan hệ hai nước trong thời kỳ mới là : *láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai*. Phương châm 16 chữ này có ý nghĩa quan trọng trong việc kế thừa truyền thống và mở ra tương lai cho quan hệ Việt - Trung trong thời kỳ mới.

Cùng với sự phát triển của quan hệ chính trị, quan hệ kinh tế - thương mại Việt - Trung đạt nhiều thành tựu quan trọng và có những bước đột phá. Kim ngạch mậu dịch song phương không ngừng gia tăng, từ 32 triệu USD năm 1991 lên 2,8 tỉ USD năm 2001. Trong chuyến thăm của Tổng Bí thư Giang Trạch Dân, lãnh đạo hai nước đã nhất trí phấn đấu đưa kim ngạch mậu dịch

giữa hai nước lên 3,5 tỉ vào năm 2002 và 5 tỉ vào năm 2005.

Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ 5 của Việt Nam. Hai dự án cải tiến kỹ thuật lớn do Trung Quốc giúp vốn là nhà máy Gang thép Thái Nguyên và nhà máy Phân đạm Bắc Giang đã tiến triển thuận lợi. Chính phủ Trung Quốc dành ngân khoản 300 triệu USD cho Việt Nam vay không lấy lãi để đầu tư vào một số công trình như nhà máy điện Cao Ngạn, công trình thủy lợi thủy điện Rào Quán, nhà máy dệt Đà Nẵng... Trong chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh cuối tháng 11, đầu tháng 12-2001, hai thỏa thuận về viện trợ không hoàn lại và tín dụng ưu đãi đã được ký kết. Đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam ngày càng tăng, đứng hàng thứ 8 trong số 30 nước và vùng lãnh thổ có dự án được cấp phép từ đầu năm 2001 đến nay. Trong năm 2001, Trung Quốc đã có thêm 42 dự án được cấp giấy phép tại Việt Nam. Hai bên đã ký hơn 30 hiệp định và thỏa thuận ở cấp nhà nước, tạo cơ sở pháp lý cho quan hệ hợp tác lâu dài ; đã khai thông và mở thêm các tuyến đường bộ, đường hàng không, đường biển, đường sắt, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế, văn hóa giữa hai nước. Hợp tác kinh tế - thương mại hai nước đã bổ sung cho nhau, thúc đẩy phát triển kinh tế, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Giao lưu văn hóa giữa hai nước ngày một tăng cường, với nội dung phong phú, đa dạng. Đã có nhiều hoạt động giao lưu sôi động trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, thể thao, du lịch... và đã ký Hiệp định văn hóa. Giao lưu văn hóa, trao đổi các đoàn nghệ thuật, tổ chức các cuộc triển lãm,

hội thảo, nghiên cứu... nối những nhịp cầu hữu nghị, làm cho hai dân tộc xích lại gần nhau hơn, tăng thêm sự hiểu biết, cảm thông và tình đoàn kết giữa nhân dân hai nước.

Quan hệ hợp tác du lịch Việt - Trung được đánh dấu bởi Hiệp định hợp tác du lịch cấp chính phủ giữa hai nước được ký ngày 8-4-1994. Sau khi Việt Nam trở thành điểm đến của du lịch Trung Quốc, khách du lịch Trung Quốc đến Việt Nam ngày càng nhiều. Trong năm 2000, có khoảng 492 nghìn lượt người Trung Quốc sang thăm Việt Nam, năm 2001 con số này đã lên tới 676 nghìn lượt người, chiếm 29% tổng số khách quốc tế của Việt Nam. Số khách Việt Nam đi thăm Trung Quốc cũng ngày một tăng, khoảng trên 20 nghìn lượt người mỗi năm. Việc mở thêm những tuyến đường bay mới Hà Nội - Bắc Kinh và Hà Nội - Côn Minh trong năm 2001 đã góp phần tăng cường hợp tác kinh tế, giao lưu văn hóa, thông tin, du lịch giữa hai nước.

Trong thời gian vừa qua, hai nước cũng đã giải quyết được hai trong ba vấn đề biên giới lãnh thổ tồn tại do lịch sử để lại là ký kết Hiệp ước biên giới trên đất liền năm 1999, Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá năm 2000. Trong năm qua, các bộ, ngành hữu quan của hai bên đã triển khai các bước đi cụ thể để thực hiện các hiệp định. Hai bên đã tiến hành Lễ cắm mốc quốc giới đầu tiên trên biên giới đất liền ngày 27-12-2001. Sự kiện này có ý nghĩa đặt nền móng cho việc xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị và ổn định, tạo môi trường tốt cho công cuộc xây dựng và phát triển ở mỗi nước, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích lâu dài của hai quốc gia, đánh dấu bước phát triển tốt đẹp của hai nước trong thời kỳ mới.

Những kết quả, thành tựu khả quan trên có tác động quan trọng đối với công cuộc đổi mới và cải cách mở cửa của hai nước, góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện, tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị giữa hai nước.

Tuy nhiên, sự giao lưu hợp tác Việt - Trung còn chưa tương xứng với tiềm năng rất lớn của cả hai bên. Để đưa quan hệ Việt - Trung trong thời kỳ mới tương xứng với tiềm năng rộng lớn đó, hai nước tiếp tục phát huy hiệu quả những mặt thuận lợi, khắc phục được những mặt hạn chế, khó khăn. Điều đó có nghĩa là tương lai tươi sáng, tốt đẹp hơn cho quan hệ hai nước trong thời kỳ mới sẽ trở thành hiện thực, nhất là khi sự hợp tác đó có một cơ sở, nền tảng rất vững chắc.

Thứ nhất, Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng "núi liền núi, sông liền sông". Nhân dân hai nước, nhất là nhân dân các vùng biên giới gắn bó với nhau lâu đời. Những điều kiện lịch sử, địa lý, văn hóa đã gắn kết hai dân tộc một cách tự nhiên, hình thành mối quan hệ truyền thống khăng khít.

Thứ hai, Việt Nam và Trung Quốc đều là nước xã hội chủ nghĩa, kiên trì sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản, đều đang thực hiện chính sách đổi mới, cải cách, mở cửa, tiến hành công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với tình hình mỗi nước. Trong quá trình phát triển đất nước, hai quốc gia có nhiều điểm tương đồng và gần gũi.

Quan hệ Việt - Trung trở nên đặc biệt gần gũi kể từ khi Đảng Cộng sản hai nước được thành lập và tiếp đến là khi hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1950. Trong quá trình đấu tranh cách mạng,

nhân dân hai nước Việt - Trung đã kề vai sát cánh bên nhau, chiến đấu giành độc lập dân tộc, bảo vệ và xây dựng đất nước. Ngày nay, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, quan hệ chính trị giữa hai nước ngày càng tốt đẹp và ổn định. Thuận lợi căn bản đó là sự trùng hợp giữa lợi ích dân tộc và ý thức hệ. Đó là nền tảng, tiền đề quan trọng cho sự phát triển quan hệ toàn diện giữa hai nước.

Thứ ba, Việt Nam và Trung Quốc đều là những nước đang phát triển, có tốc độ phát triển kinh tế tương đối cao trong khu vực. Mô hình phát triển của hai nước có nhiều điểm gần nhau và giống nhau. Trước những vận hội và thách thức của thời đại, trên những vấn đề cơ bản hai nước đều có chung những nhận thức và cách giải quyết. Đó là làm sao phát triển kinh tế thị trường nhưng vẫn bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển nhưng phải bảo đảm ổn định và công bằng xã hội; hội nhập nhưng vẫn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, độc lập, chủ quyền quốc gia. Cả hai nước đều chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để tận dụng thời cơ, ứng phó với thách thức. Việt Nam và Trung Quốc có những điều kiện thuận lợi và tiềm năng để hợp tác kinh tế, bổ sung cho nhau những kinh nghiệm xây dựng, cải cách, phát triển.

Thứ tư, trong quá trình tiến hành công cuộc đổi mới cải cách, mở cửa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hai nước đều chung nguyện vọng là cần có môi trường quốc tế và khu vực hòa bình bền vững, ổn định để phát triển đất nước và xây dựng quan hệ ngoại giao láng giềng thân thiện, mở rộng hợp tác bảo vệ an ninh và phát triển kinh tế khu vực, góp phần vào việc xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế

mới công bằng, hợp lý. Điều này không những đáp ứng nhu cầu phát triển ổn định, phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước, duy trì và tăng cường sự hợp tác về mọi mặt giữa hai nước láng giềng, mà còn cải thiện môi trường an ninh, đóng góp cho việc bảo vệ hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Thế kỷ XXI - thế kỷ của kinh tế tri thức, của xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Xu thế đó đang tác động sâu sắc tới mọi quốc gia, khu vực trên thế giới. Đó là một quá trình vừa hợp tác để phát triển, vừa đấu tranh rất phức tạp. Trước những cơ hội và thách thức lớn và những diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế hiện nay, Việt Nam và Trung Quốc tăng cường đoàn kết, hợp tác có một ý nghĩa chiến lược quan trọng đặc biệt. *Một là*, nó đáp ứng nhu cầu phát triển tự thân và mở rộng hợp tác giao lưu của mỗi nước, phù hợp với lợi ích căn bản và nguyện vọng của cả hai dân tộc. *Hai là*, nó thuận chiều với xu thế thời đại là hòa dịu, ổn định, hợp tác và phát triển. *Ba là*, nó góp phần tạo ra bầu không khí chính trị ổn định trong khu vực, tạo thế và lực để hai nước tham gia bình đẳng vào quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang diễn ra sôi động trên toàn thế giới. *Bốn là*, sự nghiệp cải cách, mở cửa, đổi mới, xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở hai nước Trung Quốc và Việt Nam đòi hỏi sự đoàn kết, thống nhất và hợp tác chặt chẽ. Sự đoàn kết đó sẽ góp phần có ý nghĩa tạo ra sức sống mới và triển vọng mới cho chủ nghĩa xã hội, củng cố niềm tin vào tương lai của chủ nghĩa xã hội. Bởi lẽ, "tương lai của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới phụ thuộc, ở mức độ quyết định, vào những cuộc cải cách của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc và Việt Nam"⁽¹⁾.

Những cơ sở và lợi ích chung đã nối hai dân tộc với nhau một cách thân thiết hơn. Đương nhiên, hai nước cũng có nhiều điểm khác biệt. Hai nước chủ trương phát huy những thế mạnh, tiềm lực hai bên, thông qua các kênh song phương và đa phương. Trong cuộc "trường chinh" đi tới chủ nghĩa xã hội, cả hai nước đều cần đến nhau và dựa vào nhau, ảnh hưởng và bổ sung cho nhau, cùng nhau phát triển, ngày càng mạnh mẽ và có bản sắc hơn. Đồng thời tạo nền móng vững chắc cho bước phát triển mới trong quan hệ hai nước.

Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam hết sức quý trọng mối quan hệ gắn bó "vừa là đồng chí vừa là anh em" với nước láng giềng Trung Quốc, coi đó là chính sách nhất quán và lâu dài trong đường lối đối ngoại, không ngừng phấn đấu để tăng cường mối quan hệ Việt - Trung theo phương châm 16 chữ. Đó cũng là điều được các nhà lãnh đạo cấp cao của Trung Quốc luôn luôn khẳng định. Chúng ta tin rằng, với tài sản quý báu của tình đoàn kết hữu nghị mà các nhà lãnh đạo cách mạng tiền bối hai nước đã dày công vun đắp, với truyền thống láng giềng có từ xa xưa, với những thành tựu và kết quả đạt được trong thời gian qua và nhất là sự đồng lòng nhất trí, nỗ lực quyết tâm của cả hai bên thể hiện trong các cuộc gặp cấp cao và các Tuyên bố chung, sẽ tạo nên những điều kiện vững chắc để trong thế kỷ mới, quan hệ giữa hai đảng, hai nước Việt Nam và Trung Quốc phát triển mạnh mẽ hơn, tốt đẹp hơn. □

(1) A-lếch-xan-đơ Li-lốp : "Ý nghĩa siêu quốc gia của các cuộc cải cách ở Việt Nam. Tại sao chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ". *Việt Nam trong thế kỷ XX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t 1, tr 156

Cảm nghĩ về “hòn đảo tự do” sau hai lần trở lại

CAO SỸ KIÊM*

CUỐI năm 1993, tôi được đến Cu-ba công tác vào đúng lúc nền kinh tế của nước bạn đang ở vào thời điểm khó khăn nhất. Qua quan sát thực tế, tiếp xúc với các cơ sở, làm việc với các đồng chí lãnh đạo các cấp, chúng tôi mới hiểu hết được nội dung của "thời kỳ đặc biệt", "cái đáy của sự khó khăn" mà bạn khái quát.

Cũng chính qua các buổi tiếp xúc đó, chúng tôi lại càng hiểu rõ và đầy đủ hơn quyết tâm vượt qua trở ngại, khó khăn của Đảng Cộng sản và nhân dân Cu-ba. Lần đó tôi vinh dự được đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Cu-ba, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Chính phủ Cu-ba tiếp và làm việc. Cuối buổi tiếp, đồng chí Phi-đen nói với tôi : "Sau ba năm nữa, đồng chí trở lại đây sẽ thấy thành quả đổi mới của chúng tôi".

Sáu năm sau, năm 1999 và gần đây nhất là tháng 2-2002, thăm lại nước bạn, tôi đã được chứng kiến những thành quả của công cuộc đổi mới mà bạn đang thực hiện. Từ năm 1995 đến nay, kinh tế Cu-ba liên tục được phục hồi, mức tăng trưởng trung bình hàng năm đạt 4,7%, lạm phát được

kiềm chế ở mức 3%, tỷ giá hối đoái ổn định ở mức 20-26 pê-sô nội tệ/1 USD, chỉ số thất nghiệp dưới 6% tổng lực lượng lao động 2,5 triệu người của đất nước. Hiện nay Cu-ba đang bước vào giai đoạn đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và văn hóa của nhân dân. Nhiều bệnh viện, trường học, trung tâm văn hóa thể thao, khách sạn, cửa hàng được xây dựng thêm. Hệ thống đường sá, cấp thoát nước, mạng lưới điện, cung cấp nhiên liệu, hơi đốt được nâng cấp. Nhiều khu nhà ở của người dân và những khu phố cổ đang được tu bổ, phục hồi. Hệ thống cửa hàng bán lẻ, các siêu thị, chợ nông thôn đã có nhiều hàng hóa và hoạt động sôi động hơn. Đường phố xanh, sạch, đẹp hơn với nhiều ô tô của nhiều nước qua lại. Thu nhập của người dân tăng lên cùng với việc duy trì các dịch vụ về giáo dục, y tế không mất tiền. Nhìn chung, so với những năm đầu của "thời kỳ đặc biệt", đời sống kinh tế - xã hội của nước bạn đã có nhiều bước cải thiện rõ rệt.

* TS. Phó trưởng Ban Kinh tế Trung ương

Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế thế giới và khu vực hiện nay có xu hướng suy giảm cộng với thiên tai cùng sức ép từ bên ngoài của các thế lực thù địch, Cu-ba vẫn còn phải tiếp tục đối phó với nhiều khó khăn, thách thức to lớn. Hiện tại Cu-ba mới chỉ bảo đảm được 20% nhu cầu của toàn xã hội về lương thực, thực phẩm. Phần còn lại phải nhập khẩu từ các nước khác. Hệ thống tài chính, ngân hàng còn có hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển của nền kinh tế. Các hoạt động dịch vụ chưa thật phát triển. Việc cải cách doanh nghiệp nhà nước triển khai còn chậm, hiện mới chỉ có 200 xí nghiệp trong tổng số hơn 4 000 xí nghiệp quốc doanh thực hiện chương trình cải tiến, đổi mới cơ chế quản lý. Với Cu-ba, những thách thức đó là rất lớn và lâu dài, nhưng chúng tôi lại được củng cố niềm tin qua các buổi làm việc với các cơ quan nghiên cứu và hoạch định chính sách ở Trung ương, cũng như khi đi thăm các cơ sở sản xuất và tiếp xúc với đông đảo quần chúng, đặc biệt qua phát biểu của đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô tại Hội nghị lần thứ IV "Toàn cầu hóa và những vấn đề của sự phát triển" vừa được tổ chức tại La Ha-ba-na. Tất cả đều rõ ràng và tự tin.

Chúng tôi đã làm việc với lãnh đạo của một xí nghiệp quốc doanh sửa chữa tàu thuyền, các đồng chí phấn khởi vì cơ chế mới. Xí nghiệp được chủ động hơn trong sản xuất kinh doanh, phân phối thu nhập, trong hoạt động tài chính cũng như trong việc đổi mới trang bị kỹ thuật công nghệ. Điều này được coi là động lực chính giúp xí nghiệp hoàn thành liên tục các chỉ tiêu kinh tế được giao và qua đó xí nghiệp có điều kiện để cạnh tranh có hiệu quả hơn

trên thương trường. Một vấn đề sâu sắc mà tôi cảm nhận là, trong khi cán cân thanh toán, cán cân thương mại bị thâm hụt, dự trữ ngoại tệ chưa nhiều, nhưng bạn đã có biện pháp sử dụng hiệu quả số ngoại tệ hiện có : Các ủy viên Bộ Chính trị, các bộ trưởng đều đi xe cũ, các công sở vẫn sử dụng một số thiết bị từ trước để lại. Nhưng bạn mạnh dạn tập trung tiền vốn, đặc biệt là ngoại tệ để xây dựng, hoàn thiện 8 khu du lịch có hệ thống khách sạn được trang bị hiện đại và hệ thống dịch vụ khá hoàn chỉnh, có sân bay nối thẳng đường bay quốc tế nhằm đẩy mạnh việc thu hút khách du lịch, tăng nguồn thu ngoại tệ cho đất nước. Chính vì vậy, lượng khách du lịch đến Cu-ba đã tăng nhanh từ 1,8 triệu người năm 2000 lên 2,1 triệu người năm 2001, đem lại nguồn thu nhập trên 2,2 tỉ USD.

Trò chuyện với một gia đình nông dân kiêm nghề sửa chữa cơ khí, chúng tôi nhận thấy, gia đình rất yên tâm khi Nhà nước lo việc học hành cho con cái họ và phần khởi sản xuất, thực hiện nghĩa vụ giao nộp, bán nông sản thừa cho Nhà nước với giá cả hợp lý.

Những gì nghe và thấy được ở Cu-ba qua chuyến thăm lần này làm cho chúng tôi thấy hết ý nghĩa của những thành quả đổi mới mà nước bạn đang tiến hành. Trên cơ sở phát huy thế mạnh về kết cấu hạ tầng và trình độ dân trí cao, chính sách xã hội có nhiều ưu việt, cộng với truyền thống đoàn kết nhất trí, và với quyết tâm cao của Đảng Cộng sản và nhân dân Cu-ba, chúng tôi vững tin rằng, đất nước kiên cường - nơi được mệnh danh là "Hòn đảo tự do" này sẽ thu được nhiều thành quả cao và phát triển bền vững trong tương lai tới. □

KỶ HỌP THỨ HAI HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

TRONG hai ngày 6 và 7-4-2002, Hội đồng Lý luận Trung ương đã họp phiên thường kỳ lần thứ hai tại Hà Nội để kiểm điểm công tác vừa qua và bàn phương hướng công tác sắp tới. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách công tác lý luận của Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương chủ trì Hội nghị.

Hội nghị đã thảo luận và nhất trí với bản Báo cáo kiểm điểm công tác Quý I và Chương trình công tác Quý II năm 2002 của Hội đồng. Quý I năm 2002, Hội đồng đã tiến hành xây dựng và ổn định tổ chức bộ máy ; Hội đồng đã làm việc với đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh cùng một số đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Tại phiên họp lần thứ nhất, Hội đồng đã đóng góp vào dự thảo Báo cáo "những nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới" của Tiểu ban chỉ đạo soạn thảo Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về công tác tư tưởng, lý luận ; xây dựng Báo cáo "Đẩy mạnh công tác lý luận - một nhiệm vụ quan trọng, bức thiết hiện nay" trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư ; xác định Quy chế, lệ lối, phương thức hoạt động của Hội đồng, xây dựng đề cương kế hoạch triển khai nghiên cứu những đề tài và chuyên đề do Bộ Chính trị giao trong năm 2002.

Với tinh thần làm việc khoa học, khẩn trương, Hội đồng đã thảo luận sôi nổi đi đến thống nhất Chương trình công tác Quý II với nội dung chủ yếu là tiếp tục hoàn thành những công việc còn lại liên quan về tổ chức, bộ máy ; hoàn thiện những văn bản đã được dự thảo ; tổ chức triển khai chương trình hành động của Hội đồng thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) "Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới" ; hoàn thành đề cương và kế hoạch nghiên cứu đề tài "Đảng viên làm kinh tế tư nhân" ; hoàn thành chuyên đề "Quan điểm về CNXH của một số Đảng Cộng sản" ; chuẩn bị kế hoạch tổ chức Hội thảo Việt - Trung về lý luận ; nghiên cứu, đề xuất luận cứ đấu tranh bác bỏ những quan điểm sai trái, phản động ; xây dựng kế hoạch khảo sát thực tiễn ở trong nước và nước ngoài ; đôn đốc kiểm tra việc thực hiện các chương trình, đề tài cấp nhà nước trọng điểm ; đóng góp ý kiến với một số dự thảo báo cáo trình Hội nghị Trung ương 6 và 7 ; ra bản tin nội bộ hằng tháng của Hội đồng ; các tiểu ban và toàn thể Hội đồng xác định cụ thể những sản phẩm cuối cùng của Hội đồng trong nhiệm kỳ 2001 - 2005...

Hội đồng đã nghe đồng chí Nguyễn Phú Trọng báo cáo những nội dung cơ bản của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX). Đồng chí đi sâu phân tích những quan điểm của Đảng và nêu ra những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan tới từng vấn đề trong các nghị quyết. Đồng thời đồng chí cũng nhấn mạnh quan điểm và tư tưởng chỉ đạo trong việc tuyên truyền giáo dục, quán triệt và đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân (KTTN), Hội đồng đã thảo luận sôi nổi bản đề cương nghiên cứu, phân tích sâu sắc những vấn đề lý luận và thực tiễn, nội hàm và đối tượng, phạm vi nghiên cứu ; phương pháp tiếp cận thực hiện đề tài. Các ý kiến cho rằng đây là vấn đề lớn, quan trọng, liên quan tới đường lối xây dựng và phát triển đất nước giữ vững định hướng XHCN, đồng thời đây cũng là vấn đề khó, nên không thể nghiên cứu, bàn một lần là xong mà phải bàn nhiều lần. Làm được điều đó, cái cần nhất là có phương pháp tiếp cận khoa học.

Về nội dung, các ý kiến đều thống nhất cần đi sâu làm rõ thế nào là KTTN, thế nào là bóc lột trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN có sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước ? tình hình đảng viên làm KTTN ở nước ta hiện nay như thế nào, từ đó nêu được những kiến nghị, giải pháp cụ thể cho vấn đề này...

Tổng kết Hội nghị, đồng chí Nguyễn Phú Trọng hoan nghênh tinh thần làm việc sôi nổi, nghiêm túc, khoa học đầy trách nhiệm của Hội đồng và yêu cầu Hội đồng khẩn trương hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ trong thời gian tới. Trước mắt có kế hoạch triển khai Nghị quyết Trung ương 5 và các nội dung trong Chương trình hành động của Hội đồng đã thông qua. □

BỆNH VIỆN ĐA KHOA XANH-PÔN

ĐỊA CHỈ: 12- CHU VĂN AN - BA ĐÌNH - HÀ NỘI
ĐT: 04.8233073 - 04.8233075 • FAX: 04.8434792



BÍ THƯ ĐẢNG ỦY
GIÁM ĐỐC: LÊ VĂN DIỄM

BỆNH VIỆN ĐA KHOA XANH PÔN ĐƯỢC THÀNH LẬP TỪ NĂM 1970, HIỆN NAY LÀ MỘT BỆNH VIỆN ĐA KHOA LOẠI I VỚI 500 GIƯỜNG BỆNH, 50 GIƯỜNG BÁN CÔNG, 34 KHOA PHÒNG VỚI 605 NHÂN VIÊN VÀ 100 HỢP ĐỒNG. VỚI 2 LĨNH VỰC CHÍNH LÀ NGOẠI VÀ NỘI, TRONG ĐÓ CÓ 4 ĐẦU NGÀNH CỦA Y TẾ HÀ NỘI LÀ NGOẠI, NỘI, XÉT NGHIỆM, GIÁM ĐỊNH PHÁP Y, PHÒNG KHÁM SỨC KHỎE CÁN BỘ TRUNG CAO CẤP THÀNH PHỐ.

XÚNG ĐÁNG VỚI NIỀM TIN CỦA NHÂN DÂN

Là một bệnh viện lớn ở Hà Nội với 4 đầu ngành của thành phố giao, bệnh viện Xanh Pôn luôn hoàn thành nhiệm vụ trong chỉ tiêu khám, chữa bệnh, chỉ đạo tuyến, áp dụng các kỹ thuật cao, không ngừng nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cứu sống được nhiều trường hợp bệnh nặng, hiếm nghèo.

Bệnh viện Xanh Pôn là bệnh viện đứng đầu về số thẻ BHYT đăng ký khám chữa bệnh tại bệnh viện với 85 nghìn thẻ, điều đó càng chứng tỏ vai trò, vị trí, uy tín của bệnh viện trong sự nghiệp chăm sóc bảo vệ sức khỏe cán bộ, nhân dân Hà Nội.

Năm 2000, bệnh viện được Nhà nước đầu tư 35 tỷ đồng để hoàn tất việc xây dựng khu khám chữa bệnh đa khoa, lắp đặt thiết bị hiện đại như máy chụp cắt lớp bằng vi tính, các máy thở và gây mê, hệ thống phẫu thuật nội soi.... Bệnh viện đã đưa vào sử dụng và tạo điều kiện phục vụ tốt bệnh nhân với chuyên môn kỹ thuật cao, tinh thần, thái độ phục vụ của nhân viên y tế được nâng cao, thường xuyên phát động các phong trào thi đua thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao. Thực hiện chỉ thị 09/2001/BYT về nâng cao y đức và chất lượng khám chữa bệnh do Công đoàn ngành y tế Việt Nam phát động. Bệnh viện không ngừng cải tiến công tác phục vụ bệnh nhân:

- Cung cấp hàng, vật tư tiêu hao đầy đủ cho bệnh nhân
- áp giá công khai thuốc đến từng bệnh nhân.
- Đầu tư mua thuốc để chọn giá và chất lượng thuốc.
- Thực hiện xã hội hoá công tác y để đáp ứng mọi yêu cầu của người bệnh. Bệnh viện đã áp dụng các kỹ thuật phương pháp điều trị hiện đại, tiên tiến để điều trị cho bệnh nhân, đưa chuyên môn của bệnh viện ngang tầm các bệnh viện của Trung ương đóng trên địa bàn Hà nội.

Bệnh viện đã đẩy mạnh quan hệ với các viện, trường trong nước và hợp tác quốc tế, như hợp tác với Bệnh viện LIMOGES, với phòng khám Hữu nghị Hàn Quốc, tổ chức SPF, La Appel.... Ngoài ra bệnh viện còn là cơ sở đào tạo các bậc trung học, đại học và cán bộ chuyên sâu trên đại học của các trường Đại học Y, Đại học Dược, và Trung học YHN.

Tổ chức cơ sở Đảng năm 2001 được đánh giá là tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, trong đó:

- 9 chi bộ/9 chi bộ đạt tiêu chuẩn chi bộ trong sạch vững mạnh.
- 20 đảng viên ưu tú được biểu dương ở cơ sở.
- 4 đảng viên ưu tú xuất sắc được đề nghị cấp trên khen thưởng.
- Đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh nhiều năm liền.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ năm vừa qua bệnh viện đã đạt được những thành tích:

- + Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng 3.
- + 5 thầy thuốc được tặng danh hiệu thầy thuốc ưu tú.
- + Bệnh viện đạt loại xuất sắc.
- + Công đoàn đạt công đoàn vững mạnh xuất sắc.
- + Là đơn vị quyết thắng 5 năm liền.
- + Là đơn vị có thành tích xuất sắc trong phong trào thể dục thể thao của thành phố.

Phương hướng nhiệm vụ năm 2002

1. Phần đầu hoàn thành suất sắc nhiệm vụ chính trị được giao như:

- Thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra của năm 2002, không ngừng nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại bệnh viện.
- Phát triển các kỹ thuật mũi nhọn tại các chuyên khoa: Ngoại, Nội soi, Tiết niệu, Tiêu hóa, Chấn thương chỉnh hình, Tim mạch, Sơ não....
- Nội: phát triển nhi sơ sinh và hồi sức cấp cứu nhi.
- Nội: hồi sức cấp cứu những bệnh nhân nặng, tai biến mạch máu não, bệnh tim mạch và các bệnh khác

2. tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, tiếp tục quản lý tốt đồ vật tư tiêu hao, quản lý phân loại rác thải rắn, đảm bảo các tiêu chí an toàn vệ sinh môi trường

3. Tiếp tục thực hiện các phong trào thi đua kết hợp cùng Công Đoàn- Đoàn Thanh niên.

4. ứng dụng công nghệ thông tin vào các khâu quản lý bệnh viện.

5. Phần đầu đạt danh hiệu "Bệnh viện tinh thương- khoa phòng văn hoá..

6. Kết hợp chặt chẽ với các bệnh viện của CH Pháp (Lymoges T/CSPP; S Denis- Amien, Muir...) để tăng nguồn viện trợ Trang thiết bị và giúp đỡ đào tạo chuyên môn, kỹ thuật cho bác sĩ và y tá của bệnh viện tại Pháp và tại bệnh viện.

Bước vào thế kỷ 21, hoà chung vào nhịp độ phát triển của Thủ đô, tiến tới kỷ niệm 1000 năm Thăng long Hà nội, Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn sẽ phát huy nội lực cao hơn nữa bằng nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật ngày một hiện đại và thực hiện xã hội hoá hoạt động phục vụ y tế cộng đồng.

Với bề dày kinh nghiệm, với đội ngũ cán bộ bác sỹ, y tá, công nhân viên có trình độ chuyên môn cao cùng những thành tích đạt được trong suốt hơn 30 năm qua, Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn xứng đáng với niềm tin của nhân dân.

Một ca mổ cắt túi mật bằng phương pháp nội soi





CÔNG TY DA GIẤY HẢI PHÒNG

HAI PHONG LEATHER PRODUCTS AND FOOTWEAR COMPANY

ADD: 276 HÀNG KÍNH - HẢI PHÒNG

TEL: (84-31) 940604 - 940873 - 940914 * FAX: (84- 31) 940716 * E-Mail: ctdagiayhp@hn.vnn.vn



TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN NGỌC LÂM

Công ty Da giấy Hải Phòng (tên giao dịch quốc tế: "Sholega") được thành lập năm 1959, từ đó đến nay Công ty vẫn liên tục phát triển.

Hiện nay Sholega đã có mối quan hệ hợp tác kinh doanh với 7 Công ty Đài Loan và 2 Công ty Nhật Bản. Năng lực sản xuất hiện nay:

- Giày thể thao: 8 triệu đôi, 4 nhà máy sản xuất, 13 dây chuyền
- Giày nữ: 2,5 triệu đôi, 1 nhà máy, 4 dây chuyền
- Giày vải: 1,3 triệu đôi, 1 nhà máy, 2 dây chuyền
- Bóng đá: 700.000 quả, 1 nhà máy.
- Găng tay: 300.000 đôi, 1 nhà máy.
- Mút xốp và các sản phẩm từ mút xốp: 30.000 m³, 1 nhà máy.
- Giấy, dép đi trong nhà: 1.000.000 đôi, 1 nhà máy.
- Tổng số lao động của Công ty: 12.000 người.

Sholega luôn mong muốn được hợp tác kinh doanh với các bạn trong nước và nước ngoài dưới mọi hình thức hợp tác kinh doanh, liên doanh, góp cổ phần.

Sholega rất hân hạnh được đón tiếp tại địa chỉ trên.



Các sản phẩm của Công ty



Phân xưởng sản xuất.

NHÀ SẢN XUẤT VỎ RUỘT XE ĐẦU TIÊN NHẬN ISO 9002



CASUMINA

ISO 9002



180 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM • ĐT : 9 303122 - 9 305166 • Fax : 84.8.9 303205
Email: casumina@bdvn.vnd.net

- ĐẦY ĐỦ QUY CÁCH CHO CÁC LOẠI XE
- MẪU MÃ PHONG PHÚ, MỚI LẠ
- ĐẶC BIỆT CÓ :
 - VỎ **TUBELESS** (KHÔNG DÙNG RUỘT) DÀNH CHO XE SCOOTER NHƯ: SPACY, DIO, VESPA...
 - RUỘT CAO SU BUTYL CÓ ĐỘ KÍN KHÍ CAO NHIỀU LẦN SO VỚI CAO SU THIÊN NHIÊN
- NGOÀI RA CÒN CÓ CÁC SẢN PHẨM CAO SU KHÁC NHƯ: GĂNG TAY, BĂNG TẢI, ĐỆM CẦU, ĐỆM CÀNG...



Các xí nghiệp trực thuộc:

- XN CAO SU HỒC MÔN
- XN CAO SU ĐỒNG NAI
- XN CAO SU ĐIỆN BIÊN
- XN CAO SU TÂN BÌNH
- XN CAO SU BÌNH LỢI
- XN GĂNG TAY VIỆT HÙNG

CASUMINA

TỰ HÀO LÀ NHÀ SẢN XUẤT VỎ RUỘT XE ĐẦU TIÊN NHẬN ISO 9002, MANG ĐẾN CHO BẠN NHỮNG SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CAO, TĂNG TUỔI THỌ, PHÙ HỢP VỚI ĐƯỜNG SA VIỆT NAM

VỚI CHẤT LƯỢNG ISO 9002 BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY



XÍ NGHIỆP THƯƠNG MẠI MẶT ĐẤT NỘI BÀI

NOIBAI INTERNATIONAL AIRPORT GROUND SERVICES (NIAGS)

NIAGS Building - Noi Bai Airport, Hanoi Vietnam

Tel : (04) 8865002-8865060. Fax : (04) 8840741 ; SITA ; HANKDVN

E-mail : NIAGS@hn.vnn.vn

ISO 9001:2000





BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5

Tra số: 77 Nguyễn Du - TP. Đà Nẵng

Điện: (0511) 894414 - 894415 - 894363

Fax: (84-511) 894420



**TỔNG GIÁM ĐỐC:
KS. PHẠM TUẤN**

MÔ HÌNH MỚI VỀ HUY ĐỘNG VỐN TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 (gọi tắt là CIENCO5) trực thuộc Bộ GTVT được thành lập theo mô hình TCT 90 của Chính phủ. Những năm đầu mới thành lập, CIENCO5 chỉ là một đơn vị quy mô nhỏ, đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật, phương tiện làm việc lạc hậu, làm ăn thua lỗ, địa bàn hoạt động vùn vèn ở các tỉnh miền Trung Trung Bộ. Sau gần 6 năm hoạt động với chiến lược kinh doanh năng động và táo bạo của Ban lãnh đạo TCT, đến nay, CIENCO5 đã thực sự lớn mạnh, làm ăn có hiệu quả, có mức tăng trưởng nhanh, uy tín ngày càng cao trên thương trường cả nước và ở Lào, Campuchia. Năm 2001 đạt hơn 1400 tỷ, đang xây dựng kế hoạch 2002 là 1.800 tỷ. Nộp ngân sách 2001 là trên 50 tỷ. Hiện nay, CIENCO5 đã và đang nhận thầu thi công các Dự án quốc tế lớn trong và ngoài nước, hoàn thành nhiều công trình chất lượng cao như: Cải tạo Quốc lộ 1A, Hợp đồng V3 đường xuyên Á (TP. Hồ Chí Minh đi Phnom Penh), Dự án ADB3 (đoạn Quảng Ngãi -

Nha Trang), thi công 4 gói thầu vốn ADB tại Campuchia, chuẩn bị khởi công cầu Rạch Miễu - Bến Tre (600 tỷ), chuẩn bị đầu tư cầu Bình Khánh (TP. HCM) 1.800 tỷ) và được chính phủ 2 nước Việt Nam - Lào giao đầu tư nhà máy thủy điện CEKAMAN 3 (Hạ Lào) khoảng 260 triệu USD, đầu tư BOT cầu đường Bình Triệu, với tổng giá trị các công trình lên đến hàng nghìn tỷ đồng.

Sự tăng trưởng và phát triển vững chắc của CIENCO5 trong những năm qua xuất phát từ Chiến lược điều hành sản xuất kinh doanh tiên tiến, khoa học và năng động của Ban lãnh đạo TCT. Là một doanh nghiệp luôn đi đầu trong các cải cách và áp dụng các tư tưởng kinh doanh hiện đại, khoa học về quản lý điều hành SXKD, CIENCO5 đã khởi xướng và vận dụng linh hoạt mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con có hiệu quả. Từ những thành công và kinh nghiệm bước đầu, Tổng Giám đốc Phạm Tuấn cùng Ban lãnh đạo TCT đã hình thành nên Đề án xin thí điểm chuyển CIENCO5 thành "Tổng công ty Nhà nước không có vốn Nhà nước cấp" trình lên Thủ tướng Chính phủ. Đề án trên cũng đã nhận được nhiều ý kiến đồng thuận của các DNNN, Ngân hàng, cơ quan nghiên cứu kinh tế Trung ương, địa phương. Theo đề án trên và cũng là tình hình thực tế hiện nay, vốn nhà nước cấp cho các doanh nghiệp quá ít ỏi, trung bình vốn chủ sở hữu một DNNN chỉ có từ 3 đến 15 tỷ đồng không đủ để doanh nghiệp đầu tư mở rộng SXKD, mua sắm trang thiết bị công nghệ, thuê mướn chuyên gia, bác học... để sản xuất ra hàng hoá hiện đại và không đủ uy tín tài chính thắng thầu quốc tế... Bên cạnh đó, các Ngân hàng thương mại lớn của Việt Nam cũng không đủ khả năng tài chính để bảo lãnh các thương vụ, dự án lớn trên, đó là nguyên nhân chính làm cho doanh nghiệp Việt Nam tụt hậu và thất bại trong kinh doanh, cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài. Đề án của CIENCO5 đưa ra giải pháp: Nhà nước thu hồi vốn trong các doanh nghiệp nhà nước để cấp lại cho các Ngân hàng thương mại, các Ngân hàng này sẽ cho doanh nghiệp vay lại với lãi suất ưu đãi, đã giúp cho Bộ Tài chính sẽ huy động được khoảng 120.000 tỷ từ các DNNN để cấp lại cho các Ngân hàng thương mại quốc doanh. Qua đó, các NHTMQĐ sẽ có vốn pháp định rất lớn, có vai trò ngang tầm với các Ngân hàng quốc tế lớn, đủ tư cách bảo lãnh quốc tế cho các dự án lớn của doanh nghiệp Việt Nam. Các dự án SXKD của các Công ty này được Ngân hàng cho vay vốn khi đã được TCT và Ngân hàng thẩm định tính khả thi của dự án và phải nộp 1,5% doanh thu để lập Quỹ bảo đảm chống rủi ro, làm hoàn chỉnh tính trọn vẹn của Đề án.

Nhìn một cách tổng thể, mô hình trên các ưu điểm: Doanh nghiệp tuy có vốn cổ đông thời gian đầu nhỏ như vốn kinh doanh rất lớn đủ sức cạnh tranh quốc tế (do có Ngân hàng tài trợ bảo lãnh). Nhà nước sẽ thực hiện dễ dàng nhanh chóng chủ trương cổ phần hoá doanh nghiệp do ngẫu nhiên có nhiều doanh nghiệp cổ phần trong TCT. Nhà nước quản lý chặt chẽ vốn, không sợ bị doanh nghiệp làm mất vốn nhà nước cấp do khả năng hoạt động kém của nhiều doanh nghiệp. Ngân hàng giám sát khách quan cho vay vốn sẽ hiệu quả hơn nhiều so với sự quản lý vốn của Hội đồng quản trị TCT hoặc các Công ty Tài chính nhờ sự chuyên nghiệp hoá và quy mô rộng lớn của Ngân hàng. Ngân hàng cũng chính là công cụ quản lý vốn hiệu quả nhất của Nhà nước. Bốn Ngân hàng thương mại quốc doanh sẽ có vốn pháp định mỗi Ngân hàng khoảng trên 2 tỷ USD, ngang tầm với các Ngân hàng quốc tế lớn, đủ khả năng bảo lãnh các dự án, thương vụ quốc tế lớn cho doanh nghiệp Việt Nam. Giám đốc, lãnh đạo Công ty, CBCNV dành được trọn vẹn quỹ chất xám, quỹ thời gian để tập trung cho SXKD (nhờ việc bớt đi việc lo toan tiếp đón phục vụ kiểm tra, kiểm soát...). Việc Ngân hàng thẩm định cho vay vốn thường xuyên kiểm tra, giám sát doanh nghiệp vay vốn sẽ góp phần giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh, thúc đẩy tiến trình cải cách hành chính Nhà nước, giảm được phần lớn số cán bộ hưởng lương công chức trong ngành tài chính của Bộ Tài chính và các Bộ ngành khác (số này có thể chuyển sang các Ngân hàng thương mại để trực tiếp làm nhiệm vụ kinh doanh). Việc đầu tư cho hoạt động SXKD thông qua tài trợ của Ngân hàng góp phần xây dựng và khai thác tối đa mọi tiềm lực để phát triển nền kinh tế đất nước.

Có thể nói, Qua đề án của mình, cùng những thành quả bước đầu từ sự năng động sáng tạo trong SXKD, Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 5 đã xây dựng và chứng minh được tính khoa học và thực tiễn của một giải pháp nhằm góp phần đổi mới và phát triển hệ thống doanh nghiệp Việt Nam, tạo nên một sức vươn mạnh mẽ cho cả nền kinh tế đất nước.





CÔNG TY BAY DỊCH VỤ MIỀN NAM

Đơn vị anh hùng lao động thời kỳ đổi mới

Địa chỉ : Sân bay Vũng Tàu - Thành phố Vũng Tàu
Tel : 838301 - 833493 - 838573 * Facsimilite : 84.64.838466
Giám đốc : Thượng tá PHẠM VIỆT THÍCH



Hiện nay, Công ty Bay dịch vụ Miền Nam có khả năng cung cấp đầy đủ các dịch vụ hàng không với chất lượng cao trên mọi lĩnh vực :

- ☐ Bay dịch vụ thăm dò và khai thác dầu khí ngoài khơi.
- ☐ Vận chuyển, treo cầu hàng hóa.
- ☐ Bay phục vụ du lịch : Tuyến thường kỳ Vũng Tàu - Tân Sơn Nhất - Côn Đảo, tuần 3 chuyến thứ 2 - 5 - 7.
- ☐ Bay quay phim, chụp ảnh, nhảy dù.
- ☐ Kéo rải dây điện, bảo dưỡng đường dây.



Máy bay hạ cánh trên giàn khoan



Văn phòng Công ty Bay dịch vụ Miền Nam

**MỤC TIÊU HÀNG ĐẦU
CỦA CÔNG TY LÀ :**

*An toàn,
hiệu quả,
không ngừng
vươn tới
tương lai*

Công ty Bay dịch vụ Miền Nam hân hạnh đón tiếp và phục vụ quý khách

CÔNG TY THÉP

ĐÀ NẴNG

Địa chỉ : Khu công nghiệp Hòa Khánh, Liên Chiểu, Đà Nẵng

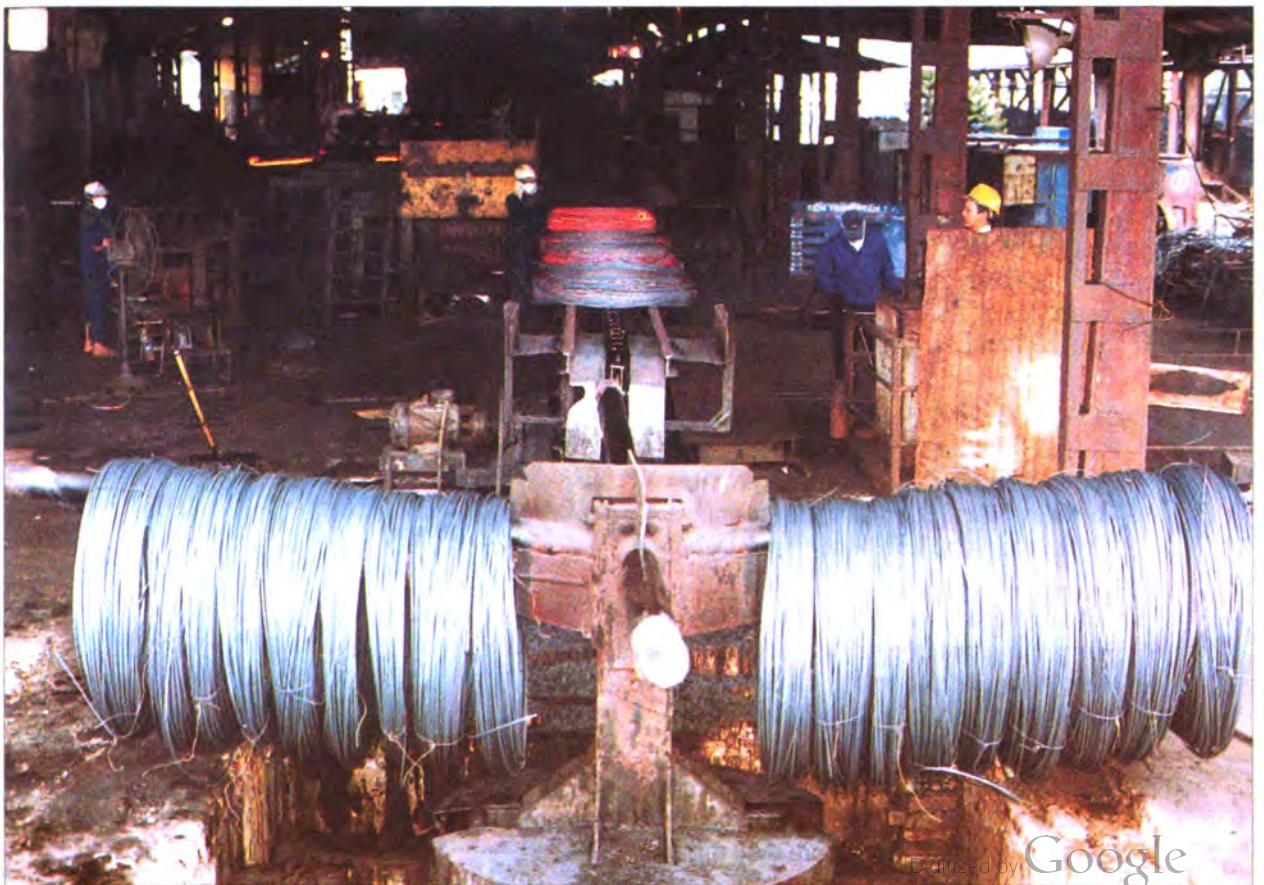
Điện thoại : 842561 - 842174 - 732257

Fax : 842174

CHUYÊN SẢN XUẤT KINH DOANH CÁC LOẠI THÉP XÂY DỰNG

- THÉP CUỘN : TỪ Φ 6 - Φ 10
- THÉP THANH : TỪ Φ 12 - Φ 40
- THÉP VUÔNG, DỆT CÁC LOẠI

**CÔNG TY ĐANG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY LUYỆN
CÁN THÉP CÔNG SUẤT 250 000 TẤN/NĂM
THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TIẾN CỦA TÂY ÂU**



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CÔNG TY XÂY LẮP ĐIỆN 3

Địa chỉ :

**Phường Hòa Minh, Quận
Liên Chiểu, Thành phố Đà
Nẵng**

Điện thoại :

**(0511) 842246 - 842284 -
842113.**

Fax : (0511) 842289

E-mail : pcc3@dng.vnn.vn

Giám đốc Công ty :

Kỹ sư ĐOÀN ĐỨC HỒNG

Phó Giám đốc :

- Kỹ sư Nguyễn Trọng Bình
- Kỹ sư Hồ Bá Thân
- Kỹ sư Nguyễn Thành Đồng



Trụ sở cơ quan Công ty

Công ty xây lắp điện 3 là đơn vị trực thuộc Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam, có đội ngũ CBCNV dày dặn kinh nghiệm với thiết bị xe máy hiện đại và dụng cụ thi công tiên tiến chuyên xây dựng các công trình điện và công trình công nghiệp.

+ Ngành nghề kinh doanh :

Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp, sản xuất gia công các loại cấu kiện bê tông, kim loại, phụ kiện điện. Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị trong quá trình lắp ráp các công trình đường dây, trạm điện. Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị điện trực tiếp. Tư vấn xây dựng : thủ tục đền bù giải phóng mặt bằng, giấy phép xây dựng, lập dự toán, phiếu giá, giám sát kỹ thuật thi công, nghiệm thu khối lượng, chất lượng xây lắp các công trình điện và kiểm định giám sát số lượng, chất lượng vật tư thiết bị phục vụ cho xây lắp điện. Khảo sát thiết kế các công trình đường dây và trạm điện có cấp điện áp 35 kV trở xuống. Vận tải phục vụ sản xuất, xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng. Sản xuất công nghiệp : sản phẩm cơ khí, kết cấu, cột điện thép, dịch vụ mạ kẽm, sản xuất dây cáp nhôm các loại. Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện. Kinh doanh khách sạn, du lịch, dịch vụ vui chơi giải trí. Vận chuyển khách du lịch đường thủy, đường bộ, kinh doanh vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa, sửa chữa phương tiện vận tải.

+ Các danh hiệu đã được Nhà nước trao tặng :

- 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì.
- 01 Huân chương Độc lập hạng Ba.
- 03 Huân chương Lao động hạng Nhất.
- 16 Huân chương Lao động hạng Nhì.
- 42 Huân chương Lao động hạng Ba.

+ Một số công trình đã xây dựng :

- 524 km đường dây tải điện 500 kV Bắc - Nam.
- Hàng ngàn km đường dây tải điện 220 kV và 110kV.
- Hàng ngàn km đường dây tải điện 35 kV và 22 kV.
- Nhiều trạm biến áp từ 220 kV trở xuống.

+ Các đơn vị trực thuộc Công ty :

9 Xí nghiệp xây lắp điện và sản xuất sản phẩm công nghiệp, 1 Nhà máy chế tạo kết cấu thép, 2 Xí nghiệp kinh doanh khách sạn - dịch vụ, 1 Đội xây dựng, 1 Đội thi công cơ giới, 1 Tổng đội xây lắp điện, 1 Trạm bảo dưỡng và sửa chữa xe máy, 1 Trung tâm điều dưỡng.

XỔ SỐ KIẾN THIẾT TÂY NINH

Địa chỉ: 167 Đại lộ 30/4 Thị xã Tây NinhĐT: 822327 - 827536
Tài khoản: 948.00026 tại Kho bạc Nhà nước Tây Ninh

KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

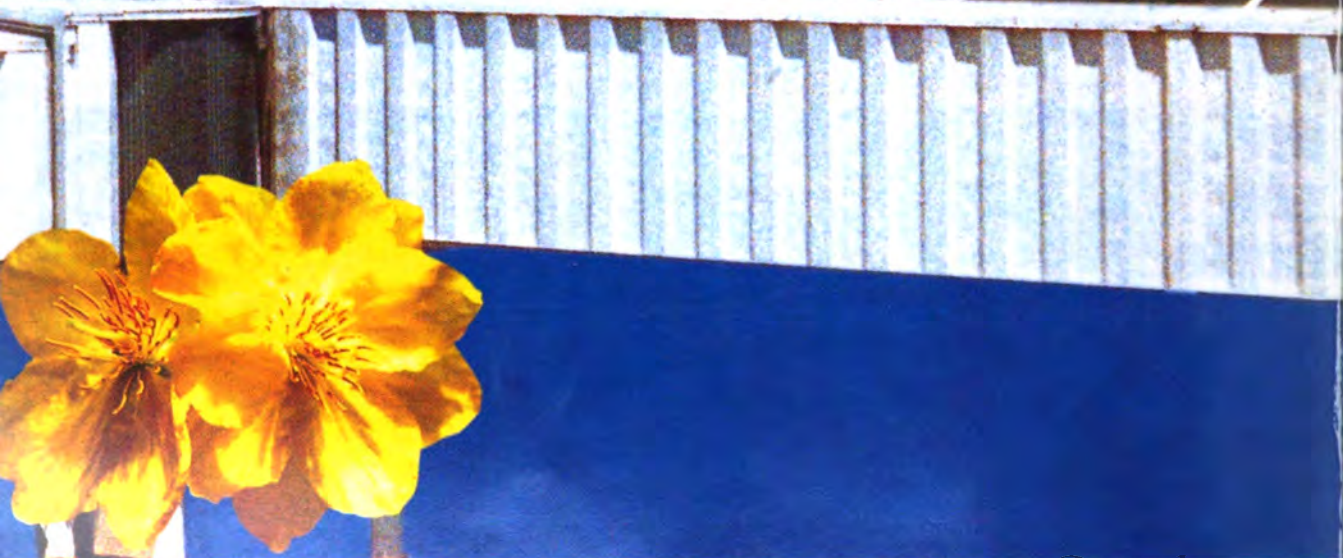
May Mắn Và Hạnh Phúc

KINH PHẬT TỬ



CUM CANG HANG KHONG MIEN NAM

Trụ sở: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất - TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 8485383 Fax: (84-8) 8445127



UNIVERSITY OF MICHIGAN



3 9015 08172 5809

